

TÚ SÁCH TRUNG HỌC

ĐÀM-XUÂN-THIỀU — TRẦN-TRỌNG-SAN

Giáo-Sư Triết-Học và Văn-Chương

Trường Trung-Học Chu-Văn-An Saigon

VIỆT-VĂN  
ĐỘC - BẢN  
LỚP ĐỆ-NHỊ



IN LẦN THỨ TƯ

1965

BỘ VĂN-HÓA GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN

**ĐÀM-XUÂN-THIỀU — TRẦN-TRỌNG-SAN**  
Giáo-Sư Triết-Học và Văn-Chương  
**Trường Trung-Học Chu-Văn-An Saigon**

**VIỆT-VĂN ĐỘC-BẢN**  
**LỚP ĐỆ-NHỊ**

IN LẦN THỨ TƯ

1965

**BỘ VĂN-HÓA GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN**

# CHƯƠNG-TRÌNH QUỐC-VĂN

(Theo Nghị-Định số 1286 — GD/NĐ Ngày 12.8.1958)  
của Bộ Quốc - Gia Giáo - Dục

## LỚP ĐỆ-NHỊ VĂN-CHƯƠNG ( Sinh-ngữ — Cờ-ngữ )

- I.— Văn-học-sử : Từ sau Nguyễn-Du đến năm 1945  
— Giới-thiệu những tác-phẩm Hán-văn do người  
Việt sáng-tác trong thời-kỳ đó.

II.— Văn - thè Ôn lại hát nói, thơ Đường-luật, thơ mới.

III.— Trích-giảng : — Nguyễn-công-Trí

- Cao-bá-Quát
- Nguyễn-đình-Chiều (thơ và văn-tè)
- Nguyễn-Khuyến
- Dương-Khuê
- Chu-mạnh-Trinh
- Trần-tế-Xương
- Tự-tinh khúc
- Nhóm Đông-Dương tạp-chí (Nguyễn-văn-Vĩnh,  
Phan-kế-Bình)
- Nhóm Nam-Phong (Phạm-Quỳnh, Nguyễn-  
trọng-Thuật)
- Nguyễn-khắc-Hiếu (văn vần)
- Tự-lực văn-đoàn : Nhất-Linh (Đoạn.tuyệt)  
Khái-Hưng ( Nửa chừng xuân)  
Hoàng-Đạo (10 điều tâm niệm)

## LỚP ĐỂ-NHỊ KHOA-HỌC

### ( Toán và Thực - nghiệm )

I.— **Văn-học-sử** : Cũng như lớp Đệ-nhị Văn-chương nhưng khái-quát, sơ-lược hơn (với mục-dịch mở-mang kiến-thức phồ-thông và đào tạo tinh-thần nhân-bản hơn là hướng-dẫn vào các ngành văn-học nghệ-thuật như ở các ban văn-chương).

### III.—Trích-giảng: Nguyễn-công-Trí

Nguyễn-Khuyến

Trần-té-Xương

## Nhóm Đông-Dương tạp-chí (Nguyễn-văn-Vịnh)

## Nhóm Nam-Phong (Phạm-Quỳnh)

## Nguyễn-khắc-Hiếu (văn vần)

Tự-lực văn-đoàn : Nhất-Linh (Đoạn-tuyệt)

## **Khái-Hung (Nửa chừng xuân)**

## Hoàng-Đạo (10 điều tâm niệm)

## ĐẠI - Ý BIÊN - SOẠN

Trong chương-trình trung-học mới, môn Việt-văn đã được đặc-hiệu chú-ý. Nhưng hiện nay, còn thiếu một cuốn hợp-tuyền thích-hợp với chương-trình ấy và gồm những tài-liệu .chọn-lựa cẩn-thiết. Từ lâu nay những cuốn hợp-tuyền do Bộ Văn-Hóa Giáo-Dục xuất bản chỉ trích một số bài văn thơ quá ít. Ở khiếu học-sinh không hề chỉ cẩn-cứ vào số bài trích đó mà hiều được về mỗi tác-giả một cách cụm gọi là rõ ràng, đầy đủ, nhất là ở bậc Trung-học đệ-nhị cấp.

Mục-dich trọng-yếu nhất của môn giảng-văn là rèn luyện tri-phán-đoán, óc suy-luận của học-sinh. Như vậy cần phải có một tập tài liệu được chọn-lựa cẩn-thiện và tương đối đầy đủ để giúp cho họ suy-đoán và tìm-hiểu về mọi tư-tưởng và nghệ-thuật của tác-giả trong những bùn-cảnh lịch-sử và xã-hội khác nhau,

Vì những lý-do trên, chúng tôi biên soạn cuốn **Việt-văn độc-bản** này với thành ý giúp đỡ các vị giáo-sir và học-sinh khỏi mất công tìm-tòi tài-liệu cẩn phái khai-thác về các tác-giả trong chương-trình cũ. Chính vì số lượng các tài-liệu trích-dẫn mà cuốn sách này mang **«độc-bản»** chứ không là một cuốn hợp-tuyền.

Trong khi biên-soạn chúng tôi đã noi theo những tiêu-chuẩn sau này :

1 – **Chọn-lựa tài-liệu :** Tuy chúng tôi không hiều quan-niệm «con dĩ tái đạo» một cách hẹp-hội, nhưng chúng tôi thiết-nghើ một cuốn sách giáo-khoa phải loại bỏ tất cả những tài-liệu phản giáo-dục nếu chúng có giá-trị về phương-diện nghệ-thuật thuần-túy.

**2 – Xếp-đặt tài-liệu :** Các bài trích được phân loại tùy theo sự nhận-định của chúng tôi về mỗi tác-giả. Chúng tôi hiểu rằng có thể có nhiều quan-niệm phân-loại có giá-trị ; vì vậy, chúng tôi không có tham vọng được sự đồng ý của mọi người. Sở dĩ trong sách này các bài trích không xếp theo thè-tài — dù như vậy có tính-cách khác-quan hơn — là vì chúng tôi muốn cho học-sinh được thấy một quan-niệm phân-loại cẩn-cứ vào nội-dung của tác-phẩm. Sau mỗi loạt bài trích, chúng tôi có thêm phần phụ-lục gồm một số tài-liệu giúp cho học-sinh hiểu rõ hơn về tác-giả.

**3— Chú-thích tài-liệu :** Chúng tôi chú-thích những diền-cố, những câu chữ Hán, những tiếng Hán-Việt và tiếng Nôm không thông dụng. Về các diền-cố, ý-nghĩa được trình-bày trước rồi mới đến phần sự-tích ; phần này chỉ có mục-dịch chúng-minh cho ý-nghĩa trên. Về các thành-ngữ chữ Hán, nếu thấy cần-thiết, sau khi dịch nghĩa chúng tôi có cắt nghĩa từng chữ một. Tất cả những chữ Hán-Việt chú-thích đều có in kèm chữ Hán.

**4 – Nhận-định về tác-giả và tác-phẩm :** Chúng tôi cố gắng trình-bày tiêu-sử tác-giả một cách khách-quan, tránh những nhận-định vô-bằng, vô-đoán. Về tác-phẩm, dưới mỗi bài trích có một đoạn tiêu-dẫn nói đến toàn thè tác-phẩm và những điều có liên-quan với bài trích, cốt để độc-giả hiểu rõ hơn.

Trên phần liệt-kê các tác-phẩm của mỗi tác-giả, chúng tôi trình-bày những nhận-định khái-quát về các tác-phẩm ấy. Phần nhận-định có sự-lực về tác-giả này và ti-mi hơn về tác-giả khác, chỉ vì chúng tôi muốn nói nhiều hơn về những tác-giả mà tác-phẩm chưa được khai-thác đúng với mức quan-trọng của tác-giả trong lịch-sử văn-học. Chúng tôi đã hết sức thận-trọng trong phần nhận-định tác-giả

và tác-phẩm, nhưng dù sao đó cũng chỉ là những ý kiến riêng của chúng tôi. Chúng tôi thành-thực nghĩ rằng còn cần sự hội ý và thương-xác của các bậc cao-minh hằng laru-tâm đến văn-học nước nhà.

Cuốn sách giáo-khoa này được hoàn-thành một phần lớn nhờ sự tham-gia ý-kiến của liệt-vị cựu-học và giáo sư Việt-văn tại các trường trung-học ôn-thành. Chúng tôi trân-trọng xin liệt.vị nhận nơi đây lời cảm-tạ chân-thành của chúng tôi.

Sài-gòn ngày 28 tháng 9 năm 1959

Soạn-giả



# NGUYỄN . CÔNG - TRỨ

(1778 — 1858)

Tiêu-sử : Nguyễn-công-Trứ, hiệu là Ngộ-Trai, 惟齋 biệt-hiệu là Hi-Văn 希文, quán làng Uy-Viễn, huyện Nghi-Xuân tỉnh Hà-Tĩnh



Chân-dung cụ Nguyễn-công-Trứ do một người học trò họ Vũ ở làng Hương-Đạo họa năm 1852 hoa, người đương-thời gọi là Năng-Văn nữ-sĩ ; bà góa chồng năm 19 tuổi, nhát định cắt tóc đi tu (lấy hiệu là Diệu-Điền thiền-sư) sau được vua Minh-Mệnh ban bốn chữ « TRINH TIẾT KHẨ PHONG »

Buổi thiếu thời Nguyễn-Công-Trứ sống trong cảnh hàn-vi nhưng luôn-luôn cố-gắng học-tập mong thi đỗ ra làm quan giúp dân giúp nước, vì thời đó con đường tiến-thân duy nhất là đường khoa-cử Khi vua Gia-Long ra Bắc (1803), ông có dâng một bài điêu trán gọi là « Thái-Bình thập sách » (Mười phương-sách trong thời thái-binh) được nhà vua ban khen, và các đình thần chú-ý. Sau nhiều lần thi hỏng, ông đậu Tú-Tài năm 1813 và đến năm 1819 thi đậu Giải-Nguyễn (năm ấy ông đã 42 tuổi)

Năm 1820 (Minh-Mệnh nguyên-niên), ông được bổ làm Hành-tẩu ở Sứ-Quán rồi lần lượt giữ những chức: Biên tu tại Sứ-Quán (1821), Tri-huyện Đường-Hào (Hải-Dương) (1823), Lang-trung bộ

Ông xuất thân ở một gia-dinh khoa-bàng. Cụ thân sinh là Nguyễn Công-Tấn, đỗ Hương-Cống đời Lê Khi cụ đương làm Tri-Phủ Tiên-Hưng (nay thuộc tỉnh Thái-Bình) quân Tây-Sơn kéo ra Bắc diệt Nguyễn-Hữu-Chinh, chiếm Thăng-Long (1787) ; cụ xướng nghĩa cǎn-vương, được phong Đức-Ngạn Hầu. Việc chống Tây-Sơn thất bại, cụ trở về cố hương dạy học không chịu ra làm quan với tân-trieu. Bà thân sinh họ Nguyễn, người xứ Sơn-Nam, là trắc-thất của Nguyễn-Công-Tấn. Trong số năm anh chị em của Nguyễn-Công-Trứ, có một bà nòi tiếng về nhan-sắc và tài

Lại, Tư-nghiệp tại Quốc-tử giám, Thiêm-sự bộ Hình (1824), Phó-Thừa Phủ Thừa-Thiên, Tham-Hiệp trấn Thanh-Hóa (tức là Thanh Hóa bây giờ), (1825) Tham-tán quân-vụ, Hình-bộ Thị-Lang ở dinh Tông-trấn Bắc thành (1826), Hình-bộ Hữu-Tham-Tri sung chức Doanh-diền sứ tại Nam-Định, Thái-Binh (1828) giáng làm tri-huyện ở Kinh (1830), Lang-trung nội-vụ (1831), Bố-Chánh Hải-Dương, thăng hàm Bình-bộ Tham-tri và thự Hải-An Tông-Đốc (1832), Tham-tán quân-vụ thực thụ Bình-bộ Thượng thư nhưng vẫn giữ chức Hải-An Tông-Đốc (1833) giáng làm Bình-bộ Hữu-Tham-tri đài về Kinh (1839), thăng Đề-Sát viện Tả Đô Ngự-Sứ, phong Tân-lý Cơ-vụ sang Trấn-Tây (Cao-Môn) (1840), sung chức Tham-Tán đại-thần, giáng làm Bình-bộ Lang-trung về làm Tuần-phủ An-giang, lại được phục hàm Bình-bộ Thị-Lang vẫn giữ chức cũ (1841), phải cách chức và phát đi làm lính thú tại Quảng-Ngãi (1843), làm Chủ-sự Bộ Hình (1845) An-sát Quảng-Ngãi rồi đài về làm Phú-Thừa phủ Thừa-Thiên (1846), thăng Phú-Doãn phủ Thừa-Thiên (1847), về hưu-trí (1848).

Trong ngót 30 năm, cuộc đời của ông vô-cùng hoạt-động : khi làm việc ở Kinh-đô, khi làm quan ở các tỉnh Trung, Nam, Bắc, khi cầm quân dẹp giặc Lê-duy-Lương ở Thanh-Hóa (1825), Phan-Bá-Vành ở Nam-Định (1827), Nông-Văn-Vân ở Cao-Bằng (1833), bình-định thuộc-địa ở Trấn-Tây (1841)... khi làm Doanh-diền sứ khai-khẩn đất hoang, lập được hai huyện Tiền-Hải, Kim-Sơn, tăng thêm được 33.570 mẫu ruộng (1828). Trong đời làm quan, ông rất thanh-liêm, lúc nào cũng làm tròn phận-sự, một lòng vì dân vì nước. Cả những lần bị giáng chức và bị đồng-liệu ganh ghét tìm cách vu oan, ông cũng vẫn vui vẻ tự-cường. Khi ông phải phát đi làm lính thú tại Quảng-Ngãi (1843, 65 tuổi) ông vào chào quan tinh; quan tinh cho phép ông cởi bộ đồ lính, ông trả lời rằng : «Cứ xin đê vậy : Lúc làm đại tướng, không lấy làm vinh thì nay làm tên lính tôi cũng không lấy làm nhục. Người ta ở địa-vị nào có nghĩa-vụ đối với địa-vị ấy. Làm lính mà không mang đồ ấy thì sao gọi là lính được. » (1)

Trong thời-kỳ tri-sĩ, ông gác bỏ việc đời đê hưởng cảnh an-nhàn ở quê nhà : làm nhà ở cạnh chùa rồi khi thì đi câu cá bên sông Lam, khi thì ngâm thơ trên núi Quí-linh. Tuy nhiên, năm 1857, khi nghe tin quân Pháp và Tây-Ban-Nha bắn

(1) Theo «sự-nghiệp và thi-văn của Uy-Viễn, tướng-công Nguyễn-Công-Trứu của Lê-Thước.

phá cửa Đà-Nẵng, ông lại xin đi đánh giặc cứu nước; nhưng nhà vua thấy ông sức đã suy-yếu nên không vời nữa.

Ông mất ngày 7-12-1858 tại chính-quán, thọ 81 tuổi. Lúc sinh thời, dân huyện Tiền-Hải đã lập sinh-tử đền kỵ-niệm công-đức của Nguyễn-Công-Trú ở ngay chỗ nền nhà ông ở trong khi làm Doanh-diễn sứ. Về sau ông được sắc-phong làm tôn-thần của cả tòng Hướng-Đạo, huyện Kim-Sơn tỉnh Thái-Bình (năm Khải-Định thứ 2).

**Tác-phẩm:** Nguyễn Công-Trú có một quan niêm nhân-sinh vững chắc do hoàn-cảnh địa-lý, lịch-sử và nền văn-hóa cõi-truyền tạo nên. Ông sinh trưởng ở một vùng núi cao, biển rộng, đất đai cằn.cỗi, tiếp-giáp với nước Chiêm-Thành hiếu.chiến, dân phải cực nhọc trong việc mưu-sinh, lại đã bao phen phải chiến đấu với kè xâm-lăng để giữ vững sống còn cho dân tộc. Ông được soi nhiều gương sáng: gương trung-trực của ông cha bà chịu nghèo khổ chứ không chịu «trái đạo», gương tiết-nghĩa của Năng-Văn nữ-sĩ, gương của những anh.hùng kiệt-hiệt đã «vẩy-vùng một mảnh nhung-y» như Quang-Trung, Nguyễn-hữu-Chinh, Nguyễn-Ánh. Sau một thời gian diêu-dừng, quốc-gia đã mở rộng lãnh-thổ tới những miền xa-xôi hẻo-lánh. Nho-học lại muôn khôi-phục địa-vị cũ trong cảnh «đại-định». Từng ấy yếu tố đã tạo cho Nguyễn-công-Trú một bản-linh vững-chắc, một chí-khí mạnh-mẽ và một quan-niệm nhân-sinh phù-hợp với cái thế đương-lên của dân tộc trước cuộc suy-vong. Phải hoạt động để tạo một sự-nghiệp hiền-hách và trường-tồn với núi sông, tích-cực chống mọi cản-trở trên đường tiến-thủ, được không kiêu, thua không nản. Hoạt-động để vì dân vì nước. Hoạt-động cho thỏa chí tung hoành. Hoạt-động nhưng đồng-thời, và khi nào có thè, cũng vẫn đóng vai một nho-sĩ «hào-hoa phong-nhã», biết thưởng thức những khoái-lạc ở đời. Rồi cuối cùng biết hưởng cảnh thanh nhàn và quay lại quãng đời dĩ-vãng mà suy-tưởng.

Thơ văn của Nguyễn-công-Trú còn lưu lại biều-lộ rõ-ràng cái quan-niệm nhân-sinh nói trên. Ta có thể kể :

— *Tác-phẩm chữ Hán*: gồm một số câu đối, sáu bài sớ điếu-trần (có chép trong Đại-Nam chính-biên thực-lục), bài thơ tự-tho 70 tuổi; (các ông Trương-dăng-Quế, Nguyễn-quí-Tân và Cao-bá-Quát có thơ họa lại bài này).

— *Thơ văn Nôm*: có đủ các loại: thơ, hát nói, phú, câu đối. Hay nhất là các bài hát-nói.

Các bài trích : Ta có thể tạm xếp thơ văn của Nguyễn-công. Trứ theo các mục sau đây :

- A) Thái-độ trong cảnh nghèo.
- B) Chí nam-nhi.
- C) Tư-tưởng hưởng-lạc.
- D) Tình-cảm.
- E) Thơ vịnh.

CÁC BÀI TRÍCH

## A. THÁI-ĐỘ TRONG CẢNH NGHÈO

## 1. Vịnh cảnh nghèo

Chẳng phải rằng ngày chẵng phải đần,  
Bởi vì nhà khó hóa bần-thần.  
Mấy đời thầy kiện mà thua mèo,  
Nghĩ phận thằng nghèo phải biết thân.  
Sở khá bĩ rồi thời lại thái,  
Cơ thường đóng hết lại sang xuân.  
Trời đâu riêng khó cho ta mãi,  
Vinh nhục dù ai cũng một lần.

## 2. Than nghèo (bốn bài)

- a. Chưa chán ru mà quấy mãi dây,  
Nợ-nần dan-diу mấy năm nay.  
Mang danh tài sắc cho nên nợ.  
Quen thói phong-lưu hóa phải vay.  
Quân-tử lúc cung thêm thiện mặ1,  
Anh-hùng khi gấp cũng khoanh tay.  
Còn trời, còn đất, còn non-nước.  
Có lẽ ta đâu mãi thế này ?
- b. Có lẽ ta đâu mãi thế này.  
Non sông lằn-thần mấy thu chầy.  
Đã từng tắm gọi ơn mưa-móc,<sup>1</sup>  
Cũng phải xênh-xang hội gió-mây.<sup>2</sup>  
Hãy quyết phen này xem thử đã,  
Song còn tuổi trẻ chịu chi ngay.  
Xưa nay xuất xứ thường hai lối,<sup>3</sup>  
Mãi thế rồi ta sẽ tình đây.

c. Mỗi thế rồi ta sẽ tinh đây.

Điền-viên thù nợ vẫn xưa nay.

Giang-hồ bạn lừa câu tan hợp.

Tùng cúc anh em cuộc tinh say.

Tòa đá Khuong-công <sup>4</sup> doi khóm trúc,

Ao xuân Nghiêm-tử <sup>5</sup> một vai cày.

Thái-bình vũ-trụ càng thong-thả,

Chẳng lợi danh gì lại hóa hay.

d. Chẳng lợi danh gì lại hóa hay,

Chẳng ai phiền-lụy, chẳng ai rầy.

Ngoài vòng cương-tỏa <sup>6</sup> chân cao thấp,

Trong thú yên-hà <sup>7</sup> mặt tinh say.

Liếc mắt coi chơi người lớn bé,

Vành râu bàn những chuyện xưa nay.

Của trời trăng gió kho vô-tận, <sup>8</sup>

Cầm hạc <sup>9</sup> tiêu-dao đất nước này.

**CHỦ-THÍCH :** 1. Ông vua, vì như mưa móc thấm nhuần cây cổ. Dịch hai chữ *vũ-lộ* (mưa móc). — 2. Hội công-danh đặc ý. Người gặp thời như rồng gặp mây, cọp gặp gió. Do chữ trong kinh Dịch: «Vân tòng long, phong tòng hổ» (Mây theo rồng, gió theo hổ). 3. Xuất, 出處: ra làm quan, ở ẩn. — 4. Tức là Khuong-tử-Nha hiệu Lã-Vọng, người đời Chu khi ở ẩn ngồi câu cá ở sông Vị, về sau được vua Vũ-Vương mời ra giúp việc nước. — 5. Tức Nghiêm-Quang, tự Tử-Lăng người đời Đông-Hán, mặc áo tối đi cày ở núi Phú-xuân. Vua Hán Quang-Vũ có mời ra làm quan nhưng ông quyết định ở ẩn. — 6. Cương-tỏa 鏖鎖: vòng bó-buộc của danh lợi. (Cương: dây buộc ngựa; tỏa: cái khóa.) Người ta thường nói «Danh cương lợi tỏa» (Danh lợi bó buộc như dây cương, cái khóa). 7. Yên-hà 懶懶: khói ráng Thú yên-hà là thú thiên nhiên. — 8. Ý mượn trong bài Tiễn Xích-bích phú của Tô-Đông-Pha: Trăng gió là kho vô tận của Tao-hoa. — 9. Cầm hạc 琴鶴: Đàn cầm và chím hạc là hai vật huyền-thân của người thích sống cảnh thanh nhàn. Triệu-thành-Hiển người đời Tống làm quan trấn giữ đất Thục, khi phó nhậm, chỉ mang theo một cái đàn, một chimon hạc, chứ không mang vợ con đầy-tớ.

### 3. Hòn nhọ phong vị phú<sup>1</sup>

1. Chém cha cái khó ! Chém cha cái khó !
2. Khôn-khéo mấy ai ? Xấu.xa một nó.
3. Lục cực<sup>2</sup> bày hàng sáu : rành-rành kinh-huấn<sup>3</sup> chẳng sai. Vạn tội<sup>4</sup> & lấy làm đầu, ấy<sup>5</sup> ấy<sup>6</sup> ngạn ngôn hắn cỏ.
4. Kia ai : bốn vách tường mờ, ba gian nhà cỏ.
5. Đầu kèo mợt tạc vẻ sao ; trước cửa nhện giăng màn gió<sup>8</sup>.
6. Phên trúc ngăn nửa bếp nửa buồng ; ống nửa đựng dầu kê đầu đỗ (đậu).
7. Đầu giường tre, mồi giũi quanh co ; góc tường đất trùn (giun) lên lố nhô.
8. Bóng nắng giội trứng gà bên vách<sup>7</sup>, thằng bé tri-trò ; Hạt mưa soi hang chuột trong nhà, con mèo ngấp ngô.
9. Trong cũi, lợn nằm gặm máng, dói chẳng muỗi kêu ; Đầu giàn, chuột lóc<sup>8</sup> khua niêu ; buồn thôi lại bỏ.
10. Ngày ba bữa vô bụng rau bình-bịch : người quân-lữ ăn chẳng cầu no<sup>9</sup> ; Đêm nǎm canh an giấc ngày o-o, Đời thái-bình cửa thường bỏ ngỏ<sup>10</sup>.
11. Ấm trà góp lá bàng lá vối, pha mùi chát-chát chua-chua ; Miếng trầu tém vỏ mặn vỏ dà, buồn miệng nhai-nhai nhồ-nhồ.
12. Áo vải thô nặng trịch, lạnh làm mền, nực làm gối ; bốn mùa thay đổi bấy nhiêu ; Khăn lau giặt đồ lồm, giải làm chiếu, vận làm quần, một bộ ăn chơi quá thủ.

13. Đỡ mồ-hôi, vỗng lác<sup>11</sup> quạt mo ; chống hơi đất, dép da  
guốc gỗ.
14. Miếng ăn săn cà non muộp luộc, ngon khéo là ngon ;  
Đồ chơi nhiều quạt sậy diều tre, của đâu nhũng của
15. Đồ chuyên trà. ấm đất sút vòi ; Cuộc uống rượu, be  
sành chắp cồ.
16. Đồ cồ-khí<sup>12</sup> bức tranh treo trên vách, khói bay lem-  
luốc, màu thủy-mặc mập-mờ ; Cửa tiều đồng pho sách  
gác đầu giàn, giàn nhấp lăm-nham, dấu thò-châu<sup>13</sup>  
đo-dỗ,
17. Cỗ bài lá ba đời cửa tường<sup>14</sup> hàng văn hàng sách lờ-  
mờ ; Bàn cờ xăng (gỗ) bảy kiếp<sup>15</sup> nhà ma, chữ nhật  
chữ điền siêu-só.
18. Lộc nhĩ-diền<sup>16</sup> lúa chất đầy giường ; Phương tịch  
cốc<sup>17</sup> khoai vừa một giỗ.
19. Tiêu-dụng lấy chỉ mà phao-phóng, thường giữ ba cọc  
ba đồng<sup>18</sup> ; Mùa-màng dành để có bao nhiêu, chừng đợ  
một triềng<sup>19</sup> một bó.
20. Mỏng lưng<sup>20</sup> xem cũng không giàu ; nhiều miệng  
lấy chỉ cho đủ.
21. Đến bữa chưa săn bữa, con trẻ khóc dường ong ; Qua  
kỳ lại hẹn kỳ, nhà nợ kêu như ó.
22. Thuốc-men rắp bòn-chài gỗ bữa, song nghĩ câu ý dã<sup>21</sup>  
thể nào cho đáng giá lương-y ; Thay-bà mong dõi-trá  
kiếm ăn lại nghĩ chữ dũng như<sup>22</sup>, phép cbi được nồi  
danh pháp-chủ<sup>23</sup>
23. Quê dã-hạc<sup>24</sup> toan nhờ lộc thánh, trút muối đồ biển,  
ta chẳng bõ-bèn : Huyệt chân-long<sup>25</sup> toan bán đất  
trời, ngồi mả táng cha, tim còn chưa chộ.

24. Buôn bán rắp theo nghề dỏ, song lợ mặt, chung hòng rước gánh, mập-mờ cho hàng chǎng có lời ; Bạc cờ toan gõ cơn đèn, chua săn lưng, lảng lại dành nơi, hỏi gạn mãi đậm không ra thô.
25. Gặp khúc lượn, nên ít kẽ yêu vị ; Giương mắt ểch, biết vào đâu mượn-mõ.
26. Đến lúc niên-chung <sup>26</sup> nguyệt-quĩ <sup>27</sup>, lấy chi tiêu đồng nợ đồng công ; Gặp khi đường xầy chân cùng, nên phải tới cửa này cửa nọ.
27. Than-thở to to, nhô nhô, ta đã mồi cẳng ngồi chí ; Dần dần nợ-nợ kia-kia, nó những vuốt râu làm bộ.
28. Thày tớ sợ men tìm đến cửa, ngoảnh mặt cúi đầu. Chị em e vất l้า vào lưng, chia môi nhọn mỏ.
29. Láng-giềng ít kẽ tới nhà ; Thân thích chǎng ai nhìn họ.
30. Mất việc toan trở nghề cơ lắc <sup>28</sup> túi con nhà mà hồ mặt anh em ; Túng đường mong quyết chí cùng tư <sup>29</sup>, e phép nước chua nên gan sừng-sỗ.
31. Cùng con cháu, thuở nói-nắng chuyện cũ, đường ngâm-câu «lạc đạo vong bần». <sup>30</sup>  
Gặp anh em khi bàn bạc sự đời, lại đọc chữ «vi nhẫn bất phú » <sup>31</sup>.
32. Tất do thiên <sup>32</sup>, âu phận ấy là thường.  
Hữu kỳ đức, <sup>33</sup> ắt giờ kia chǎng phụ.
33. Tiếc tài cả lúc phao ngưu <sup>34</sup> bản trúc <sup>35</sup>, dấu xưa ông Phò <sup>36</sup>, ông Hè <sup>37</sup> ; Cần ngobiệp nho khi tạc bích <sup>38</sup> tụ huynh <sup>39</sup>, thuở trước chàng Khuông <sup>40</sup> chàng Vũ <sup>41</sup>
34. Nơi thành hạ <sup>42</sup> gieo cần câu cá, kia kia người quốc-sĩ Hoài-Âm <sup>43</sup> ; Chốn lý trung <sup>44</sup> xách thớt chia phần, nợ nợ dặng mưu-thần Dương-Võ <sup>45</sup>

35. Khó ai bằng Mãi-Thần, Mông-Chinh, cũng có khi  
ngựa cưỡi dù che ; Giàu ai bằng Vương-Khai<sup>48</sup>, Thạch  
sùng<sup>49</sup>, cũng có hồi tường xiêu ngói đồ.  
36. Món biết : Khó bởi tại giờ ; giàu là cái số.  
37. Dầu ai ruộng sâu trâu nái, dụn lúa kho tiền, cũng bắt  
quá thủ tài chi lồ<sup>50</sup>

**CHỦ-THÍCH :** 1. 塞 儒 風 味 話 : Bài phú nói về cái phong-vị của người học trò nghèo.—*Lục cực 六 極*: sáu điều cực khổ (*chết non, ốm đau, nghèo nàn, tật xấu xa, hèn yến*).—3. *Kinh huấn 經訓*: lời dạy trong sách.—4. *Vạn tội 萬 罪*: muôn tội.—*Do thành ngữ « Vạn tội bất như bần (Muôn tội không gì bằng tội nghèo) »*.—5 Một đặc dầu kèo thành hích lỗ-chỗ như ngói sao.—6. Nhẹn giằng tờ trống tơ màn che gió.7. Mái nhà thủng lỗ-chỗ ánh nắng xuyên qua đó chiếu lên vách thành hích trúng gà.—3. *Lác*: nhảy lên.—9. *Người quân tử ăn chẳng cầu no dịch cầu* .Quân tử thực vô cầu bão».—10 *Đời thái bình cửa thường bỏ ngỏ dịch cầu* «Thái bình chí thế ngoại hối bất bão» (Đời thái bình cửa ngoài không đóng) vì không sợ mất trộm.—11. *Lác*; cỏi.—12. *Cổ khí 古 器*: đồ cổ.—11 *Thô châu 土 珠*: son đất (son dùng để chấm bài).—14. Ba đời kế tiếp trong nhà vị tướng.—15. Ý nói cũ-kỳ quá.—16 *Nhũ điện 禺 田* tư diều ruộng của người. Chữ mượn trong Kinh Thi.—17. *Tịch cốc 静 穀*: không ảo thóc. Đó là cách tu tiên của người xưa.—18 Số thu nhất định, không bao giờ hơn. (Tục ngữ: ba cọc chỉ có ba đồng).—19 Một gánh.—20 ít vốn.—21. Ý dã 意 也: cốt ở minh vậy. Do câu (ý giả ý dã) (làm thuốc do ở ý minh suy ra).—22. *Dũng như 勇 如* mạnh mẽ vậy.—23 *Pháp chủ 法 主* thầy cao tay 24. *Dã hạc 野 鶴*: tên sách bói.—25 *Chán long 真 龍*: nơi đất có mạch tốt đê mà có thể phát được, (theo khoa phong thủy xưa). 26 *Niên chung 午 終*: năm cùng (cuối năm).—27. *Nguyệt quí 月 暮*: tháng hết (cuối năm). Bản khác: *Nguyệt qui 月 季* (cũng nghĩa ấy).—28 *Cơ tắc 儻 则*; đổi thời... làm bậy.—29 *Càng la 猖 斯*: quẩn-thời làm bậy. Do câu trong sách Luận ngữ: «Tiều nhân cùng tư làm hỉ» (Kẻ tiều nhân túng quẩn thời làm bậy).—30; *Lạc đạo vong bần 奈 遂 忘 貧*: vui đạo quên nghèo.—31. *Vì nhân bất phú 爲 仁 不 富*: làm điều nhân không thể giàu được.—32 *Tất do thiên 必 山 天*: át bởi trời. do câu « Phù qui tất do thiên » (giàu sang hẳn bởi trời) —33 *Hữu kỳ đức 有 其 德*: có đức của mìn.—34 *Phan ngưu 牛 牀*: chăn cho trâu ăn.—35 *Bản trác 板 繫*: xây dắp.—36. Phó-Duyệt, người đời Thương khi còn hàn-vi phải gánh đất thuê, sau làm đến tề tướng.—37 Bách-lý-Hè, người đời Chu'en-quốc lúc hàn-vi phải đi chăn trâu thuê, về sau làm tướng nước Tần;—38. *Tắc bích 鉗 罈*: đục khoét vách. Đời Hán, Khuông-Hành nhà nghèo, không có dầu thắp đèn học, phải đục vách để học nhờ ánh sáng của đèn nhà láng giềng chiếu sang,—39 *Tụ huyền 聚 密*: nhóm dom-dom Đời Tần, Xa-Dạo bắt dom dom bỏ vào túi để lấy ánh sáng học.—40. Tức là Khuông

anh.— 41. Túc là Xa-Dận. (Người ta còn gọi Xa-Dận là Vũ-Tử).— 42  
**Linh-hạ 城下**; dưới thành.— 43. *Người quắc-sĩ Hoài-âm* tức là Hán-Tín  
 Hán-Tín người quận Hoài-âm, lúc còn hàn vi thường đi câu cá ở dưới  
 bùn. Về sau làm tướng giúp vua Hán-Cao-Tông đánh bại Hạng-Võ.—  
**Lý-trung 鹿中**: trong làng.— 45. *Mưu-thần Dương-Võ*: tức là Trần-  
 Bình. Trần-Bình người đất Dương-Võ, lúc hàn vi giữ việc chia phần  
 trong làng, sau làm mưu-sĩ cho Vua Hán-Cao-Tông.— 46. Túc Chu-mỗi-Thần,  
 người đời Hán, vừa kiếm cùi vừa đi học, về sau thi đỗ, hiển-vinh.— 47. Túc  
 Mông-Chính, người đời Tống, nhà nghèo nhưng quyết chí học tập, về  
 sau làm nên.— 48. Vương-Khai, người đời Tấn, nỗi tiếng giàu có, về sau  
 khánh tận tài sản.— 49. Thạch-Sùng, người đời Tấn, nỗi tiếng giàu có  
 từng đua giàu với Vương-Khai, về sau bị giết chết vì chuyện đèm-phạ.  
**Thủ-tài-chi-lỗ 守財之虜**; kẻ tội mọi giữ tiền của.

#### 4. Thế-thái nhân-tinh

Thế-thái nhân-tinh gồm chết thay.  
 Nhạt nồng trong chiếc túi voi đầy  
 Hết không điều lợi, khôn thành đại;  
 Đã có đồng tiền, dở cũng bay.  
 Khôn khéo chẳng qua ba tắc lưỡi,  
 Hắn hoi không hết một bàn tay.  
 Suy ra cho kỹ hơn chi nữa.  
 Bạc quá voi mà mỏng quá mây.

#### 5. Cách ở đời

Ăn ở sao cho trải sự đời  
 Vừa lòng cũng khó há rằng chơi.  
 Nghe như chọc ruột, tai làm điếc;  
 Giận dẫu căm gan miệng vẫn cười.  
 Bởi số chạy sao cho khỏi số,  
 Lụy người nên nỗi phải chiều người.  
 Mặc ai chờ đè điều ân oán.  
 Chung cục <sup>1</sup> thì chí cũng tại trời.

HÙ THÍCH: 1. Chung cục 態局: rõ cuộc.

### 6. Đi thi tự-vịnh

Đi không chẳng lẽ trở về không.  
 Cái nợ cầm thư phải trả xong.  
 Cũng rắp điền-viên vui tuế nguyệt,  
 Dở dem thân-thể hẹn tang-bồng<sup>1</sup>.  
 Đã mang tiếng ở trong trời đất,  
 Phải có danh gì với núi sông,  
 Trong cuộc trần-ai, ai dễ biết,  
 Rồi ra mới rõ mặt anh hùng.

**CHÚ-THÍCH :** 1, *Tang-bồng* 桑蓬: tung-boanh để lập công-danh sự-nghiệt (Tang là cây dâu ; bồng là cỏ bồng). Do chữ « Tang hồ, bồng thi (cái cung làm bằng gỗ dâu, cái tên làm bằng cỏ bồng). Bên Tàu ngày xưa có tục hễ sinh con trai thì lấy cung bằng gỗ dâu bắn tên bắn cỏ bồng lên trời, xuống đất và ra bốn phương, tỏ ý mong con sau nà sẽ vâng vungle ngang dọc. Theo sách Lễ-ký, đó là tục tại nhà các vua chư-hầu

### 7. Nghĩa người đời

Ba vạn sáu ngàn ngày thảm-thoắt,  
 Tự mọc răng cho đến lúc bạc đầu.  
 Cõi nhục vinh góp lại có bao lâu.

4. Ngồi thử ngâm thơ trời thêm khéo quá.

Núi tự tại<sup>1</sup>, cõi sao sông bất xả<sup>2</sup>.

Chim thi lồng, hoa thi cánh, công dâu Tạo-hóa khét  
 Thùa trú

Từ nghìn trước đến nghìn sau,

8. Kết cục lại mỗi người riêng một kiếp.

入世局不可無功業

*Nhập thế cục bất khả vắng công nghiệp*

出母藏便有有君親

*Xuất mẫu hoài tiễn thị hữu quân thân*.

Mà chữ « Danh » liền với chữ « Thân »,

12. Thân đã có ắt, danh áu phải có.

Nay phút chốc kim rời lại cõ,

Có hẹn gì sau chẳng bỗng nay.

Râu mày kia hối râu mày !

**HÙ THÍCH :** 1. *Tự tại* 自在 : ở yên một chỗ.— 2. *Bất xả* 不捨 : chảy mãi không ngừng. Đo câu : « *Thệ giả như tư phù*, *bất xả trú dạ* » là chảy mãi như thế này u, không kè ngày đêm) (Lời Không-Tử). Hai câu 9, 10 : Vào cuộc đời, không thể không có công nghiệp, lòng mẹ ra là đã có quân (vua) và thân (cha mẹ) rồi.

#### 6. Hành tàng

Đánh ba chén rượu khoanh tay giấc,

Ngâm một câu thơ vỗ bụng cười.

Cái công danh là cái lụ đời.

4. Đường thản-lý<sup>2</sup>, cát-nhân<sup>3</sup>s chỉ đã vội.

Giắt lồng giang-sơn vào một túi,

Rót nghiêng phong-nguyệt cạn lung bàu,

Cánh cùng thông<sup>4</sup>, ai có bận chi đâu,

8. Mùi tiêu-sái<sup>5</sup>, với trần-gian dẽ mấy.

Thơ rằng :

有名聞富貴

*Hữu danh nhân phú quý*

無事小神仙

*Vô sự tiểu thần tiên*

Đáng anh-hùng an phận lạc thiên<sup>6</sup>;

12. So trời đất cũng nhất ban xuân<sup>8</sup> ý.

- Khi lang-miếu <sup>9</sup> đã dành công-danh ấy.  
 Lúc yên-hà <sup>10</sup> khước thị xuất nhân-gian <sup>11</sup>  
 行 藏 不 二 其 觀  
*Hành tàng bất nhị kỳ quan* <sup>12</sup>
16. Cõi đời mở mặt giang-san thái hòa.  
 Còn xuân mai lại còn hoa.

**CHÚ THÍCH:** 1. *Hành tàng* 行藏: ra làm việc đời và ở ẩn.—2 *Thần lỵ* 神里: đường rộng-rãi bằng phẳng.—3. *Cát nhân* 吉人: người tốt, người quân tử.—4. *Cùng thông* 窝通: lúc vận cùng, lúc vận đạt 5. *Tiêu sai* 薦齋 thanh cao khoáng đạt không vướng-viu trần tục.—6 Hai câu 9, 10: Công danh ấy là người giàu sang nhàn nhã; không việc ấy là vị thần tiên nhỏ.—7. *An phận lạc thiên* 安分樂天: yên phận mình vui đạo trời.—*Nhất ban xuân ý* 一 般 春 寫: một loại ý xuân.—9 *Lang miếu* 廊廟: triều đình.—10 *Yên hà* 霽 霏: khói và ráng chiều (Thú thiên nhiên).—11 *Khước thị xuất nhân gian* 却 是 出 人 間: chính là ra khỏi cõi đời.—12 Câu 15: lúc ra làm quan và lúc ở ẩn cũng không có hai quan niệm cũng không khác nhau.

## B. CHÍ NAM-NHI

### 1. Phận sự làm trai

宇 宙 獸 分 內

*Vũ trụ chúc phận nội* <sup>1</sup>,

*Đảng trường-phu một túi kinh luân* <sup>2</sup>

*Thượng vị đức, bạ vị dân* <sup>3</sup>

4. Sắp hai chữ «Quân, thân» mà gánh vác.  
 Cỏ trung hiếu nên đứng trong trời đất,  
 Không công danh thà nát với cỏ cây.  
 Chỉ tang-bồng hồn-thi <sup>4</sup> dạ nào khuây.

8 Phải hăm hở ra tay kinh-tế<sup>5</sup>

Người thế<sup>6</sup> trả nợ đời là thế.

Của đồng lần<sup>7</sup> thiên-hạ tiêu chung.

Hơn nhau hai chữ anh-hùng

**CHỦ-THÍCH :** Câu 1. Tất cả mọi việc trong vũ-trụ đều ở trong vòng chúc-phận của ta. Lục-Trường-Sơn dời Tống nói rằng: «Vũ-trụ nội chí sự mãi kỳ phận nội sự. Kỷ phận nội chí sự mãi vũ-trụ nội sự» nghĩa là: Việc trong vũ-trụ là việc trong bần phận của mình. Việc trong bần phận của mình là việc trong vũ-trụ.—*Kinh lada* 讀經: xếp đặt việc chính trị (kinh : chia ra các sợi trong một mòn ; luân : hợp các sợi đồng loại thành một mòn).—3. *Thượng vị đức hạ vị dân* 上爲德 下爲民 vi : người trên mà làm cho đức của người hay lên vì người dưới mà làm dân được sung sướng. Mượn chữ trong Kinh thư : «Vị thượng vi đức vị hạ vị dân» nghĩa là : vì người trên vì đức vì người dưới vì dân.—4 Xem chủ thích số 2 trong bài Đì thi tự vịnh.—5 *Kinh tế* 經濟 : trị nước giúp đời. Do chữ «Kinh bang tế thế». Bản khác...ra tài kinh tế.—6 *Người thế* : người đời.—7 *Đồng lần* : lưu thông nay ở tay người này mai ở tay người khác.

## 2. Chí làm trai

Vòng trời đất dọc ngang ngang dọc.

Nợ tang bồng vay trả trả vay

Chí làm trai nam bắc đóng tây

4 Cho phỉ súc vầy vùng trong bốn bề.

人 生 自 古 離 死

Nhân sinh tự cổ thùy vô tử

留 取 半 心 黑 汗 青

Lưu thủ đan tâm chiểu hàn thanh<sup>1</sup>

Đã hão rắng ai nhục ai vinh.

8 Mấy kẻ biết anh hùng khi vị ngộ<sup>2</sup>

Cũng có khi mưa dồn sóng vỗ.

Quyết ra tay buồm lái với cuồng phong.

Chí những toan xé núi lấp sông

12. Làm nên dũng anh hùng đâu đấy tò.

Đường mây : rộng thênh-thênh cù bộ  
 Ngang bồng trang trắng vỗ tay reo  
 Thành thời thơ túi rượu bầu.

**CHỦ-THÍCH :** 1. Hai câu 5, 6 : Người ta sống ở đời xưa ai là không chết ; nên để lại tấm lòng soi sáng trong sương xanh. *Hắn* là mồ hôi *thanh* là tre xanh. Đời xưa người ta đốt tre xanh cho nó cháy mồ hôi ra cho khỏi mệt, rồi biến thành sương lèn đé. Hai câu thơ này mượn trong bài thơ Quả Linh-đinh-dương (Quả bồ Linh-đinh) của Văn-thiên-Tường đời Tống.—2 Vị ngộ 未遇 : chưa gặp thời.—3 Đường mây : đường công-danh Dịch chữ «vân trinh».—4. Cù bộ 墓步 : cất bước.

### 3. Chí nam nhi

聰明一男子  
*Thông minh nhất nam tử*  
 要為天下奇  
*Yếu vi thiên hạ kỳ*  
 Trót sinh ra thì phải có chí chí

4. Chẳng lẽ tiêu lung ba vạn sâu.  
*Bố-ky sá chi con tạo,*  
*Ngơ tang bồng quyết trả cho xong.*  
*Đã xong pha bút trận² thì gắng-gỏi kiếm cung,*
8. Làm cho rõ tu-mi nam-tử³.  
*Trong vũ-trụ đã dành phận-sự.*  
*Phải có danh mà đối với núi sông.*  
*Đi không, chẳng lẽ về không.*

**CHỦ-THÍCH :** 1. Hai câu 1, 2 : Một người con trai thông minh phải làm nên một người khác thường trong thiên hạ.—2. *Bút trận* 筆陣 ; trận bút, chốn trường văn.—3. Tu-mi nam tử 厲男子 : người con trai mày, râu. (Tu : râu ; mi : lông mày). Chữ tu-mi dùng để chỉ người con trai.

## 4. Kẻ sĩ

Tước hữu ngũ, sĩ cư kỳ liệt ; <sup>1</sup>

Dân hữu tú, sĩ vi chí tiên. <sup>2</sup>

Có giang-sơn thì sĩ đã có tên,

4. Từ Chu, Hán <sup>3</sup> vốn sĩ này là quí.

Miền hương-dâng <sup>4</sup> đã khen rằng hiếu-nghi <sup>5</sup>,

Đạo lập-thân, phải giữ lấy cương-thường.

Khi hào-nhiên chí đại chí cương. <sup>6</sup>

8. So chính-khi đã dày trong trời đất. <sup>7</sup>

Lúc vị-ngộ <sup>8</sup>, hối-tàng <sup>9</sup> nơi bồng-tất <sup>10</sup>,

Hiếu-hiếu nhiên điểu Vị, canh Sắn <sup>11</sup>.

Xe bồ-luân <sup>12</sup> dần chưa gặp Thang, Văn <sup>13</sup>,

12. Phù thể-giáo <sup>14</sup> một vài câu thanh-nghi <sup>15</sup>.

Cầm chính-dạo đề tịch là cự bí <sup>16</sup>,

Hồi cuồng lan nhì chướng bách xuyên <sup>17</sup>.

Rồng mây khi gặp hội ưa duyên,

16. Đem quách cả sở-tồn <sup>18</sup> làm sở-dụng <sup>19</sup>.

Trong lang-miếu <sup>20</sup> ra tài lương-dồng <sup>21</sup> ;

Ngoài biển-thùy rạch mũi can-tương <sup>22</sup>

Làm sao cho bách thể lưu phuong <sup>23</sup>,

20. Trước là sĩ, sau là khanh tướng.

Kinh-luân khởi tâm thương <sup>24</sup>, binh giáp tăng hung trung <sup>25</sup> ;

Vũ-trụ chí gian gai phản-sự <sup>26</sup>, nam-nhi đao thủ thi hào-hùng <sup>27</sup>.

Nhà nước yên mà sĩ được thung-dung,

24. Bấy giờ sĩ mới tìm ông Hoàng-Thạch <sup>28</sup>.

Năm ba chủ tiều-dồng lêch-thếch,

Tiêu-dao nơi hàn cốc, thanh sơn <sup>29</sup>,

Nào thơ, nào rượu, nào dịch, nào đòn,  
 28. Đồ thích-chi chất dày trong một túi,  
 Mặc ai hỏi mặc ai không hỏi tôi  
 Gẫm việc đời mà ngầm kê trộc thanh <sup>21</sup>.  
 Nay này sĩ mới hoàn danh <sup>20</sup>.

**CHÚ-THÍCH** : 卽有五士居其例: Trước có năm bậc, kè sĩ được kê vào hàng ấy. (Năm bậc đó là: thượng đại-phu, hạ đại-phu, thượng sĩ, trung-sĩ, hạ-sĩ). Ô câu này Sĩ là tên chức quan xưa.-2 氏有四士爲之先: Đầu có bốn hạng, kè sĩ đứng đầu (Bốn hạng đó là: sĩ, nông công, thương). Ở câu này Sĩ là học trò. 3 Cha, Hán 周漢: Nhà Chu, nhà Hán, hai triều-dai của Trung-quốc thời xưa.-4. Hương-dâng 鄕黨: làng xóm.-5. Hiếu-nghị 孝 諱: cũng như hiếu nghĩa.-6. 氣浩然至大至剛: cái khí hào-nhiên rất lớn lao, rất dũng-dối. Khi hào-nhiên nghĩa den là cái khí rộng lớn, túc là chính khí của người tiết-liệt.-7 Hai câu 7,8 Theo Mạnh-Tử (chương Còng-Tôn-Sửu) muốn phát huy cái Thiện cổ-hữu của Tinh thi cần phải «nuôi cái khí hào-nhiên». Khi hào-nhiên là cái khí chính đại, cương trực. Khi hào-nhiên hình-dung cái trạng-lhái thuần-bản, mạnh-mẽ của ý chí túc cũng như chữ «thành» trong sách Trung-Dung. (Theo Thái-Nguyên-Bồi. Trung-quốc luân lý học sử) Tài Chính khi ca của Văn-thiên-Tường đời Tống có đoạn nói: «Trong khoảng trời đất có một thứ chính-khí không có hình thể nhất định; ở dưới đất thì là sông núi, ở trên trời thì là mặt trời và các vì sao, còn ở người ta thì là cái khí hào-nhiên bao trùm lên tất cả».-8 Vị ngộ 未遇: chưa gặp thời.- Hồi tang 啟藏: ẩn náu.-10. Bồng lốt 邋 裹: tên bài thứ cổ, chỉ nơi thôn quê.-11. 築 然 鈞 沟 拼 爭: câu ở sông Vị, cày ở đất Sắn, tự đắc không cần ai. Lã-Vọng tức Khương-tử-Nha là một ẩn-sĩ ngồi câu trên sông Vị, sau làm tướng giúp vua Văn-vương đánh vua Trụ lập nên nhà Chu. Y-Doãn là một bậc hiền tài cày ruộng đất Sắn: vua Thang phải mời tôi ba lần mới chịu ra giúp vua trù vua Kiệt mà lập nên nhà Thương.-12 Bò luân 滅 輪: xe đón người hiền. (bò: tên một thứ cổ; luân: bánh xe. Thời xưa vua dùng thử xe có quần cổ bò cho êm. 13, Thang, Văn 湯 文: Vua Thang nhà Thương, vua Văn vương nhà Chu.-14 Phù thế giáo 扶世教: giúp vào sự giáo-duc người đời.-15. Thành nghị 淸 議: lời ban khen người hay, chê kẻ dở.-16 Tịch tà cự bi: 閻 邪 距 譬: trừ những điều gian tà, ngăn những điều bất chính.-17 過狂濶 而 障 百 川: ngăn làn sóng dữ và cản trăm giòng sông 18. Sở tồn 𠀤存: cái mà mình săn có.-19. Sở dụng 所 用: cái đem ra dùng.-20 Lang miếu 廟 廟: triều đình.-21 Lương đồng 樂 横: người đảm nhiệm công việc trọng đại của quốc gia. (lương: rường; đồng: cột chính).-22. Can tuong 干 將: tên thanh gươm qui của vua Ngô Hẹp-Lư. Đây chỉ binh khí,-

23 *Bách thể lưu phương* 百世留芳: đề lại tiếng thơm trăm đời. — 24. 純渝起心 十: lài sấp đặt việc chính-trị-tự trong lòng mà ra. Theo sách Tinh-lý thơ của Thiệu nghiêu Phu có câu «Nhân ư tâm thượng khởi kinh luân» (Tài cai trị phát khởi lý trong lòng người ta). — 25. 兵甲歲胸 中: binh khí chưa trong lòng. Pham-trọng-Yêm, tể tướng đời Tống là người vẫn vỗ toàn tài. Người bấy giờ khen rằng: trong bụng ông sẵn nhiều vũ lược, dường như có vài vạn giáp binh (phúc trung hữu số vạn giáp binh) — 26. 宇宙之開闢 分事: Tất cả mọi việc trong khoảng vũ-trụ đều ở trong phận sự của mình. — 27. 男兒到此是豪雄: người con trai đến như thế mới là có tài năng xuất chúng. — 28. *Hoàng Thạch* 黃石: tên một nhà ăn sĩ cuối đời Tần đã cho Trương Lương cuốn binh-thư để giúp vua Hán Cao-Tô. — 29. *Hàn cốc, thanh son* 塞谷奇山: hang lạnh, núi xanh. — 30. *thoát* 潑漪: đục trong. — 31. *Hoàn danh* 完名: trọn vẹn danh tiếng

### 5. Gánh gạo đưa chồng

Con cò lặn lội bờ sông

Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ-non.

鶴亦羽蟲中之一

Lộ diệc vũ, trùng trùng chí nhất<sup>1</sup>.

Thương cái cò lặn lội bờ sông.

Tiếng nỉ non gánh gạo đưa chồng.

6. Ngoài nghìn dặm, một trời một nước.

Trong bóng nhạn băng khuông từng bước,

Nghe tiếng quyên, khắc khoải năm canh,

Nghĩa tép tôm ai nỗi dứt tình

10. Ơn thủy tồ<sup>2</sup> phải đèn cho vẹn sóng<sup>3</sup>.

Trường tên đạn, xin chàng bảo trọng<sup>4</sup>,

Thiếp lui về nuôi cái cùng con,

Cao băng<sup>5</sup> cách trở nước non,

14. Lòng trong trắng, quỉ thần a-hô<sup>6</sup>.

Sức bay nhảy một phen nồng nở,

Đá yên-nhiên<sup>7</sup> còn đó chẳng mòn.

Đông hưu<sup>8</sup> rạng chép thê son,

18. Chàng nên danh-giá, thiếp còn trẻ trung.

Yêu nhau khắng khít giải đồng.

**TIỀU-DÂN** : Bài này Nguyễn-công-Trú làm cho quân sĩ hát khi ông đem họ đi đánh giặc Nùng-văn-Vân tại Cao-bằng (1833) Ca dao ta có câu :

Con cò lặn lội bờ sông,  
Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non,  
Nàng về nuôi cái cùng con.  
Đè anh đi trày nước non Cao-bằng.

**CHÚ-THÍCH** : Câu 3 : Con cò là một con trong loài có lông. 2. *Ôn thủy* 水土 : ôn vua. (Thủy : nước ; thô : đất).—3. *Sóng* : đây chỉ ôn vua. Do chữ «*on* ba» (sóng ôn) nói ôn vua dào dạt như sóng.—4. *Bảo trọng* 保重 : gìn giữ cẩn-thận.—5 Tên một tỉnh ở miền thượng du Bắc-phần.—6. *A hộ 阿護* : nuôi-nâng che-chở;—7. *Yên nhiên 然然* : tên núi ở Mông-cổ. Đời Hậu Hán Đậu-Hiến đánh bại được rợ Hung nô lên núi Yên nhiên ghi công trạng khắc vào đá rồi về.—*Đồng hưu 同休* : cùng vui hưởng cảnh thái-bình;

#### 6. Làm quan bị cách

Tuổi-tác tuy rằng chưa mấy mươi,  
Đời thay át đã thấy ba đời<sup>1</sup>.  
Ra trường danh lợi vinh liền nhục  
Vào cuộc trần ai khóc trước cười.  
Chuyện cũ trải qua đà chán mắt,  
Việc sau nghĩ lại chẳng thừa hơi.  
Đã hay đường cái thời ra thế,  
Sạch nợ tang bồng mới kề người.

**CHÚ-THÍCH** : 1 Ba đời : Gia-Long, Minh-Mạng, Thiệu-Trị.

### 7. Con Tạo ghét ghen

名 者 造 物 之 所 忌

*Danh giả tao-vật chi sở kỵ<sup>1</sup>*

Ghét chứng chi, ghét mãi, ghét hoài.

Lúc tuổi xanh chi khỏi cậy tài,

4 Sức bay nhảy tưởng ra ngoài đào chúa<sup>2</sup>.

Dẫu chàng báu<sup>3</sup>, chấn dao<sup>4</sup> mấy độ,

Cũng tro tro trich trich không nao.

Càng phong trần danh ấy càng cao.

8 Dám nghĩ giốn chơi hay ác thật

*Bùi mang tiếng ở trong trời đất*

*Phải có danh gi với núi sông.*

Ấy xung chàng<sup>5</sup> nghĩ cũng mèch lòng.

12. Nên dè nén giày vò cũng phải.

Chứ như đã đến tuần lão đại<sup>6</sup>,

Cuộc đời trăm việc đã vắng nhường.

Từ đinh đinh<sup>7</sup> chẳng dám xem thường,

16. Mùi hoạn huống, nếp phong lưu đều gác sạch.

Đem thân thể nương miền toàn thạch<sup>8</sup>

Trốn đường danh mua lấy cuộc nhàn,

Cớ sao còn giờ máu ghen,

20. Bắt bẻ, tiều lao hành khốn<sup>10</sup> mãi ?

可 怪 老 天 多 憎 惡

*Khả quái lão thiên đa ác thái :*

Trẻ chẳng thương mà già cũng chẳng tha !

Tức mình muốn hỏi cho ra !

TIỀU-DÂN : Tục truyền trong thời triều Nguyễn-công-Trứ được dân huyện Tiền-hải đón ra chơi, tiếp rất long trọng. Có kẻ ghen ghét gièm với vua rằng ông có ý mưu phản. Vua Tự Đức có đòi ông vào xét hỏi việc này. Trong bài này ta thấy ý bức tức của ông về thái độ nghi kỵ của nhà vua.

**CHÚ-THÍCH :** Câu 1 : Danh là cái mà tạo vật ghét ghien.— 2 **Dào chú** :陶鑄 : sự nung đúc của Tạo hóa (dào : nǎn : chú : đúc).— 3 **Chàng hám** 捶憾 : lay lắc.— 4. **Chấn dao** 撥搖 : rung động.— 5 **Xung chàng** 衝撃 : đụng chạm.— 6 **Lão đại** 老大 : già cả.— 7 **Đỉnh đình** : việc nhỏ nhặt.— 8 **Hoạn huống** 宦况 : cảnh làm quan.— 9 **Toàn thạch** 泉石 : nơi ào ào (toàn : suối ; thạch : đá).— 10. **Tiêu hành khốn** 慘勞衙困 : làm cho lo-lắng khổ-khổ. Do chữ « Tiêu tú lao thân, khốn tầm, hành lự ». Nghĩa là : làm mệt ý, làm nhọc thân, làm khổ tầm bậy, làm dẫu do lo lắng.— 11 Câu 21 : Lạ thay trời già nbiều thói độc-ác.

### C. TƯ-TƯỞNG HƯỚNG-LẠC

#### 1. Thoát vòng danh lợi

- Chen-chúc lợi danh đà chán ngắt,  
 Cúc, tùng, phong, nguyệt mới vui sao !  
 Đám phồn-hoa trót bước chân vào,  
 4. Sức nghĩ lại giật mình sao kè xiết !  
 過者往而不載  
 Quá giả vãng nhi bất thuyết  
 Cái hình-hài làm thiệt cái thân chi,  
 Cuộc đời thử gẫm mà suy.  
 8. Bạn tùng cúc xưa kia là cố-cựu.  
 Hẹn với lợi danh ba chén rượu,  
 Vui cùng phong-nguyệt, một câu thơ.  
 Chuyện cỗ-kim so-sách tựa bàn cờ.  
 12. Riêng vui-thú giang-son phong-nguyệt.  
 Mặc xa mǎ thị thành không dám biết.  
 Thủ yên-hà trời đất đè riêng ta.  
 Nào ai, ai biết chẳng là ?

**CHÚ-THÍCH:** 1 Câu 5: Chuyện đã qua không nói nữa.—2 Câu này  
mượn ý trong bài Qui khứ lại từ của Đào-Uyên-Minh đời Tấn: «Ký tự  
đã thân vi hành dịch; bè trù trưởng nỗi độc bi» (Đã tự đem cái thân  
cho cái hình sai khiến, thì còn buồn-khổ đau thương một mình làm gì)  
—3. *Xa mă* 車馬 (xa: xe; mă : ngựa): cảnh phú quý

### Chơi xuân kéo hết xuân đi

- Gỗm cho kỹ bất nhân <sup>1</sup> là tạo vật,  
 Đã sinh người lại hạn lấy năm.  
 Kè chi thăng lên bảy đứa lên năm,
4. Dẫu ba vạn sáu ngàn ngày là mấy chốc.  
 Lại mang lấy lợi danh vinh nhục.  
 Cuộc đời kia lăm lúc bi hoan.<sup>2</sup>  
 Đến khi hoa rữa trắng tàn,
- 8 Xuân, một khắc dễ nghìn vàng đồi thác,  
 細 描 物 理 須 行 樂  
*Tế suy vật lý tu hành lạc*<sup>3</sup>  
 安 用 浮 名 紛 此 身  
*An dung phù danh ban thủ thân*<sup>4</sup>  
 Song bất nhân mà lại chí-nhân<sup>5</sup>.
12. Hạn lấy tuổi để mà chơi lấy.  
 Cuộc hành-lạc bao nhiêu là lãi đấy,  
 Nếu không chơi thiệt ấy ai bù?  
 Nghề chơi cũng lầm công-phu.

**CHÚ-THÍCH:** 1. *Bất-nhân* 不仁: chữ này có hai nghĩa: 1) không  
tôn trọng yêu-thương người; 2) không đồng loại với người. Trong cuốn đạo  
lão kinh của Lão-tử có câu: «Thiên-địa bất nhân dĩ vạn vật vi sô-cả»  
(Trời đất bất-nhân lấy muôn vạn vật làm con chó rơm). Theo triết-ly của  
Lão-tử, vì Trời không cùng loại với người nên không có lòng yêu-thương  
người (Chú-thích theo cuốn Trung-quốc triết học sử đại cương của Hồ-  
Điệp).—2. *Bi, hoan* 悲歡: đau-thương vui vẻ.—3 hai câu 9, 10: Suy  
nguồn kỹ lỵ-lẽ của sự-vật thì nên vui chơi; Sao lại để cho cái hư danh

trời buộc thân này. (Hai câu này mượn trong bài thơ Khúc-giang của Đỗ-Phủ). - 4. Chi nhão 至仁 : rất yêu thương người.

### 3. Vịnh nhân sinh

Ôi ! nhân-sinh là thế ấy  
Như bóng đèo, như mây nỗi, như gió thổi, như  
chiêm bao,

Ba mươi năm hường-thụ biết chừng nào.

### 4. Vừa tỉnh giấc nỗi kê chưa chín<sup>1</sup>

物 熊 莫 驚 雖 幻

Vật thái mạc cung ván biến huyễn,

世 途 無 恋 水 盈 虛

Thế đồ vô lỵ thủy danh hư<sup>2</sup>

Cái hình.hài dã chắc thiệt chưa ?

### 8. Mà lão dẽ khóc sầu rúa mãi.

Trời đất hối có hình có hoại,

Ý chi chi mà chắc chắn chi chi ?

Cuộc làm vui liệu phải kịp thi,

### 12. Khi đặc-chi lại có khi thất-chi.

Trong đó đó hãy suy cho kỹ.

Dẫu xưa nay nào có trừ ai.

Có tài mà cậy chi tài !

**CHÚ-THÍCH :** 1. Câu này ý nói cuộc đời phú quý không lâu bền Lu-Sinh đói Đường đi thi không đậu gặp một đạo-sĩ có phàn-nàn về sự thất-bại trên đường khoa-cử. Đạo-sĩ cho Lu-Sinh mượn chiếc gối để đầu nằm ngủ. Chàng nằm chiêm-bao thấy mình thi đỗ tiến-sĩ rồi làm quan trong 20 năm trời hiền-hách, sau cùng bị cách chức vì việ dâng sớ hạch tội Lý-lâm-Phủ. Khi tỉnh dậy mới biết đó là giấc mộng trông ra thấy nỗi kinh của chủ quán nấu từ lúc chàng nằm ngủ hãy còn chưa chín. Người ta gọi giấc mộng phú-quí đó là *mạng kê ván*.

Hoàng lương mộng) — 2 Hai câu 4, 5 : Tình-trạng của sự vật thay-dời như mây không lúc nào ngừng ; đường đời lên xuống không chừng như nước đầy voi.

#### 4. Cầm kỵ thi túru

Cầm, kỵ, thi, túru.<sup>1</sup>

Đường ăn chơi mỗi về mồi hay,  
Bàn năm cung réo-rất tinh-tinh dây.

- 4, Cờ dôi nước rập-rình xe ngựa đó.  
Thơ một túi phảm-dề<sup>2</sup> câu nguyệt lợ<sup>3</sup> ;  
Rượu ba chung<sup>4</sup> tiêu-sái<sup>5</sup> cuộc yên hàn,  
Thú xuất trần<sup>6</sup> tiên vẫn là ta.
- 8 Sánh Hoàng-Thạch<sup>7</sup>, Xích-Tùng<sup>8</sup> ở cũng đáng.  
琴思蕭然棋思爽  
*Cầm tú tiêu nhiên, kỵ tú sáng*  
詩懷樂矣酒懷濃  
*Thi hoài lạc hĩ, túru hoài nồng*<sup>9</sup>.  
Một chữ nhàn giá lại đáng muôn chung<sup>10</sup>,
- 12 Người ở thế<sup>11</sup> dẫu trăm năm là mấy.  
Sách có chữ nhân sinh thích chí<sup>12</sup>  
Đem ngàn vàng chắc lấy chuyện cười,  
Chơi cho lịch mồi là chơi.
- 16 Choi cho dài-các cho người biết tay,  
Tài tình dẽ mấy xưa nay.

CHU-THICH : 1. Cầm kỵ thi túru 琴棋詩酒: đàn, cờ, thơ, rượu 2.

phảm-dề 品題: lời phê khen.—3 Nguyệt-lợ 月 肋: ý nói câu văn hay  
lèp (nguyệt: trắng; lợ: móc).—4. Chung 鍾: đồ dụng rượu.—5 Tiêu-sái 蕭酒:  
thanh-cao; phóng khoáng.—6. Xuất-trần 出 離: ra ngoài  
đời.—7 Hoàng-Thạch 黃石: Xem chú-thích 28 trong bài Khoa  
Nguyễn công-Trú.—8 Xích-Tùng 赤 松: tức Xích-Tùng-Tử, một

vị tiên.— 9 Hai câu 9, 10 : ý đàn thanh-thoát, ý cờ trong sáng : tinh thơ vui-vẻ, tinh rượu nồng-nào.— 10 Chung 鍾 đỗ dùng để đồng lương. Ngày xưa lương các quan trả bằng thóc đồng bằng cái chung. Muôn chung: giàu sang (vạn chung).— 11. Thế 世 : đời.— 12. Nhân-sinh thích chí 人生適志: ở đời nên thỏa chí

### 5. Chữ nhàn

市 在 門 前 閣

*Thị tại môn tiễn náo,*

月 來 門 下 閣

*Nguyệt lai môn hạ nhàn<sup>1</sup>*

So lao-tâm, lao-lực cũng một đoàn,

4. Người trần thế muốn nhàn sao được.

Nên phải lấy chữ nhàn làm trước,

Trời tiếc ru, ta cũng xin nài<sup>2</sup>,

Cuộc nhân sinh bảy, tám, chín mươi mươi,

- 8 Mười lăm trẻ, năm mươi già không kè.

Thoát sinh ra, thì đã khóc chóc,

Trần có vui, sao chẳng cười khì ?

Khi hỉ-lạc<sup>3</sup>, khi ái-ố<sup>4</sup>, lúc sầu-bi.

- 12 Chứa chỉ lầm một bầu nhân-dục<sup>5</sup> ?

知 足 便 足 待 足 何 時 是

*Tri túc tiễn túc, đỗi lúc hà thời túc ?*

知 間 便 閑 待 閑 何 時 閑

*Tri nhàn tiễn nhàn, đỗi nhàn hà thời nhàn ?*

Cầm, kỳ, thi, túu với giang-san.

- 16 Đề mấy kẻ xuất-trần, xuất-thế ?

我 今 日 在 坐 之 地

*Ngã kim nhật tại tọa chí địa*

古 之 人 曾 先 我 坐 之

*Cõ chí nhân tằng tiễn ngã tọa chí*,

Ngàn muôn năm âu cũng thế nì.

20. Ai hay hát mà ai hay nghe hát ?

Sông Xích-Bích buông thuyền năm Nhâm-tuất,

Đè ông Tô<sup>8</sup> riêng một thú thanh-tao,

Chữ Nhàn là chữ làm sao ?

**CHÚ-THÍCH:** 1 Hai câu 1, 2 : Chợ ở trước cửa thì ồn-ào ; trăng dưới cửa thì an-nhàn. Hai câu này do cách ghép chữ đặt : Cùng một chữ *môn 門* nếu để chữ *lị 厝* vào trong thi thành chữ *náo 騰*; nếu để chữ *nguyệt 月* vào trong thi thành chữ *nhàn 閑*.— 2 Bản khác : Dẫu trời cho có tiếc, cũng xin nài.— 3. *Hỉ lạc 欣樂* : vui.— 4. *Ai ô 爰惡* : yêu ghét.— 5. *Nhẫn dục 人欲* lòng ham muốn của người ta.— 6. Câu 13, 14 : Biết đủ tức là đủ, đợi đủ biết bao giờ đủ ; Biết nhẫn tức là nhẫn, đợi nhẫn biết bao giờ nhẫn.— 7 Hai câu 17, 18 : Cái chõ ngày nay ta đương ngồi, người đời xưa từng ngồi trước ta tại đó.— 8. Tô-Thúc hiệu là Đông-Pha, người Tống có làm bài Tiền Xích-Bích phú nói việc ông đi chơi thuyền trên sông Xích-Bích vào năm Nhâm-tuất (1082).

### 6. Bài ca ngắt-ngưởng

宇 宙 內 莫 非 分 級

Vũ trụ nội mạc phi phân-sự<sup>4</sup>

Ông Hi-Văn<sup>5</sup> tài-bộ<sup>3</sup> đã vào lồng.

Khi Thủ-khoa, khi Tham-tán, khi Tông-đốc Đông<sup>6</sup>

4. Gồm thao lược đã nên tay ngắt-ngưởng.

Lúc Bình Tây<sup>5</sup> cờ Đại-tướng.

Có khi về Phủ-doãn Thừa-thiên.

都 門 解 組 之 年

Đã môn giải tổ chí niên<sup>6</sup>

8. **Đạc** ngựa <sup>7</sup> bò vàng đeo ngắt-ngưởng.

Kia nái nọ <sup>8</sup> phau-phau mây trăng,

Tay kiếm-cung mà nên dạng từ-bi,

Gói tiền theo đứng-dĩnh một đỏi dì,

92 Bụt cưng nực cười ông ngắt-ngưởng.

Được măt dương-dương người thái-thượng <sup>9</sup>,

Khen chê-phoi-phoi ngọt-dòng-phong <sup>10</sup>,

Khi ca, khi túa, khi cắc, khi tùng,

16. Không Phật, không tiên, không vướng tục.

Chẳng Trái, Nhạc, <sup>11</sup> cũng vào phường Hán,  
Phú <sup>12</sup>,

Nghĩa vua tôi cho vẹn đạo sơ-chung <sup>13</sup>,

Trong triều ai ngắt-ngưởng như ông !

**CHÚ-THÍCH :** 1. Câu 1 : Mọi việc trong vũ-trụ không việc gì không thuộc về phận-sự của người con trai. (Vũ-trụ : vũ-trụ ; nội : trong ; mục phái : không gì không là ; phận-sự : phận-sự).— 2. Biệt-biệu của Nguyễn-công-Trứ.— 3. Tài bột 貢節 : tài-năng.— 4. Đông : tỉnh Hải-dương.— 5. Bình-Tâng 平西 : giáp yết miền Trấn-tây tức Cao-nên.— 6. Câu 7 : Cái nấm ở chốn dò-môn, cởi giải mũ mà về hưu-tri. (Dò-môn : cửa kinh-dò ; giải : cởi ; mũ : giải mũ ; cởi : cửa, giới-tử ; nấm : nấm). Cái giải ở mũ các quan ngày xưa gọi là « tồ » ; vì vậy người ta dùng chữ « giải tồ » (cởi giải mũ) để nói việc về hưu.— 7. Đạc 獻 : cài mõ.— 8. Dương-dương 洋洋 : chỉ bộ bằng lòng, không cần. Thời-tiếng 太上 : thời cổ xa-xôi.— 9. Đông-phong 東風 : gió đông.— 10. Trái, Nhạc 樂 : tức là Trái-Tuân, một danh-thần đời Hán : và Nhạc-Phi, một bay tôi đời Tống trong-trực và có tài thao-lược, sau bị Tần-Cối gièm-pha với vua và bị giết.— 11. Hán, Phú : tức là Hán-Kỳ và Phú-Bật là những bay tôi giỏi dài Tống. Bản khác chép là Mai-Phúc (?).— Sơ-chung 初終 : trước sau.

## D. TÌNH-CẨM

## 1. Chữ tình

*Cái tình là cái chi chi,  
Đầu chi chi cũng chi chi với inh  
Đa tình là dở,*

4. *Đã mắng vào đỗ gõ cho ra.*  
Khéo quấy người một cái tình ma,  
Trói buộc kẻ hào hoa biết mấy.  
Đã gọi người nằm thiên cổ dậy,
8. *Lại đưa hồn lúc ngũ-canh<sup>1</sup> đi.*  
Nực cười thay lúc phân kỳ<sup>2</sup>,  
Trong chẳng nói biết bao nhiêu biệt lệ<sup>3</sup>.  
Tình huống ấy dấu bút thần khôn vẽ.
12. *Càng tài tình càng ngốc càng si.*  
Cái tình là cái chi chi ?

CHÚ-THÍCH : 1. *Ngũ canh* 五更 : năm cạnh ban đêm.— 2. *Phân kỳ* 分岐 : chia đường, mỗi người đi một ngả.— 3. *Biệt lệ* 別淚 : nước mắt khác lúc chia ly.— 4. *Tình huống* 情況 ; tình cảnh

## 2. Sầu tình

Sầu ai lấp cả vòng trời.

Biết chẳng chẳng biết, hối người tình-chung?

春愁茫茫塞天地

Xuân sầu mang mang tắc thiên địa<sup>1</sup>

4. *Giống ở đâu vô ảnh, vô hình?*

Cứ tờ mờ quanh quẩn bên mình;

Khiến ngàn-ngàn ngọt-ngọt đủ chứng !

Hồi trăng gió, gió trăng hờ-hững !

8. *Ngảm cỏ hoa, hoa cỏ ngảm ngùi.*

Giơm đoạn sầu<sup>2</sup> thơ trực muộn<sup>3</sup> đủ rồi,

Còn lèo dẽo vô trung sinh hối<sup>4</sup>.

欲 破 惑 城 須 用 酒  
Dục phá sầu thành tu dụng tửu ⁶

醉 自 醉 醉 自 惑

12. *Túy tự túy đảo, sầu tự sầu* ⁷

Rượu với sầu như gió mãngouver ?

Trong lai-láng biết tránh đâu cho khôi ?

Càng tài tử càng nhiều tình trái<sup>8</sup>

16. Cái sầu kia theo hình ấy mà ra.

Mua sầu lại kẻ hào hoa.

CHÚ-TÍCH : 1 Câu 3 : Sầu xuông mènh-mang lấp cả trời đất.—2 Đoạn sầu 断愁 : cắt đứt mối sầu.—3 Trục muộn 遂悶 : đuổi sự buồn rầu.—4. Vô trung sinh hữu 無中生有 : trong chỗ không sinh ra có.—5. Câu 11: muốn phá thành sầu nên dùng rượu.—6 Câu 12: Say cứ say mềm, sầu cứ sầu.—7. Gió mã ngựa 馬牛 : liên-hệ với nhau. Con đực, con cái dù dỗ nhau gọi là «phong» 風 (gió). «Gió mã ngựa» là loại ngựa, trâu, con đực con cái dù dỗ nhau. (Theo lời chú-giải của Phục-Kiền trong sách Tả-truyện.—8 Tình trái 情債 : nợ tình.

## E. THƠ VỊNH

### 1. Vịnh Phật

Thuyền Từ một lá chơi-voi<sup>1</sup>

Bè trên chở biết mấy người trầm luân

天 上 天 下 無 如 佛

Thiên tượng thiên hạ vô như Phật<sup>2</sup>

4. Nhỏ không trong mà lớn cũng không ngoài.

Chiếc thuyền Từ một lá chơi-voi,

Vớt chìm-dầm đưa lên cõi tĩnh<sup>3</sup>

Chữ «kiến tinh cũng là suất tinh»<sup>4</sup>

8. Trong ống dòm đờ tiếng hư-vô<sup>5</sup>

Kẻ muốn đem nhân kỳ nhẫn, hòa kỳ thư, lư kỳ  
cư<sup>8</sup>

Song đạo-thống<sup>7</sup> hãy ranh-ranh công-cử<sup>8</sup>.

傍 体 天 理 行 將 去

Bàng tǐ thiên lý hành tương khứ,

都 自 人 心 做 出 來

12. *Bồ-tát nhân tâm tố xuất tai*<sup>9</sup>.

Bát khang-trang<sup>10</sup> chẳng chút chông-gai,

Cùng nghiêng-ngả một dòng Hà-Lạc<sup>11</sup>.

Trong nhết-dụng sao rằng đạo khác,

16. Cái luân-hồi<sup>12</sup> chẳng ở đâu xa.

Nghiệp duyên<sup>13</sup> vốn tại mình ta,

Nơi vuông-tắc<sup>14</sup> đủ thiên-đường địa-ngục.

Vì chưa thoát lòng trần mắt tục.

20. Nên mơ-màng một bước một khơi,

Khiến cho phiền-muộn Như-Lai.<sup>15</sup>

**CHÚ-TÍCH :** 1. Thuyền Tù : dịch chữ *Tù hàng* 惑 罪. Phật lấy  
đức từ-bi cứu chúng-sinh trong cõi trần, vì như đem thuyền mà vớt  
người trong bể khổ.— 2. Câu 3 : Trên trời dưới trời không ai bằng  
Phật.— 3. *Tịnh 昭* : cõi trong sạch, nơi cực-lạc của các vị Bồ-tát.—  
4. *Kiến tinh 觀性* là chữ trong sách Phật cũng như *sát tinh* 事 性  
là chữ trong sách Nho, đều có nghĩa là theo cái tính tự-nhiên.—  
5. Câu này ý nói : vì người đời thấy hợp nên đồ cho đạo Phật là huy-  
vò ; ống dòn, nghĩa là dùng ống mà dòn, ý nói thấy chật.— 6.  
*Nhân kỳ nhẫn hỏa kỳ thư, lư kỳ cư* 人 共 人 火 共 書 共 居 : Đuổi  
thày chùa về làm dân, đốt sách Phật, phá chùa đem làm nhà ố.  
Mấy chữ này là lời của Hán-Dã đời Đường nói trong bài biếu xin  
nhà vua bỏ đạo Phật.— 7. *Đạo-thống 道 組* : mối đạo.— 8. *Công-cử  
公 署* : ai cũng noi theo.— 9: Hai câu 11, 12 : Đạo Phật mương lê-  
troi mà ra, đều tự lòng người mà có.— 10. *Bát khang-trang 鮮 康 庄* ;  
ý nói đạo Phật rộng-rãi. (Bát : đỡ đứng của chư tảng ; khang-trang :

(hẳng phẳng, rộng-rãi).— 11. *Hà-Lạc 河洛*: Bởi chữ Hà-dồ, Lạc-thư, nghĩa là bức vẽ ở sông Hà, bức vẽ ở sông Lạc. Hà-dồ vẽ bát-quái của vua Phục-Hi ; Lạc-thư vẽ cửu-trù của vua nhà Hạ ; đồ là những bức vẽ tượng-tượng cho các lý-lẽ của vũ-trụ, vạn-vật. Câu này ý nói Phật-giáo cũng tượng-tự Nho-giáo.— 12. *Luân hồi 轮迴*: xoay-vẫn không thôi. Phật-giáo cho rằng người ta lăn-luột sống chết, bết kiếp này sang kiếp khác, xoay-vẫn như cái bánh xe không lúc nào ngừng. (Luân : bánh xe ; hồi : quay vòng).— 13. *Nghịệp duyên 桑林*: chữ nhà Phật nghĩa là nguyên-nhận kiếp trước làm thành kết-quả kiếp này.— 14. *Vương túc* : chỉ lòng người.— 15. *Nhu-Lai 如來* : hiệu của đức Phật.

## 2. Vịnh Thúy-Kieu

Đã biết mà hòng thời phản bạc,  
Trách Kieu-nhi chưa vẹn tấm lòng vàng.  
Chiếc quạt, thoa dành phụ nghĩa Kim-lang,

4. Nặng vì hiếu, nhẹ vì tình thì cũng phải.  
Từ Mã-giảm-Sinh cho đến chàng Từ-Hải,  
Cánh hoa tàn đem bán lại chốn thanh-lâu.  
Bấy giờ Kieu còn hiếu vào đâu,  
8. Mà buồm chán ong chường cho đến thế !  
Bạc-mệnh chẳng làm người tiết-nghĩa,  
Đoạn-trường choáng kiếp tà-dâm,  
Bán mình trong bấy nhiêu năm,

12. Đỗ đem chữ hiếu mà làm được ai !  
Nghĩ đời mà ngàn cho đời.

## 3. Cây thông

Ngồi buồn mà trách ông xanh,  
Khi vui muôn khóc, buồn tênh lại cười,  
Kiếp sau xin chờ làm người,  
Làm cây thông đứng giữa trời mà reo,  
Giữa trời vách đá cheo leo,  
Ai mà chịu rét thi trèo với thông.

## PHỤ-LỤC

**1. Câu đối tự-thuật lúc đi thi**

- a) Anh em ơi, ba muoi sáu tuổi rồi, khắp đồng tây nam  
bắc bốn phương, đâu cũng lừng danh công-tử xác ;
- b) Trời đất nhẹ, gắng một phen này nữa, xếp cung kiếm,  
cầm thư một gánh, làm cho nỗi tiếng truong-phu kềnh.

**2. Câu đối tự thuật lúc tri-si**

- a) Cũng may sao, công-dăng-hỏa có gì đâu, theo dõi nhò  
phận lại nhò duyên : quan trong năm bảy thí, quan  
ngoài tám chín phen : nào cờ, nào quạt, nào mũ, nào  
đai, nào hèo, hoa, gươm bạc, nào vồng tia, lọng xanh,  
mặt tài-tinh giữa hội công-danh, khắp trời nam biền  
bắc đủ phong-lưu, mùi thế trại qua coi đã dủ.
- b) Thời quyết hồn, cuộc phong-trần chí nữa tá ! ngọt-  
nguồng chẳng tiên mà chẳng tục : hầu gái một đời cõi,  
hầu trai năm bảy cậu ; này cờ, này kiệu, này rượu, này  
thơ, này dan ngọt, hát hay, này chè chuyên, chén mầu  
tay thao-lược ngoại vòng cương-tỏa, lấy giờ mát trăng  
thanh làm thích-chí, tuổi trót còn mãi ấy là hơn.

## CAO-BÁ-QUÁT

(? — 1854)

文  
集  
卷  
之  
一  
石  
安  
道

Tiểu-sử : Ông hiệu là Chu-Thần 周臣, người làng Phú-Thị, huyện Gia-Lâm, tỉnh Bắc-Ninh.

Ông sinh ở một gia đình khoa-hoạn, từ đời Hậu Lê đã có người làm đến Bình bộ thương-thứ kiêm chức Tham-tụng (thủ-tướng). Ông thân-sinh chỉ là một ông đồ, tuy có dũi-mài kinh-sử, nhưng gặp thời loạn cuối Lê nên không ứng thi. Ông là anh em sinh đôi với Cao-bá-Đạt. Khi tập văn tại trường Đốc-học Bắc-Ninh, hai anh em đã nổi tiếng văn-hay, cả đất Bắc ai ai cũng thán-phục. Theo lời truyền-thuật, Cao-bá-Quát có tinh kiêu-ngạo, ai ông cũng chê dốt. Năm Minh-Mạng thứ 12 tức năm 1831, ông đỗ Á-nguyên-trường Hà-nội, nhưng về sau Bộ duyệt lại quyền của ông, lại đánh tut ông xuống cuối bảng. Ông có vào kinh thi Hội nhiều lần nhưng không đỗ. Theo tài liệu, ông không đỗ vì nhiều lý-do : Ông không thể tự giabo trong khuôn-khổ văn-chuong cursive-nghịp, trong những luật-lệ khắt-khe của trường thi (trường-quí); tinh ông ngông- nghênh, lanh thê ngạo-vật, nên quan trường có ý bói lòng tim vết trong quyền thi của ông để đánh hỏng. Nhà nghèo, lại còn mẹ già, ông bức chí đi lang-thang dày đó để trèo lên thiên-hà. Mãi tới năm 1841, tức Thiệu-Trị nguyên-niên, quan tỉnh Bắc-Ninh mới tâu về kinh tiền của ông. Ông được bộ làm hành-tẩu bộ Lê. Ông được cử làm giám-khảo trong một kỳ thi tại Thừa-Thiền.

Bút-tích CAO-BÁ-QUÁT ông dùng muội đèn-sứa một số quyền thi văn-hay mà phán huy. Việc bại-lộ, ông bị cách chức và đày đi Đà-Nẵng. Hai năm sau, nhân có sứ bộ Đào-trí-Phú đi Tân-gia-ba, ông được phép đi theo để chuộc tội. Khi trở về, ông được phục chức rồi sau thăng lên chủ-sự. Vì tính ông ngang-tàng, hay dùng thơ văn để châm biếm mọi người, ông bị bọn triều-thần coi như một cái gai trước mắt. Năm 1854, ông bị đổi ra làm giáo-thụ phủ Quốc

Oai, thuộc tỉnh Sơn-Tây. Chẳng bao lâu, không chịu nổi cảnh sống buồn-tẻ và túi-nhục ở nơi bão-lánh này, ông xin cáo về.

Theo Đại-Nam chính-biên thực-lục, nhân có Lê-duy-Cự tự nhận là dòng-doi nhà Lê nỗi lèn chống lại triều-dinh, ông tham-gia loạn-đảng để giải nỗi uất-hận. Đám loạn quân đánh phá mẩy hụt Sơn-Tây, Bắc-Ninh này được gọi là «giặc chầu-chầu». Chẳng bao lâu Cao-bá-Quát bị viễn phò-lanh-binh Sơn-Tây vây bắt được. Ông bị tội tử-hình. Hai cha con Cao-bá-Đạt và Cao-bá-Nhạ cũng bị vạ lây. Theo một già-thuyết khác, Cao-bá-Quát không hề có sấp-đặt cuộc khởi loạn như sử sách đã chép lại. Ông chẳng qua chỉ là một người tài-hoa lối-lạc, uất-ức vì không được trọng-dụng; có áp-ủ mộng lớn nhưng thiếu nghị-lực vững-bền, nên việc chống-doi các nhà đương-đạo nếu có cái là bằng văn-tho, bằng lời nói ngông hoắc bằng những từ-chỉ ngang-tặng. Ông số-dì bị trị tội là do sự thù-ghét của một số người âm-mưu làm hại ông, trong đó có Nguyễn-bá-Nghi, viên quan giáp «giặc chầu-chầu» (?)

Tác-phẩm : Cao-bá-Quát là một thiên-tài, tính tình phóng-khoáng, không chịu ép mình sống trong khuôn-khổ như kẻ tam-thường. Vốn thanh-cao lại da său da cảm, ông thường ra mặt khinh-bỉ những kẻ luộn cùi cầu vinh. Thua thiêu-thời, ông đã ôm hoài-bão lớn, muôn «đeo»<sup>1</sup> thư kiêm, quyết xoay bạch-ốc lại lầu-dài». Không mẫn-nguyễn về đường khoa-cử, ông sinh ra yếm-thể, coi đời như một giấc mộng. Để tiêu-sau, khiển-muộn chỉ còn có rượu và thơ. Ông cũng va-hưởng nhàn như các nhà nhở khác, nhưng cái nhàn của ông có đượm vẻ ư-sầu của một người bất-dắc-chí muôn đoạn-tuyệt với cuộc đời. Thơ văn ông chan-chứa một nỗi chán-chường man-máu, những tình-tú nhẹ-nhàng, một tâm-trạng làng-làng như muôn phiêu-diêu ngoại-vật, hoặc đời khi bao-hàm ý mỉa-mai chua-chát.

Thơ văn ông rất nhiều, chỉ tiếc rằng bị thất-lạc gần hết vì người đương-thời sợ liên-lụy đã đem thiêu hủy. Hiện nay về chữ Hán còn lưu lại «Chu-Thần thi-sắp», trong đó có các bài diễn-tả tâm-sự như bài «Hạnh-sơn vong lối ca» (Bài ca Đèo Ngang trống hổ) và các bài thuộc loại xã-hội như bài «Đao phùng ngã phu» (Đi đường gặp người đối) v.v...

Thơ văn nôm của ông gồm có một số câu đối, phú và nhất là hát nói.

Các bài trích : Ta có thể tạm chia thơ văn của Cao-bá-Quát làm ba loại :

- A — Hoài-bão thiêu-thời,
- B — Tu-tuồng yếm-thể,
- C — Tình-cảm.

CÁC BÀI TRÍCH

## A. HOÀI-BÃO THIẾU-THỜI

Tài-tử đa cùng phú<sup>1</sup>

1. Có một người : khô - dạng trâm - anh<sup>2</sup>, nết - na  
chương-phủ<sup>3</sup>.
2. Hơi miệng sưa tuổi còn giọt máu, nét hào-hoa  
chứng nà Tân, Dương<sup>4</sup>; Chòm tóc xanh vừa chấm  
ngang vai, lời khí-khai thi-thầm Y, Phó<sup>5</sup>.
3. Nghiêng gợn sóng vẽ-vời điền-tịch<sup>6</sup>, nét nhạn<sup>7</sup>  
diềm lẩn-tẩn ; Bút véo mây dìu-dặt văn-chương vòng  
thuyền<sup>8</sup> khuyên lõ-chỗ.
4. Nghiêng cánh nhạn lách mai rừng Nhan, Không<sup>9</sup>,  
chỉ xông-pha nào quản chông-gai ; Cựu đuôi kính  
toan vượt bờ Trinh, Chu<sup>10</sup> tài bay-nhảy ngại gã  
lao-khổ.
5. Lắc-bầu-rượu dốc nghiêng non nước lại, chén tiểu  
đàm mời mọc Trich-liên<sup>11</sup>; Hồng lùi thơ nong hết  
gió trăng vào, cơn xướng họ hẹn-hò Lão-Đỗ<sup>12</sup>.
6. Tươi nét mặt thư-sinh lõ-lộ, bưng mắt trần toan  
đẹp cửa phù-đồ<sup>13</sup> ; Rửa buồng gian du-tử nhơn-  
nhơn, giuong tay lao rắp xoay cơn khí-số<sup>14</sup>.
7. Tưởng đến khi vinh-hiền đã coi chứng ; song ngã  
lại trần-ai không rέch chố.
8. Lều nho nhỏ, kéo tấm gianh lười-thuởt, ngày thê-  
lương hạt nặng giọt mưa sa ; Đèn côn-con, có

chiếc chiếu lói-thôi, đèn tịch-mịch soi chung vùng  
trăng tỏ.

9. Áo Trọng-Do<sup>16</sup> bạc thêch, giải xuân thu cho  
đượm sắc càn-lao; Cơm Phiếu-mẫu<sup>17</sup> hầm sì,  
đời tuế nguyệt phải ngâm mùi tân-khổ.
10. Gió trăng rơi-rụng, đè cái quyền gày; Sương tuyêt  
hắt-biu làm con nhạn vỡ.
11. Tôi thanh-bạch ngược xuôi miền khách-dịa, trăm  
nghìn đường chỉ rộn dệt thưa mau; Đèn toan-  
hàn<sup>18</sup> thức nhấp mái nam-song<sup>19</sup>, dầm ba  
ngọn lửa huỳnh<sup>20</sup> khêu nho-nhỏ.
12. Miệng cháu quẽ<sup>21</sup> những rì-rầm học-văn, chỉ  
chú Tô<sup>22</sup> cắn-nhắn chỉ vì nghèo; Vai tần sài<sup>23</sup>  
đúng-dinh ngâm-nga, vợ anh Mãi<sup>24</sup> băn-khoǎn  
tưng-ké khó.
13. Đói rau rừng, thấy thóc Chu mà già, đá Thủ-duong  
chomers-chomers, xanh mắt Di nằm tốt ngày o-o<sup>25</sup>;  
Khát nước sông, trông dòng đực không vợ, phao  
Vị-thủy lènh-dénh, bạc đầu Lã ngồi dai ho  
lụ-khu<sup>26</sup>.
14. Trông ra nhấp-nhỏ sóng phâu-tình; Ngoảnh lại  
vết-vợ mây thế-cố<sup>27</sup>.
15. Ngán-nhẽ kẽ tham bẽ khóa lợi<sup>28</sup>, mũ cánh chuồn  
đội trên mái tóc, nghiêng mình đứng chực cửa  
hầu-môn<sup>29</sup>; Quản bao kẽ mang cái giặc danh<sup>30</sup>,  
áo giời-lần<sup>31</sup> trùm dưới cơ-phủ<sup>32</sup>, mỗi gối quy  
mòn săn tướng-phủ<sup>33</sup>.

16. Khéo ứng thù những các quan trên ; xin bài ngành cùng các phường-phố.
17. Khét mùi thể.vị <sup>33</sup> chẳng thà không ; Thom nức phuong-danh <sup>34</sup> uên mới khđ.
18. Tình uốn-éo muôn vạch giờ lên hỏi : nào kiếp Chử-Đồng <sup>35</sup> đầu ta, nỡ hoài chén ngọc <sup>36</sup> dè trân-ai ?  
Trí lăng-nhang toan vượt hè di tu, hỏi quê tiên-tử <sup>37</sup> nơi mò, xin lịnh lấy vân - đan <sup>38</sup> làm tế-độ <sup>39</sup>.
19. Bài phú Dương-Hùng <sup>40</sup> dù nghiêm tú, thi xin tống bần-quý ra đến miền Đông-hải, dè ta deo vòng thư Kiếm <sup>41</sup>, quyết xoay bạch-ốc <sup>42</sup> lại lâu-dài <sup>43</sup> ; Cầu văn Hán - Dũ <sup>44</sup> phỏng thiêng chăng, thi xin tống cùng - thắn <sup>45</sup> ra đến đất Côn-lon <sup>46</sup>, dè ta gánh-vác giang-sơn, quyết ném thanh-khảm <sup>47</sup> sang cầm-tú <sup>48</sup>.
20. Nhọc-nhẫn con nhục, mát con vinh ; Cay-dắng lúc cung, bùi lúc phủ.
21. Vậy có lời nôm dặn bảo thế-gian rằng : đừng thấy người rời bạch-diện thư-sinh <sup>49</sup> mà cười rằng « da cùng tài-tử ».

**CHÚ-THÍCH :** 1. Tài tử da cùng phủ 才子多窮賦 : bài phú về người có tài mà gặp nhiều nỗi khổn-quản.— 2. Trâm-anh : 簪環 chỉ nhá khoa hoan, quyền quý (trâm là cái đeo gài tóc, anh là giải mũ : xưa thi đỗ Tiến-sĩ trả lén thi được cái trâm đội mũ).— 3. Chương phủ 章府 : càn-trọng, biết giữ-gìn đạo-đức. Chương-phủ là tên thủ mứ Khổng-Tử thường đội khi ở nước Lỗ. Nói chung Chương-phủ là mứ của nhà nho.— 4. Tân-Dương : 欣潭-ương và Dương-Quỳnh là bài trong bốn thi-sĩ nổi danh đời Sở Dương-bên Tứu.— 5. Y-Phó : Y-Doãn và Phó-Duyệt là hai hiền thần đời nhà Thương.— 6. Điện-lịch 電錄 : sách-vở.— 7. Nét chấm.— 8. Vòng khuyên.— 9 Nhan, Không : Nhan-Hồi và Không-tử. Nhan-Hồi là học

trò giỏi của Khổng-tử.— 10. *Trinh-Chu* ; Trinh-Di và Chu-Hi là hai bậc đại-tho đời Tống.— 11. *Trich-tien* 雉仙 : tiên bị dày xuồng trần. Đây chỉ nhà thơ Lý-Bach đời Đường.— 12. *Lão-Đô* : tức Đô-Phù, một thi-hào đời Đường đồng thời với Lý-Bach. Còn Tiên-Đô tức là Đô-Mạc, một thi-sĩ thời Văn Đường.— 13. *Phú-dỗ* 浮屠 : chùa/tháp đê thờ Phật.— 14. *Khi-số* 氣數 : cũng như vận số. 15. *Trọng-Do* : học-trò Khổng-tử, tên là Tử-Lộ có thể mặc áo bông rách đúng với người mặc áo bằng da dày mà không xấu-ho. Áo Trọng-Do là áo rách, áo của kẻ hàn-sĩ thanh-cao,— 16. *Hàn-Tiù* khi còn hàn-vi đi câu ở sông Hoài, được bà lão giặt thuê là Phiếu-mẫu cho cõm ǎo, nên khi hiền-dat có đèn ngầu lạng vàng đến tạ ơn.— 17. *Toan-hán* 慫寒 : khồ-sở, nghèo - khốn quá (toan : chua ; hán : rét).— 18. *Nan-song* 南窗 : cửa sổ phía Nam.— 19. *Huynh* 婴 : con dom-dom. Ngày xưa Xa-Dận nghèo phải bắt dom-dom lấy ánh sáng mà học.— 20. *Cháu, quế* 珠桂 : ugoc, quế. Người ta thường nói « gạo cháu, cùi quế » trong thời buổi thực-phẩm và vật-dụng biếm-boi, đất-dò. Đây ý nói ; nghèo mà vẫn chịu khó học-hành. Trong lúc nghèo-nàn, coi gạo quý như cháu, cùi quai như quế, mà vẫn rì-rầm học-văn.— 21. *Tò-Tiù* là một người có tài du-thuyết ở thời Chiến-quốc. Lúc còn hàn-vi, chỉ dám khinh-bỉ khòng chịu thối cơm cho ăn. 22. *Tân-sài* 新柴 : cùi.— 23. Chu-mai-Thần nhà nghèo phải vừa gánh cùi vừa đọc sách. Vợ chàng thấy chồng nghèo-khổ bỏ đi lấy chồng khác.— 24. *Bà-Đi*, người đời Thương, coi việc Chu Vũ-Trong diệt Trụ là phi-nghĩa, lên & ăn trên nóc Thủ-Đương, ăn rau, chứ không chịu ăn thóc nhà Chu, sau nhảy đói chết.— 25. *Lã-Vọng* tức Khương-Tú-Nha Thườ ng ngồi câu ở sông Vị, mãi đến năm 80 tuổi mới được vua Văn-vương nhà Chu biết tài dón mồi ra lập nghiệp lớn.— 26. *Thế-cố* 世故 : việc đời.— 27. *Khóa-lợi* : bị cái lợi trói buộc, làm cho mất tự-do. Do chữ *lợi* *tỏa* 利鎖.— 28. *Hầu-môn* 儀門 : cửa nhà quan.— 29. *Giảm-danh* : bị công-danh ràng buộc, sai-khiến. (giảm là dày buộc mõm ngựa, mõm trâu bò). Do chữ *danh* *cương* 單縛.— 30. *Giới-làn* 犯禁 : áo giáp của quan võ làn bằng da loài cò vây.— 31. *Cơ-phu* 肌膚 : da thịt (cơ : thịt định xương ; phu : thịt định với da).— 32. *Tướng-phù* 將符 : định quan-tề-tướng.— 33. *Thế-vị* 世襲 : mài đời.— 34. *Phu-ong-danh* 附名 : tiếng thơm.— 35. Chủ-Đồng-tử là một nhân-vật trong thần-thoại nước ta. Chủ-Đồng-tử nhà nghèo, không có mảnh khổ che thân ; thường phải nằm lấy cát phủ lên khi có người đi qua. Tình-cờ một hôm công-chúa Tiên-Đông vây màn tắm ngay chính chỗ chàng náo nín. Hai người kết duyên vợ chồng rồi về sau cũng thành tiên.— 36. Công-chúa Liêu-Hạnh, một vị nữ-thần nước ta, trước kia ở trên trời ; vì *đam* *vết* chén ngọc phải dày xuồng trần.— 37. *Tiên-tử* 天子 : nàng tiên.— 38. *Vân-đan* 雲丹 : thuộc tiên.— 39. *Tế-dỗ* 祇庶 : cứu-giúp.— 40. *Đường-Hùng* đời Hán có viết bài phú « Trực bằn » (Đuỗi cái nghèo).— 41. *Thư-kiệm*

舊 例 : sách và gươm.— 42. *Bach ốc* 白 鹑 : nhà nghèo hén.— 43. *Lâu dài* : 僵 墓 nhà giàu sang.— 44. *Hàn-Dũ* là một văn-hào đời Đường, có bài phú « Tống cung » (Đưa tiễn cái khốn-cùng).— 45. *Cùng thàn* 痞 痘 : thàn khổn-quản.— 46. Côn-lôn là tên một ngọn núi bên Tàu.— 47. *Thanh khâm* 青 珪 : áo xanh, tức là áo học-trò. Ngày xưa học-sinh bên Tàu mặc áo xanh.— 48. *Cầm tú* 錦 緋 : gấm vóc. Áo cũa quan tuy bằng gấm vóc.— 49. *Bach diện thư sinh* 白 面 師 生 : người học-trò còn ít tuổi, chưa hiểu sự lý gì. (Người học-trò mặt trắng).

## 2. Cuộc phong-trần

Chẳng lưu-lạc, dẽ trãi mui trần-thể ;  
Còn trần-ai, khôn tỏ mặt công-hầu.  
Ngất-ngrởng thay con Tạo khéo cơ-cầu<sup>1</sup> :

4. Muốn đợi-thụ<sup>2</sup> hẵn dim-cho lung-tùng.

身 係 邦 家 終 有 用  
*Thân hệ bang gia chung hữu dụng.*

天生豪傑不虛虛  
*Thiên sinh háo kiệt bất ưng hư<sup>3</sup>.*  
Hắn bèn lòng chờ chút oán-virus<sup>4</sup> :

8. Thời chí hĩ, ngư long biến-hóa<sup>5</sup>.

Thời đã biết cùng thông<sup>6</sup> là mệnh cả,  
Cùng đừng đem hình dịch<sup>7</sup> lại cầu chí,  
Hơn nhau cũng một chí thi.

CHÚ-THÍCH : 1. *Cơ cầu* : nhiều mưu-cố biếm-độc.— 2. *Đại-thục* 大 援 : trao cho việc lớn.— 3. Hai câu 5, 6 : Thần minh có quan-hệ đến nước nhà, tất sau phải có lúc dùng ; Trời sinh ra người tài-giỏi, không lẽ bỏ không.— 4. *Oán-virus* 憎尤 : giận, trách. Do chữ oán-thiên, virus-phản (giận, Trời, trách người).— 5. Câu 8 啓 亟 先 義 龐 變 化 : Lúc thời-vận đến, cá hóa thành rồng.— 6. *Cùng thông* 翁 通 : lúc vận cùng, lúc

vận đạt.— 7. *Hình-dịch 形役* : (hình : thể-chất bè ngoài ; dịch : sai khiển). Lấy chữ trong bài « *Qui khúi lai từ* » của Đào-Tiềm đời Tán : « *Đĩ tâm vi hình dịch* » (Đem cái tâm cho cái hình sai khiển). Cả câu 10 là : cũng dùng đem lòng mình cho thể-chất sai-khiển để cầu-mong sự gi).

## B. TU-TƯỞNG YẾM THỂ

### 1. Hội-ngộ

人世罕逢開口笑  
Nhân thế hǎn phùng khai khâu tiếu<sup>1</sup>.

Khách giang-hồ thường hợp thiều, ly da,<sup>2</sup>  
Nay Bắc Nam xum-hop một nhà,

4 Göm đủ cả thằng cảnh<sup>3</sup>, lương thời<sup>4</sup>, thường  
tâm<sup>5</sup>, lạc sự<sup>6</sup>.

曉竹哀絲<sup>7</sup> 暮醉矣  
Háo trúc ai sī dù túy hì,

瑟風冷月夜如何  
Thé phong lanh nguyệt dạ hàn nè<sup>8</sup>,

Thú nguyệt hoa là nợ săn với c. thư  
8. Cuộc thi tiêu đề riêng người phong-nhã.

君不見花落花開春去也  
Quán bá tì kiến : hoa lạc, hoa khai, xuân khứ dã ?<sup>10</sup>  
Hãy chơi cho lán-lóc dà kéo hoài.  
Kia kia hãi-giác thiên-nhai...<sup>11</sup>

TIỀU-DÂN : Bài này làm trong bữa tiệc họp mặt các bạn-bè, trước khi các-giả đi theo phái-doàn sang Tân-gia-ba.

CHÚ-THÍCH 1. Câu 1 : Ở đời ít khi gặp lúc mở miệng cười. Do thơ Đỗ-Mục, một thi-sĩ đời Đường.— 2. *Hợp thiều, ly da* 合少離多 : xum-hop ít, chia-ly nhiều.— 3. *Thằng cảnh* 形景 : cảnh đẹp.— 4. *Lương thời* 良時 : ngày lành tốt, trời trong sáng.— 5. *Thường tâm* 常心.

lòng vui vẻ.—6. *Lạc sự* 樂事: việc vui. Người xưa gọi «Tháng cảnh, hương thời, thường tâm, lạc sự» là bốn điều hay (Tứ mỹ 四美).—7. Hai câu 5, 6: Tiếng trúc kêu gào, tiếng tơ ai oán, ta say rồi: gió heo, trăng lạnh, đêm ra sao? 8. Cầm thư 琴書: đàn và sách.—9. Câu 9: Bạn chẳng thấy: hoa rụng, hoa nở, áy là xuân đi? 10. Hải giác, thiên nhai 海角天涯: góc biển, chân trời.

## 2. Cuộc đời thời tiếc chi ai.

北 方 有 佳 人 絶 世 而 独 立

*Bắc phương hưu giai nhân, tuyệt thế nhi độc lập* :

Già dã nên nhất cố khuynh thành<sup>2</sup>

Tiếc cho mình mà lại thương mình,

4. Còn chen-chúc với đời chi mãi tá!

我 亦 知 非 寡 作 我

*Ngã diệc tri phi, ninh tác ngã*:

人 無 不 是 寡 看 人

*Nhân vô bất thị, trữ khán nhân*<sup>3</sup>

Trường thị phi trót dã qua chán,

8. Thời dã biết chuyện đời là thế thế,

Thoi thá̄m thoát bóng đâu đã xé,

Mới ngày nào mài tóc chấm ngang vai.

Cuộc đời thời tiếc chi ai!

TIỀU-DÂN : Ông Nguyễn-văn-Khai, một vị hiền quan thời bấy giờ, có cưới một cô hầu là đào nương nổi tiếng ở tỉnh Bắc-Ninh. Trong bữa tiệc do ông Khai mời, Cao-bá-Quát làm bài này cho đào-nương hát.

CHỦ-THÍCH : 1. Câu 1 Phương bắc có một giai nhân đẹp nhất đời là đúng một mình. Câu này ở trong một bài thơ của Lý-diên-Niên đời nhà Hán.—2. Nhất cố khuynh thành. 一顧傾城: Hiết một cái làm nghiêng thành. Do hai câu thơ trong bài của Lý-diên-Niên, tiếp theo hai câu ở trên: «Nhất cố khuynh nhân thành, tái cố khuynh nhân quốc» (Ngoanh

lại một cái, nghiêng thành người ; ngoảnh lại cái nữa, đổi nước người).—  
Bản khác :... nhất tiếu khuynh thành : cười một nụ làm nghiêng thành.  
3. Hai câu 5, 6 : Ta cũng biết những điều trái của ta, nhưng thà ta cứ  
là ta. Người ta không ai không tị cho mình là phải ; ta hãy đợi xe-  
họ ra sao.

### 3. Ngán dời

世 事 升 沈 君 真 間

*Thế sự thăng trầm quán mạc văn,*

煙 波 深 庵 有 漁 舟

*Yên ba thẳm xít hữu ngư châu<sup>4</sup>*

Vật tay nắm ngã chuyện đâu đâu,

4. Đem mộng-sự<sup>2</sup> đọ với châu-thân<sup>3</sup> thì cũng hệt.

惟 江 上 之 清 風 與 山 間

*Duy giang thượng chi thanh phong, dù son gian*

之 明 月

*chì minh nguyệt<sup>4</sup>*

Kho trời chung mà vô-tận của mình riêng.

Cuộc vuông tròn phó mặc khuôn thiềng.

3. Kẻ thành-thị, kẻ vui miền lâm-tâú.<sup>5</sup>

Gõ dịp lấy, đọc câu «Trương tiến tâú»<sup>6</sup> :

君 不 見 黃 河 之 水 天 上 來

*«Quân bất kiến : Hoàng-hà chí thủy thiên thượng lai.*

奔 流 到 海 不 復 回

*Bôn lưu đáo hải bất phục hồi ..<sup>7</sup>*

Lâm chỉ cho mệt mệt dời !

CHÚ-THÍCH : 1. Câu 1, 2: Việc dời lên xuống, bạn chẳng nên hỏi ; trong chỗ khói-sóng mù-mịt, có chiếc thuyền của ông đánh cá. Hai câu này mượn trong thơ Đường.— 2. Mộng-sự 梦事 ; việc trong mộng.—

3. Chân-thân 足 𩚖 : cài thân thực.— 4. Câu 5 : Chỉ có gió mát ở trên sòng, cùng tràng sáng trong khoáng núi (là kho vò-lan của Tao-hoa mà ta có thể hưởng cho thỏa-thich). Câu này ở trong bài phú Tiễn Xích-bích của Tô-Đông-Pha, một thi-hào đời Tống.— 5. Lâm-lâu 林 霧 : rùng và nỗi cô.— 6. Tương-tiến-túu 斗 造 酒 : « Sáp mồi rượu », tên một bài-thơ của Lý-Bạch.— 7. Câu 10 : Bạn chẳng thấy : nước sòng Hoàng-hà từ trên trời xuống, chảy ra bê không quay trở lại. Câu này là hai câu đầu trong bài-thơ Tương-tiến-túu của Lý-Bạch, ý nói thời-gian và tuổi-xanh của người ta trời qua rất nhanh không quay trở lại.

#### 4. Uống rượu tiêu sầu

Ba vạn sáu nghìn ngày là mây,  
Cánh phù-du<sup>1</sup> trông thấy cũng mực cười.  
Thời công-dâu chuốc lấy sự đời,

4. Tiêu-khiên một vài chuồng lếu-láo.

断 送 一 生 唯 有 酒  
Đoạn tống nhất sinh duy hữu túu,

况 恶 百 古 不 如 简  
Trăm tư bách kẽ bút như nhàn.<sup>2</sup>

Dưới thiên-quang<sup>3</sup> thấp-thoảng bóng Nam-san<sup>4</sup>

8. Ngoảnh mặt lại cừu-hoàn<sup>5</sup> coi cũng nhỏ.

Khoảng trời đất : cõi kim, kim cõi,

Mảnh hình-hài : không có, có không,

Lộ là thiên tử, vạn chúng<sup>6</sup>.

**CHÚ-THÍCH :** 1. Phù-du 婵 媛 : con vò, một thú trùng nhỏ, sống dưới nước, mau chết lâm.— 2. Câu 5, 6 : Dứt hẳn cuộn đời chỉ có rượu ; nghĩ-ngợi trăm kẽ, không gì bằng nhàn.— 3. Thiên-quang 露 光 : ánh sáng đẹp mùa xuân.— 4. Nam-san 南 山 : tức núi Chung-

Nam bên Tàu, nơi các ân-sứ thường tới ô. Thi-sĩ Đào-Tiêm đời Tân có câu : « *Thái cúc đồng ly hụ, du-nhiên kiến Nam-san* » (Hai hoa cúc dưới giậu phía đông, xa xa thấy núi Nam-san). Nhà thơ Mạnh-hạo-Nhiên đời Đường có câu : « *Bắc khuyết hưu thường thư, Nam-san qui tệ lữ* » (Thời chàng dâng thư lên Bắc-khuyết, trở về nhà nát chốn Nam-san) (Bắc-khuyết chỉ nơi cung-diệu vua).— 5. *Cửu hoán* 九 環 : vũ-trụ (chín cõi).— 6. *Thiên tài vạn chung* 天才萬種 : chỉ sự giàu sang. Nghìn cỗ xe bốn ngựa và vạn chung thóc; đó là bồng-lộc mà các bậc công hầu thời phong-kiến được hưởng.

## 5. Bởi người thăm-thoắt

人 生 天 地 同 一 迹  
Nhân sinh thiên địa gian nhât nghịch lữ<sup>1</sup>.

Có bao-lăm ba vạn sáu nghìn ngày,  
Như thoai dưa, như bóng số, như gang tay.

4. Sức nhớ chữ « Cồ-nhân bình-chúc »<sup>2</sup>,

高 山 流 水 千 軸  
Cao sơn lưu thủy thi thiên trục.

明 月 清 風 酒 一 船  
Minh nguyệt thanh phong tiêu nhất thuyền<sup>3</sup>.

Giang tay người tài-tử, khách thuyền-quyên;

8. Chén rượu thành, câu thơ thần thích-chí.

Thành-thị ấy mà giang-sơn ấy,

Đâu chẳng là tuyết nguyệt phong hoa.<sup>4</sup>

Bốn mùa xuân lại thu qua.

12. Đời người thăm-thoắt như là con thoại.

Cho hay của thế<sup>5</sup> người đời.

**CHÚ-THÍCH :** 1. Câu 1 : Người ta sống trong trời đất giống như người khách trọ trong quán bên đường. Do câu của Lý-Bạch : « *Thiên-dịa giả vạn-vật chí nghịch-lữ, quang-âm giả bách-dai chí quá khách* » (Trời đất là quán trọ của vạn-vật ; thời gian là khách đi

qua cửa trăng dời).— 3. Cô-nhân bình chúc 女人采燭 : người đời xưa cầm báu đuốc (đè di chơi ban đêm). Do câu của Lý-Bach : « Nhàn sinh nhược mộng, vi hoan kỷ hè ? Cô-nhân bình chúc dạ du, lương hồn dĩ dã » (Đời người như giấc mộng, vui chơi được bao ? Người xưa cầm đuốc chơi đêm, thực có lý-do vậy).— 4. Tuyết, nguyệt, phong, hoa 雪月風花 : tuyết, trăng, gió, hoa. Những cảnh thiên-nhiên.— 5. Thể 體 : dời.

### C. TÌNH-CẨM

#### 1. Hoài-nhân<sup>1</sup>

佳人難再得  
Giai-nhân nan tài đắc<sup>2</sup>

Trót yêu hoa nén đau-diu với tình,  
Mái Tây-niên<sup>3</sup> nguyệt gác chênh-chênh,  
4. Rầu-rỉ lâm xuân về, oanh nhớ !

風流才子多春思  
Phong-lưu tài-tử da xuân tư,

腸斷蕭娘一紙書  
Trường đoạn tiều.nương nhất chí thư.<sup>4</sup>

Nước sông Tương<sup>5</sup> một giải nóng chờ,

3. Cho kẽ dây, người dây moung-mỏi !

Bút.rút nhẽ, trăm đường nghìn nỗi !  
Chữ chung.tình biết nói cùng ai ?  
Trót vì gắn bó một hai.. !

**CHÚ-THÍCH :** 1. Hoài-nhân 懷人 : nhớ người.— 2. Câu 1 : Khó lại gặp được người đẹp. Câu này là câu cuối trong bài thơ của Lý-diên-Niên đời Hán, bốn câu trên đã được nhắc tới ở bài « Cục đời thời tiếc chí ai », chú-thích 1 và 2.— 3. Trong truyện Tây-strong kỳ, chàng Trương-quân-Thúy gặp nàng Thôi Oanh-Oanh ở mái hiên phía tây.— 4. Câu 5, 6: Người tài-tử phong-lưu có nhiều ý về xuân, và

sinh ; sau-khô vì một tờ thư của nàng. Bởi Đường gọi người con gái là *tiêu-nương*, người con trai là *tiêu-lang*. Hai câu này của Đường-cụ-Nguyễn nói về Trương-quân-Thụy và Thủ-Oanh-Oanh (Tây-swing kỳ). 8. Trên một con sông ở bến Tàu. Tinchew có câu : « *Quán tại Tương-giang dẫu, Thiếp tại Tương-giang vĩ, Tương cố bắt tương kiển, Đồng đầm Tương-giang thấy* » (Chàng tại đầu sông Tương, Thiếp ở cuối sông Tương, trông nhau mà chẳng thấy, cùng uống nước sông Tương).

### PHỤ-LỤC

#### 1. Câu thơ diễu thi-xã Mạc-Vân <sup>1</sup>

Ngán thay cái mũi vò-duyên,

Câu thơ thi-xã, con thuyền Nghê-an.<sup>2</sup>

**CHÚ-THÍCH :** 1. Mạc-Vân thi-xã do Tùng-Thiện công (sau được phong là Tùng-Thiện vương) lập ra, gồm nhiều danh-sĩ ở kinh-dô như Tuy-Lý công (sau được phong là Tuy-Lý vương) Hà-tôn-Quyền, Phan-thanh-Giản, Trương-dăng-Quế.., 2. Nghệ-An là tỉnh sản-xuất nước mắm có tiếng.

#### 2: Các câu đố làm trong thời-kỳ

dạy học tại Quốc-oai.

- a) Mô-phạm dăm ba tháng mặt trăng,  
Bình-chung<sup>1</sup> chiếc ruồi cái lương vàng.<sup>2</sup>
- b) Trời chán kỳ kỵ<sup>3</sup> cho vào rợ;  
Rút ruột tang-bồng trả nợ cám.
- c) Nhà trống ba gian, một thày, một cô, một chó cái;  
Học-trò dăm đứa, nửa người, nửa ngựa, nửa dưới-trời.

**CHÚ-THÍCH :** 1. *Bình-chung* 鑄鐘 : giàu sang (Định: cái vạc; chung cái chuông)—Đời xưa bến Tàu, những nhà giàu sang đồng người phải nấu món ăn bằng cái vạc và đánh chuông lớn để hội họp.— 2. Lương trả bằng thóc.— 3. *Kỵ*, *kỵ* 駕駕 : tên hai loại ngựa tốt, vì với đặc nhân tài xuất chúng.

### 8. Câu đối đẽ trên lá cờ nồi dãy (?)

平 陽 當 坂 無 克 斧  
*Binh-dương Bồ-bản vô Nghiêu, Thuần ;*  
 牧 犬 呼 倘 有 武 湯  
*Mục-dã Minh-diều hữu Võ, Thang.*

Nghĩa là :

Ở Bình-dương và Bồ-bản không có vua Nghiêu  
 vua Thuần ;

Thi ở Mục-dã và Minh-diều phải có vua Võ, vua Thang

**CHÚ THÍCH :** 1. Bình-dương là kinh-dô của vua Nghiêu, & tỉnh Sơn-Tây bên Tàu.—2. Bồ-bản là kinh đô của vua Thuần, cũng ở Sơn-Tây.—3. Nghiêu, Thuần là hai vua hiền thời thương-cố ở Trung-quốc.—4. Mục-dã ở tỉnh Hà-Nam, là nơi vua Võ-vương đánh đuổi bạo-quân Trù mà lập ra nhà Chu.—5. Minh-diều ở tỉnh Sơn-Tây, là nơi vua Thang đánh đuổi bạo-quân Kiệt mà lập ra nhà Thương.—6. Võ, Thang là vua Võ-vương nhà Chu, và vua Thang nhà Thương.

### 4. Chỉ làm trai

Trong bài trường-thiên tiễn ông Nguyễn-Trúc-Khê ra làm tri-phủ Thương-tín, tỉnh Hà-đông, Cao Chu-Thần viết: «Làm trai ở trên đời, không biết đem can-trường nghị-lực mà giúp cho thế-đạo cương-thường, chịu bó tay nhìn bọn dương-đạo làm càn, già đời lơ-lão, làm nhục quê-hương, cúi đầu khâm-nhum, ý-khi tiêu-mòn, rồi mà chết đi là nằm trong tay vợ, thời đầu thác xuồng có gấp hai đấng thần cũng là mặt dày lòng tôi, thần thảm ý thương, ngồi nghĩ nồng-nỗi ấy mà đau lòng không biết bao nhiêu ! ... »

Trích trong *Thơ cho bạn, của Phạm-Quỳnh (1919)*

*Thượng-Chi văn-tập cuộn IV*

## 道 逢 餓 夫

## 5. Đạo phùng ngã phu

歸 踏 雜 家 子  
*Vũ vú thay gia tử*  
 衣 破 笠 不 完  
*Y phá lạp bát hoàn*  
 徒 徒 南 方 來  
*Thúc túng nam phương lai*  
 向 我 前 頭 嘴  
*Hướng ngã tiên đầu than*  
 問 子 何 所 豈  
*Văn tử hả sở ưu*  
 自 云 長 鞍 雜  
*Tự vẫn trường gian nan*  
 家 貧 略 藝 卜  
*Gia bần nghiệp y bốc*  
 我 來 走 長 安  
*Ngã lai tâu Trường-An*  
 長 安 無 病 人  
*Trường-An vô bệnh nhân*  
 痊 藥 如 邱 山  
*Quán y như khâu san*  
 寧 宁 望 歸 路  
*Linh đinh vọng quí lô*  
 极 目 雪 漫 漫  
*Cực mục óán man-man*  
 二 日 典 空 篓  
*Nhị nhật diền khóng khip*  
 三 日 餘 累 餐  
*Tam nhật xuyết ưng san*  
 逢 人 但 娟 喜  
*Phùng nhân dān ngu hỉ*

故 言 声 韶  
 Dục ngôn thanh lũ cao  
 声 干 且 休 渡  
 Y tử thả hưu lè  
 一 錄 與 干 故  
 Nhất quĩ dĩ tử hoan  
 恋 恋 連 旅 中  
 Du du nghịch lữ trung  
 百 年 莘 自 寬  
 Bách niên thùy tự khoan  
 慢 也 莫 睞 吻  
 Mạn giã mạc xấu yết  
 備 益 非 壯 痛  
 Bạo doanh phi tráng nhan

## CAO-BÁ-QUÁT

Dịch thư :

## Đường gặp người dối

Một con người thất-thểu,  
 Áo rách nón tai-bời.  
 Chợt từ phía Nam lại,  
 Cùng ta năn.nỉ lời.  
 Ta hỏi : « Bác buồn gì ? »  
 Thưa rằng : « Tình cảm tôi :  
 « Nhà nghèo làm thầy thuốc,  
 « Lên kinh mong cầu tài.  
 « Kinh-dó chẳng ai ốm,  
 « Thầy thuốc như núi đồi.  
 « Cùng kẽ phải quay về,  
 « Đường mây nghìn dặm khói.  
 « Ngày hai cổ chiếc tráp,  
 « Ngày ba nhin dối dài.  
 « Gặp ai vẫn tươi tinh,

« Muốn nói nhưng nghèn lời ».  
 — « Ôi thôi bác ngừng lè,  
 « Cùng ta dùng bữa chơi,  
 « Trăm năm trong quán trọ,  
 « Ông-dong nào mấy ai !  
 « Thông-thả đừng vội nuốt,  
 « Chợt no dễ khốn người ».

*TRỰC-KHÈ* dịch

## TỰ TÌNH KHÚC CỦA CAO-BÁ-NHÃ<sup>1</sup>

Nguồn-gốc : Cuộc bạo-dòng ở Mỹ-Lương năm 1854 thất-bại, Cao-bá-Quát bị xử chém cùng hai con trai của ông. Người anh sinh đôi là Cao-bá-Đạt đang làm tri-huyện Nông-Công (Thanh-Hóa) bị áp-giải về kinh, đến giữa đường dùng dao tự sát. Riêng Cao-bá-Nhã là con ông Đạt trốn thoát, tới ẩn-núi ở vùng Mỹ-Đức (Hà-Đông), đóng vai một ông đồ thanh-bạch, vui cùng cỏ cây, đèn sách để giữ cho dòng-doi khỏi bị tiệt-diệt. Không ngờ, vào khoảng năm 1861—1862, tên Phụng-mạo xưng là Lê-duy-Minh dòng-doi nhà Lê, nổi lên đánh phá hai vùng Quảng-Yên và Hải-Dương cùng một số tướng-giặc khác. Trong số các quan triều-định phái đi dẹp loạn, có Nguyễn-bá-Nghi là người vốn thù ghét Cao-bá-Quát và đã đánh « giặc châu-châu » năm xưa. Lại nhân có kẻ hiếu-độc tố-giặc với nhà đương-đạo, Cao-bá-Nhã liền bị bắt giải qua Bắc-Ninh, Hà-nội để lấy khâu-cung rồi bị phát vàng lên thương-du. Ở miếu nước độc được ít lâu, ông mất-tịch một cách bí-mật. Thế là chi trưởng họ Cao bị tiêu-diệt.

Trong khi bị giam trong ngục, Cao-bá-Nhã làm một bài tự-tìn, bằng chữ Nôm và một bài trấn-tình bằng chữ Hán để giải-bày tâm-sự u-uất và nỗi oan-khiên của mình. (Bài trấn-tình bằng chữ Hán có đăng trong Nam-Phong số 113).

**Nội-dung :** Tự-tình khúc gồm 608 câu viết theo thể song-thát lục-bát, có thể chia làm bốn phần chính mạch-lạc khá phân-minh.

Trong tám câu mở đầu, tác-giả nói trỗi-tâm năm ẩn-núi (1854—1862), bây giờ bị bắt, ông muốn bày tỏ nỗi oan với Triết. Rồi ông nói đến dòng họ cao & Phú-Thị, đã mấy đời khoa hoan, bao giờ cũng giữ hai chữ « trung, cần ». Thân-phụ ông chỉ làm chức « thủ-lệnh » (tri-huyện) cũng nỗi tiếng thanh-liêm. Ông giải-bày tâm-sự đau-thương của ông khi ẩn-núi, chỉ biết một lòng hiếu-trung, vui cùng cỏ cây, đèn sách, cốt giữ-giùm « di-thể » cho triền-dao-biểu, ngày ngày mong bức « xá-thư ». Vì có kẻ xấu bụng tố-giặc, ông bị bắt giải đi nay Hải-Dương, mai Bắc-Ninh. Tuy bị bắt, ông vẫn ẩn-nhẫn, một lòng trung-chính. Ông thương mẹ già, vợ dại, con thơ, nhớ cảnh quê-hương, noi án sách cũ và nhất

1. Tự-tình khúc 誓辭 是 khúc ngâm giải-bày tình-y.

là những cây cảnh ông đã chăm nom với tất cả tấm lòng nghệ-sĩ của ông. Ông nhấn lời thâm-tắc cả và hẹn ngày đoàn-tụ, vì ông tin rằng nỗi oán của ông sẽ có ngày được cõi-mở. Ông tự nhủ không nên buồn và bây tin ở đạo Trời chí-công.

Nói tóm lại, Tự-tình khúc cho ta thấy & Cao-bà-Nhà *hai con người*:

— Một nhà nho nghệ-sĩ, tâm-hồn phong-phú, biết hòa-dồng với cảnh-vật thiên-nhiên.

— Một người trọng đạo hiếu-trung, tin ở mệnh Trời, lúc nào cũng cẩn-trọng, gấp oan-ýc mà không tỏ vẻ căm-hờn, vẫn cố nén lòng oán-giận để mong đợi nhà vua trọng-lại.

Các bài trích : Ba đoạn :

- 1) Tình nhà (69-92).
- 2) Nỗi lo phiền trong khi ẩn-náu tại Mỹ-Đức (149—188).
- 3) Lúc bị bắt (189—196).

## CÁC BÀI TRÍCH

### 1. Tình nhà

(Từ câu 69 đến câu 92)

Đạo con lấy hiếu-trung làm trọng,

Nỗi thế-thường <sup>1</sup> xem mông xem khinh.

Phù-sinh một sợi tơ mành,

### 72. Giữ-gìn di-thè <sup>2</sup> như hình thiêng-kim <sup>3</sup>.

Nhạn sa nước nồi chìm bể khồ,

Yến e cung tim đỗ cây lành <sup>4</sup>.

Đường ngang những sơ chóng-chênh,

### 76. Khăng-khang quyết giữ tẩm thành như son.

Áo bạch-trữ <sup>5</sup> dần cơn mưa nắng,

Khăn ô-luân <sup>6</sup> đội nặng giờ sương.

Cành mai chẽch-mác <sup>7</sup> càng thương,

### 80. Câu thơ tang tú <sup>8</sup> giữa đường càng đau.

Ngân non Thái mờ mây bạc ;

Giật chấn béo lưu lạc bê oan.

Gặp-ghèn tưng bước gian-nan.

**84. Một vùng khát-chết, muôn vàn thương-tâm.**

Lòng hiếu-duồng <sup>10</sup> trăm năm dã lở.

Lời di-danh <sup>11</sup> hai chữ còn mang.

Trong khi biến chẳng khác thường.

**85. Đến điều cung quá, lại càng kiêu-trinh.**

Thu nước mắt, gia-linh biếng cạn ;

Thẩm mò-hỏi, vận-hạn lâu qua.

Tràng-dinh <sup>12</sup> ngảm lại xa xa,

**92. Khởi cầu « Chiết liễu » <sup>13</sup> ai là cõi nhàn ?**

**TIÊU-DÂN :** Sau khi trình-bày dòng-doi cùng dốc thanh cõi trung chính của họ Cao, tác-giả nói qua đèn-gia-biển và sự bỏ nhà trốn đi. Đoạn này tả nỗi tình nhà u-uất của ông.

**CHÚ-THÍCH :** 1. *Nỗi thế-thường* : thời thường của người đời.— 2. *Di-thề* 遺體 : thân-thề của cha mẹ để lại cho con.— 3. *Thiên kim* 天金 : ngàn vàng.— 4. Con chim én sọ cung nên không đậu cành cong. Do chữ « kinh cung chi diều » (chim sọ cung). Chim bị cung bắn một lần, sau thấy cái gì cũng sụ.— 5. *Bạch trù* 白鶴 : vải gai trắng áo tang.— 6. *Ô-luân* 烏鰲 : khán lượt đen.— 7. Cũng như chéch-méch nghĩa là nghiêng-lệch.— 8. *Tang tử* 棣梓 : chỉ què-hương (tang : cây dâu ; tử : cây tử). Kinh Thi có câu : « Duy tang dữ tử, tất cung kinh chí » (Cây dâu và cây tử do cha mẹ trồng, phải kính-trọng nó). Về sau, tang-tử dùng để chỉ què-hương chỗ cha mẹ ở.— 9. Nhờ cha mẹ. Bích-nhân-Kiệt đời Đường đã làm quan xa, chỉ đám mây trắng ở núi Thái-Hàng nói : « Nhà cha mẹ ta ở dưới đó ». Sau dùng « Non thái, mây Hàng » để nói lòng trống nhớ cha mẹ.— 10. *Hiếu duồng* 孝達 : nuôi-nâng cha mẹ.— 11. *Lời di-danh* 遺名 : lời cha mẹ dặn con phải sống để truyền tên họ về sau, hoặc để tiếng tốt cho cha mẹ.— 12. *Tràng đình* 長亭 : nơi tiễn-biệt. Đời xưa ở bên Tàu, cứ 10 dặm đường thì đặt một trạm gọi là tràng đình. Người ta thường đưa tiễn nhau ở nơi này.— 13. Cầu *Chiết liễu* 萍蕪 : nơi tiễn-biệt. Cầu Bà-kiều ở thành Trường-An có hàng cây liễu. Những người đời Hán đưa tiễn nhau thường tội đầy ; người ở lại bê cành liễu tặng người đi để làm roi ngựa. (Chiết : bê ; liễu : cây liễu).

**2. Nỗi lo-phẫn trong khi ăn-nấu tại Mỹ-Đức**  
*(từ câu 149 đến câu 188)*

- Gối vò-võ, đèn soi đêm vắng,  
 Cửa ló-thor, rèm chắn ngày thâu.  
 Cảnh-hoài khi lụa mây cầu,
152. Nghêu-ngao đồng-tử tiêu-sầu năm ba,  
 Đầu con mắt châu sa thảm giấy,  
 Đầu ngón tay máu chảy pha son.  
 Người đau, phong-cảnh cũng buồn.
156. Thông gầy như trúc, cúc mòn như mai,<sup>4</sup>  
 Mối tám-sự rói mười phần thảm,  
 Cảnh gia-tình nặng tám năm dư.  
 Khi ngày mong bức xá-thư,<sup>5</sup>
160. Khi đêm than bóng, khi trưa hỏi lòng.  
 Hương thè-nguyễn khói nồng trước gió,  
 Tờ tố-oan<sup>6</sup> tay ngỏ giữa trời,  
 Tờ oan kẽ hết bao lời,
164. Hương thè sao chúa thấu nơi cửu-trùng?<sup>7</sup>  
 Ngãm đời trước vốn không oan-trái,  
 Sao kiếp này vướng mãi gian-truân.  
 Le xa thói lại nghĩ gần,
168. Thói ngơ-ngần sớm, lại trắn-trọc khuya.  
 Ngần-ngơ nhẽ dường kia nỗi nợ;  
 Ngao-ngán thay phận nhỏ sầu to.  
 Một mình riêng những đắn-do,
172. Thương tình nhi-nữ khôn dò sâu-nóng.  
 Thói dĩ-vắng đã không kéo lại,  
 Còn tương-lai liệu phải đèn bồi.  
 Họ may cảm-dộng đến trời.
176. Lấy thân mà trả nợ đòi cho thân.  
 Đầu dây kiếp phong-trần dám sá,  
 Giải được lòng khuyên-mã<sup>8</sup> là vinh.

Một là mồ tẩm đan-thành,<sup>7</sup>

180. Hai là rửa tiếng nguyệt-bình<sup>8</sup> chê-bai.

Đê tiên-tồ ngâm cười chín suối,

May gia-khương<sup>9</sup> còn nỗi về sau.

Hay ra lại rạng co-cửu<sup>10</sup>,

184. Hèn ra sơn thủy tiên sầu cõng khoan.

Cho nên nỗi gian-nan sá kẽ,

Liệu rồi ra tim thế gỗ dồn,

Thôn-trang tim thủ ân-cần,

188. Một phần thê tử, hai phần thảo hoa.

**TIỀU-DÂN :** Sau khi bỏ trốn đến ở Mỹ-Đức, tác-giả sống cẩn bần-phobo, làm bạn với cỏ cây, đèn sách, cố-gắng khuya-khở nỗi ưu-phiken, giữ vũng lòng că-trung và mong-mỗi nhà vua xuống chiếu tha tội cho dòng họ Cao. Nhưng vào có quên được nỗi ưu-sầu luôc luôc ám-ảnh ông.

**CHỦ-TÍCH :** 1. Thông, cúc, trúc, mai là bốn thứ cay, bạn của người ào-sí.— 2. Xá-thư 故書 : tờ thư tha tội.— 3. Tô-oan 脱冤 : bày tỏ nỗi oan.— 4. Cửu-trùng 九重 : nơi nhà vua ở gọi là cửu-trùng vì cửa có chín lầu (cửu : chín ; trùng : lầu).— 5. Oan-trái 苦債 : Theo thuyết luân-hồi của nhà Phật, kiếp trước làm điều oan (thù-oán) thì kiếp này phải dày-dọa như là để trả nợ.— (Oan : thù-oán ; trái : nợ-nần).— 6. Khuyển mã 大馬 : con chó, con ngựa. Lời tự-khiêm của bày tôi đối với vua, hoặc từ đối với chủ.— 7. Đan-thanh 邪誠 : lòng thực, lòng son (Dan : son ; thành : thực) Nghĩa như chữ dan-tam (lòng son), xich-tam (lòng đỏ).— 8. Nguyệt-bình 月昇 : lời bình-phẩm hàng tháng. Đời Hậu-Hán, Hứa-Thiệu cùng Hứa-Tinh có tiếng là người hiền, hai người thường bình-phẩm các nhân-vật đương thời, mỗi tháng lại so-sánh phè-binh, nên gọi là nguyệt-dan-binh.— 9. Gia-khương 家慶 : phúc nhà.— 10. Co-cửu 矢裘 : nghiệp cha ông. Co là cái thúng, cửu là áo da. Hai chữ này dùng để nói con cháu nối được nghệ-nghiệp của ông cha. Con nhâ-thợ làm cung thì biết cách nón-eung suy ra nón-tre để đan-thúng (co) ; con nhâ-thợ hàn cũng có thể biết chắp nối da để làm áo-cửu.

### 3. Lúe bị bắt

(từ câu 189 đến câu 256)

Tưởng khuây-khỏa ngày qua, tháng tới,  
Bỗng hãi-hùng gió thổi, mưa chan.

Nồi chèm, chèm nồi bể oan,

192. Mấy năm hẫu cạn, một cọn lại đầy.

Nặng kiếp trước vò-giày chi mài ?

Ngậm tình này oan trái sao cân ?

Nghĩ thân mà ngán cho thân,

196. Một thân mang nợ mấy lần chưa thôi !

Chữ bạc-mệnh, ai ơi, xót với !

Câu đà-doan<sup>1</sup>, Trời hối, thấu chăng ?

Góm thay ! ngọn lửa đốt rừng,

200. Dập tàn-tàn, lại bùng-bùng bỗng không !

Ghé cho kè mọc lồng trong bung,<sup>2</sup>

Đặt nên điều vẽ bóng ngoài môi<sup>3</sup>.

Ngựa, hươu thay đổi như chơi<sup>4</sup>.

204. Giấu gươm đầu lưỡi, thọc dùi trong tay.

Gảy ra sự chia cây, rung lá,

Đề cho ai chim cà, giật bèo.

Năm ba kè thước, người hèo,

208. Ngõ Nhan lời cài dan-biển dập tan.<sup>5</sup>

Gà eo-óc vừa tàn giấc mộng,

Nhặng vo-ve sực động hồn kinh.

Tiêu-đồng thòn-thức chung-quanh,

212. Thè nhì lăn-lóc bèn mình khóc than.

Phút nữa khắc muôn ngàn thê-thảm,

Trong một mình bảy tâm biệt-ly.

Ngành vào, ái-ngại thê nhì,

216. Ngẩn ra án cũ cầm thi<sup>6</sup>, ngại-ngần.

Lay ngọn cúc, gió dẫn lăn-lóc,  
Tháմ cành mai, sương khóc chan-hòa.  
Tròng hoa, đau-dòn cùng hoa :

220. Ai ngờ từ đấy hóa ra vô-tinh !

Áo xốc-xéch nửa manh chắp női,  
Tóc loăn-xoăn trăm mői hòng-hong.  
Sầu dài chia nửa vào song,

224. Bước ra dùng-dắng, lại tròng trở vào.

Hồn khuê-phụ<sup>7</sup> lao-đao lạnh ngút,  
Người hương-quan<sup>8</sup> quanh-quất thương thay.  
Bèo mây lở bước từ đây,

228. Nước non tiên khách là ngày hai-nhăm.

Đau-dòn női kẽ thăm, người hỏi,  
Ngàn-ngo buồn, miệng nói, chân dura.  
Giọt phiền lai-láng như mưa,

232. Rượu phiền chẳng nhấp, say-sưa những sầu.

Bé cảnh liêu<sup>9</sup>, ngâm câu ly hợp ;  
Khuất ngàn dâu, qua lớp đoàn tràng<sup>10</sup>.  
Bước sầu ai vẽ giữa đàng,

236. Mây in sắc lúa nửa vàng nửa xanh.

Sương thấm lõi, gấp-ghềnh chân bước ;  
Gió lèn cành, xào-xạc tai nghe.

Boái tròng cầu quán so-le,

240. Cỏ ngăn lối ngõ, cây che mái nhà.

Mòn con mắt, néo xa đằng-dắng ;  
Chôn bước chân, đậm thẳng người-người.  
Sóng quanh chín khúc mây hòi,

244. Con đường man-mác mười thời<sup>11</sup> nhọc-nhăn.

Cầu Ô-mê<sup>12</sup> mấy lần mày lại,  
Ngàn Hương-son<sup>13</sup> một giải núi dura.

Lối này lạc bước từ xưa,

248. Ai ngờ tho-thần bay giờ lại đây.

- Bóng thấp-thoảng, ên bay buổi tối ;  
 Tiếng mua-thứa, quyền gọi đậm trường.  
 Những là sợi gió, e sương.
252. Thương thân chua-xót, nghĩ-dường xa-xoi.  
 Chuông cõi-tự <sup>14</sup> điềm hồi rộn-giục,  
 Trống quan-thành <sup>15</sup> vừa lúc suru-không <sup>16</sup> :  
 Sầu kia ai kẽ xiết lòng.
256. Chiều thôi lại tối, đêm xong lại ngày.

**TIỀU-DÂN :** Đoạn này tiếp theo đoạn 2 ở trên. Tác-giả tả quang-cảnh tan-nát lúc ông bị bắt và nỗi kinh-hoàng, bi-thảm của ông lúc từ-biệt vợ con, học-trò, án-sách, vườn-cây và những cảnh quen-thuộc nơi ông ăn-núu từ lâu năm nay.

**CHÚ-THÍCH:** 1. *Đa-doan 多端* : rắc-rối, lán chuyện lôi-thôi. (da-doan : nhiều mối). Có bản chép là *đa-gian* 多嫌 nghĩa là nhiều sự khó-khăn, cực khò.—2. *Bung* bung dã độc-ác (tuc-ngữ).—3. *Bặt* chuyện nói vu cho người.—4. *Đổi* trắng thay đen, xuyên-tac hẵn sự thực. Triệu-Cao là thừa-tướng, tính nhám-hiểm, ý muốn chuyên quyền một hôm dâng vua Tần Nhị-Thế một con hươu mà hắn nói là ngựa. Vua nói : « Sao lại cho hươu là ngựa ? », rồi hỏi quần-thần, thì có người nói là hươu có người nói là ngựa. Người nào nói là hươu thì bị Triệu-Cao ám-hại. Điều này dùng để nói việc trái cho là phải và ngược lại.—5. *Ngô-Nhan* là ngô nhà ông Nhan-Hồi, học-trò của Khổng-tử. Ông nghèo, ở trong một ngô hầm.—*Dan*, *biền* 當 : cái giỗ, cái bâu đựng nước. Nhan-tử nghèo-quá chỉ có một giỗ cơm, một bâu nước mà lòng vẫn vui.—Câu này nói : Linh đêu đập phá tất cả những vật-dụng của nhà hàn-sí.—6. *Cầm*, *thi* 琴詩 : đàn và thơ.—7. *Khuê-phụ* 菩薩 : người đàn-bà ở trong phòng khuê (phòng riêng của phụ-nữ). Đây chỉ bà Cao-bà-Nha.—8. *Huong-quan* 香園 : công-làng, nơi quê-hương.—9. Xem chú-thích số 13 đoạn 1 ở trên.—10. *Đoản*, *trảng* 短長 tức là *doản-tinh* và *trảng-dinh*, chỉ nơi đưa-tiễn. Ở bên Tàu ngày xưa, 5 dặm đặt một trạm là gọi là *doản-dinh*, 10 dặm đặt một trạm gọi là *trảng-dinh*. Người ta thường đưa-tiễn nhau ở các nơi này.—11. *Thôi* : quảng đường đi luôn một mạch không nghỉ.—12. Tên một chiếc cầu ở huyện Mỹ-Đức.—13. Dãy núi Hương-Tích ở Mỹ-Đức, Hà-Đông.—14. *Cõi* 僧寺 : ngôi chùa cõi.—15. *Quan-thanh* 官廳 : chốn quan-phóng, cao-gác ở trong thành, nơi dinh các quan ở.—16. *Suru-không* 撞空 : trống đánh lúc gần tối để ra hiệu đóng cửa thành và cất linh-cai ban đêm. Cũng như chữ *thu không*.

## NGUYỄN-DINH CHIẾU (1822-1888)

Tiểu-sử : Nguyễn-dinh-Chiều, hiệu là Trọng-Phủ 訊甫 sau khi mù, lấy hiệu là Hồi-Trai 懵齋, sinh tại làng Tân-Khánh, huyện Bình-Dương tỉnh Gia-Định (làng Tân-Khánh, nay thuộc địa-phận Sài-Gòn) ngày 13 tháng 5 năm Nhâm-Ngọ tức 1-7-1822.

Ông thân-sinh là Nguyễn-dinh-Huy vốn người xã Bồ-Điền, tỉnh Thừa-Thiên, nhân vào làm thư-lại trong dinh Tống-trấn thành Gia-Định và có lấy một người thiếp tên là Trương-thị-Thiết mà sinh ra ông. Năm 1833, vì vụ Lê-văn-Khôi nổi lên chống triều-đinh giết Tống-đốc Gia-Định Nguyễn-văn-Quế và Bồ-Chánh Bạch-xuân-Nguyên, Nguyễn-dinh-Huy bỏ trốn về Huế, bị cách chức. Nguyễn-dinh-Chiều được cha gửi cho theo học tại nhà một người bạn ở Huế Năm 1843 (Thiệu-Trị thứ 3), ông trở về quê-mẹ, đi thi Hương đỗ tú-tài tại trường Gia-Định. Năm 1848, ông trở ra Huế sửa-soạn thi cử-nhân và thi Hội. Kỳ thi chưa tới, nghe tin mẹ mất, ông lật-đặt trở về cõi tang. Phản vì đi đường vất-vả, chịu nhiều sự thiếu thốn khổ-sở, phản vì thương khóc mẹ nhiều, ông đau mắt nặng và bị mù. Dọc đường, ông tìm được một danh-y và học được nghề làm thuốc. Năm sau về tới Sài-Gòn, ông mở trường dạy học, sĩ tử gần xa mê-tiếng ông đến xin thụ-giáo rất đông. Danh « Đà Chiếu » càng ngày càng lan rộng. Hai truyện Lục-vân-Tiên và Dương-Tử Hà-Mậu rõ lẽ được sáng-tác trong thời-kỳ này.

Năm 1858, quân Pháp đánh chiếm Gia-Định, ông chạy về quê-vợ & Càn-Giúc. Năm 1861, Càn-Giúc bị mất, ông chạy đi Ba-Tri tức Bến-Tre Năm 1862, triều-đinh Huế ký hòa-ước nhường cho Pháp ba tỉnh miền đông Nam-kỳ. Năm 1867, ta mất nốt ba tỉnh miền Tây, ông Phan-thanh-Giản tuẫn-tết. Nơi gương khí-tiết của Trương-Định, Tri-buyện Toại, Thiên-hộ Dương, cuộc kháng-chiến bùng nổ ở khắp nơi với các liệt-sĩ Phan-Liêm, Phan-Tâm, Phan-Ngữ (con Phan-thanh-Giản), Thủ-khoa Huân, Phan-công-Tòng... Nguyễn-dinh-Chiều cùng một số nhà văn trung-nghĩa như Phan-van-Trí không chịu hợp-tác với Pháp, nhất

định sống cảnh thanh-bền, dùng văn thơ phẫn-khích gián-tiếp cỗ-võ lòng ái-quốc của mọi người. Người Pháp muốn mua chuộc ông, có ngỏ ý muốn giúp tiền, nhưng ông nhả-nhặt khéo-cử từ.

Sau khi đã chứng-kiến cuộc xâm-lăng của người Pháp trên toàn lãnh-thổ Việt-Nam và nạn mất chủ-quyền của quốc-gia, ông mất ngày 3-7-1888, hưởng thọ 66 tuổi, tại nơi dạy học, làng An-Đức, quận Ba-Trí, Bến-Tre, và táng tại đây.

**Tác-phẩm :** Ngoài thơ văn chữ Hán, Nguyễn-đinh-Chiểu còn lưu lại mấy tác-phẩm viết theo thể lục-bát như cuốn tiểu-thuyết Lục-vân-Tiên, thiên Dương-Tử Hà-Mậu, Ngữ Tiếu văn-dáp và nhiều bài thơ thất-ngôn bát-cú Đường-luat cùng văn-té.

Ông là một nhà nho châm-chính, bao giờ cũng tận tình bệnh-vực đạo-ý của Khổng giáo. Tuy nhiên, cũng như các nhà nho khác, ông còn chịu ảnh-hưởng của học-thuyết Lão-Trang và đôi khi cũng giải-bày những tư-tưởng phỏng-khoáng, siêu-thoát. Nhưng đặc-diểm của ông là vẫn giữ được phong-dộ thanh-cao chứ không đi vào « con đường hành-lạc » của đa số nho-sĩ. Từ khi gặp quốc-biến, ông đã tỏ rõ cái khí-tiết bất-khuất của một nhà nho nặng lòng yêu nước. Về nội-dung, ta có thể chia thơ-văn của ông làm hai loại :

1) Những tác-phẩm viết trước cuộc xâm-lăng của người Pháp : Lục-vân-Tiên, Dương-Tử Hà-Mậu.

2) Những tác-phẩm ra đời từ khi quốc-gia gặp nạn ngoại-xâm và trong hoàn-cảnh kháng-chiến dai-dẳng của sĩ dân Việt-Nam (từ 1853 về sau) gồm có cuốn Ngữ Tiếu văn-dáp, nhiều bài thơ thất-ngôn và văn-té : thơ diêu Trương-công-Định, diêu Phan-công-Tòng, diêu Phan-thanh-Giản, Tự-thuật, văn-té Trương-công-Định, văn-té sĩ dân Lục tỉnh Nam-kỳ, văn-té nghĩa-sĩ Cần-Giúc ; các bài hịch : Thảo-thứ hịch (hịch giết chuột), Hoàng-trùng-trập-khổi (loài sâu ăn lá dãy lên) v.v...

**Các bài trích :** Ta có thể tạm chia thơ-văn của Nguyễn-đinh-Chiểu làm hai loại :

A— Thơ văn đạo-ý.

B— Thơ văn thời-thế.

## A. THƠ VĂN ĐẠO-LÝ

a) THƠ :

### 1. Đạo người

Đạo trời nào phải ở đâu xa,  
Gọi tấm lòng người có giải ra.  
Mến nghĩa bao dành làm phản nước;  
Có nhân nào nỡ phụ tình nhà.  
Xưa nay đều chọn đường trung hiếu ;  
Sách vở còn ghi lê chánh tà.  
Năm phàm rừng nhu i săn-sóc lấy,  
Ấy là đạo-vị ² ở lòng ta.

**CHÚ-THÍCH :** 1. Năm sách của nhà nho, tức ugū kinh : Thi, Thư, Lễ, Dịch, Xuân-Thu — 2. **Đạo-vị 道味** : Mùi đạo.

### 2. Chạnh tướng Không-tử ¹

Biết ơn phú tử, nghĩa quân thần,  
Nhờ có trời sinh đức thành-nhan.  
Nét mực tu kinh ² ngăn đưa loạn ;  
Đến xe hành đạo rạch phong trần.  
Trán đời còn cảm lời than phùng ;  
Muôn thuở đều thương tiếng khóc lân ³.  
Phải dặng bút Chán biến sách Hán,  
Mọi nào dám tới cạo đầu dân.

**CHÚ-THÍCH :** 1. *Không-tử 空子* (551-479 trước Công-nguyên), tên là Khâu, tự là Trọng-Ni, người nước Lỗ, thời Xuân-Thu. Trọng làm chức Tư-không, rồi Đại Tư-không, nhỉếp hành tướng sự, giết Thiếu-Chinh-Mão, làm cho nước Lỗ hưng thịnh. Sau thấy vua nước Lỗ sau-

Jang chinh-sự. Không-tử chu-du liệt quốc trong 13 năm; không được dùng, lại trở về nước Lỗ, san-dịnh Thi, Tbu, định-chính Lễ, Nhạc, phu - diễn Chu - Dịch, sáng-tác Xuân-Thu. Trong số ba ngàn học-trò, có 72 người linh-thông « lục nghệ » (lẽ nhạc, sá, ngự, thư số).—

**2. Tu kinh** 僧題 : biên-soạn sáu kinh (lục kinh). — 3. Không-tử có lời thương cảm rằng : « Đời Đường Nghiêu, Ngu Thuần hè, lân phụng ra chơi. Nay không phải thời ấy hè, lại làm gì ? Lân hè, lân hè, lòng ta lo âu » (Đường Ngu chỉ thế hè lân phụng du. Kim phi kỷ thời hè lai hè cầu ? Lân hè lân hè ngã tâm tru). — Trong truyền khi Không-tử sinh, có con lân xuất-hiện. Khi đương soạn sách Xuân-Thu, nghe có người hán què con lân, Không-tử than rằng « Đạo ta cùng rồi », (Ngô đạo cùng hỷ !), và ngừng việc biên-soạn sách này.

#### b) TRUYỀN :

### LỤC-VĂN-TIỀN<sup>1</sup>

**Lục-truyện :** Vai chính cuốn truyện là Lục-văn-Tiền, người quận Bồng-Thành, con nhà phúc hậu, mới 16 tuổi đã nổi tiếng văn hay võ-giỏi. Văn-Tiền đã dinh hôn với Vũ-Thái-Loan, con gái Vũ công. Nhận nhà vua mở khoa thi, Văn-Tiền từ-giả thầy học trở về thăm nhà và sửa-soạn tái kinh-đô dự thi. Trên đường về, Văn-Tiền ra tay cứu thoát một thiếu-nữ tên là Kiều Nguyệt-Nga khỏi tay một bọn cướp. Hai người hỏi tên họ nhau, tặng thơ cho nhau rồi chia tay. Kiều Nguyệt-Nga xúc cảm vì mối tình chớm nở.

Lục-văn-Tiền vừa tới trường thi, chợt nghe tin mẹ mất, vội-vàng trở về chịu tang. Dọc đường, chàng đau buồn quá đến nỗi mắc bệnh và mù mắt. Chàng bị bọn thầy cúng, thầy bói, thầy thuốc lừa dối, tiền

(1) Trong chương-trình Việt-văn hiện hành, lớp đệ Nhì, chỉ ghi : Nguyễn-Dinh-Chiều (thơ và văn tế). Tuy nhiên sách này vẫn đề cập đến Lục-Văn-Tiền để liêu-biêu cho một khuynh-hướng trong thơ văn của Nguyễn-Dinh-Chiều. (Lục-Văn-Tiền có trong chương-trình lớp đệ Lục).

mất mà tật vẫn mang. Văn-Tiên lại bị tên bạn bắt lương là Trịnh-Hàm vì ghen tai-lập mưu xô chàng xuống sông. Nhưng chàng được cứu thoát tim đến nhà Vũ công. Thấy chàng tàn tật, Vũ công không những không cứu giúp lại còn đem Văn-Tiên bỏ vào hang sâu cho rãnh mắt. May Văn-Tiên được một vị tiên cứu ra rồi lại được một người bạn hiền tên là Hán-Minh đem tới ở một ngôi chùa.

Về phần Kiều Nguyệt-Nga, vì không chịu lấy một tên nịnh-thần nên nhân có giặc Phiên sang quấy nhiễu, nàng bị tên đó tâu với vua Sở bắt sang cống vua Phiên. Đi nửa đường, Nguyệt-Nga đâm đầu xuống sông để thủ tiết, thì được một ngư-ông vớt lên, và cũng được đưa đến ở một ngôi chùa.

Về sau, Lục-vân-Tiên khôi phục nhờ thuốc tiên. Chàng đi thi đỗ trạng-nguyễn. Giặc Phiên lại sang quấy nhiễu, chàng được nhà vua cử đi dẹp giặc. Giặc tan, Văn-Tiên trở về, tình cờ gặp Kiều Nguyệt-Nga ở chùa. Hai bên nhận nhau và xum-hop một nhà. Sau nhân vua không có con nối truyền ngôi cho Lục-vân-Tiên. Chàng được hưởng cảnh vinh hoa phú quý, còn bạn bắt nhẫn, gian ác, bội bạc đều bị tri tội hoặc gặp tai-nạn khốn-cực.

Chủ ý của tác-giả khi soạn Lục-vân-Tiên thực là rõ-ràng. Vai chính cuốn truyện gấp nhiều cảnh-ngộ thảm thương tựa thân thế ông và trước sau vẫn giữ vững được nền đạo-ly. Vậy đồng thời với việc gửi-gắm kín đáo tâm-sự của mình, ông còn muốn nêu cao đạo làm người và lòng tin tưởng ở đáng chí-công, như ông nói ở đoạn mở đầu :

*Ai oi, lâng-lặng mà nghe :  
Đã rắn việc trước, lành dè thân sau.  
Trại thời trung hiếu làm đầu,  
Gái thời tiết hạnh là câu sủa mình,*

Và ở đoạn kết :

*Mỗi hag muôn sự ở đời,  
Hai người Giới hại, cứu người Giới thương.*

Các bài trích : Hai đoạn :

- 1) Lời chủ quán (509-552).
- 2) Vương-Tử-Trực mang nhiếc Vũ-công và Thái-Loan (1249-1306).

## CÁC ĐOẠN TRÍCH

### 1. Lời chủ quán

(từ câu 509 đến câu 552)

Quán rằng : « Ghét việc tầm-phảo <sup>1</sup>,

« Ghét cay, ghét dắng, ghét vào tối tăm,

« Ghét đời Kiệt, Trụ <sup>2</sup> mê dâm,

512. « Đề dàn đến nỗi sa bầm, sảy hang.

« Ghét đời U, Lê <sup>3</sup> da doan,

« Khiến dàn luống chịu lầm than muôn phần.

« Ghét đời Ngũ Bá <sup>4</sup> phản-vân <sup>5</sup>,

516. « Loạn-thần đa tiếm, nhàn-dàn nhọc-nhẫn.

« Ghét đời Thúc-Quý <sup>6</sup> phản băng <sup>7</sup>,

« Sớm hòa tối đánh lang-quảng rồi dàn.

« Thương là thương dung thành-nhân <sup>8</sup>,

520. « Bị vi Tống, Vệ ; Khuông, Trần tuyệt lương <sup>9</sup>.

« Thương thầy Nhan-tử dở-dango <sup>10</sup>,

« Ba mươi mốt tuổi tiếc đường công danh.

« Thương ông Gia-Cát <sup>11</sup> tài lành,

524. « Gặp con Làn mạt, chịu dành tam phân. <sup>12</sup>

« Thương thầy Đồng-tử tình-thần, <sup>13</sup>

« Chi cao như thế tiếc phàn không ngồi.

« Thương người Ngibiêm-Lượng <sup>14</sup> bài-người;

528. « Đã hay dẹp nước, lại lui về cây.

- « Thương ông Hán-Dũ <sup>45</sup> chẳng may,  
 « Sớm dâng lời biếu, tối đây đi xa.  
 « Thương thầy Liêm, Lạc mới ra, <sup>46</sup>  
 532. « Gặp đời loạn, phải về nhà dạy dân.  
 « Xem qua kinh sử mấy lần,  
 « Nửa thương nửa ghét, tinh-thần vẫn-vương »  
 Trực rằng : « Chùa đất, Phật vàng,  
 536. « Ai hay trong quán ăn-tàng kinh-luân, <sup>47</sup>  
 « Thương dân sao chẳng lập thàn,  
 « Đang khi nắng hạ, toan phần làm mưa ? » <sup>48</sup>  
 Quán rằng : « Nghiêu, Thuấn thuở xưa,  
 540. « Khó ngăn São-Phủ, khôn ngừa Hứa-Do. <sup>49</sup>  
 « Di. Tề chẳng khủng giúp Châu <sup>50</sup>,  
 « Núi non ẩn mặt, công-hầu lảng tai.  
 « Ông Y, ông Phó cao tài. <sup>51</sup>  
 544. « Kẻ cày người cuốc, đói-hoài chi đấu.  
 « Thái-công xưa một cần câu, <sup>52</sup>  
 « Sớm hôm sông Vị mặc-dầu vui chơi.  
 « Nghiêm-Lăng cũng bậc cao-tài. <sup>53</sup>  
 548 « Áo tối một mảnh lặng ngồi thả câu.  
 « Trần-Đoàn tiên-phẩm khác mầu, <sup>54</sup>  
 « Gió tráng bốn-cột, vương hầu chiêm-bao.  
 « Người nay có khác xưa nào,  
 552. « Muốn ra ai cầm, muốn vào ai ngăn ? »

**TIỀU-DÂN :** Lục-vân-Tiên từ biệt cha mẹ vợ lên đường tới trường thi. Chàng cùng Vương-tử-Trực vào quán trọ, thì gặp hai bạn là Bùi-Kiệm và Triệu-Hâm. Chủ quán dạo tiệc. Triệu-Hâm vốn không phục tài Lục-vân-Tiên, bèn gậy cuộc trả tài làm thơ. Văn-Tiên, Tử-Trực làm xong maulé trong lúc hai người kia ngồi canh bút. Chủ quán cà cười, khen mọi người chú ý. Trực và Tiên gắng hỏi mới biết chủ quán là một nhà sỉ-sả. Trong đoạn này, chủ quán bày-tô long thương ghét việc đời của ông.

**CHÚ-THÍCH :** 1. Cũng như tần-phèo : hão-huyền, vu-vo.— 2. Kiết, Trạ  
**棘 条 :** vua cuối cùng đời Hè, và vua cuối cùng đời Thương, là hai vua  
 đời tiếng bạo-ngược.— 3. U, Lê 麥 屬 : hai vua hèn kém đời Chu.— 4. Ngũ  
**五 爭 :** năm đời Bá tranh nhau làm chủ các nước chư-hầu về cuối đời  
 Chu, khi quyền của Thiên-tử đã suy. Đó là: Tề, Tống, Tấn, Tần, Sở.—  
 5. Phân-ván 分 輜 : lện-xòn, rối bời.— 6. Thúc-quý 徒 季 : cuối đời Đường,  
 có năm họ nhân thiên-hạ rối loạn, nổi lên tranh-giành nhau, gọi là Ngũ,  
 đại hay Ngũ-quý, gồm có : nhà Hậu-Lương, Hậu-Đường, Hậu-Tần, Hậu-  
 Hán và Hậu-Chu. Họ thường gây chiến-tranh, làm nhân-dân cực-khổ.  
 Chữ **thúc-quý** dùng để chỉ thời suy-loạn.— 7. Phân-băng 分崩 : chia-rẽ  
 thành ra hu-hỗng, đỗ-nát (phân: chia ; băng: đỗ).— 8. Chi Không-tử.—  
 9. Không-tử khi đi chu-du các nước chư-hầu, bị vây ở nước Tống, nước  
 Vệ và hết lương ăn ở nước Khuông, nước Trần.— 10. Tắc Nhan-Uyên hay  
 Nhan-Hồi, học-trò của Không-tử. Ông được thầy khen là hiền và giỏi  
 nhưng mắt sóm.— 11. Gia-cát-Lượng tức Không-Minh là một vị tướng  
 mưu-lực rất giỏi đời Tam-quốc, hết lòng giúp chúa là Lưu-Bị nhưng  
 không thành công vì nước vẫn bị chia ba (Ngụy, Thục, Ngô).— 12. Tum  
 phân 𠂔 分 : chia làm ba.— 13. Đổng-trọng-Thu là một bậc đại-nho  
 đời Hán, được vua Hán Vũ-Đế khen về bộ sách « Thiên-nhân-tam-sách »  
 nhưng không được trọng-dung.— 14. Dữu-nghiêm-Lượng có công giúp  
 vua Tần thống-nhất thiên-hạ, sau lui về cày ruộng.— 15. Hán-Dữ là một  
 văn-hào đời Đường vì dâng bài biếu bài-xích Phật-giáo bị giáng chức và  
 cày di nơi xa.— 16. Liêm, Lạc : tức Chu-tử (tiền Liêm), Trinh-tử (tiền  
 Lạc), là hai bậc đại-nho đời Tống. Liêm và Lạc là tên hai con sông nơi  
 quê-hometown của hai ông.— 17. Ở nơi nghèo hèn mà có người tài.— 18. Cứu  
 giúp dân trong khỉ loạn-lạc khô-sở.— 19. Sào-Phủ và Hứa-Do là hai bậc  
 cao-sĩ đời Đường Nghiêu, không thèm nhận ngôi vua do vua Nghiêu  
 thưởng cho.— 20. Di, Tề là Bá-Di, Thúc-Tề, bày tôi của nhà  
 Thương. Khi Vũ-vương diệt Trụ lập ra nhà Chu (Châu), hai ông bỏ vào  
 núi Thủ-Ưương, chỉ ăn rau chứ không chịu ăn thóc của nhà Chu, về  
 sau nhịn đói mà chết.— 21. Y, Phó là Y-Doãn và Phó-Duyệt, hai bậc hiền  
 tài đời Thương ở ẩn cày ruộng.— 22. Thái-Công-túc Khương  
 Tử-Nha, hiền Lã-Vọng, khi ở ẩn thường ngày câu ở sông Vị, sau được  
 vua Văn-Vương nhà Chu vời ra giúp nước.— 23. Nghiêm-Lăng tức là  
 Nghiêm-Tử-Lăng, người hiền tài Hán đã giúp vua Quang-Vũ, sau về ở ẩn  
 ở núi Phú-Xuân, cày ruộng và câu cá.— 24. Trần-Đoàn là bậc hiền tài  
 đời Sông, có phép tiên, gấp thời loạn, ở ẩn ở núi Họa-Sơn.

**2. Vương-Tử-Trực mắng nhiếc  
Vũ-Công và Vũ-Thái-Loan**

(từ câu 1249 đến câu 1306)

- Nhàn khí Tử-Trực hồi hương,  
 Vào nhà họ Vũ thăm chàng Văn-Tiên.  
 Công rằng : « Hồi đến thèm phiền,
1252. « Nó dà lâm bệnh, hoàng-tuyễn xa chơi. »  
 « Thương thay tài trí ở đời !  
 « Lỗi đường danh-phận, lỗi noi tơ hồng. »  
 Nghe thôi, Tử-Trực động lòng.
1256. Hai hàng nước mắt ròng-ròng như mưa.  
 Thành rằng : « Rày nhớ linh xưa, »  
 « Nghĩa dà tỏ nghĩa, tình chưa tỏ tình.  
 « Trời sao nỡ phụ người lành ?
1260. « Bảng vàng chưa chiêm, ngày xanh đã mòn !  
 « Cùng nhau chưa được vuông tròn,  
 « Người dà sớm mất, ta còn ích chí !  
 « Trong trần mấy kẻ cố-tri ?
1264. « Mấy trang đồng-dạo », mấy nghị đồng-tâm ? »  
 Công rằng : « Ta cũng xót thầm,  
 « Tủi duyên con trẻ sắt cầm dò-dang. »  
 « Mất rồi, không lẽ tái-hoàn,
1268. « Lão dà sớm tinh một đường tiện ngay,  
 « Tời đây thì ở lại đây,  
 « Cùng con gài lão xum-vầy thất-gia. »  
 « Phòng khi sớm tối vào ra,
1272. « Thấy Vương-Tử-Trực cũng là thấy Tiên ».  
 Trực rằng : « Cùng bạn bút ngobién,  
 « Anh em trước đã kết nguyễn cùng nhau,  
 « Vợ Tiên là Trực chí đâu,
1276. « Chỉ dâu, em bạn, có dâu lối ngồi ?

- « Chẳng hay người học sách gì ?  
 • Nói ra những chuyện dị.kỳ khó nghe ;  
 « Hay là học thói nước Tề ?
1280. « Vợ người Tử-Cù đưa về Hoàn-công.<sup>6</sup>  
 « Hay là học thói Đường-cung ?  
 « Vợ người Tiêu-Lạc sành cùng Thế-Dân.<sup>7</sup>  
 « Hay là học thói nước Tân ?
1284. « Bất-Vi gả vợ, Di-Nhàn lấy nhầm.<sup>8</sup>  
 « Nói sao chẳng biết hồ thầm ?  
 « Người ta há phải loài cầm.thú sao ? »  
 Vũ-công hồ-thẹn xiết bao,
1288. Sượng-sùng khôn cãi lẽ nào cho qua.  
 Thái-Loan trong trường bước ra,  
 Miệng mừng : « Thày cử tân-khoa mới về.  
 • Thiếp nay lỗi đạo xướng tùy.<sup>9</sup>
1292. « Lở đường sưa túi, lở bè nang khăn.  
 • Uồng thay dạ thỏ khăng khăng.  
 • Dêm đêm chờ đợi bóng trăng bấy chày.<sup>10</sup>  
 « Chẳng ưng thì cũng làm khuây,
1296. « Nữ dem chuyện sách mà bày chẵng kiêng ?  
 Trực rắng : « Ai Lã-Phụng-Tiên ;<sup>11</sup>  
 • Mà loan dem thói Điều-Thuyền trêu người,  
 • Mồ chõng ngọn cỏ còn tươi,
1300. « Lòng nào mà nỡ buông lời nguyệt-hoa ?  
 • Hồ thay mặt ngọc da ngà,  
 • So loài cầm.thú, dẽ mà khác chi ?  
 « Văn-Tiên anh hôi cõi tri !
1304. « Suối vàng có biết việc gì cho ta ? »  
 Tay lau nước mắt trở ra,  
 Vội vã sám-sứa sang qua Đông-thành.

**TIỀU-DÂN:** Sau khi bị mù, Lục-Vân-Tiên tìm tới nhà Vũ-Công. Thấy chàng tàn tật, cả nhà họ Vũ bèn nhau bầy mưu đem bỏ chàng vào hang Thương-Tòng. Kịp đến khi Vương-Tử-Trực thi đỗ thủ-khoa trở về ghé vào nhà họ Vũ hỏi thăm về Vân-Tiên. Vũ-Công xúyt-xoa báo tin Vân-Tiên đã chết, tờ ý thương tiếc rồi ngỏ ý muốn già con gái cho chàng tân-khoa. Vũ-Thái-Lan cũng tro-tráo làm duyên để chinh-phục chàng. Hai cha con bị Tử-Trực mang nhiếc không tiếc lời. Đoạn này diễn-tả cuộc đối-thoại ấy.

**CHÚ-THÍCH:** 1. *Hồng tuyn* 黃泉 : suối vàng.— 2. Linh xưa : hồn thiêng xưa, tức Lục-Vân-Tiên.— 3. Đồng đạo 同道 : cùng đi một đường, cùng tôn thờ một đạo-lý.— 4. Sắt cầm 鋼琴 : chỉ vợ chồng. Vợ chồng hòa thuận như đàn sắt, đàn cầm hòa tiếng với nhau. (Kinh Thi).— 5. Thất gia 七家 : lập gia-dinh cùng nhau. (thất gia : nhà cửa).— 6. Tử-Cử 二子 : anh vua Hoàn-công nước Tề, bị Hoàn-công giết đi để cướp lấy vợ.— 7. Đường cung là cung nhà Đường. Tiêu-Lạc là em Thế-Dân bị Thế-Dân giết đi để cướp lấy vợ. Thế - Dân làm vua tức là Đường-Thái-Tông.— 8. Lã-Bát-Vi, người đời Chiến-quốc đem người thiếp đã có thai được mấy tháng dâng cho Hoàng-Tôn Di Nhân (sau làm vua tức là Tân Trang-Tuong-Vương). Di-Nhân không biết chuyện gian-trá, lấy người thiếp ấy, sau sinh ra Tân-Thủy-Hoàng.— 9. Xướng tuy 嘴體 : vợ chồng hòa thuận. Do chữ phu xướng phu tuy nghĩa là : chồng xướng vợ theo.— 10. Ở bên Tàu, trong truyền ở trong cung tráng có con thỏ ngọc giả thuốc.— 11. Lã-Phụng-Tiên tức Lã-Bố, người đời Đông-Hán, con nuôi thừa-tướng Đông-Trác. Biều-Thuyền dùng sắc đẹp lý-gián Đông-Trác với Lã-Bố. Trác say mê Biều-Thuyền ; Lã-Bố nồi giận giết chết bố nuôi. Người sau dùng tên Biều-Thuyền để chỉ người đàn-bà dùng nhan-sắc khích-dộng người khác.

## B. THƠ VĂN THỜI-THẾ

### a) THƠ :

#### 1. Chạy giặc

Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây,  
Một bàn cờ thế phút sa tay.  
Bỏ nhà, lũ trẻ lo-xo chạy;  
Mắt ô, hầy chim dáo-dác bay.

Bến Nghé<sup>1</sup> của tiền tan bọt biển,  
 Đồng-nai tranh ngói nhuốm màu mây<sup>2</sup>.  
 Hồi Trang<sup>3</sup> dẹp loạn, rày đâu vắng?  
 Nở đê dân-gian mặc nạn này.

**CHÚ THÍCH :** 1. Trước kia Saigon cũng gọi là Bến Nghé.— 2. Nhà tranh, nhà ngói đều bị đốt cháy.— 3. Trang : bậc, hạng.

### 2. Viếng Phan-Công-Tòng<sup>1</sup>

Làm người trung-nghĩa đáng bia son,  
 Đứng giữa càn-khôn<sup>2</sup> tiếng chảng mòn.  
 Cơm áo đèn rồi ơn đất nước,  
 Râu mày giữ vẹn phận tôi con.  
 Tinh-thần hai chữ phao<sup>3</sup> sương tuyết,  
 Khi-phách ngàn thu rõ mè non.  
 Gãm chuyện ngựa Hồ, chim Việt cũ,<sup>4</sup>  
 Lòng đầy tưởng đó mắt như còn.

**CHÚ THÍCH :** 1. Ông người tỉnh Bến-Tre đứng ra chống Pháp, chết năm 1868.— 2. Càn khôn 乾坤: chỉ trời đất. Càn khôn là tên hai quẻ trong Bát-quái.— 3. Phao: trong sáng.— 4. Do câu : Hồ mã té bắc phong, Việt diều sáo nami chí nghĩa là : con ngựa rợ Hồ (ở phía Bắc nước Tàu) cát tiếng kêu khi thấy gió bắc thổi, con chim đất Việt (ở phía nam nước Tàu) làm tồ trên cảnh hướng về phía nam. Ý nói : loài vật cũng biết nhớ quê-hương.

### 3. Viếng cụ Phan-Thanh-Giản<sup>1</sup>

Non nước tan-tành hé bởi đâu?  
 Đầu-dầu mây bạc cõi Ngao-châu.<sup>2</sup>  
 Ba triều công-cán vài hàng sờ,<sup>3</sup>  
 Sáu tinh<sup>4</sup> cương-thường một gánh thau.  
 Ái Bắc ngày trông tin nhạn vắng,<sup>5</sup>  
 Thành Nam đêm quanh tiếng quyển sầu.<sup>6</sup>  
 Minh-tinh chín chữ<sup>7</sup> lòng son tạc,  
 Trời đất từ đây mặc giò thau.

**CHÚ-THÍCH :** 1. Cụ Phan-Thanh-Giản mất năm 1867 lúc Nguyễn-Bình-Chiều 45 tuổi.— 2. *Ngao* chúa : bãi Ngao nay thuộc quận Ba-Tri, Bến-Tre, là quê của cụ Phan.— 3. Cụ Phan làm quan trải ba triều: Minh-Mạng, Thiệu-Trị, Tự-Đức. Sau khi quân Pháp chiếm ba tỉnh phía đông Nam-kỳ, cụ được vua Tự-Đức phái vào kinh-lược ba tỉnh phía tây. Quân Pháp sinh sục, cụ biết sức không chống nổi, nộp thành cho họ, rồi dâng sớ vào kinh xin nhượng tội, và tự vẫn.— 4. Sáu tỉnh tức Lục-tỉnh : Già-Định, Biên-Hòa, Định-Trường, Vĩnh-Long, Châu-Đốc, Hà-Tiền.— 5. Ải Bắc : cửa ải phía bắc Nam-kỳ, phải qua đó mới đến kinh-đô.— 6. Thành Nam : thành Vĩnh-Long là nơi cụ duong phải giữ.— 7. Chùa chüz cụ đãa con phải để trên minh-tinh khi cụ sắp mất : « *Hai nhai thư-sinh Phan Lương-Khé* chí cữu » (linh-cữu của người học-trò ở góc bờ bể Phan, hiếu Lương-Khé). Một cụ Phan tại làng Bảo-Thạnh, quận Ba-Tri, trông ra bãi Ngao, một bãi biển thuộc quận này.

#### a) VĂN-TẾ

##### 1. Văn-tế Trương-công-Đinh \*

1. Hồi ỏi ; Giặc cỏ bò lan ; Tướng quân mặc hai.
2. Ngọn khói Tây-Jang<sup>1</sup> đóng đở, cõi biển còn trống đánh sơn lâm ; Bóng sao Võ-khúc<sup>2</sup> vẽ đâu, đêm thu vắng tiếng canh dinh trại.
3. Nhớ trường-quân xưa ; Gặp thuở binh-cử<sup>3</sup> ; Làm ngót chí đại<sup>4</sup>.
4. Từ thuở ở hàng viễn-lũ<sup>5</sup>, pháp-binhh trăm trận đã lâu ; Đến khi ra quân dồn-diều, võ-nghệ mẩy ban cũng trải.
5. Lối giặc đánh, tối theo quan-tổng, trường-thi, mờ súng, trộn mẩy nấm ra sicc tranh-tiên ; Lúc cuộc tan, về ở Tân-Hòa<sup>6</sup>, dắp lũy dồn binh, giữ một góc bảy lồng địch khai<sup>7</sup>.
6. Chợt thấy cánh buồm lai sú<sup>8</sup>, việc giảng hòa những tướng-ràng xong ; Đã dành tấm giấy tru-phong<sup>9</sup>, pháo thần-tử bá-dầu-dám-cãi.

7. Bởi lòng chúng chẳng nghe thiên-tử chiêu, đón ngắn mây  
dặm mǎ tiền<sup>14</sup>; Theo bụng dân phải chịu tước-quân  
phù<sup>15</sup>, gánh xác một vai khôn ngoại<sup>16</sup>.
8. Gồm ba tinh-dụng cờ phẩn nghĩa<sup>17</sup>, sĩ-phu lầm kẽ xui  
theo; Tóm muôn dân gầy sô mò binh, luật-lệnh nào  
ai dám trái.
9. Văn thi nhở tham-biện, thương-biện, giúp các cơ bản-bao  
nhung-công; Võ thi dùng tòng-binh, đốc-binh, coi mấy  
đạo sùa-sang khí-giới.
10. Khả thương ôi! Tiền vàng ơn chúa, trót đã rõ-ràng; Yên  
bạc mưu binh, nào còn trễ nải.
11. Chỉ lầm đốc cờ xuê lộ-bố<sup>18</sup>, chói sắc giữa trào; Ai muốn  
đem gươm báu Can-tương chôn hời ngoài ài.
12. Há chẳng thấy: Séc giặc Lang-Sa; Nhiều phurgong  
quí quái.
13. Giăng dưới nước tàu đồng tàu sắt, súng nổ quá bắp  
rang; kéo trên bờ ma-ní<sup>19</sup> ma-tà<sup>20</sup>, đạn bắn như  
mưa vãi.
14. Đầu những đại đội<sup>21</sup> thuở trước, cũng khó toan đè  
trứng nghìn cần; Huống chi có lũy<sup>22</sup> ngày nay, đâu dám  
chắc treo mảnh một giải.
15. Nhưng vạy mà; Vì nước tắm thân đã nấy, còn mát cũng  
cam; Giúp đời cái nghĩa đáng làm, nên hư nào nại.
16. Rạch-Lá, Gò-Công mây tràn; người thấy đã kinh; Cửa  
Khâu, Trại Cá<sup>23</sup> khắp nơi, ai nghe chẳng hãi.
17. Nào nhọc séc hộ-tào<sup>24</sup> biên sô, lương tiền nhà ruộng,  
cho một cầu hào nghĩa<sup>25</sup> lạc quyền; Nào nhọc quân  
võ-khổ<sup>26</sup> binh cần, thuốc đạn ghe buồm, quyền bối chữ  
giang thương đạo tài<sup>27</sup>.
18. Nơi đất nứa năm ngắn giặc, nào thành đồng lũy sắt các  
nơi; Giáo tre nghìn dặm đánh Tây, là ngựa giáp xe  
nhung mây cái.

- 2.** Ôi ! Chi dốc đem về non nước cũ, ghe quen hoạn-nạn, cây thương phá lỗ <sup>25</sup> chưa lìa ; Nào hay trở lại cảnh quê xưa, tẩm bàng phong thần vội quải <sup>26</sup>.
- 3.** Chạnh lòng tướng sĩ, thương quan tướng, nhắc quan tướng, chiu-chit như gà ; Bực tri nhau-dân, giận thẳng tè, mắng, thẳng tè, om-sòm như nhái.
- 4.** Ôi ! Sự thế hối bên Hồ bên Hán, bao giờ về một mối xa thư <sup>27</sup>? Phong-cương còn nửa Tống nửa Liêu, đâu nỡ hại một tay tướng-soái.
- 5.** Nào phải kẻ tàn sư <sup>28</sup> đầu giặc, mà dè nhục miếu-dương ; Nào phải kẻ kiều chiểu <sup>29</sup> đánh Phiên, mà gây thù biến-lái.
- 6.** Hoặc là chuộng một lời hòa-nghị, giận Nam-phiên phải bắt Nhạc-Phi <sup>30</sup> về ; Hoặc là lo trãm bộ hành-la <sup>31</sup>, hòn U-địa chẳng cho Dương-Nghiệp <sup>32</sup> lại.
- 7.** Vì ai khiến dưa chia khăn xé, nhìn giang-sao ba tinh luồng thêm buồn ; Biết thuở nào cờ phất trống rung, hối nhát nguyệt hai vầng sao chẳng đoái.
- 8.** Còn cõi nữa ! Cõi cõi-thể riêng ihan người khóc tượng, nhắm mắt rồi, may rủi một trường không ; Thời đã đánh bóng tè-dương gầm-ghé kẻ day dòng, quay gót lại, hơn thua trăm trận bãi.
- 9.** Ôi ! Làm ra cõi ấy, tạo-hóa ghét nhau chi ?  
Nhắc đến đoạn nào, anh-hùng rơi lụy mãi,
- 10.** Cuộc trung-nghĩa hai năm làm đại-trưởng, nhọc nhăn vì nước, nào hòn tiếng thị tiếng phi ; Cõi An-Hà <sup>33</sup> một chúc chịu lanh-binh, lấy-lất theo thời, chưa chắc đâu thành đâu bại.
- 11.** Khóc là khóc nước nhà cơn bão-loạn, hôm mai vắng chúa, thua buồn nhiều nỗi khóc nhói <sup>34</sup> ; Than là than bờ cõi lúc qua-phân <sup>35</sup>, ngày tháng trông vua, ngờ ngần một phường tờ đại.
- 12.** Tướng-quân còn đó, các nơi đạo-tặc thấy kiêng dè ; Tướng-quân mất rồi, mấy chỗ nghĩa-binh thêm bài-xá <sup>36</sup>

30. Nào đã dặng mấy hồi nơi thích-lý, màn hùm che mặt  
rắng xuê <sup>37</sup>; Thà chẳng may một giấc chốn trường-sa,  
đa ngựa bọc thây mới phải.
31. Ôi ! Trời Bến Nghé <sup>38</sup> mây mưa sùi-sụt, thương dặng anh-hùng  
gặp lúc gian-truân ; Đất Gò-Công <sup>40</sup> cây cỏ ú-ê, cảm  
niềm thần-tử hết lòng trung-ái.
32. Xưa còn làm tướng, dốc rạng giời bài chử binh Tây ; Nay  
thác theo thần, xin dựng hộ một câu phúc thái <sup>39</sup>.

**CHÚ-THÍCH I.** Trương-Công-Định vốn là phó quản cơ đã có công chống giữ đồn Kỳ-Hòa. Được triều đình thăng làm chức lãnh binh An Giang. Ông khuất-tử và ở lại Gia-Định, tự động khởi binh chống Pháp ở các vùng Chợ-Lớn, Tân-An, Gò-Công. Ông kháng chiến bằng lối du-kích rộng rãi hai năm và bị bắt chết ngày 20-8-1864. Nguyễn Đình Chiểu đã làm 12 bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật cùng bài văn tế này để điều ông.— 2. *Tây bang* 西邦 ; nước Tây.— 3. *Võ khúc* 武曲 : sao bảm mệnh của viên tướng tài.— 4. *Bình cư* 平居 : ở yên.— 5 *Chi đại* 志大 : chí lớn.— 6. *Viên lữ* 軍族 : chỗ đóng quân.— 7. Làng Tân-Hòa tại Gò Công.— 8. *Địch khái* 敵懷 : chống lại kẻ làm cho dân căm giận.— 9. *Lai sứ* 來使 : sứ-thần trở về.— Đây nói sứ bộ Phan-Thanh-Giản đi điều định với Pháp trở về.— 10. *Tưu phong* 賦封 : tối phong chức (cho Trương-Công-Định làm lãnh-binh An-Giang).— 11. *Mã tiền* 馬前 : trước ngựa.— 12. *Phù* 符 : cái thẻ làm bằng vàng, ngọc, tre, gỗ, đồng... khắc chữ làm tin.— 13 *Khôn ngoại* 國外 : ở ngoài cửa thành quách. Sách Sử-ký có câu : « Từ cửa thành quách trở ra ngoài, tướng quân có quyền quyết định » (khôn dĩ ngoại tướng-quân chế chỉ). 14. *Phán nghĩa* 評義 : đầy lòng vì nghĩa.— 15. *Lộ bố* 露布 : tờ thư báo thắng trận.— 16. *Ma-ní* 犀牛 da đen.— 17. *Mã-tà* : lính cảnh sát.— 18. *Đại đồn* 大屯 : trại lính lớn.— 19. *Cô lũy* 孤壘 : thành lẻ-loi.— 20. *Rạch Lá*, *Cửa Khẩu*, *Trại Cá* : tên các vùng đất ở Gò-Công.— 21. *Hộ tài* 戶曹 : chức quan trông nom sổ-sách về hộ-khẩu (sổ nhà và sổ người).— 22. *Hảo* (hiếu) *nghĩa* 好義 : ham thích việc nghĩa.— 23. *Võ khố* 武庫 : chung quan trông coi về binh khí.— 24. *Giang thương* 貿易 江商道載 : buôn bán trên sông, chuyên chở trên đường.— 25. *Phá lỗ* 破虜 : đánh tan giặc.— 26. *Quái* 掛 : treo.— 27. *Xa thư* 車書 (xe sách) : nói sự thống-nhứt. Do câu trong sách Trung-dung : « nay trong thiên-hạ »

đi cùng đường, sách viết cùng chữ » (Kim thiên-hạ xa đồng quỹ, thư đồng văn).— 28. *Tán sư* 殘師 : giải táo quân-dội.— 29 *Kiều chiếu* 瑤詩 : làm già tờ chiếu-chí.— 30. Nhạc-Phi là một danh-tướng đời Tống đánh tan quân Kim nhiều lần. Về sau vì Tần-Cối chửu hòa, ông bị triều về và chết trong ngục.— 31 *Hoanh la* 橫羅 : mắc lưới, lâm vào cảnh khốn cùng.— 2. Dương-Nghiệp là một danh-tướng đời Tống thắng trận nhiều lần, về bị quân Khiết-Đan đánh bại ở Sóc-Châu, bị bắt, tuyệt thực chết.— 32 Au-Giang, Hà-Tiền.— 34 *Khác nhôi* : nỗi-niềm, tình-cách.— 35. *Qua 分* chia xé (qua : quả dưa ; phân : chia xé).— 36. *Bái-xái* : bị thua ní-bại.— 37. *Xué* : xinh.— 38. Sài-gòu xưa cũng gọi là Bến-Nghé. *Phác* 磐泰 : tốt lành, may-mắn. Bản khác : phục thái 復泰 nghĩa là lại lành. Do câu (Bĩ nhi phục thái » (suy rồi lại thịnh).

## 2. Văn tè sĩ dân Lục Tỉnh

- Hời ôi ! Tùi phận biền manh<sup>1</sup> ; Cẩm loài gian tặc :
- Ngoài sáu tinh hãy ngợi câu an đò<sup>2</sup> ; dân nhờ vua dặng lẽ sống vui ; Trong một phương sao mắc chữ lục trầm<sup>3</sup> ; người vì nước rủ nhau chết ngặt.
- Nhớ linh xưa ! Tiếng đồn trung-nghĩa đến xa ; Thời giữ e thương-thường làm chắc.
- Từ thuở Tây qua cướp đất, xưng tàn-trào gày nợ oán-cùu ; Chẳng qua dân mắc nạn trời, hoài cựu-chúa mang lời phản-trắc.
- Các bậc sĩ nông công cõi, liều mang tai với súng song tâm<sup>5</sup> ; Mấy nơi tông lý xã thôn, đều mắc hại cùng cờ tam sắc.
- Bọn Tam-giáo<sup>6</sup>, quen theo đường cũ, riêng thâu bất hạnh lâm nghèo ; Bầy cùu-lưu<sup>7</sup> cứ giữ nghề xưa, thầm tủi vô-cô<sup>8</sup> chịu cực.
- Phật cho đến người hèn kẻ khó, thâu của quay treo ; Tôi chẳng tha con nít đàn-bà, đốt nhà bắt vật.
- Kè mười mấy năm trời khốn-khổ, bị khảo bị tù bị dày bị giết, trè già nghe nào xiết đếm tên ; Đem ba xác hơi mòn bỏ liều, hoặc sông hoặc biển hoặc núi hoặc rừng, quen lạ thấy đều rơi nước mắt.

9. Khả thương thay ! Dàn sa nước lùa bầy chày ; Giặc ép mõ đầu hết sức.
10. Đánh những kẻ cha thù anh oán, nhảy vồng báo ứng dã cam ; Cực cho người vợ yêu con cỏ, gày đoạn thảm sầu không đứt.
11. Man-máu trăm chiều tám sự, sống những lo trả nợ /cho đổi ; Phối-phai một mảnh hình-hai, thác rời bỏ làm phản cho đất.
12. Nghĩ nỗi anh-hùng nạn nước, bãi khô lâu <sup>9</sup> nào mấy kẽ khóc than ; Tưởng cầu danh lợi luân <sup>10</sup> đổi, trường ôi-lỗi <sup>11</sup> mặc dầu ai náo-nức.
13. Thời i Lòng nghĩa-dân thảo với ngõ-quận <sup>12</sup> ; Tiếng nghịch-dâng lối cùng địch-vực <sup>13</sup>.
14. Gần Côn-Non, xa dài bài <sup>14</sup>, mâu thây trôi nỗi ai nhìn ; Hàng cai đội, bệc quản-cơ, xương thịt rã rời ai cắt.
15. Sóng thi chia tuyết sương trời một góc, khó đem sừng ngựa bện quy kỵ <sup>15</sup> ; Thác rời mưa ngút bờ muôn trùng, khôn mượn thư nhàn <sup>16</sup> đem tin tức.
16. Thấp-thoáng hồn ma bóng quế, lòng cố-hương gửi lại bóng trắng thư ; Bơ-vơ nước quý non ma, hơi âm-sát về theo luồng gió bắc.
17. Như vậy thi : Số dusk theo sâu nêu luân-hồi ; Khi sao đê trùm năm uất-icc.
18. Trời Gia-Bìn<sup>n</sup> ngày chiều rạng rág, âm-hồn theo con bông ác dật-dờ ; Đất Biền-Hòa đêm vắng trăng lờ, oan-quỷ nhộn ngọt đèn thiền hiu-hắt.
19. Ánh-Hà quận <sup>17</sup> đang khi bạch trú, giờ cày vụt thôi, cát xoay Bay, con trót <sup>18</sup> dậy bên thành ; Long-tường giang <sup>19</sup> mỗi lục hoàng-hôn, khói nước sông mù, lửa đom nháng, binh ma chèo dưới vực.
20. Ôi ! Nhìn mấy chặng cờ lau trống sấm, mía-mai trên nghĩa-khai binh tĩnh ; Thảm đổi ngựa giò xe máy, mường-tượng vong-linh về chiến luật.

21. Người lạc phách theo miền giang hải, cung ngao <sup>20</sup> lầu thầu <sup>21</sup>, đành một câu thâu thế phù trầm; kẽ du hồn ở cõi sơn lâm, lũy kiến đồn ong, còn bốn chữ âm-dung <sup>22</sup> phảng-phất.
22. Trời đất ôi! Sóng muốn cho an; Thác sao rồng bức.
23. Dẫu sớm thấy ngọn cờ diều phạt <sup>23</sup>, phản thần dân đâu chẳng toan còn; Chưa kịp nghe tiếng trống an nhường <sup>24</sup>, nghĩa quân phụ nào dè thác mất.
24. Hoặc là sợ như đất triều Tần mờ Sở <sup>25</sup>, cuộc can qua sông ở tùng ghê minh; Hoặc là lo như trời nam Tống bắc Kim <sup>26</sup>, đường binh cách thác đi cho khuất mặt.
25. Tiếc non-nước ấy, nban-dân đường ấy, gây sự này nào thấy phép lầy oai; Biết cha mẹ đâu, tộc-loại ở đâu, chẹn hồn đó mới ra ơn diều khuất <sup>27</sup>.
26. Tuy uồng mệnh, hãy chờ khi sách mệnh <sup>28</sup>, săn vòng quâ-báo vân-vương; Song oan hồn chưa có kẻ chiêu hồi, khiếu tấm linh-dài <sup>29</sup> bức túc.
27. Nhờ phậu áo cơm đất nước, trọn mấy năm ngóng cõi trông quan: So bè mồ mà ông cha, còn hơn đưa đanh lòng theo giặc.
28. Đến nay: Cảm cảnh Nam-trung; Trách lòng tạo-vật.
29. Vì như Vĩ-sinh <sup>30</sup> đời Đông-Tấn, nay đánh Hồ, mai dẹp Yết, thi phơi gan trong đám tinh-chiên <sup>31</sup>; Nào phải dân ở cõi U-Yên, sớm dầu Hạ, tối dầu Liêu <sup>32</sup>, mà trày máu bên đường kinh-cức <sup>33</sup>.
30. Phải trời cho mượn cáo huyền <sup>34</sup>, phá lỗ, Trương tướng-quân <sup>35</sup> còn cuộc nghĩa binh; Ít người xem tấm bảng phong thần, Phan học-sĩ <sup>36</sup> hết lòng mưu quốc.
31. Muôn dặm giang-san triều thánh đỗ, giang-san còn hơi thánh hãy còn; Nghìn năm hồn-phách nạn dân này, hồn-phách mất tiếng dân nào mất.
32. Dẫu dặng ơn nhuần khô cốt <sup>37</sup>, con tri bịnh mới thấy dạo vương; Muốn cho phép với linh-hồn, buỗi ly-loạn khôn cầu kính Phật.

33. Ôi ! Trời xuống mèn quỷ trăng mấy năm ; Người uống giặn suối vàng lầm bực.
34. Cảnh Nam-thò phơi màu hoa thảo, động tình oan nứa úa nứa tươi ; Cõi Tây-thiên treo bức vân hà<sup>38</sup>, kết hơi oán chặng thưa chặng nhặt.
35. Ngày gió thổi lao-xao tin dã mã<sup>39</sup>, thoát nhót thoát tan thoát lui thoát tới, như tuồng bán dạng tinh-linh ; Đêm trăng lờ réo-rắt tiếng đề-quyên<sup>40</sup>, đường hòn đường mếu đường khóc đường than, đòi đoạn tổ tình oan-khuất.
36. Xưa nghe có bến sông Vị-Thủy, lấy lẽ nhân-dầu<sup>41</sup> tế đảng hồn oan ; Nay biết đâu bãi cát Trường-sa, mượn của âm-phủ độ bè quỷ ức.
37. Bốt lộn nhang trầm trời đất chứng, chút gọi là làm lẽ vẫn vong<sup>42</sup> ; Đọc bài văn tế quý thần soi, xin hộ đó theo đường âm-chất.

**CHỦ-THÍCH :** 1. *Biên-manh* 邊氓 : dân ở nơi biên-giới.— 2. *An dì* 安堵 : bức tường bền vững, nói sự yên-đảm.— 3. *Lục trầm* 陸沉 : chìm-dắm trên cạn.— 4. *Tai* 災 : vạ.— 5. *Song tâm* 憂心 : hai nòng.— 6. *Tam giáo* 三教 : ba tôn-giáo : Nho, Phật, Lão.— 7. *Cửu lưu* 九流 : chín học phái lớn thời Chiếu-Quốc bên Trung-Hoa : phái Nho, phái Lão, phái Mác, phái pháp-trí, phái danh, phái âm-dương.— 8. *Vô có* 無辜 : không có tội.— 9. *Khô ldu* 枯髑 : đầu người chết đã khô.— 10. *Bản khác* : ... tuồng đời.— 11. *Ôi-lỗi* 傀儡 : tượng người bằng gỗ đê chơi. Trường ôi-lỗi là trường đời.— 12. *Ngô-quân* 吾君 : vua ta.— 13. *Bích vực* 筚域 : đất dịch.— 14. *Đại hải* 大海 : biển lớn.— 15. *Qay kỳ* 鷗鷺 : ngày về.— 16. *Nhận* : nhận.— 17. *An-Giang*, Hà-Tiên.— 18. *Con trót* : gió lốc.— 19. *Sóng Long-iường* (?).— 20. *Ngao* 鱼 : một loại rùa lớn ở biển.— 21. *Lâu thần* : thần 盤 là một loài thường-luồng tương truyền có thè thời hơi kết thành lâu-dài, thành quách. Lâu thần là lâu do hơi con thần kết thành, vì với cái gì hư ảo không đáng tin cậy.— 22. *Âm-dang* 險容 : vẻ mặt người đã khuất.— 23. *Điều phạt* 弔伐 : đánh dẹp kẻ có tội để cứu dân. Do chữ « điều dân phạt tội ».— 24. *An khương* 安攘 : dẹp yên.— 25. *Triệu Tân mộ Sở* 朝秦墓楚 : sáng thuộc nước Tân, tối thuộc nước Sở.— 26. *Nam Tống bắc Kim* 南宋 北金 : phương nam là nước Tống, phương bắc là nước kim.— 27. *Điều khuất* 弔屈 : điều người oan-unding.— 28. *Sách mệnh* 素命 tim được đời sống.— 29. *Linh dài* 震臺 : lòng.—

30. Vĩ-sinh (7).— 31. Tinh-chiên 靈 殘 : hời lanh.— 32. Dân ở đất U, đất Yên nhỏ hẹp, không thể tự-chủ, lúc phải về với nước Hạ, lúc phải về với nước Liêu.— 33. Kinh-euc 刑 極 : gai-góc.— 34. Huyền 玄 : cờ màu đen.— 35. Truong-Công-Định.— 36. Phan-Thanh-Giản.— 37. Khô cối 純 : xương khô.— 38. Văn-hà 文 腸 : mây, rặng.— 39. Đỗ mã 道 馬 (ngựa đồng) : khí xuân phát-động xa trông như con ngựa đồng rong-rugi (sách Trang-tử).— 40. Đề quyền 僉 權 : chim quốc kêu.— 41. Nhâa 夢 人 面 : đầu người.— 42. Văn-vong 文 腸 : điếu người chết.

### 3. Văn-té nghĩa-sí Căn-Giúc 4

1. Súng giặc đất rèn ; Lòng dân trời tò.
2. Mười năm công vỡ-truồng, xưa át còn, danh nỗi như phao ; Một trận nghĩa đánh Tây, tuy là mất tiếng vang như mồ.
3. Nhớ linh xưa : Cui-cút làm ăn ; Riêng lo nghèo khó.
4. Chưa quen cung ngựa, đua tối trường nhung ; Chín biết ruồng trâu, ở theo làng bộ.
5. Việc cuốc việc cày, việc bừa việc cấy, tay vốn quen làm ; Tập khiêng tập súng, tập mác tập cờ, mắt chưa từng ngó.
6. Tiếng phong hạc <sup>2</sup> pháp-phỏng hơn mười tháng, trông tin quan như trời hạn trông mưa ; Mùi tinh-chiên <sup>3</sup> vẩy-vá đã ba năm, ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ.
7. Bừa thay bòng-bong che trắng lớp muôn tội ăn gan ; Ngày xem ông khói chạy đèn si, muốn ra cắn cõ.
8. Một mồi za thư <sup>4</sup> đồ-sộ, há đè ai chém rắn đuổi hươu <sup>5</sup> ; Hai vàng nhặt nguyệt chơi lò, dán dung lũi treo dê-bán chó.
9. Nào đợi ai đòi ai bắt, phen này xin ra sicc đoạn kính <sup>6</sup> ; Chẳng thèm trốn ngược trốn xuôi, chuyến này rẽ ra tay bộ hồ <sup>7</sup>.
10. Khả thương thay ! Vốn chẳng phải quân cơ quản vé, theo dòng ở lính diễn binh ; Chẳng qua là dân áp dân lấn, mến nghĩa làm quân chiêu mộ.
11. Mười tam ban võ-nghệ nào đợi tệp-rèn ; Chia chục trận binh-thứ không chờ bày-bố.

12. Ngoài cát có mội manh áo vải, nào đợi mang bao tầu, bần  
ngòi; Trong tay cầm một ngọn tầm-vông, chỉ nài sám  
dao tu, nón gỗ.
13. Hòa-mai đánh bằng rơm con cùi, cũng dốt xong nhà dày  
đạo kia; Gươm deo dùng bằng lưỡi dao phay, cũng  
chém rót dầu quan hai nọ.
14. Chi nhọc quan quản gióng trống kỳ trống giục, đập rào  
lướt tới, coi giặc cũng như không; Nào sự thằng Tây  
hắn dạn nhỏ dạn to, xô cửa xông vào, liều mình như  
chẳng có.
15. Kẻ đâm ngang, người chém ngược, làm cho mã-tà ma-  
ni<sup>8</sup> hồn kinh; Bọn hè trước lũ ó sau, trối kệ tàu thiếc  
tàu đồng súng nồ.
16. Những lăm lòng nghĩa sau dùng; Đầu biết xác phàm  
với bỏ.
17. Một chắc sa-trường răng chữ « hanh »<sup>9</sup>, nào hay da ngựa  
bọc thây; Trăm năm âm-phủ ấy chữ « quy »<sup>10</sup>, nào đợi  
gươm hùm treo mộ.
18. Đoái sông Cầu-Giuộc, cỏ cây mẩy dặm sầu giăng; Nhìn  
chợ Trường-Bình, già trẻ hai hàng lụy nhô.
19. Chẳng phải án cướp án gian dày tới, mà vi binh đánh  
giặc cho cam tâm; Vốn không giữ thành giữ lũy bỏ đi,  
mà hiệu-lực theo quân cho đáng số.
20. Nhưng nghĩ rằng: Tắc đất ngọn rau on chùa, tài bồi  
cho nước nhà ta; Bát cơm manh áo ở đời, mắc-mó chì  
ông cha nó.
21. Vì ai khiến quan quản khó nhọc, ăn tuyết nằm sương;  
Vì ai xui đòn lũy tan-tành, xiêu mua ngã gió.
22. Sóng làm chi theo quân tả đạo, quăng vừa hương xưa  
bản độc, thấy lại thêm buồn; Sóng làm chi ở lindh mã-tà,  
chia rượu ngọt, gặm bánh mì, nghe càng thêm hờ.
23. Thà tháo mà dặng cầu địch khái<sup>11</sup>, về theo tồ-phụ cũng  
vinh; Hèn còn mà chịu chửi đầu Tây, ở với man-di  
rất khổ.

24. Ôi thoi thoi ! Chùa Lão-ngộ năm canh ưng đóng lạnh,  
tấm lòng son gửi lại bóng trăng rằm ; Đồn Tây-dương một  
khắc dặng trả hòn, túi phật bạc trôi theo giòng nước đồ.
25. Đau-dứa bấy mẹ già ngồi khóc trẻ, ngọn đèn khuya leo-lết  
trong lều ; Não-nùng thay vợ yếu chạy theo chồng, cơn  
bóng xé đất-dờ trước ngõ.
26. Ôi ! Một trận khói tan ; Nghìn năm tiết rõ.
27. Bình thường nó bấy đóng sông Bến-Nghé, làm bốn phía mây  
đen <sup>12</sup> ; Ông cha ta còn ở đất Đồng-Nai, ai cứu đặng một  
phương con đồ.
28. Thác mà trả nước non rồi nợ, danh thơm đồn sáu tỉnh  
chúng đều khen ; Thác mà ưng đình miếu đê thờ, tiếng hay  
trái muôn đời ai cũng mộ.
29. Sông đánh giặc, thác cũng đánh giặc, linh-hồn theo giúp cơ  
binh, muôn kiếp nguyên được trả thù kia ; Sông thờ vua,  
thác cũng thờ vua, lời dụ dạy đã rành-rành, một chữ ấm <sup>13</sup>  
đủ đèn công đó.
30. Nước mắt anh-hùng lau chằng ráo, thương vì hai chữ thiên-  
dân <sup>14</sup> ; Cây hương nghĩa-sĩ thấp thêm thơm, cảm bởi một  
câu vương thồ <sup>15</sup>.

CHÚ-THÍCH : 1. Cũng gọi là văn tế vong bồn mộ nghĩa. — 2. Phong  
bạc 鳳鶴 (giò, bạc) : nói sự nghi- ngờ, sợ hãi. Theo sách Tần thư, Tạ-Huyền  
đem tám ngàn quân qua sông Phi-thủy ; quân của Phù-Kiên bày trận ở  
đây tan vỡ, bỏ khi-giờ mà chạy, nghe thấy tiếng gió thổi hạc kêu (phong  
thanh hạc lệ) tưởng là quân địch đuổi theo. — 3 — Tình chiến 腹脣 : tanh-  
hói. — 4. Xa thư : xem chú-thích 27 trong bày văn-tế Trương-Công-  
Định. — 5. Chiếm lấy đất nước. Do diễn: Lưu-Bang chém rắn ở núi  
Maung-Đường, sau lập nên nhà Hán. Sách Hán thư có câu: « Nhà Tần mất  
con hươu, thiên-hạ cùng đuổi theo nó ». con hươu ví với đất nước. — 6.  
Đoạn kính 斷鯨 : chém cá voi. 7. Bộ hổ 捕虎 : bắt hùm — 8 Mă-tà, ma-  
zi : lính cảnh-sát, lính da đen. — 9 Hạnh 幸 : may mắn. — 10. Quý 福 : vè. —  
11. Địch-khai 敵慨 : chống lại kẻ làm cho dân căm giận. — 12. Võ này  
thiếu 2 chữ (?). — 13. Ấm 蔽 : on trạch. — 14. Thiên dân 天民 : dân của  
Trời. — 15 Vương thồ 王土 : đất của nhà vua. Do câu trong Kinh Thi:  
« khắp dưới trời này, không đâu không phải là đất của nhà vua » (Phò  
thiên chi hạ, mạc phi vương thồ).

## NGUYỄN-KHUYẾN

(1835-1910)



NGUYỄN-KHUYẾN

Tiểu-sử : Ông trước tên là Nguyễn-văn-Thắng, sau khoa thi Hội lần đầu không đỗ mói đồi là Nguyễn Khuyễn, hiệu là Quế-Sơn 祺山, người làng Yên Đồ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà-Nội (nay thuộc Hà-Nam). Tuy xuất thân ở một nhà khoa-hoạn nhưng ông vẫn sống trong cảnh thanh bạch. Năm 1864 ông đỗ giải-nghuyên trường Hà Nội. Năm sau, thi Hội không đỗ, ông ở lại kinh đô, vào học Quốc-tử Giám. Năm 1871 tức Tự-Đức thứ 24, ông đỗ Hội-nghuyên rồi Đinh-Nguyễn, nên thường gọi là Tam-nghuyên Yên-Đồ.

Ông được bồ làm quan, thăng dần lên chức Tuần-phủ. Khi được cử đi giữ chức Tổng-đốc Sơn Hưng Tuyên (Sơn-Tây, Hưng Hóa, Tuyên-Quang), ông lấy cớ đau mắt cáo quan về nhà dạy học (1885). Hồi đó nước ta đương gặp nhiều khó khăn : Quân Cờ-den xâm-nhiều dân chúng. người Pháp đã gây chiến và bắt buộc Tùy-đình Huế ký hòa-ước nhận cuộc bảo-hộ của họ ở Trung và Bắc. Dương muôn sống yên thân nơi thôn dã, ông «bị» mời ra làm quan; ông làm bài «Lời gái hóa» (*Ly từ phụ*) để từ chối. Sau bắt-tắc dì ông phải nhận lời mời ra dạy học tại nhà Hoàng Cao-Khai. Muốn khỏi bị nghi kỵ, ông phải cho con trai ra làm quan hay mình. Ở quê nhà, ông dạy học và sống một đời thanh bạch. Ông mất ngày 15 tháng Giêng năm Canh-Tuất (24-2 1910), thọ 76 đồi (Theo cuốn Tam-Nguyên Yên-Đồ của Hoàng-Ý-Viên).

Tác-phẩm Những thơ văn có giá-trị của ông phần lớn được làm trong thời hưng-th��, từ năm 50 đến năm 75 tuổi.

Về Hán-văn có *Quê-Sơn thi văn tập* 越詩文集

Văn Nôm gồm đủ các lối thơ, ca, hát nói, văn tế, câu đối.

Một số bài được làm bằng Hán-văn rồi dịch ra Việt văn như : Ngày xuân rắn con cháu, *Xuân nhật thi chư nài* (春 日 示 僔兒), Chợt hứng, *Mạn hứng* (漫 翱)...

\* Cụ thích tự sinh tự trào, có vẻ ung-dung phảng-khoảng. Cụ cũng hay diễn-cợt người đời, châm-chích thói đời một cách nhẹ-nhàng kín-kéo, rõ ra một bắc đặc-nhân quan-tử muốn dùng lời văn trào-phúng để khuyên dân người đời \*.

(Đương-Quảng-Hàm)

Các đoạn trích : Tự có thể tạm chia thơ vào của Nguyễn-Khuýt ra như sau :

### I.— *Tự - thuật*:

- A) Tình-thần quốc-gia.
- B) Tình-nông-chôn.
- C) Tình-thiên-nhiên.
- D) Tình bạn.
- E) Quan-niệm nhân-sinh.

### II.— *Trào-phúng*.

### III.— *Thơ vịnh*.

## I.—TỰ-THUẬT

## A. TÌNH-THẦN QUỐC-GIA

## 1. Chợt hứng

Ngần ấy năm nay vẫn ở nhà,  
Nghĩ ta ta lại chỉ thương ta.  
Bóng hiên thêm ngán hơi đồng nhỉ,  
Ngọn gió không nhường tóc bạc a?  
Thứa mạ rạch rời chân 1 xấu tối,  
Đầu lương lo-lắng tuổi non già.  
Khi buôn chén rượu say không biết,  
Ngửa mặt tờ-mờ ngọn núi xa.

**TÙU-DÂN**: Bài này nguyên làm bằng Hán-văn do chính tác-giả diễn  
ném.

**CHÚ-THÍCH**: 1. *Chân*: hàng, thứ. Cũng có nghĩa là địa-vị.

## 2 Về nghỉ nhà

Tóc bạc, răng long, chưa dã già,  
Ôn vua nhờ được nghỉ về nhà.  
Nước non, cây cỏ còn như cũ.  
Ghế gai, cân dai 1 thế cũng là...  
Đất rộng biết thêm đường Gốc-sây,  
Ngày rồi nghe những chuyện La-ga 2.  
Ông Trời đê ý cho ta nhỉ?  
Đã trót sinh ta, phải có ta.

**CHÚ-THÍCH**: 1. Những thứ vua ban cho những đỗ-dạt và làm quan. Thời xưa, các quan tuổi từ 80 trở lên, khi vào chầu vua được phép *chỗng* gai và ngồi ghế. Sách Lễ-ký: *Bát thập lưỡng ư triều* (80 tuổi được *chỗng* gai khi vào chầu vua). — 2. Do tiếng Pháp La gare (ga xe-lửa).

## 3. Cảm hứng

Tháng ngày thăm thoát tựa chim bay,  
Ông kẽm minh ông nghĩ cũng hay.  
Tóc bạc bao giờ không biết nhỉ?  
Răng long ngày trước hẫy còn đây.

Câu thơ được chữa, thưa rằng được ;  
 Chén rượu say rồi, nói chưa say.  
 Ké ở trên đời lo lắng cả,  
 Nghĩ ra, ông sợ cái ông này.

#### 4. Ngày xuân răn con cháu

Tuổi thêm, thêm được tóc râu phờ,  
 Nay đã năm mươi có lẻ ba.  
 Sách vở ích gì cho buổi ấy ?  
 Áo xiêm nghĩ lại thận thận già.  
 Xuân về ngày loạn còn lơ-lajo,  
 Người gặp khi cùng cũng ngắt-ngo<sup>1</sup>;  
 Làn-thần lấy chi đèn tắc bóng<sup>2</sup>,  
 Sao con đàn hát vẫn say-sưa ?

**TIỀU-DẢN :** Bài này, nguyên làm bằng Hán-văn do chính tác-giả diễn-nôm

**CHÚ-TÍCH :** 1. Cũng như ngắn-ngo, dờ-dẫn, không có tinh-thần  
 gì, không biết làm sao — 2. Thời-gian rất ngắn. Do chữ **Thần-đèn** (tức là  
 Thần : tết ; ánh-tia là quang-âm : ánh-sáng, bóng tối, chỉ thời-gian).

#### 5. Tự họ<sup>1</sup>

Năm nay tờ đã bảy-mươi-tư;  
 Răng lão, răng quan, tờ cũng tr.  
 Lắc hưng uống thêm dăm chén rượu;  
 Khi buồn ngâm lão mấy vần thơ.  
 Bạn già lớp trước nay còn mấy,  
 Chuyện cũ mươi phần chín chẳng nhẹ.  
 Cũng muốn sống thêm dăm tuổi nữa  
 Thủ xem trời mãi thế này n.

**CHÚ-TÍCH :** 1. **Tự họ** à **gì** : Minh tự mừng sống lâu.

### 6. Ông phỗng đá (hát nói)

Người đâu tên họ là gì ?

Khéo bay ebich.chich chi-chi<sup>1</sup> ngực cười.

Giang tay, ngửa mặt lên trời,

4. Hay là còn nghĩ sự đời chi đây ?

Trông phỗng đá lạ-lùng mùốn hỏi :

Có làm sao len-lỏi đến chi đây ?

Hay tưởng trông cây-cỏ nước-non này ?

8. Chi cũng rắp chen chản vào hội Lạc<sup>2</sup> ?

青山負笑頭將佛

*Thanh son tự tiếu đầu tương hạc,*

滄海誰知我亦鷗

*Thương hải thùy tri ngã diệc âu ?*

Thôi cũng đừng chụp chuyện đâu đâu,

12. Túi vú-trụ mặc đàn em gánh vác.

Duyên kỳ-ngoè là duyên tuổi-lá,

Chén chủ, chén anh, chén tôi, chén bác,

Cuộc tình say, say tình cùng nhau.

16. Nên chẳng, đá cũng gặt đầu.

**TIỀU-DÂN** : Bài này, tác-giả làm tại nhà Kinh-lược Hoàng-Cao-Khai trong một buổi tiệc mừng thơ, để nói tâm-sự mình.

**CHÚ-THÍCH** : 1. Người lỳ nhớ người ngày-dai, không cưa quậy.— 2. *Hội Lạc* 爵 : Đời Tống, Văn-Ngạn-Bác họp các sĩ-phu có tuổi cả thảy 12 người dự một tiệc rượu tại nhà Phù-Bật. Người đương thời gọi là Lạc-Dương kỳ-anh hội (Hội các bậc kỳ-anh ở đất Lạc-Dương). Bằng khác : ... *hội lạc* 爵 : hội vui.— 3. Núi xanh tự cười đầu sấp hạc trắng như lông chim hạc. Ai biết cho rằng ta cũng giống như con chim âu giữa bể khơi.— Chim âu thường ở nơi hoang-vắng, nên người ta thường ví với người ăn-dặt, không muốn biết đến việc đời. (Thơ của Tương-Dương-Hiệu đời Đường).

### 7. Mẹ Mộc

So danh già, ai bằng Mẹ Mộc !  
 Ngoài bình-bài, gốm vóc cũng thêm ra.  
 Tâm hồng-nhan đem bồi lâm, xóa nhòa :

4. Làm thế để cho qua mắt tục.

貌 外 不 求 如 美 玉  
 Mạo ngoái bất cầu như mỹ ngọc,

心 中 守 守 似 金  
 Tâm trung thường thủ tự kiên kim ;  
 Nhờ chồng con muôn dặm xa tìm,

5. Giữ son sắt êm-dềm một liết.

Sạch như nước, trắng như ngà, trong như tuyết,  
 Mảnh gương trinh vắng-vặc quyết không nhơ.  
 Đắp tai, ngành mặt làm ngo.

12. Răng khôn cung kệ, răng khòe cung thây.  
 Khôn em dễ bán đại này.

**CHÚ-THÍCH :** 1. Tên một người dân-bà hóa đại ở Nam-Định.—  
 2. Ngoài mặt không cầu như ngọc đẹp. Trong lòng thường giữ giông  
 như vàng vĩnh bền.

### 8. Nghe cuốc kêu

Khắc-khoài sầu dưa giọng lửng-lo,  
 Ấy hồn Thục-Đế<sup>1</sup> thác bao giờ ?  
 Năm canh mán chảy đêm hè vắng,  
 Sáu khắc hồn tan bóng nguyệt mờ.  
 Có phải tiếc xuân mà đứng gọi,  
 Hay là nhớ nước vẫn nằm mơ ?  
 Ban đêm ròng-rã kêu ai đó ?  
 Giục khách giang-hồ<sup>2</sup> dạ ngắn.ngo.

**CHÚ-THÍCH :** 1. Vua nước Thục tên là Đỗ-Vũ. Tương-truyền Đỗ-  
 Vũ vì mê nő-sắc mà mất nước ; sau hối-hận chết hóa thành chim

cuộc (đỗ-quyên) ngày đêm kêu da-dá vì nhớ nước cũ và tinh xua.—  
2. Giang-hồ 江湖 : người không có chỗ ở nhất định, nay đây mai đó.  
Còn có nghĩa là người ẩn-lật (sông ; hồ).

### 9. Hội Tây

Kia hội-thăng-bình tiếng pháo reo.  
Bao nhiêu cờ kéo với đèn treo !  
Bà quan tênh-hết xem bối trại,  
Thăng bế lom-khom nghé hát chèo.  
Cây sút, cây dù nhiều bị bám ;  
Tham tiền, cột mõ lấm anh leo.  
Khen ai khéo vẽ trò vui thế,  
Vui thế bao nhiêu, nhục hổy nhiêu.

**CHÚ-TÍCH :** 1. Hội của người Pháp tổ-chức hàng năm ngày 14-7 để kỷ-niệm việc nhân-dân Pháp phả ngục Bastille tượng-trưng cho chế-dộ chuyên-chế trước cuộc cách-mạng năm 1789. Trong ngày hội này, người Pháp thường bày ra những trò chơi «bản-xí» cho dân ta dự.— 2. Chỉ điện-bộ hổ hang, không kin-fláo.

### 10. Nỗi chuyện cũ

Theo thầy buồi cũ hấy ngày-thơ,  
Râu tóc bảy giờ đã bạc phơ.  
Hơn kém cuộc này ai chủ đó ?  
Già-nua mấy kẻ bạc anh ta.  
Ngủ đi còn sợ chiêm-bao trước,  
Nghĩ lại như là chuyện thủa xưa,  
Có rượu Trung-Sơn <sup>1</sup> cho lũ tờ,  
Tỉnh ra hỏi đã thải-binh chưa ?

**TIỀU-DÂN :** Bài này nguyên làm bằng Hán-văn do chính tác-giả điền-nâm.

**CHÚ-TÍCH :** 1. Rượu Trung-Sơn : rượu say lâu. Theo sách Sưu-thần ký, Địch-Hi người đất Trung-Sơn nấu được một thứ rượu uống vào say, ngàn ngày gọi là Thiên-nhật-tử.

## B. TÌNH-NÔNG-THÔN

### 1. Làm ruộng

Mấy năm làm ruộng vẫn chán thua,  
 Chiêm mất dâng chiêm, mùa mất mùa.  
 Phần thuế quan thu<sup>1</sup>, phần trả nợ;  
 Nửa công đưa ở, nửa thuê bò.  
 Sớm trưa<sup>2</sup>, đưa muối cho qua bùa;  
 Chợ bùa, giàu chè chẳng đam mua.  
 Cần-kiệm thế mà không khá nhỉ,  
 Bao giờ cho bết khỏi đường lo?<sup>3</sup>

**CHÚ-THÍCH :** 1. Bản khác : Phần thuế quan tây... 2. Bản khác :  
 Thợ thuyền đưa muối... 3. Bản khác : Bao giờ cho biết khỏi đường lo.

### 2. Nước lụt năm Canh-dần (1890)

Quai Mẽ<sup>4</sup> ! Thanh-Liêm đã lở rồi !  
 Vùng ta thời cũng lụt mà thôi !  
 Gạo năm ba bát<sup>5</sup>, cơ còn kém ;  
 Thuỷ mội hai nguyên<sup>6</sup>, dâng chưa đổi.  
 Tiếng sáo vo-ve, triền nước vọng ;  
 Chiếc thuyền len-lỏi, bóng trắng trời.  
 Đi đâu cũng thấy người ta hỏi :  
 « Mười mấy năm nay, lại cát bồi ! »<sup>7</sup>

**CHÚ-THÍCH :** 1. Đè làng Mẽ (thuộc huyện Thanh-Liêm, tỉnh Hà-Nam)  
 Quai : đè đắp vồng ra ngoài một khúc đè khác yếu đè phòng nước.—  
 2. Gạo đồng một quan tiền được năm, ba bát là gạo đất, gạo kém.—  
 3. Nguyên 元 : đồng bạc.— 4. Bản khác : Mười mấy năm nay lại cát bồi  
 (cát với rát với khổ).

### 3. Lụt năm Ất-tị (1905)

Tị trước, Tị này chục lẻ ba<sup>8</sup>,  
 Thuận dòng, nước cũ lại bao-la.  
 Bóng thuyền thấp thoảng dờn trên vách,  
 Tiếng sóng long-hồng lượn trước nhà.

Bắc bục, người còn chờ Chúa<sup>2</sup> đến ;  
 Đồng hè, ta lại rước Vua<sup>3</sup> ra.  
 Sửa-sang việc nước cho yên-đòn.  
 Trời đất sinh ta,ắt có ta.

**CHÚ-THÍCH:** 1. Từ năm Tí trước (Qui-Tí : 1893) đến năm Tí này  
 (Ái-Tí : 1905) là 13 năm.— 2. Chỉ Hà-bà, tức là thần sông.— 3. Vua bếp,  
 Tao-quán (dùng trong việc bếp nước).

#### 4. Chợ đồng

Tháng chạp hai-mươi-bốn chợ đồng,  
 Năm nay chợ họp có đồng không ?  
 Đở trời mưa bụi còn hơi rét,  
 Ném rượu trường-dinh<sup>2</sup> được mấy ông ?  
 Hàng quán người về nghe xáo-xác,  
 Nợ-nần năm trước hỏi lung-tung.  
 Dăm ba ngày nữa tin xuân tới,  
 Pháo chúc nhà ai mệt liêng dùng.

**CHÚ-THÍCH:** 1. Phiên chợ họp ngoài cánh đồng tại làng Yên-Bồ,  
 mỗi năm họp một lần vào ngày 24 tháng chạp.— 2. Trường-dinh 長亭: Hàng  
 quán ở bên đường. Đời Tần ở nước Tàu, cứ 10-dặm lại đặt một quán  
 gọi là trường-dinh để cho người đi đường nghỉ chân. Người xưa thường  
 đưa tiền nhau ở trường-dinh. Bản khác : Ném rượu trường-dền được mấy  
 ông. (Tường-dền là tường chung quanh đền, ngay cạnh chợ).

#### 5. Cảnh lèn lão

Ông chẳng hay ông tuổi đã già,  
 Năm-nhăm ông cũng lão đây mà.  
 Anh em làng xóm xin mời cả,  
 Xôi bánh trâu heo cũng gọi là.  
 Chủ Đảo bên đình lèn với tơ,  
 Ông từ xóm chợ lại cùng ta.  
 Bay giờ đến hạc ăn-dụng nhỉ,  
 Có rượu thời ông chống gậy ra.

## C. TÌNH THIÊN-NHIÊN

### 1. Đêm mùa hạ

Tháng tư đầu mùa hạ,  
 Tiết trời thực oi-ả.  
 Tiếng dế kèo thiết tha,  
 Đàn muỗi bay toát cả.  
 Nỗi ấy biết cùng ai ?  
 Cảnh này buồn cả dạ,  
 Biếng nhấp nampus canh chầy.  
 Gà dù sờm giục-giã.

### 2. Thu âm 1.

Năm gian nhà cỏ thấp le-te,  
 Ngõ tối đêm khuya dom lập-lòe.  
 Lung giậu phất-phơ màu khói nhạt,  
 Làn ao lóng-lánh bóng trăng loe..  
 Da trời không nhuộm mà xanh ngắt,  
 Mắt lão không viền <sup>2</sup> cũng đỏ hoe.  
 Rượu tiếng rắng hay, hay chẳng mấy,  
 Độ dăm ba chén đã say nhè.

**CHÚ - THÍCH :** 1. *Thu âm* 秋 款 : mùa thu uống rượu.— 2. *Dắt* 黛 : không vầy (vầy : vọc tay vào).

### 3. Thu diều <sup>1</sup>

Ao thu lanh-léo nước trong veo,  
 Một chiếc thuyền cân bé téo.teo,  
 Sóng biếc theo làn hơi gọn tí.  
 Lá vàng trước gió sẽ đưa veo.

Từng mây lơ-lửng, trời xanh ngắt ;  
 Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.  
 Tựa gối ôm cần lâu chẳng được,  
 Cả đâu dớp động dưới chân bèo.

**CHÚ-THÍCH :** 1. *Thu diều* 秋鈞 : mùa thu câu cá.

#### 4. Thu vịnh<sup>1</sup>

Trời thu xanh ngắt mây từng cao,  
 Cần trục lơ phơ gió hắt-hiu.  
 Nước biếc trong như tảng khói phủ,  
 Song thưa đẽ mặc hồng trăng vào.  
 Mây chùm trước giàu : hoa nấm ngoài ;  
 Một tiếng trên không : ngỗng nước nào ?  
 Nhán hứng cũng vừa toan cất bút,  
 Nghĩ ra lại thẹn với Ông Đào<sup>2</sup>.

**CHÚ-THÍCH :** 1. *Thu vịnh* 秋 池 : vịnh mùa thu.— 2. Ông Đào :  
 Đào-Tiêm, biệu là Uyên-Minh, người đời Tấn bên Tàu, tinh-tinh cao-thượng, cao quan về ở lầu vi không chịu được sự bó buộc. Ông là  
 một thi-sĩ nổi tiếng mở đầu phái thơ diễn-viên.

#### 5. Chơi núi An-Lão<sup>1</sup>

Mặt nước mènh-mông nồi một hòn,  
 Núi già nhung tiếng vẫn là non.  
 Mảnh cây tho-thót, dầu như trọc ;  
 Ghềnh đá long-lay, ngắn chừa mòn.  
 Một là<sup>2</sup> về đâu xa thảm-thảm ?  
 Ngebìn làng trông xuống bé con-con.  
 Đầu già, đã, hẵn hơn ta chửa ?  
 Chỗng gáy lên cao, bước chửa chòn.

**CHÚ-THÍCH :** 1. Núi An-Lão tức Nguyệt-Hàng sơn hoặc Quế-Sơn, ở  
 giáp bờ sông Ninh-giang thuộc địa-phận làng An-Lão, huyện Bình-Lục.  
 tỉnh Hà-Nam.— 2. Là : chiếc thuyền.

### 6. Chơi núi Non-nước<sup>1</sup>

Chom-chóm trên sòng đà một hòn,  
 Nước trời, sóng vỗ, biết bao mòn ?  
 Phơ dầu đã từ đời Bàn-cô<sup>2</sup> ?,  
 Bia miệng còn deo tiếng trẻ con.  
 Rừng cúc tiền-triều tro mốc thêch,  
 Hòn cầu Thái-phó<sup>3</sup> tảng rêu tròn.  
 Trái bao trăng gió xuân già dặn,  
 Trời dẫu già nhưng núi vẫn non.

**CHÚ-THÍCH :** 1. Cũng gọi là Thúy-son hay Dục-Tháy, một núi đá ở trên sòng Đáy, giữa Lĩnh-Lý Ninh-Bình.— 2. Bàn-cô 蟬古 : tên ông vua sinh ra từ đời thái-cô, khi mới mở trời dựng đất. Tương truyền khi trái đất còn hồn-dện thì Bàn-cô đã sinh 18.000 năm.— 3. Thái-phó 太傅 : chức quan đứng thứ hai trong hàng Tam-công (thái-sư, thái-phó, thái-bảo). Đây chỉ Trương-Hán-Siêu, người Ninh-Bình, làm quan đời Trần. Nhân vị sư trụ-trì trên núi Non-nước có xây một ngôi tháp, Trương-Hán-Siêu làm bài Linh-tế tháp kỵ đề trình-bày tư tưởng phỏng-khoáng. Bài kỵ khắc vào sườn núi do chữ tác-giả viết nay hãy còn.

### D. TÌNH BẠN

#### 1. Nước lụt hỏi thăm bạn

Ai lên, nhắn hỏi bác Châu-Cầu<sup>1</sup> :  
 Lụt-lội năm nay bác ở đâu ?  
 Mấy bờ lợn con rày lớn, bé ?  
 Vài gian nếp cái ngập nồng, sâu ?  
 Phận thua, suy tính càng thêm thiệt ;  
 Tuổi cả, chơi-hời họa sống lâu...  
 Em cũng chẳng no mà chẳng đói,  
 Thung-thăng chiếc lá<sup>2</sup>, rượu lung bâu.

**CHÚ-THÍCH :** 1. Châu-Cầu : Tên một làng thuộc huyện Thanh-Liêm, tỉnh Hà-Nam, quê bạn của Nguyễn-Khuýen là Bùi-Quế.— 2. Chiếc thuyền.

## 2. Bác đến chơi nhà

Đã bấy lâu nay bác tới nhà,  
Trẻ thì đi vắng, chợ thời xa.  
Ao sâu, sông cả, khôn chài cá ;  
Vườn rộng, rào thưa, khó đuổi gà.  
Cải chua ra cây, cà mới nụ ;  
Bàu vừa rụng rốn, mướp đương hoa.  
Đầu trò tiếp khách, trầu không có,  
Bác đến chơi đây, ta với ta.

## 3. Khúc Dương-Khuê :

- Bác Dương thời đã thời rồi,  
Nước mày man-máu, ngậm-ngùi lòng ta,<sup>2</sup>  
Nhớ từ thuở đăng-khoa <sup>3</sup> ngày trước,
4. Vẫn sớm hôm tới bác cùng nhau.  
Kính yêu từ trước đến sau :  
Trong khi gặp-gỡ khác đâu duyên trời.  
Cũng có lúc chơi noi dặm khách ;
8. Tiếng saõi reo róc-rách lung đeo.  
Có khi tiếng gác cheo-leo,  
Khúc vui con hát lụa chiều cầm xoang .<sup>4</sup>  
Cũng có lúc rượu ngon cùng nhấp,
12. Chén quỳnh-trứng <sup>5</sup> ấm-ắp bùa xuân.  
Có khi bàn soạn câu văn,  
Biết bao đồng-bích, diền-phần <sup>6</sup> trước sau,  
Buồi dương-cửu <sup>7</sup> cùng nhau hoạn-nạn,
16. Miếng đầu-thăng <sup>8</sup> chẳng dám tham trời,  
Tôi già, bác cũng già rồi,  
Biết thời, thời thế thời mới là,  
Đường đi lại tuổi già thêm nhác,
20. Trước ba năm, gặp bác một lần.

Cầm tay, hối hết xa gần.

Mừng rằng bác vẫn tinh-thần chưa can.

Kè tuồi tôi còn hơn tuồi bác.

24. Tôi lại đau trước bác mấy ngày.

Làm sao bác vội về ngay ?

Chợt nghe, tôi bỗng chân tay rung-rời !

Ai chả biết chân đời là phải.

28. Vội-vàng chi đã mải lèn tiên.

Rượu ngon, không có hậu hiền,

Không mua, không phải không tiền không mua.

Câu thơ nghĩ dẩn-đo muốn viết.

32. Viết đưa ai, ai biết mà đưa ?

Giường kia treo những hững-hờ <sup>10</sup>,

Đàn kia gầy cung ngắn-ngơ tiếng đàn <sup>11</sup>.

Bác chẳng ở, dẫu yan chẳng ở ;

36. Tôi tuy thương, lấy nhớ làm thương.

Tuồi già hạt lệ như sương,

Hơi đâu mang lấy hai hàng chứa-chan ?

**TIÊU-DÂN :** Bài này nguyên làm bằng Hán-văn, do chính tác-giả diễn nôm

**CHÚ-THÍCH :** 1. Dương-Khuê, người làng Văn-Đinh, phủ Ứng-Hòa, tỉnh Hà-Đông, đỗ tiến-sĩ, làm quan đến chức Tông-đốc, bạn thân của Nguyễn-Khuyển.— 2. Câu 2 : Trong nguyên-văn chữ Hán của Nguyễn-Khuyển, câu này là « Văn thư tâm huyền huyền » 言書心懸懸, nghĩa là « Trong mây và cây, lòng bài-ngủ ». Người ta thường dùng chữ « Mây văn, xuân thư » (mây buỗi chiều, cây mùa xuân) để nói về tình bè-bạn. Mấy chữ này mượn trong bài thơ « Xuân nhật ức Lý-Bạch » (ngày Xuân nhớ Lý-Bạch) của thi-sĩ Đỗ-Phủ.— 3. Đăng-khoa 登科 : thi đỗ. Tác-giả và Dương-Khuê cùng đậu khoa thi Hương năm 1864.— 4. Xoang 韶 : Diệu đàn hát.— 5. Quỳnh-lương 玉響 : một thứ rượu ngon.— 6. Bóng-bích, diễn-phản 東壁典墻 : chỉ các sách vở cũ. Chữ đồng-bích lấy ở câu thơ của Trương-Thuyết : « Đông-bích dù-thư phủ » (kho chứa tranh và sách ở vách phía đông).— Diễn phản do hai chữ « ngũ diên » là năm sách diên (diên vốn nghĩa là phép-tắc) của các vua Tùy đời xưa : Thiếu-Hiệu, Chuyên-Húc, Cao-Tân, Đường-Nghiêu, và Ngu-Thuấn ; và « tam phẩn » là ba sách của các vua Phục-Hy, Thần-Nông và Hoàng-Đế.— 7. Dương-cửu 陽九 : lúc có

**tai-biển.** Dương trong Kinh Dịch là số lẻ ; cùu là 9. Theo Kinh Dịch, cùu số 9 là cung-cực, phải có tai-biển.— 8. Đầu-tháng 头朮 : chỉ lương-bông của các quan đời xưa (đầu : đầu ; tháng : thương). Lương các quan thời xưa trả bằng thóc gạo, đóng bằng đầu và tháng.— 9. Tham trời : tham của trời. Không thiết làm quan để hưởng lương-bông nữa.— 10. Cái giường dành riêng để tiếp bạn quý. Do tích Trần-Phồn đời Hậu-Hán bèn Tàu có một cái giường chỉ dành riêng để tiếp bạn là Tử-Trí ; bạn đi rồi giường lại treo lên.— 11. Bá-Nha, người thời Xuân Thu đánh dàn rất hay. Một hôm gặp buổi trăng sáng gió mát, Bá-Nha dừng thuyền ở bờ sông Hán-Dương, lấy dàn ra gảy. Chung-Tử-Ký đi dồn cùi về nghe tiếng dàn, biết Bá-Nha đánh bài « Không-tử thương-tiếc Nhan-Hồi ». Hai người trở thành bạn tri-âm, hẹn năm sau lại gặp nhau ở đây. Bá-Nha y hẹn nhưng đến nơi không thấy Tử-Ký. Tim đến nhà Tử-Ký thì được biết bạn đã chết. Bá-Nha dàn một bản điệu cực-kỳ thảm-thiết, rồi đập vỡ chiếc dàn, thề không bao giờ gảy nữa.

## E. QUAN-NIỆM NHÂN-SINH

### 1. Ngắn đời

Nghĩ đời mà cũng ngán cho đời !  
 Câu-cóp làm sao được với trời ?  
 Chép miệng, lớn đầu to cài dai ;  
 Phò râu, chịu dấm mắt phun sôi.  
 Được, thua, hòn, kém ; lung hồ rượu ;  
 Hay, dở, khen, chê ; mội trận cười.  
 Dưa gối bên mành toan hóa bướm<sup>1</sup>,  
 Gió thu lanh-léo lá vòng<sup>2</sup> rơi.

**CHÚ-THÍCH :** 1. Trang-Chu nằm mơ thấy mình hóa ra bướm-bướm ; lúc tỉnh dậy không biết mình là người lúc trước hóa làm bướm-bướm hay là bướm-bướm bây giờ. Rương hóa thành người. Ý nói muốn mộng để quên thực-lại.— 2. Là cây vòng tròn, lá, mặt sau có lông to nhô, cuống dài ; chữ Hán là đồng hay ngũ-đồng. Thơ có có câu ; « Ngô-đồng nhất diệp lạc, thiên hạ cộng tri thu » (Một lá Ngô-đồng rụng, ai cũng biết là mùa thu). Bản khác : lá vàng.

## 2. Nhân-sinh thích-chí<sup>1</sup>

Nhân-sinh ba vạn sáu nghìn ngày,  
Thích-chí cho nên lâm ngón bay.  
Thơ Lý<sup>2</sup> ngâm-nga khi mở quyển,  
Đàn Nha<sup>3</sup> tình-linh lúc lẩn dây.  
Đem cờ vua Thích<sup>4</sup> vui bè-hạn,  
Mượn chén ông Lưu<sup>5</sup> học tỉnh say.  
Bốn cảnh phong-quang cùng tuổng-nuyệt,  
Dưới trời tri-kỷ mấy mươi tay?

**CHÚ-THÍCH :** 1. *Nhân-sinh thích chí* 人生適志 : ở đời người, cốt thỏa được cái ý muốn của mình (nhân-sinh : ở đời người ; thích chí : thỏa ý-muốn). Thơ cốt đời Lục-triều bên Tàu có câu : « *Nhân-sinh qui thích chí, tu phú-qui hà thi?* » (ở đời cốt thỏa được ý muốn, đợi giàu sang thì biết đến bao giờ?).— 2. *Túc Lý-Lạch*, một thi-bá đời Đường, nổi tiếng tài-hoa.— 3. *Bá-Nha*, người giỏi âm-nhạc thời Xuân-Thu bên Tàu.— 4. *Túc Đề-Thích*, một vị thần nổi tiếng cao cờ không ai địch nổi.— 5. *Lưu-Linh*, người đời Tấn nổi tiếng hay rượu, tính rất phóng-khoáng có bài bài Tấu đúc lung ca-ngợi các đức-tính của rượu.

## II. TRÀO-PHỦNG

### 1. TỰ-TRÀO

Cũng chẳng giàu, mà cũng chẳng sang,  
Chẳng gầy, chẳng béo, chỉ làng-nhàng,  
Cờ duong dở cuộc, không còn nước;  
Hết chưa thâu canh, đã chạy làng.  
Mở miệng nói ra gần bát-sách,  
Mềm môi chén mãi thi cung thang.  
Nghĩ mình lại góm cho mình nhì,  
Thế cũng bia xanh<sup>1</sup>, cũng bàng vàng<sup>2</sup>.

**CHÚ-THÍCH :** 1. *Bia* đá xanh khắc tên các Tiến-sĩ, dựng ở Văn-Miếu Hà-Nội.— 2. *Bàng* đè tên những người đồ Tiến-sĩ. *Do* chữ *Kim bàng* 金榜 (bàng vàng).

## 2. Than già

Người đời thầm thoát tựa chim bay,  
 Ông ngâm minh ông nghĩ cũng bay.<sup>1</sup>  
 Mai tóc chòm xanh, <sup>2</sup> chòm d้อม-d้อม;  
 Hèm răng chiếc rụng, chiếc lung-lay.  
 Nhập-nhèm bốn mắt tranh mờ tó;  
 Khắp-khênh ba chân dở tình say.  
 Còn một nỗi này thêm ngàn nữa:  
 Đi đâu lùng-lùng cõi cùng chày.<sup>3</sup>

**CHÚ-THÍCH :** 1. Bản khác : Nhớ từ năm trước hấy thơ-ngây. Phút  
 chốc mà già đã đến ngay.— 2. Bản khác : ...chòm đen...— 3. Bản khác :  
 Ông ngâm minh ông thêm ngàn nỗi : Đi đâu, giờ những cõi cùng chày.

## 3. Tạ lại người cho trà

Tết đến người cho một chậu trà,  
 Dương say, nào đã biết rằng hoa.  
 Da mồi, tóc bạc, ta già nhỉ ;  
 Áo tía, đai vàng, bác dấy a ?  
 Mưa nhỏ, những kinh phường xô lá ;  
 Gió to, luồng sơ lúc rơi già.<sup>1</sup>  
 Xem hoa, ta chỉ xem bằng mũi,  
 Đãch thấy hơi hương, một tiếng khà !

**TIỀU-DÂN :** Khi ông Chu-Mạnh-Trinh làm Áo sát tại Hà-Nam có  
 đem biếu cụ Nguyễn-Khuyển một chậu hoa trà, một thứ hoa hữu sắc và  
 hương. Lúc bấy giờ đã lùa, không thể thường-thức được thứ hoa ấy. Cụ  
 làm bài thơ này gửi tạ Chu-Mạnh-Trinh.

**CHÚ-THÍCH :** 1. Già 髹 : quả cà. Trong bài nguyên-tác bằng chữ  
 Hán, hai câu 5, 6 này có nghĩa là : Ta e những hạt mưa nhỏ tầm-thường  
 xay-xén qua lá cây, và ngại trận gió sớm lay-lòng, làm rung những trái  
 cà. (*Tầm-thường tế vĩ kinh xay-xén diệp ; tiễn-sát thân phong khủng lạc già.* 晴常細雨驚寒葉；驚懼颺風搖落茶).

#### 4. Ông nghè tháng tám<sup>1</sup>

Cũng cò, cũng biền, cũng cần dai<sup>2</sup>  
 Cũng gọi ông nghè, có kém ai?  
 Mảnh giấy làm nén thản giáp-bảng<sup>3</sup>,  
 Nét son điểm rõ mặt văn-khôi<sup>4</sup>.  
 Tấm thân xiêm áo sao mà nhẹ?  
 Cái giá khoa-danh ấy mới hời.  
 Ghế tréo, lọng xanh, ngồi bảnh-chợe,  
 Ngã rằng đồ thật, hóa đồ chơi.

**CHÚ-THÍCH :** 1. Vào thời tác-giả, người ta có tục làm ông nghè bảng giấy cho trẻ con chơi trong dịp Tết Trung-Thu.— 2. Còn là cái khăn chít đầu để đội mũ; dai là cái vòng đeo ngang lưng ngoài áo chàu. Cần và dai đều thuộc về phầm-phục.— 3. Giáp bảng 甲榜 : bảng để tên những người đỗ tiến-sĩ, cử-nhân, trong khi Át-bảng để tên những người đỗ phó-bảng, tú-tài.— 4. Văn-khôi 文魁 : văn-chương giỏi hơn mọi người (khôi : đứng đầu).

#### 5. Tặng một viên quan tham . nhặng<sup>1</sup>

Ai rằng ông dại với ông diên.  
 Ông dại sao ông biết lấy tiền?  
 Cây cái bảng vàng treo nhị-giáp<sup>2</sup>,  
 Nét thẳng mặt trắng lấy tam nguyên<sup>3</sup>.  
 Dấu nhà vừa thoát sừng trâu đở<sup>4</sup>,  
 Phép nước xin chùa mòng lợn đen<sup>5</sup>.  
 Chỉ cốt túi mình cho nặng chật,  
 Trăm năm mặc-kệ tiếng chê khen.

**CHÚ-THÍCH :** 1. Ông này đỗ tiến-sĩ, làm đốc-học.— 2. Nhị giáp 二甲 : hoàng-giáp, tức đệ-nhị giáp tiến-sĩ trong khoa thi Đình.— 3. Tam nguyên 三元 : ba đồng bao.— 4. Ý nói : vừa thoát

được cảnh-nhà tầm-thường nên người khâ-giả. Trâu sừng đở là loại trâu quí được dùng để cung-tế. Trâu lang mà sinh ra được trâu sừng, đở là nhâ-hèn-mọn sinh được con giỏi-dang. Do tích Trọng-Cung, mòn đê của Khổng-lử, là một bậc hiền-tài mà cha là một người xấu-xa bất-thiện.— 5. Móng-lợn-den : đở lê-quan (chân giò heo móng-den)

### 6. Hồi thăm quan Tuần-mật-cướp

Tôi nghe kẽ cướp nô-lèn-ông,  
Nó lại lôi-ông đến giữa đồng.  
Lấy cửa, đánh người, quân-tệ nhỉ?  
Thân già, da cop, có đau không?  
Bây giờ trót dã-sày da-trán,  
Ngày trước đi đâu mắt mẩy lóng.  
Thoi-cũng dừng nêng ky-cóp nữa,  
Kéo mang tiếng-dại với phuờng ngông.

### 7. Vương-ông mắc oan<sup>1</sup>

Thắng bán to kia dở-dói ra,  
Làm cho bạn đến cụ Viên già<sup>2</sup>.  
Muốn êm phái biện ba trăm lạng;  
Khéo xếp nêng liều một chiếc thoa.  
Đón khách, mượn màu son phấn mỵ<sup>3</sup>;  
Bán mình, chuộc lấy tội tình cha.  
Có tiềng việc ấy mà xong nỗi!  
Đời trước làm quan cũng thế a?

**TIỀU-DÂN** : Khi Lê-Hoan làm tuần-phủ Hưng-Yên, mở cuộc thi-vịnh truyện Kiều, có mời Nguyễn-Khuyến xung vào ban giám-khảo. Tương truyền thi-sĩ làm bài này để chê-trách sự dở-dói của Lê-Hoan, và đồng-thời chỉ-trích thói tham-nhũng của bọn quan-lại đương-thời.

**CHÚ-THÍCH** : 1. Vương-ông : cha Thúy-Kiều.— 2. Tức là Vương-ông.— 3. Chỉ Tú-bà.

### III. THƠ VỊNH

#### 1. Vịnh Kiều

Kiều-nhi giấc mộng, bặt như cười,  
 Tình dây : xuân xanh quá nửa rồi !  
 Số kiếp bời đâu mà lận-dận ?  
 Sắc tài cho lầm cũng lôi-thoi.  
 Cảnh hoa vườn Thúy <sup>1</sup> duyên còn bén,  
 Giọt nước sông Tiền <sup>2</sup> nợ chửa suối,  
 Không trách chàng Kim deo-dâng mãi,  
 Khăng-khang vót lấy một phần đuôi.

**CHÚ-THÍCH :** 1. Vườn có liên Lãm-Thúy & sau là Kiều.— 2. sông Tiền-Đường.

#### 2. Vịnh lão.ngưu <sup>1</sup>

Một nắm xương khô, một nắm da,  
 Bao nhiêu cái ách đã từng qua.  
 Đầu kia biếng vây Điền-Đan hỏa <sup>2</sup>,  
 Tai nọ buồn nghe Ninh-tử ca <sup>3</sup>,  
 Sờm thả đồng đào <sup>4</sup> ăn đúng-dịnh,  
 Tối về chuồng quẽ <sup>5</sup> thở nghi-nga.  
 Có người đem giắt tó chuông mồi <sup>6</sup>,  
 Ông đúc vua Tè lại được tha.

**CHÚ-THÍCH :** 1. *Lão.ngưu* 老牛 : trâu già.— 2. *Điền-Đan hỏa* 鬼 烟 : lửa của Điền-Đan. Điền-Đan là một trường nước Tè đời Chiết-quốc bên Tàu. Nước Yên đánh nước Tè, đã chiếm được 70 thành, chỉ còn một thành. Điền-Đan dùng một nghìn con trâu mặc áo ngũ sắc, sừng đeo gươm giáo, đuôi buộc cỏ. Khi lâm trận, dùng lửa đốt cỏ, trâu bị nóng chạy lồng lense, xông vào giữa quân địch. Quân Tè thòi thế, thắng được quân Yên và thu lại được các thành đã mất.— 3. *Ninh-tử ca* 寧子歌 : bài ca của Ninh-tử. Ninh-tử tức là Ninh-Thích, người trước Vệ, rất tài giỏi nhưng sống khồ cục. Sau đánh xe trâu sang nước Tè, ngày đi bán hàng, tối về ngủ bên cửa thành. Một buổi tối, vua Tè Hoàn-Công mở cửa thành đón khách, Ninh-Thích bèn gõ vào sừng trâu mà ca một bài than thân sinh không gấp thời. Hoàn-Công nghe bài hát, biết Ninh-Thích không phải là người tầm thường, liền mời về trọng-dụng. Sau Ninh-Thích

quả lấp được nhiều công lớn.— 4. *Đồng đảo* : tức Đảo-lâm, là chỗ vua Vũ-Vương nhà Chu thả trâu sau khi đánh được nhà Tùy-Quang.— 5. *Chuông quế* : cung quế tức là cung trăng (vì tượng-truyền trong mặt trăng có cây quế dỗ). Đó là nơi có thằng Cuội chăn trâu.— 6. Đo diễn sau này : Có người giặt trâu đi qua chỗ Vua Tề Tuyên-Vương. Vua trông thấy hỏi giặt trâu đi đâu. Người kia nói giặt trâu đem giết lấy máu bôi vào quả chuông mới đúc. Vua thương con trâu vô tội, truyền lấy để thay thế và tha cho trâu.

## PHỤ-LỤC

### 1. Câu đố làm khi cáo quan về dạy học

Quan chẳng quan thì dân, chiếu trung-dinh ngắt-ngưởng  
ngồi trên, nào lệnh, nào cả, nào bàn ba, tiền làm sao, gạo làm  
sao, đóng-góp làm sao, một năm mười hai tháng thành-thoi, cái  
thú lợn nhìn thầy mà nhẫn mặt :

Già chẳng già với trẻ, dân tiều-tủ nhấp-nhở đứng trước,  
này thơ, này phủ, này đoạn mội, băng là thế, trắc là thế, lè-  
lối là thế, ba vạn sáu nghìn ngày thầm-thoắt, con mắt già cài  
kính đã mòn tai.

### 2. Câu đố khóc vợ

Nhà chín rất nghèo thay, nhờ được bà hay lam hay làm,  
thắt lưng bó que, săn vây quai còng, lết-tưởi chân nam chân  
siên, vì từ đờ-đần trong mọi việc :

Bà đi đâu vội mấy, đè cho lão vất-vơ vất-vuốt, búi tóc  
cũ hành, buông quần là tọa, gật-gù tay düa tay chén, cùng ai kề-  
lề chuyện trăm năm.

**3. Mừng ông thân-sinh có Tư Hồng  
được phong tú-phẩm**

Bốn phẩm sắc phong hàm cự lòn,  
Nghìn năm danh giá của bà to.

**4. Lời vợ người kép hát (*Uu phu tu*)**

Xóm bên đàng có phường chèo trọ,  
Đến nửa đêm, gọi vợ chuyện trò.  
Rằng : « Ta thường làm quan to,

4. « Sao người coi chẳng ra trò-trống chi ? »  
Vợ că giận mắng đi, mắng lại :  
« Tuổi đã già, sao dại như gi ?  
« Đêm hôm người chẳng biết chi,

8. « Người như biết đến, thiếp thì hồ thay !  
« Đời có hai điều này uên sợ :  
« Sống, chết người, quyền ở tại tay.  
« Thế mà chàng đã chẳng hay,

12. « Còn ai sợ đến phường này nữa chẳng ?  
« Vâ chàng vẫn làng-nhang túng-kiết,  
« Sớm hôm chèo, kiểm-chắc qua thì,  
« Vua chèo còn chẳng ra gi,

16. « Quan chèo chi nữa, khác chi thằng hè ? »

**TIÊU-DÂN :** Bài này tác-giả làm bằng Hán-văn, do ông Ấm Thuần (con thứ ba của tác-giả) diễn nôm.

**4. Bài di-chúc**

Kém hai tuổi, xuân đầy chín chục,<sup>1</sup>  
Số sinh ra gấp lúc dương cung<sup>2</sup>.  
Đức thầy đã mồng-mồng-mong,

4. Tuổi thầy lại sống hơn ông em thầy.

Học chẳng có răng hay chi cả,  
Cuối dồn người kè dã ba phen.  
Tuổi thầy, tuổi của già-tiên,

8. Chó nêu thầy được hưởng niên lâu dài.

Áy thuở trước ông mày chưa dỗ,  
Hoa bảy giờ đẽ bỗ làm xong.  
Ôn vua chưa chát đèn công,

12. Cái trông thận đất, ngửa trông thận trời.  
Sông được tiếng trên dời trọn-vẹn,  
Chết lại gần quê-quán, hương-thôn.  
Mới hay trăm sự vuông tròn,

16. Ăn chơi đã trại, chết chôn chờ gì!  
Bồ khâm-liệm chờ nè xấu tối,  
Kín chàm, tay, đầu, gót thì thôi.  
Cố đừng hụt lầm, con ơi!

20. Hễ ai chạy lại, khuyên mời người ăn.  
Tế đừng có viết văn mà đọc.

Trưởng đứng dùng gấm vóc làm chí.  
Minh-tinh con cũng bỏ đi,

24. Mời quan đê-chủ<sup>2</sup>, con thì chờ nén.  
Môn-sinh chờ tống tiền, đạt giấy.  
Bạn với thầy cũng vậy mà thôi,  
Khách quen con chờ có mời,

28. Lễ đưa đến phúng, con thời chờ thu.  
Áy chẳng qua những trò thằng sống.  
Chết đi rồi còn ngóng vào dân!  
Lại mang cái tiếng to đầu,

32. Khi nay bảy.biện, khi sau chê bàn.  
Cờ biền của vua ban ngày trước,  
Lúc đưa thầy, con rước đầu tiên.  
Lại thuê một lũ thợ kén.

36. Vừa đi vừa thời mỗi bên năm tháng.  
Việc tống-tặng lăng-nhăng qua-quit.  
Chuốc cho thầy rượu tilt một be.

Đè vào mẩy chữ trong bia

40. Rằng : « Quan nhà Nguyễn cáo về đã lâu ».

**TIỂU-DÂN** : Bài này nguyên làm bằng Hán-văn, do ông Cử-nhân  
Đào-Vũ-Môn diễn xâm.

**CHÚ-THÍCH** : 1. Nguyên-văn câu chữ Hán là « Ngã niêm cắp bát  
bát ». Theo sách Chính-tự thông, « bát-bát » là tiếng các dân di (chủng-  
tộc phuơng-dông) dùng để xưng các bậc lão-thanh. Vậy câu này phải  
dịch là : « Tuổi ta đã già cắc ». — 2. Dương-cung 陽 翁 : gấp tai-nạn, khốn-  
đốn. (Dương : chỉ số lẻ trong Kinh Dịch ; cung : cuối hết). Theo Kinh  
Dịch, khi tới số cuối, là số 9, tức là lúc cùng-cực, phải có sự thay-  
đổi, tai-biến. Cũng như chữ dương-cung 陽 翁 . — 3. Đề-chủ 領主 : Một  
tục của các nhà sang trọng thời xưa. Theo tục này, tang-gia viết sẵn  
chữ, trước, tên tuổi người qua cố vào bài-vị tức là thần-chủ. Chữ chủ  
主 cuối cùng thì chỉ viết chữ vương 王 mà thôi. Quan Đề-chủ, khi làm  
lễ, chỉ cầm bút chấm thêm một nét trên chữ Vương 王 thành ra chữ  
chủ 主. Thường thường người ta nhờ một quan to đè chử, một quan  
nhỏ phụng chử 俸 主. Phụng chử là mang cái bài-vị ở trên bàn thờ  
xuong cho quan Đề-chủ đè vào rồi lại đưa lên bàn thờ. Tục này có  
ý muốn việc phụng-tụ được thiêng-liêng.

## DƯƠNG - KHUÊ (1839 - 1902)



DƯƠNG - KHUÊ

Tiêu-sử : Dương-Khuê, hiệu là Văn-Trì 溫池, người làng Văn-Đinh, phủ Ứng-Hòa, tỉnh Hà-Đông. Ông là dòng-dõi khoa-bảng, thân-phụ là Dương-Quang đỗ ba khoa Tú-tài. Người thông-minh, văn hay, chữ tốt. Năm 1864, ông thi Hương khoa đầu đỗ ngay Cử-nhanh, cùng với Nguyễn-Khuyến. Khoa sau, tức 1868 (Tự-Đức thứ 21), ông vào Kinh thi Hội đỗ Tiến-sĩ. Người đương thời thường gọi là ông Nghè Văn-đinh. Khi xuất chính, ông có làm Tòng-Đốc Nam-Định, sau làm Tham-tá Nha

~~Kinh-lược~~ Bắc-Kỳ. Về hưu-trí, ông được thường hàm Bình bộ ~~Thượng-thư~~. Ông mất năm 1902, thọ 63 tuổi.

Tác-phẩm : Buổi trung-niên, Dương-Khuê được chứng-kien ~~một~~ biển-cố quan-trọng của quốc-gia : bên trong, loạn-lạc liên-~~nên~~ ; bên ngoài, người Pháp gây sự đem quân xâm-lăng và bắt buộc ~~tiêu~~-định Huế ký hòa-ước nhận cuộc bảo-hộ. Nho-học ngày một suy-tiến. Cũng như nhiều nho-sĩ đương thời, ông ra hợp-tác với tân triều để tiêu-sầu khiền-muộn, ông cũng thích hưởng những thú vui cõi-sơ : cầm, kỳ, thi, túru. Ông còn để lại một số bài hát nói và thơ ~~sát~~ là thơ thất-ngôn bát-cú.

Các bài trích : Thơ ông có thể chia làm hai loại :

- A) Loại vịnh cảnh.
- B) Loại tả tình.

CÁC BÀI TRÍCH

## A. VỊNH CẢNH

Đông Hương-Tích<sup>1</sup>

Thú thiên-nhiên đâu bằng Hương-Tích,  
Đủ màu thanh, cảnh lịch<sup>2</sup> trăm chiều !  
Người thi vui sô, lạp, ngư, tiêu<sup>3</sup> ;

4. Kẻ thời thích yên, bá, phong, nguyệt<sup>4</sup>.  
Kho vô-tận<sup>5</sup> những thế nào chưa biết,  
Thú hữu-tinh sơn-thủy thực là vui !  
Khi đăng-lâm<sup>6</sup> có lối lên trời:  
8. Mây dưới gối đù xanh, đen, đỏ, trắng.  
Lúc vào động ngắm sơn quynh, thạch đăng<sup>7</sup>.  
Bút thần ngoan chưa khéo vẽ cho cung.  
Riêng một hòn sắc sắc, không không,  
12. Khắp mọi vẻ kỳ kỳ, quái quái !

Thơ rằng :

嘲 主 有 灵 神 笔 在

Đông-chủ hữu linh thần bút tại,

化 兒 無 道 自 然 功

Hoa-nhi vô ý tự-nhiên công<sup>8</sup>.

Khách trèo non nganh lại mà trông;

16. Lòng mến cảnh, dời chân đi hóa dừng !  
Chén văn-dịch<sup>9</sup> nghiêng bàu uống gắng ;  
Bức thư tiên mở túi liền dề.  
Giải-oan<sup>10</sup> ra, tay tục<sup>11</sup> lại thêm mê ;

20. Thiên-trù<sup>12</sup> tối, vọng eo<sup>13</sup> càng thấy khỏe !  
Làng thi túc còn đâu hơn đây nhỉ ?  
Chẳng Bồng-lai, Nhược-thủy<sup>14</sup>, cũng thần-tiên<sup>15</sup> ?  
Rõ-ràng « Đệ nhất Nam thiên »<sup>16</sup>.  
24. Maong di, sợ đè quần-tiên mất lòng.  
Thôi thi đè đầy chơi chung.

**CHỦ THÍCH :** 1. *Huong-Tich 香蹟*: tên một cái động ở núi Hương-sơn, thuộc phủ Mỹ-Đức, tỉnh Hà-Đông. Động này thờ Phật-bà Quan Âm. Hàng năm cứ đến tháng hai, tháng ba, người đi trèo hòn chùa rất đông. Đây là một thắng-cảnh nổi tiếng của ta.— 2. *Thanh-lịch 前歷*: trong sáng, đẹp-de. Có bản chép : Đầu thanh-lao, cảnh lịch trâm chiều.— 3. *Sô, lop, nyer, tiều* 索 羅 楠 桃 : cát cỏ, di sản, đánh cá, kiềm cùi.— 4. *Yen, há, phong, nguyệt* 蝙 蝠 風 月 : khói, róng mây, gió, trăng.— 5. Gió mát trăng thanh là kho vô tận của tạo-hóa. (Ý mượn trong bài Tiên Xích-bích phú của Tô Đông-Pha).— 6. *Đẳng lâm 登臨*: lèn (núi), tối (nước). Hai chữ này ứng với hai chữ sơn thủy ở câu trên.— 7. *Sơn-quynh 山 鳴*: cửa núi. *Thach-dắng 石 爛*: bắc đá.— 8. Hai câu 13, 14 : Chủ động có thiêng, nét bút thần còn lại; Tạo-hóa không cố ý, tự-nhiên mà thấy khéo.— 9. *Vân dịch 雲 漣*: một thứ rượu tiên (vân : mây ; dịch : nước).— 10. *Giải-oan 解冤*: tên suối nước ở lối vào động. Nước suối từ trong già chảy ra rất trong. Giải-oan có nghĩa là cởi gỡ mối oan. Khách thập-phương qua suối thường dừng lại uống nước trước khi vào động.— 11. *Tây-tục 洗浴*: rửa những điều trần-tục.— 12. *Thiên-Trù 天 駐*: Tên ngôi chùa ở gần động, thường gọi là chùa ngoài. (Thiên-trù là bếp trời).— 13. *Vong cơ 忘機*: quên việc đời.— 14. *Bồng-Lai, Nhược-thủy 鮮乘弱水*: cảnh tiên. Bồng-Lai là tên một trái núi có tiên ở trong bể Bội-hải (Bồng-sơn hay non Bồng cũng thế). Nhược-thủy là tên con sông ở Tây-vực bên Tàu, tục truyền rằng nước ở đó rất yếu, chỉ có thuyền bằng lồng chim mới chở qua được (Người ta thường nói non Bồng nước Nhược).— 15. *Đệ nhất Nam thiên 第一南天* : (Đẹp) thứ nhất ở trời Nam. Tục-truyền rằng mấy chữ « Nam thiên đệ nhất động » khắc ở cửa động là của vua Lê Thánh-Tông. (Có thuyết khác nói cửa Chúa Trịnh, của vua Minh-Mệnh?).

## B. TẢ TÌNH

### Gặp người cũ

Hồng, Hồng, Tuyết, Tuyết<sup>4</sup>.

Mỗi ngày nào còn chưa biết chi chi.

Mười lăm năm thám-thoắt có xa gi !

4. Chợt ngẩn lại ; đã đến kỳ tơ liêu.

我 浪 遊 時 君 尚 少  
*Ngã lâng du thời, quán thương thiếu;*

君 今 許 嫁 我 成 翁。  
*Quán kim hứa giá, ngã thành óng.*<sup>2</sup>

Cười cười, nói nói thẹn-thùng.

8. Mà bạch-phát<sup>3</sup> với hồng-nhan chàng ái.ngại.  
 Riêng một thủ Thanh-Sơn<sup>4</sup> đi lại,  
 Khéo ngày ngày, dại dại với tình.  
 Đàn ai một tiếng dương-tranh<sup>5</sup>.

**CHÚ-THÍCH :** 1. Hồng, Tuyết : tên hai đào-nương.— 2. Hai câu 5, 6 : Lúc ta chơi-hời phòng-tung thi nàng còn nhỏ ; nay nàng đến tuổi lấy chồng, thì ta đã thành ông già rồi.— 3. Bạch-phát 白髮 : tóc trắng.— 4. Thanh-Sơn : Thanh là làng Thanh-Thần, Sơn là huyện Sơn-Minh sau đổi là Sơn-Lăng, là quê của tác-giả. Hai nơi đều thuộc tỉnh Hà-Đông. Thanh-Thần xưa kia nổi tiếng là một làng có nhiều đào-nương.— 5. Dương-tranh 阳争 : tiếng nhà nghè, chỉ tiếng đàn lên cao (dương : cất lên ; tranh : cao-või).

## CHU - MẠNH - TRINH (1862-1905)



CHU-MẠNH-TRINH

Tiểu-sử : Ông sinh năm 1862 tại làng Phú-Thị, phủ Khoái-Châu, tỉnh Hưng-Yên. Thiếu thời, ông học giỏi. Năm 19 tuổi (1880), thi Hương đỗ Tú-tài. Sáu năm sau, đỗ Giải-nghiên. Năm Thành-Thái thứ 9 (1897), đỗ Tiến-sĩ. Ông được bổ làm Tri-phủ Lý-Nhân (Hà-Nam). Làm quan được mấy tháng thì thân-phụ mất, ông xin phép về quê cư tang. Hết tang, ông được bổ làm Án-sát tại tỉnh Hà-Nam, rồi Hưng-Yên, Bắc-Ninh, Thái-Nguyên. Năm 1903, ông cáo quan về ngã-bì. Ông mất năm 1905, thọ 44 tuổi.

Tác-phẩm : Chu-Mạnh-Trinh nổi tiếng tài-hoa, văn-hay, chữ-tốt, lại cao-còn, giỏi-dàn và họa. Tính-tinh phong-tung, ông say mê thanh-sắc, bất-chấp dù-luận. Đi trẩy hội chùa, ông cũng mang theo đào-nương và bày ra những cuộc xướng-hoa trên sông. Nhân-dịp khánh-thành đền-thờ bà Tiên-Dong, ông đứng ra tổ-chức hội cờ và tự-mình chọn người làm quân-cờ. Ông thiết-tha biện-bộ cho Thúy-Kiều, trong khi các nhà-nhó văn-nghiêm-khắc lên án nhân-vật «tài-sắc» này về tội dâm-đ. Tính-tinh lăng-mạn của, họ Chu biểu-lộ rõ-rệt trong thi-ca của ông.

Ngoài nhiều thơ văn chữ-Hán, Chu-Mạnh-Trinh còn để-lại những thơ-nôm sau này :

1. Hương-sơn phong-cảnh ca (hát-nói).
2. Hương-sơn nhật-trình ca (lục-bát).
3. Hương-sơn hành-trình ca (lục-bát).

4. Thanh-tâm tài-nhân thi tập<sup>1</sup>

Các bài trích : Thơ ca Chu-Mạnh-Trinh có thể chia làm hai loại :

- A) Vịnh cảnh.
- B) Vịnh truyện Kiều.

CÁC BÀI TRÍCH

A. VỊNH CẢNH

1. Hương-sơn phong-cảnh ca.<sup>1</sup>

Bầu trời, cảnh bụi,

Thú Hương-sơn ao-ước bấy lâu nay !

Kia non non, nước nước, mây mây,

4. « Đẹ nhất động »<sup>2</sup>, hỏi là dày có phải ?

Thở-thở rừng mai, chim cung trại ;

Lững-lờ khe Yên<sup>3</sup>, cá nghe kính,

Thoảng bên tai một tiếng chày kính<sup>4</sup>.

8. Khách tang-hài<sup>5</sup> giật mình trong giấc mộng !

Này suối Giả-Oan<sup>6</sup>, này chùa Cửu Võng<sup>7</sup>.

Này am Phật-Tích<sup>8</sup>, này động Tuyết-Quynh<sup>9</sup>.

1. Khi làm Tuần-phủ Hưng-Yên kiêm chức Khâm-sai quan-thú, Lê-Hoan có tổ-chức một cuộc ngâm vịnh lồng dề-tài ở truyện Kim-Vân-Kiều, chữ Hán của Thanh-lâm tài-nhân. Lê-Hoan mời các nho-sĩ đương-thời tới dír và lập một ban giám-khảo trong đó có Nguyễn-Khuyển và Dương-Lâm. Các vị trong ban Tao-dân cứ theo 20 bài trong truyện Kiều, mỗi bài vịnh một bài thơ chữ Hán hoặc Nôm. Trên đầu mỗi tập thơ vịnh, lại phải làm một bài tựa bằng văn túc-lục hoặc một bài thơ dề-tứ. Kết-quả về thơ Nôm, Chu-Mạnh-Trinh chiếm ngôi thứ nhất; về thơ chữ Hán, ngôi này thuộc về một vị Cử-nhân tên là Chu-Tháp-Hi. Thanh-lâm tài-nhân thi-tập có thể coi là tác-phẩm chính của Chu-Mạnh-Trinh. Bài tựa bằng chữ Hán của ông cũng được truyền-lýng là một áng văn kiệt-tác (xem phần phụ-lục).

Nhác trông lên, ai khéo vẽ hình :

12. Đầu ngũ sắc long-lanh như gấm dệt.  
Thăm-thăm một hang lồng bóng nguyệt.  
Gặp-ghềnh mấy lối uốn thang mây.  
Chừng giang-sơn còn đợi ai đây ?  
16. Hay tạo-hóa khéo ra tay xếp-dặt ?  
Lần tràng hạt, niệm : Nam mô Phật !  
Cửa từ-bi công-đức biết là bao ?  
Càng trông phong-cảnh càng yêu.

**CHÚ-THÍCH :** 1. 2. Xem chú-thích ở bài *Bộng Hương-Tích* của Dương-Khuê.— 3. Tè suối thuộc xã Yến-Vì, ở bên đường vào chùa.— 4. Cái vòi đánh chuông làm theo hình cá kinh.— 5. Người đời. (*Tang* : dấu ; *hai* : bù). Ruộng dấu hóa ra biền, ý nói cuộc đời biến đổi.— 6. Xem chú-thích ở bài *Bộng Hương-Tích* của Dương-Khuê.— 7. Một ngôi chùa ở lối vào động.— 8. *Am Phật-tích* 佛跡 : Am thờ Phật. Tương truyền Phật Quan Âm đã hóa kiếp tại động Hương-Tích (Phật tích : dấu vết của Phật).— 9. *Tuyết quanh* 雪緣 : tên động (Tuyết quanh : cửa tuyết). Tác-giả muốn nói cửa Tuyết ở mé ngoài động Hương-Tích, gần bên đồi Suối.

## 2. Hương-sơn nhật-trình ca (đoạn đầu)

Hương-sơn là thủ thanh-cao,

Nhưng là nay ước mai ao mây lầu.

Thanh-bình gấp bội du xuân,

4. Èn oanh nô-nức xa gần đua nhau.

Thuận giòng ngàn liêu, cung dầu,

Một thuyền đèn sách, lung hồn gió trăng.

Buồm lan nhẹ cánh lảng-lảng,<sup>1</sup>

8. Hay dầu mượn gió gác Đằng đua duyên.<sup>2</sup>

Giang-sơn thi vẫn người quen,

Dạo chơi Châu-phố, suối miền Đục-khe.<sup>3</sup>

Chiêng vàng gác bóng non tê,

12. Dừng chân ướm hỏi lối về chùa trong.

Lần khe Yến-Vĩ dì vàng,

Bốn bề bát-ngát xa trông lạ nhường.

Giữa giòng đáy nước lồng gương,

16. Mượn chèo ngũ-phủ đưa đường Đào-nghuyên.<sup>1</sup>

Lạ chi vừa bén mầu thiền;

Mà trăm nǎo với ngàn phiền sạch không.

Bầu trời bát-ngát xa trông,

20. Biết đâu nước Nhuộc, non Bồng là đâu?<sup>2</sup>

Cỏ cây xanh ngắt một màu,

Yết thần vạn-tuế<sup>3</sup>, lèn lầu ngũ-doanh<sup>4</sup>.

Nhắc trông sơn thủy hữu tình,<sup>5</sup>

24. Bút thần khôn vẽ bức tranh nào bằng.

Tiếng đâu văng-văng chuông vàng.

Khói đâu nghi-ngút mùi nhang Thiên-trù<sup>6</sup>.

Thuyền lan mấy lái chèo đưa,

28. Một dây thằng tới bến chùa bước lên.

Lầu chuông, gác trống đón bến,

Cửa rồng năm sắc, dài sen chín tùng.

Muôn bồng, nghìn tia tung-bừng,

32. Suối khe thét nhạc, chim rừng dạo sành,

Chim cúng quả, cá nghe kính,

Then hoa cài nguyệt, chày kính nện sương.

**CHÚ THÍCH 1** Buồm lan : buồm thuyền làm bằng gỗ mộc-lan.—

**2.** Gác Đằng : gác Đằng-Vương ở tỉnh Giang-Tây. Do câu thơ : Thời lai phong tổng Đằng-Vương các (Lúc thời vận đến, giờ đưa tới gác Đằng-Vương) Đời Đường, Vương-Bột nhớ thuật buồm suối gió tới được gác Đằng-Vương kịp lúc yên-tiệc, và làm ru bài phú Đằng-Vương các nói tiếng. Người sau thường mượn ý này để nói duyên may duy-dứt.—

**3. Bến Đục.—4. Đào-nghuyên:** 桃源 : đường vào cảnh tiên. Đời Tần bến Tân, có một người đánh cá lạc vào một cái suối bài bến toàn hoa đào rồi tới một động tiên. (Đào-nghuyên : nguồn đào).—**5.** Xem chú-thích ở bài Đặng Hương-Tích của Dương-Khuê.—**6.** Thần vạn-tuế : Ở đây tác-

già muôn nói tới các vị thần canh rừng núi và giữ cửa chùa. Ai vào chùa cũng phải trình diện các vị thần này.— 7. *Lần ngũ doanh* : tức đền Trịnh, có quản canh gác ở ngoài.— 8. *Sơn thủy hữu tình* 山水有情 : sơn nước có tình. Tục truyền bốn chữ này là của Chúa Trịnh để cảnh Hương-Sơn.— 9. *Tèo chùa* gần động Hương-Tích.

## B. VỊNH TRUYỆN KIỀU THANH-TÂM TÀI-NHÂN THI-TẬP

### 1. TỔNG-VỊNH TRUYỆN KIỀU

Cuốn ngô rèm xuân trai mây sương,<sup>1</sup>  
Sắc tài chi lấm đè làm gương.  
Công chà, bao quản liều thản thiếp ;  
Sự nước xui nên phụ với chàng.  
Cung oán nỉ-non dàn bạc-mệnh,  
Duyên may dun-dùi lười Tiên-Đường.  
Hai bên vẹn cả tình cùng hiếu,  
Đem bắc đồng cẩn đặng mây vàng.

**CHÚ-THÍCH :** 1. *Sương* 霧 : chỉ năm. Mỗi năm sương giáng một lần.

### 2... VỊNH HỒI THỨ NHẤT

*Viếng mã Đạm-Tiên gặp chàng Kim-Trọng*

Màu xuân ai khéo vẽ nền tranh ?  
Nô-nirc đua nhau hội Đạp-thanh.<sup>1</sup>  
Phận bạc ngâm-ngùi người chín suối,<sup>2</sup>  
Duyên may dun-dùi khách ba sinh.<sup>3</sup>  
Dãy hoa nép mặt, gương lồng bóng ;  
Ngân liễu giọng cao, sóng gọn tinh.  
Man-máu vì ai thèm ngắn nỗi,  
Đường về chiêng dù gác chênh-chênh.<sup>4</sup>

**CHÚ-THÍCH :** 1. *Hội Đạp-thanh* 踏青 : cuộc đi chơi xuân nhân ngày tết mồng 1. Đạp thanh là dẫm lên cỏ xanh.— 2. Chỉ âm-phủ. Do chữ cùm *tuyễn* 先見.— 3. Có duyên nợ với nhau từ mấy kiếp trước. Do chữ tam sinh 三生 (ba đời).— 4. Chiêng : chỉ mặt trời.

### 3. Vịnh hỏi thứ tư

#### *Thúy-Kiều bán mình*

Sự đầu sóng gió nỗi cơn đèn,  
Chín chữ cù-lao<sup>1</sup> phải báo đèn.  
Ân nặng, quân chi đánh phạt thiếp ;  
Tình thâm, âu phải chắp duyên em.  
Nước non nghìn dặm ; đổi hàng lệ ;  
Tâm sự năm canh ; một bóng đèn.  
Ướm hỏi Liêu-Dương<sup>2</sup> người có biết ?  
Này là trâm quạt của làm tin.

**CHÚ-THÍCH :** 1. Chín công khó nhọc của cha mẹ nuôi-nâng con.  
Do chữ cùm tự cù-lao 九字 約 等 trong thơ Lục-nga, Kinh Thi.— 2. Quê Kim-Trọng.

### 4. Vịnh hỏi thứ mười chín

#### *Sau khi Tử-Hải tử-trận*

Sao nỡ đem thân bỏ chiến-trường,  
Ba quân xao-xác ngọn cờ hàng.  
Sá chi bèo bọt, tôi vì nước ;  
Thẹn với non sông, thiếp phụ chàng.  
Cung oán nì-non đòn bạc-mệnh.  
Duyên may dun-dủi lười Tiền-Đường.  
Mười lăm năm ấy người trong mộng,  
Chẳng những là đây mới đoạn-trường

## PHỤ-LỤC

## I. Bài thơ đề đến Cồ-Loa.

Đền này thờ vua An-Dương-Vương. Thành Cồ-Loa ở huyện Đông-Anh, tỉnh Phúc-Yên do Thục-Vương xây cất với sự giúp đỡ của Thần Kim-Quy (Rùa vàng). Thần Kim-Quy lại tặng vua một móng chân để làm lối nô chống giặc. Triệu-Đà muốn thôn tính Âu-Lạc, cho con là Trọng-Thủy sang lấy Mi-Châu, con gái Thục-Vương. Khi Trọng-Thủy đã lấy trộm được lối nô thần rồi, quân Triệu-Đà kéo sang đánh bại vua Thục. Mi-Châu bị cha chém chết. Tục truyền rằng vì phải thác van nên máu nồng chảy xuống bờ, trai ăn phải hóa ra ngọc trân-chân. Đem ngọc ấy rửa vào nước giếng ở Loa-Thành là chỗ Trọng-Thủy tự-tận thì ngọc trong và đẹp thêm ra.

郎 君 情 重 父 恩 深  
*Lang quân tình trọng, phụ ân thâm,*  
 不 白 真 宽 血 到 今  
*Bất bạch kỳ oan trực đáo kim.*  
 魂 木 無 窈 龜 亦 去  
*Cơ trảo vô linh, qui diệc khút;*  
 明 珠 有 淡 珍 猶 沈  
*Minh châu hữu lè, bang do trầm.*  
 黄 碧 古 树 千 年 国  
*Hoàng bì, cổ thụ : thiên niên quốc ;*  
 碧 海 遍 天 一 片 心  
*Bích hải, dao thiên : nhất phiến tâm.*  
 家 密 前 墓 宫 外 扇  
*Tịch-mịch tiền triều cung ngoại miếu,*  
 杜 高 带 断 月 陰 阴  
*Đỗ-quyên đeo đoạn, nguyệt âm âm.*

Điеб nghĩa :

Tinh chồng nặng, nghĩa cha sâu,  
 Cho đến ngày nay, (nặng) không tổ được nổi oan.  
 Móng chân kỳ-diệu không thiêng, rùa cũng bỏ đi ;  
 Hạt ngọc sáng có nước mắt, trai còn chém lẩn.  
 Bia vàng, cây cối : đất nước nghìn năm !  
 Bè biếc, trời xa : một tấm lòng !  
 Ngoài cung điện triều trước, cảnh miếu vắng-về,  
 Con đỗ-quyên kêu dứt, ánh trăng mờ-mờ.

Dịch thơ :

Tình chàng dù nặng, nghĩa cha sâu,  
 Ôm-ấp oan kia đến tận đâu?  
 Nô thiêu móng thiêng, rùa lằn hóng;  
 Trai chìm đáy nước, lệ hoen châu.  
 Biến tàn, cây cỗi : nghìn thu hận!  
 Bè biếc, trời xa : một mồi sầu!  
 Cung miếu triều xưa đây vắng ngắt,  
 Trăng mờ khoắc-khoài, cuốc kêu thâu.

*Tiên-Đàm Nguyễn-Tường-Phượng*

## 2. Bài tựa Thanh-tâm tài-nhân thi-tập

- 今 使 緣 絲 贈 扇 達 陽 不 贈 叔 父 之  
 1. Kim sứ duyên đê tặng phiến, Liêu-Dương bắt qui thúc-phụ  
 衷；變 起 貢 緣 雷 州 卽 辭 宦 民 之 章  
 chi tang ; biến khỏi mại li, Lôi-Châu tức biện oan dân chi án;  
 則 慈 琴 好 合 骨 肉 圓 團  
 2. Tắc sât cầm hảo hợp, cốt nhục đoàn viên ;  
 碧 玉 長 留 紫 銀 不 斷  
 3. Bích ngọc trường lưu, tử thoa bát đoạn ;  
 煙 花 商 客 何 來 買 笑 之 金 銅 教  
 4. Yên hoa thương khách, hù lai mãi tiếu chi kim. ; thanh giáo  
 外 臣 終 阻 贈 降 之 甲  
 ngoại thần, chung trở qui hảng chi giáp ;  
 何 以 來 聞 人 之 幸 行 見 俠 女 之  
 5. Hả dĩ biểu khuê nhân chí hiếu hạnh, kiến hiệp nữ chí  
 機 権  
 cơ quyền ;  
 乃 知 壟 非 曲 則 不 奇 遇 愈 也 而 乃 謂  
 6. Nãi tri : Sự phi khúc tắc bất kỳ, ngộ dù truân nhi nãi hiền.

卽真達者須知審異之博才哉

7. Khanh chán đạt giả, tu tri thương hạo chí lân tài; ngã  
亦云感其恩紅顏之無分  
diệc vân nhiên, mạc oán hồng nhan chí vô phân.

獨是未通媒妁先寄私里一擇

8. Độc thị: Vị thông môi chước, tiên định tư minh, nhất trung  
繁花便成結習  
phồn-hoa, tiên thành kết tập.

或者謂木薄雲淡之甚渝而為  
9. Hoặc giả vị thủng dâng vân lưu chí thái; luân nhí vi  
枝迎葉送之風  
chí nghinh diệp tống chí phong.

- 不知紅杏出牆未付香心於粉  
10. Bất tri: Hồng hạnh xuất tường, vị phó hương tâm ư phấn  
蝶霧風散根怨延禡事於池魚  
diệp; sương phong ảm hận, khùng diên họa sự ư Trì - Ngu.  
勸鏡裏之冰霜度愁遠之歲月

11. Lê kính lý chí băng sương, độ sâu biến chí tuế nguyệt.

- 無限之堅儻可重於達城已逝  
12. Vô hà chí bích, già khả trọng ư liên thành; dĩ thê  
之波夢猶回於舊浦  
chí ba, mộng do hồi ư cựu phô.

試平情而著論宣略迹而原心  
13. Thí bình tình nhí trước luận, nghi lược tích nhí nguyên tâm.

- 又况十首新詩冠入斷腸之集  
14. Hựu huống: Thập thủ lân thi, quán nhập đoạn trường chí tập;

四聲宮怨譜成薄命之音  
tứ huyền cung oán, phô thành bạc mệnh chí âm

- 覺悽涼其惱人復娉婷而顧影  
15. Giác thê lương kỳ nỗi nhôn, phục sinh định nhí cố ảnh,

花應輸艷柳縱嬌

16. Hoa ứng thâu diễm, liễn dục tăng kiều.

參此部之風騷笑吟亦韻擅南

17. *Tham Bắc bộ chí phong tao, tiều đê diệc vạn; thiện Nam  
朝之粉黛流波相宜  
triệu chí phán đại, nòng đậm tương nghỉ*

國寶詩老鍾信遠名姓於諸聲

18. *Cố nghi chư lão chung linh, biến danh tình u quẩn biếc  
袖角遙使千秋記事採風流於  
tụ giắc; loại sút thiên thu kỳ sự, thái phong lưu u  
剝粉瘦脂  
thẳng phán tàn chí.*

嗟乎小謫風塵幾遭魔草

19. *Ta hò! Tiêu trich phong trùn, kỷ tao ma nghiệt.*

情天浩渺恨海茫茫

20. *Tình thiên hạo-diều, hân hải thường-mang.*

隨風之嘯，何依墮溷之花無賴

21. *Tùy phong chi như là y? Trụy hôn chí hoa vô lại.  
于卿甚事替古偏怨*

22. *Can khanh thâm sự, thé cõ thiên sầu.*

燕而愁月夜之毬毬青衫易濕

23. *Nhiên nhì, thính nguyệt dạ chí li - bà, thanh sam dị thấp;  
唱隔江之玉樹白晝添花*

*xương cách giang chí ngọc-thúy, bạch mǎn thiêm hoa.*

由來名士佳人風世有花風之

24. *Đo lai danh - sỹ giao - nhân, túc thê hữu hoa nghiêm chí  
胡休怪青山黃土千古同淪落  
kiếp; hữu quái thanh sơn hoàng thô, thiên cõ đồng luân-lạc  
之悲  
chí bi.*

僕本多情感深同覩

25. *Bộc bản đa tình, cảm thâm đồng điệu.*

未悟空花於色界偏博幻夢去

26. *Pj ngộ không hoa u sắc giới, thiên lan ôi mong u  
xuân trường.*

金星 阿嬌 憂著辛空之想 美人

27. Kim ốc A-Kiều, mạn trước bàn không chi trường ; mỹ nhân  
芳草憑招隔代之魂  
phương thảo, bằng chiêu cách đại chi hồn.

偶興筆以物思遠逐回而想殊

28. Ngẫu hứng bút dĩ triều tư, toại trực hồi nỗi tưởng vịnh.  
言之長也著當客窗聽雨之談

29. Ngôn chí trường dã, ta đương khách song think vũ chí đàm ;  
窗之來兮或在洛浦凌波之夜  
linh chí lai hè, hoặc tại Lạc phố lăng ba chí dạ.

Dịch-nghĩa :

1. Nơi vi duyên (cô) khăng-khit (mà) tặng quạt, (thưng nếu) chàng Kim không trở về Liêu-Dương bộ-tang chủ ; tai-biển có gây nên bởi gã bán tơ, (nhưng nếu) ở Lôi-Châu, xét rõ được ngay cái án làm cho dân oan-irt;
2. Thời sắt-cầm được hòa-hợp <sup>1</sup>, cốt-nhục được xum-vầy.
3. Hòn ngọc biếc dễ được lâu dài, cánh thoả tia không bị gãy dứt.
4. Người khách buôn ở chốn yên-hoa <sup>2</sup> sao bỏ được vàng ra mua tiếng cười của nàng ; người bày tôi ở ngoài thanh-giao <sup>3</sup> cũng không bao giờ cởi giáp về liàng.
5. Làm sao tỏ được người khuê-nữ có hiếu hạnh, thấy được người hiệp-nữ có tài tùy cơ ứng biến.
6. Thể mới biết : Sự đời không có uân-khúc thì không kỳ lạ, cảnh-ngộ không gặp gian-chuẩn thì không rõ-ràng.
7. Nàng thực là người hiều biết, vậy nàng nên biết rằng Trời xanh vẫn thương yêu kẻ có tài ; ta cũng nói như vậy, nàng đừng nên oán rằng khách hổng-nhan không có phận.
8. Chỉ vì chưa có mối-mạnh, mà trước đã định lời thề-ước ; một khi đã sa-ngã vào chốn phồn-hoa, thì dễ thành quen thói.

9. Hoặc có kè nói rằng : Vì thời mây trời, nước chảy, rồi chìm-dầm mà thành ra cái thói quen cành đón, là đưa.
10. Không biết rằng hoa hạnh đỗ mọc ngoài tường, nhưng vẫn chưa trao nhị thơm cho con bướm phấn ; mồi dao sắc lại dành nuôi hận, sợ tai-vụ dây đến gã Tri-Ngư.
11. Găng giữ tiết sạch như sương giá trong gương, mà trái qua năm tháng bên sầu khồ.
12. Ngọc bích không có vết, giá qui hơn thành liền<sup>6</sup>; lân sóng đã trôi qua, mong còn trở về hến cũ.
13. Hãy bình-tinh mà bàn xét, nên lược qua sự-tịch mà dung-thú cho lòng nàng.
14. Hương chi : Mười bài thơ mới đứng đầu (trong tập doan-trường ; bốn dây cung cán phô thành tiếng đàn bạc-mệnh.
15. (Đàn) đã sầu-thảm, làm não người ; (nàng) tại yêu-kiều, quay nhìn bông.
16. Hoa phải thua sắc đẹp, liễu muôn ghét vẻ thanh.<sup>7</sup>
17. Nàng đã nhiễm được cách phong-tao nơi Bắc-bộ<sup>8</sup>, cười khóc thành văn (thơ) ; thành-thục nghề son-phấn của Nam-iriều<sup>9</sup>, nồng nhạt tùy lúc.
18. Vậy nên các kè chung-tinh tên tuổi giặt bên quần, gốc áo nàng<sup>10</sup> ; có thể mời khiến kè chép chuyện nghìn thu, lượm cái phong-lưu ở nơi phán thừa, son mốc.
19. Tban ôi ! Nàng tiên nhỏ bé giáng xuống cõi phong-trần, bao phen gặp cảnh dày-dọa.
20. Trời tinh bát-ngát, bê hậu mông-mệnh.
21. Sợi tơ theo gió, dựa vào đâu ? Cảnh hoa rơi vào chổ dơ-bần, không nơi nương-cây.
22. Ta làm bàn việc riêng của nàng, thay người xưa mà sầu vơ-vẫu.
23. Song le, (đã có người) nghe tiếng ti-bà đêm trăng, áo xanh dẽ uột<sup>11</sup> ; xuống lén khúc Ngọc-thụ ở bên kia sông, mà tóc bạc thêm hoa<sup>12</sup>.
24. Từ xưa đến nay, danh-sĩ, giai-nhân vẫn sẵn có cái kiếp

hoa-nghiêm<sup>13</sup> từ đời trước ; thời dừng lấy làm là rặng nái xanh, đất vàng vẫn chung mối sầu-thương luân - lạc ughin xưa.

25. Tôi vốn da-sinh, thông-cảm sâu-xa cùng người đồng-diệu.
26. Chưa rõ kiếp không-hoa<sup>14</sup> nơi sắc-giới<sup>15</sup>, còn thương giặc ảo-mộng ở trường xuân.<sup>16</sup>
27. Còn tưởng vọng chuyện không đâu về Kim-đèc, A-Kiều<sup>17</sup> ; muốn lấy cỏ thơm gọi bồn người đẹp cách đời.
28. Ngẫu - nhiên có hưng bút giải bày tâm - tư, bèn theo từng hồi mà nghĩ vịnh.
29. Nói ra còn dài, mượn lời chuyện - trò ở nơi song khách nghe mưa ; bồn có thiêng thì về đây, hay còn ở trong đêm tối nơi Lạc-phố<sup>18</sup> dập-dờn sóng nước.

. CHÚ-THÍCH: 1. Sắt cầm : chỉ vợ chồng. Vợ chồng hòa-thuận ví như gân sắt, đòn cầm hòa tiếng (chữ Kinh Thì). 2. Nơi của họa kỵ-nữ (Yên: khói ; hoa : hoa).— 3. Ngoài uy-quyền của triều-dinh.— 4. Cảnh đón là đưa : Chỉ sự đón tiếp khách của kỵ-nữ. Do câu của nàng Tiết-Đào đời Đường : « Chi ghinh Nam bắc diệu, diệp tống vang lai phong » (Cảnh đón chim nam, bắc ; là đưa gió qua, lại).— 5. Do điện : Đám cháy trong thành và lây đến nhà gã Tri Ngu ở gần. Sách Phong-tục-thông : khi công thành có lửa cháy, tai họa đến với những con cá ở trong ao, vì người ta mức cạn nước ao để cứu hỏa. Nhưng theo sách Quảng-Văn, đời xưa có một người tên là Tri-trọng-Ngu bị chết cháy trong cơn hỏa hoạn tại công thành ; vì thế mới có lời ngạn ngữ : « Thành trung thất hỏa trọng cắp Tri Ngu ».— 6. Thành Hèn : một dãy thành. Viên ngọc quý có thể đổi được nhiều thành.— 7. Kiều nghĩa là dáng mềm-mại, đẹp-dễ.— 8. Phong-tao : phong-lưu, tao vñž. Bắc-bộ là tên một chốn ăn chơi.— 9. Nam-triều là nơi phồn-hoa.— 10. Danh-thíệp của khách hàng chơi bộ túi quần, tay áo của người kỵ-nữ.— 11. Chỉ Bạch-Cử-Dị, Bạch-Cử-Dị, một thi-sĩ đời Đường, làm quan phải biếm ra nơi xa, nghe tiếng đàn li-bà trên bến Tầm-Điêng, cảm-thương cho số phận mình và số-fận người thương-phụ, nước mắt uớt đầm vạt áo xanh. Bài Ti-bà hành của Bạch-Cử-Dị là một bài thơ nổi tiếng, đã được Phan-Huy-Vịnh dịch ra thơ năm.— 12. Ngọc-thụ nghĩa là Cây ngọc, vi với người đẹp. Ván cỗ có câu viếng người chết nhẹ sau : « Không nỡ trang thay cây ngọc chôn ở dưới đất ». Khúc Ngọc-thụ là khúc ca thương người đẹp chết yêu.— 13. Hoa-nghiêm : chữ nhà Phật, chỉ duyên-kiếp.— 14. Kiếp không có thật, tức là một ảo-cảnh.— 15. Giới có hình sắc. Tiếng nhà Phật.— 16. Trường tinh.— 17. Do tích : Hán Vũ-Đế lấy được nàng A-Kiều, làm nhà vàng cho nàng ở (Kim-đèc ; nhà vàng).— 18. Lạc-phố : bến sông Lạc, chỗ tiên ö. Theo điện trong sách

### Bản dịch của Đoàn-Tư-Thuật<sup>1</sup>

1. Ôi ! Giả-thứ ngay khi trước, Liêu-Dương cách - trở, duyên chàng Kim đứng dở việc ma-chay ; quan - lại công - bằng, àn Viên-ngoại tỏ ngay tình oan-uồng ;
2. 3, 4. Thị đâu đến nỗi son - phấn mẩy năm lưu - lạc, đem thân cho thiên-hạ mua cưới ; mà chắc rằng biên-thùy một cõi nghênh-ngang, ai xui được anh-hùng cõi giáp.
5. Thị sao còn tỏ được là người thục - nữ mà dù đường biếu nghĩa, tay đàn bà mà lại có cơ quyền ?
6. Thế mới biết : Người khôn thi hay gặp gian - truân, truyền đời khéo lăm trò quanh-quẩn.
7. Con tạo hóa vốn thương yêu tài sắc, nàng đã biết thế hay chưa ? Khách-má hông đứng giận nỗi trăng già <sup>2</sup>, ta cũng khuyên lời phải chăng.
8. Chỉ vì một nỗi : Mối - manh chưa có, thè - thoát đã nhiều ; trăng gió mắc vào, phồn-hoa dính mãi.
9. Cũng có người bảo : Tại nước chảy, mây trôi lở bước, nên cảnh đưa, là đón quen thân <sup>3</sup>.
10. Nào biết đâu : Bóng hạnh nở ngoài tường, chưa dè con ong qua tới ; cho có mượn lưỡi dao liều với mạng, lại sợ thành cháy và lấy <sup>4</sup>.
11. Tâm lòng này như tuyết, như gương ; mỗi sầu nỗi qua ngày, qua tháng.
12. Ngọc kia không vết, giá liên-thành <sup>5</sup> không xiết so bì ; nước đã trôi suối, bồn cựu-mộng <sup>6</sup> hãy còn vơ-vẫu.
13. Ban cho thực phái, tình cũng nên thương.
14. Lại xem như : Bút mực tài-hoa, đoạn trường mười khúc ; trúc tơ phong-nhã, hồ cầm một trương.
15. Câu thần vắng giọng tiêu-tao <sup>7</sup>, bóng ngọc trường chiều não-nuột.
16. Hoa ghen thua thảm, liễu hèn kém xanh.

- 17, 18. Vậy uên khách chung-tinh say chuyện phong-lưu, trăm năm cũ còn ghi tên tuổi hão<sup>9</sup>; người chép sách tiếc vì tài sắc, nghìn thu sau còn nhặt phần hương thừa.
- 19 Than ôi! Một bước phong-trần, mấy phen chim nồi.
20. Trời tinh mờ-mịt, bè hận mênh-mông.
21. Sợi tơ mảnh theo gió đưa đi, cánh hoa rụng chọn gì dắt sach!
22. Ai dù nước mắt khóc người đời xưa?
23. Thế mà giống đà-tinh luống những sầu chung, giọt lệ Tầm-Dương chan-chứa<sup>10</sup>; lòng cảm cựu<sup>11</sup> ài xui thương mướn, nghe câu Ngọc-thụ<sup>12</sup> nǎo-nǔn.
24. Cho bay danh sĩ, gai-nhan cùng kiếp hoa-nghiêm<sup>13</sup> nặng ượ; ngàn nỗi non xanh, đất đỏ, đề riêng ailưu-lạc đau lòng.
25. Ta cũng nỗi tình, thương người đồng-diện<sup>14</sup>.
26. Cái kiếp không-hoa<sup>15</sup> lâm-cầm, con hồn xuân-mộng<sup>16</sup> bâng-khuâng.
27. Đã toan đức sẵn nhà vàng, chờ người quốc-sắc<sup>17</sup>; lại muôn mượn chùm phượng-thảo<sup>18</sup>, hù via thuyền-quyên.
28. Sẵn bùn-nghiêm chia vịnh từng hồi, đem sự khích tóm làm một tựa.
29. Bây giờ kè còn dài chưa hết, hạt ba-liên<sup>19</sup> thánh thót mưa thu; hởi ôi hồn còn biêt hay chặng? bóng hoàn-bội<sup>20</sup> tưởng ra vào Lạc-phố<sup>21</sup>.

**CHÚ-THÍCH :** 1. Đoàn-Tụ-Thuật (1886-1928) còn là dịch-giả Ti-bà và Tuyết-Hồng-lệ-sử.— 2. Biết tùy cơ ứng biến.— 3. Túc-Nguyệt-lão, vị tiệu coi việc nhân-duyên.— 4. Xem chú-thích số 4 ở phần dịch-nghĩa trên.— 5. Xem chú-thích số 5 ở phần dịch-nghĩa trên.— 6. Xem chú-thích số 6 ở phần dịch-nghĩa trên.— 7. *Cưa-mộng* 割夢: mộng về(bến) cũ.— 8.— *Tiêu-tao* 煙燄: buồn-bã.— 9. Xem câu 18 trong bản dịch-nghĩa.— 10. Xem chú-thích số 11 ở phần dịch-nghĩa trên.— 11. *Cảm-cưa* 感暎: nghĩ nhớ tới người cũ.— 12. Xem chú-thích số 12 ở phần dịch-nghĩa trên.— 13.— Xem chú-thích số 13 ở phần dịch-nghĩa trên.— 14. *Đồng-diện* 同面: cùng một diện. Cũng như *đồng thanh*, *đồng khí*.— 15. Xem chú-thích số 14 ở phần dịch-nghĩa trên.— 16. *Xuân-mộng* 春夢: giấc mộng xuân, lòng tình.— 17. *Quốc-sắc* 國色: sắc nước, chủ người đẹp. Xem chú-thích số 17 ở phần dịch-nghĩa trên.— 18. *Phượng-thảo* 菩蕪: cỏ thơm.— 19. *Hạt ba-liên* 芭蕉: hạt mía roi trên cây chuối.— 20. *Hoàn-bội* 完魄: vòng ngọc đeo của đàn-bà.— 21. Xem chú-thích số 18 ở phần dịch-nghĩa trên.

## TRẦN-TẾ-XƯƠNG (1870-1907)

Tiêu-sử : Ông người làng Vị-Xuyên, huyện Mỹ-Lộc, tỉnh Nam-Định, hiệu là Vị-Thành 壴城, trước tên là Trần-Tế-Xương sau đổi làm Trần-Cao-Xương. Ông xuất thân ở một gia-dinh thanh-bạch nhưng có vai-vai ở đất Vị-Xuyên. Ông đi thi từ năm 15 tuổi nhưng hỏng hoài. Mãi tới năm 24 tuổi mới đỗ Tú-tài (1894). Sau khoa-đỗ, ông lại trượt Cử-nhan ; khoa liên.

Nhà nghèo, con dồng, ngèo-dạy học lại bắp-bệnh và bạc-béo trong buổi Nho-học đã suy-tàn, ông chỉ còn biết trồng cây vào bà vợ đâm-đang, tần-tảo. Muốn thoát khỏi cảnh nghèo-khổ, ông cũng cố-gắng « dùi mài kinh sứ », nhưng thi mãi không đỗ Cử-nhan. Khoa-cử càng ngày càng rắc-rối vì những cải-cách của Chính-phủ bảo-hộ (1906) : Kinh-nghĩa và thơ phú bị loại bỏ và thay bằng những mòn-mỏi như toán-pháp, cách-trí, luận quốc-văn v.v... khiến thí-sinh bối-ngờ. Vì thân-thể long-đong, bị cảnh nghèo xo-xác-lây-vò, ông để cho cái « khỉ cốt giang-hồ » lôi cuốn mình vào đường truy-lạc. Trong lúc còn bị mộng khoa-cử ám-ảnh, ông đột-nhiên mất năm 1907, thọ 37 tuổi.

Tác-phẩm : Sự tan vỡ mộng khoa-cử, công-danh, sự « sa lầy » trong cảnh nghèo-cùng, sự chứng-kiện một quốc-gia mất chủ-quyền, một xã-hội giao-thời đầy rẫy những cảnh lố-lăng... tất cả những yếu-tố ấy đã gây thi-hứng cho nhà thơ họ Trần, sáng-tác nhiều bài thơ văn hoặc trình-bày tâm-sự bẩn-thân một cách đau-dớn, chua-sót, hoặc mỉa người, ngạo dời một cách chua-chát, thâm-thía, hoặc gửi-gắm tâm-lòng yêu nước, thương nỗi một cách kín-dáo, sâu-sắc. Chú-dùng giản-dị, bình-dân, lời văn tự-nhiên, linh-hoạt, đó là đặc-diểm của thiêng-tài Trần-Tế-Xương. Về thể-tài, ông làm đủ các lối : thơ, phú, câu đối, hát nói.

Các bài-trích : Thơ văn của Trần-Tế-Xương có thể tạm chia ra như sau :

### I.— *Tự-thuyết* :

- A) Thơ văn bẩn-thân.
- B) Thơ văn thời-thé.

### II.— *Trào-phúng*.



QUANG CẢNH TRƯỜNG THI THỜI XƯA

*Trong cuốn Les Cinq Fleurs  
của JEAN MARQUET*



THẦY ĐỒ DẠY HỌC

*Trong cuốn Les Cinq Fleurs  
của JEAN MARQUET*

CÁC BÀI TRÍCH

## I. TỰ - THUẬT

## A. THƠ - VĂN BẢN - THÂN

## a VIỆC HỒNG THI

## 1. Đi thi tự vịnh

Tấp-tèn người đi, tờ cung đi,  
 Cũng lều, cũng chồng, cũng vỏ thi.  
 Tiên chán, có mất ba đồng lẻ;  
 Sờ bụng, thầy không một chữ gì.  
 Lộc nước cũng nhò thêm giải-ngạch<sup>1</sup>,  
 Phúc nhà may được sạch tràng-quy<sup>2</sup>,  
 Bốn kỳ trọn-vẹn thêm kỳ nữa,  
 Á, ô, u, ảu, ngọn bút chí.

**CHÚ-THÍCH :** 1. Số người lấy đỗ trong khoa thi Hương. (Giải :  
 mản thường ; ngạch : hạng). — 2. Tràng-quy 规 : phép-tắc, thề-lệ  
 ở trường thi.

## 2. Thi hỏng (bài thứ nhất)

Mai không tên tờ, tờ đi ngay,  
 Giỗ tết từ đây nhớ lấy ngày<sup>1</sup>.  
 Học đã sôi cơm<sup>2</sup> nhưng chưa chín,  
 Thi không ăn ớt thế mà cay.  
 Sách đèn phô mẶc đàm con trẻ,  
 Thung đấu<sup>4</sup> nhò tay một mè mày.  
 Cống-hỉ<sup>5</sup>, mét-xì, đây thuộc cả,  
 Chẳng sang Tàu, tờ cũng sang Tây.

**CHÚ-THÍCH :** 1. Bản khác : Ngày mai tờ hỏng tờ đi ngay, Cũng  
 mủ từ đây nhớ lấy ngày.— 2. Bản khác : .. toii cơm ...— 3. Bản khác :  
 .. mồi ớt...— 4. Bản khác : Lung đấu...— 5. Tiếng của người Tàu dùng  
 để chúc-lucky nhau. Chính chữ là Cung-hi 恭喜 (Cung : kính ; hi :  
 mừng mừng.)

### 3. Thi hỏng (*bài thử hai*)

Bụng buồn, còn muốn nói-nắng chí !  
Đè nhất buồn là cái hỏng thi !  
Một việc văn-chương thời cũng nhảm,  
Trăm năm thân-thế có ra gì !  
Được gần trường-ốc vùng Nam Định,  
Thua mãi anh em cảnh Bắc-Kỳ <sup>1</sup>.  
Rõ thực nôm hay mà chữ dốt :  
Tâm khoa chưa khôi phạm trường-quy.

**CHÚ-THÍCH :** 1. Bản khác : ... đám Bắc-Kỳ.

### 4. Thi hỏng (*bài thử ba*)

Trách mình phận hầm lại duyên hôi,  
Hết suốt hai trường, hỏng một tôi !  
Té đồi làm Cao nên sự thế,  
Kiện trông ra Tiệp <sup>1</sup>, hối Trời ôi !  
Mong gì nhà nước còn thi nữa,  
Biết rõ anh em, chẳng chắc rồi,  
Vì phỏng còn thi còn học mãi :  
Tôi cơm, tốn vải, hại mà thôi !

**CHÚ-THÍCH :** 1. Chữ *kiện* 懇 nghĩa là khỏe-mạnh. Chữ *tiệp* 懇 nghĩa là nhanh-chóng. Khoa thi năm 1906, kỳ thứ hai, tác-giả dùng làm chữ « kiện » ra chữ « tiệp ». Quan trường đánh xuất vận. Quyền thi bị loại không được chấm nữa. Tên tuổi bị nêu lên bảng nhỏ, tức là bảng ghi chép các lỗi của thi-sinh.

### 5.— Bài phủ hỏng thi

1. Đau quặn đòn hàn ; dài hơn lứa bông.
2. Tủi hứt, tủi nghiên ; hồ lều, hồ chõng.
3. Nghĩ đến chữ « nam-nhi đặc chí » <sup>1</sup> thêm nỗi thận-thùng ;  
Ngẫm đến câu « quyền thô trùng lai » <sup>2</sup>, nói ra ngập-ngọng.

4. Thể mới biết học tài thi phận, miệng đàn-bà con trẻ nói vậy mà thiêng ; Nào ai ngờ chữ tốt văn hay, tài bảng-nhỡn, thán-hoa lở ra cũng hỏng.
5. Có một thầy : Dốt chẳng dốt nào, chữ hay chữ lồng.
6. Nghịen chè, nghịen rượu, nghịen cà cao - lâu ; Hay hát, hay chơi, hay nghè xuống lồng<sup>3</sup>.
7. Thói nhà phong-vận<sup>4</sup> : áo hàng Tàu, khăn nhiễu tím, ô lục-soạn xanh<sup>5</sup> ; quần tố-nữ<sup>6</sup>, bi-tất tơ, giày Gia-Định bóng.
8. Tú rốt bảng trong năm Giáp-ngọ<sup>7</sup>, nổi tiếng tài-hoa ; Con nhà dòng ở đất Vị-Xuyên, ăn phần cảnh nợng<sup>8</sup>.
9. Năm vua Thành - Thái mươi hai<sup>9</sup>, lại mở khoa thi Mỹ-Trọng<sup>10</sup>.
10. Quyền đệ-tam viết đã xong rồi ; Bảng đệ - tú chưa ra đã ngóng.
11. Thầy chắc hẳn văn - chương có mục, lễ thánh xem giờ ; Cô mừng thăm mũ áo đều tay, gặp người nói mộng.
12. Ngày đi lễ Phật, còn kỳ này kỳ nữa là xong ; Đêm dày vái trời qua mồng bốn mồng năm cho chồng.
13. Nào ngờ : Bảng nhỏ<sup>11</sup> thấy tên, ngoại-hàm<sup>12</sup> còn trống.
14. Kẻ đến sáng vẫn còn được chấm, biền cót nghènh-ngang ; Người ngồi khuya tên hãy được vào, áo dài lưng - thụng.
15. Thi là thể, sự tình là thể, hỏi chuyện cùng ai ; Người một nơi, hồn-phách một nơi, thanhтан với bóng.
16. Vì phỏng chấm nghè nghiên bút, thi mươi ba mươi bảy đỗ - những bao giờ : Những là mài việc vui chơi, mà một tuổi một già hóa ra lồng-dòng.
17. Thói thi thói ; Sách vở mập-mờ, văn-chương lồng-ngóng.
18. Khoa trước đã cháy, khoa sau hẵn chóng.
19. Ý có kẻ lo-toan việc nước ; Vua chúa dụng hiền ; Hay không ai dạy-dỗ đàn em : Trời còn bắt hỏng.

**CHÚ THÍCH :** 1. *Nam-nhi đặc chí* 兄弟志 : tài trai được thỏa chí.— 2.— *Quyền thi trùng lai* 林土重來 : cuốn đất mà trở lại. Ý nói thu xếp tất cả co-nghiệp, khà-năng, cố dì thi một chuyến nữa lấy đỗ. Đời Hán, Hạng-Vũ thua trận chạy đến Ô-giang, Người chờ đó khuyên nên qua sông sang đất Giang-Dung tạm trú, rồi sau mưu việc khôi-phục. Hạng-

Vũ không nghe, tự vẫn chết. Theo Đỗ-Mục *dề ở Ô-giang* định có câu « Giang-dòng lữ dê da lát toǎn, Quyền thồ trảng lát vị khâ tri ». (Các con em ở Giang-dòng còn nhiều người tài giỏi. Nếu Hạng-Vũ nghe lời khuyên qua sông, có ngày cướp đất trở lại, thì sự thô chưa biết ra sao). — 3. Lồng là thuyền của bọn gái chui.— 4. Phong-vận : nghĩa cũng như phong-lưu.— 5. Lục-soạn : một thứ lụa trơn.— 6. Tô-nữ 妖女 : người con gái đẹp. Đây chỉ là một thứ hàng vải đẹp.— 7. Năm 1894, năm Thành-Thái thứ 6.— 8. Cảnh nòng : khoanh thịt cỗ bò hoặc lợn dùng để thào ở đình làng.— 9. Năm Canh-Ti, 1900.— 10. Trường thi Nam đặt ở địa phận làng Mỹ-Trung, gần Linh-Lý-Nam-Định.— 11. Bảng ghi tên những người phạm trường-quy.— 12. Ngoại-hàm 𠂔: Quá hạn nộp quyền thi, quyền phải bỏ ngoài hòm (trương) không được chấm (Ngoài : ngoại ; hàm : rương, tráp). Theo lệ trường thi thi đỗ đến chiều tối có hồi trống báo cho thí-sinh biết rằng thời-hạn Hàm bài đã hết. Dứt hồi trống là hết hạn, và từ bấy giờ ai đem nộp quyền là quá hạn (ngoại hàm). Ở đây彖-giả nói côn trùng, nghĩa là ông nộp quyền lúc chưa hết hạn, đang lè quyền của ông không phải là quá hạn (ngoại hàm). « Côn trùng » là « côn bố không ». Bảng biển tên thí-sinh ngoại hàm còn trống, tức là chưa có thí-sinh nào bị ngoại hạn cả.

#### b) CẢNH NGHÈO

##### 1. Bài phú : Thầy đồ dạy học

- Thầy đồ, thầy đặc ; dạy học, dạy hành.
- Vài quyền sách nát ; ba thằng trẻ ranh.
- Văn có hay dã dô làm quan, võng điếu võng thăm : Võ có giỏi dã ra giúp nước, khổ dô khổ xanh.
- Chắc hẳn thầy văn dốt, vũ dát ; vậy nên thầy luân - quân loanh-quanh.
- Xem thầy : Con người phong-nhã ; ó chồn thi-hành.
- Râu rậm bằng chổi ; đầu to tay giành.
- Đã lâm phen đi dò đi dây, thất-diện bất-dảo ; Cũng nhiều lúc chơi liều chơi lĩnh, tú-dộm tam-khoanh.
- Nhà lính, tinh quan ; ăn rặt những thịt quay, nạp - sường, mặc rặt những quần vâu, áo xuyến ; Hát lè, quê thói ; chỗ ngồi cũng áo - thư, bàn đúc, ngoài hiên cũng cảnh xếp, mành-mành.

9. Gần có một mọ, sinh được bốn anh :
10. Tên Uông, tên Báu, tên Bột, tên Bành.
11. Mẹ muốn con hay, rắp một nỗi hiền, cờ, mũ, áo ; Chủ rước thầy học, tinh đủ tiền chè, rượu, cơm, canh.
12. Chọn ngày lê-bái ; mở cửa tập-tành.
13. Thày ngồi chẽm-chẽ ; trò đứng chung-quanh.
14. Dạy câu Kiều lầy ; dạy khúc Lý kinh ! \*
15. Dạy những khi xuống ngựa, lên xe : đứng ngồi phải phép ; Dạy những lúc cao-lầu, chiếu rượu : ăn nói cho sành ! ..

**CHÚ-THÍCH :** 1. Văn : thứ hàng từ có văn.— Xngzeń : hàng từ dài mâu sợi.— 2. Lý kinh : các bài hát Lý ở kinh-dó Huế, theo điệu hát của Chiêm-Thành. Ở miền Bắc, cũng có hát Lý là một điệu hát huê-tinh.

## 2. Gần Tết, than việc nhà

Bố ở một nơi, con một nơi,  
 Bấm tay tháng nữa hết năm rồi.  
 Văn-chương ngoại-hạn <sup>1</sup>, quan không chấm ;  
 Nhà cửa giao-canhh <sup>2</sup>, nợ phải bồi.  
 Tin bạn hóa ra người thất-thò <sup>3</sup>,  
 Vì ai nên nỗi chịu làm vôi <sup>4</sup>.  
 Ba nuroi mốt tuối đã bao chốc,  
 Lận suối cheo non đã mấy hồi.

**CHÚ-THÍCH :** 1. Ngoại-hạn 外 约 : quyền thi nộp quà bạn, sau khi trống thu-quyền đã dứt. (Ngoài : ngoài ; hạn : kỳ hẹn).— 2. Giao-canhh 交 担 : giao cho người ta cày để vay nợ. (Giao : trao cho ; canhh : cày). Chỉ ruộng nương mồi có thể giao cho người ta cày được, chứ nhà cửa làm sao có thể « giao canhh » được ? Không hiểu vì sao tác-giả dùng hai chữ này ?— 3. Thất-thò 失 托 : mất đất, không nơi nương tựa. Do câu « Vong-gia, thất-thò » (mất nhà, mất đất).— 4. Cố người nói : Vì ai nên đổi quyền đầm vôi. Quyền đầm vôi : sách bị phá ra lấy giấy đánh vào vôi vót, làm một thứ vữa để dập các hình-tượng trên tường nhà.

### 3. Than thân

Kè đã ba mươi mấy tuổi rồi,  
 Tôi ngồi tôi nghĩ cái thằng tôi.  
 Mấy khoa hương-thí<sup>1</sup> không đâu cả,  
 Ba luống vườn hoang bán sạch rồi.  
 Gạo cứ lệ ăn đồng bữa một,  
 Vợ quen dạ dề cách năm dời.  
 Bắc thang lên hỏi Ông Trời nhẹ  
 Trêu-gheo người ta thế nữa thôi ?

**CHÚ-THÍCH :** I. *Hương-thí* 香試 : khoa thi hương, ba năm một / vào các năm Tí, Ngọ, Mão, Dậu, (triệu Nguyễn).

### 4. Than cung

Lúc túng toan lên bán cả trời<sup>1</sup>,  
 Trời cười thằng bé nó hạy chơi.  
 Cho hay công-nợ là như thế,  
 Mà vẫn phong-lưu suốt cả đời.  
 Tiền bạc phó cho con mụ kiếm,  
 Ngựa xe chẳng thấy lúc nào ngơi.  
 Còn dăm ba chữ nhồi trong ruột,  
 Khéo khéo không mà nữa lại rơi !

**CHU-THÍCH :** I. *Do thành-ngữ* : Bầu trời không văn-tự.

### 5. Ốm và đau mắt

Ai ốm riêng ai, ốm một mình;  
 Hỏi ai, ai cũng chỉ làm thinh !  
 Vừa đồng bạc lớn Ông lang Sán,  
 Lại mấy hào con chú Ích-Sinh.  
 Hỏi vợ : vợ còn đương chạy gạo ;  
 Gọi con : con lại mải chơi đinh.  
 Muốn mù, Giờ chẳng cho mù nhỉ,  
 Giương mắt làm chi, buổi bạc tình.

### 6. Giờ! nực mặc áo bông

Búc sوت nhung minh vẫn mặc áo bông,  
 Tưởng rằng ấm dày, hóa ra không.  
 Một tuồng rách-rưới, con như bỗ ;  
 Ba chữ nghêu-ngao, vợ chán chồng.  
 biết bao giờ sang vận đỏ ?  
 Trời làm cho bỗ lúc chơi ngông.  
 Gần chùa, gần cảnh, ta tu quách :  
 Cửa Phật quanh năm vẫn áo sòng.

### 7. Bán nhà

Khách hỏi nhà ông đến,  
 Nhà ông đã bán rồi,  
 Vợ lầm-le ở vú,  
 Con tấp-tênh đi hỏi !  
 Ai trói voi bỏ dở ?  
 Đời nào lợn cao ngồi ?  
 Người bảo ông cùng mãi,  
 Ông cùng đến thế thôi.

**CHÚ-THÍCH :** 1. Đem tài-trí lòn-lao thù vào trong khuôa-khò chặt hẹp.— 2. Do thành-ngữ : « Mật nhẫn như lợn cao ngồi ». Ngồi là đùm tóc ở giữa đầu.

### 8. Văn thân vô quả <sup>1</sup>

Sao mãi mười năm vẫn thế ru ?  
 Răng khôn, răng dại, lại răng ngu !  
 Nhũng là thương cả cho đời bạc,  
 Nào có cầm đầu đến kẻ thù.  
 No ấm chừa qua vòng mẹ đõ,  
 Đỗ-danh may khỏi tiếng cha cu.  
 Phen này có dễ trời quay lại,  
 Thắng bé con con đã tàn cù !

**CHÚ-THÍCH :** 1. Văn-thân vỗ qua 目 𩫑: Hồi minh thấy không  
tô lõi.— 2. Tân cù : Trẻ con chơi quay tát cái danh cù cho bằng. Nếu  
không tân, đê cái danh cù nhặt quả, thì khi trọi vào con quay khác  
thường hay vỡ quay. Ở đây, tác-giả có ý nói : Phen này vận trời có lẽ  
quay lại i Cứ xem họa trẻ con đã tán cái danh cù đê chơi quay thì  
đã biết.

### 9. Hữu cảm <sup>1</sup>

Người bão ông diên, ông chẳng diên.  
Ông thương, ông tiếc, hòa ông phiền.  
Kẻ yêu, người ghét, bay vì chữ ;  
Đứa trọng, thảng khinh, cũng vị tiền.  
Ở bẽ, gập-ghènh cơn gió thoảng ;  
Được voi, ngoanh-ngoảnh muôn đời tiên;  
Khi ngồi, khi khóc, khi than-thở,  
Muốn bỏ văn-chương, học võ-biển.

**CHÚ-THÍCH :** 1. Hữu-cảm 有 感 : có sự xúc động.

### 10. Khen vợ

Quanh năm buôn bán ở mom sông,  
Nuôi đủ đàn con với một chồng.  
Lặn-lội thân cò <sup>1</sup> khi quãng vắng,  
Eo-sèo mặt nước buổi đò đông.  
Một duyên hai nợ, thời dành phận ;  
Năm nắng mười mưa, dám quản công;  
Cha mẹ bói đời ăn ở bạc :  
Có chồng hờ hững cũng như không.

**CHÚ THÍCH :** 1 Do câu ca dao : « Con cò lặn-lội bờ sông, Gành gao  
đưa chàng tiếng khóc nín-non ». .

## ■ TU-TUỐNG HƯỚNG-LẠC

## 1. Hỏi Ông Trời

Ta lên ta hỏi Ông Trời :  
 Trời sinh ta ở trên đời làm chi ?  
 Biết chẳng, cũng chẳng biết gì.  
 Biết ngồi nhà hát, biết đi à-dầu.  
 Biết thuốc lá, biết chè Tàu.  
 Cao-lâu biết vị, hồng-lâu biết mùi !

## 2. Làm câu đố Tết

入世局不可無文字

Nhập thế cục bắt khả vô văn tự <sup>1</sup>  
 Chẳng hay-ho, cũng nghĩ một vài bài.  
 Hướng chí minh cũng đỗ Tú-tài.

## 4. Ngày Tết đến, phải một hai câu đố.

Đối rắng :

極人間之晶儻風月情懷

*Cực nhân gian chi phảm-giả : phong-nguyệt tình hoài ;*

最世上之風流江潮氣骨,

*Tối thế thượng chi phong-lưu : giáng-hồ khí cốt <sup>2</sup>.*

Viết vào giấy, dán ngay lên cột ;

## 8. Hỏi mẹ mày rắng dốt hay hay ?

Rắng : hay thi thực là hay ;  
 Chẳng hay, sao lại đỗ ngay Tú-tài !  
 Xưa nay em vẫn chịu ngài...

**CHÚ-THÍCH :** 1. Câu 1 : Vào cuộc đời, không thể không có văn-chương, chử-nghĩa.— 2. Hai câu 5, 6 : Cái phán-giá cao nhất ở nhân gian là cùi tinh nhở-thương trăng gió ; Sự phong-lưu nhất ở trên đời là cái khì-cốt giang-hồ.

## B. THƠ THỦL THẾ

### a) THIỀN-TAI

#### 1. Lụt năm Bính-Ngo (1906)

Thú xem một tháng mấy kỳ mưa,  
Ruộng hóa ra sông, nước trăng bùa.  
Bát gạo Đồng-Nai<sup>1</sup> câu chuyện cũ,  
Mái cheo Qui-Tí<sup>2</sup> nhớ năm xưa.  
Trâu bò buộc căng, coi buồn nỗi !  
Tôm tép khoe minh, đã sướng chưa ?  
Nghe nói miền Nam trời đại-hạn,  
Sao không san-sẻ nước cho vừa ?

**CHÚ-THÍCH :** 1. Gạo mua của xứ Đồng-Nai, tức miền Đồng-Bắc Nam-phân. Câu chuyện gạo Đồng-Nai còn lưu lại, vì mấy năm trước trời lâm lụt-lội, mất mùa, dân Bắc phải ăn gạo từ Đồng-Nai tải ra.— 2. Lụt năm Qui-Tí tức là năm 1893 là một trận lụt rất lớn. Vì vậy có thành ngữ : tràn Qui-Tí...

#### 2. Bão lụt

Người thế nào ai tò sự đời,  
Ngồi buồn, Trời giờ cái trò chơi.  
Gió dong hai lượt, xin không dứt ;  
Nước lớn đời phen, lạy chẳng vời.

Nhơ hụi quét trong làng qui-giấy,  
Hôi tanh rửa sạch thói ma-troi,  
Cơ-mẫu nghĩ đến thêm buồn-bã,  
Mới biết ông xanh khéo ghẹo đời.

### 3. ĐẠI-HẠN

Ngày nay đá nát với vàng phai,  
Thiên-hạ mong mưa, đứng lại ngồi.  
Ngày trước biết gì ? Ăn với ngủ;  
Bây giờ lo cả nước cùng nỗi.  
Trâu mừng ruộng nê, cày không được ;  
Cá sợ ao khô, vượt cả rìa.  
Tinh-cảnh nhà ai nóng-nổi ấy,  
Quạt mo phe-phây một mình tôi.

## b) VIỆC HỌC, VIỆC THI

### 1. Khoa thi

Nhà nước ba năm mở một khoa;  
Trường Nam thi lần với trường Hà <sup>1</sup>.  
Lời-thôi sỉ-tử vai đeo lợ,  
Âm-oẹ quan trường miệng thét loa.  
Xe kéo rợp trời : quan sứ đến ;  
Vảy lê phết đất, mỵ đầm ra.  
Sao không nghĩ đến điều tu-sí ?  
Ngành cò mà xem lại nước nhà.

**CHÚ-THÍCH :** 1. Trường Nam. Định và trường Hà-Nội. Đó là hai nơi thi Hương ở Bắc khi xưa. Đến năm Giáp-Tân (1884) thi hai trường đó hợp làm một thành trường Hà-Nam.— 2. Tu-sí <sup>楚 晴</sup> : xấu-bè, thẹn-thùng

### 2. Dận học trò đi thi

Đi thi đi cử, các thầy nho,  
Ta dặn điều này, phải nhớ cho.  
Ra phố, khăn ngang quàng lấy mặt :  
Vào trường, quần rộng xắn lên khô <sup>2</sup>.

Câu văn đặc-ý, đứng ngui-ngùi ;  
 Chén rượu mềm môi, chờ gật-gù.  
 Nghe nói khoa này nghiêm-cấm lắm.  
 Đêm hôm phải sợ phép quan Cố.

**CHÚ-THÍCH :** 1. Tức là khố. Lèn khò : lèn hàng.

### 3. Đồi thi

Nghe nói khoa sau sắp đồi thi,  
 Các thầy đồ cõi đỗ mau đi.  
 Dẫu không bia đá, còn bia miệng,  
 Vứt bút lông đi, giặt bút chí.

### 4. Cái học nhà nho

Cái học nhà nho đã hỏng rồi,  
 Mười người đi học, chín người thôi.  
 Cõi hàng bán sách lim-dim ngũ,  
 Thầy khóa tư lương <sup>1</sup> nhấp-nhồm ngồi  
 Sĩ-khi rut-rè gà phải cáo <sup>2</sup> ;  
 Văn-chương liều-linh dám ăn xôi <sup>3</sup>.  
 Tôi đâu dám mỉa làng tôi <sup>4</sup> nhỉ ?  
 Trinh cõi quan tiền thú-chỉ tôi. <sup>5</sup>

**CHÚ-THÍCH :** 1. Tư lương 貢糧 : được cấp lương (tư : cấp cho ;  
 lương : lúa gạo ăn). — 2. Do thành-ngữ : « Rụt-rè như gà phải cáo ». —  
 3. Do thành-ngữ : « Cõi đốm ăn xôi ». — 4. Làng a-ho. — 5. Tiền thú 先徒 : là tiền-chỉ (người có chức-vị đứng đầu trong làng), và thứ-chỉ (người có chức-vị đứng thứ hai trong làng). Khi làng có giấy tờ gì, tên hai ông ấy đứng đầu. (Tiền : ở trước ; thứ : ở bậc hai ; chỉ : giấy). Ở đây, tác-  
 giả muốn nói đến các ông Nghè, ông Cử.

### 5. Cái chữ nho

Nào có ra gì cái chữ nho,  
 Ông Nghè, ông Cống cũng nắm co.  
 Sao bằng đi học làm thầy Phán ?  
 Tối rượu sâm-banh, sáng sữa bò.

## ⑨ CÂM HOÁI

## 1. Con hát tuồng

Nào có ra chi lũ hát tuồng !  
 Cũng hò, cũng hét, cũng y-uồng !  
 Dẫu rắng dối được dàn con trẻ,  
 Cái mặt bồi vôi nghĩ cũng buồn !

## 2. Học trò ngủ nơi trường học

Chẳng một mình con ngủ cạnh thầy.  
 Con xin con kè đê thầy hay.  
 Sứ kính chưa trai mùi ngọt ngọt,  
 Trò chuyện còn nhiều nỗi đắng cay.  
 Nước bốn nghìn năm hồn chưa tĩnh,  
 Dàn hai-nhăm-triệu còn say.  
 Bên giường đâu ngày nhưng còn sợ,  
 Thầy mõ, thầy truyền phải dậy ngay.

## 3. Đêm dài

Sực tỉnh trông ra ngồi sáng òa,  
 Đêm sao đêm mãi thế ru mà !  
 Lạnh-lùng bốn bề ba phần tuyết.  
 Xao-xác nằm cạnh một tiếng gà.  
 Chim chóc hãy còn nương cửa id,  
 Bướm ong chưa thấy lượn vườn hoa.  
 Dù ai có muốn tim ta đó,  
 Đốt đuốc soi lên, kéo lắn nhà.

## 4. Lạc đường

Một mình đứng giữa quãng chờ-vơ.  
 Có gặp ai không đê đợi chờ ?  
 Nước biếc, non xanh, coi vắng.vé ;  
 Ké đi người lại, dáng bo-vơ.

Hồi người : chỉ thấy mày xanh ngắt ;  
 Đói nước : càng thêm tóc bạc phơ.  
 Đường đất xa khơi, ai mách bảo ?  
 Biết đâu mà ngóng đến bao giờ ?

### 5. Xuân

Xuân từ trong ấy mời bạn ra t.  
 Xuân chẳng riêng ai, khắp mọi nhà.  
 Đi-dẹt ngoài sân tràng pháo chuột ;  
 Om-thòm trên vách bức tranh gà !  
 Chi-cha chi-chát khua giày dép,  
 Đen thui đen thuỷ cũng lướt là.  
 Dám hỏi những ai lòng cố-quốc,  
 Rằng : xuân, xuân mãi thế ru mà ?

**CHÚ THÍCH :** 1. Từ kinh-đô Huế, nhà vua phát lệnh ra khắp mọi nơi. Thời trước, lệnh do Khâm-thiên-giam soạn đem ban phát cho các nhà-môn.

### 6. Sông Lấp Nam-Định 1

Sông kia rày đã nén đồng.  
 Chỗ làm nhà cửa, chỗ trồng ngô khoai.  
 Đêm nghe tiếng éch bên tai,  
 Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đò.

**CHÚ THÍCH :** 1. Sông Vị-Hoàng ở nơi què tac-giả, bị lấp để mở rộng thành-phố.

### 7. Chiêm-bao

Bỗng thấy chiêm-bao thấy những người,  
 Thấy người nói nói lại cười cười.  
 Tỉnh ra, lại tiếc người trong mộng;  
 Mộng thế thì bằng tinh mẩy muoi !

Nằm nghe tiếng trống, trống canh ba<sup>1</sup>,  
 Vừa giấc chiêm-bao chợt tỉnh ra.  
 Thiên-hạ có khi dương ngũ cũ,  
 Việc gì mà thức một mình ta ?

**CHÚ-THÍCH :** 1. Canh ba bắt đầu từ 23 giờ và tận cùng lúc 1 giờ đêm.

### 8. Dạ hoài<sup>1</sup>

Kia cái đêm nay mới gọi đêm,  
 Mắt giường, trong bụng ngũ không thèm.  
 Tình này ai tỏ cho ta nhỉ ?  
 Tâm-sự nằm canh một ngọn đèn.

**CHÚ-THÍCH :** 1. *Dạ hoài* 夜 懷 : sự ngẫu-nghĩ lúc đêm tối.

### 9. Tự thân<sup>1</sup>

Trời không chớp bère với mưa buồn,  
 Đêm nào, đêm nào tờ cũng buồn.  
 Bối-rối tinh-duyện cơn gió thoảng,  
 Nhạt-nhèo quang-cảnh bóng trắng suông.  
 Khăn khăn, áo áo, thêm rày chuyên ;  
 Bút bút, nghiên nghiên, khéo giờ tuồng,  
 Ngủ quách sự đời thây kẽ thưa,  
 Chùa đâu sang-sảng đã hồi chuông.

**CHÚ-THÍCH :** 1. *Tự thân* 自 慮 : tự than-thở.

### 10. Tát nước

Giấc mộng Nam-Kha<sup>1</sup> khéo chép-chòn,  
 Giữa trời riêng một cảnh giang-sơn.  
 Cỏ cây vui mắt, nằm quen ngũ ;  
 Sấm sét bên tai, dạ chẳng chòn.

Chèn-chéch đèn trăng soi trước bông.  
 Hin-hin quạt gió phảy bên sườn.  
 Bởi vì nỗi nước nén ra sức,  
 Bao quản phong-trần mảnh áo đơn.

**CHÚ THÍCH :** 1. *Nam-Kha 南柯* : (Cành cây phía Nam). Lý-Công-Tà đời Đường làm bài *Nam-Kha* kỳ thuật chuyện Thuần-Vu-Phản nắm mộng thấy mình đến nước Hồi-Au được vua nước úy gả con gái cho và bỏ làm Thái-Thú ở *Nam-Kha*. Về sau cầm quân đánh giặc bị thua, mất công-chúa, bị vua đem lòng nghi-kỵ đuổi về. Khi tỉnh dậy, Thuần-Vu-Phản thấy mình nằm dưới gốc cây hòe, trên đầu có một cành chua về phía Nam, bên cạnh có một tó kiến. Thuần chán-nản việc đời, bỏ đi tu tiên. Giác *Nam-Kha* hay giác hòe dùng để nói việc đời thăng trầm, mộng thực khó lường.

### 11. Thơ gửi Phan-Bội-Châu

Mấy năm vượt biển lại trèo non,  
 Em hỏi thăm qua bắc vẫn còn.  
 Mái tóc Giáp-thìn <sup>1</sup> đã nhuộm tuyết,  
 Điểm đầu Canh-tí <sup>2</sup> chưa phai son.  
 Vá trời <sup>3</sup> gặp hội mây năm vè,  
 Lấp bè <sup>4</sup> ra công đất một hòn.  
 Có phải như ai mà chẳng biết,  
 Giang tay chống vững cột càn-khôn <sup>5</sup>.

**CHÚ THÍCH :** 1. Tháng chạp năm Giáp-thìn (1904). Phan-Bội-Châu cùng hai ông Tăng-Bạt-Hổ và Đặng-Tử-Kinh lèo đường sang Trung-Hoa— 2. Năm Canh-tí (1900) tức năm Thành-Thái thứ 12, cũ Phan đỗ thủ-khoa trưởng Nghệ, tiếng hay chữ vang lừng trong nước. Trong bảng, trên đầu tên của các người đỗ Cử-nhanh, Tú-tài đều có một nét chấm son của queso chử-khảo điểm vào để kiểm lại xem có đúng không.— 3. Làm việc lớn. Do điều bà Nữ-Oa, em gái vua Phục-Hy đập đá và trời.— 4. Làm việc lớn. Tương truyền con gái vua Viêm-Đế (Thần-Nông) vượt bờ chém hóa thành chém linh-vật, ngày ngày ngâm đá ở núi Tây và lấp bờ Đòng cho bà giận. Nghĩa bóng nói người thám-hận mong trả thù.— 5. Càn-khôn 勻紛 : tên hai quỷ trong Bát-quái, chỉ trời đất.

### 12. Nhớ người xa

Ta nhớ người xa cách núi sông.  
 Người xa xa có nhớ ta không ?<sup>1</sup>  
 Sao dương vui-vé ra buồn-bã ?<sup>2</sup>  
 Vừa mới quen nhau đã lị-lùng,<sup>3</sup>  
 Lúc nhớ, nhớ cùng trong mộng-tưởng :  
 Khi riêng, riêng cả đến tình chung.  
 Tương-tư lợ phải là trai gái,  
 Một ngọn đèn xanh, trống diêm thùng.

**CHÚ-THÍCH :** 1. Bản khác : Người xa, xa lâm, nhớ ta không ?.—  
 2. Bản khác : Đã từng vui lâm thêm buồn-bã. Vừa mới quen nhau hóa  
 lị-lùng.

## II. TRÀO-PHÙNG

### A. TỰ-TRÀO

#### 1. Tự-trào

Ở phố Hàng Nón<sup>1</sup> có phông sành<sup>2</sup>,  
 Mặt thi lơ-láo, mắt thi nhanh.  
 Vuốt râu vịnh vợ : con bu nó ;  
 Quắc mắt khinh đời : cái bộ anh !  
 Bài bạc kiệu<sup>3</sup> cờ cao nhất xứ ;  
 Rượu chè, trai gái dù trăm khoanh;  
 Thế mà vẫn nghĩ rằng ta giỏi,  
 Cứ việc rong chơi, chẳng học-hành.

**CHÚ-THÍCH :** 1. Phố Hàng Nón ở Nam-Định.— 2. Hình người sành  
 bằng đất súng, đồ chơi trẻ con.— 3. Một lối chơi bài là.

#### 2. Hương-thi tự-trào

Ông trống lên bảng thấy tên ông,  
 Ông tớp rượu vào, ông nói ngông.  
 Trên bảng, năm mươi thầy cử đội ;  
 Bốn kỵ, mười bảy cài ưu thông.<sup>1</sup>

Xưởng danh, tên gọi trên miếu tượng ;  
 Ăn yến, xem ra có thịt công.  
 Cụ sứ có cô con gái đẹp,  
 Lăm-le xui bồ cưới làm chồng.

**CHÚ-THÍCH :** 1. Suốt bốn kỵ (đệ nhất, đệ nhị, đệ tam và phúc bạch) được liền 17 cái. *Ưu* tức là ưu hạng. Trong bốn kỵ, thí-sinh (tại khai) phải làm kinh-nghĩa, thơ, phú, văn sách. Giỏi nhất cả bốn kỵ chỉ đến 16 ưu là cùng. Mười bảy cái ưu liền là nói khoác chơi, vì ông chỉ có Tú-tài.— 2. *Trương* 舊 : voi.— Khi xưởng danh các ông tân-khoa, người quản tượng cưỡi voi truyền loa gọi tên ở cửa trường thi. Sau này, không có voi, phải cất nhà trôi cao để xưởng danh.

### 8. Ngẫu-hứng

Hán-tự chẳng biết Hán,

Tây-tự chẳng biết Tây,

Quốc-ngữ cũng mù tịt,

### 4. Thôi thì về đi cày.

Trồng ngô và trồng đậu,

Cấy chiêm lại cấy mìa.

Ăn không hết thì bán,

### 8. Bán đã có Tây mua.

Được tiền thì mua rượu,

Rượu say rồi cưỡi trâu.

Cưỡi trâu thế mà vắng,

### 12. Có ngã cũng không đau.

Ăn lương hàm chính-thất <sup>1</sup>,

Thôi thoi thế cũng xong.

Vì bằng nhà nước dụng,

### 16. Phải bồ tòa canh-nóng.

**CHÚ-THÍCH :** 1. Ăn lương của vợ. *Chinh-thất 正 席* là vợ cả. *Chí-chinh-thất* 正 席 còn có nghĩa là chính thất phàm, một trong các phu-makeup của quan-lại thời xưa.

#### 4. Quan-tại-gia

Một ngọn đèn xanh, một quyền vàng<sup>1</sup>,  
 Bốn con làm linh, bốn làm quan.  
 Câu thơ, câu phú, sưu cung thuế ;  
 Nghiên mực, nghiên son, tiếng với làng.  
 Nước quạt vừa xong, con nhảy ngựa ;  
 Trống chầu chưa dứt, bốn lên thang.  
 Hồi ra quan ấy ăn lương vợ,  
 Đem chuyện trăm năm trở lại bàn.

**CHÚ-THÍCH:** 1. Quyền sách. Do chữ *hoàng quyền* 黃卷 là quyền vàng Ngày xưa sách viết dùng thử giấy nhuộm thuốc vàng cho một khôi lão.

#### B. CẢNH XÃ-HỘI BUỒI GIAO-THỜI

##### a) PHONG-TỤC

###### 1. Năm mới

Khéo<sup>1</sup> bảo nhau rằng : mới với me.  
 Bảo ai rằng cũ, chẳng ai nghe.  
 Khăn là bác nợ to tay rẽ,  
 Váy lĩnh có kia quét sạch hè.  
 Công-đức tu-hành, sự có lọng ;  
 Xu hào đứng đinh, mán ngồi xe.  
 Chẳng phong-lưu, cũng ba ngày tết,  
 Kiết-cù như ai, cũng rượu chè.

**CHÚ-THÍCH :** 1. Bản khác : Chỉ...

###### 2. Chúc năm mới

Bắt chước ai ta chúc mấy lời,  
 Chúc cho khắp cả ở trong đời,  
 Vua, quan, sĩ, thứ<sup>1</sup>, người muôn nước  
 Sao được cho ra cái giống người.

**CHÚ-THÍCH :** 1. Thứ 爾 : tức là thứ-dân, nghĩa cũng như thường dân, dân-chúng.

### 3. Năm mới chúc nhau

Lắng-lặng mà nghe nó chúc nhau.  
Chúc nhau trăm tuổi bạc đầu râu.  
Phen này ông quyết đi buôn cối,  
4. Thiên-hạ bao nhiêu đứa già trầu.

Lắng-lặng mà nghe nó chúc giàu :  
Trăm, nghìn, vạn, mờ đè vào đâu ?  
Phen này ăn bắn gà ăn bạc :  
8. Đồng rung, đồng roi, lợ phái cầu.

Lắng-lặng mà nghe nó chúc sang :  
Đứa thì mua tước, đứa mua quan.  
Phen này ông quyết đi buôn lọng,  
12. Vừa bán vừa la cũng đất hàng.  
Lắng-lặng mà nghe nó chúc con :  
Sinh năm, đẻ bày được vuông tròn.  
Phố-phường chát-hep, người đồng-đức,  
16. Bồng-bé nhau lên nô ở non.

### 4. Câu đối dán Tết

Thiên-hạ xác rời, còn đốt pháo ?  
Nhân-tinh trắng thế, lại bồi với ?

### 5. Nhieu đời

Có đất nào như đất ấy không ?  
Phố-phường tiếp-giáp với bờ sông 1.  
Nhà kia lỗi phép ; con khinh bố ;  
Mụ nợ chanh-chua ; vợ chửi chồng.  
Keo-cút, người đâu như cút sắt 2 ;  
Tham-lam, chuyên thòi những hơi đồng.  
Bắc Nam hỏi khắp bao nhiêu tỉnh ,  
Có đất nào như đất ấy không ?

**CHÚ-THÍCH :** 1. Chỉ quê-hương tác-giả ở Nam-Binh.— 2. Phuong.  
ngon : Một nǎo ăn được cút sắt.

### 6. Lắm quan

Ở phố hàng Song<sup>1</sup> thật lầm quan :  
 Thành<sup>2</sup> thi đèn kít, Đốc<sup>3</sup> thi lang.  
 Chồng chung, vợ chạ, kia cò Bồ<sup>4</sup> ;  
 Đầu lạy, quan xin, nọ chú Hàn<sup>5</sup>.

**CHÚ-THÍCH :** 1. Phố ở Nam-Định.— 2: Người giữ chức Phòng-thành, một chức quan vô đối trước coi giữ trật-tự trong thành-phố. Người này da ngâm đen, trước nghèo hèn, sau gặp buổi giao-thời chạy chọt được chức Phòng-thành.— 3. Đốc-học.— 4. Một người đàn-bà dám-dũng.— 5. Hàn-lâm, Hán-Hàn-lâm, có thể dùng tiền mua được, trong thời Pháp-thuộc.

### 7. Lên đồng

Khen ai khéo vẽ sự lên đồng!  
 Một lùa lên ngay sáu bảy ông.  
 Sát quỷ<sup>1</sup>, ông dùng thanh kiếm gỗ ;  
 Ra oai, bà giắt cái khăn hồng.  
 Cõi giường tay ẩn : lan-tanh núi ;  
 Cậu chỉ ngọn cỏ : cạn đốc sông.  
 Đồng giỏi sao đồng không giúp nước,  
 Hay là đồng sợ súng thần-công?

**CHÚ-THÍCH :** 1. Sát quỷ 獵鬼 : giết ma quỷ.

### 8. Bài ca vợ chồng Ngâu

Tục truyền tháng bảy mưa Ngâu,  
 Con Trời lấy chủ chăn trâu cũng phiền.  
 Một là duyên hai thời là nợ,  
 4. Sợi xích-thẳng<sup>1</sup> ai gỡ cho ra?  
 Vụng-về cũng thè cung-nga<sup>2</sup>,  
 Trăm khôn, nghìn khéo chẳng qua mục-đồng.

Hay là sợ muộn chồng chặng tà ?

8. Hỏi đâu mà kén cá, chọn canh.

Lấy ai, ai lấy cũng dành,

Rề trời đâu cả đến anh áo buồm.

**CHÚ-THÍCH:** 1 *Xích-thẳng* 赤 銳: cũng như tờ bảng, nhẵn-duyễn  
đó Trời định (Xích : đỏ ; thẳng : dây). Do tích Vi-Cổ đời Đường gặp  
một ông già dưới ánh trăng đang xem một quyển sổ trong có một sợi  
dây đỏ. Theo ông già, dây đó dùng để buộc chân hai người có duyên  
vợ chồng.— 2 *Cung-nga* 宮 娥: người con gái trong cung.

### b) NGƯỜI

#### 1. Ông Đốc

Ông về Đốc-học đã bao lâu ?

Cờ bạc rong chơi rất mệt mỏi.

Học-trò chúng nó tội gì thế ?

Đè đến cho ông vớ được đầu.

#### 2. Ông Huyện

Thánh cải ông vào chủ việc thi,

Đêm ngày coi các chốn trường-quy.

Chẳng hay gian-dối vì đâu vậy ?

Bá-ngoại thằng ông biết chữ gì !

#### 3. Giấu người thi đỗ

Một đàn thằng hổng đứng mà trông.

Nó đỗ khoa này có sướng không ?

Trên ghế, bà dầm ngồi đít vịt;

Dưới sàn, ông cử ngông đầu rồng.

#### 4. Hỏi Ông Tiến-sĩ mới

Tiến-sĩ khoa này được mấy người ?

Nghe chừng hay chửi có ông thối.

Nghé văn mà góm cho văn mồi,  
Cờ biến wua han cũng lạ đời !

### 5. Bùa ông Phủ

Tri-phủ Xuân-Trường<sup>1</sup> được bốn niêu,  
Nhờ Giới hệt ấy được bình yên.  
Chữ y, chữ chiêu<sup>2</sup> không phè đến !  
Ông chỉ phè ngay một chữ tiền.

**CHÚ-THÍCH :** 1. Phủ Xuân-Trường thuộc tỉnh Nam-Định.— 2. Y, Chiêu 𦥑 賈 : chữ dùng để phè vào don hoặc giấy tờ của dân, có nghĩa là thuần cho.

### 6. Bòn ông Huấn-đạo

Tri-huyện lâu nay giá rẻ mà,  
Vì vào tay tờ quyết không tha.  
An-son<sup>1</sup> tòng-giống người keo thực,  
Bồ-thủy<sup>2</sup> xưa nay của kiết à ?  
Đất Nhị<sup>3</sup> dễ thường luron rúc ở ?  
Lửa Nồng<sup>4</sup> nên phải chuột dùn ra !  
Ông mà giữ tinh kiêu-kỳ mãi,  
Huấn-đạo, nguyên ông Huấn-đạo già !

**CHÚ-THÍCH :** 1. Tên một vùng mà vì dân nghèo hoặc keo . kiết, người làm quan không có bông-lộc. Tức là An-Tử-son, thuộc huyện Đông-Triệu, tỉnh Hải-Dương.— 2. Tên một vùng « mệt mõi », người làm quan ở đó kiêm được nhiều đồng. Tức là sông Bồ-Xuyên thuộc tỉnh Thái-Bình.— 3. Đất sông Nhị-bà, một khúc sông Hồng-bà ở gần Hà-Nội. Còn có nghĩa là đất màu-mõi.— 4. Lửa gắt, nóng rất. Nồng là Nùng, tức núi Nùng ở Hà-Nội.

### 7. Hồi thăm ông Ấm

Tôi hồi thăm ông đến tận nhà,  
Trước nhà có miếu, có cây đa.  
Vườn ai đất-cát chừng ba thước,  
Nứa là tre-pheo đủ mọi tòa.

Mời sáu bận sinh đà sáu cậu,  
Trong hai dinh ở đú hai bà.  
Lưng ông mốc thêch như trăn giờ,  
Ông được phong-lưu tại nước da.

### 8. Mừng ông Nghị.viên<sup>1</sup>

Nghị.viên đâu phải chuyện con con ?  
Nước có quyền dân, nước mới còn.  
Được lúc mở mồm, nên rực óc ;  
Dù ai bóp bẹp, cũng vo tròn.  
Thay mười tám triệu người ăn nói,  
Mở bốn nghìn năm mặt nước non.  
Hi-chúc<sup>2</sup>, duy-tân<sup>3</sup> hai chữ mới,  
Đừng như xôi thịt lũ quan ôn<sup>4</sup>.

**CHÚ-THÍCH :** 1. Nghị.viên của Viện Dân biều do người Pháp đặt ra trong thời Pháp-thuộc.—2. *Hi chúc* 祝祝 : chúc mừng.—3. *Duy Tân* 演新 : đổi mới tất cả.—4 *Quan ôn* : một thứ tà thần sinh ra bệnh thời-khi Dân phải dâng xôi thịt làm lễ tống mới yên.

### 9. Ông Cò

Hà-Nam danh-giá nhất ông Cò,  
Trông thấy, ai ai chẳng dám ho.  
Hai mái trống tung, đành chịu dột ;  
Tâm giờ chuông đánh<sup>1</sup>, phải nắm eo.  
Người quên mất thẻ, âu trời cãi ;  
Chó chạy ra đường, chủ phải lo.  
Ngơ-ngần đi xia, may vớ được.  
Chuyện này ắt hẳn kiểm ăn to.

**CHÚ-THÍCH :** 1. Chuông giờ-nghiêm.

## 10. Cô Tây đi tu

Tháo nhẫn ma-dê<sup>1</sup>, liệng xuống sông.  
 Thôi thôi tôi cũng mét-xi ông.  
 Âu dành chùa-dó, âu dành bụt;  
 Cũng chẳng con chi, cũng chẳng chồng.  
 Chờ thấy câu kinh mà mặc kệ;  
 Ai ngờ chữ sắc hóa ra không.  
 Tôi đây cũng muốn như cô nhi,  
 Nhưng nợ trần-gian giữ chưa xong.

CHÚ-THÍCH: 1. Nhẫn chồng tặng vợ. Do chữ Pháp : Marié.

11. Mồng hai Tết viềng cô Ký<sup>1</sup>

Cô Ký sao mà đã chết ngay?  
 Ô hay, Trời chẳng nè ông Tây<sup>2</sup>!  
 Gái tơ đi lấy làm hai họ<sup>3</sup>;  
 Năm mới vừa sang được một ngày.  
 Hàng họ khóc bỗng câu dối đỏ;  
 Ông chồng thương lấy chiếc xe tay.  
 Góm gan cho những cô con gái,  
 Còn rủ-rẽ nhau lấy các thầy!

CHÚ-THÍCH: 1. vợ một người làm chức ký-lục.— 2. ông ký mặc quần áo tây.— 3. Làm vợ lẽ người ta.

## 12. Tự-phụ

Trời đất sinh ra chán vạn nghề,  
 Làm thầy, làm thợ, với làm thuê.  
 Bác này mới thực thái vô-ích,  
 Sáng vác ô đi, tối vác về.

Quang-cảnh Trường thi Nam-Dinh trong kỳ thi Hương  
(*Revue Indochinoise*, tháng 10, 1894)



# NGUYỄN-KHẮC - HIẾU

(1889 — 1939)



TÂN-ĐÀ

Tiêu-sử : Nguyễn-Khắc-Hiệu hiếu là Tân-Đà ~~qu~~ ~~đã~~ sinh tại một làng ở trên bờ sông Đà, gần núi Tân-Viên, làng Khê-Thượng, thuộc huyện Bát-Bạt tỉnh Sơn-Tây. Ông thân-sinh là Nguyễn Danh Kế, đậu Cử-nhanh, làm quan đến chức Án-sát. Vì vậy ông được tập ấm, thường gọi là ấm Hiếu. Bà thân-sinh, vợ thứ ba ông Nguyễn-Danh-Kế (Bà Phù Ba) là một đào-nương có tài thơ văn. Sau khi ông thân-sinh mất, bà thân-sinh đã trở lại nghề cũ cùng với người em gái của ông. Đó là một nỗi đau-khổ sâu-xa theo đuổi ông trong suốt cuộc đời.

Còn có người anh Cả là Nguyễn-Tái-Tích, đậu Phó-bảng, làm quan ~~đến~~ chức Đốc-học. Trong lúc theo học ông anh này ở phố Hàng Nón, Hà-nội, ông có yêu một người con gái họ Đỗ ở Hàng Bồ. Sau khi thi Hương không đỗ, ông chán nản, đã toan bỏ cù-nghiệp. Nhưng vì muốn làm đẹp lòng gia-dinh Đỗ thị, ông lại tiếp-tục đèn sách để ứng thi. Ông thi lần cuối cùng khoa Nhâm-tí 1912 nhưng lại trượt. Ông cũng có thi vào trường Hậu bồ (trường Sĩ-hoạn) nhưng trượt vẫn-đáp. Thế là tan vỡ mộng khoa-cử và mộng tinh-duyên. Rồi sau viên Giám-Đốc trường Sĩ-hoạn là Vayrac vì nghe danh ông, nhận cho ông được nhập học, nhưng ông một mực từ-chối.

Sự-nghiệp văn-chương của ông bắt đầu với những bài thơ đăng trong Đông-Dương tạp-chí, Ông có làm chủ-bút tạp-chí Hữu-Thanh ~~tr~~ ~~ợc~~ nửa năm, rồi dịch Kinh Thi, sách Đại-học, viết bài cho các ~~nh~~ Đông-Pháp, Thần-Chung (Sài gòn). Ông lại chủ-trương tờ An-Nam tạp-chí từ năm 1926. Tạp chí này chết đi sống lại mấy lần, đến năm 1933 mới định bản hẳn. Ông còn dịch thơ Đường cho báo Ngày Nay, truyện Liêu-Trai cho nhà xuất-bản Tân-Dân, giữ mục thi-dàn ~~nh~~ Tiêu-thuyết tuần-san. Vì đời sống eo hẹp, ông phải xem cả số ~~nh~~ Lạc để mưu-sinh. Ông mất 1939 tại Hà-Nội, thọ 50 tuổi.

**Tác-phàm:** Ông tinh thường và sự phóng-khoảng, thường ở trong cảnh bần-bạch mà vẫn vui-vẻ và giữ được phàm-cách thanh-cao. Ông cũng có cái hoài-bão đem luận-thường của Nho-giáo mà chống lại với cái trào-lưu của thế-tục. Văn ông viết thuộc về nhiều thể... Trong các tác-phàm của ông, cảm-xúc người ta và có ảnh-hưởng đến độc-giả hơn cả là các bài thơ ca, vì ông có một tâm-hồn thi-sĩ. Thơ ông hoặc tả nỗi uất-ức về đường công-danh trắc-trở, thân-thể long-dong, hoặc mỉa-mại người đời một cách chua-cay, hoặc tả những cái vọng-tưởng ngông-cuồng, hoặc diễn những tình-tình mộc-mạc, có một cái giọng-diệu nhẹ-nhàng du-duong, một cái mồi buồn dịu-dàng man-máy...

(Đương-Quảng-Hàm)

Tác-phàm của ông gồm có:

- 1.— *Vận-văn:* Khối tinh con (3 quyển) — Tân-Đà vận-văn.
- 2.— *Tiêu-Thuyết:* Giác mộng con (2 quyển) — Giác mộng lớn — Thần tiên — Thủ non nước — Trần-ai tri-kỷ.
- 3.— *Luận-thuyết:* Khối tinh (bản chính và bản phụ).
- 4.— *Giáo-khoa:* Lên sáu — Lên tám — Đài gương (trước là đài bà Tầu) — Quốc-sử huấn-mông.
- 5.— *Dịch-thuật:* Kinh Thi (thiên Quốc-Phong) — Đại-học — Đường thi — Liêu-Trai chí-dị.

**Các bài trích:** Thơ ca của Tân-Đà có thể tạm chia ra các loại sau này :

### I.— *Tự-thuật:*

- A) Quan-niệm nhân-sinh.
- B) Tư-tưởng quốc-gia.
- C) Tình-thần lãng-mạn.

### II.— *Trào-phúng.*

### III.— *Thơ vịnh.*

### IV.— *Phong thi.*

### V.— *Thơ dịch.*

CÁC BÀI TRÍCH

## I. TỰ-THUẬT

## A. QUAN-NIỆM NHÂN-SINH

## 1. Đời đáng chán

Người đời thử ngâm mà hay,  
Trăm năm là ngắn, một ngày dài ghê!  
Còn ai, ai tỉnh ai mê?

## 4. Những ai thiên-cõi đi về những đâu?

Đời đáng chán, hay không đáng chán?  
Cát chén quỳnh <sup>1</sup>, riêng hỏi bạn tri-âm.  
Giá kbuynh-thành <sup>2</sup> nhất tiểu thiên kim <sup>3</sup>,

8. Mắt xanh trắng <sup>4</sup> đời nhảm bao khách tục?

江 河 日 下 人 皆 阑  
Giang hà nhật hạ nhân gai trọc,

天 地 境 中 有 情  
Thiên địa lô trung thực hữu tình <sup>5</sup>?

Đón đưa ai gió lá chim cành <sup>6</sup>!

## 12. Ấy nhân-thể phù-sinh là thể thể.

Khách phù-thể <sup>7</sup> chưa rút câu « phù-thể »,  
Người phong-lưu càng dượm vẻ phong-lưu.  
Bức khăn hồng nâng đỡ hạt châu,

## 16. Chuyện kim cõi một vài câu phải trái:

Châu Nam-Hải <sup>8</sup>, thuyền chìm sông Thúy-Ái <sup>9</sup>,  
Sóng Tiền-Đường <sup>10</sup>, cõi ấy bến Ô-Giang <sup>11</sup>!  
Ngâm nghìn xưa, ai tài-hoa, tiết-liệt, dài-trang,

## 20. Cùng một giấc mơ-màng trong vũ-trụ.

Đời đáng chán, biết thời là đủ,  
Sự chán đời xin nhủ lại tri-âm.  
Nên chẳng nghĩ lại kẽo nhầm.

**CHỦ-THÍCH :** 1. Quỳnh-túc là *quỳnh-trang* 玉 簪, một thứ ruyg  
agon, ruyg quý (quỳnh : một thứ ngọc đỗ rất đẹp ; trang : xuôc).— 2.  
*Khuynh thành* 倾 城 : sắc đẹp khiến người ta say mê đến nghiêng thành.—  
3. Nhứt tiếu thiên kim 美 于 金 : một cái cười đáng giá ngàn vàng.—  
4. Kinh-trọng hoặc khinh-bỉ. Do diên Nguyễn-Tịch đời Tấn, khi tiếp  
người đáng trọng, đáng ua thi mắt xanh ; khi tiếp người đáng khinh,  
đáng ghét thì mắt trắng (lòng trắng trợn ngược).— 5. Hai câu 9, 10 :  
Sông nước mỗi ngày một hạ xuống cho nên người ta đều đục (không  
được trong sạch) ; Trong lò trời dứt, ai là người hữu-tình ? Có  
người nói câu 10 là : « Thiên địa là chung-thực hữu-tình », nghĩa là :  
Lò trời đất *sung-dúc*, ai là kẻ có tình cảm ? (chung 鮮 : sung-dúc).—  
6. Chỉ sự đón tiếp khách của gái Hằng-lo. Do câu thơ của nàng Tiết-  
Đào đời Đường làm lúc còn nhỏ : « *Chì ughinh nam bắc diêu, diệp*  
*tống vắng lai phong* » (Cành đơn chèm ở Nam ở Bắc, lá đưa gió qua  
lại).— 7. Phù thế 孺 世 : đời người trót-nội, thay đổi không  
định.— 8. Lấy diên nàng My-Châu ở trong sử ta. Nàng My-Châu  
khi xưa là con vua nước Thục quá tin người chồng mà làm  
mất nước, bị vua chà chém chết ở bờ Nam. Trong-truyện  
rằng máu của nàng ấy trôi chảy xuống bờ, trai ăn vào thành ra ngọc,  
cho nên vùng bờ Nam có nhiều ngọc trai. Châu là ngọc trai. (Theo lời  
chú-thích của tác-giả).— 9. Lấy diên nàng Phan-thi-Thuần cũng ở trong  
sử ta. Chồng nàng là Ngò-Cảnh-Hoàn chết trận ở sông Thúy-Ái, rồi  
nàng ngồi thuyền ra đầm minh ở khúc sông để chết theo chồng. (Theo  
lời chú-thích của tác-giả).— 10. Lấy diên nàng Tây-Thi trong sử Tàu.  
Tây-Thi khi xưa có nhan-sắc tuyệt-trâm, sinh ra ở đất Việt, vua Việt  
lợi-dụng để đem sang cống Ngò, làm cho vua Ngò vì sự yêu-quý nàng  
mà rời mất nước. Sau vua Việt đã đánh được nước Ngò, lại bắt Tây-  
Thi bỏ vào một cái túi, vớt xuống sông Tiền-Đường. (Theo lời chú-  
thích của tác-giả).— 11. Lấy diên nàng Ngu-Cơ cũng ở trong sách Tàu.  
Ngu-Cơ là một mỹ-nhân rất yêu-quý của Hạng-vương. Hạng-vương  
bại-trận. Ngu-Cơ tự-vẫn chết, chôn ở bến Ô-giang. Vùng đó nhàn-thé  
mà mọc ra một thứ cỏ thơm rất nhiều, người ta gọi là « Ngu mỹ-  
nhân ». (Theo lời chú-thích của tác-giả).

## 2. Cảnh bèo

Bèn-bồng mặt nước chan mây,

Đêm đêm sương tuyết, ngày ngày nắng mưa.

Áy ai bến đợi sông chờ,

4. Tình kia sao khéo lúng-lò với duyên.

## 生 来 植 得 情 根 气

*Sinh lai chủng đặc tình căn thiền,<sup>1</sup>*

Sự trăm năm hò-hẹn với ai chi?

Bước giang-hồ uay ở lại mai đi.

8. Những lý hợp, hợp lý mà chán nản!

## 未 必 人 生 皆 白 木

*Vì tất nhân tình giải bạch thủy,*

## 是 将 心 事 付 泣 滴

*Nhẫn tương tâm sự phó han uyên<sup>2</sup>,*

Đầu xanh kia trời-nội đã bao miền?

12. Thời trước lạ sau quen, dừng ái-ngại.

Khắp nhân-thế là nơi khờ-hài,

Kiếp phù-sinh nghĩ lại cũng như ai,

Ai ơi, vót lối kéo hoài.

**CHÚ-THÍCH :** 1. Từ lúc sinh ra đời, đã trồng được cái rễ tình-nồng-nàn.— 2. Hai câu 9, 10 : Chưa hẳn tình con người đều là mèo trắng : vào nõi tim-sự giờ nơi vực sâu lạnh-lùng.

## 3. Hỏi gió

Cát đâu ai bốc tung trời?

Sóng sông ai vỗ? Cây đồi ai rung?

Phải rằng : dù gió<sup>1</sup> hay không?

4. Phong-tình đem thời lạ-lùng trêu ai?

## 快 我 風 也

*Khoái tai phong dã!*<sup>1</sup>

Giống vỗ-tình cây đá cũng mà-toi.

Gặp gió đây hỏi một đời lời,

5. Ta hỏi gió quen ai mà phảng-phất?

此 是 沈 江 非 赤 壁  
*Thứ-thị Đà-giang phi Xích-bich,*  
 也 無 齊 烈 兵 郎  
*Đã vắng Gia-Cát dù Chu-lang* <sup>3</sup>!  
 Ai cầu phong <sup>4</sup>? Mùa gió tự đâu sang?

12. Hay mải khách vãn-chương tìm kết bạn?  
 Gió hối gió, phong-trần ta đã chán;  
 Cảnh chim bồng chín vạn <sup>5</sup> những chờ mong.  
 Nên chẳng gió cũng chiều lòng.

**CHÚ-THÍCH :** 1. Dì gió: Lấy chữ phong-dì 风底 của Tàu.— 2. Sông Xích-  
 Giang có gió thổi.— 3. Hai câu 9, 10 : Đây là sông Đà, không phải sông  
 Xích-Bích; không có ông Gia-Cát và ông Chu-Du ở đây. Sông Xích-  
 Bích ở tỉnh Hồ-Bắc bên Tàu. Năm 208 Tào-Tháo đuổi đánh Lưu-Bị ở  
 kè Giang-Lóng. Lưu-Bị cần cứu Tôn-Quyền. Tướng của Tôn-Quyền là  
 Chu-Du đứng kế cửa Gia-Cát-Lượng tức Khổng-Minh, quân-sư của Lưu-  
 Bị, đội binh thuyền của Tào-Tháo, khiến quân Tào thua to ở sông Xích-  
 Bích.— 4. Cầu phong 求風: cầu gió. Gia-Cát lập đèn cầu gió Đông-  
 Nam để thí-binh mạo hỏa-công nổi trên.— 5. Lấy điện ở trong sách  
 Trung-tử: chim bồng là thứ chim rất lớn, cánh nó xòe ra như đám  
 mây rợp trời, vậy phải chờ con gió từ mặt đất thổi lên cao chim rụp  
 thêm mới bay được.

#### 4. Lại say

Say-sưa nghĩ cũng hư đói,  
 Hư thời như vậy, say thời cứ say,  
 Đất say đất cũng lăn quay,

4. Trời say mặt cũng đỏ gay, ai cười?  
 Say chẳng biết phen này là mấy!  
 Nhìn non xanh chẳng thấy, lại là say?  
 Quái! Say sao? Say mải thế này,  
 Say suốt cả đêm ngày như bất tỉnh!

是 言 情 湯 真 無 益  
*Thé ngôn túy túu chán vô ích;*  
 五 欲 滋 味 且 自 由  
*Ngũ dục tiêu sầu thả tự-do.<sup>4</sup>*  
 Việc trần-ai, ai tĩnh ai lo,  
 12. Say tùy-lúy, nhở to đều bất kè:  
 Trời đất nhỉ ! Cái say là s.óng thế !  
 Vợ khuyên chồng, ai dễ dã chưa ngay ?  
 Muốn say lại cứ mà say.

CHỦ-THÍCH : 1. Hai câu 9, 10 : Vợ nói say rượu thực vô-ích ; bà muốn tiêu sầu, ca tự-do.

### 5. Nhớ mộng

Gốc mộng mười năm đã tĩnh rồi,  
 Tịnh rồi, lại muốn mộng mà chơi.  
 Nghĩ đời lăm nỗi không bằng mộng.  
 Tiếc mộng bao nhiêu lại ngán đời.  
 Những lúc canh gà ba cốc rượu,  
 Vài khi cảnh diệp <sup>4</sup> bốn phương trời  
 Tim đâu cho thấy người trong mộng,  
 Mộng cũ mê đường biết hỏi ai ?

CHỦ-THÍCH : 1. Cảnh-diệp <sup>4</sup> từ thư. Cũng có thể hiểu cảnh-diệp  
 là cảnh con bướm/bướm. Ngày xưa Trang-Chu năm mươi thấy hóa  
 làm con bướm/bướm.

### 6. Năm hết hữu-cảm <sup>4</sup>

Đời người lo mãi biết bao thời ?  
 Mái tóc xanh xanh trắng hết rồi !  
 Sự-nghiệp nghìn thu xa vứt mắt,  
 Tài-linh một gánh nặng hai vai.

Hợp-lan, tri-kỷ người trong mộng ;  
 Rộng hẹp, dung-thân đất với trời.  
 Sương phủ cành mai, năm giục hết,  
 Ngày xuân con én lại đưa thoi.

**CHÚ-THÍCH:** 1. *Hữu-cảm* 有感 : có sự xúc-động.

### 7. Muốn làm thắng Cuội

Đêm thu buồn lầm, chị Hằng ơi !  
 Trần-thể em nay chán nửa rồi.  
 Cung quế<sup>1</sup> đã ai ngồi đó chưa ?  
 Cành da xin chị nhắc lên chơi.  
 Có bần có bạn, can chi tủi ;  
 Cùng gió, cùng mây, thế mới vui.  
 Rồi cứ mỗi năm rằm tháng tám,  
 Tụa nhau trong xuống thế-gian cười.

**CHÚ-THÍCH:** 1. *Cung quế* : cung trăng, do chữ quế sang 月字, Từ  
 trên cung trăng có cây quế đó.

### 8. TƯ-TƯỞNG QUỐC-GIA

#### 1. Vịnh bức dư-dờ rách

Nó bức dư-dờ thử đứng coi,  
 Sông sông núi núi khéo bia eudi,  
 Biết bao lúc mới công vòn-vẽ,  
 Sao đến bây giờ rách tả-tơi ?  
 Ấy trước ông cha mua đè lại,  
 Mà sau con cháu lấy làm chơi !  
 Thời thời có trách chi đàn trẻ,  
 Thời dễ rồi ta sẽ liệu bời.

### 2. Sơ thu hoài-cảm

Lạnh-lùng trường gấm báo tin thâu,  
 Trở dậy canh khuya khách tựa lầu.  
 Ấy vẫn Nam-Nam cùng Bắc-Bắc,  
 Hay là Á-Á với Âu-Âu?  
 Cho hay phong-hội <sup>4</sup> Âu là thế,  
 Mà cái văn-minh nó ở đâu?  
 Sơn-hải <sup>5</sup> bối ái, người ước-thetty  
 Gió hiu, trăng lạnh, tiếng ve sầu!

**TIÊU DÂM :** Bài này tác-giả làm khi chủ-trương tờ An-Nam tạp-chí  
 và du-điển Hằng-Lặng-Hà-Nội.

**CHÚ-THÍCH :** 1. *Sơ thu hoài cảm* 秋懷感 : sự nhớ thương, xót-  
 thương lúc đầu thu.— 2. *Phong-hội* 風會 : lúc thời thế xoay-vặn (phong :  
 gió ; hội : lúc).— 3. *Sơn-hải* 山海 : núi bè, chỉ non thè biển. Do chữ  
 "sơn-hải minh son" 壯麗山 (chỉ hiền mà thè, chỉ non mà hẹn).

### 3. Hù-nho lo mùa đông

Lo đời chưa dã lại lo dòng,  
 Lo mãi cho mình hủ chẳng xong.  
 Mặt nước khói tan chim via cá,  
 Đầu non sương phủ dạn thận tùng.  
 Trăm năm cuộc thế còn man-máu,  
 Bốn bề thương ai luống lạnh-lùng.  
 Ngày ngắn đêm dài, đêm lại sáng.  
 Đêm qua ai có bạc đầu <sup>6</sup> không?

**TIÊU DÂM :** Bài này tác-giả làm khi chủ-trương An-Nam tạp-chí ở  
 Nam-Định.

**CHÚ-THÍCH :** 1. *Lo nghĩ quá*. Do điền Ngũ-Tử-Tu, người thời Đông-  
 Du, vì lo nghĩ một đêm mà đầu bạc.

#### 4. Mắng con cuốc tiếc xuân

Ai khuyên con cuốc nó đừng kêu,  
 Xuân đã qua rồi, cứ gọi theo.  
 Sao cứ lo-co trong buổi râm,  
 Lại còn eo-đe với trời cao !  
 Cỏ non, nước lục chờ, mì mài ;  
 Liễu yếu, đào tơ, chán kẽ yêu.  
 Đen-dâu chẳng nên năn-ní phèo,  
 Mặc con mây sớm, hặt mưa chiểu.

**TIÊU-DÂN :** Bài thơ này làm sau khi Đông-Kinh nghĩa-thục bị đóng cửa được dăm năm (1911). Tác-giả ngụ ý trách quốc-dân bùi-tiếc-thở vinh-quang cũ của lịch-sử, nhưng chỉ sợ-sật, thở-than.

#### C. TÌNH-THẦN LÃNG-MẠN

##### 1. Gió thu

Trận gió thu-phong rụng lá vàng,  
 Lá rơi hàng xóm, lá bay sang.  
 Vàng bay mấy lá nắm già nửa,  
 Hờ-hững ai xui thiếp phụ chàng.  
 Trận gió thu-phong rụng lá hồng,  
 Lá bay tường bắc, lá sang đông.  
 Hồng bay mấy lá nắm hõ hết,  
 Tho-thần kia ai vẫn đứng không.

##### 2. Thủ non-nước<sup>1</sup>

Nước non nặng một lời thủ,  
 Nước đi di mãi, không về cùng non.  
 Nhớ lời « nguyên nước, thủ non »,  
 Nước đi chưa lại, non còn đứng không!

Non cao những ngóng cung trông,  
Suối khô giòng lệ chờ mong tháng ngày.

Xương mai mệt nằm hao gầy,

8. Tóc mây một mái đã dày tuyết sương.

Trời tây ngả bóng tà-dương,

Càng phơi vẻ ngọc, nét vàng phôi-phà.

Non cao tuổi vẫn chưa già,

12. Non thời nhớ nước, nước mà quên non,

Dù cho sông cạn đá mòn,

Còn non, còn nước, hãy còn thề xưa.

Non cao đã biết hay chưa ?

16. Nước đi ra bè, lại mưa về nguồn.

Nước non hội-ngộ cùn luồn,

Bảo cho non chờ có buồn làm chi.

Nước kia dù hối cùn đi,

20. Ngàn dâu xanh tốt, non cũn cứ vui.

Nghìn năm giao-ước kết đôi,

Non non nước nước chưa nguôi lời thề.

**TIỀU-DÂN :** Bài này gồm những câu của tác-giả và nàng Văn-Anh @  
trên bức tranh son-thủy, trong cuốn truyện Thề Non-Nước của Tân-Đà.  
Nàng Văn-Anh, nhân-vật trong truyện là một đào-nương trí-kỹ của tác-giả.

### 3. Thiên-Thai tống-bljet<sup>1</sup>

Lá đào rơi-rắc lối Thiên-Thai,

Suối tiễn, oanh đưa, những ngâm-ngùi ↗

Nửa năm tiên-cảnh,

Một bước trần-ai,

4. Ước cũ, duyên thừa có thể thôi !

Bá mòn, rêu nhạt,

Nước chảy, huê trôi,

8. Cái hạc bay lên vút tận trời !

Trời đất từ đây xa cách mãi.

Cửa động,

Bầu non,

Đường lối cũ,

Nghìn năm thơ-thầu bông trăng chơi.

**TÌM-DẤN :** Bài này là một khúc ngâm trích trong vở chèo Thiên-Thai. Hai tiều-nữ ngâm khúc này khi đưa tiễn Lưu-Thần, Nguyễn-Triệu.

**CHÚ-THÍCH :** 1. *Thiên-Thai* tống-bié 天台送別 : đưa tiễn chúa Thiên-Thai. Thiên-Thai là một tên ngọn núi rất cao thuộc huyện Thiên-Thai, tỉnh Chiết-Giang bắc Tàu. Tương truyền, đời Hậu-Hán, nhân ngày ết Đoan-ngọ (mồng 5 tháng 5), Lưu-Thần và Nguyễn-Triệu đi hát thuộc cao vào động Thiên-Thai, gặp hai tiều-nữ. Hai người ở lại đó nầm nơ chờ trời về. Tới nhá thì đã tráy qua bảy đời rồi.

#### 4. Cảm thu tiễn thu

Từ vào thu đến nay :

Gió thu biu-hắt,

Sương thu lạnh,

Trăng thu bạch,

9. Khói thu xây thành.

Lá thu rơi rụng đầu ghênh,

Sóng thu đưa lá bao ngành biệt ly,

Nhạn về, én lại bay đi,

Đêm thi vượn hót, ngày thi ve ngâm.

10. Lá sen tàn-tạ trong đầm,

Nặng mang giọt lệ âm-thầm khóc hoa.

Sắc đâu nhuộm ố quan-hà,

Cỏ vàng, cây đỏ, bóng tà tà-dương.

Nào người cõi-lý<sup>1</sup>, tha-hương,

11. Cảm thu, ai có tư-lưỡng, hối ai ?

Nào những ai :

Bảy thước thân nam-tử,

Bốn bờ chí tang-bồng<sup>9</sup>,

Đường mây chưa bồng cánh bồng<sup>10</sup> ?

20. Tiêu-ma tuế-nghẹt, ngại-ngừng tu-mi<sup>11</sup> ?

Nào những ai

Sinh-trưởng nơi khuê-các,

Khuya sớm phận nữ-nhi,

Song the ngày tháng thoi dì,

25. Vương tơ ngắm nhẹn, nhở thi thương hoa ?

Nào những ai

Tha-phương khách-thò<sup>12</sup> ?

Hải-giác thiên-nha<sup>13</sup> ?

Ruột tằm héo, tóc sương pha,

30. Gốc phàn<sup>14</sup> tranh tưởng quê nhà đòi con ?

Nào những ai

Cù-lao<sup>15</sup> bão đức,

Sinh-dưỡng đèn ơn,

Kinh sương<sup>16</sup> nghĩ nỗi niềm đơn,

35. Giàu sang hất-nghĩa mà hơn nghèo hèn ?

Nào những ai :

Tóc xanh mây cuốn,

Má đỏ hoa ghen,

Làng chơi duyên đã hết duyên,

40. Khúc sông trắng giải con thuyền chơi-voi<sup>17</sup> ?

Nào những ai

Dọc ngang trời rộng,

Vẩy-vùng bể khơi,

Đội giời đạp đất ở đời,

45. Sa cơ, thất thế, quê người chiếc thân

Nào những ai

Ké vàng<sup>18</sup> tinh mộng,

Tóc bạc thương thân.

Vèo trống lá rụng đầy sân,

50. Công-danh phù-thế<sup>19</sup> có ngắn ấy thoi ?

Thời nghĩ cho :  
 Thủ tự trời,  
 Cảm tự người.  
 Người đời ai cảm ? ta không biết !

**55. Ta cảm thay ai viết nay lời.**

Thời thời :  
 Cùng thu tạm-biéte.  
 Thủ hãy tạm lui,  
 Chỉ để khách đà-tinh đà-cảm,

**60. Một mình thay cảm những ai ai !**

**TIÊU-DÂN :** Bài này làm tháng chín, năm Canh-Thân (1920).

**CHÚ-THÍCH :** 1. *Cố-lý* 故里 : làng cũ. Cũng như cố-hương.— 2. *Chi-tang-bồng* 桑蓬 : xem chú-thích số 1, bài « Bi thi tự-vịnh » của Nguyễn-Công-Trí (trang 20).— 3. *Cánh hồng* 红翅 : cánh chim hồng, một loài chim lớn khỏe, bay rất cao. Vì với bậc tài chí hơn người.— 4. *Tu-mi* 睫眉 : râu mày. Chỉ đàn ông.— 5. *Khách thô* 客土 : đất khách.— 6. *Hải giác*, *Hiên nha* 海角天涯 : góc bờ, chân trời.— 7. *Gốc phần* 分根 : tên một thứ cây. Sách Hán thư có câu : « Cao tò đảo phong phần du xã » ; Vua Hán Cao-đế làm lễ tế lại nền xã Phồn-du. Ngày nay người ta dùng hai chữ « phần du » như là hương lý.— 8. *Cù lao* 岛笏 : Siêng-năng, khéo-nhọc ; công ơn cha mẹ nuôi nấng con. Do chữ « chín chữ cù lao » trong thơ Lục-nga, Kinh-Tri.— 9. *超寄* : trôi qua mùa sương lạnh.— 10. Do chữ *hoàng lương* 黄粱. Giác mộng kê vàng là giấc mộng công-danh, phú quý. Xem chú-thích 1 bài « Vịnh nhân-sinh » của Nguyễn-Công-Trí (trang 33).— 11. *Phù-thể* 演體 : cuộc đời nỗi trỗi, ngắn-ngủi.

**5. Hầu Trời**

Đêm qua chẳng biết có hay không,  
 Chẳng phải hoảng-hốt, không mơ-mộng.  
 Thật hồn, thật phách, thật thán-thè,  
 4. Thật được lên tiên, sướng lị-lùng !

## NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

Nguyên lúc canh năm nằm một mình,  
Vắt chân dưới bóng ngọn đèn xanh,  
Nằm buồn ngồi dậy đun nước uống.

8. Uống xong ấm nước, nằm ngâm văn.

Choi văn ngâm chán, lại chơi trăng,  
Ra sân cùng bóng đi tung-tăng.

Tren trời bỗng thấy hai cò xuống,

12. Miệng cười müm-müm cùng nói rằng :

« Trời nghe hạ-giời ai ngâm-nga,

« Tiếng ngâm vang cả sông Ngân-hà,

« Làm Trời mất ngủ, Trời đương mắng.

16. « Có hay, lén đọc, Trời nghe qua ».

Ước mãi, bày giờ mới gặp tiên !

Người tiên nghe tiếng lại như quen.

Văn chương nào có hay cho lắm.

20. Trời đã sai gọi thời phái lên.

Theo hai cò Tiên lén đường mây,

Vù-vù không cánh mà như bay.

Cửa son đỏ chơi oai rực-rỡ !

24. Thiên-môn<sup>1</sup>, Bé-khuyết<sup>2</sup> như là dày ?

Vào trong thấy Trời, sụp xuống lạy,

Trời sai Tiên-nữ giặt lôi dậy.

Ghế hành như tuyết, vân như mây,

28. Truyền cho văn-sĩ ngồi chơi đây.

Tiên-dồng pha nước, uống vừa xong,

Bỗng thấy Chu-tiên<sup>3</sup> đến thật đông,

Chung quanh bày ghế ngồi la-liệt :

32. Tiên-bà, Tiên-cô, cùng Tiên-ông.

Chu-tiên ngồi quanh đã tĩnh-túc<sup>4</sup>,

Trời sai pha nước để nhấp giọng.

Truyền cho văn-sĩ đọc văn nghe.

36. « Dạ, bầm lạy Trời, con xin đọc ».

Đọc hết văn vần, sang văn suối,

Hết văn thuyết-lý, lại văn chơi.

Đương con đặc-ý đọc dã thích,

40. Chè trời nhấp giọng, càng tốt hoi !

Văn dài, hơi tốt ran cung mày,

Trời nghe, Trời cũng lấy làm hay.

Tâm như nở dạ, Cơ lè luỗi !

44. Hăng-nga <sup>6</sup>, Chúc-nữ <sup>7</sup> chau doi mày.

Song-Thành, Tiên-Ngọc <sup>8</sup> lắng tai đúng,

Đọc xong mỗi bài, cùng vỗ tay.

« Sắm con không dám man cùa Trời.

43. « Nhưng các văn con in cả rồi :

« Hai quyền Khối tình, văn thuyết-lý ;

« Hai Khối tình con là văn chơi ;

« Thân tiền, Giác mộng, văn tiền-thuyết :

52. « Đài gương, Lên sáu, văn vị đời ;

« Quyền Đàn-bà Tầu, lối văn dịch,

« Đến quyền Lên tám nay là mươi.

« Nhờ Trời văn con mà bán được.

56. « Chứa biết con in ra mấy mươi ! »

Văn đã giàu thay, lại lâm lối,

Trời nghe, Trời cũng bật buồn cười.

Chư-tiên ao-ước, tranh nhati dặn :

63 « Anh gánh thơ lên bán chợ trời ».

Trời lại phê cho : « Văn thật tuyệt ! »

« Văn trần được thế chắc có ít ?

« Nhờ văn chuốt dẹp như sao băng !

64. « Khi văn hùng-mạnh như mây chuyền !

« Èm như gió thoảng, tinh như sương !

« Èm như mưa sa, lạnh như tuyết !

« Chẳng hay văn-sĩ tên họ gì ?

63. « Người ở phương nào ? ta chưa biết ! »

- « Dạ, bầm lạy Trời, con xin thưa  
 « Con tên Khắc-Hiếu, họ là Nguyễn.  
 « Quê ở Á-châu về Địa-cầu,  
 72. « Sông Đà, nùi Tân nước Nain-Việt »  
 Nghe xong, Trời ngợ một lúc lâu,  
 Sai bảo Thiên-Tào <sup>9</sup> lấy sở xét.  
 Thiên-Tào tra sở xét vừa xong,  
 76. Đệ sở lên trình Thượng-Đế trong  
 « Bầm quả có tên Nguyễn-Khắc-Hiếu,  
 « Đày xuống hạ-giới về tội ngông ».  
 Trời rắng « Không phải là Trời đày,  
 80. « Trời định sai con một việc này  
 « Là việc thiên-lương <sup>10</sup> của nhân loại,  
 « Cho con xuống thuật cùng đời hay ».  
 — « Bầm Trời, cảnh con thật nghèo khó,  
 84. « Trần-gian thước đất cũng không có.  
 « Nhờ Trời năm xưa học ít nhiều,  
 « Võn-liêng còn một bụng vẫn đờ.  
 « Giấy người, mực người, thuê người in,  
 88. « Mướn cửa hàng người bán phường-phố.  
 « Văn chương hạ-giới rẻ như bèo !  
 « Kiếm được đồng lãi thực rất khó !  
 « Kiếm được có ít, tiêu phải nhiều.  
 92. « Làm mãi quanh năm chẳng đủ tiêu.  
 « Lo ăn, lo mặc, suốt ngày tháng,  
 « Học ngày một kém, tuổi ngày cao !  
 « Sức trong non yếu, ngoài chen rãp,  
 96. « Một cây che-chỗng bốn năm chiều.  
 « Trời lại sai con việc nặng quá,  
 « Biết làm có nỗi, mà dám theo ? »  
 — Rắng : « Con không nỗi, Trời cũng biết,  
 100. « Trời dẫu ngồi cao, Trời thấu hết.

« Cho con cùn về mà làm ăn,  
« Lòng thông chó ngai chi sướng tuyết.  
« Cố xong công việc của Trời sai,

104. « Trời sẽ cho con về Đế-khuyết ».

Vâng nhời Trời dậy, lạy xin ra,  
Trời sai Khiên-Nguru<sup>11</sup> đóng xe tiễn.  
Xe trời đã chục ngoài Thiên-môn;

108. Chư-tiên theo ra cùng tiễn-biéet.

Hai hàng lụy lụy giọt sương rơi!  
Tróng xuồng trần-gian vạn dặm khơi!  
Thiên-tiên ở lại, chich-tiên<sup>12</sup> xuống.

112. Theo đường không-khí về trần-ai.

Dêm khuya; khì thanh, sao thura vắng.  
Trăng tà đưa lối về non Đoài<sup>13</sup>.  
Non Đoài<sup>14</sup> đã từ quê trần-giói,

116. Tróng lên Chư-tiên không còn ai!

Tiếng gà sao-sác, tiếng người dậy.  
Giữa sân còn đứng riêng ngâm-ngùi.  
Một năm ba trăm sáu mươi đêm,

120. Sao được đêm đêm lên hầu Trời?

**CHÚ-THÍCH :** 1. *Thiên-môn* 天門 : cửa nhà trời.— 2. *Đế-khuyết* 帝閥 : cửa nhà vua (khuyết : lầu canh ở cửa cung).— 3. *Chư-tiên* 當仙 : các vị tiên.— 4. *Tinh* 星 : yến-lặng, nghiêm-chỉnh.— 5. *Tàu*, *Cơ* 機 : tên hai ngôi sao.— 6. *Hằng-Nga* 銀鶯 : tên tiên-nữ ở cung trăng. Tục truyền rằng Hằng-Nga là vợ Hậu-Nghệ ăn trộm được thuốc tiên của chồng trốn lên cung trăng làm tiên.— 7. *Chict-nǚ* 雉女 : tên một ngôi sao. (Chict-nǚ nghĩa là người con gái dệt cùi).— 8. *Tiều-Ngọc*, *Song-Thánh* 小玉雙成 : tên hai vị tiên.— 9. *Thiên-Tào* 天曹 : vị tiên trông coi việc sổ-sách ở Thiên-dinh (Thiên-dinh : chỗ Trời ở).— 10. *Thiên-lượng* 天量 : cái bằn tính tốt do Trời phú-bàm. Tân-Đà có luận về thiên-lượng (Thuyết Thiên-lượng).— 11. *Khiên-ngru* 斧牛 : tên một ngôi sao, thường gọi là Ngưu (Khiên-ngru nghĩa là giỗ trâu).— 12. *Chich-tiên* 鷦鷯 : tiên ở trên trời bị dày xuồng làm người.— 13. *Đoài* 電 : tên một què trong Bát-quái, chỉ phuông tây. Què tác-giả ở tinh Sơn-Tây, tục gọi là tinh Đoài (Sơn-Tây non Đoài).

### 6. Trời mắng

Tinh riêng trăm ngàn mươi ngò,  
 Ngồi buồn lấy giấy viết thơ hờn Trời.  
 Xem thư, Trời cũng *bực ch*<sup>1</sup> cười,  
 4. Cười cho hạ-giời có người oái-oăm !

#### 客 何 人 者

*Khách hà nhán giả ?*<sup>2</sup>

Có làm sao xuồng-xã dám đưa thơ !  
 Chốn Thiên-cung ai kén rẽ bao giờ ?  
 8. Chỉ những sự vẫn-vơ mà giấy mà ?

#### 城 女 华 代 陪 看 婚

*Chúc-nữ lão tùng gai tể già,*

#### 恆 城 不 破 花 夫 眼

*Hằng-nga bất nại bão phu miên.*<sup>3</sup>

Mở then mây quăng giả bức Đông-tiên<sup>4</sup>,  
 12. Mời khách hãy ngồi yên trong oái-tục.

Người đâu kiếp trước Đông-Phương-Sóc<sup>5</sup>,  
 Ăn trộm đào, quen học thói ngày xưa,  
 Trần-gian dày mãi không chừa !

**CHÚ THÍCH** 1. Văn quốc-ngữ riêng của Tân-Bà.— 2. Câu 5 : Khách là người nào thế ?— 3. Hai câu 9, 10 : Chúc-nữ đã sớm già cho theo chồng ; Hằng-Nga không chịu lấy chồng. Chồng của Chúc-nữ là Ngưu-lang (Khiên-ngưu, Ngưu).— 4. Hồng-tiên 𩫑 𩫑 tờ thư màu hồng.— 5. Đông-Phương-Sóc Người đời Hán, giỏi văn-học, thường dùng tài khôi-hài, hoạt-kè để can-gián vua. Tục truyền Đông-Phương-Sóc vì ăn trộm đào tiên nên phải dày xuống trần.

## II. TRÀO-PHÚNG

### 1. Thuật bút<sup>1</sup>

Mười mấy năm nay ngọn bút lóng,  
Xác-xơ chẳng hẹn chút hơi đồng.  
Bây giờ anh đòi lóng ra săt,  
Cách kiếm ăn đòi có nhọn không ?

**CHÚ THÍCH :** 1. *Thuật bút* 述筆 : bút tỏ về cây bút.

### 2. Tự trào

Vùng đất Sơn-Tây này mệt ông,  
Tuổi chửa bao nhiêu, văn rết hùng.  
Sông Đà, núi Tân ai hun-đúc ?  
Bút thánh, câu thần sớm vãi-vung.  
Chữ chữ, nôm nôm đà kém cạnh ;  
Khuyên khuyên, diêm diêm có hay không ?  
Bởi ông hay quá, ông không đồ,  
Không đồ, ông càng tốt bộ ngông.

**TIỀU-DÂN :** Bài này tác-giả làm sau khi hỏng thi Hương ở trường Nam-Định.

### 3. Sự nghèo

Người ta hơn tú cải phong-lưu,  
Tú cũng hơn ai cải sự nghèo.  
Cánh có núi sông cùng xóm ngõ ;  
Nhà không gạch ngói, chẳng gianh pheo;  
Văn-chương rẻ é, coi mà chán ;  
Trăng gió haim-mè, nghĩ cũng phèo.  
Kiếp trước nhờ sinh đời Hạ-Vũ<sup>1</sup>,  
Mưa vàng ba buổi, cháu xu tiêu.

**CHÚ THÍCH :** 1. *Hạ-Vũ* 夏禹 : Vua Vũ là vị vua đầu tiên của nhà Hạ Trung-Hoa lên ngôi năm 2205 trước Tây-Lịch, tục truyền đời vua Hạ-Vũ mưa ra vàng ba ngày.

#### 4. Đề « Khôi tình con » thứ nhất.

Chữ nghĩa Tây, Tàu trót dở-dang,  
Nôm-na phá nghiệp kiếm ăn xoàng.  
Nửa ngồi bút ngông : ba sinh lụy ;  
Một mồi tơ tâm, mấy đoạn vuong.  
Có kẹo, có càu là sách vở ;  
Chẳng lẽ, chẳng lỗi, cũng văn-chuơng.  
Còn non, còn nước, còn trăng gió,  
Còn có thơ ca bán phô-phường.

**CHÚ THÍCH :** 1 *Ba sinh* : ba đời, ba kiếp.

#### 5. Sự đời

Gió gió, mưa mưa đã chán phèo ;  
Sự đời nghe đến, lại buồn teo.  
Thối om sot phản, nhiều cỏ gánh ;  
Tanh ngắt hoi đồng, lấm cậu yêu !  
Quần lụa, dùi non, anh chiệc vồ ;  
Rừng xanh, cây quế, chú mường leo ;  
Phố-phường nghe có vui chặng ta ?  
Áo mũ, râu ria, mấy đám chèo.

#### 6. Thăm thằng bù-nhin

Lơ-láo kia ai đứng cạnh bờ,  
Trần-ai tri-kỷ đã ai chưa ?  
Ba thu mưa gió, người trơ mộc ;  
Bốn mặt giang sơn, áo phất cờ.  
Được việc thế thôi, cày chằng biế ;  
Khinh đời ra dáng, gọi không thua.  
Lâu nay thiên-hạ ván-minh cũ,  
Bắc mấy ngăn năm vẫn thế ư ?

### 7. Cái đòn cảng cùng người phu xe

Đời thế, anh ơi, thế cũng khoe !  
 Hết trò phu cảng, lại phu xe !  
 Văn-minh chừng mấy ki-lô-mét,  
 Tiễn-bộ như anh, nghĩ chán phè !

**TIÊU-DÂN :** Bài này ở sau một bài hài-văn đầu đề là « Cái đòn cảng với người phu xe. »

### 8. Cảm đẽ cuồng « Tờ chúc-thư »

Thật có hay là mắc tiếng oan ?  
 Kém năm trăm nữa đủ ba ngàn.  
 Hoi đồng đã sạch mồm quan lớn,  
 Mặt sắt còn bia miệng thế-gian.  
 Cũng bối thẳng dân ngu quá lợn,  
 Cho nên quân nó dê làm quan.  
 Đào mà đào được nén đào mãi,  
 Mềm cứng bây giờ đất Vĩnh-An ?

**CHÚ-THÍCH :** 1. « Tờ di-chúc » là một cuồng tiêu-thuyết của ông Ngô Tiếp đang trong An-Nam tạp-chí số 8. Cuồng này kể chuyện một ông Quan tham-nhũng ở Thái-Biah.

## III. THƠ VIỆT

### 1. Chiêu-Heang lấy chồng

Quả núi Tiêu-son <sup>1</sup> có nhở công,  
 Mã em bán nước để mua chồng.  
 Ấy ai khôn-khéo tài dan-diu,  
 Những chuyện huê-tinh, biết có không ?  
 Một gốc mận già <sup>2</sup> thời cũng phải,  
 Hai trăm năm lẻ, thế là xong;  
 Hồi thăm sư cụ chùa Chân-Giáo <sup>3</sup>,  
 Khách cưới nhà ai áo mũ đồng ?

**CHÚ THÍCH:** 1. Một quả núi ở phủ Từ-Sơn, tỉnh Bắc-Ninh, trên có chùa Tiêu-Sơn. Tục truyền rằng mẹ vua Lý-Công-Uân đi chơi chùa này, nằm mộng gặp thần rồng rồi thụ thai sinh ra vị vua sáng-lập nhà Lý.— 2. Món: tên chữ Hán là Lý 琦.— 3. Ngôi chùa ở Thăng-Long. Vua Lý Huệ-Tôn tới tu ở đó, sau khi đã truyền ngôi cho Lý Chiêu-Hoàng.

## 2. Thủ-Kiều hầu rượu Hồ-tôn-Hiến

Tiếng sấm ân-tinh bốn mặt ran,  
 Tướng-quân chi tiếc cánh hoa tàn.  
 Đồi hàng nước mắt, đồi lán sóng;  
 Nửa đám ma chồng, nửa tiệc quan.  
 Tông-đốc có thương người bạc phận,  
 Tiền-Đường chưa chắc mà hồng-nhan.  
 Tru-trơ nấm đất bờ sông nọ,  
 Hồn có xa nghe thấy tiếng đàn?

## IV. PHONG-THI

1. Suối tuôn róc-rách ngang đèo,  
 Gió thu bay lá, bóng chiều về tây.  
 Chung quanh những dã cung cây,  
 Biết người tri-kỷ đâu đây mà tìm?  
 Hồi thăm những cá cung chim,  
 Chim bay xa bóng, cá chìm mất tăm!  
 Bây giờ vắng mặt tri-âm,  
 Lấy ai là kẻ đồng-tâm với mình?  
 Nước non vắng khách hữu-tinh,  
 Non xanh nước biếc cho mình nhớ ai?

2. Ai xui em lấy học-trò,  
 Thấy nghiên, thấy bút, những lo mà gầy.  
 Người ta đi lấy ông tay,  
 Có tiền có bạc cho thầy me siêu

3. Trời mưa sắn ống cao quần,  
Hồi cò bán thuốc nhà gần hay xa ?  
Thân anh đã xác như vờ,  
Đồng cân xin chị cho già chờ non.

4. Đêm qua mất cắp như chơi.  
Cô chồm mất vợ, có nơi mất chồng !  
Ông tơ nghĩ chẳng thiện-thùng,  
Còn đương chấp nối tơ hồng se ai !

**CHÚ THÍCH :** 1. Thuốc phiện cần bằng cân tiêu-lí.

#### V. THƠ DỊCH

##### 黃 鶴 樓

##### Hoàng-hạc lầu<sup>1</sup>

昔 人 已 来 黃 鶴 去  
*Tích nhân dĩ thừa hoang hạc khứ,*

此 地 空 留 黃 鶴 樓  
*Thứ địa không dư Hoang-hạc lâu.*

黃 鶴 一 去 不 復 返  
*Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản.*

白 雲 千 萬 空 悠 悠

4. Bạch vân thiên tai không du-di.

晴 川 鹽 鹿 漢 陽 楊

*Tinh xuyễn lich-lịch Hán-Duong thụ,*

芳 草 茫 茫 鷺 翳 洲

*Phuong thảo thê-thê Anh-Vũ châu.*

日 暮 斯 間 何 處 是

*Nhật mờ hương quan hà xú thị ?*

烟 波 江 上 使 人 慮

5. Yên ba giang thương sử nhân săn.

THÔI-HIỆU (một thi-sĩ đời Đường)

Dịch nghĩa :

### Lầu Hoàng-hạc

- Người xưa đã cưỡi chim hạc vàng bay đi.  
 Ở đất này, chỉ còn lại lầu Hoàng-hạc (Hạc vàng).  
 Hạc vàng một đi không trở lại,  
 4. Đám mây trắng vẫn bay dẵng-dặc muôn đời,  
 Hàng cây dãy Hán-Dương rực-rỡ bên giòng sông  
     tạnh,  
 Cỏ thơm mọc tui-tối trên bãi Anh-Vũ.  
 Lúc trời chiều : quê nhà ở nơi đâu ?  
 8. Khói và sóng trên sông khiến cho người buồn-bã.

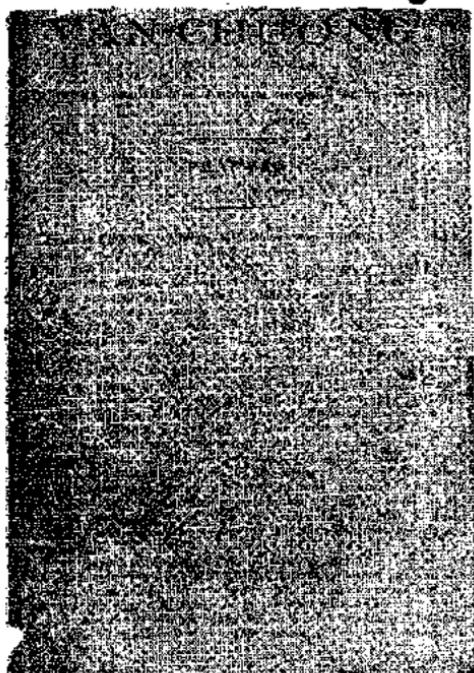
Tản-Đà dịch thơ :

### Lầu Hoàng-hạc <sup>1</sup>

- Hạc vàng ai cưỡi đi đâu ?  
 Mà đây Hoàng-hạc riêng lầu còn trơ !  
 Hạc vàng đi mất từ xưa,  
 4. Nghìn năm mây trắng bay giờ còn bay,  
 Hán-Dương <sup>2</sup> sông tạnh, cây bảy,  
 Bãi xa Anh-Vũ <sup>3</sup> xanh dày cỏ non,  
 Quê-hương khuất bóng hoàng-bon,  
 8. Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai ?

CHÚ-THÍCH : 1. Lầu Hoàng-hạc tại huyện Vũ-Xương, tỉnh Hồ-Bắc.— 2. Huyện Hán-Dương thuộc tỉnh Hồ-Bắc.— 3. Bãi Anh-Vũ ở sông Trường-giang, phía tây-nam huyện Vũ-Xương.

# NHÓM ĐÔNG-DƯƠNG TẠP CHÍ



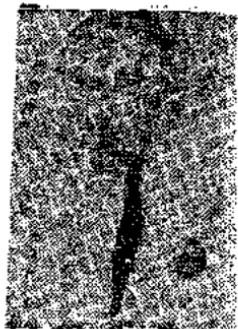
Trang đầu phasc Vua-Chuong  
trong BDTG bộ mới, số 1  
kho : 15cm X 25cm

Bối-cảnh lịch-sử.—  
Đó rằng người Pháp đã đặt xong cuộc đô-bộ trên toàn cõi Việt-Nam, các sĩ-phu ta vẫn luôn cố-gắng bằng mọi cách giành lại quyền tự-chủ. Sau khi Phong-trào Cần-vương và các cuộc khởi-nghĩa của Văn-thân bị đàn-áp, các sĩ-phu bèn chuyển-hướng hoạt-dộng : một mặt phái học-sinh xuất-duong du-học và nhờ sự trợ-hỗ của ngoại-quốc (nhất là của Nhật-Bản sau cuộc thắng Nga năm 1905), một mặt khác ở trong nước, đòi người Pháp phải thực-hiện những cuộc cải-cách để mở-mang dân-trí, khuếch-trương thực-nghiệp và nói rộng dân-quyền. Đó là Phong-trào Duy-Tân với hai lãnh-tụ cự-phách là Phan-Bội-Châu và Phan-Chu

Trinh. Cũng trong phạm-vi hoạt-dộng ấy, trường Đông-Kinh Nghia-thục thành-lập (1907), nhưng được 9 tháng thì bị đóng cửa, vì người Pháp nhận thấy rõ mục-dịch chính-trị của tổ-chức này. Tuy nhiên, các cuộc tranh-dấu vẫn tiếp-tục với những hình-thức khác hoặc bạo-dộng như vụ Hà-thành đầu-độc do Hoàng-Hoa-Thám chủ-mưu (1908), hoặc ôn-hòa như cuộc biểu-tình xin bài-thuế của dân-chúng Quảng-Nam (cũng năm 1908). Vì việc sau này, Trần-Quý-Cáp bị chém, Phan-Chu-Trinh bị đày ra Côn-Đảo (3 năm sau mới được tha). Năm 1913, Hoàng-Hoa-Thám bị ám-sát.



PHẠM-DUY-TỐN



TRẦN-TRỌNG-KIM

Các cuộc chống đối nói trên, người Pháp cho rằng có một phần nguyên-nhận thuộc về văn-hóa. Từ trước đến bây giờ, từ-tướng Âu-Tây chỉ truyền sang Việt-Nam qua những sách Tàu như của Khang-Hữu-Vi (1858-1927) và Lương-Khai-Siêu (1875-1929). Người Pháp nhận thấy cần phải phổ-biến một cách trực tiếp học-thuật của họ cho những người bị trị để gây thiện-cảm hẫu xoa-dịu những sự bất-bình, phản-khích như đã tiếng xảy ra. Nhằm mục-dịch ấy, Chính-phủ Bảo-hộ ban-hành đạo dụ năm 1906 sửa đổi phép học, phép thi. Trong khoa thi hương, ngoài các môn chữ-nho, còn có thêm các môn khác như cách-trí, sử-ký, địa-dư, toán-pháp dạy bằng chữ-quốc-ngữ và một ít chữ Pháp. Tiếp theo công việc trên, sự thành-lập một cơ-quan phổ-biến văn-hóa Thái-Tây là một việc cần-thiết. Do đó Đông-Dương tạp-chí ra đời.

**Sự thành-lập và mục-dịch.**  
Đông-Dương tạp-chí là ấn-bản đặc-biệt của tờ Lục-Tỉnh Tin-văn cho Bắc-Kỳ và Trung-Kỳ. Đó là tờ tuần-san ra ngày thứ năm, chủ-nhân là F.H. Schneider. Số đầu tiên ra mắt độc-giả vào ngày thứ năm, 15-5-1913.

Mục-dịch của Đông-Dương tạp-chí là « *item các thuật, hay nghệ mới* *hai-Tây mà dạy phổ-biến cho người An-Nam* ». (Lời chử-nhân). Trong số có đăng tin về việc trái pháo ném vào nhà hàng Hà-nội Hotel làm chết hai uan-tu là Montgrand và Chapuis ngày 26-4-1913. Ngay cạnh tin đó, trong mục « Phương-trâm », bài nhan-dề là « Gốc-loạn » dưới đề tên N.T. người ta đọc thấy giọng-diệu thương-cảm đối với những người ân-nhận » tú-nạn, và lời lẽ phản-nhẹ đối với hành-dụng « phá rối » của « bọn nguy-nhơ Phan-bội-Châu » (!). Xem thế, mục-dịch chính-trí của tạp-chí này cũng rất rõ-rệt kèm theo mục-dịch văn-hóa nói trên.

Nội-dung Đông-Dương Tạp-chí gồm có các mục : Tin-tức, Phương-trâm (quan-diểm), Công-luận, Triết-học, Văn-học, Sư-pham, Vật-sinh, Phụ-nữ, Tiểu-thuyết. Trong ban-biên-tập, ngoài Nguyễn-Vinh là người

viết nhiều mục phái, ta thấy về phái tân-học có Phạm-Quỳnh, Phạm-Duy-Tốn, Trần-Trọng-Kim, Nguyễn-Văn-Tổ và về phái cựu-học có Phan-kế-Binh, Nguyễn-Đỗ-Mục. Nhưng trong các nhà văn kẽ trên chỉ có 3 người viết đều-dẫn từ đầu đến cuối cho Đông-Dương tạp-chí là: Nguyễn-Văn-Vịnh, Phan-Kế-Binh, Nguyễn-Đỗ-Mục. Vậy khi nói nhóm Đông-Dương tạp-chí, chúng ta chỉ kẽ đến 3 nhà văn này.



NGUYỄN.VĂN.TỔ



NGUYỄN-ĐỖ-MỤC

**Thành-tích.**— Giai-mục đích chính-tri ra ngoài, Đông-Dương tạp-chí trong khoảng 5 năm (từ 1913 đến 1918) đã đạt được những thành-tích đáng ghi về mặt văn-hóa. Trước Đông-Dương tạp-chí, các báo trước Lực-Tỉnh Tân-văn<sup>1</sup>, chỉ là những tờ thông-tin và đăng thông-cáo hoặc chí-thị của chính-quyền, lời văn bầy còn thô-sơ, chất-phác. Đến Đông-Dương tạp-chí, chúng ta mới có một tờ báo chú-trọng về đường-tư-tưởng, lời văn, đã chất-chuốt có khí điêu-luyện. Tuy so-sánh với Nam-Phong tạp-chí, thì tờ tạp-chí này mới chỉ có tính-cách phổ-thông, nhưng nó đã đánh dấu một bước tiến quan-trọng trong quá-trình báo chí nước-nhà.

Thành-tích của Đông-Dương tạp-chí thấy ở 3 điểm sau này:

1.) **Phò-biển tư-tưởng Âu-Tây.**— Đó là mục-dịch chính của Đ.D.T.C. mà chủ-nhân (Schneider) đã nêu rõ trong số báo đầu tiên. Các nhà văn phái mới trong Đ.D.T.C. và nhất là Nguyễn-Văn-Vịnh đã có công trình-bày cho dân ta thấy rõ những điều sô-trường của Tây-phương, khiến cho tư-tưởng và học-thuật của Thái-Tây dần dần trở nên quen thuộc đối với người Việt-Nam, từ xưa chỉ biết có văn-hóa Trung-Hoa. Công lớn nhất trong việc này về Nguyễn-Văn-Vịnh với các bài dịch thơ ngụ-

1. Các báo trước ĐDTС: *Gia-Định báo* (1865), *Nông-Cô Mìn Đàm* (1900), *Nhật báo tinh* (1905), *Đại-Việt tân-báo*, *Đảng-Cô tùng báo* (1907), *Lực-tinh tân-văn* (1910).

ngôn, kịch và tiểu-thuyết của ông. Ngoài ra, Phạm-Quỳnh với các bài khảo luận, dịch-thuật về văn-học, triết-học ; Trần-Trọng-Kim với các bài nghiên-cứu về khoa-sư-pham.., cũng làm cho tờ báo tăng phần giá-trị. Ta lại còn phải kể đến Phạm-Duy-Tốn, một nhà tiền-phong của lối tiểu-thuyết tâ-chân, lối văn mới chịu ảnh-hưởng của Tây-phương.

2.) Phát-triển tinh-học cổ-học Trung-Hoa và Việt-Nam.— Tuy rằng mục-dịch của Đ.D.T.C. theo lối chủ-nhân, chỉ đề-cập tới văn-hóa Thái-Tây, nhưng ta thấy về sau phần nghiên-cứu về cổ học đã dần dần chiếm một địa-vị quan-trọng trong tạp-chí này. Điều đó không có gì lạ, vì hầu hết các nhà văn trong ban biên-tập của Đ.D.T.C. kể cả những người thuộc phái mới cũng đều có khuynh-hướng tồn-cố ; hơn nữa, các nhà văn thuộc phái cũ của tạp-chí này cũng tỏ ra rất xứng-đáng trong nhiệm-vụ phát-huy tinh-thần cổ-học (Phan-Kế-Bính, Nguyễn-Đỗ-Mục). Nếu Nguyễn-Văn-Vinh đã nổi tiếng về các bản dịch Pháp-văn, thì Phan-Kế-Bính và Nguyễn-Đỗ-Mục đã thành-công rực-rỡ trong việc dịch các sách Hán-văn. Có thể nói là trong địa-hạt dịch Hán-văn ra Việt-văn về sau này vẫn chưa có ai vượt được hai ông với một lối dịch đặc-biệt, đặc-đáo. Công-trình nghiên-cứu cổ-học của hai ông tuy chưa được sâu-xa, nhưng kể cũng là có phương-pháp, nhờ đó những người tân-học có thể biết một cách khái-quát nền học cũ của Tàu và ta và sự liên-lạc giữa hai nền học này.

3.) Trau-dồi khả-năng tiếng Việt.— Trong bài « Văn - chương Việt-Nam » (Đ.D.T.C. số 8 — tháng 6, 1913), Nguyễn-Văn-Vinh viết : « Sư học quốc-ngữ là một sự bất-đắc bất-nhiều, là một việc sống chết của nước Nam ta ». Đồng quan-diểm ấy, các nhà văn trong Đ.D.T.C. đã cố gắng trau dồi cho tiếng Việt có đủ khả-năng diễn-tả được văn-chương, học-thuật Tây-Đông. Nếu trong các bài trước-tác, lối văn còn có chỗ thô-so, rô-rạc, thì trong các bản dịch-văn, ai cũng phải nhận rằng lối văn đã chải-chuốt, điều-luyện, đạt được tới mức độ thuần-thục cần-thiết.

Tóm-lại, Đông-Dương tạp-chí đã đánh dấu một giai-cuộn trong lịch-sử báo-chí nước nhà. Đó là một tờ báo Việt-Nam đầu tiên xứng danh là tạp-chí, về nội-dung cũng như về hình-thức. Nhờ tạp-chí này, tiếng Việt có cơ-hội thi-thố khả-năng diễn-tả những cái mà trước đây người ta không tin có thể làm được. Dù vậy, với Đ.D.T.C việc phò-biến trường mồi ở trình-độ phổ-thông, phải đợi đến Nam-Phong tạp-chí, chúng ta mới có những bài nghiên-cứu sâu-xa, xứng-đáng.

## NGUYỄN-VĂN-VĨNH (1882-1936)



NGUYỄN-VĂN-VĨNH

Tiêu-sử : Nguyễn-Văn-Vĩnh  
hiệu là Tân-Nam-Tử 新男子, có  
biệt-nữa là Đào-thị-Loan, người  
làng Phượng-Vũ, phủ Thường-Tín  
tỉnh Hà-Đông.

Ông theo học trường Thông-  
Ngôn, (Collège des Interprètes), tốt-  
nghệp năm 1898 lúc 16 tuổi. Sau  
đấy ông được bổ làm thư-ký lán-  
lượt tòng-sư tại các tòa sứ các tỉnh  
Lao-Kay, Kiến-Án (khi ấy còn ở  
Hải-Phòng), Bắc-Ninh và tòa Đốc-  
lý Hà-Nội. Năm 1906, ông được  
cử sang Pháp dự cuộc đấu-xảo tại  
cille. Khi trở về, ông xin từ chức để ra doanh-nghiệp.

Thoát-tiện ông cùng với một người Pháp tên là Dufour lập một nhà  
nhà in này có tên-hành cuồn Kim-Vân-Kieu và bản dịch bộ Tam-  
chú-diễn-ngâia (chính trong bài tựa cuồn này, ông có viết : « Nhờ  
ta mai sau này hứa đã cũng ở chữ Quốc-ngữ »).

Từ năm 1907, ông bắt đầu bước vào địa-hạt hoạt-dộng báo-chí,  
làm chủ-bút tờ Đại-Nam đăng-cổ tùng-báo (với biệt-hiệu là Tân-  
Tử) (1907); chủ-trương tờ Notre Journal (1908-1909), tờ Notre  
le (1910), làm chủ-bút cho tờ Lục-tỉnh tân-văn & Sài-gòn (1910), tờ  
g. Dương tạp-chí tại Hà-Nội (1913) và tờ Trung-Bắc tân-văn (1915)  
ba tờ báo này đều do người Pháp là Schneider sáng lập). Năm 1919,  
làm chủ-nhiệm tờ Trung-Bắc tân-văn bắt đầu ra hàng ngày. Đó là tờ  
báo đầu tiên tại Bắc-Kỳ. Cũng năm này, ông đổi tờ Nam-học niêm-  
(1916) thành tờ Học-báo, là tờ tạp-chí giáo-khoa do ông điều-khiển  
với Ông Trần-Trọng-Kim).

Năm 1927, Ông khởi-xướng văn-de cải-cách chữ Quốc- Ngữ, lấy măy chữ thay vào năm đầu mà người ta vẫn gọi là chữ Quốc- Ngữ mới. Cũng năm ấy, ông cùng với hai người Pháp là Emile Vayrac và Robin lập một tùng-thư đặt tên là Âu-Tây tư-tưởng (La pensée de l'Occident). Các tác-phẩm ông dịch ở tiếng Pháp đều xuất-bản trong bộ tùng-thư này.

Năm 1931, ông làm chủ-nhiệm kiêm chủ-bút tờ báo chữ Pháp tên là Annam Nouveau.

Ông Nguyễn-Vân-Vinh cũng có hoạt-dộng về chính-trị. Năm 1907, ông là người Việt đầu tiên vào hội Nhân-Quyền. Cũng trong năm ấy, ông có phụ-trách môn Pháp-văn tại trường Đông-Kinh nghĩa-thục. Ông là hội-viên Hội-dồng thành-phố Hà-Nội trong măy khóa (từ năm 25 tuổi). Từ năm 1913, ông làm hội-viên Viện Tư-vấn Bắc-Kỳ (sau đổi làm Viện Dân-biểu), và có châm trong Đại-hội-nghị Đông-Pháp từ khi Hội-nghị này được thiết-lập. Năm 1932, ông lại được cử sang Pháp dự cuộc đấu-xảo tại Marseille (cùng với Khải-Định và Phạm-Quỳnh). Năm 1931, ông xướng ra thuyết « Trực-trí » chống lại chủ-trương quân-chủ-lập-hiện của Phạm Quỳnh.

Vì thất-bại trong việc hoạt-dộng báo-chí và mắc nợ nhiều, ông theo một người bạn Pháp là Clément sang Lào tìm vàng. Nhưng vì tuổi già lại mắc bệnh nặng, ông mất tại Lào ngày 2-5-1936.

**Tác-phẩm :** Nguyễn-Vân-Vinh là một nhà báo đã chủ-trương và biên-tập nhiều tờ báo có tiếng nhất đương-thời. Trong tờ Đông-Dương tạp-chí, ông phụ-trách nhiều mục nhất : mục Phuong-trâm (tức là Lập-trường) với hiệu là TNT, mục Nhồi-dàn-bà với hiệu là Đáo-Thị-Loan, mục xét-tật minh dưới đề là V. Ngoài ra ông còn viết nhiều bài nghị-luận về chính-trị, văn-học, và dịch nhiều thơ ngữ-ngôn, tiểu-thuyết và bài-kịch từ tiếng Pháp sang tiếng Việt.. Xét toàn-thể tác-phẩm của ông, người ta thấy rõ cái khuynh-hướng dense học-thuật và văn-chương của Thái-Tây nhất là của Pháp truyền-bá trong nhân-dân Việt-Nam đúng như mục-dịch của Đông-Dương tạp-chí. Về nền văn-hóa cũ, ông trình-bày các chế-độ, phong-tục xưa trong Niên-lịch thông-thư (nhưng không lựa chọn cái gì nên bỏ, cái gì nên giữ). Dụng cự để truyền-bá tư-tưởng cho người Việt là chữ Quốc- Ngữ; bởi vậy, ông cực-lực cỗ-dòng việc trau-giồi thứ chữ ấy, xem nó như có liên-hệ mật-thiết với tiền-đồ của quốc-gia, dân-tộc. Về phương-diện này ông đã thành công, không phải ở phần trước-tác mà ở phần dịch-

thuật. Trong phần trước-tác, các bài nghị-luận có những ý mòi-mẽ, các bài ký-sự có những đoạn dí-dỏm; nhưng nhiều chỗ lời văn còn chưa được thuần-nhã. Chỉ trong phần dịch-thuật mới thấy rõ tài-năng đặc-biệt của Ông. Tiêu-chuẩn của Ông là dịch cốt thoát ý « không nệ từng chữ từng câu ». Ông lại hay dùng các thành-ngữ và tục-ngữ của ta trong khi dịch văn Tây. Do đó, các bản dịch-văn của Ông khi đọc lên, người ta có cảm-tưởng như đọc những bài sáng-tác.

Tác-phẩm của Nguyễn-Văn-Vĩnh có thể chia làm 2 loại :

*A) Loại trước-tác :*

- 1.— Văn ký-sự : Hương-son hành-trình (ĐDTG số 41-45).
- 2.— Văn luận-thuyết : Nhời đàn-bà (ĐDTG từ số 5 trở đi), Xét-tật mình (ĐDTG từ số 6 trở đi), Phận-làm dân (ĐDTG từ số 48 trở đi), Chính-dỗn lại cách cai-trị dân-xã (ĐDTG từ số 61 trở đi)..

*B) Loại dịch-thuật :*

1.— Dịch Pháp-văn ra Việt-văn :

- a) Văn luận-thuyết : Luân-lý học (ĐDTG từ số 15 trở đi). Triết-học yếu-lực (ĐDTG từ số 28 trở đi).
- b) Thơ ngụ-ngôn : Thơ ngụ-ngôn của La Fontaine.
- c) Văn truyện-ký : Truyền-trê con của Perrault, Truyền-eác danh-nhân Hy-lạp và La-Mã của Plutarque, Sử-ký thanh-hoa (*Le parfum des humanités*) của Vayrac.
- d) Tiểu-thuyết : Truyền Gil-Blas de Santillane của Lesage, Qui-li-ve du-ký (*Les voyages de Gulliver*) của J. Swift, Tê-lê-mać phiêu-lưu-ký (*Les aventure de Télémaque*) của Fénelon, Truyền ba người ngự-lâm pháo-thủ (*Les trois mousquetaires*) của Alexandre Dumas, Mai-nương lè-cốt (*Manon Lescot*) của Abbé Prévost, Miếng da lừa (*La peau de chagrin*) của Honore de Balzac, Những kẻ khốn-nạn (*Les misérables*) của Victor Hugo (Riêng cuốn này không thuộc bì Áu-Tây tu-tuồng).
- e) Hài-kịch : Người bệnh-tuồng (*Le malade imaginaire*), Trưởng-giả-học làm sang (*Le bourgeois gentilhomme*).

Người biến-lận (*L'avare*), Giả đạo-đức (*Tartuffe*) của Molière,  
Tục-ca-lè (*Turcaret*) của Lesage.

2.— Dịch Việt-văn ra Pháp-văn :

Kim-Vân-Kieu tân diễn Pháp-văn (ĐDTC từ số 18 trở đi).

3.— Dịch Hán-văn sang Pháp-văn :

Tiền Xích-bích phú và Hậu Xích-bích phú của Tô Đêng-Pha  
(ĐDTC lôp mới : 36 66-68).

Các bài trích :

I.— *Loại trích-tác :*

A) Văn ký-sự.

B) Văn luận-thuyết.

II.— *Loại dịch-thuật :*

A) Thơ ngũ-ngón.

B) Tiểu-thuyết.

C) Hài-kịch.

CÁC BÀI TRÍCH

## I. LOẠI TRƯỚC-TÁC

## 4) VĂN KÝ-SỰ

1. Động Hương-Tích<sup>1</sup>

Khi ai nấy đã thở hết hơi trần rồi, vào lối<sup>2</sup> la-liệt trong ba bốn cái miếu ở đó, rồi lại đi, lại trèo lên núi, đường đi từ đấy mới lại càng dốc, càng khó-nhọc.

Trải qua mấy lần núi, rồi đến một cái hang to hốc cửa vào có rễ cây lồng-thòng xuống tựa như cái trán-song, cho nên người An-Nam ta tính hay dễ vi, gọi ngay là cửa Trần-Song. Hang thì trong như cái loa, cửa vào rộng mà trong hẹp dần lại. Đứng ở trước mà nhìn vào thì trông thấy hết.

Trước cửa có hai rẫy nhà trọ, có cơm, có gà luộc, cá rán kia đâu-dâu cũng thấy, nước trà, nước lă đắt-dỏi bán tới hai xu một chậu. Hết rẫy nhà hàng, có một cái công cũng chẳng có gì là lạ. Sau công có một mảng đá phẳng, dèo vào sườn hang, trên có khắc năm chữ « Nam thiên đệ nhất động »<sup>3</sup> của đức Minh-Mệnh dề. Ý hẳn khi ấy Ngài chưa ngự các núi cửa Lục<sup>4</sup> bao giờ, cho nên Hương-Sơn Ngài đã cho làm đệ-nhất thăng-cảnh. Cao nhất chỗ ấy, có núi Cà-Sa, là một cái thạch-nhũ lớn, hình như cái nấm. Còn ở trong thẳm, đường đi dốc xuống, thi nhin vào chỉ thấy hàng nghìn hàng vạn ngọn đèn, cây nến tò-mờ ở trong đám khói mù. Phía tay phải hang, có một cái rãnh tự-nhiên, ở ngay đó tất người ta lấy làm nơi đồ vứt những đồ xú-uế.

Xét ra cái hang rộng hốc ấy chẳng đẹp gì nhưng cũng lạ mắt. Nhìn vào cái lỗ sâu hoắm mà tối-tăm ấy, thấy hai bên sườn thì âm-uót, thạch-nhũ hình-dạng kỳ-khu, người đóng nhung-nhúc như kiến, mà trên chốc thì có những tầng đá lớn hình như sắp sụp lở, mà từ đất giở lên đến miệng trên cao ước trăm thước tây, thi tinh-thần dương như hơi hoảng-hốt ái-ngại.

Bè sâu, từ cửa Trần-Song tới nơi thẳm cùng trước được 300 thước tây. Chỗ bày thờ Phật thì cũng tựa như ở các chùa khác, mà lại có phần thiến sót vì hai bên không có Tháp-diện<sup>5</sup> La-hán<sup>6</sup>, chỉ thấy những bàn thờ tạp-nhập chẳng biết những thần chi chi. Mỗi khi mầu đá lồi ra lóm vào, là có một tên, có một thần riêng, kỳ nhất là chỗ núi Các-cậu, Các-cô, cũng là hai cái thạch-nhũ, đó chính là nơi Phật bày hàng những con gai con gái để cho dân-bà đi cầu tự đến mà chọn.

Hàng nghìn người dân-bà sô đầy nhau trên một cái thang tre cao-độ ba thước tây, để tranh lèn lấy trước mà cầu con. Số là ở trên thạch-nhũ có những chỗ đã sùi ra, tròn tròn tì với đầu trẻ-con thì giống khỉ xa-xa, ví thử cho là có thần tặc nên những tượng đầu trẻ ấy, thì hẳn là thần lò.

...Trong thẳm cùng, có một cái lỗ, người ta kể chuyện rằng ngày xưa, khi các bà sư còn thề bụng tu-hành, bấy giờ sư chưa biết hút a-phíện, sư chưa lấy vợ lẽ, chưa mở cửa hàng bán hương khói, buôn bùa-bèn như sư cụ chùa Hương ta ngày nay, thì phàm các sư tu ở Hương-Sơn cứ bùa bùa vô đố lấy thóc lấy gạo ra mà nấu cơm ăn.

Ở phía cửa hang, đầu kia cái rãnh, lại có một lỗ nữa, người ta bảo là lỗ vào đường lèn giới, nhưng ai muốn lèn tới giới, phải quyết lòng từ bỏ nhân-gian, một dạ lèn chốn Nál-bàn<sup>7</sup>. Muốn chui vào hang lèn giới, phải thấp nến mà đi, hễ thấy nến tắt thì phải lèn giờ về, đó là Phật đã bảo cho biết rằng còn nặng kiếp phiền-hoa.

Nghe đâu có một nhà kia lòng thành sùng-tín mà lại có can-dảm, đã đem nến và đồ ăn, đi vào trong hang suốt hai ngày, thấy lương-thực đã hết quá nửa mà chưa đến giới, lại phải trở về địa-giới, từ ấy nghe như lại càng thấy kiếp người có vị mặn mà cũng chẳng nên vội-vàng từ bỏ.

*Hương-Sơn hành-trình  
(B.D.T.C. số 44, 19-3-1914)*

**CHÚ THÍCH :** 1. Động Hương-Tích ở núi Hương-Sơn, thuộc huyện Mỹ-Dức tỉnh Hà-Đông.— 2. Lời : lè (tiếng địa-phương).— 3. 善 — 恶 : Động đẹp thứ nhất trời Nam. Có thuyết khác nói rằng mấy chữ này của Lê-Thánh-Tông, của chùa Trịnh (?).— 4. Cửu Lạc : túc Lục-hải-khẩu, ngày nay gọi là Vịnh Hạ-Long.— 5. Thập diệu + 瑞 : đèn của mười vị minh-vương ở.— 6. La-hán 邪漢 : túc A-La-Hán, vị tì-khưu tu-hành đặc-lạ, địa-vị ở dưới Bồ-tát.— 7. Nát-bàn 邪槃 : nơi thoát hết phiền-não, báu sinh bất-diệt (Nirvana).

### B) VĂN LUẬN THUYẾT

#### 1. Nghề hát bài của ta và nghề diễn-kịch của người Âu-châu

Vốn nghề hát bài của An-Nam ta, thì là một cái thể mượn sự trang-hoàng, mượn điện ca-nhạc, mượn lời tỏ mừng, mà ôn lại những việc cũ, hoặc đề phô những gương trung-nghĩa cho người bắt-chước, hoặc đề bêu những đứa gian ác cho người ta sỉ-nhuốc mà dùng bắt-chước. Thế ôn lại ấy là một ước-thề, nghĩa là chỉ dùng ngừng cách phác-diễn ra cho người ta biết việc thế nào mà thôi, chờ không cần phải tả cho in sự thực. Như nút thi bày cái bàn cái ghế, sòng thì trải cái mền mà cầm hai đầu rủ ; trận đánh nhau thì hai người cầm hai cái giáo gỗ mùa may, lùi trê cầm cờ vừa chạy vừa la, v. v. . . là đủ hiểu. Chó nên thấy cách người ta thế kia, thấy cách nhà mình thế ấy mà khinh. Đó cũng là một lỗi tả, nhưng khác cái tình-ly mà thôi. Trong lời ấy cũng có cái hay, cái thú riêng. Cũng có khéo, có vụng, có lè, có phép. Trong tiếng trống ói tai nhức óc, người không hiểu, cũng có cái cao-thú động lòng. Giờ thẳng cánh điềm hai tiếng tung-tùng vào giữa chỗ xuống giọng hay cũng sướng bằng cái lay mũi giày của người Đại-Pháp đứng nghe kèn.

Đến như nghề diễn-kịch của người Âu-châu thì khác lắm. Trước hết nên cất nghĩa cho rõ chữ một nghề (art) theo lý-tưởng Âu-châu là thế nào. Nghề đây là mỹ-nghệ (beaux arts). Mỹ-nghệ là tổng những chước-thuật mà người ta dùng để khêu-

gọi sự cảm-giác và cảm-tinh, nhất là cảm-tinh vì điều dẹp. Lấy mục đích, thi mỹ-nghệ là sự tố cái dẹp ra ; lấy phương-thuật thi mỹ-nghệ là sự làm thông-ngôn cho Tạo-hóa. Mỗi người ngắm các sự-vật, các cảnh-tượng trong Tạo-hóa có một cách thấy dẹp; đem cái dẹp ấy tỏ ra cho người khác cũng cảm-giác như mình, vị chi là mỹ-nghệ. Cho nên mỹ-nghệ lại có người cất nghĩa là cách lấp tinh riêng của mình (*tempérament*) mà làm kinh cho thiên-hạ soi Tạo-hóa (*La nature vue à travers un tempérament*). Nghĩa là tuy mỹ-nghệ là thực-tả, nhưng mỗi người thực-tả cái cách mình trông thấy dẹp mà thôi, chí không thực-tả được hết cả cái dẹp. Mắt mình trông to hơn sự thực thì mình tả cũng to ; mắt mình trông nhỏ thì mình tả cũng nhỏ, quí-hồ có thành-thực (nghĩa là mắt trông thấy thế nào là dẹp thì tả như thế, mình hiểu cảnh thế nào thì làm thông-ngôn cho Tạo-hóa mà đạt ra như thế) thi nghệ được thiện.

Điễn-kịch cũng là một mỹ-nghệ. Mục đích cũng là để tố cái dẹp trong tinh-tinh người ta, trông cách người ta cư-xử với nhau ở đoàn-thể. Mà phương-thuật thi cũng dùng cách làm thông-ngôn cho Tạo-hóa, nghĩa là mắt người làm kịch trông ở trong nhân-tinh thế-cố thấy điều gì dẹp, điều gì kỳ-khôi, thi cũng diễn ra cho người khác được trông thấy mà cảm động như mình. Nghệ diễn-kịch mượn nhiều nghệ thực-tả khác mà diễn ra cho người ta trông thấy, nghe thấy, cho người ta cảm-giác một cái quang-cảnh bịa-đặt ra, dã y như là sự thật vậy. Nào dùng văn-chương để mà thuật lại những lời người ta nói với nhau ; lại dùng âm-nhạc nhảy múa để tả cái thế và cái nhịp-thước cảm-tinh của người ta ; lại dùng đến nghệ họa, nghệ điều-khắc để bày-biện, để tố-diễm chỗ sần hắt khiến cho người xem tưởng-tượng như có sự thực trước mắt.

*Nghệ diễn-kịch bên Đại-Pháp  
(B. D. T. C. Lớp mới, số 18)*

## 2. Tại sao cần xét tật mình ?

*Tout dire, pour tout connaître, pour ton guérir.*

(E. ZOLA. LE DR. PASCAL)

Nói hết, để biết hết, để chữa hết.

Năm xưa tôi có đăng báo mấy bài luận về các nết xấu, và các hủ-tục của người An-Nam ta.

Bấy giờ cũng nhiều người thích xem những bài nghị-luận ấy, mà cũng có người trách tôi sao lại cứ đi bới xấu người mình ra cho thiên-hạ chê cười.

Ông nào trách thế cũng là trách lầm mà ví-dụ có người chê cũng là chê lầm.

Có một ông danh-sĩ Lang-Sa đã nói rằng : «Đời nào nhân-loại cũng vẫn có bấy nhiêu cái điên-dồ, cũng có bấy nhiêu cái đại-dột mà tiêu-dùng. Điên-dồ và đại-dột của loài người tự-hỗ như một cái vốn, đặt tiền năm lãi chạy, hoặc dùng cách này, hay dùng cách khác, cũng vẫn sinh-túc ra bấy nhiêu cho mà tiêu, mà vốn vẫn không hao-mòn đi chút nào. »

Thì dẫu bên Âu-châu cũng vậy, bên Á-châu ta cũng vậy, cái đại-dột của người ta cũng có kém gì nhau.

Cái văn-minh Âu-châu cao hơn ta, là vì người Âu-châu cũng có bấy nhiêu đại, nhưng mà nhiều người biết đại mà cách xét học sự đại sâu-sắc vô-cùng.

Người ngu, dở sách tiều-thuyết Tây ra coi, thấy bày phơi các cưa-gà kín của muôn việc con người ta hăng ngày làm ra, thì mới cười. Còn người tri thi chịu ngay Âu-châu học cao về cái cách chiết vặt-vụn ra hết cả những xó góc nhân-tâm ấy.

Có suy xét như thế thì cái cẩn lhiện ác của người ta nó rành-rành ra đó, người ta có xem thấy cái gốc rễ mọi việc của mình thì ăn ở trên đời này mới theo được chính-dạo.

Vì nếu cứ khuyên người dùng làm cái này, nên làm điều kia, mà không xét cho ra rằng làm cái này, điều kia là vì cớ gì, thì sách dạy luân-lý vẫn cứ uồng mãi, vì điều thiện, điều ác, điều hay, điều dữ, ai cũng phản được, nhưng mà lúc cái cưa-gà ngầm ở trong, nó sùi làm dữ, thì dù cái hay ngay bên cạnh tay, làm dở vẫn hoàn làm dở.

Cho nên chính luân-lý là cách dạy người ta biết gốc rễ điều ác, để mà tránh những thế phải làm ác ; biết mầm giống điều thiện, để mà gayne diều thiện, chứ không phải là sách dạy nên từ ác theo thiện, là dạy nhằm uồng công người dạy, lại trái ý kẻ nghe, vì nhời thẳng LỢI bao giờ cũng êm tai hơn lời ông NGHĨA.

Vậy thi đạo tu-thận ngày nay cốt ở việc xét mình. Như người có bệnh muốn chữa khỏi phải biết mình có bệnh chi, mà bệnh-căn ở đâu, rồi uống thuốc mới có công-hiệu. Cho có bệnh mà cứ chuyên học một câu : nên mạnh-khỏe đừng nên ốm, thi học mà làm gì.

Bởi thế, tôi trộm nghĩ rằng : dân An-Nam ta ngày nay muôn chóng theo được dấu văn-minh, trước hết phải học cho kỹ xem mình có những thói xấu gì, căn-nguyên bởi đâu mà ra, để mà đầu tiên hãy cố mà từ bỏ cái tệ-doan trước, ubiên hậu mới học cái khôn sau, chó muốn học văn-minh Âu-châu mà thói hư vẫn còn giữ, thì e rằng đã chẳng học được điều hay, vì điều hay mới, mấy thói hủ xưa không dung được nhau, mà lại còn chỉ chép được cái bè xấu văn-minh mà thôi.

Nước Nam ta ngày nay học mới chưa có chút nào, thì dễ khiến hon là những trình-dộ dở-dang của mấy nước lân-cận, văn-minh cũ có mấy điều hay vứt bỏ đi mất rồi, mà văn-minh mới thì chưa chép được điều gì thực là thực-ích.

Tinh người An-Nam, tiếng thế, được một điều nghĩ chín tẩm. May ra có phần khôn-hơn người. Học văn-minh biết cho

làm học lối duyết-lịch, chờ chẵng phải thấy làm sao bão-hao làm vậy. Thế là định nói xấu mình, mà đầu tiên hãy tự khen. Gọi là để đồng-bào ta dỗ ngọt nhau trước khi nói cái tệ.

*Xét tật mình*

(Đ. D. T. C. số 6, 19-6-1913)

**3. Tật huyền-hồ lý-tưởng.**

Xét trong văn-chương, sảo-kị nước Nam, điều gì cũng toàn là huyền-hồ giả-dối hết cả, không cái gì là thực-linh.

Người làm thơ thì ngám những cảnh núi Thái - sơn, sông Hoàng-hà, giới cao, bể rộng. Núi Tân-Viên, sòng Nhị-hà sờ-sờ trước mắt, thi cảnh không ứng bao giờ. Có cao hùng mà vịnh đến thì cũng phải vien cái gì ở đâu xa, chưa biết, chưa trông thấy.

Thời tiết nước mình thi không biết một chút chi chi, tả đến từ thời thi xuân phải phượng-thảo địa, hạ phải lục-hà tri, thu phải hoàng-hoa tǔn, đông phải bạch-tuyết thi<sup>4</sup>. Họa may có điều gì cảnh minh hợp với cảnh Tàu thì nó ra hay, nhưng thỉnh thoảng đưa những ngô-dồng với bạch - tuyêt, là rung, hoa rơi, đều là hão-huyền cả, chờ mùa thu ta lá nào thấy rụng, mùa đông ta tuyêt nào thấy sa. Thành ra đến câu hát cũng hát cho người, cảnh obrù minh thì như mù mắt điếc tai. Mượn chữ người, mượn cả đến phong-cảnh, tình-tình, chờ không biết dùng cái vật-liệu mượn ấy mà gây-dụng lấy văn-chương riêng, cho nó có lý-tưởng đặc-biệt.

Anh thơ vẽ kia, thì sao khéo bôi xoa « Tiều-phu Lã Vọng »<sup>5</sup>, « tòng iệc »<sup>6</sup>, « liên áp »<sup>7</sup>, « trúc tước »<sup>8</sup>, « mai điếu »<sup>9</sup>, quanh quẩn chỉ cò thế, mà nay để lại mai đẽ, không biết chán ngon bứt. Con cò nó lặn-lội bờ sông, con trâu nó kéo cày dưới ruộng, là những cảnh ngày nào cũng trông thấy, thì ra chủ khách không

cho kiều, cho nên chịu không sao ngâm được, không sao vẽ được. Bác thợ trạm khéo đục « giấy nho con sóc » mà chẳng biết cây nho ở đâu, con sóc nơi nào. Thế ra xưa nay cứ thấy làm sao bao - hao làm vậy. Xem tranh vẽ chim, vẽ cây, chẳng hiểu người ta nghĩ ý thế nào mà vẽ nên tranh, cứ thế mà vẽ theo từng nét, thấy nó cũng đồ đồ, cũng xanh xanh, thì tự - đắc ngồi rung đùi mà thú cho lấy được.

Còn vẽ đạo cương - thường, cứ nói rằng ta thảm - nhiễm của Tàu nhiều lắm rồi, nhưng tôi xét ra thì người An - Nam chưa có điều gì gọi là thảm - nhiễm. Trong hết cả số người theo Nho - học, thì họa là có mấy ông vào bức học giỏi, hiểu biết được đạo Khổng-Mạnh. Còn những bức nhoảng - nhoảng thì thường cứ thấy người ta học cũng học, học cho thuộc sách mà thôi, chứ không có định trong bụng rằng theo những điều nào, trong đạo Nho cốt tú ở trên, khép đạo ấy vào tinh - tinh riêng người nước mình nó ra làm sao, tôi chắc hỏi những câu ấy không có mấy thầy đồ cắt cho gãy-gọn được.

Tôn - giáo thì tôi đã nói rồi, xem ra cũng một cách theo huyền-hồ như vậy mà thôi.

Đến như việc chính-trị, thì vua Gia-Long bỏ luật Hồng-Đức đi mà làm ra cả một pho Luật mới, chép tuốt cả của Tàu, cả từ điệu nước mình có, cho đến những điều mình không có, cũng bắt-chước. Thành ra luật-phép cũng hồ đồ cứ thi - hành được đường nào hay đường ấy.

Xét ra thì cương-thường đạo-lý, phong-tục chính-trị, toàn là giả-dối hết cả, không có điều gì là có kinh có điển.

Thế mà ngày nay có cải-lương gì, thì sợ rằng trái đạo - lý cũ của mình. Đạo-lý cũ của mình là thế nào, có ai biết đâu?

Con khóc cha mà cũng phải tìm trong « Thơ-Mai gia-lê »<sup>7</sup> hay là « Văn-Cộng gia - lê »<sup>8</sup>, xem ngày xưa ở bên Tàu các ông

Áy khóc cha làm sao, thì cứ thế mà khóc. Giản hoặc trong hai cách có điều gì khác nhau, thì cũng biế vậy, lúc tùng việc thi và được quyền nào theo quyền ấy. Gọi là cho nó theo một lệ nào đó, thì là nhà văn-phép.

Xét ra trong cả các trò chơi, như hát tuồng, hát chèo, cũng hay bắt-chước những cách vở-lý, tỏ ra rằng người An-Nam không có lý-tưởng nhá.-định về việc gì, cứ gấp sao nêu vậy.

Tẩn tuồng thi lấy trong các sự-tích của Tàu mà lúc ra bài thi quên cả đến thời đến xít. Cứ nhân được chỗ nào có dịp hát mấy câu nam, thì nam cho mấy câu. Chỗ nào có dịp khôi-hài thi khôi-hài. Thấy người xem có mấy người dẽ cười thi làm mãi. Chẳng có kinh-diễn nào cả.

Đến như cái lý-tưởng đẹp, thì người An-Nam lý-hội điền dẹp cũng có một cách lạ.

Sách Tàu tả người đẹp, môi son, mắt phượng, mày ngài, khuôn giăng minh liễu, thì bao giờ là người đẹp cũng cứ thế mà tả.

Có người nói thấy cái xe, ngồi lèo thi nhanh mà đỡ mỏi, không sợ mưa nắng, đi đâu thi ba bốn người rủ nhau thuê một cái xe, xếp hàng-họ, rõ-rá, gồng-gánh lên đó, rồi hai người ngồi lên trên, có khi ba người ngồi chồng lên nhau, đau lưng, mỏi cổ, sái chân, méo xương sườn, nắng chiều xiên khoai vào mặt, lệch-dà lệch-dệch, đi bước một, giả đi chân thi nhanh bằng hai, nhưng mà đã thấy nói rằng xe thi nhanh mà tiện, thi ngồi xe dầu có cực thể nào cũng cho là nhanh mà tiện lắm.

Đó là những việc thường, mới trông ra thi trưởng nhảm, nhưng xét cho kỹ thì là những tật của trí-khôn người An-Nam ta, làm cho khó bảo, khó khiến được cho vào đường văn-minh, cho chịu nghe những nghĩa-lý phải.

#### *Xét tật mình*

(Đ. D. T. C. số 15, 21 - 8 - 1913)

**CHÚ-THÍCH :** 1. Thơ cũ có câu : « Xuân da phượng thảo địa, Hè  
Thường lục hả tri. Thu âm hoàng hoa túu, Đông ngâm bạch tuyết thi »  
春遊芳草地夏賞絢荷池秋飲黃花酒冬吟白雪詩 Nghĩa là : Mùa xuân  
đi chơi ở nơi có cỏ thơm, mùa hè thường-lúc ao sen biếc, mùa thu  
ngắm rượu hoàng-hoa (hoa vàng : cúc), mùa đông ngâm thơ bạch tuyết  
(tuyết trắng). — 2. Tiêu-phu Lã-Vọng 楚夫呂望 : Người đi kiếm cùi và ông  
Lã-Vọng ngồi câu cá. — 3. Tùng lộc 松鹿 : cây thông và con hươu. — 4. Liên  
ép 遊鳴 hoa sen và con vịt. — 5. Trúc tước 竹雀 : cây trúc và chim sẻ. —  
6. Mai diều 梅鷺 : cây mai và chim. — 7. Thơ-Mai g/a-lê 香梅家禮 : Sách  
án-dịnh nghi-lễ trong nhà của ông Thơ-Mai. — 8. Văn-Công gia-lê 文公家禮  
Sách án-dịnh nghi-lễ trong nhà của ông Văn-Công (tứ Chu-Hi đời Tống).

## II. LOẠI DỊCH-THUẬT

### a) DỊCH THƠ NGỤ - NGÔN

#### THƠ NGỤ-NGÔN CỦA LA FONTAINE

Tập thơ dịch này gồm 44 bài do nhà Trung-Bắc Tân-Văn Hà-Nội  
xuất-bản năm 1928. Trong « Mấy lời của dịch-già » ở đầu cuốn sách,  
Nguyễn-Văn-Vĩnh có nêu ra tiêu-chuẩn của ông là chỉ dịch cho thoát  
nghĩa, chứ không « nệ » từng chữ từng câu : « Đúng đây là đúng cái tình-huân,  
chứ không có nệ gì những chữ hờ đồi làm sụt-sút, cái gật đồi ra  
con chó, khiến cho những người thắc-mắc được một cuộc vui, ngồi soi-  
bói từng câu từng chữ, mà kẽ được ra có ba bốn chỗ dịch lầm ».

#### 1. Con gà đẻ trứng vàng

- Tham thì thảm, cõi nhân dạy thế,  
Lấy truyện gà ra đẽ răn đài.  
Đem câu bịa đặt kè chơi,
4. Một hôm gà nọ đẻ rơi trứng vàng,  
Chú ngỗ có bảo-tàng trong bụng,  
Mồ phẳng ra chắc cũng mau giàu.  
Ai ngờ có cõi chi đâu,
8. Gà thường cũng vậy khác nhau chút nào.

Chủ biết dài kêu gào tiếc của,  
Làm gương soi cho dứa tham tâm.  
Mời đây có kẻ nghĩ lầm,

12. Được mười lại muốn ngay trăm nghìn.  
Tro ra hết nhẫn ngồi nhìn.

## Nguyễn-bản Pháp-vân

**La poule aux œufs d'or**

*L'avarice perd tout en voulant tout gagner.  
Je ne veux, pour le témoigner,*

*Que celui dont la Poule, à ce que dit la fable,*

4. *Pondait tous les jours un œuf d'or.*

*Il crut que dans son corps elle avait un trésor :  
Il la tua, l'ouvrit, et la trouva semblable*

*A celles dont les œufs ne lui rapportaient rien.*

8. *S'étant lui-même ôté le plus beau de son bien,*

*Belle leçon pour les gens chiches !*

*Pendant ces derniers temps, combien en a-t-on vus  
Qui du soir au malin sont pauvres devenus,*

12. *Pour vouloir trop tôt être riches !*

**2. Con ve và con kiến**

Ve-sần kêu ve-ve,

Suốt mùa hè,

Đến kỳ gió bắc thôi,

4. Nguồn-con thật bối rối.

Một miếng cũng chẳng còn,

Ruồi họ không một con.

Vác miệng chịu khùm-núm,

8. Sang chị kiến hàng xóm.

Xin cùng chị cho vay

Dăm ba hạt qua ngày.

— Từ nay sang tháng hả,

12. Em lại xin đem trả.

- Trước thu, thè đất trời !  
 Xin dù cả vốn lời.  
 Tình kiến ghét vay cậy.  
**16.** Thói ấy chẳng hề chí,  
     — Nắng ráo chủ làm gì ?  
 Kiến hỏi ve như vậy.  
 Ve rắng : — Luôn đêm ngày,  
**20.** Tôi hát thiệt gi báy.  
 Kiến rắng : — Xưa chủ hát !  
 Nay thử múa coi đây.

**TIÊU-DÂN** : Bài này thường được coi là một trong những bài viễn-khu của phong-trào « thơ mới ».

## B. DỊCH TIỀU-THUYẾT

### 1. Một chuyến bị lừa

Khi trúng tràng xong, thì tôi ngồi ra một mình một cái bàn mà ăn. Chưa ăn được miếng nào, thì chủ quán về đến nhà, đắt cả người lịch-sự khi nãy về nữa. Người ấy ngạc độ ba mươi tuổi, deo một thanh gươm trường, sot-sắng lại gần tôi mà hỏi rằng :

— Thưa ngài, tôi vừa mới được biết ngài là GIL BLAS DE SANTILLANE, là một ngôi sao sáng của thành Oviédo, là một ngọn đuốc của nhà triết-học. Ai dám ngờ bậc thượng-dâng danh-sĩ ấy chính là đây, ai dám tưởng đây chính là người hay chữ tiếng-tăm lừng-lẫy ở đất này !

Nói với tôi như thế rồi lại gọi hai vợ chồng chủ quán mà bảo rằng :

— Anh chị có quí-nhân trong nhà đó, Ông thế-gia đây chính là việc lợ thứ tám trong thế-giới đó <sup>1</sup>.

Nói đoạn quay lại tôi, quẳng hai tay lên cổ mà nói rằng :

— Xin ngài tha lỗi cho, thê này là không phải, nhưng mà tôi nghe tiếng nhón của ngài đã lâu, mà nay được gặp mặt đây, thì mừng này giữ sao trong lòng cho được. Xin phép ngài cho như thế, để nó hả bụng bâmi-mộ.

Anh ta ôm lấy tôi chật quá, thở chẳng được, cho nên tôi không đáp ngay được. Khi tôi thoát được cái cùm quí-báu ấy rồi, tôi đáp rằng :

— Thưa ngài, tôi không ngờ rằng ở Pégnaflor có người biết tên tôi.

Anh ta lại cứ làm bộ hờn-hờ, như thế mà nói rằng :

— Thế nào lại chẳng biết. Phàm xung-quanh miền này 20 dặm, có ai là người danh-tiếng, ở đây có sô ghi tên, chứ ! Ngày ai cũng cho ông là một bậc kỳ-tài. Tôi quyết hẳn một ngày kia, nước Y-Pha-Nho sẽ khoe-khoang kiêu-ngạo với thiên-hạ vì đã sinh ra ông, cũng như là Hy-Lạp ngày xưa vênh-vao vì có mấy bậc đại-hiền đê rá trong đất mình.

Vừa nói xong lại ôm lấy tôi hôn lấy hôn đê lèn nữa. Tôi tưởng chết ngạt, cũng phải rằng mà chịu.

Vì thử tôi có khôn.ngoan duyệt-lịch một chút, thi đâu đến nỗi bị lừa những cách hàng chợ và những nhời nịnh ấy ; thi nghe thấy những câu nịnh quá ấy tất đã biết ngay rằng đó là một đồ di ăn kẹ, nơi thành-thị nào cũng có, động có người là đâu đến, thi luôn-lỗi mà đến gần đê ăn cho thích-khầu rồi đê người ta già tiền. Chẳng may khi ấy tôi vừa trẻ tuổi lại vừa học, cho nên không biết gì cả, thấy nó khen nó nịnh, thi cho nó là một người hay mà mồi ngay nó ăn cơm với mình. Vừa mở mồm mồi thì thẳng ấy nó nhanh miệng mà đáp rằng :

— Dạ, xin vâng. Cái phúc-linh của tôi nó làm cho tôi gặp ông danh-sĩ GIL BLAS DE SANTILLANE ở đây, thi tôi mừng là đường nào ! Vậy thi tôi đâu lại chẳng muốn được ngồi

hưởng cái dung-nhan ngài cho lâu. Tôi thì không đòi song tôi cũng xin ngồi hẫu ngài cho vui, và cũng có một vài miếng để lấy lòng ngài mà thôi.

Nói thế rồi kéo ghế ngồi ngay trước mặt tôi. Nhà hàng mới đem thêm đĩa ra. Trước hết anh ta vỗ lấy đĩa trứng trắng ăn vội-vàng như kẻ đã nhịn cơm ba ngày rồi. Thấy mặt mũi tinh-tao cố-gắng lấy lòng tôi như thế, thì tôi biết rằng anh ta ăn phải hết cả đĩa. Tôi mới bảo nhà hàng tráng một đĩa nữa. Đầu mà làm chóng thế! đĩa trứng trước vừa thoát mà xong, thì đĩa sau đã ra. Thế mà anh ta lại ăn, vẫn nhanh-nhều như đĩa trước, mà sao khéo quá: rằng anh ta chẳng phải nghỉ chút nào mà miệng anh ta vẫn cứ khen lấy khen dè tôi được mãi. Tôi nghe thấy anh ta khen mãi như thế thì tôi lấy làm thích-chí cái thân-danh nhỏ tuổi tôi quá! Anh ta vừa ăn, vừa uống, lúc thì uống cốc rượu chúc cho tôi mạnh-khỏe, lúc thì chúc cho ông dè tôi, bà dè tôi, mừng tẩm-tắc cho hai cụ có đại hồng-phúc sinh ra được quý-tử như tôi.

Vừa rót rượu vào cốc tôi, anh ta lại hùn cho tôi phết uống. Tôi dối-dáp kẽ cũng khá, cốc lặc cốc thù mài, thêm vào những điều tung-phinh của anh ta, thì dần dần làm cho tôi được vui mặt vô-cùng. Khi tôi thấy đĩa trứng thứ hai cũng hết đến nửa rồi, tôi lại hỏi nhà hàng có cá không. Tên chủ quán ý hắn đồng-tình với thằng ăn kè ấy, mới thưa rằng:

— Có con cá thoan ngon lắm, nhưng mà ai ăn thi mất nbiều tiền. Tôi e miếng ấy khi ngon quá cho ông.

Người khách của tôi nghe nói vậy, liền quắc mắt nhìn tên chủ quán, mà mắng răng: « Thế nào là ngon quá? Anh này sao mà vô ý! Anh hả lại không biết rằng ông GIL BLAS DE SANTILLANE đây là một bậc phái dài như ông Hoàng mới đáng? »

Tôi thấy anh ta mắng tên chủ quán như vậy thì tôi lấy làm thích-chí, và già anh ta không mắng thì tôi cũng định mắng nó rồi. Nó nói thế chẳng hóa ra bí tôi lâm sao ? Tôi mới lên giọng kiêu-banh mà bảo nó rằng :

— Anh cứ đem cá thoan ra đây, còn gì nữa anh chẳng phải lo chi đến.

Tên chủ quán vốn chỉ cốt thế, liền làm cá mà đem ra. Người khách của tôi trông thấy món đồ ăn mới thì mắt sáng như gương, rồi anh ta lại lấy lòng tôi nhanh-nhều cũng bằng lấy lòng hai đứa trẻ trước. Nhưng cũng chịu không ăn hết được, sợ hối-thực, vì bấy giờ trông chừng đã no đến cõi rồi.

Khi ăn no uống say rồi, tên ấy muốn hát nốt hồi sau cùng cái bài diễn-kịch ấy, bèn đứng dậy mà bảo tôi rằng :

— Thưa ông GIL BLAS DE SANTILLANE, ông cho tôi ăn một bữa ngon như thế thi tôi bằng lòng quá, vậy trước khi từ giã ông, tôi muốn dâng ông một lời khuyên, tưởng ông đương cần phải nghe. Từ rày trở đi, ông chó nêng nghe những lời khen-nghị khi ông gặp những kẻ ông không quen thi ông nên nghĩ mà giữ mình. Có lẽ rồi ông còn gặp những đứa như tôi, nó thấy ông thực-thà mà số ông chẳng, có khi nó lại số tè nữa, thi ông chó mắc lận mà nghe lời nó nịnh, tưởng mình là việc lạ thử tâm trong thế-giới. \*

Nói đoạn, tên ấy cười phì vào mặt tôi rồi đi mất.

#### GIL-BLAS DE SANTILLANE

của LESAGE

Nguyễn-Văn-Vĩnh diễn năm

(*ĐDTC* các số 17, 18, 19)

**TIÊU-DÂM :** Đoạn này trích trong bộ truyện dịch GIL-BLAS DE SANTILLANE in trong Đông-Dương Tạp-Chí và Trung-Bắc Tân-Văn từ 1913 đến 1916. Trong thời kỳ Nguyễn-văn-Vĩnh dịch bộ truyện này, chưa mấy ai tin rằng có thể dùng tiếng Việt để dịch tiểu-thuyết Tây. Chính tác-

già về sau cũng nổi tiếng bởi ấy ông « *vua dịch và lập dịch* » : « *Bản dịch-văn này là một cái tang-chứng ở trong lịch-sử quốc-văn ta từ lác bắp-be dùng tiếng nôm ta mà diễn tui-tuổi Tây cho đến thời bấy giờ là lúc đã nên câu nên đoạn nên một văn pháp rồi* ».

(Theo Vũ-Ngọc-Phan, Nhà văn hiện-tại cuốn I)

**CHÚ-THÍCH :** 1. Cố-giả bên Âu-Châu gọi bảy việc lạ (Les sept merveilles du monde) là bảy việc công-trình-thú nhất về nghệ-dụng lâu-các : 1. Mộ là cái lăng của vua Mausole ở Halicarnasse.— 2. Máy cối mỏ xây cao như núi ở Ai-Cập.— 3. Cột đèn biển ở Alexandre.— 4. Cái tượng đồng to ở Rhodes.— 5. Vườn treo ở Sémiramis, thành Babylone.— 6. Tượng thần Jupiter ở Hi-Lạp.— 7. Đền thờ nữ-thần Diane ở Éphèse.

(Chú-thích của N.V.V.).

## C. DỊCH HÀI-KỊCH

### 1. Người biến-lận.

*Hạc-Bá-Công, Phi-Tiến*

**Hạc-Bá-Công :** Mày bước ngay khỏi nơi này đi ! Mà tao cầm cãi lại, nghe chưa ? Bồ ăn cắp, đồ chết dám, chết chém ! Bước ngay ra khỏi nhà tao.

**Phi-Tiến :** (Nói một mình) Chưa bao giờ gặp một người hành-ác như lão chủ này. Lão bị ma trêu qui làm hay sao ?

**Hạc-Bá-Công :** Mày lầm-bầm à ?

**Phi-Tiến :** Sao ông đuổi tôi ?

**Hạc-Bá-Công :** Mày lại còn phải hỏi ta à; thẳng chết đòn kia ! Muốn sống ra ngay, không thì ta đánh cho tan xương bát giò.

**Phi-Tiến :** Tôi làm nên tội gì mà ông đánh đuổi tôi ?

**Hạc-Bá-Công :** Tôi mày ấy à ; tội mày là tội khiến cho ta muốn tống mày đi ngay.

**Phi-Tiến :** Thưa ông, cậu con dận con phải dừng chờ cậu ở đây.

Hạc-Bá-Công : Mày đi ra đường mà đứng chờ nó, chờ đường có dừng trong nhà ta, sững-sững như là cái nêu kia kia, dè mà nghe-ngóng, dè mà dò-la, rồi ăn cắp đó ! Ta không có muốn luôn luôn mặt thám theo chân ta mà xem-xét công-việc của ta, dè chực cướp sống lấy của của ta ; lúc nào mày cũng chỉ đợi ta sành cái gì là mày ăn cắp cái đó thôi.

Phi-Tiến : Thưa ông, ông thử nghĩ xem có cách nào là cách lấy trộm được của ông cái gì không ? Ông có cái gì ông phải giấu-giếm thật kỹ rồi ông canh đêm canh ngày như thế thì phỏng ai là người ăn cắp được nữa.

Hạc-Bá-Công : À mày lại lý-sự với ta à ! Ta thì cho cái lý-sự này vào mặt mày bây giờ (giơ tay định tát Phi-Tiến). Bước ngay khỏi đây !

Phi-Tiến : Vậy thi tôi ra.

Hạc-Bá-Công : Thông-thả đã, mày có mang gì của ta đi đó không ?

Phi-Tiến : Tôi còn lấy được cái gì của ông đi nữa.

Hạc-Bá-Công : Lại đây ta xem. Đưa tay đây.

Phi-Tiến : (Phi-Tiến giơ cả hai bàn tay ra) Tay đây !

Hạc-Bá-Công : Tay nữa.

Phi-Tiến : Còn tay nào nữa.

Hạc-Bá-Công : (rò vào quần đùi nó). Mày có giấu gì trong đây không ?

Phi-Tiến : Ông xem lấy !

Hạc-Bá-Công : (lần ống quần của Phi-Tiến) Những thứ quần đùi ống rộng như thế này chỉ tò cho chúng nó giấu đồ ăn cắp mà thôi. Ta muốn đem chém một vài đứa về tội đó.

### MOLIERE

L'AVARE (Acte I, Scène 3)

Nguyễn-Văn-Vĩnh dịch

Người Biển-Lận (Hồi I, Cảnh 3)

## PHAN - KẾ - BÌNH (1875-1921)



PHAN-KẾ-BÌNH

Tiểu-sử : Ông hiệu là Bưu-Văn 文 興, người làng Thụy-Khê, thuộc huyện Hoàn-Long, tỉnh Hà-Đông (Làng này ở ngoại thành Hà-Nội). Đỗ Cử-nhan Hán-học khoa Bính-Ngo (1906). Năm 1907, ông coi phần chữ Nho cho báo Đăng-Cổ. Năm 1912 ông vào Nam-kỳ biên-tập báo Lực-tỉnh Tân-Vân. Năm 1914, ông về Bắc làm biên-tập-viên cho Đông-Dương Tạp-chí. Năm 1918, Đông-Dương Tạp-chí đổi ra Trung-Bắc Tân-Vân và Học-Báo, ông lại phụ-trách phần xã-thuyết.

Ông mất ngày 30-5-1921 tại quê nhà.

Tác-phẩm : Phan-Kế-Bình có công sưu-tầm, xếp-đặt và dịch-thuật các tài-liệu cổ về văn-học Việt-Nam và Trung-Hoa. Lối dịch Hán-văn của ông thực tài-tinh : rất sát nghĩa, lột được tinh-thần bài nguyên-tác, lại sáng-sủa, rõ-ràng. Trong các bài khảo-cứu, lời văn giản-dị, hùng-tráng, hấp-dẫn người đọc. Đặc-biệt là tuy ông là một nhà cựu-học, mà văn ông rất mạch-lạc, khúc-chiết, khiến người ta tưởng như ông là người có cả sô-đắc về tân-học. Phê-bình về Phan-Kế-Binh, Phạm-Quỳnh viết : « Văn ông có vẻ thuần túy (...) Nhưng văn-chi่วong ông sở-dĩ thuần-túy cũng là bởi tinh-cách ông là người thuần-túy. Ôi ! ở vào buổi đời này, mèo cũ giao nhau, Ấu Áu xung-đột, không những lời ăn tiềng nói thường có giọng chống-chênh, mà trêncách người ta cũng không khỏi bắc-tập. May người đã đem thân và trí-trực với đời mà trọng đời giữ được vẹn cái tư-cách thanh-cao ! Ông Cử Phan thật là người như thế ». (Bài viếng ông Phan-Kế-Binh — Thượng-Chi văn tập quyền V).

Tác-phẩm của Phan-Kế-Bình có thể chia làm hai loại :

*A.— Loại biên-khảo :*

- 1.— Nam-hải dí-phản (1909-1912).
- 2.— Hưng-đạo đại-vương (1909-1912).
- 3.— Việt-Nam phong-tục (1915).
- 4.— Việt-Hán văn-khảo (1918).

*B.— Loại dịch-thuật :*

- 1.— Tam-Quốc chí diễn-nghĩa (1907).
- 2.— Đại-Nam diễn-lệ toát-yếu của Đỗ-Văn-Tâm (1915-1916).
- 3.— Đại-Nam nhất-thống chí của Cao-Xuân-Dực (1916).
- 4.— Việt-Nam khai-quốc chí truyện của Nguyễn-Bang-Trung (1917).
- 5.— Đại-Nam liệt-truyện tiền-biên (1918).
- 6.— Đại-Nam liệt-truyện chính-biên (1919).

Các bài trích :

- A) Loại biên-khảo*  
*B) Loại dịch-thuật*

**A. LOẠI BIÊN-KHẢO****1. Am chung-sinh.**

Mỗi làng, đầu làng hoặc cuối làng, có một khu đất rộng để làm chỗ tha-ma mồ-dịa, trong làng có ông già, bà cả hoặc người nào mất thì cất đem lại đó mà chôn.

Mỗi chỗ tha-ma mồ-dịa có lập một cái am ba gian hoặc xây bệ lô-thiên, đẽ ba chữ «Hàn lâm sô»<sup>1</sup>, đẽ thờ chung cả những mồ-mả vô-chủ, gọi là am chung-sinh. Mỗi cửa am có một bà đồng ở, sớm tối đèn hương thò-phụng. Về ba tháng hè thì cứ ngày rằm, ngày mồng một nấu cháo cúng, đỗ vào cái lá da cuộn tròn lại, cầm hai bên dọc đường gọi là cúng các quan, hoặc gọi là cúng bách-linh. Cho nên tục có câu rằng cướp cháo thi là da, là nói những người vô hồn.

Bà đồng ở đó thường bày một cái nong ra cạnh đường đi, đốt vài nén hương để khuyên-giáo, kê qua lại ai cũng cúng một vài đồng kẽm. Bà đồng thì ngồi trong am đánh trống kẽ kẽ, hoặc là họp năm ba bà vãi chèo đò.

Nhiều nơi mỗi năm về tháng bảy, hoặc công-làng, hoặc riêng một hội thiện, thiết đản-tràng tại cửa am để làm chay cùng hai ba ngày hoặc năm bảy ngày...

Các nơi chiến-trận, có nhiều tướng-sĩ tử-trận chôn một chỗ thì nhà vua lập đền thờ, gọi là Lệ-dàn. Lệ-dàn thi mỗi năm nhà vua sai quan về tế, hoặc là hội thiện góp tiền với nhau mà cũng hay làm chay.

Tục thường cho chỗ am chung-sinh và Lệ-dàn là nơi rất thiêng-liêng, cho nên nói đến việc bách-linh thì nhiều người dốc lòng làm phúc. Nhất là những khi bắt-dắc-dĩ phải thiền mộ-địa ở nơi khác, các nhà giàu tranh nhau mà cúng tiễn, cúng gach. Bát-tràng & còn các thiện-nam tín-nữ thì tranh nhau mà đi rước bách-linh, để bách-linh phù-hộ cho được vạn sự như ý.

Tục ta tin qui thần, cho nên sự gì cũng cho người chết có linh-hồn, có tri-giác cũng như người sống. Mà ở dưới âm-phủ cũng có kẻ khờ người sướng như trên dương-gian. Người có con cái giứ phần hương-hoa thì hồn phách có chỗ bắng-y, người bắt hạnh tuyệt-tự thì không có ai cung cấp, chắc là phải phiền-não ở dưới âm-phủ. Vì thế đám mộ-địa nào cũng có am, có đản, có người hương-hoa thờ-phụng, để cho u-hồn oán-quí, dầu không ai nhìn nhận, cũng có chỗ mà hương khói nương nhờ.

Đi đến chỗ mộ-địa, trông thấy mồ mà san-sát, ai là không động lòng cảm-thương : mà nghĩ đến mồ mà vô-chủ, thì lại đau-dớn thay cho người nằm dưới suối vàng lấm.

Nhất là đi qua những nơi trận-trường thuở xưa, nghĩ đến các đứng anh-hùng hào-kiệt, khi sinh tiền dũng-mạnh can-dám hiết là bao nhiêu, mà nay chỉ thấy gó cao lòn-nhòn, cỏ râm rì-rì thì lại xui cho người ta buồn-rầu nữa.

Kia những lúc bóng chiều nhạt vè, gió bắc lạnh-lùng, đêm tối mưa sa, bốn bề vắng ngắt, qua chỗ đó mà ngắm cái cảnh din-hiu, lại nghĩ đến nồng-nỗi người xưa nằm đó, biết bao nhiêu tình-cảnh sâu người.

Nói đến đó thì am kia dàn nõ, bách-linh dẫu thiêng dẫu  
chẳng thiêng, dẫu biết dẫu chẳng biết, dẫu có dẫu chả có,  
chẳng kẽ làm gì, nhưng cũng chua-xót mà xin gửi tặng vài ba  
giọt lệ..

Than ôi ! từ xưa đến giờ, biết bao nhiêu người khôn-ngoan,  
biết bao nhiêu người vung-dại, biết bao nhiêu người hung  
công lập nghiệp, biết bao nhiêu người vong thân tảng gia, nào  
hiền; nào ngu, nào phàm, nào thánh, bây giờ ở đâu cả,  
chẳng qua cũng mù-mịt trong đám cỏ xanh mà thôi !

Việt-Nam phong-tục  
(B.D.T.C. Lớp mới, số 31 và 32)

**CHÚ THÍCH :** 1. Hán-lâm-sở 漢林所 : nghĩa đen là « chốn rừng lạnh ».  
Hán-Jâm là một khu rừng ở Tây-Vực, nơi phơi-bày các tử-thi. Còn có  
tên là « Khủng-úy-lâm » (nghĩa là « rừng sợ-hãi »).— 2. Gạch Bát-Tràng  
là gạch Jâm tại làng Bát-Tràng, thuộc phủ Gia-Lâm, tỉnh Bắc Ninh. Làng  
Bát-Tràng có tiếng về nghề làm gạch.

## 2. Tết Nguyên-Bản.

Mồng một đầu năm là tết Nguyên-dán. Tết này ăn to hơn cả  
các tết trong một năm.

Trước nửa tháng tết, nhà nào nhà ấy đã rộn-rã sắm tết,  
nào người mua tranh mua pháo, nào người mua vàng hương  
mã-mùng, đường mứt bánh trái v.v...

Các thầy đồ nhà quê ra chợ viết câu đối bán. Các người đi  
bán hoặc di làm xa-xôi, dẫu đâu cũng nghỉ việc để về nhà ăn  
tết. Cách tết một vài hôm, ai nấy dọn-dẹp cửa nhà, lau rửa đồ  
thờ phong. Câu đối đỏ dán cột sáng choang, treo tranh treo  
liễn, trang-hoàng lịch-sự.

Nhiều nhà ngoài cửa dán tranh quan-tướng hoặc dán một  
chữ « Thần-Trà, Uất-lũy ». Điều này do ở trong « Phong-tục  
thông-chi » có nói rằng ở dưới gốc cây đào lớn núi Đè-Sóc có

hai ông thần gọi là Hán-Trà, Uất-Lũy cai quản dân quỷ. Hết quỷ nào làm hại nhân-gian thì thần ấy giết mà ăn thịt. Ta dùng bốn chữ ấy có ý để cho quỷ sợ mà không dám vào cửa.

Lại có nhiều nơi chặt tre dựng cây nêu, kết ba cái lạt rạ, buộc một bó vàng. Hoặc lấy cành da lá dứa cài ngoài cửa ngõ. Hoặc là rắc voi bột trong sân ngoài ngõ, vẽ bàn cờ, cái cung, cái nỏ v.v... cũng là có ý trừ quỷ kéo sợ năm mới quỷ vào quấy nhà mình.

Nửa đêm hôm ba mươi rạng ngày mồng một ở thành-phố nhà nào cũng bày bàn hương-án ra giữa sân để cúng giao-thừa. Ở về dân thôn thì các xóm tế giao-thừa tại nơi diêm sở, trống đánh pháo đốt ầm-ầm. Tục ta tin rằng mỗi năm có một ông Hành-Khiền coi việc nhân-gian, hết năm thì thần nó bàn giao công việc cho thần kia, cho nên cúng tế để tiễn ông cũ mà đón ông mới.

Sáng mồng một tết thi làm lễ cúng gia-tiên và cúng cả Thổ-công, Táo-quân, Nghệ-sư v.v., , cỗ bàn to nhỏ thế nào mặc lòng, nhưng làm sao cũng phải có bánh chưng, cá kho, giò chả, dưa hành, thịt bò mới rạ cỗ ngày tết. Có nhà lại dựng hai cây mía cạnh bàn thờ để làm gậy cho ông vải.

Hôm ấy ăn nói phải giữ-gìn, sợ nói bậy thi giông đi cả năm. Nhiều nhà nhờ một người phúc-hậu, dễ tính sáng sớm đến xông đất để cho cả năm được ban đất buôn may.

Quét trước trong nhà, phải kiêng không dám hốt rác đồ đi, chỉ vun vào một xó, đợi ba hôm động-thờ rồi mới đem đồ. Tục này do ở trong « Sưu-thần-ký », có chuyện người lái buôn tên là Âu-Minh đi qua hồ Thanh-Thảo. Thủybàn cho một tên hầu là Nhu-Nguyễn, đem về nhà được vài năm thi giàu to. Đến sau, một hôm nhân ngày mồng một tết đánh nó, nó chui vào đống rác mà biến mất, từ đấy nhà chàng kia lại nghèo đi. Bởi thế ta theo tục Tàu, kiêng không dám hốt rác.

Cúng gia-tiên xong thì con cháu ra mừng tuổi ông bà cha mẹ, lạy hai lạy. Ông bà cha mẹ mừng cho con cháu mỗi

đưa một vài xu hoặc một vài hào gọi là tiền mừng tuổi.

Anh em họ hàng, người quen thuộc, đến lẵn nhà nhau lạy già-tiên, chúc mừng cho nhau những câu : thăng quan tiến chức, sinh năm đẻ bảy, vạn sự như ý, buôn bán phát tài v.v..

Trong khi anh em đến chơi với nhau, uống chơi chén rượu sen rượu cúc, hoặc chén nước chè tàu chè sen, hút điếu thuốc lá, hoặc uống cốc rượu sâm-banh, rượu sạc-toi, rượu mùi, nhẫn vài ba hột dưa, ăn vài miếng mứt.

Thành-phố Hà-nội, chỗ ngồi chơi thế nào cũng được một vài cùi thủy-tiên, một hai chậu cúc bay là vài chậu cam quất.

Anh em bạn thân nhau mỗi người đưa một cảnh danh thiếp đỏ dè mấy chữ tên. Mấy năm nay thi nhiều người dùng bằng các vi-dịch (carte de visite). Trước kia đi lại lề bái phiền lắm, ít lâu nay nghe đã dần dần bỏ rồi.

Có nhà ăn tết một hôm, có nhà ăn tết ba hôm, có nhà ăn tết đến bảy hôm, nhưng phần nhiều là ăn tết ba hôm.

Các nhà con thứ cha mẹ còn thì đem biếu thức nọ thức kia. Cha mẹ mất rồi thì hôm mồng hai tết, phải làm cỗ đem đến nhà con trưởng cúng cha mẹ. Người nghèo thì đem giầu cau, vàng hương đến lễ cũng được.

Ngày mồng ba cũng cũng như ngày mồng hai. Đến ngày mồng bốn thì hóa vàng. Ngày ấy xấu hay là chạm phải ngày tuôi chủ nhà thì hóa trước sau một ngày cũng được, có nhà đền mồng bảy mới hóa vàng gọi là ngày cúng tiễn ông vải. Hôm ấy con cháu họp đông đủ mà ăn uống vui vẻ với nhau.

Trong mấy hôm tết, ngày nào cũng đốt pháo. Điền đốt pháo do ở « Kinh-Sở tuế thời-kỷ » có nói rằng Sơn-Tiêu (ma núi) phạm vào người thì người sinh đau ốm, nó chỉ sợ tiếng pháo hễ đốt pháo thì nó không dám đến. Nhưng tục ta cho tiếng pháo là tiếng vui mừng, chỗ không có ý đê trù quỷ.

Đêm ngày mồng bảy hạ cây nêu gọi là ngày khai-hạ và gọi là nhàn-nhật.

Từ hôm mồng bai tết giờ di, người thi chọn ngày xuất hành; người thi bài cảnh hoa về cài vào cửa gọi là di hái lộc; người làm quan thi chọn ngày khai ấn; học-trò thi chọn ngày khai bút; nhà buôn bán thi chọn ngày mở cửa hàng; nhà quê thi chọn ngày động thổ. Trăm công nghìn việc lại bắt đầu từ đó.

Suốt một tháng giêng, trẻ già giài gái kẽ chợ nhà quê, quần điều áo thảm, kẽ thi lễ bài chùa này miếu nọ, người thi du ngoạn cảnh nợ cảnh kia, chỗ thi thi hoa thủy-liên, chỗ thi thi hoa-dăng, chỗ thi hội - hè hát xướng. Các người nhân, năm ba người tụ lại đánh bài đánh bạc. Ngoài ngũ ba ngã bảy, đám thi quay dắt, đám thi lúc-lắc thò-lò, tông chi gọi là cách thường xuân.

(Việt-Nam phong-tục — Đ. D. T. C. số 26)

### 3. Chùa-chiền

Một làng có một chùa thờ Phật, có làng to thi lập đến hai ba ngọn cờ.

Gian giữa từng trên nhất thờ ba vị Thế - tôn đầu tóc xoăn như ốc bám thường gọi là Bụt Ốc. Kế đó là Mu Thiện mười hai năm rồi đến bà Di-Lặc béo phúc - phịch, tục truyền bà ấy nhịn mặc mà ăn cho nên béo. Kế đến tượng Quan - Âm có Kim - đồng Ngọc - nữ kèm hồn đôi bên, một bên cuối con bạch - tượng một bên cuối con thanh - sư.<sup>1</sup> Rồi đến tượng Ngọc-Hoàng, một bên là Nam-Tào, một bên là Bắc-Đầu. Ngoài cùng thi là tượng Cửu-Long bằng đồng, có Phật Thích-Ca đứng giữa.

Hai bên ở phía trong, một bên tuờ ông Tu - Sương gầy khô như hạc, tục truyền là nhịn ăn mà mặc cho nên gầy, một bên thi thờ Thị - Kinh, tay bế một đứa con, cạnh mình có con vẹt đứng, tục truyền là Thị-Hiện - Sĩ (chồng bà ấy) hóa thân. Ở phía ngoài thi mỗi bên có 5 ông bụt gọi là Thập-diện La - Hán.

Hai gian cạnh gần gian giữa một bên thờ tượng Long-Thần mặt đỏ mắt xanh, gọi là Đức Ông hoặc Đức Chúa từ là thờ thần. Một bên thờ thầy Đường-Tăng có Đại-Thánh, Bát - Giới đứng hầu. Hai gian ngoài cũng thờ hai tượng Hộ - Pháp, một tượng mặt mũi hiền lành cầm quả án, một tượng mặt mũi dữ tợn vác thanh gươm, mỗi tượng cưỡi một con nghe.<sup>2</sup>

Còn đối bên vách tường thì đắp một động, nào là Thiên-phủ có quần tiên gầy dàn thối sáo vui vầy ; nào là Địa-phủ có Diêm-Vương hành tội những người chết, kẻ thì bị quỷ sứ cửa đầu kim lưỡi, kẻ thì bị quỷ sứ quẳng vào núi gươm dao, kẻ thì được lên thiên đường hưởng sự sung-sướng, kẻ thì bị trầm-luân nơi khô ái, trải nấm đắng cay v. v...

Ngoài cửa chùa có cửa tam-quan làm gác chuông, mỗi buổi chiều thi thỉnh ba hồi chuông rồi mới tụng kinh niệm Phật.

Sau chùa có tinh<sup>3</sup> thờ chư-vị và có nhà thờ tổ. Nhà thờ tổ là những tăng ni tu-hành ở đó, về sau mất đi nhà chùa to tượng để thờ. Lại có nhà hầu đền thờ những người mua hậu chùa, cứ đến ngày giỗ thì nhà chùa phải làm giỗ. Có phòng riêng làm chỗ nhà sư ở gọi là nơi trụ-tri. Có chỗ đền khách khóa ngồi chơi, gọi là phuơng-trượng.<sup>4</sup> Phía sau thì là nơi mộ-tháp của tăng ni.

Chùa làm nơi danh-lam thắng-tịch, cách-thức to-tát rộng rãi, phong-cảnh thanh-thú vô-cùng. Nhưng cũng nhiều nơi ở giữa quãng đồng không, hoặc ở bên sườn núi xa thăm, vài ba gian tiều-tụy lợ-thờ, quanh năm ít người thăm viếng thì lại là nơi cô-tịch quá.

Chùa phải có nhà sư ở, sư nam gọi là tăng, sư nữ gọi là ni. Chùa nào không có tăng ni thì có một thầy tư gọi là thầy già-làm đê coi việc đèn hương cúng-cấp.

Dân làng mỗi năm về những ngày đoàn - dương<sup>5</sup> chính-dân<sup>6</sup> thi dùng lễ oán chuối đem đến lễ Phật. Về ngày giỗ sư

tô, dân làng cũng đem buồng cau và một vài đồng bạc đến lễ giỗ. Nhưng khi dân đến, nhà chùa thường phải dùng cỗ chay khoản dãi.

Cỗ chay dùng toàn đậu, bột khoai, vừng, chẽ ra nấu các thức, cũng đủ giò, chả, bóng, mực v.v...

Còn về phần nhà chùa thì mỗi tuần, rằm, mồng một phải in cản cúng Phật. Cúng rồi chia cho các vãi mỗi người một phần cản một quả chuối gọi là lộc Phật. Các vãi phải mỗi tháng đóng tiền cúng về nhà chùa.

Ngày vào hè, ra hè, thượng-nguyên<sup>7</sup>, trung-nguyên<sup>8</sup> cùng là các ngày mùng năm ngày tết đều có làm cỗ chay cúng Phật rồi thi thiết-dâí các con công đệ-tử. Các vãi và các con-hương đệ-tử ăn cỗ mỗi người cúng độ một vải hào bạc, nếu không cúng mà ăn không của bụt thi phải tội. Ăn xong mỗi người lại được một phần-oản, một quả chuối để làm phần.

Nhà chùa có việc tu - tạo gì hoặc là tô tượng, đúc chuông thì tăng ni nói với dân làng đứng lên lập sô phồ-khuyến cho người đem sô đi quyên-giáo thập phương gọi là việc tập-phúc. Có khi một vài người sự, tiều cầm sô đi khắp các làng các ngõ vào từng nhà mà quyên, có khi năm bảy bà vãi kéo vào từng nhà, nam-mô niệm Phật rầm xóm; có khi hai người khiêng cái vồng trên đòn treo cái chuông hoặc cái kiềng, theo sau một lũ năm bảy bà vãi, đi đến các chợ búa, gõ chuông quyên-giáo. ai cũng đồng tiền nào ném vào trong vồng. Ở chỗ cửa chùa thì bày một cái nong bên cạnh đường đi, đốt năm ba nén hương cắm lên bình, vài bà vãi đánh trống kẽ kẽ, ai đi qua lại cũng quẳng dăm ba đồng kẽm hoặc một vài xu vào cúng.

Việc to có sô quyên, ai cũng bao nhiêu phải đền tên, biên số tiền vào sô, đợi khi xong việc liệt tên lên bảng đền tố cái lòng tốt của người ta. Việc nhỏ cũng dăm ba hào, một vài xu thi thoái. Việc đúc chuông dấu cũng đồng tiền rỉ cũng phải lấy, nếu không lấy thi việc đúc chuông không thành.

**CHÚ-THÍCH :** 1. *Thanh-sư 青師*: Sư-tử xanh.— 2. *Nghé 耳*: Loại sú-  
tử.— 3. *Tứ-h*: điện thờ nhỏ.— 4. *Phương-trượng 方仗*: vuông mồi bè  
một trượng (10 thước). Nhà phương-trượng là nhà của người chủ-trì  
trong chùa. Theo tích một nhà cù-sĩ tên là Duy-Ma tại Tây-Vực ở trong  
một cái nhà đá vuông mồi bè dài một trượng.— 5. *Đoan-dương 端陽*:  
ngày mồng năm tháng năm.— 6. *Chính-dán 正旦*: ngày mồng một đầu  
tháng âm-lịch.— 7. *Thượng-nguyên 上元*: Rằm tháng giêng.— 8. *Trung-  
nguyên 中元*: Rằm tháng bảy.

#### 4. Đăng-khoa

Thì đỗ tú-tài gọi là *tiêu-khoa* (nhà Lê gọi là *sinh-dồ*) ;  
cử-nhan gọi là *trung-khoa* (nhà Lê gọi là *hương-cống*) ; phó-  
bảng, tiến-sĩ gọi là *dại-khoa*.

Phàm đăng-khoa có lệ phải đón rước. Đỗ tiêu-khoa  
một làng đi rước, đỗ trung-khoa một tổng đi rước, đỗ đại-  
khoa một huyện đi rước.

Có nơi đỗ tú-tài chỉ có mấy người bà con họ hàng đi đón  
hoặc dân làng cất-cử lý-dịch đem 4, 5 tên tuần-phu cắp tay-  
rước thời tú-và ra tại đầu cổng làng đón về. Song nơi hiến-  
hiệp văn-học thì có khi cả tổng đón rước.

Đỗ cử-nhan thi quan sở-tại súc về làng, hoặc lý-dịch hỏi  
người đỗ, đinh-ước hôm nào Ông tân-khoa về làng thi cả làng  
cả tổng đem long-dinh và đồ nghi-trượng sự-thần <sup>1</sup> đến tại chỗ  
tỉnh thành hoặc tại trường thi mà rước về. Ông tân-khoa đội  
mũ mặc áo của triều-dinh ban thưởng, cưỡi ngựa che lọng,  
đều có một vài dây-tờ điếu tráp đi hầu, thân-thích họ-hàng đều  
kéo đi đón, cờ múa trống gióng, dân làng dân-bà trẻ con cho  
là vinh-hiển lắm.

Đỗ phó-bảng có nơi rước, có nơi không rước.

Đỗ tiến-sĩ, nhà vua ban cho áo mũ, xiêm ủng và ban cho  
cờ biển vinh-quy. Cả hàng tổng hoặc nơi trọng văn-học thi cả

hàng tinh phải đem đồ nghi-trưởng sự-thần di rước. Ông tân-khoa tiến-sĩ mặc áo thụng lam, cưỡi ngựa, che đài lọng ; cha mẹ, vợ và ông thầy dạy học, mỗi người ngồi một cái vồng tròn, che một lọng, rước vinh-quy về làng, thiên-hạ kéo nhau đi xem, lại vinh-hiền hơn cù-nhân nhiều.

Từ tú-tài cho đến tiến-sĩ, dân làng đã rước về đến nhà thì phải giết trâu mồ bò, trước lê thản, lê văn-chỉ,<sup>2</sup> lê gia-tù,<sup>3</sup> rồi thi làm cỗ làm bàn khoản-dãi dân làng khách-khứa. Hát-hồng mừng đến năm bảy ngày. Dân làng khách-khứa dùng chè cau, tiền bạc, cầu dối, thơ, trường đến mừng rất là náo-nhiệt.

Có người nhà nghèo chưa lo được thi bà con thân-thích giúp-dỗ hoặc đi vay mượn về mà lo, có người chưa thể lo được thì đề hoãn đến một vài tháng mới dám đề dân làng di rước. Có người sợ phiền-phí thi trốn ở chỗ khác không đề rước sách gì nữa. Song hạng ấy về đến làng thì chưa được dự ngồi thứ gì.

Đăng-khoa là một sự vinh-hạnh của hàng sĩ-tử, mà làng nào có người đỗ cũng được dự phần vê-vang với hàng tổng hàng mạc. Cho nên tục ta quý-trọng cái sự đăng-khoa lắm. Có người đang nghèo kiết, sờ chẳng ra, rà chẳng thấy, mà đỗ lên được một tí thi kẽ vì người nè, động nói vay vào đâu cũng dắt. Lại nhất là người nào trẻ tuổi, vợ con chưa có, đỗ về đến làng, đã chán người dòm nom muốn gả con cho ; có người lại cất thêm cửa nhà, tiền của để mua lấy tiếng bà Nghè bà Cống cho con. Song cũng nhiều người vì đỗ mà phải vay công lãnh nợ, sĩ-diện vê-vang được một lúc thì ôm xác, lo giả nợ nửa đời người.

Vậy thi cái tục quý-trọng ấy cũng có vinh-hiền cho người, nhưng lại làm cực-khổ cho người.

Vâ-lại trong khi rước sách, thiên-hạ cho là vinh-hiền, nhưng thiết-tưởng người có kiến-thức thi quen lấy làm nực cười. Tuy rước sách là trọng mang triều-dinh chờ không riêng người tân-khoa, nhưng thử nhìn cái quang-cảnh lúc ewoi con ngựa, che cái lọng, di vênh-vào trong đám mây

dứa vác cờ đánh trống, khoe mặt với vài lũ con trè dàn-bà, thì có thú-vị gì, chắc có người lấy làm thiện-chờ không. Thiện là vì tài đức chẳng là bao mà nặng lòng trọng-dâi của triều-đinh, thiện vì học-thức vị tắt giỏi mà uồng lời khen-ngợi của dân-gian.

(*Việt-Nam phong-tục — ĐDTC số 83*)

**CHÚ-THÍCH :** 1. *Nghi-trượng sự thần* 儀仗事神 : các đồ binh-khi theo đường nghi-thức dề thờ thần (sự : thờ). — 2. *Văn-chỉ 文址* : cái nền cao dề thờ các bậc khoa-hoạn trong làng.— 3. *Gia-tý 家祠* : nhà thờ tổ-tiên minh.

### 5. Luận về nguyên-lý văn-chương

Phản việc gì, cũng có nguyên-lý. Nguyên-lý tức là cái lẽ căn-nguyên của việc ấy. Văn-chương cũng vậy. Đặt nền câu iho câu hát, viết ra bài luận bài văn, thì gọi là văn-chương. Song thử xét xem căn-nguyên của văn-chương ấy, bởi lẽ gì mà có, vì ở đâu mà sinh ra thì gọi là nguyên-lý văn-chương.

Cha mẹ dạy con, giảng-giải điều hồn lê thiết, rạch-rời kể tóc chân lơ. Hai người tự tinh biệt-ly với nhau, ấm lạnh ngọt bùi, kè hết nỗi này kè sang nỗi khác. Người đàn-hà lờ bước, thở dài than vắn, phàn-nàn những số-phận hầm-hiu. Đứa mục-dồng di chăn trâu, nhân kbi thích-chí nghèu-ngao vài tiếng giữa đồng, đó toàn là cái mầm của văn-chương cả. Nói cho cùng thì một tiếng cười một tiếng khóc của đứa trẻ thơ, cũng là cái gốc văn-chương.

Người ta có tinh-tinh, có tư-tưởng, có ngôn- ngữ văn-tự, thì tự-nhiên phải có văn-chương. Tinh-tinh người ta cảm-xúc với ngoại-vật, sinh ra khi mừng, khi giận, khi vui, khi buồn, khi xót-xa, khi ham-muốn. Các mối tình ấy chứa ở trong bụng, tất phải tiết ra nhời nói : đó tức là nguyên-lý văn-chương.

Tư-tưởng là cái trí suy-nghĩ tự trong óc biết phân-biệt lẽ phải-lẽ trái, biết phán-doán điều dở điều hay, biết suy-xét đến những

Tý cao xa, mắt không trông thấy, tai không nghe tiếng. Những điều nghĩ ra được lại muốn tỏ cho người khác biết, đó cũng là nguyên lý văn-chương.

Có tinh-tinh, có tư-tưởng, mà nếu không có ngôn-ngữ văn-tự thì cũng không thành văn-chương được. Xem như giống súc-vật cũng có cảm-giác, mà không có văn-chương là bởi không có ngôn-ngữ văn-tự. Vậy ta phải nhờ có ngôn-ngữ mới đạt được tinh-tinh tư-tưởng của ta, thì ngôn-ngữ văn-tự cũng là cái nguyên-ý của văn-chương.

Nói rút lại thì sở-dĩ có văn-chương, một là bởi ở tinh-tinh, hai là bởi ở tư-tưởng, ba là bởi ở ngôn-ngữ văn-tự, đó là ba cái căn-nguyên trước nhất. Có ba cái căn-nguyên ấy, rồi những sự quan-cảm ở bè ngoài đến mới thành ra văn-chương vậy.

Quan-cảm bè ngoài, thi lại do ở cảnh-tượng của tạo-hóa, do ở công-việc của cuộc đời, và ở cảnh-ngộ của một mình.

Cảnh-tượng của tạo-hóa hiền-hiện ra trước mắt ta nghìn hình muôn trạng làm cho ta phải nhìn phải ngắm, phải nghĩ-nghĩ ngần-ngo. Ta cứ theo cái cảnh-tượng ấy mà tỏ ra thì gọi là văn-chương tả-cảnh,

Công-việc của cuộc đời, xẩy qua đến mắt ta, chạm đến tai ta, việc gần việc xa, việc lớn việc nhỏ, có việc ta ghét, có việc ta ưa, làm cho ta phải khen phải chê, phải cười phải khóc, ta cứ theo công-việc đó mà ghi chép lại thì gọi là văn-chương tự-sự hay là nghị-luận.

Cảnh-ngộ của một mình, khi gặp được cảnh sung-sướng khi gặp phải cảnh chua-cay. Ta nhận cái cảnh-ngộ đó, ta muốn giải-tô cái tình của ta thì gọi là văn-chương tự-tình bay là thuật-hoài.

Văn-chương tuy nhiều, nhưng đại ý thì bất ngoại ba điều ấy.

Cứ như vậy thi văn-chương cũng là một cái lẽ tự-nhiên phải có của trời phú-bẩm cho người ta. Song người ta tuy có sẵn cái phú-bẩm ấy, nhưng phi có tài cũng không tả ra được, mà có tài phi có học thi văn-chương cũng không sao hay được.

Văn-chương khác nhau với nhời nói thường. Nhời nói thường thì gấp đầu nói đầy, miễn là nói cho xuôi nhời, cho người ta hiểu được ý mình thi thoái. Chờ như văn-chương thì phải nói cho có ý-nhị, có văn-hoa, phải xếp đặt cho ra nhời óng-chuốt, ý-tử đều đuôi phải quán-xuyến với nhau, mới thành được văn-chương.

Người làm văn-chương, cũng như một tay họa-công. Họa-công có khéo tay thì nói vẽ đúng được hình-tượng ; văn-chương có tài-tinh thì nói tả đúng được tinh-thần.

Người có văn-chương, lại như cây có hoa. Cây có bồi-dưỡng được nhiều khí-lực thì nở ra hoa mới được phỏng-pháp ; người có hàm-súc được nhiều kiến-thức tu-tưởng thì tả ra văn-chương mới được dồi-dào.

Bởi các lẽ ấy mà tài văn-chương là tài hiếm có mà khoa văn-chương là khoa tối cao vậy.

**TIỀU-DÂN :** Việt-Hán văn-khảo là một mục do Phan-Kế-Bính phụ-trách trong Đông-Dương tạp-chí từ số 67 đến số 180. Về sau được in thành sách, và được Hội-Đông duyệt sách ngày 8-9-1934 nhận làm sách giáo-khoa tại các trường Pháp-Việt. Sách này gồm 8 tiết : 1. Luận về nguyên-lý văn-chương ; 2. Nói về các thể-thức văn-chương ; 3. Nói về phép làm văn ; 4. Nói về thủ-văn-chương ; 5. Nói về sự kết-quả của văn-chương ; 6. Luận về văn-chương đời thương-cổ ; 7. Luận về văn-chương đời trung-cổ ; 8. Luận về văn-chương cận-thời. Trong sách này, tác-giả có trích-dịch nhiều bài Hán-văn và văn-Nôm, khiến cho người đọc nhận được một cách khái-quát lịch-sử văn-học Trung-Hoa và Việt-Nam, cùng mối dây liên-lạc hai nền văn-học này. Chính trong lời tựa cuốn Việt-Hán văn-khảo, Phan-Kế-Bính đã viết : «Văn-chương chẳng những là một nghệ thuật thanh-nhã để diễn-tinh đường lanh mà thôi ; mà lại có thể cảm-động được lòng người, di-dịch được phong-tục, chuyên-biến được cuộc đời, cái công-hiện và đường giáo-hóa lại càng to lớn ! ».

Bài trích trên đây là tiết thứ nhất của cuốn Việt-Hán Văn-Khảo.

### 6. Luận về lý-thú văn-chương

Phàm về các cuộc chơi của thiên-hạ, cuộc nào cũng có một lý-thú riêng, như đánh cờ, uống rượu, gảy đàn, chơi cờ-tỷ-v.v. tuy là một cách tiêu-khiền nhô-nhặt, nhưng ngẫm ra thì cũng đều có một lý-thú. Mùn-tinh nước cao nước thấp, có thể nghiệm ra được các sự khôn-dại ở đời, gắt-gù chén tạc chén thủ, có thể quên hết được các sự phiền-uão ở đời. Nước chảy non cao, tĩnh-tinh nẩy ra ngoài mấy tiếng ni-non thanh-thót; hoa thơm cỏ rậm, hùng-thú gửi vào trong đám nghìn tia muôn hồng, cái lý-thú đó dấn tần-thường, nhưng cũng có thể di-di-rõng<sup>4</sup> được tinh-thần của người ta, mà cũng phải là người đạt-giả mới lĩnh-hội được.

Văn-chương cũng là một nghề chơi mà nghề chơi lại thanh-nhã, lại hữu-dụng, cho nên cái lý-thú cũng to hơn các cuộc chơi khác. Muốn biết cái lý-thú của văn-chương thì trước hết phải biết cái hay của văn-chương.

Thế nào là cái hay của văn-chương?

Văn-chương không phải gọt tung chữ, luyện tung câu lá hay, không phải đặt lấy kẽnh-kiệu, đọc lấy rền.rĩ là hay, cũng không phải chấp-chỉnh câu biến câu ngẫu, kỳ-khu trồ phượng chạm rồng là hay. Hay là hay ở tư-tưởng cao, hay là hay ở kiến-thức rộng, hay là hay ở lời bàn thấu-lý, hay là hay ở câu nói đạt-tinh.

Có cái hay kỳ-cô, có cái hay hùng-kiệt, có cái hay hồn-hậu, có cái hay thanh-sảng, có cái hay bóng-bây như vầng trăng dưới nước, như cành hoa trong gương; có cái hay man-mắc như gió phảy mặt nước, như sao mọc trên trời; có cái hay rực-rỡ như theo hoa dệt gấm; có cái hay qui-báu như nhả ngọc phun châu.

Văn-chương lại hay ở tư *tâm-khi*<sup>5</sup> nứa. Ông Mạnh Hông-Dâ<sup>6</sup> có nói rằng: « Văn-chương làm tâm-khi của hiền-nhân, tâm-

khi vui thì văn-chương chính, tâm-khi trái thì văn-chương không chính. ».

Văn-chương lại hay ở tự học-thức nhiều. Ông Phó Cảnh-Nhân <sup>4</sup> có nói rằng: « Tay áo dài khéo múa, lâm tiền khéo buôn. Ta chỉ nên lấy sách cõ-nhân, học cho thuộc và hiểu cho đến nghĩa tinh-vi, thì tự-nhiên nảy ra văn-chương, rõ-ràng như dáng mùa xuân, thơm-tho như mùi lan huệ ».

Văn-chương lại hay ở sự lịch-duyệt nữa. Xem bài tua của Mã-Tồn kẽ cái hay của Tứ-mã-Thiên nói rằng: « Tử-Trường binh-sinh tinh hay chơi, đang lúc còn trẻ tuở, hăng-hái tự-phụ, không dừng chân ở nhà mấy khi, không phải là đắm mê chơi rong đâu, nghĩa là xem cho trái biết cảnh lâ-lung thiên-hạ, để giúp cho cái khí văn-chương, rồi mới nhả ra làm sách. Nay xem trong sách của ông ấy thì tựa như trông thấy cảnh-tượng lúc đi chơi... Phàm muôn vật ở trong trời đất, những cảnh đáng sợ, đáng hãi, hoặc đáng vui lòng, làm cho người ta sinh mừng, sinh sợ, sinh lo, sinh buồn, hết thảy đều dùng làm văn-chương, vậy nên biến-hóa ra vào như muôn thứ cảnh-tượng, bày trong bốn mùa, không lúc nào hết. Muốn học cái văn-chương của Tử-Trường, trước hết nên học cái chơi của Tử-Trường mới được ».

Xem các lời trên này thì cái hay của văn-chương có nhiều lẽ, mà có hiểu được cái hay của văn-chương thì mới hội được cái thú của văn-chương. Cái thú tức ở trong cái hay mà ra. Kia như những cảnh-tượng của tạo-hoa, áo-áo, huyền-huyền, kỳ-kỳ, quái-quái, nghìn hình muôn trạng, biến-hóa vô cùng, ai trông cho hết, ai biết cho đủ, nhờ có văn-chương mà biết được hầu không sót điều gì. Kia như nhân-tinh thế-thái, nào ác, nào nịnh, nào trung, nào những dạ ngoắt-ngoéo khắt-khe, nào những thói thâm-trầm nham-biếm, ai nói cho xuê, ai kê cho xiết, nhờ có văn-chương mà vẽ ra không thiếu-nét nào. Ngồi trong xó nhà, mà lịch-lâm được hết các nơi danh-thắng ở thiên-hạ; xem trên mảnh giấy, mà tinh-tường được hết các

việc hay dở của thế-gian ; sinh ở dưới mây ngàn năm, mà tự hồ như được dõi diện và được nghe tiếng bàn-bạc của người sinh trước mấy nghìn năm, cũng đều nhờ có văn-chương cả.

Huống hồ ta nghe những câu cảnh - tinh, làm cho ta sực tỉnh được giấc mơ-màng ; ta nghe những lời cảm-thiết, làm cho ta kích-động đến lòng khảng-khai ; ta nghe những lời đạo-nghĩa, làm cho ta hưng-khởi cái mối thiện-tâm ; ta nghe những chuyện khoáng-đạt làm cho ta phát-sinh rạ chí cao-thượng, ta nghe những nỗi chua-eay của người đời, làm cho ta phải úa nước mắt khóc; ta thấy những thói lâ-lùng của nhân-thế, làm cho ta phải bật tiếng buồn cười, đó là những cái lý-của văn-chương cả...

Tuy vậy, cái thú văn-chương không phải dễ mà ai ai cũng hiểu được ; duy người nào linh-hội được thi mới được hưởng. Người không biết linh-hội, dù hay đến đâu cũng không biết là hay, dù thù đến đâu cũng không biết là thú, mà thường những câu của người ấy cho là hay là thú, thì lại là những câu không thù-vị gì. Còn như người linh-hội được thi bất cứ câu văn tinh-diệu hay câu tầm-thường, câu văn cao-kỳ hay câu thiêng-cận, lầm khi tự-nhiên nhân câu văn mà hội được cái thú riêng ; có khi lại hội được ở ngoài câu văn nữa.

(Trích trong Việt-Hán Văn-Khảo)

**CHÚ-THÍCH :** 1. *Di-dưỡng 恒養* : nuôi nấng làm cho yên-vui.— 2. *Tâm khí 心氣* : cái cách của lòng người.— 3. *Túc Mạnh-Hạo-Nhiên*, một thi-sĩ đời Đường bên Tàu.— 4. Văn-sĩ đời Minh.— 5. Văn-sĩ đời Tống— 6. Sir-gia nổi tiếng đời Hán, hiệu là Tử-Trưởng.

## B. LOẠI DỊCH-THUẬT

前赤壁賦

Tiền Xích-Bích phú

蘇子曰客亦知夫水與月乎逝  
.. Tô-tử viết: Khách diệc tri phù thủy dùn nguyệt hò? Thê  
者如斯而未嘗往也蓋虛者如  
giả như tu, nhì vĩ thường vắng dã; doanh hứ giả như  
此而卒莫能消長也蓋將自其  
bì, nhì tột mạc năng tiêu trưởng dã. Cái tương tự kỵ  
變而龍之則天地曾不能以一  
biển nhì quán chí, tắc thiên địa tăng bát năng dĩ nhất  
瞬自其不變者而龍之則物與  
thuần; tự kỵ bát biển giả nhì quan chí, tắc vội dĩ  
或皆無盡也而久何莫乎且夫  
ngā giao vō tận dã, nhì hựu hà tiễn hò! Thủ phủ  
天地之間物各有主苟非吾之  
thiên địa chi gian, vật các hữu chủ, cầu phi ngô chí  
所 有雖一毫而莫取惟江上之  
sở hữu tuy nhất hào nhì mạc thủ. Duy giang thương chí  
清風與山間之明月月得之而  
thanh phong, dù sơn gian chi minh nguyệt, nhì đắc chí nhì  
為聲目遇之而成色景之無集  
vĩ thanh, mục ngô chí nhì thành sắc. thủ chí vội cấm.  
用之不竭是造物者之無盡然  
dụng chí bát kiết, thị tạo-vật giả chí vội tận tăng  
也而吾與子之所共道  
dã, nhì ngô dù tử chí sở công thích..

TÔ ĐỘNG-PHA

Bài dịch:

Bài Phú Tiền Xích-Bích

.. Tô-tử nói: Vậy thế nào có biết nước và mặt trăng  
không? Nước chảy thế kia, mà chưa từng đi bao giờ; mặt

trăng khi tròn khi khuyết như vậy, mà chưa từng thêm bớt bao giờ. Bởi vì ta tự ở nơi biển-dối mà xem ra thì cuộc trời đất cũng chỉ ở trong một cái chớp mắt ; mà nếu tự ở nơi không biển-dối mà xem ra thì muôn vật cùng với ta đều không bao giờ hết cả, cần gì phải khen đâu ! Vâng lại ở trong trời đất vật nào có chủ ấy, nếu không phải của ta thì dẫu một li ta cũng không lấy. Chỉ có ngọn gió mát ở trên sông, cùng là vầng trăng sáng ở trong núi, tai ta nghe nên tiếng, mắt ta trông nên vẻ, lấy không ai cầm, dùng không bao giờ hết, đó là kho vô-tận của Tạo-hóa, và là cái của chung của bác với tôi.

## PHAN-KẾ-BÌNH

**TIỀU-DÂN :** Tại phủ Hoàng-Châu, tỉnh Hồ-Bắc bên Tàu, có một giầy núi tên là Xích-Ty-Co, người đương thời ngô nhận là núi Xích-Bích. Vì thế Tô-Đông-Pha (1036 - 1101), một văn-hào đời Tống, làm quan bị trích ra Hoàng-Châu, nhão đi chơi núi Xích-Ty-Co, làm ra bài Tiếu Xích-Bích phú (bài phú Xích-Bích lần đầu) và bài Hậu Xích-Bích phú (bài phú Xích-Bích lần sau) để trình-hàm tư-tưởng đạt-quan của mình. Trong bài phú Tiếu Xích-Bích, Tô-Đông-Pha có liên-tr้อง đến giầy núi Xích-Bích & huyện Gia-Ngư, cũng thuộc tỉnh Hồ-Bắc, là nơi Chu-Du đời Tam-Quốc, dùng mèo hỏa-công đánh tan binh thuyền của Tào-Tháo. (Vì hai bên bờ sông lửa đốt thành sác đỏ, nên gọi là « Xích-bích » nghĩa là « sác màu đỏ ». Đoạn trích trên này có ảnh-hưởng trong nhiều bài thơ của ta, như thơ của Nguyễn-Công-Trí, Cao-Bá-Quát..)

## NHÓM NAM PHONG TẠP CHÍ

**Bối-cảnh lịch-sử :** Tính đến năm 1917, người Pháp đã đặt cuộc đà-bộ trên toàn-thể lãnh-thổ Việt-Nam được hơn 30 năm. Họ đã lập tại Đông-Nam Á-Châu một khối thuộc-địa mệnh-danh là Liên-Bang Đông-Đương. Buổi đầu, họ lo xếp-đặt việc cai-trị, đồng-thời « giúp » Triệu-đình Huế đánh dẹp những nhóm người tiếp-tục kháng-chiến. Khi tình-hình đã tần-triển khai-quan, họ bắt tay vào công-việc khai-thác kinh-tế : Khai mỏ, mỏ-mang kỵ-nghệ và đồn-diễn cùng nền ngoại-thương.

Tuy phong-trào Cầu-vương và Văn-thân đã thất-bại, phần lớn sĩ-phu vẫn không chịu hợp-tác với Pháp. Một số chuyển sang mặt trận văn-hóa, chủ-trương nâng cao dân-trí để tạo căn-bản cho công-cuộc giải-phóng quốc-gia. Phong-trào Đông-du và Duy-tân, việc thành-lập Đông-Kinh Nghĩa-Thục năm 1907 ở Hà-nội và những tổ-chức tương-tự ở Trung và Nam-Việt nằm trong phạm-vi chương-trình « thức-tỉnh dân-tộc » theo giuong Nhật-Bản. Công-cuộc Duy-tân của Khang-Lương<sup>1</sup> và cuộc cách-mạng Tân-Hợi (1911) ở Trung-Hoa có ảnh-hưởng rất lớn đối với giới trí-thức Việt-Nam đã được đào-luyện trong « lò » Nho giáo. Vì phần lớn sĩ-phu không chịu hợp-tác, Pháp phải dùng nhiều phần-tử ít học hoặc lưu-mach trong các co-quan chính-quyền trong khi chờ-đợi đào-tạo được một lớp « cán-bộ » mới. Việc bài-bô thi Hương năm 1915 ở Bắc và năm 1918 ở Trung chính-thức chấm dứt một chế-dộ giáo-dục lão-thời. Lão-thời vì xâ-hội Việt-Nam đã bị đào-lộn với sự xâm-nhập của giới tư-hàn Pháp, với sự mỏ-mang những kỵ-nghệ mới, với những nếp sống mới nhấp-cảng, với ảnh-hưởng của những tư-tưởng Tây-phương. Sau một thời-gian dài-dăm, nền hoc-chinh được tổ-chức lại và dần dần tiến tới việc dùng tiếng Pháp làm chuyêng-ngữ ở bậc tiểu-học, trung-học. Năm 1914 cuoc đại-chiến bùng-nổ. Pháp cần đến tiền của và kho nguyễn của Việt-Nam nên thi-hành một chánh-sách ve-văn bằng những hứa-hẹn tốt đẹp trong những bài diễn-văn hùng-hồn, hoa-my. Thái-độ đó không lừa-dối được những người Việt sáng-suốt nêu năm 1916 và 1917, lại xảy ra việc vua Duy-Tân âu-mưu khôi-nghĩa ở Huế (cùng Thái-Phiên và Trần-Cao-Vân), việc đánh phá khám-lòn Saigon.

1. Khang-Huu-Vi và Luong-Khai-Sien.

(Phan-Xích-Long) và chiếm Thái-Nguyên (Trịnh-văn-Cẩn tức Đội Cẩn). Năm 1919, cuộc đại-chiến đã bước vào giai-đoạn quyết-liệt và từ sau khi Hoa-Kỳ nhảy vào vòng chiến (tháng 4), cán-cán lực-lượng nghiêng về phe Anh-Pháp và Đông-Minh. Về văn-học, ta chỉ mới có những bản-dịch tiểu-thuyết Trung-Hoa chứ chưa có sách quốc-văn. Về báo-chí, thì trong ba tờ do người Pháp là Schneider sáng-lập (Lục-Tỉnh Tân-Văn ở Saigon, Đông-Dương tạp-chí và Trung-Bắc Tân-Văn ở Hà-Nội), chỉ có Đông-Dương tạp-chí nhằm mục-dịch nâng cao dân-trí bằng những bài phổ-biển học-thuật và tư-tưởng Đông-Tây, dịch ở Hán-văn hoặc Pháp-văn ra tiếng Việt. Tuy tạp-chí này còn ở trình-độ phổ-thông, nó đã góp phần đào-luyện cho nền quốc-văn ngày một phong-phú hơn. Dù sao, trong nước vẫn còn thiếu một cơ-quan khảo-cứu về học-thuật, tư-tưởng cổ-lâm Đông-Tây cho người chỉ biết quốc-ngữ. Chính trong hoàn-cảnh này, NAM-PHONG TẠP-CHÍ xuất hiện.



Hình bìa NAM-PHONG TẠP-CHÍ  
Số 112, tháng 12 năm 1926  
kích 18cm x 26cm



NGUYỄN-BÁ-HỌC



UYÊN-HỮU-TIẾN

**Sự thành-lập và mục-đích :** Nam-Phong là một tạp-chí văn-học, khoa-học do một viên quan cai-trị Pháp là MARTY sáng-lập với sự hợp-tác của Phạm-Quỳnh và Nguyễn-Bá-Trác. Số đầu ra mắt ngày 1-7-1917 gồm những mục : luận-thuyết, văn-học bình-luận, triết-học bình-luận, khoa-học bình-luận, văn-uyên, tạp-chí, thời-đài, tiểu-thuyết, hầu hết do Phạm-Quỳnh chủ-trương. Những số sau đại-khai cũng gồm có những mục kề trên. Tạp-chí Nam-Phong là một nguyệt-sát, có đủ ba phần Hán-văn, Pháp-văn (từ tháng giêng năm 1918) và Việt-văn, nhưng Việt-văn chiếm địa-vị quan-trọng hơn cả. Những biên-tập-viên xuất-sắc nhất là Phạm-Quỳnh, Nguyễn-Bá-Học, Nguyễn-Kiều-Tiển, Nguyễn-Trọng-Thuật, Phạm-Duy-Tân, Đông-Hồ, Tương-Phê.

Mục-đích của tạp-chí là « *thể cái châ-nghĩa khai-hoa nhà nước, biến-tập các bài báng-quốc-văn, Hán-Văn và Pháp-văn, để giúp sự mở-mang tri-thức, giữ-gìn đạo-đức, trong quốc-văn An-Nam, truyền-hà các khoa-học của Thái-Tât, nhất là học-thuật tư-tưởng Đại-Pháp, bảo-tồn quốc-thúy của Việt-Nam ta, cũng là bính-vực quyền-lợi người Pháp, với Nam trong trường kinh-tế* ». Ngoài ra, Nam-Phong lại « *châ-jig về sự luyện-quốc-ngữ cho thành-mít nền quốc-văn An-Nam* ».

Người đương-thời đã bàn-tán rất nhiều khi Pháp cho tàng-lập tạp-Nam-Phong. Theo họ, dụng-ý người Pháp là cung-cấp cho giới trí-tử và thanh-niên bản-xí một món ăn nguy-hiem, hướng tinh-thần ái-quốc họ về dì-vâng, từ ngã họ bằng những học-thuyết cổ-hủ, lỗi-thời, khoa-hung văn-hóa Tây-phương, nhất là văn-hóa Pháp để gây một tý-tí mặc-hầu làm tê-liệt ý-chí tranh-dấu của họ sau những thất-bại chua-cay của người tiền-bối trước sức mạnh của học-thuật và võ-lực Tây-phương.

Việt-Nam chả săn có óc phục-cố và phục-thiện mà ! Cái tên Nam-ang thực là khêu-gọi ! Nó bắt ta nghĩ tới bài hát « Gió Nam » ở thời ig-kim của Trung-Hoa :

« Nam-Phong chỉ huân hờ, giải ngô dân chỉ huân hờ ! »

« Nam-Phong chỉ thời hờ, phu ngô dân chỉ tài hờ ! »

(nghĩa là : Gió Nam mát chừ ! cởi nỗi buồn phiền cho dân ta. Gió Nam hợp thời chừ ! làm tăng của-cải cho dân ta ! ). Vì những lý-do đó, người Pháp đã bắt các tổng-lý cùng các giáo-chức ở thôn-quê phải mua Nam-Phong để phô-biển sâu rộng khắp nơi. Những lời bàn-tâu đó không phải là vô căn-cứ. Những chū-ý của Phan-Quỳnh khi chủ-trương tờ Nam-Phong là luyện « quốc-ngữ cho thành một nền quốc-văn An-nam ». Và ở điểm này, nhóm Nam-Phong đã thành-công rực-rỡ.

**Thành-tích.**— Muốn đạt mục-đich phô-biển bằng tiếng Việt tu-tưởng học-thuật Âu-Á cho người chỉ biết đọc quốc-ngữ và luyện-tập quốc-văn cho nền văn ấy có thể thành-lập được, các biên-tập-viên nhóm Nam-Phong đã làm các việc sau này :

— Viết các bài khảo-cứu về triết-học, khoa-học, văn-chương, lịch-sử của Á-Đông và của Âu-Tây ;

— Dịch các tác-phẩm về triết-học, văn-học nguyên viết bằng chữ Nho hoặc chữ Pháp ;

— Sưu-tập các thư văn cổ của nước ta (cả chữ Nho và tiếng Nôm) :

— In các sách cũ của nước ta (như bộ Lịch triều hiến-chương loại chí).

Tạp-chí Nam-Phong đã có ảnh-hưởng vĩ-hai phuơng-diệu :

1) Về đường văn-tự, tạp-chí ấy đã :

a) Sáp-nhập vào tiếng ta nhiều danh-từ triết-học, khoa-học mới mượn ở chữ Nho.

b) Luyện cho tiếng ta có thể diễn-dịch được các lý-thuyết, các ý-tưởng về triết-học mới.

... 2) Về đường học-văn, tạp-chí ấy đã :



ĐÔNG-HỒ



TƯƠNG-PHỐ

- a) Phổ-thông những điều yếu-lực của học-thuật Âu-Tây.
- b) Diễn-dát những điều đại-cương các học-thuyết cũ của Á-Đông (Nho-học, Phật-học, v.v.., và bảo-tồn những điều cốt-yếu trong văn-hóa cũ của nước ta (văn-chương, phong-tục, lề-nghi) <sup>2</sup>.

Trong « Phê-Bình và Cáo-luận », khi đề-cập đến báo Nam-Phong Thiếu-Son viết :

« Có nhiều người không biết đọc văn Tây, văn Tân chỉ nhờ Nam-Phong hanh-đắc mà cũng có được cái tri-thức phổ-thông, tạm đủ sinh-hoạt ở đời. Có nhiều ông đồ Nho chỉ coi Nam-Phong mà cũng biết được đại-thái những văn-chương học-thuật của Tây-phương. Có lâm ông đồ Tây chỉ coi Nam-Phong mà cũng hiểu qua được đối-chút cái tinh-thần Đông-Á.

Nói tóm lại, trên quá-trình thành-lập nền quốc-văn mới, nhóm Nam-Phong và nhất là Phạm-Quỳnh, chủ-nhiệm kiêm chủ-bút — đã đóng một vai-trò quan-trọng.

## PHẠM - QUỲNH

(1890 - 1945)



PHAM-QUYNH

Tiêu-sử : Ông hiệu là Thượng-Chi, có hiệu nữa là Hồng-Nhân, người làng Lương-Ngọc, phủ Bình-Giang, tỉnh Hải-Dương. Vì xưa kia phủ Bình Giang có tên là Thượng-Hồng, nên Phạm-Quỳnh mới đặt hiệu là Hồng-Nhân nghĩa là «người vùng Hồng».

Từ năm 1913, Phạm - Quỳnh đã viết cho Đông-Dương tạp-chí. Tháng 7 năm 1917, ông sáng-lập tờ Nam-Phong và làm chủ-nhiệm kiêm chủ-bút của tờ báo này từ

ngày ấy cho tới tháng 1 năm 1934

(17 năm). Năm 1919, ông là một trong những sáng-lập viên của Hội Khai-trí-tiến-đức (A.F.I.M.A). Năm 1922, ông cùng đi với vua Khải-Định sang Pháp dự dấu-xảo tại Marseille. Trong thời-gian này, ông có diễn-thuyết tại trường Thuộc-địa, trường Ngôn-ngữ Đông-phương, hội Đông-phương ái-hữu, hội Địa-địa Paris và Hàn-lâm viện luân-lý chính-trị Pháp. Khi trở về nước, ông được cử dạy khoa Hán-Việt tại trường Cao-đẳng Hà-nội cho đến khi trường này đóng cửa (1924-1932).

Về chính-trị, ông là nghị-viên trong Hội-đồng tư-vấn Bắc-kỳ (1929), làm Tổng thư-ký và sau là Phó hội-trưởng Hội-đồng kinh-tế và tài-chính (thành-lập năm 1929), và Tổng thư-ký của Hội Cứu-tế xã-hội (1931). Ngày 8.9.1932, Bảo-Đại về nước, Phạm-Quỳnh được cử làm Ngự-tiền văn-phòng. Ngày 2.5.1933, ông được thăng Thượng-thư Bộ Học và Tổng kiểm-soát (Rapporteur général). Ông chủ-trương chế-độ quân-chủ lập-hiến trong khuôn-khổ hiệp-vước 3884. Chủ-trương này bị Nguyễn-Vân-Vinh phản đối trên tạp-chí Annam Nouveau. Năm 1939, ông lại sang Pháp lần nữa, lần này cùng đi với Bảo-Đại.

Ngày 9-3-1945 Nhật đảo-chinh Pháp, thay-thổ Hội đồng cải-cách Phạm-Quỳnh bằng Nội-các Trần-Trọng-Kim. Ngày 23-8-1945, Phạm-Quỳnh bị bọn quá-kích sát hại.

Tác-phẩm : Phạm-Quỳnh có một kiến-thức sâu rộng về cả hai nền học Tây-phương và Đông-phương. Ông khảo-cứu về tất cả các vấn đề văn-học, triết-học, chính-trị, kinh-tế, xã-hội, giáo-đạo. Văn ông trang-nghiêm, cổ kính, hay dùng chữ Hán và thường thường dài giòng ; người ta gọi là « *Lối văn Phạm-Quỳnh* ». Nhưng trong các bài du-ký, thì lời văn lại nhẹ-nhàng, duyên-dáng, hấp-dẫn.

Xét toàn-thể văn-nghệp của Phạm-Quỳnh, người ta thấy rõ ba khuynh-hướng sau này

1) Phát-huy cá-tính quốc-gia dân-tộc.— Về chính-trị, Phạm-Quỳnh chủ-trương yêu-cầu người Pháp sửa lại chính-sách cho đúng với hiệp-ước 1884, nghĩa là công-nhận Việt-Nam là một quốc-gia có quyền tự-trị.

Để cho lập-trường đó được vững-chắc, ông thường nêu ra những bằng-chứng tỏ ra rằng dân-tộc Việt-Nam có một cá-tính riêng-biệt. Ông trình-bày những trang biển-hách của lịch-sử nước nhà, vạch rõ những cái hay, cái đẹp trong những phong-tục cũ (Phụng-thờ tổ-tiên. Ngày Tết...). Ông nghiên-cứu về Nho-giáo, Phật-giáo, Lão-giáo là những trào-leu-tu-tưởng đã có ảnh-hưởng sâu-dặm trong học-thuật, tư-trưởng, phong-tục, tập-quán của dân-tộc Việt-Nam. Với những lý-lẽ ấy, ông quả-quyết rằng : « *Dân-tộc Việt-Nam chúng tôi không thể vì như một tờ giấy trắng được dán chúng tôi là một quyền cách ch' đây những ch' bằng một thứ mực không phai, đ' máy mươi thế-kỷ nay ; không có thuốc gì xóa bẩn được tát-khử áy đ'i, không ai có quyền tu-do muốn viết gì vào đây thì viết được ! » (Trích trong bài diễn-văn « Một vấn-đề dân-tộc giáo-đạo » đọc tại Hà-Lâm-viện Pháp ngày 22-7-1921).*

Về chương-trình phục-hưng văn-hóa quốc-gia, Phạm-Quỳnh cung-kích kịch-liệt những người có chủ-trương lấy tiếng Pháp thế cho tiếng Việt, và đề-nghị cổ-động việc chấn-hưng, phổ-biến chữ quốc-ngữ. Hán-văn, theo ý ông, rất cần-thiết cho việc bô-túc quốc-văn ; nên ông khuyên các nhà trí-thức của nước ta nên học hỏi thứ từ-ngữ này (chữ Nho với văn quốc-ngữ). Nhằm mục-dịch chấn-hưng tiếng Việt, ông có viết nhiều bài khảo-luận về văn-chương Việt-Nam như Khảo về truyện Kiều (1919), Tục-ngữ ca-dao (1921)...

2) Thủ-thái tinh-hoa văn-hóa Tây-phương.— Nhưng nền văn-hóa quốc-gia muôn được phong-phú, cần phải nói rộng cửa để đón các trào-lưu văn-hóa Tây-phương. Tuy nhiên, theo ý ông, phải có một tinh-thần làm nòng-cốt vững-chắc thì sự bắt-chước mới có bô-ich; nếu chỉ bắt-chước cái hình-thức bề ngoài, thì không những không ích-kỷ gì, mà lại còn nguy-hại là đáng khắc. Với lập-trường ấy, Phạm-Quỳnh đã biên-khảo và dịch-thuật các sách của tác-giả Âu-Tây nhất là các văn-gia Pháp. Đem cái sô-trường của người để bồi-bổ cho cái sô-doàn của mình, đó là chủ-trường mà Phạm-Quỳnh luôn luôn theo đuổi. Bởi vậy, ông thường so-sánh các quan-niệm khác nhau giữa Đông-Phương và Tây-Phương về các địa-hạt đạo-đức, văn-chương, mỹ-thuật... Thị dụ : Ông ví Khổng-Tử với Socrate, Mạnh-tử với J. J. Rousseau ; nêu ra những điểm tương-đồng của người quân-tử trong đạo Khổng với người chính-nhân trong cổ-văn Pháp... Trong những cái mà dân ta vốn thiểu, ông nhấn-mạnh vào phương-pháp, và kêu gọi các nhà trí-thức nước ta nên thâu-nhập của Tây-phương để xứng-đáng là những « kỵ-sư » mở đường khai lối cho đồng-bào. (Thư gửi bạn, 1919).

3) Tông hợp tu-tưởng Đông-Tây : Từ chủ-trường thủ-thái văn-hóa Thái-tay, Phạm-Quỳnh tiếc-tối một quan-niệm rộng-rãi hơn nữa : sự tổng-hợp văn-hóa Đông-Tây. Trong bài Đông và Tây (Orient et Occident) (1919) ông viết : « Hai phần nhân-loại đó từ lâu sống cách-bié特 nhau, hoàn-toàn không biết gì về nhau, mỗi phần tran-giỏi cái lý-tưởng riêng của mình. Lý-tưởng của Đông-phương là một lý-tưởng hiền-tríết (idéal de sagesse) thuận-lợi cho một sự an-nhàn, hạnh-phúc. Lý-tưởng của Tây-phương vốn là một lý-tưởng thống-trị (idéal de puissance). Lý này đã phát-minh ra khoa-học, nhằm chế-ngự các lực-lượng thiên-nhiên để bắt chung phung-sye con người (...). Khoa-học cũ thì Đông-nghĩa với sự hiền-tríết còn khoa-học mới thì thường là sự phù-nhận nó (...). Lý-tưởng phải là có thể thực-hiện được sự thô-hiếp, đâm-hà của Tây và Đông, của khoa-học Âu-tây và hiền-học Á-đông... » « ... Chính từ sự thống-nhất đâm-hà của khoa-học Âu-tây, và hiền-học Á-đông sẽ phát-sinh một nền văn-hóa mới ; nền văn-hóa đó sẽ là nền chân văn-hóa của toàn-thể nhân-loại. » (Vấn-đề Đông-Tây. Le problème Orient-Occident, 1932).

Phạm-Quỳnh lo ngại rằng vì nền hiền-học cổ của Đông-phương mỗi ngày một suy-tàn, đến khi Tây-phương nhận thấy tầm quan-trọng của

sự tổng-hợp tư-tưởng Đông-Tây, thì «nếu biến-học cỏ đó đã mất đi rồi, và Tây-phương sẽ đổi diện với một Đông-phương bán Áu-hóa». Bởi vậy, ông chủ-trương bảo-tồn nền luân-lý cỏ-truyền Á-dông bằng cách trình-bày những cái hay, cái đẹp của nó. Đồng thời, để lưu-ý các nhà tri-thức Việt-Nam về vấn-đề này, ông thường bình-luận các sách ngoại-quốc trong đó vấn-đề tổng-hợp Đông-Tây được nghiên-cứu một cách sâu-xa.

Thí-dụ : Cuốn « Các lý-tưởng ở Đông-phương » của văn-sĩ Nhật KABURA (1931), cuốn « Nguyên-lý duy nhất của triết-học và khoa-học Á-dông » của triết-gia Nhật NYOTTI SAKURAZAWA (1931)... Chúng ta cần biết trong thời-kỳ mà Phạm-Quỳnh bàn đến văn-bé « xa-xã » này, tình-hình sinh-hoạt tri-thức của nước ta như thế nào ? « Chao ôi ! Triết-gia Việt-Nam, những ai thiết-thế đến văn-đề này lấy đâu mà có nhiều. Môn học vô-tu về loại suy-tưởng chưa phải là công-việc của đồng-bào chúng ta, kể cả bậc thượng-lưu. Các nhà nho cũ, những ai cảm-thấy lỗi-thời cũng không có sự cõ-gắng để theo kịp trào-luân tư-tưởng tiền-bộ. Còn hạng thanh-nien tri-thức thì chưa ra khỏi cái học sách-vở và ngoại-lai. Họ không quan-siệm được rằng cần có một nền giáo-hóa nào khác cái giáo-hóa mà họ thu nhận được trong các sách giáo-khoa. Đối với cả hai hạng tri-thức trên đây thì sự để tâm đến văn-hóa vô-tu, không mâu-nghiệp lướt qua phong-đẹp phù-phiếm của sự-vật và còn cõ-gắng tìm đến nguồn-gốc thâm-sâu của tinh-thần, thì hoàn-toàn cõi là văn-đề xa-lạ. Một dấu trường học có nhiều, bằng-cấp lầm, sự hanh-học mà bẽ ngoài thanh-nien biêu-lộ để thu-hoạch một học-thức đòi với họ chỉ có giá-trị ở chỗ mà tất cả các cửa công-cử và đưa họ đến địa-vị, thì sự thực ở đây chưa có một hoạt-động tri-thức nào đáng chú ý cả ». (Philosophie d'Extreme-Orient, 1931) <sup>1</sup>.

Tác-phẩm Việt-văn của Phạm-Quỳnh có thể chia ra làm ba loại :

#### 1.— Loại trước-tác :

A) Văn-nghị-luận : Nghĩa-vụ là gì ? (N.P. năm 1917) — Sự giáo-dục dân-bà con gái (N.P. năm 1917) — Văn-quốc-ngữ (N.P. năm 1917) — Chữ-nho với văn-quốc-ngữ (N.P. năm 1918) — Chữ Pháp có dùng làm quốc-văn An-Nam được không ? (N.P. năm 1918) — Đạo-đức đã đến ngày từ-chức chưa ? (N.P. năm 1919) — Văn-đề dân-tộc giáo-dục (N.P.

<sup>1</sup>. Bản dịch của Nguyễn-Đặng-Thực (Nguyệt-san Văn-hóa Á-châu số 6, tháng 9 năm 1958).

năm 1922) — Trả lời bài « Cảnh cáo các nhà học-phật » đăng trong Phụ-nữ tân-văn (N.P. số 152, 7-1930) — Bài về quắc-học (N.P. số 163, 6-1931)...

B) *Văn-học* Mười ngày ở Huế (N.P. số 10) — Một tháng ở Nam-Kỳ (N.P. số 17, 19, 20) — Pháp du hành-trình nhâ.-ký (N.P. 1922-1925)...

C) *Văn-phê-bình* : Phê-bình cuốn « Một tấm lòng » của Đoàn-Nhu-Khuê (N.P. số 2, 8-1917) — Mộng bay mị ? (Phê-bình cuốn « Giác mộng con » của Nguyễn-Khắc-Hiếu) (N.P. số 7, 1-1918) — Pháp-văn tiêu-thuyết bình-luận (N.P. số 9, 3-1918) — Bài về bí-kịch của Molière (N.P. số 35, 5-1920)...

#### H.—Loại khảo-cứu :

A) *Văn-Học Việt-Nam* Khảo về truyện Kiều (N.P. năm 1919). — Tục-ngữ ca-dao (N.P. số 46). — Văn-chương trong lời hát à-dao (N.P. số 69) — Việt-Nam thi-ca (N.P. số 64) — Hán-Việt văn-tự (N.P. từ số 107 trở đi).

#### B) *Học-thuật Âu-tây* :

1.— *Văn-học* : Đẹp là gì ? (N.P. 1917) — Pháp-văn thi-thoại Beaudelaire (N.P. số 6, 12-1917) — Sứ-học chuyên-luận (N.P. 1918) — Bài về diễn-thuyết (N.P. 1921) — Văn-hào Pierre Loti (N.P. số 72, 6-1923) — Lịch-sử và học-thuyết của Rousseau (N.P. các số 104, 4-1926), của Montesquieu (N.P. số 108, 8-1926), của Voltaire (N.P. các số 114, 115) — Anatole France (N.P. số 161, 4-1931) — Văn-học nước Pháp (N.P.T.T. năm 1929) — Khảo về tiểu-thuyết (N.P.T.T. năm 1929)...

2.— *Triết-học* : Khảo về các luân-lý học-thuyết của Thái-tây (N.P. từ số 92 trở đi) — Triết-học là gì ? (N.P. 1918) — Học-thuyết của Auguste Comte (N.P. số 138, năm 1929), của Bergson (N.P. số 150, năm 1930)...

3.— *Kinh-tế, xã-hội, chính-trị* : Khảo về ngân-hàng (N.P. 1919) — Văn-minh luân (N.P. số 42) — Thế-giới tiền-bộ sứ (N.P. từ số 51 trở đi) — Lịch-sử thế-giới (N.P.T.T. năm 1930) — Khảo về chính-trị nước Pháp (N.P. từ số 31 trở đi) — Chính-trị học (N.P. từ số 148 trở đi)...

C) *Học-thuật Á-Đông* : Phật-giáo lược-khảo (N.P. từ số 40 trở đi) — Cái-quan-niệm người quân-tử trong triết-học đạo Khổng (N.P.T.T. 1928)...

**III.—Loại dịch-thuật :**

1.—*Triết-học* : Phương-pháp luận của Descartes (*Discours de la méthode*) (N.P. các số 3, 4, 5, năm 1917).— Lời cách-ngôn của Marc Aurèle (N.P. các số 128, 129, năm 1928)— Sách cách-ngôn của Epictète (N.P. 1929) — Đời đạo-lý của Paul Carton (*La vie sage*) (N.P. 1929)...

2.—*Kịch-bản* : Tưởng Lôi-Xích (*Le cid*) của Corneille (N.P. các số 38, 39) — Tưởng Hòa-Lạc (*Horace*) của Corneille (N.P. các số 73, 74, 75)...

3.—*Tiểu-thuyết* : Ái-tình của Guy de Maupassant (*Une vie*) (N.P.T. năm 1929) — Ôi thiếu-niên của Courteline (N.P.T.T. năm 1929).

Ngoài ra Phạm-Quỳnh còn viết mấy quyển bằng Pháp-văn như : *L'idéal du sage dans la Philosophie confucienne* (1928), *Le paysan tonkinois à travers le parler populaire* (1930), *La poésie annamite* (1931), *Essais franco-annamites* (1937), *Nouveaux essais franco-annamites* v.v... Các sách này ông viết cốt để cho người Pháp biết chính-kiện của ông và phong-tục, tư-tưởng của người Việt-Nam và Á-Đông.

**Các bài trích :**

*I.—Loại trích-tác :*

- A) Văn nghị-luận.
- B) Văn du-ký.
- C) Văn phê-bình.

*II.—Loại khảo-cứu :*

- A) Văn-học Việt-Nam.
- B) Học-thuyết Á-đông.
- C) Học-thuật Âu-tây.

*III.—Loại dịch-thuật.*

CÁC BÀI TRÍCH

## I. LOẠI TRƯỚC-TÁC

## A) VĂN NGHĨ-LUẬN

## 1. Nghĩa-vụ là gì ?

Tiên-nho có câu : « Muốn nhập-môn đạo Không-Mạnh, trước hết phải biết phân-biệt điều nghĩa, điều lợi ».

Tiên-nho gọi điều nghĩa, tức ta gọi là nghĩa-vụ ; tiên-nho gọi điều lợi, tức ta gọi là quyền-lợi. Hai cái quan-niệm về nghĩa-vụ quyền-lợi thực là cái chốt của luân-lý vậy. Nghĩa với lợi quan-hệ nhau thế nào, đó là vấn-dề rất trọng, người ta dù ở đời nào nước nào, cũng phải từng xét đến. Vì giải-vấn-dề ấy, tức là giải nghĩa dời người vậy.

Đại-dè các xã-hội ngày xưa lấy nghĩa trọng hơn lợi, không những thế, mà trong hai cái quan-niệm về nghĩa-vụ cùng quyền-lợi, chỉ biết nghĩa-vụ mà không hề nghĩ đến quyền-lợi. Lại không những thế, mà trong một xã-hội những người vì địa-vị của mình được có quyền-lợi đối với người khác, cũng tự coi quyền-lợi ấy là nghĩa-vụ. Vua đối với tôi, cha đối với con, chồng đối với vợ, đều là có quyền-lợi riêng, mà thực là có nghĩa-vụ riêng. Vua có quyền trị dân, nhưng cái quyền ấy tức là phải lo cho dân được an-lạc ; cha có quyền dạy con, nhưng cái quyền ấy tức là phải gây dựng cho được nền người ; chồng có quyền khuyên vợ, nhưng cái quyền ấy tức là phải mưu cho gia-dinh được thuận-hòa vui-vẻ. Nói rút lại thì ngày xưa quan-niệm quyền-lợi thuộc về « tiêu-cực » mà quan-niệm nghĩa-vụ thì thuộc về « tích-cực » mà « tích-cực » ngày nay tưởn hổ như phản-trái lại : « tiêu-cực » chuyển ra « tích-cực » mà « tích-cực » chuyển ra « tiêu-cực », quyền-lợi xem ra trọng hơn nghĩa-vụ.

Sự chuyên-dịch ấy khởi ra từ Âu-Châu. Các nước Âu-Tây xướng ra nhân-quyền, làm kinh-thiên động-dịa vì hai chữ « quyền-lợi ». Vua có quyền-lợi đối với dân, nhưng dân cũng

có quyền-lợi đối với Vua; cha có quyền-lợi đối với con, nhưng con cũng có quyền-lợi đối với cha; chồng có quyền-lợi đối với vợ, nhưng vợ cũng có quyền-lợi đối với chồng. Bấy nhiêu quyền-lợi tranh-danh xung-dột nhau, khởi lên như giáo-dụng, thì phản-dịch làm sao cho được? Ai cũng có quyền-lợi cũ, mà duy có cái quyền-lợi tối-yếu là cái quyền quyết định mọi sự cạnh-tranh thì không thuộc về ai! Bởi vậy mà trong lịch-sử Âu-Châu đã từng nỗi-lên lầm-phen biến-loạn cải-cách, gây nên phong-trào tự-do bình-dâng ngày nay. Nhưng người Âu-Châu giàu tinh-tự-trí, tập-thoi tự-do đã lâu đời, nên đã khởi ra mới có thể đương được cái phong-trào ấy. Thế mà lần-khi nó mạnh-quá cũng còn sinh ra nhiều sự nguy-hiểm cho xã-hội. Như trong nước ai cũng đòi quyền-lợi, thậm-chí người dân-bà cũng bỏ-chốn khuê-phòng mà ra nơi công-chung yêu-cầu những quyền-bầu-cử, quyền-chính-trị, thi xã-hội còn có trật-tự nào nữa, gia-dinh nào có thể vững-bền sao được?

Các nhà-tri-thức bên Âu-châu vẫn biết cái nguy-dó, nên nhiều người đã tìm cách đề-duy-tri cho xã-hội. Các nhà-ấy nghĩ rằng tự-do mà đến cực-diêm thì không phải là một sự bay-nữa mà thành một cái-vụ, quyền-lợi mà không có hạn chế thì chỉ đủ gây-nên rối-loạn. Vậy muốn chừa-lại cái-tệ-ấy, không gì bằng bồi-duoing lấy « lòng-nghĩa-vụ » trong quốc-dân-khiến cho ai-nấy đều hiểu rằng người ta tuy có quyền-lợi, nhưng trọng-nhất là nghĩa-vụ của mình, muốn hưởng quyền-lợi kia, trước phải làm cho trọng-nghĩa-vụ này mới được. Một nhà-làm-sách có tiếng ở nước Pháp bàn-về nghĩa-vụ đã nói-rằng :

« Từ thuở đồng-đấu cho đến tuổi trưởng-thành, cả công-việc giáo-dục phải là chỉ-gồm-lại một bài-dạy nghĩa-vụ. Phàm việc-mưu-toan, phàm sự-nghiệp mục-dịch-đi, cũng phải xét-theo một phương-diện cao-thượng-ấy-cả, khiến cho hai chữ nghĩa-vụ thành một cái-dầu bài-hàng ngày phải giảng-dễn, diễn-ra dù các-mặt, lấy những gươong-danh-dự xưa nay mà chứng-tỏ thêm vào. Phải giải-cho rõ rằng nghĩa-vụ đối-với quyền-lợi là dụng-cái-thể-quân-bình, không những-thể mà-lại

điều-hoa thích-hợp với nhau nữa. Phải bày cho tường rặng nghĩa-vụ vốn nó trang-nghiêm tôn-trọng, càng thực-hành ra bao nhiêu lại càng cao-cảng qui-lén bấy-nhiêu. Phàm người làm cha, làm-thầy, làm bạn, không cần phải có văn-bằng su-phạm, đều là có tu-cách dạy-nghĩa-vụ. Nghĩa-vụ mãnh-liết thế nào, phong-phú thế nào, nó cho người ta cái-sức cát-nỗi-quả-núi, nó tẩm-gội cho tâm-hồn người ta, rửa-sạch mọi sự phiền-não khiến cho trong-long được vê-bình-tĩnh. Phàm việc gì bởi nghĩa-vụ mà làm thi làm-mới được trọn-vẹn, mà những việc ấy thường-lại là những việc rất khó-khăn. Làm việc nghĩa-vụ, dù không thành-công, không được lợi-lộc, mà trong sự thất-bại cũng có cái-thú ám-thầm nó dẽ cho công-khổ-nhọc. Nghĩa-vụ không bao giờ khiến cho phải oán-thán-hối-hận. Bao giờ cũng có cái vê-bình-tĩnh uy-nghiêm, mà không biết cái mủi-xót-xa-cay-dắng » (Henri Lavedan).

Mấy lời đó thực là cực-tả cái-thể-lực, cái-oai-quyền, cái-hiệu-nghiêm, cái-công-đức của hai-chữ-nghĩa-vụ.

Ấy các nước Âu-Tây là nơi tu-tưởng về quyền-lợi-thịnh-hành như-thế, mà còn-trọng, còn-thờ-nghĩa-vụ như-vậy. Cho-hay-mỗi-nghĩa-vụ quyền-lợi-thực như-lời-nhà-danh-sĩ Pháp đã-nói, dựng-thể-quân-binh, nếu thiêng-trọng một-bên-nào thì-trật-tự-xã-hội tất-phải-diễn-đảo.

PHẠM QUÝ NH (1917)

## 2. Cái thiêng-chức của người đàn-bà

Quách-Phác ngày-xưa có bài-ca bốn-câu-tả người đàn-bà :

*Chàng như mây-mùa-thu,  
Thiếp như khói-trong-lò.  
Cao-thấp-lẽ-có-khác,  
Một-thả-cùng-luyệt-vời!*

Ý-vì thay-lời-thơ-cô ! Đàn-ông với đàn-bà thực là mày-với-khói, địa-vị-có-khác-nhau mà-tính-chất-cũng-là-một-tao-vật-cũng-cho-cái-sức-bay-bồng-như-nhau.

Bà-cùng-có-sức-bay-bồng-như-nhau, sao-nở-dễ-kè-mau-người-chạm ?

Bởi-dó mà-vẫn-dễ-giáo-dục đàn-bà con-gái-thành-ra-một-việc-quan-trọng-vô-cùng.

Có sao từ xưa đến nay, dù nước nào cũng vậy, dàn-ông vẫn được trọng mà dàn-bà phải chịu khinh?

Chẳng qua là bởi lẽ yếu-mạnh tự-nhiên, lẽ ấy bắt đầu từ khi các xã-hội mới thành-lập, mà nhân-tuần mãi đến những thời-dai đã văn-minh. Dàn-bà bẩm-sinh kém dàn-ông bờ-lứ-lực, nên từ nguyên-thủy, vẫn phải mang phận mỏng-hèn. Rồi sau các xã-hội đặt pháp-luat, dùng luân-lý, cứ chuẩn-y cái địa-vị lục ban-dầu mà nhặt thành một công-lệ thiền-nhiên. Từ đấy nhân-loại tiệt-nhiên chia làm hai phần: dàn-ông là bậc chủ-nhân, dàn-bà là hạng nô-lệ. Xét lịch-sử các dân các nước, đời xưa đời nay, về khoản thân-phận người dàn-bà trong xã-hội, thật là lầm đoạn thảm-thè thè-thảm, biếu-dương mà lưu-truyền đến thiên-vạn-cái ô-hạnh của giòng tu-ni!

Mãi đến cận-dai, các nước Âu-châu mới xướng lên cái thuyết dàn-ông dàn-bà bình-dẳng, thực là mở ra một kỷ-nguyễn mới trong lịch-sử loài người. Người dàn-bà như cây hoa mọc trong buồng tối, đem ra nơi sáng-sủa mắt-mẽ, hò-hấp cái không-khi tự-do của trời đất, được thỏa sức mà nở-nang, thơm-tho mà tò-diễm thêm cho cuộc đời trên cõi đất.

Từ xưa thế-giới là của riêng của dàn-ông, từ nay thế-giới là của cả dàn-bà. Dàn-bà tuy không làm những sự-nghiệp lớn-lao, biến-cải mặt địa-cầu, nhưng ánh-hưởng trong gia-dinh, trong xã-hội, dám-thảm mà sâu-xa biết đường nào. Ai cũng biết văn-minh của các nước Thái-Tây ngày nay vừa có sức mạnh-mẽ mà vừa có vẻ thanh-cao, vẻ này điều-hòa cho sức kia được mềm-mại êm-dềm, khỏi thành ra cái vỗ-lực thô-bi mà tàn-bạo. Sức mạnh-mẽ ấy là công của dàn-ông đặt máy móc, lập công-trình, đào sông-xẻ núi, lội bờ vượt không; vẻ thanh-tao kia là công của dàn-bà, trong bể vật-chất cạnh-tranh ngày nay, gầy thành một chốn Bồng-Lai tiên-dảo, gồm cái ái-tinh, cái phong-phù của đời người mà bày ra những cảnh nền thơ nèn mộng. Người ta ở trong một cõi đời chỉ om-sòm những tiếng máy-móc, nồng-nàn những khí cạnh-tranh, thi sống sao được? Phải có lúc được nghe giọng hát vé-von, cung đàn diu-dặt, trong bóng trăng mà không ghen đến chí Hăng.

Hằng-Nga đã bỏ cung mây xuống trần, thì mới giải được mọi sự phiền muộn, thư-thái được tinh-thần mà di-dưỡng được tinh-tinh.

Ấy cái thiên-chức của người đàn-bà ở đời như thế. Phàm giáo-dục đàn-bà con gái phải tùy theo cái thiên-chức ấy mới là phái đường, mới là hợp lẽ vậy.

PHẠM QUÝNH (1917)

Việc giáo-dục đàn-bà, con gái

### 3. Thái-độ các nho-sĩ Việt-Nam đối với người Pháp.

... Trên kia tôi đã nói rằng dân chúng tôi đối với qui-quốc cũng dành lòng cam chịu, cho là một sự dĩ-nhiên bởi phép lịch-sử khiến nên, không sao tránh được. Thực ra, thời kẻ đàn-anh chúng tôi đã từng mục-kích sự chinh-phục, đối với tinh-cảnh ấy không thể đem con mắt triết-học mà diêm-nbiên xét được. Ngày nay ngày tháng đã xa, tinh-thế đã hiều, chúng tôi mới dành lòng như thế, chứ hồi bấy giờ kẻ đàn-anh chúng tôi đối với người qui-quốc chẳng qua coi là một giỗng « xâm lược » mà thôi. Mà thật cũng không tránh được : trứ là một dân hèn-mạt suy-dốn, không đáng sống dưới ánh mặt trời thời không kề, chứ đã gọi là một nước có bao giờ lại giương tay ra đón lấy kẻ ngoại-quốc đến cưỡng-chiếm đất-nước mình. Bởi thế nên trong hai mươi năm sau khi qui-quốc sang chiếm-cứ, nào là dây loạn, nào là âm-mưu, nào là phản-nghịch, là do cái lòng ái-quốc bị khốn-nhục, bị căm-tức đến tột gan, mới phải phản-dộng lên, nhưng sự phản-dối ấy kẽ cũng chẳng nguy-hiểm gì và qui-quốc dùng vũ-lực dẹp được ngay. Sự phản-dối công-nhiên ấy lại chưa bằng sự phản-dối ngầm.ngầm, phản-dối trong tinh-thần, không những phản-dối cái thê-thống mới, mà cái gì là tay cũng không tra cả. Chủ-dụng sự phản-dối ấy là bọn văn-thân. Bấy giờ người nào theo Tàu coi như người phản-quốc, và nói cho thực, những hạng ấy cũng không phải là người hay. Sau này thường có người trách chinh-phủ Bảo-hộ hồi bấy giờ đã cho những kẻ bất-lương

lên những ngôi danh-giá ; nhưng phải biết rằng bối ấy không có ai nữa, và không thể kén chọn được.

Sự phản-dối ấy sâu cho đến nỗi học tiếng tay, không những thế, học văn-tay và văn-quốc-ngữ do văn-tay mà ra, cho làm một sự xấu-hổ, một sự thất-giá. Tôi có biết một ông nhà-nho có kiến-thức hiều rằng người An-Nam cần phải học tiếng của nước đã thắng-mình, muốn làm gương cho người ta bắt-chước, bèn bắt đầu học văn-tay và mấy câu thường dùng nhưng mà không dám công-nhiên học. Mỗi lần mở quyền sách văn hay quyền học tiếng thời ngời giấu vào chỗ khuất trong nhà, dặn dòng để ai vào.

Một dẫu thời cái-gi của người Tây, từ thời ăn cách-ở, đều là trái tai mắt của chúng tôi cả. Tôi còn nhớ có một bài văn-tế của một ông quan-nho thời bấy giờ làm đề viếng một ông quan-võ Pháp, có lẽ chính là Henri Rivière hay là Francis Garnier. Bài văn-tế ấy đầy giọng hoạt-kè, và dù tỏ được cái quan-cảm của bọn quan-thác, bọn « thức-giá xã-hội » Việt-Nam hối bấy giờ đổi với hết thảy cái-gi là của Tây. Lời văn-tế đại-khai nói rằng : « Tôi là ông quan An-Nam được lệnh làm bài văn-tế viếng ông là quan võ Laug-Sa. Ông thật cũng là người kỳ : tóc ông thời quắn, mũi ông thời lồ, ông cõi ngựa mà miệng ông huýt cõi để gọi chò ; trên bàn ông bày những chai, ngoài sân ông trồng những cỏ. Tuy ông có tài thao-lược mà ông cũng bị người ta giết chết. Tôi thương thay cho ông ! »

PHẠM-QUỲNH (1922)

**TIỀU-DÂN :** Đoạn này trích trong bài diễn-văn « Sự tiến-hóa về đường tinh-thảo của người An-Nam ngay khi nước Pháp đặt Bảo-hộ » đọc tại Trường Thuộc-địa Paris ngày 31-5-1922. Trong đoạn đầu bài diễn-văn, ông tả rõ cái ánh-hu้อง nặng-nỗ và tai-hại của văn-minh học-thuật Tàu từ khi bước ta mới có lịch-sử cho tới hậu-bán thế-kỷ thứ 19, và nói đến sự phản-dòng của cái « dân-tộc bẩn-nặng » đã khiến cho nước ta thoát khỏi sự dung-hoa vào nước Tàu. Theo ý ông, người Pháp « đã sang kịp thời

để giúp sức thêm cho sự phản-động ấy ». Sau đó, ông nói đều thái-dộ của các nho-sĩ và binh-dân Việt-Nam đối với người Pháp. Rồi ông trình bày lập-trường của ông là hợp-tác với người Pháp, nhờ người Pháp để mà tăng-tiến về đường tinh-thần uì-thức, vì việc người Pháp ở đây là « một việc dĩ-nhiên » mà ta « phải tam chua như thế, như là cái phép nghiêm của lịch-sử đã khiến nên, không sao tránh được ». Để biện-hả cho lập-trường của mình trước lời chỉ-trích của các nhà cách-mạng xuất-ngoại, ông nói : « Những anh em xuất-duong hết sức cõi-dộng, không ai hổng-ang, đã nhiều lần thống-trách chúng tôi, cho là cam-tâm nô-lệ, nhu-nhược không còn có sức hoạt-dộng gì nữa. Chúng tôi nghĩ mình không đáng lỡ trách ấy. Chúng tôi thuận lòng như thế là vì chúng tôi đã hiểu rồi. Chúng tôi đã hiểu rằng cái vận-mệnh nước Nam là liền với nước Pháp, và đang khi số-mệnh nước Pháp còn bị nguy-ngập ở nơi chiến-trường, chúng tôi không nên thừa cơ bạo-động, phải nên già công gián-dập mới được, và nghĩa lý đều khuyên như thế ».

#### 4. Văn Quốc-ngữ

Văn-dẽ quan-trọng nhất trong nước ta ngày nay là văn-dẽ văn-quốc-ngữ. Văn-dẽ ấy có giải-quyết được thì sự học mới có thể tần-tới, dân-tri mới có thể mở-mang, cuộc tiến-báo sau này mới có thể mong-mỗi được. Đến ngày chũ quốc-ngữ dùng làm quốc-văn được thì người nước Nam mới có thể thâu-thái các khoa-học mới mà gầy thành một nền học thích-hợp với trình-dộ, với tinh-cách dân ta. Đến ngày ấy thì người nước ta mới phát-hiểu được tinh-thần cốt-cách của mình, tinh-thần cốt - cách ấy hiện nay còn mập-mờ phảng-phất như ảnh không hình vậy. Nói rút lại, văn quốc-ngữ có phát-đạt thì nền quốc-học mới gầy-dụng được, mỗi tư-tưởng mới mở-mang được, quốc-dân ta mới không đến nỗi chung-kiếp đi học mướn viết nhò như từ xưa đến nay vậy.

Trách lịch-sử cũng không bồ-ich gì, mà làm án tiền-nhân lại là phạm tội bất - hiếu. Vậy ta chẳng nên oán-gì các cụ ta

ngày xưa vì say đắm chữ tàu nên lăng-bỏ tiếng nôm, dè cho con cháu ngày nay khô vì có nước mà không có văn, có người mà không có cách nói cho nhau nghe ngoài những câu nhát-dụng thường-dàm. Ta chỉ nên xét hiện-tình mà khuyên quốc-dân dè tâm dè ý vào một vấn-dề rất quan-hệ cho tương-lai nước nhà.

Hiện nay ai cũng rõ rằng chữ quốc-ngữ là tiện-lợi; so với chữ tây-chữ nho học vừa dễ mà vừa mau, nhưng cũng vì thế mà coi thường coi khinh, cho là không đáng công học; không biết rằng chữ quốc-ngữ ấy chính là cái bè từ dè cùu-vót bọn ta trong bể trăm-luân vậy.

Ôi ! có nước mà không có tiếng nói, còn gì khô bằng ! Trong khi học-tập năm ba anh em ngồi với nhau, bàn những chuyện thiết-tha, nói những điều tăm-sự, mà đương đầu chuyện phải pha một hồi tiếng tây hay điềm mấy câu chữ tàu, thì cực biêt bao nhiêu ! Viết một bức thư là sẽ tăm lòng cho người yêu-kẻ mến, lời di cảm-tinh cũng phải di theo, thế mà bày tỏ cái cảm-tinh ấy ra cũng không thể dùng được thứ tiếng nói bắt đầu học từ khi lọt lòng mẹ, thì thảm biêt đường nào :

Ấy cái hiện-tinh như thế. Người trong nước ai là người doái nghĩ đến ? Những người nhiệt - thành về tây-học thì ước cho chữ tây thông-dụng cả trong nước, lấy tiếng Pháp mà thay vào tiếng ta không những trong khi học-tập mà đến cả trong lúc chuyện trò nữa, không biêt rằng sự «đồi nǎo» ấy là thuộc lẽ thiên-nhiên không thể nào thành được. Mà dù có làm được nữa cũng là một sự không nên. Vì chữ Pháp phải coi là một thứ «cao-dẳng văn-tự», người nào có tr-cách nên nghiên-cứu cho thực thám dè làm cái thang mà bước lên cõi văn-minh, nền học-thuật mới, nhưng cái của báu ấy không thể đem ban-phát cho khắp mọi người được, sợ không biêt của, dùng lầm mà làm mất giá di vây. Cứ xem người nước ta theo tây-học đã ngoài bốn mươi năm nay mà chưa thấy gì là tǎn-tới cho lắm, mới biêt rằng một thứ văn-tự cao-quí như chữ Pháp phải phí nhiều công-phu lắm mới học cho đến nơi đến chốn được. Còn học dở-dang, biêt mập-mờ thì thà không học không biêt lại còn hơn.

Đến những nhà cứu-học thì tuy ngày nay không còn mấy nữa, nhưng còn người nào đều là ôm cái chủ-nghĩa chán đói cũ. Trong thấy cái học cũ mỗi ngày một mòn-mỏi đi, không thể cứu vớt được nữa, trong lòng những thương cung nhó, không hề xét đến tình-thế tất-nhiều, không hề nghĩ đến tiền-dồ sự học, tựa-hờ như quay mặt cả về kỷ-vãng mà ngoanlò hưng lại với tương-lai vậy. Nói văn-quốc.ngữ với các nhà ấy thì họ cũng cho là vô-vị như chuyện Không-Mạnh đối với người tây-học vậy.

Như thế thì cả quốc-dân không hề lưu-lâm đến cái vần-dề tám-buyết, là vần-dề chữ quốc.ngữ ; cả quốc-dân không hề tự hỏi : một nước có thể không có quốc.văn được không ? Một nước muốn muôn sự sinh-tồn, tìm đường phát.dat, có thể đợi chờ học mướn viết nhờ mãi được không ?

Đời trước đã làm, đời nay phải biết tránh vết xe cũ mà đừng đi. Vì nước Nam xưa kia có được vài ba ông Nguyễn.Du, năm bảy bà Thị-Điêm, mấy cụ Bảng.Đôn, mấy cụ Yên.Đỗ, thì chỉ mà quốc.văn chẳng đã phong-phù rồi, chỉ mà dân nghèo-nàn như ngày nay !

Các cụ đã xao-lắng, bọn ta phải chăm-chút. Dám quyết rằng công-phu này không phải là công-phu uổng. Cái chất nòi tuy còn mộc-mạc như súc-gỗ chưa thành đồ, nhưng nếu khéo-bào khéo-chuốt thì có ngày bóng-bẩy như trắc-gụ cũng nên.

Vẫn biết rằng văn-quốc.ngữ ngày nay chưa có cái thú-vị gì khả lấy làm vui được cho các bậc cao-sĩ. Ngồi hầu chuyện các vúu-nhân thi-sĩ nước Tàu nước Tây vẫn còn sướng hơn là đê tai nghe những tiếng bi-be của đứa lên ba đất Nam-Việt. Nhưng mà kính-trọng bậc tôn-trưởng bao nhiêu, trưởng cũng uên phù-trí cho đứa anh-hài bấy nhiêu mới là phải. Huống chi đứa anh-hài lại là sản-nhì giòng Hồng Lạc, thì công phù-trí ấy há lại chẳng nên thiết tha mà chăm-chút bội-phản dư ?

Bởi vậy mà ngày nay người nào chịu tập văn-nôm là làm một việc công-đức, người nào chịu xem văn-nôm là làm một việc nghĩa-vụ vậy. Công-đức ấy, nghĩa-vụ ấy, người có lòng có dạ với nước, bà lại chẳng nên vui-vẻ mà làm dư ?

Văn quốc-ngữ ngày nay cũng tức như đồ Bát-tràng Phù-lãng ngày xưa. Ai đã từng vào xem nhà bảo-tàng của trường Bác-cô Hà-nội, tất trông thấy ở gian bày đồ cổ An-Nam có mấy bộ tam-sư, ngũ-sư, đinh, lọ hằng sành từ đời Cảnh-hưng, Vĩnh-thịnh, hình cổ-kinh mà trang-nghiêm, chất bóng-bẩy mà chải-chuốt, nước men nét bút cũng chẳng kém gì sứ-tàu. Cớ sao mà những đồ ấy nay không thấy ai chế, không thấy đâu có nữa ? Cớ sao mà cái kỹ-nghệ quý-báu của ông-cha ấy, ngày nay ngoài mấy bộ của trường Bác-cô, không còn di-tích nữa ? Cớ sao mà chính người noi sản-xuất dắt đến xem lấy làm kinh-ngạc mà không dám nhận ? Chẳng phải là nước ta xưa nay đã quá dùng quá chuộng đồ tàu, mà đồ sứ tàu đã giết mất đồ sành ta dữ ?

Ai ơi, quốc-nghệ xưa kia đã thế, quốc-văn sau này thế nào ? Xin đừng-bảo ta chờ lăng-bỏ, chờ khinh-rẻ văn quốc-ngữ. Tương-lai nước nhà chính ở đó.

PHẠM QUỲNH (1917)

### 5. Tại sao từ xưa đến nay nước ta không có một nền Quốc-học ?

Thuộc về địa-ly là nước ta tiếp-cận ngay với nước Tàu, đối với Tàu, dù sau khi ta độc-lập rồi, vẫn coi như một nước phụ-dụng, một nước phiên-thuộc. Ta chỉ là một bộ-phận trong cái thế-giới Chi-Na mà thôi. Thông-tục thường có câu : Nước Tàu như cái áo, nước ta như cái giải. Thật thế nước ta — nhất là xứ Bắc-Kỳ là nơi phát-tích của nước ta — chẳng qua là một tỉnh Quảng-Đông lạc về phía Nam mà thôi. Người dân vốn cũng là một giống trong các giống Bách-Việt như người Quảng-Đông. Nhờ đất liền nên sự giao-thông lại càng thản-mặt lắm. Người Tàu tiện đường tràn sang nước ta, hoặc bằng cách chiến-tranh hoặc bằng cách hòa-bình; cứ luôn luôn hết đời ấy sang đời khác, không hồi nào là không. Cho nên nước ta dù có biệt-lập thành nước, nhưng về đường địa-ly vẫn là tùy-thuộc nước Tàu. Khác với Nhật-Bản là một đảo-quốc cách bờ, người Tàu không trực-tiếp sang được, nên không bị xâm-lấn bao giờ. Cò giữ được độc-lập về thô-vũ mới giữ được được độc-lập về tinh-thần.

Thuộc về lịch-sử thì sự quan-hệ của ta với Tàu lại mệt-thiết hơn nữa. Giống Giao-Chí ta từ khi mới thành bộ lạc đã bị người Tàu thống trị rồi. Trong mười thế-kỷ, ta sống ở trong vòng-khuôn nước Tàu, không khác gì như một bộ-phận của Tàu vậy. Đến khi lập thành nước, từ thế-kỷ thứ 10 thì cái dấu vết của Tàu đã bình như in sâu vào trong tri-não ta rồi. Từ bấy giờ tiếng gọi là một nước được độc-lập về đường chính-trị, nhưng nào đã hoàn-toàn độc-lập, chỉ những lo-lắng, những khó-nhọc, những chật-vật đối-phò với cái nước láng-giềng mạnh kia nó chỉ lầm-le định tràn sang mà chiếm lấy mình, mà thực nó đã tràn sang đến mấy mươi lần, lần nào mình cũng phải cực-khổ dùng hết nỗ-lực mới đuổi nó đi được. Thành ra cả cuộc lịch-sử của nước Nam ta là một cuộc chiến-dấu vô hối vô hạn đối với người Tàu hoặc bằng võ-lực hoặc bằng ngoại-giao, hàng ngày chỉ nom-nóp sợ lại bị nội-thuộc lần nữa. Cái công của các tiên-dân ta chống giữ cho non sông đất nước nhà can-dam vỏ cùng, kiên-nhẫn vỏ cùng, thật là đáng cảm-phục. Nhưng cả tinh-lực trong nước đều chuyên-chú vào một việc cạnh-tranh để sinh-tồn đó, cạnh-tranh với một kẻ cường-lan hàng ngay nó dàn-áp, để cõi sinh tồn cho ra vẻ một nước độc-lập, còn có thời giờ đâu, còn có dư sức đâu mà nghĩ đến việc khác nữa. Cái quan-niệm quốc-gia bị nguy-hiem luôn nên thường lo sợ luôn, chiếm mất cả tâm-tư tri-lực, không còn để thừa-chỗ cho những quan-niệm khác về văn-hóa về mỹ-thuật gì nữa. Nói riêng về học-thuật thì đã sẵn cái học của Tàu đó, tiêm-nhiêm vào sâu từ thuở mới thành dân thành nước, không thể tưởng-tượng rằng ngoài sách vở của thánh hiền còn có nghĩa lý gì khác nữa.

Thuộc về chính-trị thì cái tinh-thể cũng khốn-nạn như vậy. Nho-học lợi cho cái chính-thể quán-chủ chuyên-chế nên các đế vương ta lại càng tôn-sùng lắm. Đời Lý đời Trần cái phong-trào Phật-học còn thịnh nên nhân-tài trong nước thường thường vẫn có người xuất ở trong hàng tăng-lữ. Từ cuối Trần đầu Lê trở về sau thì bao nhiêu nhân-tài là đúc theo cái khuôn khoa-cử của Nho-giáo cả. Cái chế-độ khoa-cử thật là một cái quá rât tai-

bại mà nước Tàu đã tặng cho ta. Bao nhiêu kẻ anh-tuấn trong nước đều phải dúc vào cái khuôn ấy cả, nếu không thì không thể ra thi-thố gì với đời được nữa. Nhưng đã đưa vào cái khuôn ấy rồi thì thần-trí eo hẹp lại, sao mà còn có tư-tưởng, có học-văn lỵ-do được nữa ? Người Nhật-Bản họ hơn minh chính là vì họ không mắc phải cái vã khoa-cử như mình. Họ bắt-chước cái gì của Tàu thì bắt-chước chừ đến cái lối khoa-cử thì họ không chơi. Đời Đức-Xuyên (Tokugawa) cũng đã có một bài thi hành cái chế-độ hãi-hai nhàn-tài, nô-lệ thần-trí đó, nhưng mà sī-phu trong nước họ không chịu nén cũng không thể nào bền được. Ở nước ta thi đến năm sáu trăm năm sinh trưởng trong cái chế-độ ấy, trách nào cái khí tinh-anh trong nước chẳng đến tiêu-mòn đi hết cả. Ở Văn-miếu Hà-nội còn mấy dãy bia kỷ-niệm các cụ đỗ Tiến-sĩ về đời Hậu-Lê trong đó chắc cũng có nhiều bậc nhàn-tài lối-lạc, nhưng vì mài-miệt về đường khoa-cử nén đều mai-một mất cả, tên còn rành-rành trên bia đá đó mà có sự-nghiệp về đường học-văn tư-tưởng nào được những ai ?

Nói tóm lại thi địa-lý, lịch-sử, chính-trị đều như hiệp-sức nhau lại mà gây cho nước ta một cái tình-thể rất bất lợi cho sự học-văn tư-tưởng. Bao nhiêu những người khâ trong nước đều bị cái tình-thể ấy nó áp-bách trong mấy mươi đời, nên dần tập-thành một cái tâm-lý riêng, là cái tâm-lý ý-lai vào người chứ không dám tự-lập một mình ; trong việc học-văn thì cái tâm-lý ấy tức như trên kia gọi là cái tâm-lý làm-học-trò suốt đời vậy.

**TIỀU-DÂN :** Đoạn này trích trong bài «Bản về quốc-học» của Phạm-Quỳnh đăng trong tạp-chí Nam-Phong số 163 (tháng 6, 1931). — Bắt đầu Phạm-Quỳnh nhắc-lại cuộc tranh-luận về văn-de quốc-học giữa ông Lê-Duy (báo Đồng-Tây) và ông Phan-Khôi (báo Phụ-Nữ), rồi ông nêu ra ý-kịch của ông là : « ... *Ahh-hàng ta cb; danh-si cao-tang ta cũng cb. nhưng trong cái họ nước ta, cb kinh chưa cb người nào cb tài sáng-khai, phát-minh ra những tu-tưởng mới, thiết-lập ra những học-thuyết mới cb* »

cái và đặc-lập một nhà thi với các nhà khác, như bách-gia chư-tử bến Tàu ngày xưa. Hay tháng hoặc cũng có mà mai-một đi mắt, sờ-sát lì không truyền chàng? Nhưng phàm đã gọi là một học-phái, thì phải có cảm-hóa người ta sán-xa, phải có ánh-hường trong xã-hội, phải gây ra một cái phong-trào tu-tưởng, không thể tịch-mịch ngay đó mà không còn tam-hội gì nữa. Cho nên dù nay kê-cùn trong các sách cũ tìm kiếm ra được dam ba cái ý-kết-lé, hay cái tu-tưởng kđ cần một vài bắc tiễn-bbđ lôi-lạc, như vậy cũng chưa đủ chứng rằng nước ta có quốc-học đặc-biệt với cái học bb-hữu ở bên Tàu truyền sang ». Bởi vì theo định-ng'hĩa của Phạm-Quỳnh « Quốc-học là gồm những phong-trào về tu-tưởng học-thuật trong một nước có đặc-sắc khác với nước khác và có kết-tinh thành những sự-nghiệp-truóc-tác lưu-truyền trong nước ấy và ánh-hường đến các học-giả trong nước ». Sau khi than-thở cho tình-trạng nghè-nàn của nền học nước nhà « Bạn dân anh khi xưa thì dám lại mấy canh sào cũ của Tàu, bạn dân em báy giờ cũng dám lại mấy canh sào cũ mồi của Tây đó mà thôi », Phạm-Quỳnh đặt ra và trả lời câu hỏi : tại sao « ta muốn tái học của người mà không hóa được theo tinh-thần của mình, không gây được thành một nền quốc-học cho mình », khác với thí-dụ nước Nhật đối với nền học Trung-Hoa, các nước Pháp, Anh, Đức... đối với nền văn-hóa Hy-Lạp, La-Mã ? Theo ông, dân Việt-Nam không phải là giống kém bèn, thiểu thông-minh, mà chỉ vì nước ta & vào trong « một cái tình-thể rất bất lợi cho sự học-tu-tưởng » gây ra bởi hoàn-cảnh địa-ly, lịch-sử và chính-trị. Sau đó tác-giả khuyên mọi người nên tĩnh-ngộ tìm phương bô-cứu, soi gương trước mà liệu đường đi sau này. « Nếu ngày nay ta lui đồng-hóa theo Tây như ngày xưa đồng-hóa theo Tàu thì giờ-sử có thành công nãu cũng phải đến mấy mươi đời mà rút cục lại cũng chỉ thành một bản phỏng mờ của nước Pháp chứ chẳng có tinh-thần cốt-ách gì cả. Rồi hai ba trăm năm về sau này, lại có ông Phan-Khai hận-sinh nào đó, trông thấy cõi học nước nhà vẫn vắng-về tịch-mịch không khỏi thở dài mà than rằng : « Quái nước ta học Tây đến ba bốn trăm năm và vẫn chưa có một nền quốc-học riêng... » Vày thời ngày nay nếu ta phải đồng-hóa theo Tây, ta nên đồng-hóa một cách có ý-thức, có nghĩa-ly, chọn lấy những cái hay của người mà bắt-chước, xét xem mình thiếu nhũng gì thì học-tập lấy để bồi-bổ chí-mình ». Theo Phạm-Quỳnh, cái hay của Âu-Tây mà mình t iêu-thốn chính là cái quan-niệm về khoa-học ; « Muôn cho gây thành một cái quốc-học riêng

của mình thì phải dùng phương-pháp phết-bình khảo-cứu của khoa-học mà phân-tích những học-thuyết cùng nghĩa-lý cũ của A-Đông ta, rồi đem ra nghiên-ngâm, suy-nghi, đổi-chiếu với những điều chán-lý cùng những sự phát-minh của khoa-học Thái-Tây. Kết-quả của sự phân-tích cùng tổng-hop đó, tức là tài-liệu để gây ra quốc-học sau này v.v.

## B) VĂN DU-KÝ

### 1. Vườn Luxembourg ở Paris

Vườn này rộng độ hai-mươi-lăm mẫu tây, có tiếng là nơi công-viên đẹp nhứt ở thành Paris. Kiều vườn là kiều dời Phục-Hưng (Renaissance) đồng-thời với cung Luxembourg ngày nay làm nhà Thượng-nghị-viện. Trong vườn nào là tượng đá, nào là bể nước, nào là chiếu cỏ, nào là thảm hoa, quanh mình rất những hình-tượng đẹp, màu-sắc tươi cả, thật như một bức gốm trăm hoa. Cây lớn thời toàn là những cồ-thu hai ba trăm năm trồng thẳng băng từng dãy dài, dưới có lối đi cho khách bộ-du. Đẹp nhất là những thứ dương-ngo-đồng (cây vòng tay : platanes) lá xòe như cái tán. Đứng trước Thượng-nghị-viện mà trông thẳng ra, tướng không cảnh gì đẹp bằng, cực mục như một tấm gấm tấm lụa giải thẳng cho đến kỵ cùng ở giữa hai rặng cây xanh rậm, vì mặt trước vườn Luxembourg này lại thông với vườn Thiên-văn-dài nên coi nó lại càng man-máu nữa. Nghĩ ra qui-mô một nơi công-viên như thế này, thật cũng khéo quá : không khác gì như lấy những cỏ hoa, cây cối của Tạo-vật mà thêu trên mặt đất thành một bức gốm trăm hoa để cho khách ưu-du thưởng-ngoạn. Mà trong cuộc ưu-du vẫn có ý kỷ-niệm, vì quanh mình không thiếu gì tượng các danh-nhân. Có nơi họp cả tượng các bà danh-phi liệt-nữ của nước Pháp thời xưa.— Nhưng trong vườn Luxembourg này có một chỗ thanh-thú nhứt, là nơi gọi là Fontaine Médicis, có cái bể băng đá hình bồ-duc, bên trong có một bức chạm tích thần-liên Hi-Lạp ngày xưa, bốn bể toàn những ngò-đồng cây cao bóng mát, tiếng nước chảy róc-rách, tiếng chim kêu

rin-rít, rõ ra một cái cảnh lâm tuyễn mà lại có tay khéo của người ta tò-diễm. Hai bên có hai dãy ghế cho khách du ngồi thường-ngoạn. Nhưng xét ra những khách mến cảnh này ngồi đến thâu giờ tan buỗi, tho-thần một mình, không phải là những người trong trường náo-nhiệt; phần nhiều là những hạng thi-nhân họa-khách cũng như những bậc thiếu-phụ nhân-sầu, đến đây để tiêu-sầu khiền-hung. Mà cảnh êm-dềm người lặng-lẽ, cho đến nỗi chim sẻ từng đàn lượn qua trước mặt, đậu tận bên mình cũng không sợ.

*Ba tháng ở Paris (tháng 5-7 năm 1922)*

**TIÊU-DÂN :** Năm 1922, ông Phạm-Quỳnh được cử sang Pháp dự Đầu-Xảo Marseille: trong phái - đoàn này có cả ông Nguyễn-Văo-Vĩnh. Về cuộc viễn-du này, ông có viết một loại bài gọi là « Pháp-du hành-triob nhật-ký », đăng trong Nam-Phong từ số 58, tháng 4, 1922. Quyển « Ba tháng ở Paris » rút trong những bài ấy, đã được tóm lược một lần nữa trong bài diễn-văn « Thuật chuyện du-lịch ở Paris » ông đọc tại nhà Nhạc-Hội Tây Hà-Nội, ngày 15-10-1922, do sự tổ-chức của Hội Khai-Trí Tiểu-Đức.

## 2. Phong-cảnh Huế.

Tôi vốn không ưa cái thuật địa-lý của bọn thầy vườn lầy đồng đất giữa đồng, ngồi nước bên ruộng làm ngai rồng tay hồ. Nhưng tôi tin những nơi sơn thủy kỳ tú có ảnh-hưởng đến vận mệnh một nước. Người ta đối với cái ngoại-cảnh không phải là không có quan-hệ. Người đồng-bằng biệt ra cái tinh-cách đồng-bằng. Người rừng núi biệt ra tinh-cách rừng núi. Thói ăn cách ở, đường sinh-kết lối tư-tưởng, không gì là không tùy theo cái ngoại-cảnh mà khác nhau. Huống chi là những bậc đế vương mở đất dựng nước, những nơi sông núi xinh đẹp lại không có quan-hệ với hoài-bão lớn-lao hay sao? Liệt-thanh báu-triều ta đặt nền Đại-Việt ở đất Phú-Xuân thực đã dự-tưởng mà biết cái eo-dõi vĩ-dại về sau vây.

Người khách mới đến thành Huế tưởng như bước chân vào bức tranh cảnh : chung-quanh núi, giữa con sông, nhà cửa tụ họp hai bên bờ, trên bến dưới thuyền ; trông xa một tòa thành cổ bao-la, thâm-nghiêm kín cồng. Cái phong-cảnh Huế số dĩ đẹp là thứ nhất bởi con sông Hương-giang. Con sông xinh thay ! Hà-Nội cũng có sông Nhị-hà mà sông Nhị với sông Hương khác nhau biết chừng nào ! Một dâng ví như có con gái troi cười, một dâng ví như bà lão già cay-nghệ. Nhị-hà là cái thiền-tai của xứ Bắc, Hương-giang là cái cháu báu của xứ Kinh. Nước trong như vắt, giòng phẳng như tờ, ít khi có tí sóng gợn trên mặt, đi thuyền trên sông như đi thuyền trên hồ vây. Huế không có con sông Hương thì tưởng cái đẹp của xứ Huế giảm mất một nửa phần. Nhưng đã có con sông Hương lại có núi Ngự nữa, cái cảnh mới thực là toàn xinh. Ngự-Bình không phải là một núi cao như núi Phú-Sĩ nước Nhật, Hương-giang không phải là một sông rộng như Hoàng-hà nước Tàu, nên nói rằng sông ấy núi ấy làm hiềm-trở cho chốn đế-kinh thì cũng là nói quá, nhưng sông ấy núi ấy thật là vẽ nên phong-cảnh xír Huế vậy. Vả cái khì-vị của phong-cảnh Huế không phải là cái khì-vị hùng-tráng, mà là cái khì-vị mĩ-diệu ; cảnh Huế xinh mà đẹp không phải là hùng mà cường, dâng yêu mà không phải là dâng sợ, có thi-vị mà không phải là không có khì-tượng. Phải nhận kỹ như thế thì mới khỏi nhầm mà hiểu được tinh-thần của cái bức son-thủy hiền-nhiên ấy.

(Mười ngày ở Huế — N. P. số 10 ; tháng 4, 1918)

### C) VĂN PHÊ-BÌNH.

#### 1. Phê-bình « Một tấm lòng » của Đoàn-Như-Khuê

Trước đã có dịp bàn về thơ văn ông Tân-Đà mà chào mừng ông là một nhà văn nòm có biệt tài. Nay hẵng hoan-nghênh riêng ông Hải-Nam mà cảm ơn ông cho ta cái quà rất quý-báu, vì còn quà gì quý bằng « một tấm lòng » người. Người đời ai tặng nhau vật gì thường hay gửi « chút lòng thành » theo sau. Nay ông cho ta cả « tấm lòng » của ông, thì há chẳng nên vui lòng mà tiếp-nhận dù ! Huống tấm lòng ông lại có lầm vê vui sâu, lầm mối

cảm-động, khiến cho lòng ta cũng đồng-thanh mà đồng-diệu, cũng khóc cũng cười, cũng than-van mà cũng mỉa-mai.

Ông Đoàn-Như-Khuê là người da-sầu mà là người da-cảm, bởi da-cảm nên da-sầu. Người ta đã không phải là giống mộc-thạch, thì đối với cảnh-vật, đối với sự đời, thường có cảm, kể ít người nhiều, xưa nay ai là người chẳng có. Nhưng cái đặc-sắc của « tấm lòng » kẻ thi-nhân là, biết cảm sầu hơn người thường, bởi thế mà cảm dễ sinh ra sầu. Đã mang cái sầu ở trong lòng, thì không còn gì khiến cho vui được nữa, tưởng mình đứng trong trần-thế như cái cù-lao trong « bè thảm », bè bát-ngát mà mênh-mông, vô-cùng mà vô-lận.

*Bè bao nhiêu nước, bao nhiêu thảm ;  
Lấp chẳng đầy cho, tắt chẳng vời.*

Bởi thế mà gây nên những lời thiết-tha ai-oán, than cái thân-phận con người trong cõi phù-sinh :

*Mỗi lợt lòng ra đã khóc rồi,  
Kiếp trần ngắn lắm, chỉ em ơi !  
Một lần mình khóc lần người khóc,  
Sóng thác đói lần giọt lệ rơi !*

Đọc bài « Èè thảm » ấy mà nhớ đến mấy câu nǎo-nùng trong Cung-oán :

*Thảo nào khi mới chôn rau,  
Đã mang tiếng khóc bưng đầu mà ra.  
Khóc vì nỗi thiết-tha sự thế,  
Ai bày trò bồi bè nương đâu.*

• • • • •  
*Kiếp phù-sinh trong thấy mà đau,  
Trăm năm còn có gì đâu,  
Chẳng qua một năm cõi-khấu xanh rì.*

Lại bài « Khóc bạn », lời khúc-chiết, giọng thiết-tha cũng phảng-phất được ít nhiều giọng văn Hán-Dũ khóc chau. Cho hay tự-cố chí-kim, phàm tiếng kêu khóc đã xuất từ trong lòng ra thì cũng là mang bấy nhiêu nỗi ngậm-ngùi, bấy nhiêu tình thê-thảm. Chỉ tiếc trong bài văn ấy phải một đoạn giữa mượn những tên ông Sám ông Sét, đức Thiên-Lôi, bà La-Sát, mà tì cái buồn tự-do thanh-nhàn của người bạn mình, người bạn đầu có biết ngồi nghe lời viếng ấy cũng phải khiếp-dám.

Đại-dè thì ông Hải-Nam hay văn văn hơn văn xuôi. Những bài văn xuôi của ông như bài Tự, bài « Bàn về chữ tình », còn chưa được luyện lâm. Bài tựa thi khi lôi-thôi, mà bài « Tình » thi có lâm đoạn hỏi buồn cười : như ông dạy « chữ tình không phải chỉ riêng một mình đàn-ông có, riêng một mình đàn-bà có ; phải trộn lẫn hai dăng-lai với nhau mới thành ra một khối tình chung » thi tưởng chừng cần phải sâu-sắc lắm mới hiểu được.

Chẳng dám khuyên gì, nhưng thiết-tưởng làm văn xuôi cốt giàn và ước. Muốn diễn một cái tư-tưởng gì, phải xếp-dặt ý sẵn trong bụng, rồi cứ lần-lượt mỗi ý diễn ra một lời, chọn lời cho tương-đương với ý, hơn một câu không nói, thiếu một ý không nghe ; có mượn tí-dụ cho rõ nghĩa thêm thì cũng chỉ nên chọn trong nhiều việc nhiều người lấy một người một việc nào là đích-dáng mới nói, chờ có nên nhân bàn một sự gì cũng gọi đến vua Nã.Phá-Luân nước Pháp, ông Ma-Chi-Ni nước Ý, thầy Lư-Thoa, thầy Mạnh-Đức, bà Trinh-Dục, bà U-lan, trút cả bộ Âm-băng vào một trang giấy ! Cái tật ấy là tật chung của nhà đọc « tâu thư » ở nước ta : ông Đoàn xem ra cũng mắc ít nhiều.

Nghĩa-vụ nhà phê-bình là phải khen chê cho phải đường. Không biết mấy lời bình-phản này có được hết nghĩa-vụ ấy không ; nhưng mong rằng khỏi mắc cái oan trong lời ngạn-ngữ : « Nói thật mất lòng ». Nói thật bao giờ vẫn là hơn.

## II. LOẠI KHẢO-CỨU

### A. VĂN-HỌC VIỆT-NAM

#### 1. Kết-luận về tâm-lý cõi Kiều

Nói tóm lại thời Kiều là một người đa-tinh, nhưng không đắm-đuối vì tình, biết lấy nghĩa mà chế tình, thế là trung với lý-tưởng của đạo Nho. Lại là người rất khôn-ngoan, « biết đường khinh-trọng, biết lời phải chăng », đáng lẽ ở đời phải êm-thầm trót lọt lầm là phải, thế mà chỉ gặp những sự hoạn-nạn khồ-sở, không biết ở đâu mà ra, bèn tin rằng bởi cái số-phận đã định như thế, cái tiền-duyên đã khiến như vậy, không sao mà cưỡng được, dành đem mình làm hi-sinh cho vận-mệnh, thế là khuynh-hướng về Phật. Tinh-cách là tinh-cách Nho mà tinh-thần là tinh-thần Phật, đó cũng lại là một đặc-sắc trong tâm-lý cõi Kiều. Bởi tinh-cách Nho nên trong cách cư-xử có cái chủ-nghĩa « trung-dung », dẫu vào cảnh-ngộ nào cũng rõ ra người biết điều phải chăng, nền-nếp khôn-ngoan ; bởi tinh-thần Phật nên về đường quan-niệm có cái chủ-nghĩa « định-mệnh », tin rằng số-phận mình đã định sẵn từ bao giờ, dẫu thế nào cũng dành phải chịu vậy, không dám nói sao. Có tinh-thần ấy lại có tinh-cách ấy, người ở đời khôn-ngoan như thế mà phải gặp cảnh đau-dớn như vậy, mới thành ra một nhân-vật rất náo-nùng ai-oán, khiến cho người đọc truyện muôn đời cũng phai khóc thương.

Tiên-Điền tiên-sinh tả tâm-lý cõi Kiều như trên kia một cách rất tinh-tường rất hiền-hiện, đủ biết ngài đã thuộc nhân-tinh thế-thái lầm và đã hiểu rõ cả co-quan trong tâm-giới người ta. Nhưng trong nét bút của Ngài đều có ngũ một cái ý chán đời cá, và cứ xét lịch-sử Ngài như trên kia thời có lẽ Kiều-nương là hiều-tượng của tấm lòng xót-xa đau-dớn của Ngài vậy. Những văn-sĩ có tài xưa nay kết-cấu ra một truyện gì cũng là tự-diễn tâm-sự của mình mà thôi, nhưng tâm-sự ấy thiết-tha thảm-tràm, diễn ra được tức là diễn được cái nỗi lòng u-ân sầu.khổ của cả mọi người biết thương biết nghĩ ở đời vậy. Cho nên người

ta còn có cảm-tình, có tư-tưởng, thời đọc truyện Kiều còn cảm-động mãi ; và tiếng An-Nam còn có người nói học thời những lời ăn-tiếng nói của cô Kiều còn phảng-phất bên tai người nước Nam mãi-mãi vậy.

PHẠM-QUỲNH (1919)

**TIỀU-DÂM :** Bài « Khảo-luận truyện Kiều » của Phạm-Quỳnh dài 59 trang (Thượng-Chi văn-tập quyển III). Đầu tiên ông nói đến cái giá-trị đặc-biệt của truyện Kiều là ở sự phổ-cập trong dân-gian. Rồi sau chia làm 4 mục để tiện việc nghiên-cứu : 1) Cõi-rê truyện Kiều, 2) Lịch-sử tác-giả, 3) Văn-chương truyện-Kiều, 4) Tâm-lý cô Kiều. Trong mục thứ nhất, sau khi lược-thuật cốt truyện ông cho biết : Nguyễn-Du phỏng theo cuốn sách mhan-dề là « Thành-tâm tài nhân lực » không biết tác-giả là ai và làm vào thời nào. Một ký-giả có đọc một tập truyện đẽ là « Ngự-so tân-chí », thấy trong có truyện Vương-Thúy-Kiều của Dư-Hoài. Phạm-Quỳnh có dịch truyện đó. Về tiểu-sử Nguyễn-Du, ông trích-dịch trong Đại-Nam liệt truyện do Sử-quán biên-soạn (xem truyện Kiều của Trần-Trọng-Kim). Xét về văn-chương truyện Kiều, ông cho rằng : « Lời văn điện-luyện, ý-tử thâm-trầm ; ý và lời lại tương xứng với cảnh mô-tả », ngoài ra « Lời có tình-thần riêng ; đó là cái tình-thần xót-xa, đau-đớn, cảm-hận bi-thương ». Rồi ông trình bày lướt qua cái ngũ ý trong truyện (tiếng dàn), cách tả người, cách tả cảnh, văn-tý-sy, và ông nhấn mạnh vào lời văn-tả-thực của Nguyễn-Du. Trong mục cuối cùng, ông viết : « Phong-tinh tiết-nghĩa, và cái tâm-lý cô Kiều gồm trong bốn chữ đó ». Sau một đoạn dài phân-tích tì-mù tâm-lý cô Kiều, ông kết luận rằng tâm-lý của cô có « tính-cách Nho, và tính-thần Phật », có lẽ Nguyễn-Du đã ký-thác tâm-sy vào nhân-vật Thúy-Kiều.

Đoạn văn trích trên đây chính là đoạn cuối cùng của bài khảo-luận.

Về sự « tồn-sống » truyện Kiều của Phạm-Quỳnh, người ta còn nhớ-tới lời thề của ông trong ngày kỷ-niệm Nguyễn-Du : « *Truyện Kiều còn, tiếng ta còn, tiếng ta còn, nước ta còn, còn non còn nước còn dài, chúng tôi là kê hậu-sinh xin răn lòng giặc chí cố ra công tran-chuỗi lấy tiếng quốc-đám nhỏ, cho quốc-hoa ngày một rực-rỡ, quốc-hòa ngày một tinh-táo, quốc-bộ ngày một tân-tié, quốc-văn ngày một vê-vàng, ngõ hầu khôi phụ cái khí hoài-hảo của tiên-sinh, ngõi cười chín ruồi cũng còn thơm lây* » (Mồng 10 tháng 8 âm-lịch, tức 8-9-1924).

## 2. Cách biên-tập tục-ngữ

Tục-ngữ hay ngạn-ngữ là những câu nói thường, hoặc vì cái thè nò gọn-ghé dẽ nhớ, hoặc vì cái ý nó phô-thông dẽ hiểu, mà người trong một nước ai ai cũng nói đến, truyền ở cửa miệng người ta, nhất là ở những nơi lý-hàng, chốn dân-gian. Vì ở miệng người bình-thường ít học mà ra, thực-thà sô-sàng, không có bóng-bẩy, chải-chuốt nên gọi là tục, chứ không phải tất-nhiên là thô-bỉ tục-tần. Phương-ngôn là những câu tục-ngữ riêng của từng địa-phương, phương này thông-dụng mà phương kia ít dùng hoặc không biết. Lại cao hơn một tầng nữa là những câu cách-ngôn : câu tục-ngữ phương-ngôn nào có ý-nghĩa cao-xa thời có thè gọi là cách-ngôn được, song cách-ngôn lại là một thè riêng có triết-ly văn-chương rồi, không phải là những câu tự-nhiên truyền-khâu đi như phương-ngôn cùng tục-ngữ. Nói tóm lại thời tục-ngữ là những câu truyền-khâu tự-nhiên, hoặc chỉ những sự-lý công-nhiên dẫu người dân-nước nào cũng cho làm phải, hoặc chỉ những phong-tục riêng của một dân một nước.

Như câu :

*Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*

là một câu tục-ngữ có nghĩa chung ; còn như câu :

*Cao nấm thì ẩm mồ*

là một câu tục-ngữ có nghĩa riêng cho dân-tộc An-Nam.

Cho nên người ta thường chia tục-ngữ ra làm hai loại : một là những tục-ngữ có nghĩa chung, hai là những tục-ngữ có nghĩa riêng. Song cách phân-loại ấy cũng hàm-hồ lấp, không đủ phân-biệt được các hạng tục-ngữ. Lại có người thời cứ suy nghĩ từng câu mà chia ra loại-mục, thành ra chủng loại phiền-phức, cũng khó lồng mà nhớ hết được. Tôi thiết-tưởng tục-ngữ nhiều như rừng, vì cách ngôn-ngữ của người ta không biết đâu là bờ-bến, và nhất là tiếng An-Nam ta, không có gì là không nói bằng phương-ngôn tục-ngữ được. Thành ra bao nhiêu cách nói là bấy nhiêu câu tục-ngữ, mà mỗi người lại nói ra một cách, mỗi

câu lại dùng ra một nghĩa, như thế thời phân-loại làm sao cho khắp được? Vẫn hiểu rằng có miễn-cưỡng thời thế nào cũng xếp được, nhưng phân-loại cốt đề dễ tìm-tòi, nếu chia ra loại-mục phiền-phúc quá thời còn có ích-lợi chi. Theo ý riêng tôi thời muốn biên-tập các tục-ngữ phượng-ngôn không thể lấy ý-nghĩa làm phân-loại cho hết được, tất phải dùng đến cách giản-dị và làm như quyền tự-diễn xếp theo vần-tay, nhưng không phải là xếp theo vần chữ đầu, phải xếp theo vần chữ chính trong câu, câu nào có hai ba chữ nghĩa quan-trọng như nhau thời xếp ra hai ba vần thuộc về những chữ đó. Tí như câu :

*Công rắn cắn gù nhà,*

nghĩa là đem người ngoài về hại nhà mình, nhưng cứ lấy ý-nghĩa mà phân-loại, thời đặt về loại « phản-bội » hay là loại « khờ-dại », hay là loại « hiềm-độc »? Thiết-tưởng đặt vào loại nào cũng không được ổn lâm, bất nhược xếp vào vần *rắn* và vần *gù* là tiện hơn cả.

*PHẠM QUỲNH*

*Tục-ngữ ca-dao (1921)*

**TIÊU-DẪN :** Đoạn này trích trong bài diễn-thuyết về tục-ngữ ca-dao, Phạm-Quỳnh đọc tại hội Trí-Trí Hanoi, ngày 21.4.1921. Trong phần mở đầu và phần kết-thúc, bài này chia làm hai phần : 1) Giải nghĩa tục-ngữ, ca-dao ; 2) Bản về tục-ngữ, ca-dao. Bài trích trên ở trong phần thứ nhất. Trong phần thứ hai bàn về tục-ngữ, tác-giả nhận thấy có 3 cách kết-câu thông-dụng :

- 1.— Cách « *Thanh âm kheoeng lóng* », như : Tay làm hòn nhai.
- 2.— Cách « *Đổi tý đổi ý* », như Gio cao, đánh sê.
- 3.— Cách « *Hội ý suy loài* », như : nước đỗ lá khoai.

## B. HỌC-THUẬT A-ĐỘNG

### 1. Bàn về triết-lý đạo Phật

Đạo Phật rút lại chỉ là một đạo cứu-khổ. Trong trời đất, trên cõi đời, duy có sự khổ là hiển-nhiên. Bởi sao mà khổ? Bởi cái lòng tham sống nô thúc-giục người đời cứ quay-cuồng xuẩn-động hoài-de tự mình làm cục cho mình, không biết rằng

hành-động tức là tạo-nghiệp, tạo - nghiệp tất có nghiệp - báo, nghiệp-báo ắt phải luân-hồi, luân - hồi là cứ chết di sống lại hoài, đời-đời kiếp-kiếp phất-phor như cái ma trời, phiêu - dạt trong khoảng vô tận, khi mờ, khi tỏ, khi thấp, khi cao, vĩnh-kiếp không bao giờ được nghỉ-ngơi, yên-ôn, bình-tịnh, êm-dềm. Ở đời đã khổ, làm người đã nhọc như thế, thời người tri-giả chỉ nên hết sức thoát sự khổ, tránh sự nhọc, mà hi - vọng tới một nơi thập - phần tịch - mịch. Nói ấy sách Phật gọi là Nát - bàn (nirvâna). Thuộc về Nát-bàn, các học-giả Âu-Châu nghị - luận cũng đã nhiều, nhiều người lấy lý-tưởng riêng của Âu-châu mà bình-phàm, đại - khai trách đạo Phật rằng lấy sự hư-vô tịch-diệt làm cứu-cánh cho đời người, một tôn - giáo như thế thời không những không bồ-ich gì cho quần - sinh, mà lại có thể di hại cho xã-hội. Nay không muốn nối gót các học - giả Âu-châu mà phàm-bình baô-biếm đạo Phật, nhưng phải biết rằng đạo Phật đã lấy « khổ » làm tiền-đề thời phải lấy diệt làm kế-đề, đã cho rằng người ta có thân là có khổ thời muốn hết khổ tất phải diệt thân, trước sau thật là duy-nhất, lý-luận không có mâu-thuẫn. Vậy rút lại vấn-đề chỉ ở một câu : ở đời có khổ hay không ? Câu hỏi đó, thiết-tưởng không ai là không trả lời rằng có, không ai là không cùng với Phật-Tồ công-nhận rằng sống là khổ, và nước mắt ở đời vi dem tích lại thời sánh với nước mặn bè khơi cũng chưa thảm vào đâu. Sự khổ đã có, thời phải tìm đường thoát khổ, muốn thoát khổ thời phải diệt khổ, nhưng khổ là liền với thân, khổ là một với sống, diệt khổ tức là diệt thân, diệt sống, tự diệt vậy. Lẽ đó tuy nghiêm-khốc thật, nhưng cứ lẽ không thè bê được, vì đã nhận rằng có khổ mà sự đó không thè không nhận được — tất phải tìm đường thoát khổ, muốn thoát khổ tất phải diệt khổ, muốn diệt khổ tất phải diệt sống, diệt sống là tự diệt : lý-luận thật là chặt-chẽ, không còn khe-hé chỗ nào vây ? Song người đời vẫn lấy sự hư-vô làm sơ; nếu mẫn-kiếp tu-hành, hết sức học đạo mà cứu - cánh chỉ đến tiêu-nhập vào chốn hư-vô, thời kinh-hãi biết đường nào ! Phật cũng biết thế, nên Phật đối với vấn-đề cứu-cánh cũng giữ một thái độ như Không phu-tử đối với quí-thần vậy : không hề nói rõ bao giờ, mỗi khi đề-cập đến vấn-đề có ý thoái-thác. Không-

Tử thời mâu-dệ hỏi đến việc quí-thần, đến sự chết, trả lời rằng: « Các anh chưa biết việc đời người ta, đã hỏi việc quí-thần làm gì ? » Phật-Tồ thời đệ-iữ hỏi cõi cứu-cánh có phải là cõi hư-vô không, và linh-hồn đến khi nhập Nát-bàn còn gì nữa không, bèn dùng cách tì-dụ mà hỏi lại rằng: « Ta hỏi : nay có một người bệnh thập-tử nhất.sinh, có kẻ đem thuốc lại cứu cho khỏi chết, người ấy có chịu uống ngay không, hay là còn hỏi thuốc kia ở đâu mà lại, thuốc kia làm bằng vật gì ? Như-Lai thấy chúng-sinh trầm-luân trong bে khò, muốn ra tay tέ-dó cho siêu-thoát, khác nào như kẻ cho thuốc người bệnh : bệnh nặng, thuốc sẵn, cứ việc uống, còn hỏi gì ? » — Xưa nay những bậc triết-nhân quán-tứ, đã sáng-suốt muôn lě, đã thấu-hiểu mọi sự, muốn ra tay tέ-dó cho quần-sinh, thường có nhiều điều tự mình biết mà không thể truyền-bá ra được, cũng tức như Ông thầy thuốc biết rằng bệnh-trạng nguy mà không dám nói rõ cho bệnh-nhân biết vậy. Phật-Tồ cũng vậy : chắc trọng ý riêng vẫn biết rằng linh-hồn sau khi tịch-diệt rồi là vào cõi tịch-mịch hư.vô, chứ chẳng phải nơi thiên-dường cực-lạc gì ; nhưng không hề thuyết-minh cho ai biết bao giờ, là sợ có kẻ chưa thoát sạch trần-tục, nhân thế mà ngã lòng tu-dạo chẳng, vì những sự biết như thế là sự biết « chết người » vậy. Bởi thế nên dầu các nhà bác-học, tìm khắp trong kinh-sách, cũng không thể giải được Nát-bàn là thế nào. Ông Oldenberg đã phải chịu thú thực rằng : « Chúng tôi đã hết sức nghiên-cứu mà kết-quả cũng lạ thay : chỉ có hai thuyết không ra ngoài được, một rằng Nát-bàn là cõi hư-vô, hai rằng Nát-bàn là nơi cực-lạc, thời rút lui chẳng thuyết nào là đúng cả ».

Bởi Phật không hề nói quyết bên nào, nên về sau trong những người tin-ngưỡng đạo Phật chia ra làm hai hạng : một hạng những người trí-tuệ không-minh thời ức-doán thâm-ý Phật mà kết-luận rằng Nát-bàn là hư-không, đã tịch-diệt rồi, không còn gì nữa ; một hạng những người triết-dộ bình-thường — mà phần đó là phần nhiều, có thể nói là gần hết các tín-đồ của Phật — thời cứ theo sự hoài-vọng tự-nhiên trong lòng người mà tưởng-tượng cõi Nát-bàn là nơi cực-lạc, người ta tiêu-diệt rồi thời linh-hồn mới tới đó, được khoái-lạc vô-cùng. Rồi về

sau có phái *úghiem-nhiên* quyết-doán Nát-bàn là *cực-lạc* (極樂 = sukhavati) và đến khi các phái Bắc-tôn khuynh-hướng về Phật Di - Đà (阿彌陀佛 = amitâbha), là một vị Phật huyền không có thực, thời Nát-bàn tức là « *Tây thiên tịnh thất* » (西方淨土) vậy<sup>1</sup>.

Nếu như vậy thời ra tôn-chỉ đạo Phật mập-mờ lầm sao ? Cứ lý-luận thời tôn-chỉ đạo Phật thật là rõ-ràng lâm, trước sau duy nhất, không gì phản-minh bằng ; nhưng cứ thực-tế thời Phật để cho người ta tự suy mà kết-luận lấy, người tri-tuệ thời không phải kiêng-kỵ gì, suy đến cùng-cực, là cõi hư-vô ; người thường-thường thời tùy lòng hy-vọng muốn tưởng-tượng ra một cõi đời tốt đẹp hơn đời nay, hết cuộc luân-hồi, làm nơi thường-trú, cũng mặc dầu. Song cứ bản-ý Phật thời có lẽ cho những vẫn-dẽ ấy không quan-trọng gi. Nát-Bàn là hư-vô hay là cực-lạc, biết hay không cũng chẳng hề gì. Chỉ có một sự biền-nhiên ai cũng phải công-nhận, là ở đời là khổ, làm người là nhọc, thế-gian là cõi bất-thường, người đời là giống sinh-tử, muốn cho thoát khổ, muốn cho khỏi nhọc, muốn ra ngoài cõi bất-thường, muốn lột khỏi vòng sinh-tử, thời phải giặc lòng tu-dạo ; đạo ấy là đạo « *bát chính* »,<sup>2</sup> tu-hành được trọn thời chẳng đợi xa-xôi đâu, ngay ở đời này cũng có thể dự-nhập Nát-bàn được. Những kẻ tri-giá nhân-nhân tu-niệm đã thành-công, trong lòng được bình-tĩnh, thời dầu đương sống trong trần-tục mà cũng đã được nếm mùi Nát-bàn rồi. Như vậy thời đạo Phật là trọng nhất sự tu-hành mà tu-hành chẳng qua là gồm trong bốn chữ « *chinh-tam-diệt-dục* » mà thôi, chinh-tam mới hiều được lẽ đạo, diệt-dục mới hết được khổ-não ; đó mới là phần cốt-yếu, còn những sự nghị-luận viễn-vông thời là phần phụ-thuộc vậy.

PHẠM QUÝ NH (1920)  
Phật-giao lược-khảo

**TIÊU-DÂN :** Phật-giao lược-khảo dài 140 trang (Thượng-Cbi văn-tập cuối IV), chia làm 3 phần : 1) Suy-tích Phật-Tổ ; 2) Phật-lý uyên-nguyễn. Nguyễn-nhân đạo Phật. Giáo-lý đạo Phật. Đạo Phật duyên-cách ; 3) Phật-giao lịch-sử : tại Ấn-độ, Trung-Quốc, Việt-Nam.

— Phật-giáo đại-quan là bài diễn-thuyết đọc ở hội Trí-Trí ngày 13-1-1921. Chỉ khác với Phật-giáo lược-khảo là trong Phật-giáo đại-quan, tác-giả « có ý theo nhiều việc trong sách Tàu mà kẽ sự-tích Phật, dẫu có hoang-durong một chút, nhưng cũng là một cách mua vui cho thính-giả ».

**CHÚ-THÍCH :** 1. *Tây thiên lanh thồ* : Thế-giới cực-lạc của Phật-giáo (chỗ trong-sách tại trời Tây). — 2. *Bát chính* 八正 : tám phương-pháp tu-hành của đạo Phật ; chính kiến, chính tu-duy, chính ngữ, chính nghiệp, chính mệnh, chính tinh-liễn, chính niệm, chính định (*chính kiến* : thâu triết lý-lẽ đạo Phật ; *chính tu-duy* : suy-nghĩ để tăng-liễn tri-thức ; *chính ngữ* : nói nồng cho hợp-lý ; *chính nghiệp* : làm cho cái nghiệp của rưới được trong sạch ; *chính mệnh* : sinh-hoạt bằng cách ngay thẳng ; *chính tinh-liễn* : khiển tinh-thần tăng-liễn một cách chân-chính ; *chính niệm* : giữ cho ý-nghĩ khỏi lau-là ; *chính định* : dùng trí-tuệ châm - chính đê thiền-định).

## 2. Đạo trung-dung.

Sách Trung-dung thật là sách chuyên dạy về đạo quân-tử, theo như cái quan-niệm của đức Thánh và của các môn - đệ ngài. Có thể gọi là sách kinh-diễn của người quân-tử.

Trước nhất dạy rằng trong trời đất có một cái luật thiêng-nhiên làm phép-tắc cho loài người và chi-phối cả công - việc của người ta, luật diền-hòa, luật duy-lý, phát hiện ra là tuyệt-lich quân-binhh. Người nào chịu học . hành suy - nghĩ mà biết, mà theo cái luật ấy, đem sự-hành - động cho đến tâm - sự của mình qui cho thích-hop vào đấy, bao giờ cũng giữ được đúng cái thế quân-binhh, cái đạo « trung-dung » đó, không nghiêng về phía cực-doan nào, ấy là người quân-tử. Cái luật diều-hòa, luật quân-binhh đó không phải chỉ chi-phối một loài người mà thôi; lại là phép lớn của cả vũ-trụ nřa, thành ra người ta y theo luật ấy không phải là theo luật của mình mà thôi. lại là y theo luật của vũ-trụ nữa.

Tử-Tư nói rằng : « Hỉ, nộ, ai, lạc, chưa phát ra gọi là trung (nghĩa là trong bằng-phẳng, như đứng giữa, không thiên về bên

nào) : phát ra mà đều trung tiết, gọi là hòa. Trung ấy là gốc lớn của thiên-hà ; hòa ấy là đạo cả của thiên-hà. Trung-hòa được rât mực, thi hết thảy trong trời đất được yên-sở, và vạn vật được toại-sinh<sup>1</sup> ».

Như vậy thời đạo « trung-dung » không phải như thiên-hà có người trưởng lâm là cái thái-độ trung-lập giản-tiện và tiêu-đặc của người rụt-rè cẩn-thận, phàm sự cứ giữ lấy nước giữa, cho khỏi phải giải-quyết về hên nào. Cũng không phải là cái chủ-nghĩa chiết-trung, hễ gặp nhiều ý-kiến khác nhau thì đánh đố đồng mà lấy trung-bình, hầu như cho chán-lý là ở chỗ khoảng giữa đó. Đạo trung-dung là tiêu-biểu cho một cái luật chung vũ-trụ, chi-phối cả vạn-vật ; người ta có thâm-hiều luật ấy và quả-quyết muốn cho đúng thì mới có thể tới được. Thế-hường cho đạo trung-dung là đạo tầm-thường, thật không phải thế ; trung-dung chính là tiêu-biểu cho đạo-lý tuyệt-dịch ; không phải ai ai cũng giữ được trung - dung ; chỉ những người có công học-vấn, suy-nghĩ, có chí nỗ-lực, kiên-cường, mới có thể tới được đó thôi, mà đã tới đó thì tiện-thị là có tư cách người quân-tử vậy.

PHẠM QUỲNH (1927)

*Cái quan-niệm của người quân-tử trong triết-học đạo Khổng*

**CHÚ-THÍCH :** 1. Hỉ, nô, ai, lạc chí vị phát, vị chí trung ; phát nhì giài trung tiết, vị chí hòa. Trung dã giài, thiên-hà chí đại bản dã ; hòa dã giài, thiên-hà chí đạt đạo dã. Trí trung-hòa, thiên-dịa vị yên, vạn-vật đục yên. 喜怒哀樂之未發謂之中發而皆中節謂之和。中也者天下之大本也和也者天下之道也。致中和天地位焉萬物育焉。

### 3. Quan-niệm người quân-tử trong đạo Khổng và quan-niệm người « chính-nhân » trong cõi-văn Pháp

Trong khi nghiên-cứu về người quân-tử trong đạo Khổng, tôi có tự hỏi không biết Tây-phương từ xưa đến nay có cái quan-niệm nào giống như thế không. Không xét đến thượng-cõi Hi-

Lạp La-Mã, nhân đọc lại các cõi-văn nước Pháp, tôi lấy làm lạ  
thấy cái quan-niệm người « chính-nhân » (*l'honnête homme*) về  
thế-kỷ thứ 17, có nhiều điều giống như người « quân-tử »  
của Tàu, cũng vui lè phải hơn cả, chuộng điều-dộ, ưa trát-tự,  
thờ Chính-Lý làm phép chung của vũ-trụ, ghét những cái gì  
là quá đáng, không tự-nhiên.

Cái quan-niệm « Chính-Lý » của các nhà làm sách Pháp về  
thế-kỷ thứ 17 chẳng là giống như hệt với cái quan-niệm « Thiên-  
Lý » của các nhà triết-học Tàu dư ? — Malebranche nói rằng :  
« Chính-Lý soi sáng cho loài người, là tri-tuệ của Thiên-Chúa ...  
Như tôi đau.đớn, người ngoài không cảm được cái đau của tôi ;  
đến như cái chân-lý mà tôi quan-niệm, thì ai cũng có thể quan-  
niệm được như tôi... Nhờ có Chính-Lý tôi có thể cảm-thông  
được với Thiên-chúa (nhà triết-học Tàu thì nói là Trời) cùng  
với cả các giống thông-minh ở đời, vì các giống có linh-tinh  
cùng với tôi đều có một cái dây liên-lạc chung, một cái phép-  
tắc chung là chính-lý vậy ». — Cái « Chính-Lý » của Malebrau-  
che đó, có khác gì cái « đức sáng » (Minh-đức) của Trời phù-  
bìm cho người, như trong Đại-Học đã nói vậy ?

Chính-Lý là luật thiên-nhiên của vạn-vật, đem ra ứng-dụng  
thời là lẽ phải hàng ngày, theo như lời nhà triết-học Descartes  
là « cái của ở đời chia đều hon cá ». Trong « Phương-pháp-luận »  
của ông cũng những thư-trát ông viết cho bà Công-Chúa  
Elisabeth, ông thường nói đến « người lương-thiện là người  
làm việc gì cũng theo như Chính-Lý ». Người « lương.thiện »  
 ấy đời bây giờ gọi là người « chính-nhân » (*l'honnête homme*) hả  
chẳng giống với người « quân-tử » trong đạo Khổng như hệt  
dư ?

\* Descartes lại nói rằng : « Phạm cu-xix, tôi muốn bao giờ  
cũng theo những ý.kiến trung-bình, không thái.quá, không bất-  
cáp, xét chung-quanh mình, người nào là người khôn.ngoan  
biết điều thường hay theo thì tôi theo ». — Như có nhiều

cái ý-khiến thiên-hạ cùng theo cả, thời tôi chỉ chọn cái nào là trung-bình hơn nhất mà theo, một là bởi ứng-dụng ra nó tiện, và cũng có lẽ tốt hơn, vì lẽ thường cái gì quá đáng vẫn không hay, hai là vì làm như thế thì không sợ sai đường chính-bằng giá mình chọn bên này mà thành ra bên kia mới phải vậy . . . »

Nghé mấy lời đó, không ai bảo là một thầy học-trò cũ Không đương bàn về đạo « trung-dung » ? Đạo « trung-dung » là gì, chính là cái « lẽ phải chẳng » (*raison raisonnable*) kia, nó « thường hay tránh chỗ cực-doan, mà muốn cho người ta có đạo-đức cũng đạo-đức cho có chừng » như lời Philinte trong bài kịch « Người chán đời » của Molière vậy.

Giá cứ so-sánh được như thế mãi cũng hay, có thể dẫn sách Molière, Boileau, Corneille cả Racine nữa, tuy văn ông mô-tả những cái dục-tinh rất mạnh, mà vẫn giữ được điều-độ, vẫn có phong-thê, vẫn hợp lẽ phải lắm. Nay nhân tiện đây nói qua cho hiết người « quân-tử » Đông-phương với người « chinh-nhân » Tây-phương có điểm giống nhau là như thế mà thôi.

Thế là nghĩa làm sao, hả chẳng phải là tuy văn-sĩ nước Anh Kipling có câu chán đời rằng : Đông-phương với Tây-phương khác nhau, vạn-cô không bao giờ gặp nhau được, nhưng kỳ-thực Đông Tây không đến nỗi xa cách nhau như thế ? Đông-phương và Tây-phương từ xưa đến nay đã cùng nghĩ ra được một kiều-mẫu làm người điều-hòa, tốt đẹp, già nhiều người theo được như thế, thời cõi đất này sẽ thành chốn Bồng-lai chờ một cái tân nhân-loại ở vậy.

PHẠM QUỲNH (1927)

Cái quan-niệm người quân-tử trong triết-học đạo Không

### C. HỌC-THUẬT ÁU-TÂY

#### 1. Tính-cách chung của văn-chương Pháp.

Hai thời-dai trước-danh nhất trong văn-học-sử nước Pháp là thế-kỷ thứ 17 cùng thế-kỷ thứ 18. Hai thế-kỷ ấy có khác nhau mà có giống nhau. Thế-kỷ thứ 17 thì là đời cõ-diễn, thế-kỷ thứ 18 là đời cách-mệnh. Các nhà làm văn đời cõ-diễn chỉ vụ nghiên-cứu cái tâm-lý người ta. Lấy người ta là một « giống rất hư-hoang, uyên-chuyên, tạp-đẹp » (*être merveilleusement vain, ondoyant et divers*), nên phải xét nghiệm nó thật kỹ, cho giải được hết cái khoe ăn ở của nó, để tìm cách mà chừa dạy. Vì các nhà ấy đã thông-tỏ cái tâm-tinh-con người ta mà biết rằng người ta tính bẩn ác, nếu không kiềm-chế những cái dục-tinh sảng lai thì xã-hội không thể ở được. Bởi thế các nhà ấy lấy sự duy-trì xã-hội làm mục-dịch vì xã-hội có duy-trì được, lòng người có kiềm-chế được, thì người ta cũng xã-hội mới được sung-sướng. Nói rút lại thì văn-chương thế-kỷ thứ 17 là văn-chương chừa đời, chủ sự ích-lợi cho người đời, tức là một pho tâm-lý, một bài luân-lý thực-hành vậy.— Thế-kỷ thứ 18 cũng là vụ cho người đời được sung-sướng. Các nhà làm văn đời cách-mệnh cũng chỉ nghiên-cứu một cái văn-de về sự hạnh-phúc của người ta, nhưng khác người đời trước, là đời trước lấy cái hạnh-phúc ở sự kiềm-chế, đời nay lấy cái hạnh-phúc ở sự tự-do, đời trước chủ sự duy-tri, đời nay dùng kế phá-hoại vậy. Đời trước dạy người đời tính vốn ác, đời này xướng người đời tính vốn lành. Người đời đã tính vốn lành thì mọi sự khò-sở ở đời là bởi xã-hội cả, xã-hội đã không ra gì thì phải phá đỗ xã-hội đi, mà hồn-phục lấy cái bẩn-tinh của người ta lúc mới sinh-thành. Bởi thế mà các nhà làm văn chỉ thấy công-kích xã-hội mà lán-tụng đời cõ-sở là cái « hoàng-kim thời-đại » của loài người. Xem thế thì hai cái tư-trào của thế-kỷ thứ 17 cùng thế-kỷ thứ 18 thực là trái ngược nhau vậy. Nhưng xét kỹ có phải tôn-chỉ cũng là giống nhau không? Hai đời tuy xét người đời ra hai phương-diện khác nhau, song đều là chủ tim cái cách cho người đời sung-sướng, đều là vì cái nhân-đạo vậy . . .

Xưa nay người ta vẫn khen văn Pháp có ba cái tinh-cách hay nhất : một là phân-minh, hai là giản-dị, ba là thành-thực. Ba cái tinh-cách ấy cũng là cái bối nhẫn-đạo trong văn-chương mà ra cả. Như người Anh, người Đức, người Ý, làm văn thường là để sướng lấy một mình, để diễn lấy cái giặc mộng riêng ở trong lòng mà làm một mối khoái-lạc cho mình. Người Pháp làm văn vì người hơn vị mình, cầm ngoài bút viết là chủ nói cái gì cho người đời nghe. Vậy cốt nhất là cho người ta hiểu mình. Nên phàm xướng ra cái tư-tưởng gì, không phải cứ mộc-mạc thế mà đem diễn ra đâu ; còn suy đi nghĩ lại, chắt-loc ebung-đức mãi, gạn lấy cái tinh-hoa rồi mới diễn nó ra thành lời ; cái lời văn ấy cũng không phải là cầu-thả, thực là chải-chuốt trau-giữa cho nó rất văn-tắt, rất giản-dị, rất phân-minh, khiến cho ta đọc thấu-giải được ngay, không phải mất công khó-nhọc tí nào. Bởi văn Pháp có cái đặc-tính như thế nên xưa nay đã được cái danh-dụ dùng làm văn chung cho vạn-quốc trong việc giao-tế các nước với nhau. Cái danh-dụ ấy thực là xứng-dáng vậy thay !

PHẠM-QUỲNH (1917)

Bản về văn-minh học-thuật nước Pháp

## 2. Descartes với sách « Phương-pháp luận ».

Ông sở-trường nhất là các khoa số-học ; từ khi còn làm học-trò, đã từng so-sánh số-học với các môn học khác, nhận thấy cái gốc của số-học thật là vững-vàng chắc-chắn, mà lấy làm lạ, cớ sao từ xưa đến nay chưa ai biết căn-cứ vào đó để dựng ra một nền triết-học mới. Ông bèn hoài-bão cái tư-tưởng ấy trong mấy mươi năm, kịp đến khi theo quân của công-tước đất Bavière ra đóng ở thành Neubourg nước Đức, một đêm — đêm ấy là đêm mồng 10 tháng 11 năm 1619 — hốt-nhiên tinh-ngo-tưởng như thấu-suốt được cả phép-tắc của vũ-trụ mà thấy phép-tắc ấy chính-nhiên xác-nhiên như trong số-học vậy. Tự nghĩ rằng nếu các khoa-học chỉ có số-học là có cái tinh-dịch-xác như thế, thì sao không đem phương-pháp của số-học ứng-dụng ra

triết-học để xét cung-ly của sự-vật ? Nhân đó sáng nghĩ ra đại-ý sách « Phuông-pháp-luận ». Sách tuy đến mười năm sau mới xuất-bản, nhưng thực là khởi-diểm từ bấy giờ.

Đại khái sách dạy rằng mục-dịch triết-học là tìm chân-ly. Nhưng làm thế nào biết được chân-ly ? Chân lý là cái gì minh quan-niệm xác-nhiên, không còn nghi-ngờ nữa. Phàm cái gì có xác-nhiên mới nhận là thực, phàm cái gì xác-nhiên là sự thực : đó là phép-tắc thứ nhất của triết-học. Vậy cái gì còn chút mờ-hồ mờ-ám là chưa dủ tin. Tư-tưởng một sự gì, phải nghiên ngẫm cho thực sâu, cho đến khi trong trí minh « sáng-suốt » cả, mới chịu nhận là phải ; như thế thời không thể nào làm được. Nhưng mà cái « xác-nhiên » cũng có khi giả-dối, cũng có khi làm minh được. Không kè phái « nguy-biện » (les sophistes) là phải những nhà triết-học biêt minh là làm mà vẫn cố cãi cho được, còn từ xưa đến nay phàm những tư-tưởng sai lầm của các bậc hiền-triết, khi phát-khởi ra tất cũng cho là phải, cho là xác-nhiên lầm. Bởi sao vậy ? Bởi sự phán-doán lẽ phải lẽ trái, không phải là do ở trí-tuệ, thực là thuộc về ý-chi, thuộc về cái chi muốn, sự tự-do của người ta. Chắc là phải có trí-tuệ mới hiểu được các lẽ, người ngu-dộn còn biêt suy-xét điều gì. Nhưng muốn hiểu cho xác-nhiên thì phải có chí quyết muôn, có quyền tự-do mới được. Là bởi lẽ như sau này : Trong khi ta tư-tưởng một sự gì, trí-tuệ ta phải nghiên-ngẫm cùu-xét về sự ấy. Trí-tuệ ta không phải là thường siêng-nắng sáng-suốt, lại hay trễ-nải biếng-nhác và bị che lấp mờ-ám. Vậy lầm khi chua cùu-xét tư-tưởng ấy đến nơi đến chốn đã trình bày cho ta phán-doán. Nếu ta cũng lười-biếng cầu-thả, nếu lòng ta lại thiên-lệch nữa, thì phán-doán tất sai-lầm, không khỏi được. Người đời thường làm-lầm sai-ngoá, đến diên-dảo hắc-bạch, lầm khi bởi ý-chi nhu-nhuọc, hơn là bởi trí-tuệ hòn-mè. Cứ lấy một người bình-thường, trí-não kiện toàn, tâm-tư bình-tĩnh không mê, không thiên, không ý, lại có ý-chi ngay-thẳng, quả-quyết vững-vàng thì không lo xét-doán sai-lầm được. Trí minh trình-bày cho minh sự gì, minh có quyền muôn nhận thi nhận, muôn bỏ thi bỏ, có xác-nhiên mới

cho là phải, còn mập-mờ thì bài-bác đi, đó là ý-chi tự quyết-định cả.

Nhưng có chi muốn chưa đủ, còn phải có tự-do nữa mới được. Vì người ta không những phải đoạt tinh nhu-nhuoc cầu-thả ở trong mình, lại còn đoạt cái sức kiềm-chế áp-bách ở bên ngoài nữa, sức này thường ngăn-trở cho lý xác-nhiên không phát-hiện ra được. Cái áp-lực ấy là gì? là những thành-kiến thiênen-kiến của người đời, những thói-quen lè-lối của xã-hội, những quyền-lợi thế-lực của người ta, hợp thành cái sức mạnh vô-hình, trô-ngại cho tư-tưởng tự-do. Phải cho sạch lồng cá những nồng-nỗi ấy mới có thể cầu lấy chân-lý xác-nhiên. Nhưng muốn phá được sự ám-chướng đó cho cõi lòng được sáng-sữa trong sạch, phải có ngã-lực khác thường mới được, vì phải chống-đối ở ngoài, có toàn thắng mới được tự-do. Đã tự-do, nghĩa là không phải hệ-lụy kiềm-chế gì nữa, được tự mình phán-doán, lại có chí quyết muốn phán-doán cho đúng, thì không khó gì tới được cõi xác-nhiên. « Xác-nhiên » là của báu chỉ riêng đẽ cho những người vừa siêng-năng sáng-suốt, vừa thành-thực chính-trực, nhất là chính-trực, vì nếu bụng không thẳng, trí cong-queo, thì sáng-suốt mà làm gì?

Nói rút lại, phàm người đã đem thờ Chân-lý phải trong-sạch trong lồng, sáng-suốt trong tri, tinh ngay-thẳng, ý nghiêm-trang, nghĩa là phải có đạo-đức mới được. Lẽ xác-nhiên không phải là kết-quả của đạo-đức, nhưng phải có đạo-đức mới đạt tới cõi xác-nhiên.

Đó là nền-tảng thâm-trầm của triết-học Descartes, tuy suy rộng ra vô-cùng mà rút lại chỉ gồm ở hai chữ đạo-đức. Thế mới biết đạo-đức là mỗi thiêng-liêng vẫn ngụ ở nơi nguồn-gốc mỗi sự mỗi vật, là trung-làm của mọi sự tư-tưởng. Thần-trí ta dù muôn mượn cánh chim băng của thầy Trang-tử mà tiêu-dao trong khoảng không vô-hạn sớm trưa cũng tất phải quy-y về

đấy. Phàm tư-tưởng gì không lấy đạo-đức làm gốc là hư-tưởng nguy-tưởng cả. Thánh-hiền ta ngày xưa vẫn dạy như thế, mà các bậc đại-tríết của Tây-phương cũng khuyên như vậy.

PHẠM QUỲNH (1917)

*Descartes, lão triết-học nước Pháp*

### 3. Quan-niệm danh-dự của người Thái-Tây

Nay lòng danh-dự hoàn-toàn tuyệt đối là riêng của những bậc chí-sĩ anh-hùng, nước nào cũng có mà không phải là sự thông-thường. Ông Phò-mã Võ-Tinh chết ở thành Bình-Định, Ông Tông-đốc Hoàng-Diệm chết ở thành Hà-Nội, lấy danh-dự trọng hơn tinh-mệnh, đều là những gương sáng trong lịch-sử nước Nam ta, đời đời còn chiếu rọi không phai. Nhưng cái danh-dự ấy là danh-dự đặc-biệt phi-thường, không phải cái danh-dự phô-thông trong xã-hội.

Trình-dộ một xã-hội cao hay thấp là ở lòng danh-dự phô-thông của quần-chúng, không phải ở cái danh-dự đặc-biệt của một số người liệt-sĩ. Trên kia đã nói lòng danh-dự phô-thông trong xã-hội nước ta suy-kém lắm. Nay xét lòng danh-dự ở các xã-hội Âu-Tây thế nào. Không cần phải nghiên-cứu lịch-sử mà suy ngược lên từ đời Trung-cổ, đời Phong-kiến cho biết lòng danh-dự của các bậc võ-sĩ nước Pháp đời bấy giờ thế nào. Cũng không bàn đến lòng danh-dự của nhà quân Pháp trong cuộc chiến-tranh kinh-thiên động-địa vừa rồi, vì danh-dự ấy vẫn là cái danh-dự đặc-biệt như trên kia. Cù-xét ngay trong cuộc giao-iết thường của người Tây, cũng đủ biết lòng danh-dự phô-thông trong các xã-hội Âu-Châu thế nào. Người Tây rất trọng danh-dự, lấy mất danh-dự là cái nhục không gì bằng. Phạm đến danh-dự, kẻ khác là một trọng-lợi, hình-luật có định phạt. Coi danh-dự như thần-thánh, bất khả xâm-phạm. Gặp những trường hợp quen-trọng muốn cầu lấy lòng tin của người khác mà thề không sai lời, không nói dối, thời không có kêu Trời chỉ Phật chứng-minh, chỉ lấy hai chữ danh-dự làm đảm-bảo. Một lời đă-hứa với nhau mà nói rằng : « Tôi lấy lòng danh-

dự thề với ông . . . Tôi lấy danh-dự hứa với anh . . . (donner sa parole d'honneur, jurer sur l'honneur), » thời lời ấy như sắt đá, dù sóng cạn đá mòn cũng không dám sai.

Chữ « honneur » (danh-dự) là chữ rất thông - dụng trong văn-tự ngôn-ngữ của người Tây : nói với người trên quan trên thời nói : « Tôi được cái danh-dự trình . . . báo . . . kêu . . . v.v... quan lớn việc như sau này . . . ». Muốn tỏ lòng yêu-mến kính-trọng người ta thời nói : « Tôi được cái danh - dự tiếp ông . . . , tôi được cái danh-dự hầu ngài ... v.v... ». Người đàn-bà có trinh-tiết gọi là biết giữ danh - dự của mình ; người đàn-ông có tài-năng gọi là làm danh-dự cho nhà mình xứ mình, người buôn-bán thật-thà cũng gọi là giữ được danh - dự của nhà buôn ; người đánh - bạc không đánh gian đánh dối, không xấu thói ăn non, cũng gọi là người không phạm đến danh-dự trong làng cờ-bạc, v.v... Có nhiều việc pháp - luật không cấm, uân lý cũng dung, mà lòng danh-dự không cho làm ; có nhiều việc trái với lợi mình, người đời cũng chê, mà lòng danh-dự bắt phải làm. Như danh-dự bắt phải xử nhã với kẻ thù mình ; danh-dự buộc không được sai lời di-chúc của người chết, dấu thiêt-hại cho mình mặc lòng. Trong một đời, gặp tình - cảnh nào, trường hợp nào cũng cầu gọi đến lòng danh-dự và cũng có dịp bày tỏ lòng danh-dự được. Ở nơi thương-lưu xã-hội, « luật danh-dự » (code de l'honneur) lại nghiêm hơn pháp - luật của Nhà-nước. Người nào xử một việc bất-nhã, làm một điều phi-danh-dự hay là bị cái nhục-mạ không rửa được sạch, thời bằng-bối coi là người mất giá, phải mang tiếng xấu một đời. Nhân đó có cái tục « quyết đấu » (le duel). Hai người có việc bất-hình với nhau, tự lấy làm phạm đến danh - dự, mà việc thời hoặc trong pháp-luật không định, hoặc không muốn đem giải-quyết trước công-môn, bèn định ra quyết - đấu với nhau, hoặc đánh bằng gươm, hoặc đánh bằng súng, hai bên bịt mắt ra đối nhau, phó cho may rủi, người nào rủi bị thương là người ấy thua, người nào may đánh trúng là người ấy rủi được danh-dự của mình. Thường chỉ đến xé da chảy máu, hoặc bị thương nặng nhẹ

mà thôi, nhưng cũng có khi đến chết người. Gọi là « danh-dự quyết-dấu » nghĩa là quyết-dấu để rửa sạch cho danh - dự ; ý nghĩa vẫn là hay lầm, vì việc thuộc danh-dự (affaires d'honneur), chỉ có người bị nhục với người làm nhục biết với nhau mà thôi, không để cho xã-hội can-thiệp đến, không để cho xã-hội phán-doán được, hai người phải tự-quyết với nhau, nhưng tự-quyết với nhau không thể lấy lý-luận mà phục nhau được, tất phải mượn đến võ-lực, cũng là tục di-truyền của tinh - thần thượng-võ đời trước.

Người nào rủi mà chết nữa cũng là tự- am lầm hi - sinh cho danh-dự, dù biết rằng trọng danh-dự hơn tinh-mệnh. Nhưng tục quyết-dấu lưu-tệ cũng nhiều, nên khiến nhiều người phản đối, và pháp-luật cũng không thừa-nhận.

Lòng danh - dự mà đến đến quá - độ thời thành ra cái « danh-dự tịch » (le point d'honneur), lầm khi việc chẳng vào dấu, sự bất-bình nhỏ, cũng lấy làm quan-hệ đến danh - dự, đó là cái danh-dự biến-thái, không phải là danh - dự chính - thức vậy.

Coi đó thời biết người Âu - Tây có lòng danh - dự mạnh là dường nào. Trong cuộc giao-tế thường, lòng danh - dự còn cường cường như vậy, đến những khi lâm biến-gặp nạn hay những buổi nước nhà có việc, cái « dân - lực của danh - dự » (le ressort de l'honneur) còn mạnh biết bao nhiêu : xem như cuộc chiến-tranh vừa rồi, mấy trăm vạn con người cùng một lòng công - phẫn ra đánh kẻ thù chung, chẳng phải là vì lòng danh-dự muốn rửa nhục chung cho nước dư ? Xét về phương-diện ấy, thời cái cuộc đại-chiến này cũng có thể gọi là một cuộc « danh-dự quyết - dấu » của hai phe lớn trong thế - giới cùng nhau tranh hòn tranh được vậy. Trong cuộc quyết-dấu ấy thời phản danh-dự hơn cả chắc thuộc nước Ti-Lợi-Thi (Belgique). Nước tuy nhỏ yếu, dám ra địch với cường-lân, vẫn biết không tài nào đương nổi, nhưng không nỡ phản-bội lời ước, không nỡ để nhục quốc-thề, không nỡ bỏ tay ngồi yên cho thiên - hạ

nghi lòng danh-dự của mình, nên mới tuốt gươm ra đánh, gây nên nồng-nỗi trừng trọi với đá và thành ra kết-quả nước phè dân tan như ngày nay. Ai-ngại thay, mà vê-vang thay ! Một biết hai chữ Danh-dự là qui, và ở giữa thế-giới cạnh-tranh này giữ cho trọn được danh-dự cũng cực-khổ lâm, thật là khổ chứ không phải dễ vậy.

PHẠM QUỲNH (1919)

Danh-dự luận

#### 4. Cái đẽ-nhất động-cơ của văn-minh

Vậy thời những phép-tắc chủ-trương mọi sự tiến-hóa thuộc về tinh-thần người ta là những phép-tắc gì ? Mà trước nhất, sự tiến-hóa ấy thế nào ? Sự tiến-hóa ấy có hai đường : một là đường đạo-đức, hai là đường tri-thức, một là thuộc về nghĩa-vụ làm người, hai là thuộc về tri-thức ở đời. Một dàn-lộc kỹ-nghệ có tăng-tiến mà thôi xấu lại thêm lên, hay là đạo-đức có hơn trước mà dốt-nát cùng hủ-lậu, thời dàn-lộc ấy không gọi là có tiến-hóa được. Hai phần đạo-đức, tri-thức liền với văn-minh là một, không thể phân-lia ra được ; nhưng trong hai phần ấy, phần nào là mạnh hơn ? Văn-dẽ này quan-trọng lắm, vì nếu văn-minh tiến-hóa thuộc về đạo-đức nhiều hơn là tri-thức thời phải lấy đạo-đức làm tỷ-lệ cho văn-minh, nếu trái lại thời lại phải lấy tri-thức làm tỷ-lệ. Nhưng dù là đạo-đức, dù là tri-thức, nói rằng tiến-hóa không phải là văn-minh càng tiến thời những năng-lực tự-nhiên của người ta càng hoạt-bát, càng mãnh-liệt hơn lên đâu : đưa con trẻ giống văn-minh với đứa con trẻ giống dã-man, lúc sơ-sinh không có khác gì nhau cả ; rồi sau khác là bởi sự ảnh-hưởng của xã-hội, sự cảm-hóa của tinh-thần, sự đào-tạo vô-hình về đường đạo-đức, đường tri-thức, khiến cho cách ăn ở giống nào rõ ra giống ấy. Bấy nhiêu thứ tức là cái « hoàn-cảnh » ở ngoài, mà hoàn-cảnh thời thay-dời luôn ; thành ra văn-minh không có nhất - định, và những nguyên-lý hân làm thành ra văn-minh cũng mỗi lúc một khác.

Nay xét những gương đạo-đức trong lịch-sử, dù biết sự đạo-đức ít có ảnh-hưởng đến cuộc tiến-hóa của văn-minh. Vì rằng những rường-mỗi lớn của luân-lý tự cõi chí kim có thay đổi tí nào đâu : phải thương-yêu kẻ đồng-loại miňh, phải dung-thù cho kẻ thù miňh, phải làm điều lành, phải cấm bụng dục, ái-nhân khắc-kỷ v. v., cõi-lai chỉ có mấy điều đó, không thay khác chút nào. Đến như về đường tri-thức thời mỗi ngày một phát-minh ra những chán-lý mới : khoa-học đời nay tẩn-tội hơn khoa-học đời xưa biết bao nhiêu, các phương-pháp để nghiên-cứu, để thí-nghiệm bay bổn tốt hơn bao nhiêu. Vậy thời văn-minh đã là kết-quả của những nguyên-nhân thuộc về tinh-thần, về tri-thức, và kết-quả ấy mỗi ngày một thay đổi luôn, thời không thể lấy đạo-đức là một sự thiênen-niên bất-dịch mà chi-phối được ; tri-tuệ mới thật là cái đệ-nhất động-co của văn-minh vậy. Muốn chứng-lẽ đó, cứ xét nghiệm ngay phàm sự phát-minh về đường tri-thức thường hay truyền-nổi đời nọ sang đời kia, như cái hương-hỏa chung của loài người, không bao giờ mất được, chứ như việc đạo-đức của mỗi người thời của ai riêng người nấy không sao truyền lưu sang người khác được ; việc đạo-đức phải tự mình làm, việc đạo-đức là việc riêng, dầu người thật thành-tâm bác-ái, hết sức ra tay tể-dộ cho kẻ khác, công-đức ấy cũng chỉ được nhất-thời và cũng chỉ phò-cập được số ít người mà thôi : xét trong lịch-sử ! hật thấy nhiều người bụng dạ rất tốt mà tri-thức tầm-thường ; những người ấy làm hại cho nhân-quận biết bao nhiêu mà kẽ ; như sự bách-hại người ta vì tôn-giáo thực là một cái tai-nạn rất lớn cho loài người, thường là tự tay những bậc rất đạo-đức chủ-trương (như hai vua Marc - Aurèle, Julien nước La-Mã, bách-hại những người theo đạo Gia-Tô) ; cái tai-nạn ấy, nhờ tri-thức mờ-mang mới thấy dần-dần bớt đi.

Nói tóm lại thời kẻ ác làm hại chỉ được một lúc ; người thiện làm lành cũng chẳng được bao lâu ; cái gì mà lưu-lòn được mãi-mãi, di truyền đến vô-cù ng, ấy là những sự phát-minh của các trang tài-trí ; nước dù đồ, đạo dù tàn, nhưng sự

phát-minh ấy vẫn còn mãi, cái sau kế-tiếp cái trước, không hề  
gián-doạn bao giờ ; mọi sự đều khi chìm, khi nổi, khi đổi, khi  
thay, duy có tri-tuệ người ta là đời đời rạng-tỏ, làm được sáu  
đưa nhân-loại trên con đường tiến-hóa văn-minh vậy.

PHẠM QUỲNH (1920)

Văn-minh luận

**TIÊU-DÂM :** Trong Văn-minh luận, tác-giả trước hết giải-nghĩa thế nào  
là văn-minh, rồi xét xem văn-minh tiến-hóa ra sao, Bài trích trong phần  
thứ hai của sách này.

### 5. Quan-niệm văn-chương của người Đông-phương và người Tây-phương

Nhà nho ta sở-dĩ không săn lòng công-nhận văn chương  
tây, không những bởi không biết chữ tây, lại là bởi cái quan-  
niệm về văn-chương của người Đông-phương với người Tây-  
phương khác nhau lắm, tựa-hồ như phản-đối nhau. Bởi khác  
nhau nên thường không hiểu nhau. Vậy trước khi luận về lịch-  
sử văn-chương Pháp, tôi hẳng xin giải qua về hai cái quan-  
niệm ấy thế nào. Ta gọi là câu văn hay ấy là câu văn bóng-bẩy  
rườm-rà. Tây gọi là câu văn hay ấy là câu văn thiết-thực giản-  
ước. Văn ta chuộng ở lời nhiều, lời phải cho đẹp, đọc cho vui  
tai êm miệng, càng kêu, càng ròn, càng tron-tru lưu-loát bao  
nhiều thời càng cho là hay. Ý,bất-tắt phải mới lạ gi, miễn là  
lời cho văn-vẽ, dễ nghe, thế là hay. Và có lẽ càng lấy những ý-  
tưởng thông-thường, ai cũng công-nhận, ai cũng hiểu cả, mà  
phô-diển ra văn-chương lại càng dễ hay lắm. Văn tây thời  
không thế, văn tây không chuộng ở lời mà chuộng lời với ý cho  
xứng nhau, lời đẽ diễn ý, hẽ diễn được hết ý cho rõ-ràng khúc-  
triết, thế là yễn bay, chó không tra những lời phù-hoa bóng-  
bẩy, và thứ nhất là kỹ những câu khẩu-flâu, câu sáo cũ. Văn ta  
với văn Tàu hẽ càng dùng nhiều chữ càng bay, càng thuộc  
nhiều dien cũ càng nền. Văn tây thời phải theo liền với tư-  
tưởng, tư-tưởng mới-mẻ thời lời văn cũng phải mới-mẻ, mà

văn có mới-mẻ mới là văn hay, vì mỗi người tư-tưởng một cách khác, lời nói dùng đẽ dẽ diễn tư-tưởng ấy không thể giống nhau được, không thể dùng những chữ cũ của cõi-nhân, những câu sáo của công-chủng mà nói cho hết được. Thành ra văn Tàu văn ta hễ càng lưu-loát đẽ nghe bao nhiêu càng hay, mà văn tây thì càng mới-mẻ thiết-thực bao nhiêu càng hay. Một nhà phê-bình văn-học Pháp đã nói rằng : « Phẩm văn-chương có hai cách : một cách có thể gọi là « phát-biểu » (expression), một cách gọi là « phô-thông » (intelligibilité). Phát-biểu là lấy một trạng-thái đặc-biệt của sự-vật mà diễn-dịch ra một cách thật đùng, phô-thông là lấy những lý-tưởng thông-thường của công-chủng mà phô-diễn ra một cách đẽ hiểu » (F. Baldensperger, La Littérature).

Theo như lý-thuyết ấy thời văn tây có thể cho là thuộc vào hạng văn « phát-biểu », mà văn Tàu văn ta ngày xưa là vào hạng văn « phô-thông ». Văn tây thuộc vào hạng văn « phát-biểu » là bởi vì trọng nhất lấy thiết-thực, diễn cái ý nào thời cho hết ý, tả cái cảnh nào thời cho hết cảnh, lời với ý đi với nhau chầm-chạp không thái-quá, cũng không bất-cập. Văn Tàu văn ta thuộc vào hạng văn « phô-thông » là trọng ở lời-lẽ chải-chuốt tron-tru, đẽ nghe lưu-loát, thế nào cho người ta đọc lên hiểu ngay, lấy làm vui tai êm miệng. Bởi hai cái quan-niệm về văn-chương khác nhau như thế, nên người Tây xét văn Tàu cho lù nhiều lời tí ý, có vỏ không có ruột, hay đean những tư-tưởng tầm-thường phô-thông mà mặc cho cái áo văn-chương hoa-mỹ quá ; người Tàu người ta xét văn tây thời lại cho là trù-trắc khó nghe, hoặc lẩn-thẩn lói-thôi, hoặc thật-thả ngó-ngần, không chịu cho là có « văn-chương ». Thi-dụ như muốn tá người đàn-bà đẹp, văn tây tả không bài nào giống bài nào, mỗi bài tả ra một cách, mỗi cách có một cái vẻ đẹp riêng, mà cách nào cũng hiền-nhiên như thực, văn ta thời trãm bài đến chin-mươi.chín bài nói đến : mắt phượng, mày ngài, môi son, má phấn, da tuyêt, tóc mây v.v.., toàn là những câu sáo sẵn có tă người đàn-bà, thành ra người đẹp nào cũng như người đẹp nào, mà chẳng qua là một cái phenh tó phấn diêm son mà thôi.

### III. LOẠI DỊCH-THUẬT

#### Lời nói đầu tuồng Hòa-Lạc dịch ra quốc-ngữ

Mấy năm trước bản chí đã dịch bài tuồng « Lôi-Xích » (Le Cid) của ông Corneille (Nam-Phong số 37 - 38, tháng 7 - 8 năm 1920). Nay lại dịch bài tuồng « Hòa-Lạc » (Horace) in sau đây. Mục-dịch sự phiên dịch này là để giới-thiệu lối cổ-kịch nước Pháp, cho quốc-dân ta biết. Trong cổ-kịch nước Pháp lối bi-kịch (tragédie) về thế-kỷ thứ 17 này, đã thành một lối văn-chương cổ-diễn, phàm người đi học đời này, không thể không biết được. Bởi thế dịch ra đây để giúp cho biết truyện và biết cách kết-cầu lối tuồng cổ bên Tây thế nào, chứ chủ-ý không phải dịch để đem ra diễn. Hoặc-giả có người nào sành tuồng ta, đem ra diễn được, thời cũng hay ; nhưng tuồng khó lâm.

Song dịch bài này đều không có ích-lợi trực-tiếp cho việc cải-lương-diễn-kịch, cũng có ích-lợi gián-tiếp về đường xã-hội phong-hóa. Bài này là kịch-động lòng si-quốc và lòng danh-dự.

Truyện tích trong cổ-sử La-Mã, ông Corneille sáp-đặt lại làm thành bài tuồng. Thành La-Mã (Rome) và thành An-Ba (Albe) giao-chiến với nhau. Họ Hòa-Lạc (Horace) ở La-Mã, họ Cù-liệt (Curiae) ở An Ba là thằng-gia. Nàng Sa-Biên (Sabine) vợ chàng Hòa-Lạc, là con gái An-Ba, mà em trai nàng là Cù-liệt lại rắp-ranh kết-duyên với em chàng Hòa-Lạc là nàng Gia-Mi (Camille). Mấy người đối với cuộc chiến-tranh, thật lâm nỗi khổ-tâm. Sau được tìn hai thành định-chiến, chỉ định cứ mỗi bên ba tay võ-sĩ ra quyết-dấu đã mừng thầm. Ai ngờ ba người võ-sĩ của mỗi bên cứ ra lại chính là ba anh em Hòa-Lạc và ba anh em Cù-liệt. Sa-Biên và Gia-Mi cố ngăn không được. Khi ra quyết-dấu, trước tuồng Hòa-Lạc thua phải chạy, sau kết-cục Hòa-Lạc đánh được và giết chết cả ba anh em Cù-Liệt. Khi toàn thắng về, nàng Gia-Mi giận vì đã giết mất tình-nhân mình than khóc oán-trách, nói phạm đến cả thành La-Mã. Hòa-Lạc tức-giận rút gươm chém em. Việc tố-eáo lên đeo vua Tu-Lê (Tulle) nhưng nhờ có ông bố Hòa-Lạc che-chở cho con trai, vua tha tội cho chàng, vì có công cứu nước.

Truyện anh hùng hào-hiệp, trọng nghĩa nước hơn tình riêng, thật là một bài luận-lý tuyệt-cao, không giống với những lối kịch nghệ ngày nay.

Còn văn-chương bài này hay thế nào, thì phải xem nguyên-văn bằng chữ Pháp, lời dịch không thể nào cho hết tinh-thần được. Chỉ cầu cho không sai nghĩa, thế cũng đã là khó lắm rồi. Xin đặc-giá lượng xét cho.

PHẠM QUỲNH

Nam-Phong số 73, tháng 7 năm 1923.

*TRÍCH MỘT ĐOẠN :*

**HÒA-LẠC**

Lòng trời đã mở cho con đường danh-dự,  
Lại bày ra lầm-nỗi ly-kỳ, để thử cái gan của chúng ta.  
Hình như hết sức gây ra họa lớn,  
Để so-sánh cho bằng tài ta ;

435. Biết ta là dũng phi-thường.  
Cho ta lập công xuất-chúng.  
Vì công-dân đánh kẻ cùn-dịch.  
Cùng người lạ liều mình quyết-dấu.  
Đó là cái sự-nghiệp của kẻ võ-sĩ thường.

440. Trăm ngàn kẻ đã làm từ trước, trăm ngàn kẻ sẽ  
làm được ngay.

Chết cho nước là chết vẻ-vang,

Thiếu chi người tranh nhau mà chết.

Nhưng vì công-chúng đánh bồ lòng ân-ái,

Ra quyết-dấu cùng với kẻ thân-tình ;

445. Công-nhiên ra đánh  
Với em trai của vợ mình, tình-nhân em gái mình.  
Đoạn-tuyệt cả những mối tình ấy, giàn thân chỉ  
một vi nước nhà,

Máu kia tưởng có thề liều mình để bảo-toàn, nay  
phải ra tay mà sát-luo.

Công-nghiệp ấy chỉ dè dành cho chúng ta ;

450. Việc phi-thường ít kè ghen tranh,  
Người tầm-thường ít ai dám tưởng.

(Hô: II, Kịch III)

### Nguyên-bản Pháp-văn

#### HORACE

Le sort qui de l'honneur nous ouvre la barrière  
Offre à notre constance une illustre matière ;  
Il épouse sa force à former un malheur  
Pour mieux se mesurer avec notre valeur ;

455. Et comme il voit en nous des âmes peu communes,  
Hors de l'ordre commun il nous fait des fortunes.  
Combattre un ennemi pour le salut de tous,

Et contre un inconnu s'exposer seul aux coups,  
D'une simple vertu c'est l'effet ordinaire :

460. Mille déjà l'ont fait, mille pourraient le faire ;  
Mourir pour le pays est un si digne sort  
Qu'on briguerait en foule une si belle mort ;  
Mais vouloir au public immoler ceux qu'on aime,  
S'attacher au combat contre un autre soi-même,

465. Attaquer un parti qui prend pour défenseur  
Le frère d'une femme et l'amant d'une sœur,  
Et, rompant tous ces noeuds, s'armer pour la patrie  
Contre un sang qu'on voudrait racheter de sa vie,  
Une telle vertu n'appartenait qu'à nous ;

470. L'éclat de son grand nom lui fait peu de jaloux,  
Et peu d'hommes au cœur l'ont assez imprimée  
Pour oser aspirer à tant de renommée.

(Acte II, Scène III)

# NGUYỄN TRỌNG THUẬT (1883 – 1940)



NGUYỄN TRỌNG THUẬT

Lê-Dư về việc thiết-lập một nền quốc-học. Vì vậy Ông viết nhiều bài ngô-bí-luận, khảo-cứu, dịch-thuật về cổ-văn của ta và của Tàu.

Tác-phẩm đặc-sắc nhất của Ông là cuốn tiểu-thuyết dài *Quả dưa đỗ* (được giải thưởng văn-chương của hội Lhai-Trí Tiên-Đức năm 1925).

Hai tác-phẩm khác của Ông là :

— *Viết-văn tinh-nghĩa* (xuất-bản năm 1928) là một quyển nói về cõi-tè tiếng Việt và bàn về cách đặt ra văn-phạm tiếng ta theo như tiếng Pháp.

— *Thơ ngụ-ngôn* (xuất-bản năm 1928), chia làm hai quyển : quyển nhất gồm những bài thơ do Ông soạn, và quyển hai gồm những bài thơ ngụ-ngôn cổ của Tàu và của ta, do Ông diễn giải.

Ngoài ra Ông còn viết nhiều bài đăng trong Nam-Phong như : Điều định cải-án quốc-học (N.P. số 29). — Danh-nhận Hải-dương (N.P. số 26, 27, 28). — Khảo về sách Xuân-Thu Tả-truyện (N.P. số 22, 26). — Một tập du-ký của cụ Lân-Ông : Thượng kinh ký sự (N.P. số 13, 15)...

Các bài trích

A. — *Tiểu-thuyết* Quả dưa đỗ.

B. — *Luận-thuyết* : Điều-định cải-án Quốc-học.

CÁC BÀI TRÍCH

## A. TIÊU-THUYẾT

## QUẢ DURA ĐỎ

**Lược-truyện :** Tác-giả phỏng theo một truyện cổ trong sách Linh-nam trích quái mà viết cuốn tiểu-thuyết này. Vai chính trong truyện là Mai-Yến, hiệu là An-Tiêm, một danh-thần ở đời Hùng-Vương thứ 17. An-Tiêm vốn tin ở thuyết tiền-thân cho rằng « người ta làm sao gì cũng có đức Thượng-Đế xét soi, đời này là hưởng ở tiền thân đời trước, người ta cứ lấy cái tao-ngộ của mình đời nay thế nào, thì biết cái công-quả cái họa phúc của đời trước tổng-kết lại thế ấy đó, không sai một hào-lý nào ». Chính vì tin ở thuyết tiền-thân này, An-Tiêm bị gian-thần vu tội, phải đày ra một hoang-dảo ngoài bờ nam cùng với vợ, hai đứa con thơ, vài tháng lương khô, một lười gươm cũn, hai hòn đá lửa. Ở nơi hoang-dảo, An-Tiêm vẫn giữ vững một lòng thành-thực kiên-nhẫn để tự-lập cuộc đời mới, nào là thu nước uống, tìm thức ăn, tim hang đẽ trú, làm lều đẽ ở, lại làm lynch bằng vỏ ốc đẽ nhớ ngày, thắp đèn bằng nhựa cây đẽ chiếu sáng, ngoài ra còn lo đến việc văn-hóa, sự kế-truyền. Về sau, An-Tiêm tìm ra được một giống dura đỏ là tuô-sản trong đảo. Vì dura ruột đỏ, hạt đen như mè và rằng có con gái đẹp người Việt, nên đặt tên là Việt-nga qua 越娘 (quả dura đẹp như cô gái nước Việt) và gọi là dura đỏ. An-Tiêm thích vào vỏ quả dura đỏ 4 câu thơ rằng :

*Hải-nam quê thiếp ngắn trùng,  
Trời sinh phận gái mè hồng, răng đen.  
Việt-nga hai chữ là tên,  
Nước non non nước lá duyên tao-phường.*

Rồi mỗi năm cứ đến mùa dura lại thả dura ra bê cho trôi đi. Người bốn phương bắt được dura tìm đến buôn dura đời hàng khiến cho nơi hoang-dảo thành ra làng xóm, phố-phường. Vua Hùng-vương nghe tin An-Tiêm còn sống lấy lùn lụt, cho người ra vời về.

Cuốn Quả dura đỏ được tác-giả đặt vào loại tiểu-thuyết phiêu-lưu, thực ra chỉ là một cuống dã-sử hoang-lương trình bày các giáo-lý của

đạo Nho. Luận đề của cuốn này là : « Hết có lòng tin-tưởng là thành-công ». Giá-trị của cuốn Quả dưa đỏ là ở chỗ nó là cao-truyền dài-dầu tiên viết bằng chữ quốc-ngữ. Đọc lên, ta thấy những tư-tưởng đơn-giản, binh-di, đầy sinh-khí, một tâm-hồn chân-thực, luôn luôn tin-tưởng. Bộ-cục đã có mạch-lạc, câu đùt đã gọn-gàng.

Các đoạn trích : Hai đoạn :

1.— Cảnh bờ khơi.

2.— Tim được mạch nước ngọt.

### 1. Cảnh bờ khơi

Trời hắng-hắng rạng-dong, ba chiếc mành đánh cá ra cửa bờ. Cửa bờ mènh mòng, đêm sương lánh-lẽo, thủy-thủ ai nấy đều ngồi vào chỗ khuất để tránh rét. Lúc đó ở cái mành đì giữa, lờ-mờ có một người đứng ra trước gió, dựa lưng vào cột buồm trông-ra bờ, tự nghĩ một mình rằng : « Minh vốn sinh ở vùng đường bờ, nhưng còn bé chưa từng ra bờ mà biết cảnh bờ thế nào. Sau lều-lạc vào được vương-cung, lúc việc chục-chầu, khi đi chinh-thảo, lại lúc đi khàn hoang ; nào cái cảnh vương-triều đế-khuyết nguy-nga hùng-tráng ; nào cái cảnh hậu-cung thượng-uyễn mĩ-lệ huy-hoàng ; nào cái cảnh rừng núi, cây cao suối mát vươn hút chim kén. Lại như cái cảnh diền-gian khi lúa mạ xanh om, tiếng nồng-ca theo tiếng gió véo-von quăng đồng vắng. Cảnh nào minh cũng đã lịch-duyet qua, minh chỉ ước được xem cảnh bờ về buổi sáng nữa, thì cái chí tang-hồng kia mới phi. Thế thi lần này minh không may mà lại hóa ra may. Nếu không bị đây ra đây, thi bao giờ được biết cái cảnh thiên-nhiên nọ. Phương chi lại được cái bờ Đại-Nha này là một cửa bờ có danh tiếng nhất trong vùng Nam-hải, cửa này thông với cửa Thần-phù.

*Lệnh-danh qua cửa Thần-phù,  
Khéo tu thì nỗi, vụng tu thì chìm.*

Nỗi chìm nhở đức cao xanh. Ta đã đến đây, ta cứ ta xem ta  
ngầm cho sương mắt thích tình ».

Thuyền chạy vùn-vụt, gió thổi ù-ù, sóng vỗ chòng-chành, người ấy cứ đứng sững-sững, không hề nhúc-nichch chút nào. Chợt đâu vàng thái-dương ở dưới gầm thương-hải <sup>1</sup> kéo lên đó lừng-lừng, trong hầm cái sắc kim-quang lóng-lánh, không lấy vật đỗ nào của thế-gian mà ủ-nghĩ được. Bấy giờ ánh chiêu-dương chiếu ra mây khói sóng nước đều có vẻ hồng-hồng cả. Rồi mặt trời càng lên, thế-giới càng rạng dần ra, mà nhõn-quang của người càng chiếu rộng xa mãi ra được. Sóng mông-mênh bát-ngát, túi-tắp mù khơi, không biết đâu là bờ. Cơn mây bốn chân trời kéo lên túi-tắp, khoảnh-khắc biển-thiên, vô số hình sắc. Mà ngẩn lại phía tây chốn non sông lớn-quốc thì mây ảm sương sa, không rõ gì cả, người ấy lại thêm ngâm-ngùi vô-hạn. Người ấy không phải là An-Tiêm ở ba cái mành áp-giải ra phổi-sở <sup>2</sup> thì còn là ai ? An-Tiêm nganh lại trời tây, tựa hồ có ý buồn, thì trông ra bờ lại càng thích ý, vì được thường mội cuộc hào-du, <sup>3</sup> hiếm có trong thân-thể, lòng tho phơi-phới, bèn ngâm lên một bài rằng :

*Vàng hồng lừng-lừng bờ đông,  
Thần-châu <sup>4</sup> mù-mịt mây phong non doài.  
Sóng kền kền dáo-dại doanh khơi,  
Lưng ngao <sup>5</sup> ngàn-ngực chân trời mênh-mang.  
Sa chán xuồng cõi trần-hoàn,  
Đã xem xem khắp kỵ-quan của trời.*

**CHÚ-THÍCH :** 1. Thương hải 滄海 : bờ mênh-mông. – 2. Phổi sở 肺 : nơi di đây. – 3 Hào-du 豪遊 ; cuộc di chơi hùng-thú. – 4. Thần-châu 神州 : Sở-Diễn đời Chiết-quốc gọi Trung-quốc là Thần-châu. Đây chỉ chốn đất liền. – 5. Lưng ngao 鳥 : lưng một loài rùa biển. Đây ví với bờn đảo.

## 2. Tìm được mạch nước ngọt

Đào xong, nước chảy ra không lầm, hai vợ chồng uống rồi cùng ngồi xung-tụng công-đức Thượng-đế.

An-Tiêm nói :

— Tạo-hóa lập nên vũ-trụ, sinh ra vạn-vật, chỗ nào lúc nào cũng đã tiềm-tàng ký-chú<sup>1</sup> chờ dù cả những cái đẽ mà tự-sinh<sup>2</sup>; nhưng những kho vô-tận hay đẽ vào nơi kin-dảo, vạn-vật phải có công tìm-tòi bởi-móc mới thấy được. Người ta là con trưởng yêu-quí của đức Thượng-đế, nên ngày càng ủy-nhiệm cho phải đem tri-lực của thiên-phú ra mà tìm lấy những cái kho bí-tàng kia để tham-tán<sup>3</sup> lấy những việc kinh-doanh trong bờ cõi. Càng mở rộng được cái kho-tàng vô-tận ấy bao nhiêu, thì lại càng tăng-tiến cái phúc-trách cho cuộc nhẫn-sinh, mà Thượng-đế càng quyền-ai bấy nhiêu. Cho nên những dân lười, phỏng-khi cả thiên-chức, tiêu-ma cả lương-năng, bỏ cả những bí-tàng vô-tận mà không biết tìm-tòi bởi-móc ra, cam chịu khốn-cùng, trước còn tự đẽ-sển cả cái sinh-ao<sup>4</sup>, rồi hèn yếu dần đi, đến tê-liệt cả tộc-loại. Đó là con bất-hiểu của Thượng-đế mà lại oán rằng : « Trời không thương ». Chứ kỵ-thực của đời chán-vạn, mà Thượng-đế là đáng chí-công chí-nhân, đối với loài người đều như từ-mẫu đối với con, có đâu là phong-sắc<sup>5</sup> khinh trọng gì hơn đâu. Cho nên tôi vẫn chắc rằng mọi cái cảnh-sắc đẹp-đẹ tốt-lành như cái cù-lao này, có phải tạo-hóa vô-tinh mà sáng tạo ra đâu. Không phải là một bức tranh sơn-thủy của anh thợ vẽ, chỉ vẽ lấy những vẻ kỵ-tú cho sướng con mắt, mà tựu-trung chẳng có bao chút vật-hoa thiên-bảo<sup>6</sup> gì. Tôi chắc đây là một cơ-nghiệp sẵn-sàng có cả tài-sản của cha mẹ đẽ đợi một đứa con về ở, chứ không phải một bức tranh đẽ chơi vậy. Nay ta đến đây, ta thi tay không mà đây thì trấn-hoang<sup>7</sup>, thế mà ta đã tìm được thức ăn, tìm được thức uống, thì ta đã thừa nhận cái cơ-nghiệp của kỵ-phần ta, mà ta đã bước đến trước cửa cái kho bí-tàng vô-tận ở đây rồi đó, còn săn tay mà mở toang cái cánh cửa kho ra, đẽ sửa-sang tu đạo lấy cơ-đồ của mình ở đây, tưởng cũng

không bao lâu nữa. Cái vận-mệnh của ta về trước đến đảo này là cùng, mà cái vận-mệnh của ta về sau cũng từ đảo này là đầu, thì cái suối nước trong tú thời bất tuyệt<sup>8</sup> này, tức là cái dây tục-mệnh<sup>9</sup> của hai phần đời ta đó. Bởi vì ở chỗ hải đảo này không lo gì thức ăn, mà chỉ lo về nước uống. Có tìm được cái mạch nước tú thời bất tuyệt này, thì cái sinh-lô của một nhà ta mới có bắc mà bước lên. Nay được như thế, là ta đã đủ mà sống với nhau rồi đó, còn cổ lo gì.

**CHÚ-THÍCH :** 1. *Ký chì 寄注*: gửi-gắm.— 2. *Tu sinh 萬生*: giúp cho sự sống.— 3. *Tham tán 參贊*: dặt vào đề mà giúp.— 4. *Sinh cơ 生機*: cơ hội để sinh-hoạt.— 5. *Phong sắc 豐斂*: cho dài-dao, bắt thiểu-thốn (phong : dài-dao ; sắc : keo-lộn).— 6. *Vật hoa thiên bảo 物華天寶*: vẻ rực-rỡ của vạn-vật, cái qui-báu của trời.— 7. *Trần hoang 墓荒*: rậm-rạp, hoang-vu.— 8. *Tú thời bất tuyệt 無時不絕*: bốn mùa không hết.— 9. *Tục-mệnh 緒命*: nối-mệnh sống.

## B. LUẬN-THUYẾT

### 1. Điều-dịnh cái án quốc-học

Nay kết-luận : quốc-học với thế-giới công-học<sup>1</sup> của Việt-Nam về thời-dai định-trệ như trên ấy, tôi đã so-sánh với xa gần, đã chứng giải biện-luận như thế là đủ rồi. Ngày nay, thế-giới giao-thông, học-thuật nhất tri. Học-thuật tân-sáng của Thái-Tây là cái nhà trường quy-thức cao-dẳng mới và chung của cả các dân-tộc trong thế-giới về thời-dai này, đâu biết sớm mà nhanh chán thi được học trước. Song đến cái chỗ chân-thực giác ngộ, chân-thực tâm-đắc thi phải nhờ vào cái khiếu biết học của bản-chất, trông vào cái trình-dộ học cũ mới được. Bởi vậy tôi đã vi quốc-học là bản-chất, vì những cái học cũ ở Á-Đông là nhà trường Đông-phương học, mà những sở-đắc cũ là những cái bằng tốt-nghiệp trước vậy. Bây giờ bạn học cũ đã đều lên trường Cao-dẳng mới, ta dần chậm-chạp cũng đã tìm tới công trường, nhưng trước khi thụ giáo, ta phải tự sát-hạch lại cái bằng tốt-nghiệp cũ của ta về môn quốc-học : những tài-liệu về bản-chất, so

với bạn học cũ dẫu chẳng được toàn ưu - dièm gì nhưng cũng ưu-liệt tương-bán<sup>1</sup>. Về mòn công-học dù bị nội-giới ngoại-giới cùng số nhiều ham-mê về cù-nghiệp, khiếu cho có sở-dắc mà không được lưu-hành, có lưu-hành mà được một số ít người hoặc được một thời-kỳ ngắn-ngủi ; song những tinh-thần chủ-oghia như là diều-hoa siêu-việt với thực-tế, thực - hành minh-dạo<sup>2</sup> hóa-dân, tự-tin tự-giác về quốc-âm thô-sản như trên ấy, thực đã biết đem cái học công-hữu của thế-giới biến-hóa ra làm cái học độc-hữu của một nước rồi đó. Cái khiếu biết học, cái trình-độ học cũ như thế, nào có kém gì bạn đồng - mòn xưa.

Nay chúng ta sinh vào một buổi học - thuật giao - thời của nước nhà. Ngửa lên thiên-cõ, cứ xuồng thiêu-cõ, cái lâu - dài học-thuật sau đây cõ-nhiên là toán lỵ-vọng ở người tân - tiến ở Tây-học. Song cái nền móng thì phải cắm vào chỗ tinh - thần đã có sẵn, đã sở-dắc rồi mà xây-dụng lên. Tuy-nhiên cái đã qua đã qua rồi, cái chưa đến còn chưa đến. Dương lúc gián-doạn này, cái trách-nhiệm cắt gai vạch cổ tim cho ra cái nền-móng cũ mà giới - thiệu cho người sau, hả không phải là của những người ngày nay du ? Vậy cái gì là quốc-học cần phải tài-bồi ? Cái gì là công-học đã sở-dắc cần phải qui-báu mà giữ-lấy ? Lại cái gì là trồ-lực bồi đầu, cái gì là cõ-tật mè-muội phải tránh ? Nhứt thiết phải bình-tĩnh mà xét, chịu khó mà tìm, đưọc đến đâu thì đưọc, còn đâu đền lại, thê mới không phụ.

Cái chủng - loại của một dân - tộc lại cần hơn là của một cá - nhân. Cái gì cũng có di - truyền, không những tóc da, tinh-tinh có di - truyền, mà trí khôn về học - vấn cũng có di-truyền, ấy gọi là chủng-trí<sup>4</sup> hàn thành. Xưa nay có chủng - tri mà làm mất đi cũng có, chờ không có chủng - tri thì không làm nên gì bao giờ. Bởi vậy trước khi tôi khảo bài này, về quốc-học dù bay dở cũng phải có sẵn tài-liệu đã cõ-nhiên rồi, còn về thế-giới công-học thực tôi lấy làm lo lắm. Lo rằng không có giống-chẳng. Đến khi tìm được mấy cái tên sách kia thì tôi lấy làm tiếc. Tiếc vì không có sách nào được lưu - hành đến nay. Song nghĩ kỹ lại thì tôi không tiếc nữa mà chỉ khấp - khấp lấy

làm mừng thăm. Mừng rằng người Việt - Nam xưa cũng đã có khếu biết học-túc là có cái giống biết học rồi. Cứ mấy cái tình-thần chủ-nghĩa là điều-hòa siêu-việt với thực-tế, thực - hành minh-đạo hóa-dân, tự-tín tự-giác về quốc-âm thô-sản của các cụ đã để lại trên kia là đủ rồi. Đủ làm gương sáng, làm đèn chiếu, làm địa-khoán,<sup>5</sup> làm quốc-úy, làm chung-trí cho người sau rồi. Tuy một hồi bị cái bệnh nghiện khoa-cử, cầu-thả tự-tiện tự-khi mà quên đi, khiến cho mấy cái tình-thần chủ-nghĩa trước không nảy-nở ra được; nay nhờ luồng quang-tuyển của tân-học nước Pháp đã chiếu cho ta biết cái căn-bệnh xưa thì ta phải biết phục-hưng lấy cái hay lại.

Còn mấy bộ sách trên kia mà cho còn có lưu-hành đến nay đi nữa, thì cũng là quá - khứ cả rồi. Có gan lọc lại cũng chẳng còn được bao nhiêu. Chẳng những của các cụ, chẳng những của các nước về thời-đại định-trệ, về thời-đại phát-doan,<sup>6</sup> mà đến cả của đời tân-học thực-nghiệm đây cũng vậy. Mỗi một nhà thực - nghiệm trước lại bị quá - khứ đi một phần hoặc hầu hết. Đó là cái công-lệ tiến - búa phải như thế.

Đứng xa xa trông thấy cái lâu - dài học-thuật của người ta, mặt nào cũng nguy-nga hùng - tráng mà thèm. Song có ngờ đâu rằng trước kia người ta chịu tích-lũy qui-báu từng bùn gạch một nhà xây nên. Mà mình từ trước kia thì khinh-bi vất đi từng bùn gạch niết, nên chẳng xây được cái gì.

Nay ta đã biết cái bệnh - căn của cái học ta xưa, một là vì xã-hội cầu-thả mà toàn mô-phỏng, một là vì kẻ học - giả ham cái cạn-lợi khoa-cử. Vậy bây giờ là lúc học-thuật đại-dồng và ganh-đua, chính là cái cơ-hội rất may - mắn cho cõi học Việt-Nam ta. Thâu-thái điều-hòa ở lúc này, phục - sinh ở lúc này, mà biệt-sáng cũng do ở lúc này. Cuộc tranh-luận về học-thuyết học-phái của tiển-nhan này chính là cái trưng-triệu<sup>7</sup> khát - vọng về tân học - thuật của mọi nước đó. Song trước khi vì học - thuật nước nhà mà hi - vọng, ta phải hết sức mà trừ bỏ cái căn - bệnh cầu - thả đi, trừ bỏ cái tình tự-tiện tự-khi đi. Không thì về xã-hội, lại cứ lười - biếng a - dua và không suy-xét lựa chọn, không có cái tình - thần tự - giac tự

tín. Về kẻ học-giả lại cứ tham cậy-lợi, nhai văn nuốt chữ, lấy học-dường của nước văn-minh làm con đường tất hiền-vinh; bộ « lều chiếu chống lợ » tuy phà đậm ở trường thi rồi mà con ma nghiệp cử-nghiệp lại bò vào nơi mě dỗ bằng đèn mà ám-ảnh, thì học đến bao giờ cũng chung vô sở-đắc. Mà dù có sở-đắc được tí gì cũng chẳng dễ y đến.

(Nam-Phong số 167 — Tháng 12-1931)

**TIỀU-DÂN** : « Điều-dịnh cái ác Quốc-học » là một bài diễn-thuyết đọc & hội-quán hội Trí-Tri Hải-Dương tháng 11 năm 1931 và đăng trong Nam-Phong số 167 tháng 12 năm 1931. Trước đó, có cuộc tranh-luận trên báo-Đông-Tây và báo Phụ-Nữ (& Saigon) giữa hai ông Lê-Dư và Phan-Khôi về vấn-đề quốc-học. Hai ông bàn cãi nhiều mà không đi tới chỗ đồng ý. Một ông cho rằng ta có quốc-học (Lê-Dư), một ông nói ta không có quốc-học (Phan-Khôi). Nay Nguyễn-Trọng-Thuật đứng ra « điều-dịnh » giữa hai ông và lập-luận đại-khai như sau :

Nếu theo quan-niệm của người Nhật đời Tokugawa (Đức-Xuyên), ta định-nghĩa quốc-học là cái phần riêng của một nước về tôn-giao, lịch-sử, văn-học, điều-lệ còn ghi-chép lại trong sách-vở, khác biệt với những học-thuyết du-nhập từ ngoài vào, thì nước nào cũng có quốc-học. Nước ta có quốc-sử, có văn-tự, địa-dư chí, ngạn-ngữ ca-dao và những sách ghi-chép phong-tục, pháp-tắc chính-trị. Riêng về học-thuyết, ta cũng lại có phần sáng-tạo riêng-bié特 : thí-dụ về Nho-học, mặc dầu óc khoa-cử và cái học Tống-Nho đã làm bài trí sáng-tạo của ta rất nhiều, ta vẫn có những học-phái như phái Chu-Anh đời Trần, phái Hồ-học đời Hồ v.v...

Trên đây là phần kết-luận của bài diễn-thuyết sau khi tác-giả đã trình-bày ý-kiện của ông về quốc-học.

**CHÚ-THÍCH** : 1. *C'ing-hoc* 公學 Cái học chung cho mọi người. Ở đây là di-sản tinh-thần chung cho mọi nước.— 2. *Uu liệt lương bán* 优劣半 : Hona kém bằng nhau. 3. *Minh-dạo* 明道 : hiểu rõ Dao-ly.— 4. *Chủng-trí* 種智 : Trí khôn, thông-minh của chủng-tộc, có di-truyền được (theo tác-giả).— 5. *Địa-khoa-hu* 地券 : giấy chứng thư về quyền sở-hữu đất-đai. 6. *Phát-doan* 發端 : mở đầu.— 7. *Trung-liệu* 中流 : dấu-liệu biểu-lộ (trung : chung-cứ ; triệu : diều bày ra trước).

## TỰ - LỰC VĂN - ĐOÀN

Bối-cảnh lịch-sử : Trong khoảng 30 năm đầu thế-kỷ 20, tinh-thần dân-tộc đã nhiều phen trỗi dậy mạnh-mẽ với phong-trào Đông-du, Duy-tân, những vụ bạo-động trước và trong cuộc Đại-chiến 1914 — 1918, tiếng bom mìn sát viên toàn-quyền Merlin ở Quảng-Châu (1924), vụ bắt và xử án nhà cách-mạng Phan-Bội-Châu, đám tang nhà Ái-quốc Phan-Chu-Trinh (1926). Cuối cùng là cuộc khởi-nghĩa của Nguyễn-Thái-Học và Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng năm 1930, bị đàn-áp trong máu lửa. Họn thực-dân dung-tung một số tay-sai bẩn-xú để cung-cố địa-vị của chúng. Về văn-hóa, những tờ Đông-Dương tạp-chí và Nam-Phong hướng thanh-niên và giới trí-thức về di-vãng, cố-võ tinh-thần phục-cố và bảo-thủ. Một lớp thanh-niên vô-tinh bị đầu-dộc bằng tư-tưởng bi-quan, bằng thơ-văn lâng-mạn (Tuyết-Hồng Lê-Sử, Tô-Tâm, Giọt Lê Thu). Nền Pháp-học đã vũng-vàng bắt đầu phát-triển mạnh. Việc dùng chữ quốc-ngữ được phổ-biến. Người Pháp đã đào-tạo được một lớp thư-lại mới chỉ biết phụng-sự lý-tưởng vinh-thần phì-gia. Trong khi đa-số thanh-niên thành-thị sống truy-lạc hoặc hoa-vợ chán-nản, đại-chúng nép mình trong cảnh nghèo đói, mê-tín dị-doan, ngoan ngoãn với những tập-tục hủ-lậu, nạn cướp-hảo, ché-dé quan-liêu thối-nát, ché-dé đại-gia-dinh với những ràng-buộc khắt-khe của nó. Thể-lực của đế-quốc thực-dân đã vũng chắc trên trường quốc-tế sau cuộc khủng-hoảng kinh-tế thế-giới. Ít người Việt-Nam còn nghĩ đến cuộc chống-đổi bằng võ-lực.

Trong hoàn-cảnh đen tối đó, cuộc tranh-cầu lại khai-diễn dưới những hình-thức mới, có tính-cách ôn-hòa và thiên về mặt văn-hóa. Một số trí-thức tân-học quay sang địa-bat văn-nghệ và xã-hội, phơi bày những nho-nhuốc, túi-hồ hoặc những cù-chủ, hành-động tàn-nhẫn, những cảnh sa-đoá đau-thương của cái nhân-quần buồi giao-thời trong những thiên phóng-sự dào-dạt cảm-hòn, hoặc phổ-biến những tư-tưởng tiên-hộ của Tây-phương, nhằm mục-dịch xây-dựng một lớp người mới xứng-dáng hơn.

Từ tháng 9 năm 1932, Nhất-Linh tức Nguyễn-Tường-Tam đứng ra điều-khiển tờ Phong-Hóa loại mới có đủ các mục chính-trị, xã-hội, văn-chương và phụ-nữ. Đầu năm 1933, ông lập Tự-Lực văn-đoàn. Ngoài thủ-lĩnh, văn-đoàn gồm có Khái-Hưng tức Trần-Khánh-Giur, Thế-Lữ tức Nguyễn-Thú-Lễ, Hoàng-Đạo tức Nguyễn-Tường-Long, Thạch-Lam tức Nguyễn-Tường-Lân, Tú-Mờ tức Hồ-Trọng-Hiếu.

Qua tuần-báo Phong-Hóa (bị đóng cửa năm 1936) rồi tuần-báo Ngày Nay, qua những tác-phẩm đã xuất-bản, nhất là qua những tiểu-thuyết phong-tục và tiểu-thuyết luận-de, chúng ta thấy rõ chủ-trương của nhóm nhà văn này.

#### Chủ-trương của Tự-Lực Văn-Đoàn :

1.— Về chính-trị, văn-đoàn đã-kích chính-sách chia rẽ, chính-sách truy-lạc-hóa dân Việt của thực-dân, công-kích bọn quan-liêu và cường-hảo hống-hách, bài-xích phong-kiến, phác-họa kín-dáo công-cuộc cách-mạng dân-tộc.

2.— Về xã-hội, văn-đoàn đã-phá nạn tranh-giành ngôii-thứ & thon-quê, những tập-tục hủ-bại, óc mè-tia dị-đoan, chẽ-dở đại-gia-dinh béo-chết tịt-do và hạnh-phúc cá-nhân, đề cao tinh-thần tự-lập, vị-tha : chủ-trương cải-thiện đời sống của giới bình-dân nghèo-khổ, chẽ-riều những người bí-quan, lăng-mạn (Hội Ánh-Sáng phô-biển một mẫu nhà & rè tiền và sạch-sé cho giới lao-dụng).

3.— Về văn-nghệ, nền quốc-văn mới đã tiến-bộ nhiều với Hoàng-Tích-Chu, hai tờ Đông-Dương tạp-chí và Nam-Phong v.v.., nhưng lớp người cũ còn nặng lòng với Hán-Học. Văn-đoàn đã-kích lối hành-văn cũ dùng nhiều điều-cố, nhiều chữ Hán, ý sáo mà lời cầu-kỳ ; châm-biếm bọn người Tây học mất gốc chỉ biết nói và viết tiếng mẫu-quốc ; chẽ-riều kiểu lý-luận duy-vật chủ-trương một lối hành-văn giản-dị, sáng-sủa, linh-dộng, ít dùng chữ Hán đầy mạnh những thể-văn mới như kịch, phỏng-sự, phê-bình, tùy-bút, truyện ngắn.

Tự-Lực văn-đoàn lập một co-quan xuất-bản gọi là Nhà Xuất-Bản. Đời Nay để in những tác-phẩm của văn-đoàn và của một số văn-nghệ-sĩ có tài khác, đặt giải-thưởngag văn-chương để khuyến khích những tài-năng mới.

**Thành-tích của Tự-Lực Văn-Đoàn :** Với hai tờ tuần-báo Phong-hóa và Ngày Nay, với những tác-phẩm có giá-trị nghệ-thuật cao, Tự-Lực văn-doàn đã gây được ảnh-hưởng sâu-rộng về xã-hội và văn-học.

1.— *Về đường xã-hội, cái hiết-tài trào-phúng của các văn-gia phái ấy, cả trong thơ-văn và trong các bức hì-họa, đã làm rõ-rệt cái dở, cái rرم, cái buồn cười, cái già-dỗi trong các hòn-tục, thiên-kien cù câu ta.*

2.— *Về đường văn-học, phái ấy đã gây nên cái phong-trào « thơ-mới » và làm cho thể văn-tiểu-thuyết được đặc-thắng, phái ấy lại có công trong việc làm cho văn-quốc-ngữ trở nên sáng-sủa, bình-giản, khiến cho nhiều người thích đọc<sup>1</sup>.*

Ta phải nói thêm rằng Tự-Lực văn-doàn đã gây được một bão không-khí văn-nghệ sôi-nổi trong khoảng thời-gian 1932 — 1944, đã trình-bày được rõ-ràng tần-bi-kịch « cũ-mới » của xã-hội Việt-Nam trước trào-lưu tiểu-bộ của thế-giới. Tuy nhiên, giải-pháp được đề ra cho tần-bi-kịch đó còn có điểm lò-mò hoặc quá-tròn, thiên-lịch.



Hình chụp vào cuối 1958, tại trại Lao  
của Nhất-Linh bên suối Đa-Mè, gần Đà-Lạt.

## NHẤT-LINH (1905-1963)

Tiêu-sử : Nhất-Linh tên thực là Nguyễn-Tường-Tam, sinh tại huyện Cẩm-Giàng, tỉnh Hải-Dương. Ông nội, ông gốc người Hội-An, tỉnh Quảng-Nam, nhưng vì nhậm chức trại-huyện tại Cẩm-Giàng nên lập nghiệp tại đây. Thân-phụ, ông làm thông-phán Tòa Sứ Sầm-Núr (Ai-Lao), mất ở đây năm 1918 để lại một vợ và bảy con, (sáu trai, một gái). Nhất-Linh là con thứ ba trong gia-dinh, anh của Nguyễn-Tường-Long (tức Hoàng-Đạo) và Nguyễn-Tường-Lân (tức Thạch-Lam).

Ông học tại trường Bưởi, Hà-nội. Năm 1920, đậu Trung-Học, rồi làm thư-ky Sở Tài-Chính. Cuốn tiểu-thuyết Nho phong là tác-phẩm đầu tiên của ông viết trong khoảng 1924-25 và xuất-bản năm 1926. Năm 1925, ông thôi làm công-chức để học thuế, rồi học Cao-Đẳng Mỹ-Thuật. Năm 1927, ông sang Pháp du học. Năm 1930, đậu cử-nhan khoa-học, trở về nước.

Tháng 9 năm 1932, ông đứng ra điều-khiển tờ Phong-Hóa loại mới. Đầu năm 1933, thành lập Tự-Lực văn-doàn. Năm 1935, ra thêm tuần-báo Ngày Nay. Năm 1937, tổ-chức đoàn Ánh Sáng.

Năm 1938, ông sáng-lập đảng Hưng-Việt, sau đổi thành Đại-Việt Dân-Chính (1940), theo đuổi mục-tiêu chống Pháp, Nhật. Năm 1941, ông sang Trung-quốc, già-nhập Việt-Nam Quốc-Dân Đảng. Năm 1945, cùng đoàn-thể về nước. Ngày 24-2-1946, ông tham-gia Chính-lủ Liên-Hiệp với chức bộ-trưởng bộ Ngoại-Giao. Sau khi hội-nghị Đalat ngày 17-4-1946 không đưa đến kết-quả gì, ông âm-thầm rời bỏ phái-doàn dự hội-nghị Fontainebleau mà ông được bầu làm chủ-tịch để sang Trung-quốc hoạt-dộng. Năm 1951, ông về nước, ở Hà-Nội được mấy tháng rồi vào Saigon, tuyên-bố « từ bỏ chính-trị để trở về nghiệp văn ». Nhưng từ năm 1954 đến 1958, ở Đalat, ông lại cùng đồng-chí bí-mật hoạt-dộng nhằm cải-tổ Việt-Nam Quốc-Dân Đảng. Năm 1958, ông xuống Saigon, chủ-trương tờ tạp-chí Văn-Hóa Ngày Nay. Năm 1960, ông hành-lập Mặt-Trận Quốc-Dân Đoàn-Kết để ứng-hộ cuộc đảo-chính

11-11-1960. Cuộc đảo-chinh thất-bại, ông lần trên một thời-gian. Giờng ông Thanh-Thủy, tác-phẩm cuối cùng của ông được viết trong lúc này. Tháng 7 năm 1963, ông bị đưa ra Tòa Án Quân-Sự về tội lãnh-dạo-chính-trị trong cuộc đảo-chinh 1960. Ông dùng đặc được tự-sát, tại thế lúc 5 giờ-chều ngày 7-7-1963. Có đê lại di-ngôn : « Đời tôi để lịch-sử-xử, tôi không chịu để ai xử cả... »

Tác-phẩm : Tác-phẩm của Nhã-Linh có thể xếp loại như sau :

1. — *Bí-k夲-khoa* :

Viết và đọc tiếu-thuyết (1952-61).

2. — *Tiểu-thuyết* :

a) Truyện dài :

— Tiểu-thuyết lý-tưởng : Nho-phông (viết 1924-25, xuất-bản 1926). Người quay-tor (viết 1926, xuất-bản 1927).

— Tiểu-thuyết luận-đề : Đoạn-tuyệt (1934 - 35). Lãnh-hùng (1935-36). Đời bạn (1936-37). Giồng sông Thanh - Thủy (10) Ba người bộ hành; 20) Chè bộ hai người; 30) Vọng-quốc (1960-61).

— Tiểu-thuyết tâm-lý : Nắng-thu (viết 1934, xuất-bản 1942). Buồn-trắng (1938-39).

— Tiểu-thuyết phóng-sự trào-phúng : Đิ-Tây (1935).

b) Truyện ngắn :

Hai buổi chiều-rạng (1934-37). Thế-rồi-một-buổi-chieu (tâm-cù : Tôi-tầm, 1934-37). Mối-tình-a-chân (1948-50).

c) Truyện viết chung với Khải-Hưng :

Anh-phái-sống (truyện ngắn, viết 1932-33, xuất-bản 1937). Gánh-hàng-hoa (truyện dài lý-tưởng, 1934). Đời-mưa-gió (truyện dài tình-cảm, 1934).

Ngoài ra, từ 1940, Nhất-Linh còn viết bộ trường-giang tiểu-thuyết « Xóm Cầu Mới », gồm nhiều cuốn khác nhau (như Cô Mùi, Người chiến-sĩ, Nhà mẹ Lê, Người sát-nhân, Cậu Ấm, Ông Năm Bụng...). Những phần viết rời có đăng trong Văn-Hóa Ngày Nay.

### ĐOẠN - TUYỆT

Lược truyện : Đoạn-Tuyệt xuất-bản năm 1935 là một tiểu-thuyết hiện-de, thuật chuyện một người đàn-bà đã tiêm-nhiễm những tư-tưởng mới về tự-do, về giá-trị và quyền sống của cá-nhân trong xã-hội. Vì không chịu nổi những ràng-buộc vô-lý của chế-độ đại gia-dinh, những tập-lực hủ-lựu của lớp người cũ, nàng phải « đoạn-tuyệt » với gia-dinh để thoát-ly mọi áp-bức và sùng-lý-lập.

Vai chính là Loan, một cô gái đã học hết năm thứ 4 ban Cao-Đẳng Tiêu-Học. Nàng đã hấp-thu được những tư-tưởng mới, không muốn sống « trong sự phục-tòng cờ-lệ » như mọi người con gái khác. Nàng yêu Dũng, một thanh-niên có chí-khi, bị cha mẹ từ-bỏ chỉ vì chàng không muốn sống vô-vi, chỉ vì chàng có những tư-tưởng mới-mẻ « nguy-hiểm ». Dũng yêu Loan, nhưng không thể nghĩ tới việc lập gia-dinh, nên phải đóng vai một người bạn. Loan bị cha mẹ gả cho Thân, con một nhà giàu ở Thái-Hà. Thân là một thanh-niên tầm-thường, cờ-hủ, nhu-nhuê, không có óc tự-lập. Bà Phán Lợi, mẹ chàng, là một bà mẹ chồng rất trung-thành với lễ-nghi cũ, cay-nghiệt và hiềm-dục đối với con dâu mà bà muốn phải hoàn-toàn phục-tòng. Loan có cố-gắng tỏ ra thân-phục, kính-trọng mẹ chồng và yêu chồng để được yên-thân. Vì đứa con gái nàng sinh ra đã chết — chết vì óc mè-tìn dị-soan của mẹ chồng — vì nàng không thể sinh nở được nữa, nàng đã vắng-lòng để cho Thân lấy vợ lẽ. Nàng sống tủi - cực, ngày ngày phải chịu những sự hèn-hạ vô-lý của mẹ chồng, của già - giàn chồng (kè-cả vợ lẽ). Cuối cùng cuộc xung-đột xảy ra : bị chồng đối-xít tàn-nhẫn nhẫn một chuyện nhỏ mọn, bần-thiu, Loan chống cự. Trong lúc Thân hung-hỗn như con hổ dữ săn-lại phia-pùng, tay cầm một chiếc lọ đồng, nàng hoảng-hốt và lấy một con dao đục rách định gươm đỡ. Bị đập mạnh,

Loan trượt chân ngã xuống giường. Thân ngã theo bị con dao đậm trúng ngực chết. Loan được hỏa án thả bổng sau một thời gian giam cầm. Mẹ nàng chết, nàng phải bán ngôi nhà của cha mẹ nàng để lại để trả nợ mẹ chồng cũ. (Sau này, nàng mới biết nàng bị ép lấy Thảo vì mẹ nàng uy tiền bà Phan Lợi). Nàng sống một cuộc đời chật vật vì vẫn bị già - định nhà chồng tìm cách làm hại và đù-luận xã - hội theo đuổi.

Về phần Dũng, sau một thời gian hoạt động gian-khổ, chàng vẫn không quên Loan. Chàng hồi hận vì chàng mà Loan chịu đau khổ. Loan yên trí rằng chàng không yêu nàng và trong những ngày cuối năm, nàng « cảm thấy nỗi cô-dộc của nàng, một thân một mình sống tro-trọi ». Đột nhiên, nàng nhận được bức thư của Dũng gửi cho bà Giáo Thảo, bao thận của cả hai người, nhờ dò-xét tình-ý của nàng, xem hai người có thể nối lại được mối tình xưa không. Loan sung-sướng đến chờ cuộc đời mới.

#### Các đoạn trích :

- 1.— *Việc hôn-nhận theo hai quan-niệm cũ và mới.*
- 2.— *Còn-dám nhẫn lấy cuộc đời hiện-tại,*
- 3.— *Nàng đau.*
- 4.— *Mẹ chồng.*
- 5.— *Quyền làm người.*
- 6.— *Phải cát-lạo đời sống dân quê,*
- 7.— *Lời buộc tội của Chưởng-ly.*
- 8.— *Lời biện-hộ của Luật-sư.*



Phụ-bản trong cuốn Đoạn-Tuyệt do nhà xuất-bản Hương-Anh,  
Paris tái bản năm 1941

## CÁC ĐOẠN TRÍCH

### 1. Câu hỏi-nhận theo hai quan-niệm cũ và mới

Loan ngừng đầu nhìn thẳng rồi thong-thả nói :

« Vâng thì xin mẹ để tùy con, và nhận thè mẹ để tùy con định có nên lấy chồng hay không nên lấy chồng. Con đã nhiều lần thưa với mẹ rằng con không thè ... »

Bà Hai giận-dữ :

« À, cô không thè ... Cô phải biết cô lớn rồi, cô phải biết nghĩ chứ ! »

Loan vẫn ung-dung từ-lộn :

« Thưa mẹ, chính vậy. Chính vì con lớn, con biết nghĩ nên con mới thưa cùng mẹ rằng con không thè về làm dâu nhà ấy ... »

Bà Hai nói :

« Để thường cô tưởng chuyện chơi sao ? »

Loan đáp :

« Không, con không cho là chuyện chơi, con cho là một chuyện rất quan-hệ trong đời con, mà chỉ quan-hệ đối với con mà thôi, »

« Còn tôi ? Ra cô không coi lời hứa của tôi vào đâu cả. »

« Thưa mẹ, sao mẹ hứa với người ta, trong bao nhiêu năm mẹ nhận lẽ của người ta? Nếu mẹ nghe con ngay từ trước? Người ta đến ăn hỏi, mẹ cũng cù nhận, lối đó không phải ở con, vì mẹ không cho con hay. Việc của con mà thày mẹ coi như là con không có ở nhà này. »

Bà Hai vỗ mặt hầm hầm

« À, ra bây giờ cô lại mắng cả tôi. Phải, tôi tự-tiểu, nhưng cô phải biết vì lẽ gì nên tôi mới tự-tiểu chứ. À ra mắt tiền cho cô ăn học, để cô văn-minh, cô về cãi bối mẹ ... Hồng... »

Bỗng thấy chồng đi qua hiên, bà Hai lên tiếng gọi :

« Này Ông. Ông lại xem con Ông nó mắng tôi kia kia »

Ông Hai quay lại mắng con :

« Không được hồn ! »

Loan nhẫn ra đáp :

« Thưa thầy con không hồn. Không bao giờ con dám vô-lẽ với mẹ con. Nhưng it ra, mẹ con cũng đe con nói truyện phản-bày phải trái về một việc rất quan-hệ đến đời con. »

Ông Hai nghiêm-nghị nhìn con rồi bảo

« Việc ấy thầy mẹ đã định rời và sẽ lo-liệu thu-xếp cho cô, cô không phải bàn. Cái thói ở đâu, hễ mẹ nói câu gì là cứ n้อม một móm hai cốc giả lại xa-xả. Văn-minh vừa vừa chứ, người ta mới chịu nói ! ».

Loan chỉ đầu ngẫm-nghĩ một lát rồi nàng nói giọng că quyết :

« Thưa thầy mẹ, thầy mẹ cho con đi học, thầy mẹ không thè cư-xử với con như con vô-học được nữa. Không phải con kiêu-ngạo gì, đó chỉ là một sự dĩ-nhiên. Lỗi ấy không ở con. Phản-bày trái phải với bố mẹ không phải là bất-hiểu như ý con tưởng. »

Thầy mẹ ứa nước mắt khóc, Loan quay lại nói riêng với Bà Hai :

« Thưa mẹ, con xin lỗi mẹ đã làm mẹ phải phiền lòng. Nhưng còn hơn là đe mẹ buồn khổ mãi mãi. Nếu con không cắp sách đi học, con sẽ cho lời mẹ là một cái lệnh không thể trái được, con sẽ như mọi người khác bị ép-uồng, rồi liều mình tự-tử. Đó mới là bất-hiểu. Chứ nói rõ đe mẹ biết chỉ làm phiền lòng mẹ choc lát mà thôi. Thầy mẹ giận con, vì thầy mẹ không thè tưởng được rằng làm phản con lại dám cãi gan trái lời bố mẹ. Con, con cho thế mới là phải đạo. »

Ngừng một lát, Loan nói tiếp :

« Vâng, con nhận rằng con moi quá, nhưng con đã đi học, không thè không cư-xử theo sự học của con được. Bây giờ thi tùy quyền thầy mẹ. »

Ông Hai, bà Hai tuy thấy con nói có lý, nhưng không khỏi kinh- ngạc, lo sợ. Ông bà mang-mang thấy con mình xa - cách hẵn minh, thành một người ở xã-hội khác hẳn cái xã-hội Việt-Nam bình-thường ... Ông Hai và bà Hai thuộc về hạng trung-lưu, vốn sinh - nhai về nghề buôn chiểu, chỉ biết sống theo những tục-lệ cũ của ông cha dè lại, không hề dè ý đến rằng ở trong xã-hội hiện có một sự thay đổi to-tát. Từ ngày cho con gái đi học, ông bà mới dần dần tiếp-súc với sự thay đổi đó. Đến nay, trước một việc quan-trọng, ông bà càng cảm thấy rõ và lo sợ mà nhận ra rằng con mình không cùng một quan-niệm về cuộc đời như mình nữa, cách-biệt mình xa lăm.

**TIỀU-DĂN:** Loan bị cha mẹ gả cho Thân, con một nhà giàu ở Thái-Hà ấp, theo đúng lời định - ước của hai bênh từ khi nàng còn bé. Nàng không được hỏi ý-kiện. Ngày ăn hỏi, nàng cũng muốn làm vui lòng cha mẹ, nhưng vẫn ấm-ức khó chịu. Nhân câu chuyện sắm áo cưới, nàng bỗng-dịn bày-tỏ với mẹ những ý-kiện của nàng về việc hôn-nhân trong một cuộc đối-thoại.

## 2. Cân-dâm nhận lấy cuộc đời hiện-tại

Ra đến ngoài phố, nàng như sực tỉnh một giấc mơ và thấy sự thực hiện ra rõ-ràng như cảnh - vật dưới ánh nắng trước mặt nàng lúc đó. Nàng lắc đầu lầm-bầm :

« Thôi ta dè mặc anh Dũng đi với cảnh đời gió bụi của anh, yêu nhau dành chỉ yêu nhau trong tâm-hồn, còn mỗi người một ngả, người nào sống riêng cuộc đời người ấy. »

Nàng chán-nản thở dài :

« Thế là hết ... »

Loan đi rẽ lên đê Yên-Phụ. Gió bãi thổi làm quần áo Loan phất-phới. Tay giữ chặt lấy khăn san, nàng đi ngược lên chiều gió, hai con mắt lờ-dở nhìn ra phía sân rộng.

Sau mấy dặng soan-thưa lá, giòng sóng Nhị-thấp - thoảng như một giải lụa đảo. Bên kia sông, gió thổi cát ở bãi tung lên trong tựa một đám sương vàng lan ra che mờ mấy cái làng nhỏ ở chân trời. Xa nữa là dãy núi Tam - Đảo mầu lam nhạt

đứng sừng-sững to-tát nguy-nga, ngọn núi mù-mù lẩn trong ngàn mây xám.

Loan đưa mắt nhìn một cánh buồm in trên nền núi xanh  
nghĩ đến nhưng cuộc phiêu-lưu hồ-hải nơi nước lạ, non xa.  
Loan ao-ước được ở một chiếc thuyền kia tháng ngày lênh-  
đênh trên mặt nước mặc cho nó đưa đến đâu thi đến đê xa-  
hắn cái xã-hội khắt-khe nàng dương sống.

### « Trốn »

Nghĩ đến rằng trong cái thuyền nhỏ ấy chắc lại sẽ thấy  
đủ các thứ khó chịu của xã-hội kia, Loan mỉm cười thất-vọng.  
Cái thuyền ấy biết đâu lại không phải là cái nhà tù trói nỗi...

« Trốn không được thi chỉ có một cách là can-dảm, nhẫn-  
lấy cái đời hiện-tại của mình, nhìn sự thực bằng đôi mắt ráo-lẽ  
không phiền-muộn không oán-hờn, mạnh-mẽ mà sống. »

Loan vừa đi vừa nghĩ đến sự quyết định của đời nàng nên-  
đến phô hàng Đậu lúc nào không biết.

**TIỀU-DÂN :** Loan và Dũng âm-thầm yêu nhau. Nhưng Dũng không  
thể nghĩ đến việc lập gia-dinh vì Loan đã được cha mẹ già cho Thân mà  
chàng còn có nhiệm-vụ đối với xã-hội, với dân-tộc. Chàng sắp phải đi xa.  
Khi Loan tới gặp chàng ở một ngôi nhà tồi-tàn, chàng đã đóng vai một  
người bạn, làm ra vẻ không biết đến mối tình của nàng. Nàng thất-vọng  
ra về. Lần này nàng lại tới, nhưng Dũng đã ra đi. Khi ra về, nàng cháo-nón. Cánh buồm trên sông khiến nàng nghĩ tới cuộc đời hồ-hải, nhưng rồi  
nàng quyết định nhận lấy cuộc đời hiện-tại của mình.

### 3. Nàng dâu

Nghe tiếng bà mẹ chồng, Loan sực nhớ đến lúc nàng bước-  
chân đến cửa nhà chồng : dáng lê bước qua cái hỏa lò đê ở  
cửa, nàng đứng dừng lại cúi nhìn cần-thận rồi vò như vò ý  
lấy chân hắt đồ cái hỏa lò, mấy viên than hồng lăn lộn cả ra  
mặt đất. Nàng còn nhớ lại rõ vẻ mặt ngờ-ngác của bà Phản

Lợi vừa cười gượng vừa sai người nhà quét thu mấy viên than hồng vào góc cửa. Lại còn khi lê to-hồng, người ta đặt nàng ngồi sau lưng Thân, nàng sắp lê, thản-nhiên đứng lên ngồi ngang hàng với Thân.

Bây giờ nghĩ lại, Loan tự trách mình hơi ngô-nghịch. Trước kia, nàng có hứa với nàng cố sống trong sự phục-tòng, coi bồ mẹ chồng như bồ mẹ để mà chưa chỉ nàng đã tìm cách trêu-chọc. Nếu nàng không yêu mẹ chồng được một cách chân-thật, thì nàng cũng cố kinh-trọng và chiều-chuộng mẹ chồng để đỡ khổ đến mình. Nàng lắc đầu lầm-bầm

« Giả đạo-đức. Ta bắt ta giả đạo-đức. »

Và càng không muốn từ dối mình, nàng cho việc yêu mẹ chồng khó gấp mấy việc yêu chồng và có lẽ là một việc không thể làm được. Sự thực như vậy, không nhận điều đó tức là mình lừa dối mình. Trong chế-độ đại-gia-dinh, không có những dây thân-ái tự-nhiên ràng buộc người nọ với người kia, thì đành lấy những dây liên-lạc giả-dối mà ràng-buộc lấy nhau vậy.

**TIÊU-DÂN :** Đây là ngày đầu tiên của Loan ở nhà chồng. Nàng tự nhủ mình phải sống ngoan-ngoãn, nhưng nàng cảm thấy khó-khăn vô cùng chỉ vì nàng muốn sống chân-thật.

#### 4. Mẹ chồng

Lúc Loan về đến nhà, trên bàn thờ đèn nến còn sáng trưng.

Bà Phàn Lợi ngồi ở sập uống nước, thấy nàng về ngọt-ngào hỏi :

« Mợ đi chơi mát về ? »

Loan cúi đầu không đáp, đi rẽ sang phòng bên cạnh. Bà Phàn hỏi to :

« Mợ đã xơi cơm chưa để bảo nó đon cơm. »

Rồi bà lên tiếng gọi con gái :

« Béch ơi ! con dọn cơm lên để chị xơi đi. »

Béch đang nói truyện với em là cô Châu, thấy mẹ gọi, vội đáp :

« Thưa mẹ nhà hết cơm rồi, chỉ còn ít cơm cháy thôi ạ. »  
Rồi hai chị em cười khúc khích với nhau mãi.

Thầy Thân đi qua bà, bà Phán vãy lại :

« Ngày anh, anh xem vợ anh. Tôi cưới nó về cho anh để làm vua làm tướng ở nhà này à ? Có đòi thuê nhà ai như thế không. Tôi, tôi không cần đến thứ ấy giúp đỡ tôi, nhưng anh nghĩ xem, ngày giỗ, ngày Tết mà nó là con dâu trưởng, nó bỏ đi không có nói với tôi lấy nữa lời. »

Thân nhanh vào trong buồng gọi Loan :

« Mợ »

Loan quay ra thưa :

« Dạ »

« Mợ muốn yên lành thì ra ngay đây. »

Rồi chàng bầm-bầm bước vào buồng. Loan lạnh-lùng nói với Thân :

« Tôi vẫn cậu, cậu để tôi yên. »

Nhớ đến lời hứa với mẹ ban sáng, nàng vội bước ra, đến gần bà Phán Lợi, nói

« Thưa mẹ, mẹ đã cho con về làm con, làm dâu thì xin mẹ coi con như là một người trong nhà, hay thì mẹ khen, có lỗi thì mẹ mắng. Con xin nhận lỗi và nhận những lời mẹ mắng con, dạy con. Bởi vì con biết đó không phải là những day - dắt làm con đau-khổ vô-ich, mà là những lời của một người mẹ vì yêu con mà mắng. »

Bà Phán chỉ nhận thấy con dâu lý-sự, chứ không hiểu rõ nàng định nói gì. Loan thì cho rằng những lời mắng không

làm nàng khó chịu ; khó chịu cho nàng nhất là những lời nói mỉa của bà Phán. Những lời nói đó bấy lâu đã làm cho nàng đau-khổ và đã làm tuyệt hẳn con đường tình-nghĩa của nàng với mẹ chồng.

Vì bà Phán chưa hiểu, nên bà vẫn mai-mia bảo Loan :

« Tôi thi tôi đâu dám mắng cô, mà ai mắng cô ở nhà này, cô cứ dạy quá lời. Giỗ tết nhà tôi cô không thèm biết đến thì thôi, ai bắt. Tôi chỉ nói dề cô biết từ rày có cô đi đâu thì cô cho tôi hay, kéo ở nhà này cô kể ra, người vào, lở mắt-mát cái gì thì một mắt muerdoi ngò, người ta nói ra, nói vào thêm khổ-khổn ra. »

Bà Phán ngẫm-nghĩ một lát rồi tiếp :

« Chỗc nữa mơ xoát lại hòm xiêng, vòng hột xem có thiếu-thốn cái gi không, kéo mơ di vắng, nhở mắt-mát lại thêm phiền cho người nhà. »

Loan biết là bà Phán nghi cho mình khuân của về nhà bố mẹ dể nhưng vờ như không biết

« Thưa mẹ, con đã biên mấy chữ dề lại cho nhà con. »

Bích đứng xếp khay chén gần đấy, dờ lời bà Phán nói :

« Biên chữ thì ai xem được. Nhà tôi có ai đỗ bằng nợ bằng kia như chị đâu mà bảo xem nỗi. »

Rồi quay mặt đi, nói một mình, nhưng có ý dề cho Loan nghe rõ

« Hoi một tí là đem chữ ra khoe ! »

Loan cau mày nhìn Bích rồi cười nhạt. Nàng biết rằng ngoài sự khinh-bỉ yên-lặng ra không có thể lấy gì đổi lại thái-dộ của Bích.

Bích vừa đi vừa nói :

« Cũng tại anh Cả nhu-nhược nên người ta mới xô chan lõ mũi, khinh mẹ mình được. »

Loan cúi đầu, nắm chặt hai tay như để giữ những nỗi tức-bực. Lúc đó nàng cảm thấy hết cả những cái đê-tiện của những xã-hội đàn-bà vụn-vặt, nhỏ-nhen, nhiễu-sự, tìm hết cách làm khổ người khác, rồi lấy cái khổ của người khác làm sự sung-sướng của mình. Loan thương cho Loan lạc-loài vào đây, chưa biết ngày nào ra được để sống một cuộc đời rộng rãi, thanh-thơi.

Bích vừa ra khỏi thi đền lượt bà huyện Tịch, một người cô của Thân bước vào. Loan xưa nay vốn ghét bà này nhất, nên thoát trống thấy, nàng đã vội lẩn vào buồng rồi đi tắt xuống nhà dưới. Bà Tịch cười hỏi bà Phán :

« Thế nào cô trắng răng đã về rồi đây ư ? »

Bà Phán than-thở :

« Tôi thật vô-phúc mới gặp đứa con dâu như thế »

Bà Tịch tự-đắc tiếp luôn :

« Đây, tôi đã can chị, chị không nghe, cứ đi rước những thứ ấy về. Rước những hạng tân-thời ấy về để nó làm bại-hoại gia-phong nhà mình. Nó học giỏi mặc nó chửi, nhà mình là nhà có phép-lắc, nền-nếp, »

Rồi quay lại nói với Thân :

« Thế nào là dạy con từ thuở còn thơ, dạy ợ từ thuở bơ-vơ mới về. Cũng tại anh cả quen chiều vợ, để mặc nó muốn làm gì thì làm, bây giờ thì nó đã quen thân, mất nết, chảm quá rồi . Hỗng. »

**TIỀU-DẪN:** Sống khò-cực trong gia-đinh nhà chồng, Loan tìm cách thoát-ly. Nàng đã bàn với chồng xin phép bà Phán ra Hà-nội buôn bán, nhưng chồng gạt đi. Nàng chán-nản. Hôm đó, Loan dặn sớm viết giấy đe lại cho chồng rồi ra đi. Về nhà mẹ, nàng được biết rằng nàng bị gả cho Thân vì cha mẹ nàng nợ tiền bà Phán. Đến chiều nàng trở về, mới biết ngày hôm đó nhà chồng có giỗ. Nàng bị mọi người xúm vào mỉa-mai, nói mát.

### 5. Quyền làm người

« Nhưng sao chị không tìm cách ra ngoài buôn-bán ? »

« Có, đã mấy lần em xin phép, nhưng không được. Chính vì đó mà bà Phán bắt đầu cỏ ác-cảm với em. Họ không thể biết được rằng em có quyền tự-lập thân em, vì họ vẫn định-nim rằng họ bỏ tiền ra mua em về để giúp-dỗ công-việc nhà họ và hẫu-hạ mẹ chồng. Bòn-phận chính của em là thế. Cái quyền làm người của em, người ta không kè đến. »

Loan cau mày nói tiếp :

« Lúc đó người ta cũng luôn-luôn nhắc đe cho em khẽ quên rằng người ta mất bao nhiêu tiền mới mua được em về. Đã mua em về thì đời nào người ta đe cho em chạy thoát. Người ta lại tưởng có thể mua được cả tâm-tinh em nữa. Đến ngay như em đe dường ngôi lệch thế này mà cả nhà cũng nói đi nói lại mãi chưa thôi. Cái dường ngôi nó ở giữa hay nó sang bên cạnh một ít, thì hỏi có hại đến ai không ? »

Thảo nhắc lại câu nói lúc nãy :

« Tôi nghĩ chỉ còn cách ra ngoài buôn-bán là ổn hơn. »

Loan ngắt lời bạn :

« Còn cách nữa... là cách đợi khi nào em đổi địa-vị thành một bà mẹ chồng. »

Nói đến đây, Loan nghĩ ngay đến cô cả Đạm, đến cái vòng luân-quản, cái dây súc-sích dài những mẹ chồng nàng dâu nối-tiếp nhau đe hành-hạ nhau.

Loan nói :

« Nếu đưa con em đẻ ra là con gái thì em cũng sẽ cho nó đi học, nhưng em sẽ hết sức làm thế nào cho nó khỏi gặp cảnh ngộ như em. Chứ nếu sự học không dùng được đe lập-thân, không giúp được mình đe sống một cuộc đời thích-hợp thì sự học đó chỉ là một cái tai-ách. Chị nghĩ mà xem nếu em không đi học thì có lẽ không đến nỗi khổ-sở. »

Thảo cười nhạt hỏi :

« Thế ngộ chi đẻ con giài ? »

« Nếu em đẻ con giài thì điều thứ nhất là em làm thế nào cho nó không giống tinh bối nó. Cái chí của nó phải ngược lại cái chí của bối nó, em mới cho nó là đứa con có hiếu... Bố nó có mỗi cái chí là hết sức bệnh-vực-dại gia-dinh, đẻ bày giờ nhớ cha mẹ, mà sau này sống nhờ con. »

Rồi Loan hăng-hái nói tiếp :

« Nó có đời của nó, nhún lên nó phải hoàn-toàn sống cái đời của nó. Theo lệ cũ, thi con mình cả đời chỉ quanh-quần lấy mình thời, quanh-quần với những bồn-phận trong gia-dinh. Khi bố mẹ còn trẻ thì bố mẹ bắt con theo ý mình, đến khi bố mẹ già, nếu bố mẹ không lo-liệu lấy thân, thì tất nhiên con nó phải bận mưu sự sống cho bố mẹ. Tôi muốn nó có lòng kính yêu mà không bao giờ phải bận vì tôi. »

**TIỀU-DÂN :** Ông Hai, cha Loan vừa mất. Nàng buồn-phẫn vì bà Hai sống cô-dộc mà nàng không có cách nào giúp đỡ, an-ủi mẹ. Trong câu chuyện với người bạn thân là bà Giáo Tháo, Loan bày-tô nỗi khổ-tâm và nói tới quan-niệm của mình về quyền làm người của con-cá.

#### 6. Phải cải-tạo đời sống dân-quê

Một buổi chiều về cuối năm, một buổi chiều êm như một giấc mộng; mấy cây thông ở đầu hiên nhà đứng lặng yên, đợi giờ.

Dũng và Độ, hai người cùng ngồi thẩn-thờ, không nói, ngẩng đầu vào lồng ghế, nhìn khói thuốc lá từ từ lan ra ngoài nhà rồi tan vào quang-không.

Trên bàn phủ vải trắng, có đèn một chai rượu mùi, hai cốc đầy rượu và một đĩa quả : sắc thủy-tinh trong, pha với màu xanh vàng, đỏ của trái cây diễn ra một quang-cảnh sực-vé, ấm-áp.

Ngoài kia, ánh nắng vàng buổi chiều như tiếc ngày cuối cùng của một năm, còn lảng-vắng trên các ngọn đồi, chòm cây,

lướt-thướt trên những cánh đồng cỏ màu xanh già. Những thôn xóm rải-rác dưới chân đồi hay bên bờ con sông trắng cong-queo như bị đè-nén dưới vẻ to-tát của trời đất rộng-rãi. Khói thối cơm chiều ở một vài nhà dân không có sức lèn cao nữa, tỏa ra thành từng đám màu lam ôm-ấp lấy các mái tranh.

Tiếng người gọi nhau ở dưới đồng đưa lên, khiến Dũng nghĩ đến cái đời của dân quê, cái đời lạnh-lěo, vô-vị kéo dài đã mấy nghìn năm. Đã mấy nghìn năm, họ sống như bám lấy mảnh đất già cỗi, xưa thế nào giờ vẫn thế, vui ít, khổ nùi-lèu, bao giờ cũng thảm-dạm như buồi chiều đồng này, không hề khao-khát một cảnh đời sáng-sủa hơn, mong-ước một ngày mai tốt-dep hơn ngày hôm nay.

Chiều hôm ấy, Dũng như cảm thấy tâm-hồn của đất nước mà biều-hiệu cho đất nước ấy không phải là những bực vua chúa danh-nhân, chính là đám dân hèn không tên không tuổi. Dân là nước. Yêu nước chính là yêu chung đám thường-dân, nghĩ đến sự đau-khổ của đám thường-dân.

Quanh năm xuôi ngược, dừng chân lại ít ngày ở đồn-diễn một người bạn thân, ngồi nhàn-nhã uống cốc rượu tiền năm trong một tòa nhà gạch sang-trọng, Dũng vẫn thấy mình là một người dân và càng cảm thấy cái thủ man-máu được hòa với đám dân không tên tuổi, sống cái đời của họ sống, mong-ước như họ mong-ước, khác nào một cây cỏ lắn vào trong muôn nghìn cây cỏ ngoài nội. Nhưng trong cái thủ hòa-hop ấy có lẩn chút rạo-rực, náo-nức; vì chưa được thỏa-nguyễn về biện-tình của dân quê, nên còn khao-khát, mà sự khao-khát không diễn được nên lời ấy, nó bắt Dũng tin ở sự thay-đổi, tin ở công-việc Dũng làm trong bấy lâu và có lẽ còn làm mãi mãi, chưa biết bao giờ nghỉ.

Độ nhìn Dũng thương-hại cho bạn bấy lâu sống một cuộc đời gian-nan, vất-vả, phiêu-bạt khắp bốn phương trời. Chàng gạt tàn thuốc lá, thở dài, nói vần-vơ một câu như để mong an-ủi bạn :

«Sống không nghĩ-ngợi như bọn dân kia thế mà lại sướng».

### Dũng dấp :

« Tôi không nghĩ như anh, vì tôi tin ở sự tiễn-bộ. Ta có thể làm cho họ hơn lên được; Cố lẽ họ đã quen với cái khổ hẩm rỗi, nên họ không biết khổ nữa hay họ có biết cũng không tỏ ra được... Ta phải diễn ra cho họ và những sự ta mong-ước cho họ, ta phải làm cho họ mong-ước như ta... Tôi vẫn hằng mong-ước dân-quê dở phải chịu hà-hiếp, tặc-bách. Ta phải tin rằng sự ao-ước ấy có thể thành sự thực và làm cho dân-quê cũng mong một cách tha-thiết như ta ».

Bây giờ, dưới đồng sương xuống phủ mờ-mờ, tiếng người gọi nhau lúc này, giờ đã thấy im...

Yên-lặng.. Buổi chiều yên-lặng như ru người ta vào cõi mộng.

**TIỀU-DÂN :** Dung hoặt-động bí-mật, nay đây mai đó. Đã hơn một năm, chàng xa cách Hà-Nội nhưng vẫn nhớ đến Loan. Một buổi chiều cuối năm, chàng tạm nghỉ chân ở một nhà người bạn nơi đồn-diều để đón năm mới.

### 7. Lời buộc tội của Chưởng-lý

Ông Chưởng-lý, sau khi từ-tốn kè lại việc xảy ra, bỗng giơ thẳng tay chỉ vào mặt Loan và cao tiếng buộc tội :

« Người này đã giết ! Tay người này đã nhuộm máu và hồn-nữa, nhuộm máu của một người chồng, một người chồng hiền-lành cả đời chỉ có một cái lỗi là cái lỗi lấy phải một người vợ ác. Thị-Loan này đã có đi học, mà đi học đến năm thứ tư bức Cao-đẳng tiêu-học, ở xã-hội An-nam, như thế hẳn phải là một người thông-minh. Đã là một người thông-minh, có lý nào để cho hết thảy mọi người trong nhà, trong họ, không một ai là không chê, không ghét. Chỉ tại Thị-Loan vì thông-minh, nên sinh ra kiêu-bảnh, không coi ai ra gì cả. Kinh mẹ chồng, kinh chồng, kinh bố chồng. Người nào cũng cho là vô học-thức. Các ngài hẳn hiểu rõ cái hại đọc tiêu-thuyết của những bọn

thanh-niên biết tiếng Pháp : một luồng gió lảng-mạn cuối mùa  
thời qua đã để lại bao tai-hại.

« Vì kiêu-căng, vì lảng-mạn, lại vì so-sánh những cảnh thần-  
tiên thấy trong tiểu-thuyết với cái sự thực tầm-thường trước  
mắt, nên Thị-Loan tìm cách thoát-ly.

« Cho là Thị-Loan muốn thoát-ly nữa, nhưng thiếu gì cách.  
Thị không nghĩ thế. Thị nỡ giết chồng trong một lúc giận-dữ,  
thì dùng một cách để thoát-ly nhẫn-tâm, vô nhân-dạo. Lúc đó  
thì chỉ cốt cho hả giận riêng. Thị không biết rằng người làm  
cho thị giận lại chính là thị đó.

« Thị-Loan không thể cãi rằng không định làm giết chồng.  
Nói rằng cầm dao đẽ đỡ cái lọ đồng trong khi né mình tránh  
khỏi là một sự vô-lý..Mà không cái gì tỏ ra rằng người chồng  
vác lọ đồng đẽ đánh chết vợ, một người vợ đã hối với mẹ mình t  
Thị-Loan đã rất khôn-khéo, phải, rất khôn-khéo; vì đã giết  
chồng mà đã khéo làm ra như là chồng tự giết mình. Tôi rất  
phục. Nhưng cái khéo đó của một người nham-hiem, một người  
gian-trá.

« Tôi xin Tòa trù tội thật nặng đẽ làm gương cho người  
khác. Không phải là lần đầu tòa phải xử một việc như thế này.  
Những việc lồi-thôi trong gia-đinh không biết bao nhiêu mà kẽ.  
Biết bao nhiêu gái non quay-cuồng vì cái luồng gió lảng-mạn mà  
tôi nói đến lúc này đã quên hẳn cái thiên-chức làm một người dâu  
thảo, một người vợ hiền, làm cột trụ cho gia-đinh như những  
bực hiền-nữ trong xã-hội An-nam cũ. Họ quay-cuồng muốn phâ  
bỏ gia-đinh mà họ tưởng là nơi tù-tội của họ. Gia-đinh lung-lay,  
xã-hội sẽ bị lung-lay, vì cái xã-hội An-nam này được vững-chãi  
còn là nhờ ở gia-đinh.

« Người Pháp đến đây là để giữ lấy nền-tảng xã-hội dân-bảo-  
hộ. Mình không thể khoan-dung được, vì khoan-dung tức là yếu ớt

Đè cho gia-dinh tan-nát, xã-hội tan-nát, ấy là lỗi ở ta. Nhất là những bọn gái này lại dựa vào những lý-thuyết ta đem dậy họ để phá những cái mà bồn-phận ta phải giữ. Vẫn biết là họ hiền lành! Chính vậy, ta phải tỏ cho họ biết rằng họ hiền lành mà việc cải-cách xã-hội không phải là việc của những bọn tuồi con non nớt, học-thức còn giở-giang, chỉ được cái kiêu-căng là không bờ-bến.

« Thị-Loan là một người có tội với gia-dinh. Nhưng cái tội lớn nhất của thị là tội giết người, cố ý giết người. »

**TIỀU-DÂN :** Sau khi nghe ông Chánh-sá hỏi Loan và bà Phan Lợi về những việc đã xảy ra, ông Chuồng-lý đứng lên dõng-dạc buộc tội Loan.

### 8. Lời biện-hộ của luật-sư

Trạng-sư đem hết lẽ ra để chứng rằng Loan không định tâm giết chồng, chỉ vì Thân muốn đánh Loan và vô-ý ngã vào côn dao. Ông đọc giấy chứng-nhận của thầy thuốc khám-nghiệm rồi kết-luận :

« Loan không giết chồng! Điều đó là một sự dĩ-nhiên rồi. Giấy chứng-chỉ của Đốc-tor, lời khai sự thực của con Sen đúng với lời khai của bị cáo-nhân, đã tỏ ra một cách rõ-ràng rằng những lời khai khác hẳn nhau của gia-nhân người thiệt-mạng toàn là những lời vu-khổng vì thù ghét. Còn như Thị-Loan cầm dao, đó không phải là một cái tội. Cái lọ đồng kia có thể làm chết người, Thị-Loan có quyền giữ mình, giữ mình bằng cách gì cũng được.

« Tôi vừa nói tên chủ thù ghét, và nếu tôi không lầm, thì lúc nãy Ông Chuồng-lý cũng nói rằng cả nhà ghét Thị-Loan. Nhưng không cái gì tôi nói lỗi đó về cả phần Thị-Loan.

« Người ta ghét thị, đó không phải là một chứng-cớ rằng thị kiêu-hanh. Thị-Loan là một cô gái có học, nghĩa là một gái đã tiến, nhưng tiến không phải một nghĩa với lăng-mạn. Thị-

Loan là một gái mới mà đã vui lòng nghe theo lời mẹ, đi lấy một người chồng có sống trong một gia đình cũ. Tôi nói thế là dựa theo chứng cứ hàn-hoi. »

Rồi Trạng-sư giơ ra một tờ giấy và nói tiếp

« Đây là bức thư của Thị-Loan viết cho một người bạn là bà Giáo Thảo hiện có mặt tại đây. Tôi xin đọc một câu của Thị-Loan viết trong đó : « *Em sẽ sống như mọi người khác, em sẽ cố thuần-thục, lấy gia-dinh chồng làm gia-dinh mình, coi bố mẹ chồng như bố mẹ đẻ, biết đâu em lại không thấy được hạnh-phúc ở chỗ đó.* »

« Đây, các ngài nghe rõ chưa ? Thị-Loan muốn yên mà người ta không để thi yên. »

« Tôi không muốn nhắc đến người đã thiệt-mạng, mà nhất là nhắc đến một cách không hay cho người đó, nhưng các ngài hãy nhìn lại Thị-Loan ngồi đây – một người có nhan-sắc như Thị-Loan.. »

Nghe có tiếng cười trong phòng, Trạng-sư nhắc lại câu đó :

« Phải, tôi cần phải nhắc đến nhan-sắc của Thị-Loan. Thị-Loan có học-thức, có nhan-sắc, đương vào độ chan-chứa-lòng, nguyễn-trúc về một cuộc đời tốt-dep, thế mà vì hiếu với cha mẹ đã vui lòng lấy một người chồng dốt-nát và bao năm đã cố yên vui với số-phận mình. Và hơn nữa, Thị-Loan, một cô gái mới, vì không có con nên đã lấy vợ lẽ cho chồng để gia-dinh nhà chồng có người nối-giới ! Một người như thế không phải là một gái non quay-cuồng như ông Chưởng-lý đã nói. »

« Trong bao nhiêu năm, Thị-Loan đã chịu bao nhiêu điều khổ-sở, cay-dắng. Tôi chỉ xin nhắc lại việc đứa con trai Thị-Loan chết oan. »

Rồi Trạng-sư kể lại việc bà Phan giao đưa cháu cáo thùy-cứng ; câu truyện đó, Thảo đã kể cho Ông ta biết một cách rành-mạch :

« Chính bà mẹ chồng đã giết cháu bà mà không biết. Bà lại còn đỗ cho Thị-Loan cái tội giết con ! Đến nay, bà đỗ cho Thị-Loan cái tội giết chồng, nhưng bà có biết đâu, con bà chết là lỗi ở bà, lỗi ở cái luân-lý trái mùa và qua ư nghiêm-ngặt kia. Người có tội chính là bà mẹ chồng Thị-Loan và cái luân-lý cõi-hủ kia.

« Nhưng nếu vượt lên trên, và nghĩ rộng ra, không kè đến cá-nhân nữa, thì bao nhiêu những việc xảy ra không phải lỗi ở người nào cả, mà là lỗi ở sự xung-dot hiện-thời dương khốc-liệt của hai cái mới, cũ.

« Ta không thể không nhận thấy điều đó. Chính người Pháp đến đây để đem lại cái văn-hóa tây-phương, chính người Pháp đã dạy họ những lẽ-lý mới, đã cho họ những quan-niệm mới về cuộc đời.

« Ông Chuởng-lý có nói rằng người Pháp đến đây để giữ lấy nền-tảng dân bảo-hộ, và nền-tảng ấy là gia-dinh. Tôi cũng nhận như thế. Nhưng ta đã hết sức dạy cho họ tiến, thi phải chờ họ tiến lên. Giữ họ lại là một việc thắt-sách, mà giữ lại cũng không được nào.

« Xã-hội An-nam bây giờ không như xã-hội An-nam về thế-kỷ thứ 19. Gia-dinh bây giờ không thể đề nguyên như gia-dinh về thế-kỷ trước được nữa. Ở các nước Viễn-dong : Nhật, Tân, Xiêm, nhất là nước Tàu thùy-tô của nền văn-hóa Á-dong, cái phạm-vi gia-dinh bây giờ cũng không còn như trước kia nữa.

« Giữ lấy gia-dinh ! Nhưng xin đừng lầm giữ gia-dinh với giữ lại nô-lệ. Cái chế-dộ nô-lệ bỏ từ lâu, mỗi lần ta nghĩ đến không khỏi rùng mình ghê-sợ ! Ấy thế mà có ai ngờ đâu còn có cái chế-dộ khốn-nạn đó trong gia-dinh An-nam.

« Chắc các Ngài sẽ sững-sốt cho lời tôi nói là lạ. Nhưng thử hỏi bị người ta bỏ tiền ra mua về và bị coi như thuộc quyền

sở-hữu của người ta, như thế không là nô-lệ thì là gì nữa.

« Bà mẹ chồng Thị-Loan, vì vò-tinh, vì thói quen lưu-truyền đã dùng đến cái quyền đó cũng như trăm nghìn bà mẹ chồng khác ở xã-hội An-nam.

« Những người đã được hấp-thu văn-hóa mới đã được tiêm-nhiễm những ý-tưởng về nhân-dạo, về cái quyền tự-do của cá-nhân, lẽ cỗ-nhiên là tìm cách thoát-ly ra ngoài chế-độ đó. Ý muốn ấy chính-đáng lâm. Nhưng thoát-ly không phải dễ-dàng như ta tưởng. Ngoài những người nhẫn-nại sống trong sự phục-tòng như Loan đây, biết bao nhiêu người không chịu nổi cái chế-độ cay-nghiệt ấy, đã liều mình quyền-sinh cho thoát nợ. »

Trạng-sư rút trong cặp ra mấy tập nhật-trình cũ có đánh dấu bút chì đỏ và đọc một đoạn thí-dụ :

« Đó, các ngài coi, chính chúng ta mới là có tội lớn. Cho họ học cái mới mà không tạo ra cho họ một hoàn-cảnh hợp với quan-niệm thời của họ.

« Buộc cho Thị-Loan cái tội giết người ư ? Thị-Loan không giết người !

« Buộc cho Thị-Loan cái tội làm quấy rối gia-dinh ư ? Chính Thị-Loan là người tha-thiết muốn được yên sống trong gia-dinh.

« Thị Loan chỉ có một tội là tội là tội cắp sách đi học để rèn tập tinh-trí thành một người mới, rồi về chung sống với những người cũ. Thị-Loan chỉ có mỗi một tội đó. Nhưng tội ấy, Thị-Loan đã chuộc lại bằng bao nhiêu năm đau-khổ.

« Tha cho Thị-Loan tức là các ngài làm một việc công-bằng, tức là tỏ ra rằng cái chế-độ gia-dinh vô nhân-dạo kia đã

đến ngày tàn và phải nhường chỗ cho một chế-dộ gia-dinh khác  
hợp với cái đời mới bây giờ, hợp với quan-niệm của những  
người có học mới.

« Các ngài tha cho Thị-Loan tức là tha cho một người đã bị  
buộc tội oan, tha cho một người đau-khổ đã bị phi-cả một đời  
thanh-xuân và đã đem thân-hy-sinh cho cái xã-hội mới cũ khắt-  
khe này. »

**TIỀU-DÂN** Sau lời buộc tội gắt-gao của Chưởng-lý, Luật-sư cũ  
xuống hỏi Loan rồi bắt đầu cái, « tiếng nói to lớn làm át cả những tiếng thi-  
thào trong phòng ».

## KHÁI-HƯNG (1896 — 1947)



**KHÁI-HƯNG**

Tiểu - sử Khai-Hung tên thật là Trần-Khánh-Giú sinh năm 1896 tại làng Cổ-Am, huyện Vinh-Bảo, tỉnh Hải-Dương, trong một gia-đình phú-quí (ông là con một vị Tuần-phủ). Sau khi đỗ Tú-tài Pháp, ông làm giáo-sư tu-thục và viết cho tờ Phong-Hoa của Phạm-Hữu-Ninh. Từ năm 1932, ông phụ-trách mục tiểu-thuyết trong tờ tuần-báo nói trên được giao cho Nhất-Linh điều-khiển. Ông là một kiệu-tướng của Tự-Lực-văn-doàn. Tác-phẩm của ông đều do nhà Đời Nay xuất-bản. Ngoài hoạt-động văn-nghệ, Khai-Hung còn hoạt-động chính-trị, liên-lạc với các đảng Cách-Mạng Quốc-Gia. Năm 1940, ông cùng

Hoàng-Đạo trốn sang Trung-Hoa. Năm 1941, ông trở về nước, bị chính-quyền thực-dân bắt đem an-trí tại Vũ-Bảo, Hòa-Binh. Sau cuộc đảo-chính ngày 9-3-1945, ông tích-cực chống lại phe Cộng-sản. Sau khi chiến-tranh Việt-Pháp bùng nổ, ông tản-cư về Nam-Định, bị Việt-Minh bắt và thủ-tiêu vào năm 1947.

Tác-phẩm : Tác-phẩm của Khai-Hung có thể xếp loại như sau

### 1.— *Tiểu-thuyết*

#### a) *Truyện dài*

— Tiểu-thuyết lý-tưởng và luận-de : Hòn bướm mơ-tiên (1933).  
Nửa chừng xuân (1934). Trống mái (1936).

— Tiểu-thuyết phong-tục : Thoát-ly (1938). Gia-đình (1938).  
Thừa-tự (1940).

— Tiểu-thuyết tâm-ly : Hạnh (1940). Đẹp (1941). Những  
ngày vui (1941). Bản-khoán (tên cũ : Thành-  
Đức, 1943). Cái Vé (1944).

— Tiểu-thuyết dã-sử Tiểu-son trắng-si (1940).

#### b) *Truyện ngắn* :

Giọt đường gió bụi (1936). Tiếng suối reo (1937). Đời chờ (1939). Đồng xu (1939). Đời mù lạch (1941).

c) Truyện viết chung với Nhất-Linh :

Anh phái sống (truyện ngắn, viết 1932-33, xuất-bản 1937)  
Gánh hàng hoa (truyện dài lý-tưởng, 1934). Đời mưa gió (truyện dài tình-cảm, 1934).

d) Truyện nhí-đồng (loại sách hồng):

Ông đồ Bé. Quyển sách vỡ. Cây tre trâm đốt. Cái ấm đất..

2.— *Kịch* :

Tục lụy (1937). Đồng bệnh (1942).

## NỬA CHƯNG XUÂN

**Lược truyện :** Nửa chưng xuân là một tiểu-thuyết luận-dè-trình-bày cuộc xung-đột giữa hai phái mới và cũ về vấn-đề tự-do kết-hôn, kết-cục là sự đặc-thắng của phái cũ (Bà Án) và thái-độ cao-thượng của phái mới (Mai và Lộc) nguyên « vì người khác mà hy-sinh ái-tình cũng hạnh-phúc ».

Nhân-vật chính của cuốn truyện là Mai, con một nhà nho (cụ Tú Lãm) khảng-khát, khoáng-đạt. Cha chết đi thi cửa-cải cũng khảnh-k liệt. Mai phải lo tiêu-ăn học cho em trai là Huy đang học năm thứ 3 trường Trung-học bão-hộ. Trên một chuyến xe lửa, nàng tình-cờ gặp Lộc, là con một vị quan, bạn cũ của cha nàng. Lộc say-mê cái đẹp dịu-dàng của Mai nên tìm cách giúp-đỗ nàng. Hai người yêu nhau. Lộc rủ Mai lên Hà-nội thuê nhà chung sống với Huy. Nhưng bà Án, mẹ Lộc, không cho phép chàng chính-thíc-hóa cuộc hôn-nhan vung-trộm. Bà tìm cách lôi-dung tình đà-nghi của con gái để đuổi Mai đi trong khi nàng đã có thai.. Hai chị em ra đi thì gặp được một người đàn-bà bình-dân (hà Cản) tận tình giúp đỡ. Nàng vui lòng chịu khổ làm nghề bán hàng quâ để có tiền nuôi em và nuôi con. Tuy giận Lộc, nàng vẫn một lòng thủ tiết. Trong khi Huy ốm, nàng còn được một gá giang-hồ (Diên) tỏ lòng thương yêu. Nàng khước từ lời xin lập gia-dinh của một bác-sĩ (Minh) đã hết lòng chữa cho em khỏi bệnh, và của họa-sỹ Bạch-Hải đã thuê nàng làm kiều-mẫu trong một thời-gian.

Sau khi đỗ bằng Cao-đẳng tiểu-học, Huy được bồ làm giáo-học tại Phú-Thọ. Mai cùng em, con gái (Ái) và người lão-bộc trung-thành (ông Hạnh) sống một cuộc đời bình-thản. Nàng cố quên người cũ. Về phần Lộc, chàng mức mưu ly-gián của mẹ, vui lòng lấy con một vị tuần-

phủ rồi đi làm tri-huynh. Nhưng vợ chàng đẻ được hai đứa con gái đều chết cả. Bà Áo lo-lảng đi lê chùa, què thè bà xin được nối đường tử-tắc của con bà khó-khăn. Bà hỏi chuyen Lộc về Mai. Sau khi dò hỏi, Lộc mới được biết nàng vẫn một lòng giữ « tiết-sách già » trong và hiện dương sống với em. Bà Áo nói Phù-Thổ Định bắt cháu về nhưng không được. Lộc viết thư xin lỗi Mai. Hai người gặp nhau. Mai vẫn còn yêu Lộc nhưng nhất định khước-từ cuộc tái-hop. Nàng bày-tô cho chàng một quan-niệm nhân-sinh lý-tưởng hy-sinh ái-tình và hạnh-phúc riêng cho kẽ khác, cho xã-hội. Lộc vui-vẻ hứa sẽ cách-mạng đời sống theo quan-niệm cao-dep của nàng.

Các đoạn trích :

- 1.— *Lời đổi-dâng.*
- 2.— *Người cũ với sự tự-do kết-hôn.*
- 3.— *Cô hàng quá trưởng Bưởi.*
- 4.— *Yêu đời và tìn trời.*
- 5.— *Tri-tưởng-tượng của trẻ con.*
- 6.— *Lý-tưởng.*

### 1. Lời đổi-dâng

Hồi đó về cuối thu. Cụ từ Lãm nằm ở giường bệnh, người gầy xop chỉ còn nám xương da bọc. Nhất là bộ mặt hốc-bác, mắt xâu hoác, má lõm hẳn xuống chẳng khác gì một cái đầu lâu.

Đêm khuya, gió lạnh vù vù thổi lọt qua khe cửa hóng bén. Ngọn đèn dầu hỏa chiếu ánh rung-rinh lờ-mờ vào những đôi câu đối son đen, son đỏ treo ở cột, ở tường. Sau bức màn the trắng, bài-vị bà Tú đặt trên cái ngai son son thiếp vàng. Trên bàn thờ bộ thất sú bằng đồng trông ẩn lộ như trong tấm hình chụp không được rõ.

Cạnh chiếc hỏa lò than xoan đỏ ối, lách-tách nồ liên-thanh, Mai quỳ bên giường hai tay nắm bàn tay khó-khan của cha già, như cố giữ người ốm lại không cho rời sang thế-giới bên kia. Còn Huy thì ngồi ở cái ghế gỗ bưng mặt khóc, thỉnh-thoảng lại gọi

— Chị ơi, thầy có việc gì không, chị ?

Mai cũng nức-nở khóc không trả lời.

Cụ Tú hơi thở chì cùn thoái-thóp, dùng hết sức thừa nǎm  
chặt lấy tay con gái,

Mai biết rằng cụ muốn dặn một lời cuối cùng, liền ghé  
gần lại hỏi

— Thưa cha, cha dạy con điều gì?

Huy cũng làm theo chị, đứng dày cuì đần gần sát mặt  
người sắp từ-trần, để nhận lấy những lời giáo-huấn tối-hậu,  
Cụ Tú sẽ động môi thi-thầm :

— Lê tất-nhiên, ai cũng phải chết. Các con không nên  
buồn. Lúc nào cũng phải vui thì mới đủ can-dảm, đủ nghị-lực  
mà sống ở đời. Hai con nên theo gương cha. Cha vui đến giờ  
cuối cùng. Cha hy-vọng thế nào các con cũng làm vê-vàng cho  
cha ở nơi chín-suối. Cha hy-vọng rằng thế nào em Huy cũng  
học thành tài và trở nên một người hữu-dụng cho xã-bội. Cha  
mất đi chẳng còn của-cải gì để lại cho hai con. Cha chỉ có ba  
thứ gia-bảo này ông cha để lại cho cha, nay cha lại truyền cho  
hai con mà thôi. Là giữ lòng vui, giữ linh-hồn trong sạch, và  
đem hết nghị-lực ra làm việc.

Sức cụ Tú chỉ còn được đến thế. Nói dứt mấy câu tâm-  
phúc, cụ thiêm-thiếp dần-dần.

Bên ngoài, gió vẫn thổi vù-vù, hạt mưa lốp-dốp trên mái  
ngói. Văng-văng ở xóm xa tiếng chó sủa đêm.

**TIỀU-DÂN :** Một buổi chiều thứ bảy, Mai ở nhà quê lên Hà-Nội, tới  
trường Buổi xin phép cho em ra thăm một người bác họ. Đọc đường, hai  
chị em nói chuyện. Huy băn-khoắn về món tiền ăn học mà chàng chắc chí  
không thể kiếm đâu ra. Mai gắng-gượng khuyên em an lòng và nhận chí  
nhắc đến lời dối-dăng của cha lúc làm-chung. Huy nhớ lại rõ-ràng cái cách  
đau-thương ngày nọ.

## 2. Người cũ với sự tự-do kết-hôn

Chiều hôm ấy cũng như mọi ngày, Lộc ở sở ra, lại thẳng đường phố H... thăm mẹ. Bà Án thấy con có dáng mồi-mệt thì tỏ ý lo-lắng :

— Mẹ coi con độ này xanh lầm.

Lộc đáp, giọng cứng-cỏi

— Thưa mẹ, bao giờ con cũng thế.

— Không phải. Mấy hôm nay mẹ xem ra con khác hẳn.

Chắc con có điều gì phiền-muộn mà con giấu mẹ.

Lộc đến thăm mẹ hôm nay, là cốt đê thù-thực cả với mẹ, một phần đê mẹ thương mà cho phép được chính-thức lấy Mai, nhưng nhất là đê cho được ngồi cùng một người thân-yêu những nỗi đau-dớn của mình. Thường vẫn thế, khi ta bị lưỡng-tâm cắn-rứt mà ta được thô-lộ tâm-tinh, trao đổi tru-tưởng với một người thân thi hình như ta thấy đỡ khổ-sở, ta thấy rứt được ít nhiều sự nặng-nề nó đê-nén trái tim ta.

Vì vậy, thấy mẹ hỏi gần, Lộc liền thưa :

— Vâng, có thể, bầm mẹ con khô lầm.

Bà Án cũng thưa đoán biết cái khổ của con, nhưng bà vờ hỏi :

— Chuyện gì thế con ?

— Bầm mẹ, mẹ có tha tội cho con thi con mới dám thưa.

— Con cứ nói.

Lộc cùi đầu nhìn xuống đất thi-thầm :

— Cố Mai...

Lộc bỗng ngừng lại, Bà Án hỏi :

— Con Mai, có phải con bé nhà quê nò rù-rè, nó quyền-rũ anh không ?

Lộc mỉm cười :

— Bầm mẹ, nói con quyền-rũ người ta thì đúng hơn.

— Ủ thế sao ?

— Bầm mẹ, bây giờ có ấy vẫn ở với con, có ấy dã...

Bà Án đứng phắt dậy, trỏ tay vào mặt con, mắng :

— Thế thì mày giỏi thật... May đổi tao, mày đánh lừa tao... mày đi thuê nhà riêng để ở với nó. Mày còn coi tao ra gì nữa, thằng kia ?

Lộc không trả lời. Bà Án lại nói :

— Giới oi ! Đẹp mặt ! Ông Tham con quan Án mà làm những việc khốn-nạn như thế. Nếu bên quan Tuần mà biết chuyện này thì mày bảo sao ? Thi tao còn mặt mũi nào, hờ thằng kia ?

Thấy Lộc vẫn đứng yên, bà Án càng tức giận, quát-tháo :

— Muốn sống ngày mai phải về đây ở với tao. Không biết tao điên hay sao mà lại để cho mày đi ở riêng như thế. Còn con bé thì tao sẽ trình sở cầm bắt bỏ vào nhà thò.

Lộc hai má đỏ bừng, cặp mắt sáng-quắc :

— Bầm mẹ, người ấy đã là vợ con.

Bà Án vỗ sập, gầm-thét

— Vợ mày ! Ai hỏi nó cho mày ?

— Con hỏi lấy.

— À, thằng này giỏi thực, vượt quyền cha mẹ. Không còn biết ngũ-luân, ngũ-thường là gì nữa ! Phải rồi ! Cậu văn-minh Cậu tự-do kết-hôn. Nhưng cậu phải biết dù thế nào cậu cũng phải xin phép tôi đã chứ.

— Bầm mẹ, con đã xin phép mẹ, nhưng mẹ không bằng lòng.

— Vậy tôi không bằng lòng thì cậu cứ lấy, có phải không ?

Lộc lại gần mẹ dịu-dàng :

— Bầm mẹ, con thiết tưởng lấy vợ là một sự quan - trọng  
một đời, phải tự chọn lấy một người ý-hợp tâm - đầu thi gia-  
đinh mới được vui-vẻ, thuận-hòa. Chứ xưa nay cha mẹ hỏi  
vợ cho con chỉ kén những chỗ mòn-dắng hở-dối ...

Bà Án cười rằng :

— Thế thi xưa nay các gia-dinh dễ không hòa-thuận, vui-vẻ  
cả đây ! Nay giờ chúng mày đi học chữ tẩy mới biết kén vợ, còn  
các cụ thi lấy liều lấy lịnh cả chăng ?

— Bầm mẹ, không phải thế. Các cụ cũng có kén chọn nhưng  
chỉ chọn những chỗ ngang hàng mà thôi. Thi-dụ : con quan thi  
phải lấy con quan. Còn như mẹ nói gia-dinh các cụ cũng vui-vẻ,  
em-thẩm nhưng cái đó chỉ nhờ ở sự bắt-buộc mà có, chứ không  
phải vì tình - tình của vợ chồng hợp nhau. Theo lẽ - nghĩ, vợ  
phải phục-tòng, chồng bảo sao nghe vậy, đâu bị áp - chế cũng  
không dám hé môi. Như thế thì làm gì mà chẳng em-thẩm.

Bà Án cười khinh-bỉ :

— Thi hãy được thế : chả horizon bạ con đĩ nào cũng rước về  
tôn-lên làm vợ hay sao ! Nhưng thời tôi không cần nhiều lời,  
cứ còn muôn trùng thấy mặt tôi nữa thì phải lèp-tát tổng cõ  
con đĩ ấy đi rồi về đây ở với tôi.

**TIÊU-DÂN :** Lộc yêu Mai, thuê nhà cho hai chị em Mai & Hì-Nội. Chàng  
ngỏ lời với Mai về việc hôn-nhân của hai người. Nhưng khi xin phép mẹ  
(Bà Án) không được vì « không mòn-dắng hở-dối », chàng nói dối Mai và  
nhờ một người đàn-bà đóng vai mẹ chàng để cho xong chuyện. Ít tháng sau  
Mai có mang. Lộc thấy trong lòng bần-khoản bối-hận nên đánh bạo xin phép  
Bà Án cho chính-thức-hóa cuộc hôn-nhân vụng-trộm.

### 3. Cô hàng quà trước cửa trường Bưởi.

Về buồi chiều vào giờ tan học và giờ đóng cửa các nhà máy, các cửa hàng, người ta trông thấy từ đường Quan-Thánh tới sở thuộc da rái-rác tùng tấp bốn, năm người hay chín, mười người hoặc đi chân hoặc đi xe đạp. Màu trắng, màu chàm, màu nâu của bộ quần áo xen lẫn nhau, và tiếng Pháp, tiếng Việt òn-ào lẫn tiếng cười khanh-khách.

Đó là bọn học-sinh với bọn lao-dộng đi về làng Thụy-Khé xưa nay vẫn là nơi ăn-trọ của hai hạng người : cắp sách và làm thợ,

Làng Thụy-Khé sáu, bảy năm về trước không giống hệt làng Thụy-Khé ngày nay, vì ngày nay cái trại trồng hoa của thành-phố về phía đường bên hồ đã làm mất hẳn cái đặc-sắc của làng : Cái đặc-sắc ấy là cái hồ rác không - lò về mùa hé hốc mùi ô-ue rất nồng-nực khó chịu.

Song ngoài sự thay-đổi về hình-thức ra, cái tính-cách bản-nghuyên của làng Thụy-Khé không hề suy-xuyễn ; làng ấy vẫn và sẽ mãi mãi là nơi ăn-trọ của bọn học-sinh và bọn thợ-thuyền cho đến ngày trong hai hạng ấy không còn người nghèo nghĩa là không bao giờ. Vì thế, dù ngày nay hay mươi năm về trước, những tên « xóm Ói », « xóm Đồng-Bảng » ; « xóm Hòn-Lâm » đều là những tên quen tai các bác mặc màu chàm hay các cậu cắp sách vở.

Chiều hôm ấy trên con đường từ trường Bưởi tới làng Thụy-Khé, họ chuyện-trò vui-vẻ khác thường. Vì mới xảy ra một sự lạ-lùng, rất không ngờ trong cái đời ít thay - đổi của anh em học-sinh. Buổi sớm người gánh hàng quà bánh đến bán ở cửa trường không phải là bà Cán, mà lại là một cô con gái. Bà Cán, người bán hàng cho các cậu, cho những người học-trước các cậu không biết từ đời nào, còn ai dám đến dây cướp mối hàng của bà. Thế mà bỗng thấy một cô con gái ung-dung gánh một gánh quà đến ngồi bán ở cổng trường thì phỏng có lạ không. Gánh hàng cũng giống gánh hàng quà

của bà Cán, một bên quang thủng đựng bánh dày, xôi, giò, chả, và một bên quang đặt nồi cháo đậu.

Trước buổi học sáng, các cậu học-sinh phần còn bõ-ngõ, phần thấy cõ hàng quà có nhan-sắc, nên bén-lên và vì nè không muôn vội hỏi lói-thôi.

"Nhưng buổi trưa, anh em đã quen-quen, không bảo nhau mà cùng đến trường sớm lắm, ý chừng dễ nhìn cõ hàng xinh đẹp, cũng như buổi sáng cõ hàng đặt gánh dưới bóng mát cây bàng, rồi mỉm cười: cui-xuống làm-nhàm đếm những nắm xôi trên mèt.

**TIỀU-DÂN:** Lộc mắc muru ly-gián của mẹ, ughi-ngò Mai có tư-tình với người khác. Chàng tõ yê bực-tức, khiến hai chị em Mai khó-chịu từ fit ngày nay. Bà Án tối, dùng lời nói khích yêu-cầu Mai rời khỏi nhà Lộc. Mai cùng em nhất-định bỏ đi, dù trong túi không có tiền. Nàng gấp được một bà hàng quà (bà Cán) vui lòng cho hai chị em ở nhà; lại nhường cho gàng gánh hàng quà đến bán cho học-sinh trước cửa trường Bưởi.

#### 4. Yêu đời và tin trời

Những câu chuyện tàu, những câu chuyện thần-tiên mà nàng được nghe ngày còn nhỏ càng làm chặt-chẽ cái lòng yêu đời và tin trời của nàng. Trong những chuyện ấy, người thiên bao giờ cũng được hưởng hạnh-phúc, người oan-uỗng bao giờ cũng có dịp gỡ được nỗi oan.

Mai tin ở trời, tin ở lòng tốt của mình và của người. Nàng cho rằng bản-tính con người ta không thể xấu được, và khi người ta tàn-ác, ngò-vực, có những tư-tưởng ghét đời là chẳng qua người ta mất, trong chốc lát, cái bản-tính của loài người mà thôi.

Thấy sự dẽ tin ở trời và ở lòng tốt của loài người lúc nào cũng chừa-chan trong trí não, trong linh-hồn Mai, chắc có

nhiều người cho đó là cái kết-quả một nền Pháp-văn lăng-mạn. Rồi có lẽ họ sẽ kết-án vai chủ-động trong truyện này, cho đó là cái gương xấu của sự mo-mộng không đầu.

Nếu yêu người, nếu sẵn có lòng tốt tự-nhiên, đã cảm-động khi đứng trước những sự dịu-dàng tốt-dep hay những sự đau-dòn uất-ức của loài người mà họ cho là lăng-mạn, thì sự lăng-mạn ấy là một sự tuyệt-dịch của nhân-loại dù có khi nó đem đến cho ta những sự thiệt-hại, thiệt-hại về vật-chất, thiệt-hại về tinh-thần. Song thử hỏi : ta có thể có sự phi-thường nào mà lại không chịu phần thiệt-hại riêng cho ta chăng ? Ở đời có thể có sự iết-dep, lòn-lao, cao-thượng nào ở ngoài sự by-sinh được chăng ?

Nhưng không. Mai không phải đã chịu ánh-hường nền Pháp-văn lăng-mạn. Hay nói-trái lại thì từ cõi kim ở nóc náo cũng có một hạng người giàu lòng cảm-động, giàu lòng trắc-ân, tin người đến nỗi phải lụy đến mình. Hạng người ấy nhiều khi yên-lặng chịu đau, chịu nhục, chịu khổ, những kẻ có linh-hồn-khổ-khan, có trái tim khổ-khan làm sao hiên được ? Mắt họ chỉ có thể trông thấy những sự nhô-nhen, đê-hèn của một hạng người, mà đời vật-chất nhô-nhen, đê-hèn làm cho quên-lãng trong chốc lát, cái bản-tinh tốt-dep, cao-thượng của trời đã phũ cho.

Mai chính là một người đã giữ được hoàn-toàn cái bản-tinh đó.

**TIÊU-DÂN :** Từ khi bỏ nhà Lộc, Mai phải chịu bao nỗi vất-vả, kiềm tiễn để nuôi con và em ốm. Tuy giận con người phu-bạc, nàng vẫn âm-thầm mo-tưởng rằng một ngày kia chàng sẽ hồi-tâm. Nàng vẫn lạc-quan vì yêu đời và tin trời.

### 5. Trí-tưởng-tượng của trẻ con

Ái chơi ô-tô ở chung quanh nhà. Trí-tưởng-tượng của trẻ con rất dễ-dàng mà rất có tài khiếu một vật hay một việc trở nên sự thực như ý muốn. Ái chỉ một mình lượn vòng tròn trong miếng đất mà mắt nó trông thấy biết bao thứ vô-thanh. Mồm nó kêu luôn « Bi-bo ! Bi-bo ! » là một cái kèn ô-tô rất tốt, hai tay nó khuỳnh ra như hét người tài-xế lái ô-tô, chân nó giậm xuống đất bánh-bạch đê bắt-chước tiếng bánh xe lăn trên đường đất. Thỉnh-thoảng nó dừng lại, quay ra hỏi một cái thân cây bên hàng giậu :

— Có-lên xe không ?

Né lại trả lời ngay một câu hỏi tưởng-tượng :

— Đây Phù-Đoan sáu-hào.., Không được ! Giá-nhất-định sáu-hào, không bót một xu, không đi thi-thoi.

Rồi nó lại cầm đầu chạy.

— Bác tài ơi, cho tôi-lên xe với.

Ái dừng lại, quay cõi nhìn sang hai bên, nói :

— Ai-gọi xe đây ?

Có-tiếng trả lời ở cõng :

— Tôi !

— Mấy người ?

Sau một dịp cười, bà Án — vì người ấy chính là bà Án, đáp :

— Có-hai người thôi.

— Vào-mà-di !

— Nhưng cửa đóng-khóa vào-sao được ?

— Vậy-dừng đợi-một-tý đê-em-gọi-ông-Hạnh-cho-nhé.

Ái-lại mồm kêu bi-bo, chân giậm bánh-bạch lượn về lối sau.

**TIỀU-DÂN :** Từ ngày Mai-bỏ-thà Lộc ra đi, thầm-thoát đã-sáu-năm. Nay nàng sống yên-ởn với con, em và người-lão-bốc tại Phù-Thụ. Ái-là-đứa-con-giai của nàng nay đã-lên 6.

### 6. Lý-tưởng

Mai cười đáp lại :

— Không, em không lý-sự đâu. Em chỉ bàn hết điều phải, điều trái với anh mà thôi. Chúng ta không nên sợ lẽ phải, anh à. Anh thử nghĩ lại mà xem. Ngày nay mới có hai người chịu đau khổ, là anh và em. Nếu ta đi trốn thì ta cũng chẳng bớt khổ, có lẽ ta còn khổ hơn, mà ta sẽ làm cho biết bao người vì ta bị khổ lây : dỗng anh thì cụ Án, vợ anh, con anh, bạn bè anh, dỗng em thì em Huy. Vậy sao ta không vì người khác mà hy sinh ái-tình cùng hạnh-phúc của ta? Ta hy-sinh hạnh-phúc mà ta mới tưởng sẽ được hưởng thì ta càng nên hy-sinh lắm... Em không biết anh nghĩ sao, chử em, hễ em thấy anh sung sướng thì em cũng sung-sướng, nhất là từ nay trở đi, vì nay em không còn ngờ-vực bụng anh chút nào nữa. Vậy anh nên vui lòng mà gánh vác trách-nhiệm của anh, mà làm hết bỗn-phận của anh đối với gia-dinh và xã-hội. Trong khi ấy, ở một nơi xa-xăm, một người anh yêu và yêu anh sẽ luôn luôn tưởng nhớ tới anh và ngày đêm mong mỏi cho anh được sung-sướng.

Như đã tỏ bày hết các lẽ, Mai chờ câu trả lời của Lộc. Nhưng Lộc không đáp, chỉ dăm-dăm nhìn ló dò đầy tro tàn mà ngẫm-nghĩ đến những lời Mai vừa nói...

Bỗng Mai rung mình, thấy hai bàn chân té buốt. Nàng bảo Lộc

— Chắc anh rét lắm.

Lộc chưa kịp trả lời, nàng đứng dậy xuống nhà. Một lát sau, nàng mang lên một ôm củi, rồi húi-búi-nhỏm lửa. Lò nóng lên lửa bén rất mau. Chẳng bao lâu lửa đã lách-tách nồ. Có tiếng gà gáy. Mai hỏi Lộc

— Anh không buồn ngủ ?

— Không.

— Gà gáy sáng rồi đấy.

Lộc vẫn yên-lặng nhìn lò sưởi. Mai dăm-dăm suy-xét. Rồi hình như sực nghĩ ra, nàng bảo Lộc :

— Ông này ! sao hai ta lòn-thần lại cứ quanh-quẩn mãi trong vòng ái-án, trong sự xum-hợp nỗi. Ta không yêu nhau ở ngoài sự xum-hợp được ư ?

Lộc mắt lim-dim cố tìm chân-lý trong những ý-tưởng phức-tạp của Mai.

Trong đầu Lộc bỗng hiện ra hình-ảnh một chàng thanh-niên cứng-cáp quả-quyết theo đuổi việc xã-hội, những việc mà tất phải đem hết nghị-lực và tài-trí ra làm mới nổi. Trong khi ấy, một thiếu-phụ yêu chàng đương nhớ tưởng tới chàng, đương mong-mỗi ở sự hành-dộng của chàng, đương đếm từng bước chàng đặt trên đường đời.

Rồi Lộc nói

— Cái ý-tưởng cao-thượng ấy sẽ làm cho anh phấn-khởi. Phải, thô-than, buồn-bực có ích chi ! Cái đời tê-ngắt của anh mà anh cho là hết hy-vọng, anh sẽ cam-doan với em rằng vì em nó sẽ thành một đời dày-dứ.

Thấy Lộc mặt bừng và mắt long-lanh, Mai lo-lắng :

— Anh không nên nghĩ xa-xôi quá. Anh sung-sướng là em, sung-sướng rồi.

Lộc như mè-man :

— Nhưng em ạ, sao anh lại không nghĩ lời xã-hội, đem hết nghị-lực, tài-trí ra làm việc cho đời. Rồi thỉnh thoảng hướng một vài giờ thư-nhản mà tưởng nhớ tới em, mà yêu - dấu cái hình-ảnh dịu-dàng của em, cái linh-hồn cao-thượng của em. Trời ơi ! anh sung-sướng quá, anh trong thấy rõ-rệt con đường tương-lai sáng-sủa của anh rồi. Đời anh từ nay thế nào rồi cũng đổi khác hẳn. Đời anh từ nay sẽ không riêng của anh nữa.

Anh sẽ vì người khác mà sống, vì người khác, anh sẽ bỏ cái đời an-nhàn phù-quí mà dấn thân vào một cuộc đời gió bụi. Anh đã trông thấy hiện ra trước mắt những sự eay-cực, lầm-than đang đợi anh. Nhưng anh không ngại, vì có em ...

Lộc ngược mắt nhìn Mai :

— Mai sẽ là người an-ủi và khuyễn-khích anh.

Mai mỉm cười.

Trong lò sưởi ngọt lửa đỏ tươi vụn-vụt bốc lên. Bụi than vàng lấp-tầm như hoa, tiếng cùi chày lách-lách reo vui. Hạnh-phúc như bao-học, như áu-yếm hai tám-hòn khoáng-dát, đã siêu-thoát ra ngoài vòng tư-tưởng nặng-nề, u-ám.

**TIÊU-DÂN :** Đây là đoạn kết-thúc cuốn truyện. Lộc muốn tái-bợp, nhưng Mai nhất-định không chịu, tuy nàng cũng yêu chàng. Nàng bày-tô một lý-tưởng cao-đẹp « Vì người khát hy-sinh, khát-sinh cùng hạnh-phúc ».

## HOÀNG - ĐẠO

(1906 - 1948)



HOÀNG - ĐẠO

Tiểu - sử : Hoàng - Đạo tên Nguyễn-Tường-Long là bào-đệ của Nhất-Linh. Ông sinh năm 1906 tại phố huyện Cát-Giàng, tỉnh Hải-Dương. Ông theo học ban Trung-học & Hà-Nội và đỗ Tú-tài Pháp năm 17 tuổi. Sau đó, Ông làm Tham-tá kho-bạc cho đến năm 1930, rồi vào học trường Luật Hà-Nội. Sau khi đỗ Cử-nhân Luật, ông làm Tham-tá Lực-Sự tại Tòa-Án Đà-Nẵng rồi Hà-Nội. Từ năm 1932, ông cộng-tác với Nhất-Linh, Khái-Hưng, Thế-Lữ, Tú-Mô, viết báo Phong-Hóa với bút-hiệu Tú-Lý. Những bài đã-kịch phong-kiến và thực-dân của ông đăng trên hai tờ Phong-Hóa

và Ngày Nay gây xúc-động mạnh trong giới thanh-niên và trí-thức, ông bị mật-thám Pháp theo dõi nên đổi bút-hiệu là Hoàng-Đạo. Tờ Phong-Hóa bị đình-bản năm 1936 vì một bài phỏng-sự của ông về Hoàng-Trọng-Phu.

Năm 1940, ông bắt đầu hoạt-động chính-trị. Năm 1941, ông cùng một số đồng-chí trong Đảng Đại-Việt Dân-Chính bị bắt và đày lên Vụ-Bản, Hòa-Bình. Sau khi chính-phủ Trần-Trọng-Kim rút lui, ông giữ vững lập-trường quốc-gia và hoạt-động với tư-cách đảng-viên V.N.Q.D.Đ. Thấy rằng Việt-Minh lập Chính-Phủ Liên-Hiệp Kháng-Chiến chỉ nhằm mục-dịch củng-cố địa-vị của đảng để rồi đàn-áp các đảng quốc-gia, ông trốn sang Trung-Hoa hoạt-động. Tại đây, ông mất năm 1948 vì bị đứt mạch máu, thọ 42 tuổi.

Tác-phẩm : Trong nhóm Tự-Lực, Hoàng-Đạo là người có lập-trường rõ ràng vững-chắc nhất. Chính-kiến của ông được bày-tô trong những thiền-khoa-luận, bình-luận, phỏng-sự và truyện ngắn, truyện dài.

Ông kịch-liệt bài-xích thực-dào, phong-kiểu, cùu-trương một nền kinh-tế tự-do (bãi bỏ nhũng độc-quyền vô-lý), bênh-vực quyền-lợi của giới-binh-dân, đả-kịch ác mè-tia di-đoan, chế-dộ đại gia-đình hủ-lậu, đế-cao-tinh-thần khoa-học, bác-bô thái-dộ chiết-trung để ngả theo một nền văn-hóa mới, văn-hóa Âu-Mỹ.

Tác-phẩm của ông gồm có :

- 1.—*Tiểu-thuyết*: a) *Luân-đề* : Con đường sáng (in thành sách năm 1940).  
b) *trào-phúng chính-trị* : Hậu Tây-Du (đăng báo).
- 2.—*Truyện ngắn* : Tiếng đàn (1941).
- 3.—*Phóng-sự* : Trước vành móng ngựa. (1938).
- 4.—*Loại nghị-luận về chính-trị và xã-hội* : Bùn lầy nước đọng (sau đổi là Tối-tăm, 1939).— Văn-de thuộc-địa (đăng báo).— Văn-de cần-lao (đăng báo).— Mười điều tâm-niệm (1939).

Và những bài bình-luận thời-sự trong mục « Người và việc » trên báo Phong-Hóa và Ngày Nay.

Ở thời ấy, Hoàng-Đạo là một trong những nhà văn nổi tiếng về lối văn nghị-luận. Ông phê-phán xác-dáng, lập-luận vũng-vàng, lời vắn-đanh-thép hoặc hùng-hồn dẽ chinh-phục và lôi-cuốn người đọc. Ông là người thiết-tha với việc cải-tạo xã-hội. Trong những truyện ngắn, truyện dài của ông, ta cũng thấy ông thiên về xã-hội nhiều hơn các nhà văn khác trong Tự-Lực văn-doàn.

Cuốn tiểu-thuyết « Con đường sáng » trình-bày một nhân-vật biết đoạn-tuyệt với đời sống trưởng-giá nho-nhớp để nghĩ đến người chung-quanh. Duy là một người thanh-niên nhà giàu, trác-táng rồi sinh ra chán-nản. Chàng định quyền-sinh nhiều lần nhưng vì có một bản-năng tự-vệ mạnh-mẽ, chàng đã vứt tim thấy một lý-tưởng để phụng-sự, một « con đường sáng ». Chàng nhất quyết « tự tu-luyện hàng ngày để biếu biết và làm cho người khác cũng hiểu biết như mình ». Chàng lập già-dìn-b với Thơ, một thiếu-nữ thanh-cao, đầy lòng vị tha. Hai người tâm đầu ý hợp, cùng vui-vẻ chăm lo công-việc đồng-áng và săn-sóc giúp đỡ nhũng người nghèo-khổ quanh mình.

CÁC BÀI TRÍCH**Mười điều tâm-niệm**

**Nguồn-gốc :** Năm 1936, mặt trận Bình-Dân liên-kết các đảng-khuynh-tả thắng-thổ trong cuộc tuyển-cử ở Pháp. Nội-các Léon Blum (một lãnh-tụ xã-hội) thành-lập Phong-trào xã-hội sôi-nổi ở chính-quốc và lan-tràn tới các xứ thuộc-dịa. Ở Việt-Nam, các co-quan ngôn-luận được dịp thi đua tranh-dấu chính-trị và đòi cải-tạo xã-hội.

Nhân dịp này, tuần-báo Ngày-Nay của nhóm Tự-Lực đảng Mười điều tâm-niệm (từ số 25 ngày 13-9-1936 đến số 41 đầu năm 1937) và Báo Làng nước đọng (từ số 27 ngày 27 tháng 9 năm 1936) của Hoàng-Đạo.

Tháng 3 năm 1939, nhà Đời Nay xuất-bản Mười điều tâm-niệm trong loại Nâng Mới, « loại sách bàn-luận khảo-cứu để trình-bày những trào-luú tu-tưởng của nước ngoài, những nguyện-vọng thiết-tha của đời sống nước nhà » (Ngày Nay, kỷ-nguyên mới số 3 ngày 19-5-1945).

**Nội-dung** Mười điều tâm-niệm là mươi bài tiểu-luận, mươi khẩu-hiệu kêu gọi thanh-nhiên mạnh-bạo thực-hiện một cuộc cách-mạng sâu rộng : cách-mạng bần-thân, cách-mạng gia-dinh, cách-mạng xã-hội.

1. — *Điều tâm-niệm thứ nhất* : Theo mới, hoàn-toàn theo mới không chút do-dị (Tuyệt-dối bộ văn-hóa cũ để theo văn-hóa Âu-Tây. Tình-thần riêng của dân-tộc sẽ đào-thải những cái già không thích-hop).
2. — *Điều tâm-niệm thứ hai* : Tin ở sự tiến-bộ một ngày cò thèm một hơn. (Công-kịch phái thủ-cựu tin-tưởng một cách quá-đáng vào các khuôn phép cũ).
3. — *Điều tâm-niệm thứ ba* : Sống theo một lý-tưởng (Hoàng-Đạo cho rằng các sĩ-phu ngày trước không có lý-tưởng vì họ bỉnh-thần bước theo con đường do các thánh-hiền xưa vạch sẵn).
4. — *Điều tâm-niệm thứ tư* : Làm việc xã-hội (Xã-hội cũ là một xã-hội đóng-kín, trong đó người ta có óc vị-kỷ vì chỉ nghĩ đến thân-danh, gia-dinh, họ-hàng, làng-xóm, mà không có tinh-thần xã-hội rộng-rãi).
5. — *Điều tâm-niệm thứ năm* : Luyện-tinh-khí (có học-thức không đủ, còn cần phải có một ý-chí hùng-mạnh vững-vàng. Bởi vậy cần phải luyện-tinh-khí để nâng cao nhân-phẩm).

- 6.— *Điều tâm-niệm thứ sáu* : Phụ-nữ và xã-hội. (Phụ-nữ phải bình-dẳng với nam giới không những về quyền-lợi mà cả về nghĩa-vụ nữa).
- 7.— *Điều tâm-niệm thứ bảy* : Luyện lấy bộ óc khoa-học. (Hoàng-Đạo nêu ra những tai-hại trầm-trọng của óc mê-tín, và trình-bày sự cần-thiết và công-dụng của khoa-học).
- 8.— *Điều tâm-niệm thứ tám* : Cần sự-nghiệp không cần công-danh. (Người xưa thường lắn công-danh với sự-nghiệp. Ngày nay thanh-niên cần phải tẩy-trừ óc chuộng hí-danh để mà xây-dựng sự-nghiệp bằng cách làm ích cho người chung-quanh).
- 9.— *Điều tâm-niệm thứ chín* : Luyện thân-thể cường-láng. (Công-kích tinh-thần văn-nhược thuở xưa và khuyến-khích thanh-niên siêng-năng thể-dục).
- 10.— *Điều tâm-niệm thứ mười* : Cần có tri xép-dặt. (Chỉ-trich thói cầu-thả, luộm-thuộm, và nêu ra sự quan-trọng của óc tổ-chức).

Hoàng-Đạo đã tóm-tắt ý-nghĩa của Mười điều tâm-niệm trong lời kêu gọi tha-thiết trên báo Ngày Nay số 25 ra ngày Chủ-Nhật 13-9-1936. Dưới lời kêu gọi này, là điều tâm-niệm thứ nhất.

#### Các bài trích :

- 1.— *Điều tâm-niệm thứ nhất* : Theo mới, hoàn-toàn theo mới không chút do-dự.
- 2.— *Điều tâm-niệm thứ ba* : Sống theo một lý-tưởng.
- 3.— *Điều tâm-niệm thứ bảy* : Luyện lấy bộ óc khoa-học.

NGÀY NAY số 25 ra ngày chủ-nhật 13-9-1938.

## MƯỜI ĐIỀU TÂM-NIỆM CỦA BẠN TRẺ

*Hồi các bạn trẻ !*

*Hồi các người đang tuổi thanh-niên hăng-hái, bồng-bột, nhiệt-thâm với mọi việc.*

*Những người tóc bạc mà trí vẫn sáng-suốt, tâm-hồn vẫn trẻ-trung.*

*Những người lúc nào cũng nghĩ đến tiến, tiến hơn lên, tiến hơn lên nữa !*

*Cõi đời cũ, cõi đời cằn-cỗi, đọng lại như nước ao tù từ mấy ngàn năm xưa của phái thủ-cựu đã dí vào nơi tiêu-diệt như đêm tối tan, di trước ánh-sáng của vùng thái-dương.*

*Cõi đời của phái « trung-dung » đã đến buồi tàn-tạ. Công-cuộc của phái ấy đã hoàn-toàn thất bại, và kết-quả của chủ-nghĩa điều-hòa chỉ là hư-không.*

*Vậy cần phải có một cuộc đời mới, với một tinh-thần, một linh-hồn mới. Đó là cuộc đời của các bạn, của phái trẻ chúng ta.*

*Trong cuộc đời mới đang đợi ta, đầy ánh-sáng và chông-gai, ta lúc nào cũng phải tâm-niệm đến những ý-tưởng chính, đến nguyên-tổ nền-tảng của tinh-thần mới. Những tư-tưởng, những nguyên-tổ ấy, ta có thể gồm lại trong mươi điều, mươi điều tâm-niệm.*

T. L. V. Đ.

### 1. Điều tám-niệm thứ nhất

#### Theo mới, hoàn-toàn theo mới, không chút do-dự

Với các nước khác ở Viễn-đông, nước Việt-Nam ta, cách đây hơn năm mươi năm, sực-tinh một giấc ngủ ngàn năm. Tuy không được như bà Công-chúa ngủ trong rừng của một chuyện thần-tiên nào, tinh-giác một cách êm-đềm, trong một cảnh lồng-lẫy, trước sự âu-yếm của một ông Hoàng đà-tinh, nhưng cũng còn hơn là cứ thiêm-thiếp mãi một giấc mê vô-cùng.

Giấc mê ấy là cuộc đời cũ. Cũng như những giấc mê khác, lúc tỉnh, thoảng nhớ lại, cuộc đời ấy có vẻ nên thơ. Một cuộc đời giản-dị chất-phác : trai thì ngâm phú, đọc văn để chờ khoa thi, gái thì dệt vải, giã gạo, rồi đến rằm tháng tám, rủ nhau cất tiếng hát những giọng tình-tứ dưới trăng thanh. Sự thực đâu có được đáng yêu như vậy. Bó-buộc trong những lễ-nghi tập-tục phiền-phức; nhiều khi vô nghĩa lý, họ sống một cuộc đời phiền-nhiều; rắc-rối. Trong gia-đình, một cuộc đời ngầm-ngầm đau-khổ cho những người làm đầu, làm con ; ngoài xã-hội, một cuộc đời công-nhiên đau-khổ cho những người chân lâm tẩy hùn, ở hàng dưới nhất của sự tôn-ti trật-tự quá nghiêm-khắc.

Những số người không trông thấy sự thực thường không phải là ít. Những người thời buổi ấy còn sót lại vẫn cố giữ ảo-tưởng của họ, vì họ cảm thấy lạc-loài vào một thời buổi họ không hiểu. Với những người ấy, sẽ tiêu-diệt cuộc đời và văn-hóa cũ.

Văn-hóa cũ chỉ còn rót lại trong những tập-tục một ngày một tí và ở trong óc của phái « trung-dung ». Phái này ở trong nước ta rất thịnh-hành và cũng rất có quyền-thể. Họ nêu ra thuyết dung-hòa văn-hóa cũ và văn-hóa mới, lời lẽ nghe ra có vẻ uyên-thâm lắm. Còn gì hơn là giữ lại những điều hay của văn-hóa Tàu lâm vốn, thâu-thập những cái hay của văn-hóa Pháp để thêm-thắt vào ; như vậy, chẳng mấy lúc ta sẽ có hai văn-hóa, ta sẽ hóa ra văn-minh hơn hết thảy các nước trên hoàn-cầu.

Những sự to-tưởng ấy chỉ là một ảo-tưởng. Hai cái văn-hóa như hai giòng nước chảy trên một trái núi xuồng ; nhưng một giòng chảy về phía đông, một giòng chảy về phía tây, không sao hợp lại làm một được : văn-hóa Tây-phương hiếu động, cốt ở chỗ luân-luôn thay đổi, không lúc nào ngừng ; còn văn-hóa Viễn-dong cũ chủ tĩnh, luân-luôn đứng đong đONGO lại một nơi.

Trong trường thực-tế, chủ-nghĩa điều-hòa của phái « trung-dung » đã hoàn-toàn thất bại. Vì muốn châm-chước, chọn-lọc, họ đã do-dị, rụt-rè, không biết lấy tôn-chỉ gì mà giữ lại hay tước bỏ. Thi-dụ như họ muốn thâu-nhập chủ-nghĩa cá-nhân Tây-phương, vì họ nghĩ một cách xác-đáng rằng cá-nhân có phát-triển được tài-năng thì tiến-hóa mới-chóng thấy. Nhưng họ lại muốn giữ lại cái chổ-đò đại-gia-dinh, và trong đại-gia-dinh, điều cốt-yếu là chủ-nghĩa phục-tòng. Cho nên họ luống-lự như con lừa của Buridan<sup>4</sup> đứng giữa hai bát nước và nǎm cỏ, không biết nên uống hay ăn, hay như anh chàng hai vợ nǎm giữa vợ cá và vợ lẽ, không biết ngoảnh mặt về phía nào. Sự luống-lự ấy không đưa họ đến một kết-quả nào cả. Họ chỉ lo những tiến-cửng lùi, tièn họ hóa đứng yên một chổ như con ngựa đập đất một nơi, ra vẻ băng-hái lầm, nhưng không đi được nửa bước.

Trước sự thất-hại của phái trung-dung, không còn gì hơn là ta theo mời, theo một cách quả-quyết.

#### Theo một nghĩa là Âu-hóa

Âu-hóa không phải là ăn vặt cho đúng mốt ở Paris, nhảy đầm cho đúng diệu, nặn mũi cho lõ, pha thuốc vào mắt cho xanh. Âu-hóa là ta phải tìm đến những điều cốt-yếu của văn-hóa Tây-phương để áp-dụng vào đời ta. Văn-hóa của Âu Mỹ đem sang trồng ở đất ta tự-nhiên sẽ biến ; những điều hợp với tinh-thần riêng của dân-tộc Annam sẽ còn và nẩy-nở ra ; những điều không thích-hợp tự-nhiên sẽ bị đào-thải. Không

nên lo ta sẽ hóa ra người Pháp nửa mùa, nói tiếng Pháp lai-căng. Dân-tộc ta hàng ngàn năm bị văn-hóa Tàu đèn-áp mà vẫn giữ được tinh-cách riêng, không đến nỗi hóa ra người Tàu cả. Vậy, bây giờ, ta đem văn-hóa Thái-tây áp-dụng vào cuộc đời, mũi ta cũng không đến nỗi hổ lồ, và ta không đến đến nỗi mất tinh-thần riêng của ta.

Những người thủ-cựu thường cho những sự thay-dời cùn-con theo văn-hóa Thái-tây là những sự ác ghê-gớm. Đàn-bà mặc quần áo trắng hay rẽ đường ngoài lề, họ dò cho ngay là đề phá-hại cả luân-lý ; họ-hảo theo chủ-nghĩa cá-nhân, họ định cho ngay là muốn cho phong-tung những dục-vọng đáng bỉ. Nhưng bọn trẻ ta phải mặc họ, cứ thẳng đường mà tiến, không do-dự, ngã lòng. Tương-lai sẽ đem những phần thưởng quý-báu lại cho ta.

Lẽ tự-nhiên trong lúc ào-ạt xô-đẩy nhau vào cuộc Âu-báo, không khỏi có người đi lầm đường. Không khỏi có kẻ vì hiếu lầm văn-hóa Thái-tây mà coi cuộc đời như một nơi đề hưởng những sự khoái-lạc chốc-lát. Nhưng không thể dựa vào những việc ấy mà bảo rằng Âu-hóa là điều không nên theo. Con dao có khi cắt đứt tay, nhưng nào ai nói con dao là một đồ vật không nên dùng ?

Vậy, mạnh-bạo, hăng-hái, chúng ta nên đưa nhau vào con đường mới rộng-rãi và đầy ánh-sáng của văn-hóa Âu-Mỹ.

Hy-vọng của ta chỉ có ở đấy thôi.

#### HOÀNG-ĐẠO

**CHÚ-TÍCH :** 1. *Con lừa của Buridan* : người ở vào tình-trạng không biết quyết-định ra sao vì bị lôi kéo về hai phía khác nhau. Buridan là một nhà thông-thái kinh-viện Pháp ở thế-kỷ thứ 14, làm viện-trưởng Đại-học Ba-Lê năm 1327. Một con lừa vừa đói vừa khát đứng giữa một bát nước và một bát cỏ, không biết nên ăn trước hay uống trước. Đó là một lý-lô viện ra về vấn-dề « tự-do trung-lập ».

**2. Điều tâm-niệm thứ ba**

**Sống theo lý-tưởng**

Đời các cụ đồ nho ngày xưa êm-dềm lắm. Họ không băn-khoăn, không hoài-nghi. Mục-đích của đời người hiện rả trước mắt họ một cách rõ-rệt hiền-nhiên. Cả một kỵ-vâng nặng-nè dè lén tâm-trí họ, khuôn họ vào một quy-cũ nhất định, không bao giờ biến-cải. Nghiêu, Thuấn rồi đức Khổng, từ bao nhiêu thế-kỷ, đã minh-bạch vẽ cho họ một con đường phải theo tu thân dè tè gia, tè gia rồi trị quốc, trị quốc rồi bình thiên-hạ. Các cụ nho ta đời xưa hết đời này sang đời khác, cứ bình-tĩnh lẩn theo con đường ấy, như con ngựa thẳng cương cứ thẳng lối mà đi không lệch sang phía khác. Vả lại có muốn lệch cũng không được. Tự-tưởng thay-đổi chưa thành hình trong óc họ đã bị những sức mạnh vô hạn của quá-khứ phá tan dì. Họ chỉ còn có một lối: là nhắm mắt theo cõi-nhân, theo tự-ý-tưởng cho chí hành-động.

Cõi đời êm-dềm ấy bỗng dung ngừng lại. Tiếng súng thần-công của người phương tây đã phá đờn-toa lâu-dài kiên-cố của nhà nho và reo vào lòng các dân-tộc đông-phương mồi hoài-nghi đầy hi-vọng:

Bắt đầu từ đây, tự-tưởng ta không bị qua ~~không~~ áp-chế nữa, được tự-do phát-triển và nảy nở ra. Nhưng chính sự giải-phóng tự-tưởng ấy đã đem lại cho ta bao nỗi băn-khoăn.

Ném vào giữa hai giọng văn-hóa trái-ngược nhau, thanh-nhiên ta bứt-rứt đi tìm nghĩa sự sống. Họ không còn phải là những người nối chí được ông cha họ nữa. Cái học cũ đã dè lại chỗ cho cái học mới. Tú thư, Ngũ kinh, những nền tảng của văn-hóa đông-phương đối với họ không còn cái nghĩa thiêng-liêng như xưa.

Đã dành rằng vẫn có người của phái cũ đứng ra hò-hào gìn-giữ lại đạo của thành-hiền, nhưng cơ-dồ không còn phương cứu-vấn được nữa. Khoa-học đã dạy cho ta biết suy-xét, không nhầm mắt phục-tòng như trước. Con ngựa đã thảo-yên, thảo-cương, ngược mắt nom ra từ phía, thấy rộng-rãi, man-mác, mèn-móng đường lối chí-chít.

Mỗi đầu, trước cái tinh-thể ấy, thanh-niên ngo-ngác lưỡng-lự, không biết hành-dộng ra sao. Họ mắt giáo-hóa xira, nhưng chưa hấp-thụ giáo-hóa mới cho đến nơi đến chốn. Họ hóa ra phất-pho như chiếc lá thu, theo gió mà bay, không có thể tự-chủ được.

Là vì họ chưa quen dùng sự tự-do. Tư-tưởng họ rối loạn, họ không biết lấy chủ-nghĩa gì làm phương-châm cho đời họ. Giáo-dục ở nhà trường đưa họ đi một nơi, giáo-dục trong gia đình kéo họ về một nẻo, bao nhiêu nỗi băn-khoắn, đau-khổ đều vì sự tương-phản ấy mà ra cả.

May thay ! sự đau-khổ về tinh-thần kia lại chính là nguồn gốc một trật-tự mới.

Có một số thanh-niên, tôi muốn nói là số ít — không có can-dảm chịu đựng được lòng băn-khoắn nọ, đưa nhau đến một đời vật-chất. Sống, đối với họ, chỉ để mà chơi. Đời, đối với họ, chỉ là một cuộc hoan-lạc. Họ không có chủ-nghĩa, mục-dịch gì hết. Họ không biết. Họ không biết rằng sự khoái-lạc của giác-quan chỉ đưa họ đến sự ghê-tòm, sự chán-nản, sự tu-sát. Loài người không ra đê-tiện sống một đời vật-chất của con vật.

Một số thanh-niên khác, mà số này là phần đông, đã có hồi băn-khoắn về nghĩa-ly đời người, đã có lúc đau-dớn tâm-hồn về những điều trông thấy. Nhưng họ không đủ can-dảm để tìm-tòi cho đến kỳ-cùng. Công-cuộc đến nira chừng họ bỏ giờ. Họ có chí-hướng mới, nhưng trước những sirs phản-động

còn ăn náu trong gia-dinh, ngoài xã-hội, họ không đủ sức để chống giữ. Cho nên, dần-dà, với thời-gian, lòng họ hóa ra nguội lạnh, theo hoàn-cảnh mà sống theo một đời vô-vị.

Thanh-niên ta không thể sống mãi như vậy được. Ta muốn đời ta có nghĩa-lý, muốn cho dân ta một ngày một mới, một ngày một hơn, ta phải tìm một lý-tưởng mà theo.

Đời ta có giá-tri, ta phải nhớ rằng, vì ta có lý-tưởng.

Người ta, như tôi đã nói, nếu chỉ sống như một con vật, thật là không đáng sống. Lý-tưởng, vì dựa vào những năng-lực, những tinh-chất cao-quý của loài người, sẽ đưa ta đến một đời có giá-tri.

Lý-tưởng, vì hợp với những chí-hướng sâu-xa trong lòng người, sẽ đưa ta đến một đời đầy hạnh-phúc.

Vậy, muốn cho đời ta có nghĩa, ta phải sống theo một lý-tưởng.

HOÀNG-ĐẠO

NGÀY NAY số 27 ra ngày chủ-nhật 27-9-1936

### 3. Điều tâm-niệm thứ bảy

#### Luyện lấy bộ óc khoa-học

Đã từ lâu, chúng tôi theo đuổi công-cuộc châm-biếm những mè-tin, đị-doan, những tin-ngưỡng tai-hại nó đương tràn-ngập nước ta như làn sóng Hồng-hà trên cánh đồng lúa những ngày lụt-lội.

Chúng tôi không bao giờ ngừng cuộc chiến-dấu, và mời các bạn trẻ cùng dì-tiêu-trừ những nguyên-nhận của sự tối-tăm ngu-muội nó làm cho nước ta hóa ra một nước của bọn thằn-quái, ma-quái, nó dìm-dập dân ta trong sự sợ-hãi những điều huyền-bí, những điều huyền-bí mà ở các nước khác lại đã gây cho người tim được những sự phát-minh trọng-tại.

Cuộc chiến-dấu ấy, cuộc tiêu-trù ấy hiện nay rất cần có. Là vì từ thành-thị cho chí thôn-quê, từ bờ biển Đông-hải trở lên miền sơn-dã, không đâu là bọn quỉ-thần không làm vua làm chúa. Bọn ấy dòm-ngó vào đời ta, hàng ngày bắt ta theo ý muốn của họ, khiến cho thân-thề, tinh-thần ta không còn phải là của ta nữa, mà là của bọn họ, không có một việc gì quan-trọng trong đời ta là không có họ dùng tay vào. Lúc ta sinh, có mười hai bà mụ đến bàn to bàn nhỏ ; ta yếu đau, là bà cô ông mãnh chọc ghẹo chơi ; lúc ta chết, còn sợ các ông... Trùng đồ mờ. Ta bước vào trong bếp là thấy ông Táo-quản, ra ngoài đình có ông Thành-hoàng. Đến các nơi khác ta sẽ gặp những ma-quái nó ám-ảnh ta ở gốc cây đa lớn, ở trên đồng đất to hay ở những chiếc bình với vồ. Chung quanh ta, lúc nào cũng vần-vơ những quỉ-cùng-thần, không lúc nào ta thoát-ly ra được.

Đến nay, không còn e-dè gì nữa, ta cần phải nô-lê lên phản-kháng bọn quỉ-thần kia bấy lâu dài-dọa tâm-hồn dân ta vào vòng nô-lệ.

Ta cần phải luyện lấy bộ óc khoa-học. Bạn thanh-niên đã hiểu biết nên tin ở sự mẫu-nhiệm của khoa-học và đem điều sở-dắc tuyên-truyền cho những người chưa biết. Cho đến bao giờ mọi người đều coi là một sự hiền-nhiên rằng mọi việc xảy ra trong trời đất đều có nguyên-nhân. Nguyên-nhân ấy không phải do ý-chi dị-thường của những ông thần ác-nghiệt, hung-hỗn, nhò-nhen mà ra, nhưng chính là sự phát-huy của một luật thiên-nhiên. Tim-tỏi những luật thiên-nhiên, dùng những luật ấy để giúp đời, đó là nhiệm-vụ của khoa-học, khiến cho ta khỏi làm nô-lệ quỉ-thần, mà đem quỉ-thần — hiểu theo nghĩa thông-thường — làm nô-lệ cho ta, đó là nhiệm-vụ của khoa-học. Một lần chớp nhoáng, theo sau một tiếng sét vang động một góc trời, xưa ta tưởng là do sự giận-dữ của ông thần thiên-lôi, rồi ta sợ-hãi đào lấp lưỡi tăm-sét mà thờ cúng, sợ-hãi,

tin rằng phải lẽ - bài cầu - khấn ông, ông mới tha tội. Khoa-học dạy ta biết rằng, ông thần ấy ta có thể bắt giam lại trong những giây đồng ; khiến ông ta hiện ra những lần chớp-nhoáng con-con đè ta ngãm chơi; hiện ra lửa đè ta thắp đèn hay đun nước ; ông thần ấy là điện-khi.

Văn hay khoa-học hiện giờ không phải có thể phân-giải được hết thiên-tưởng. Nhiều điều huyền-bí vẫn còn nguyên là huyền-bí. Nhiều luật thiên-nhiên vẫn còn mờ-ám, chưa phát-minh ra được. Song những người có óc khoa-học đều tin rằng những điều còn huyền-bí kia sẽ có ngày phân-giải ra được, vì những điều ấy là sự phát-dương của một luật thiên-nhiên chưa minh-hiểu. Những nhà bác-học thường tự nhận là dốt-nát, song cái dốt của họ không phải là sự mê-muội của ngu-dần lúc nào cũng sẵn-sang một lối giải-thích mo-màng không giải-thích được điều gì hết.

Vậy ta cần phải gây nên một phong-trào khoa-học, quảng-thông những tư-tưởng khoa-học, khiến cho ai nấy đều tự-nhiên tinh-ngộ không còn tin rằng trong đời ta, lúc nào cũng có tiên, có thần, có ma đè mắt tới. Tuy mắt đi một ít về huyền-bí, một ít về nêu thơ, nhưng ta đi được một quãng dài trên con đường tiến bộ. Ai nấy sẽ chỉ tin phục chân-lý của khoa-học, chỉ tin là thật những điều mà khoa-học đã chứng-minh là thật.

Nói đến đây tôi lại nhớ đến câu chuyện cõi, có người lấy một cái ống gỗ, hai đầu lấy giẻ rách bít lại đè một chỗ. Một tháng sau tháo giẻ ra xem thì một đàn chuột con cũng tự-nhiên tháo ra. Người ta bèn hiểu ngay rằng giẻ rách đè lâu ắt là đè ra chuột.

Ai đọc đến đây chắc cũng phải mỉm cười. Nếu vậy, sao lại không mỉm cười lúc dân ta thấy một người trèo lên một cây đa thiêng, ngã gãy tay cho ngay là vì ma làm ? Các ông thần,

các ma quỷ cũng chỉ như mớ giẻ rách kia mà tri-tưởng-tượng của ngu-dân đồ cho là cha mẹ của lũ chuột con.

Với những việc ấy, mỉm cười chưa đủ? Vì chưng lúc ta mỉm cười rồi sao-lãng đi, ngàn vạn người khác không được hiểu biết bằng ta đã vội-vàng xùm lại cho là chân-lý bất di-dịch.

Vậy bồn-phận của thanh-niên ta không những là luyện lấy bộ óc khoa-học, mà còn phải luyện tri-thức người khác cho trở nên có tính-cách khoa-học nữa.

Ta phải luôn-luôn nhớ rằng thiếu óc khoa-học, không thể có tiến-bộ được.

# MỤC-LỤC

CHƯƠNG-TRÌNH QUỐC-VĂN LỚP ĐỆ-NHỊ ĐẠI-Ý BIÊN-SOẠN	3
NGUYỄN-CÔNG-TRÚ (1778-1858)	5
Tiêu-sử	9
Tác-phẩm	11
Các bài trích	13
A.— Thái-de trong cảnh nghèo :	
1.— Vịnh cảnh nghèo	13
2.— Than nghèo (4 bài)	13
3.— Hàn-nho phong-vị phú	15
4.— Thế-thái nhân-tình	19
5.— Cách & đời	19
6.— Đì thi tự vịnh	20
7.— Nghĩa người đời	20
8.— Hành-tàng	21
B.— Chí nam-nhi :	
1.— Phận-sự làm trai	22
2.— Chí làm trai	23
3.— Chí nam-nhi	24
4.— Kè sỉ	25
5.— Gánh gạo đưa chồng	27
6.— Làm quan bị cách	28
7.— Con tảo ghét ghen	29
C.— Tư-tưởng hưởng-lạc	
1.— Thoát vòng danh-lợi	30
2.— Chơi xuân kèo hết xuân đi	31

- 3.— Vịnh nhân sinh
- 4.— Cầm kỳ thi túu
- 5.— Chữ nhàn
- 6.— Bài ca ngất-ngưởng

**D.— Tình-cảm**

- 1.— Chữ tình
- 2.— Sầu tình

**E.— Thơ vịnh**

- 1.— Vịnh Phật
- 2.— Vịnh Thúy-Kiều
- 3.— Cây thông

**Phụ lục**

- 1.— Câu đối tự-thuật lúo đi thi
- 2.— Câu đối tự-thuật lúc tri-sĩ

**CAO-BÁ-QUÁT (? - 1854)**

Tiêu-sử  
Tác-phẩm

**Các bài trích :**

**A.— Hoài-hảo thiều-thời :**

- 1.— Tài-tử đa cùng phú
- 2.— Cuộc phong-trần

**B.— Tư-tưởng yêm-thề**

- 1.— Hội-ngộ
- 2.— Cuộc đời thoi tiếc chí ai
- 3.— Ngán đời
- 4.— Uống rượu tiêu sầu
- 5.— Đời người thảm thoắt

**C. – Tình-cảm**

<b>1.— Hoài-nhân</b>	<b>55</b>
<b>Phụ-lục</b>	
1. — Thơ diễu thi-xã Mạc-Vân	56
2. — Các câu đối làm trong thời-kỳ dạy học tại phủ Quốc-Oai	56
3. — Câu đối đề trên lá cờ nồi dậy	57
4. — Chỉ làm trai	57
5. — Đạo phùng ngã phu	58

**TỰ-TÌNH-KHÚC (của CAO-BÁ-NHẬT)**

<b>Nguồn-gốc</b>	<b>61</b>
<b>Nội-dung</b>	<b>61</b>
<b>Các đoạn trích</b>	<b>62</b>
1.— Tình nhà (69-92)	62
2.— Nỗi lo phiền trong khi ăn.nấu tại Mỹ-Đức (149-188)	64
3.— Lúc bị bắt (189-256)	66

**NGUYỄN-BÌNH-CHIỀU (1822-1888)**

<b>Tiêu-sử</b>	
<b>Tác-phẩm</b>	
<b>Các bài trích</b>	<b>70</b>
<b>A.— Thơ văn đạo lý :</b>	
<i>a) Thơ :</i>	
1.— Đạo người	71
2.— Chạnh tưởnq Khòng-tử	71
<i>b) Truyền Lực-văn-Tiên</i>	
— Lược truyện	72
— Các đoạn trích :	

1. — Lời chử-quán (509-552)	74
2. — Vương-Tử-Trực mắng nhiếc Vũ-Công và Vũ-Thái-Loan (1249-1306)	77

**B.— Thơ văn thời-thè**

a) *Thơ* :

1.— Chạy giặc	79
2.— Viếng Phan-Công-Tòng	80
3.— Viếng mộ Phan-Thanh-Giản	80

b) *Văn tế*

1.— Văn tế Trương-Công-Định	81
2.— Văn tế sĩ dân Lục-tỉnh	85
3.— Văn tế nghĩa-sĩ Càn-Giuộc	89

**NGUYỄN-KHUYẾN (1835-1909)**

Tiểu-sử	93
---------	----

Tác-phẩm	94
----------	----

Các bài trích	94
---------------	----

I.— *TU-THUẬT* :

A.— Tình thân quốc-gia

1.— Chợt hứng	95
2.— Về nghỉ nhà	95
3.— Cảm hứng	95
4.— Ngày xuân răn con cháu	96
5.— Tự thọ	96
6.— Ông phỗng đá	97
7.— Mẹ mốc	98
8.— Nghe cuộc kêu	98

9. — Hội Tây	99
10. — Nói chuyện cũ	99
<b>B.— Tình nông-thôn</b>	
1. — Làm ruộng	100
2. — Nước lụt năm Canh-dần (1890)	100
3. — Lụt Ất-tị (1905)	100
4. — Chợ đồng	101
5. — Cảnh lên lão	101
<b>C.— Tình thiên-nhiên</b>	
1.— Đêm mùa hạ	102
2.— Thu âm	102
3.— Thu điếu	102
4.— Thu vịnh	103
5.— Đi chơi núi An-lão	104
6.— Chơi núi Non-nước	104
<b>D.— Tình bạn :</b>	
1. — Nước lụt hỏi thăm bạn	104
2. — Bạn đến chơi nhà	105
3. — Khóc Dương-Khuê	105
<b>E.— Quan-niệm nhân-sinh</b>	
1. — Ngán đời	107
2. — Nhân-sinh thích-chí	108
<b>II.— TRAO-PHÚNG</b>	
1. — Tự trào	108
2. — Than già	109
3. — Tạ lại người cho trà	109
4. — Ông Nghè tháng tám	110
5. — Tặng một viên quan tham-nhũng	110

6.— Hồi thăm quan Tuần mất cướp	111
7. Vương-ông mắc oan	111
<b>III.— THƠ.VỊNH</b>	
1. — Vịnh Kiều	112
2.— Vịnh lão-ngưu	112

**Phụ-lục :**

1. — Câu đối làm khi cáo quan về dạy học	113
2.— Câu đối khóc vợ	113
3.— Lời vợ người kép hát (ưu phạ từ)	114
4.— Bài di-chúc	114

**DƯƠNG-KHUÊ (1839-1902)**

Tiểu-sử	117
Tác-phẩm	117
Các bài trích :	117
<b>A.— Vịnh cảnh</b>	
Động Hương-Tích	118
<b>B.— Tả tình</b>	
Gặp người cũ	119

**CHU-MẠNH-TRINH (1862-1905)**

Tiểu-sử	121
Tác-phẩm	121
Các bài trích	122
<b>A.— Vịnh cảnh</b>	
1.— Hương-sơn phong-cảnh ca	122
2.— Hương-sơn nhật-trình ca	123

**B.— Vịnh truyện Kiều**

1.— Tòng vịnh truyện Kiều	125
2.— Viếng mà Đạm-Tiên gặp Kim-Trọng	125
3.— Thúy.Kiều bán mình	126
4.— Sau khi Từ-Hải tử-trận	126

**Phụ-lục :**

1.— Bài thơ đẽ đèn Cồ-Loa	127
2.— Bài tựa Thanh-tâm tài-nhân thi-tập	128

**TRẦN-TẾ-XƯƠNG (1870 — 1907)**

Tiêu-sử	137
Tác-phòm	137
Các bài trích :	137

**I.— TỰ THUẬT:****A.— Thơ văn bản-thân :****a) Việc hỏng thi :**

1.— Đi thi tự vịnh	139
2.— Thi hỏng (bài 1)	139
3.— Thi hỏng (bài 2)	140
4.— Thi hỏng (bài 3)	140
5.— Bài phú hỏng thi	140

**b) Cảnh nghèo :**

1.— Bài phú : thầy đồ dạy học	142
2.— Gần Tết than việc nhà	143
3.— Than thân	144
4.— Than cúng	144
5.— Ốm và đau mắt	144
6.— Giời nực mặc áo bông	145
7.— Bán nhà	145
8.— Vấn thân vô quá	145

9.— Hữu cảm	146
10. Khen vợ	146
c) <i>Tư-tưởng hưởng-lạc :</i>	
1.— Hồi trời	147
2.— Làm câu đối Tết	147
B.— <i>Thơ thời thè :</i>	
a) <i>Thiên-tai :</i>	
1.— Lụt năm Bính-Ngọ (1906)	148
2. Bão lụt	148
3.— Đại hạn	149
b) <i>Việc học, việc thi :</i>	
1.— Khoa thi	149
2. — Dặn học trò đi thi	149
3.— Đồi thi	150
4.— Cái học nhà nho	150
5.— Cái chữ nho	150
c) <i>Cảm-hoài :</i>	
1.— Con hát tuồng	151
2, — Học trò ngủ nơi trường học	151
3.— Đêm dài	151
4. — Lạc đường	151
5.— Xuân	152
6. — Sông láp Nam-Bình	152
7.— Chiêm-bao	152
8.— Dạ hoài	153
9.— Tự thán	153
10. — Tát nước	153
11. — Thơ gởi Phan-bội-Châu	154
12.— Nhớ người xa	155
<i>II.— TRÀO-PHÚNG :</i>	
A. <i>Tự trào :</i>	
1.— Tự trào	155
2.— Hương-thi tự trào	155

3.— Ngẫu hứng	156
4.— Quan tài già	157
<b>B.— Cảnh xã-hội буди giao-thời:</b>	
<i>a) Phong tục:</i>	
1.— Năm mới	157
2.— Chúc năm mới	157
3.— Năm mới chúc nhau	158
4.— Câu đói dán Tết	158
5.— Nhiec đòi	158
6.— Lăm quan	159
7.— Lên đồng	159
8.— Bài ca vợ chồng Ngâu	159
<i>b) Người:</i>	
1.— Ông Đốc	160
2.— Ông Huyện	160
3.— Giêng người thi đỗ	160
4.— Hồi ông Tiến-sĩ mới	160
5.— Đùa ông Phủ	161
6.— Bến ông Huấn-đạo	161
7.— Hồi thăm ông Ấm	161
8.— Mừng ông Nghị viên	162
9.— Ông Cò	162
10.— Cô Tây đi Tu	163
11.— Mòng hai Tết viếng cô Ký	163
12.— Tự phụ	163
<b>NGUYỄN-KHẮC-HIẾU (1889 – 1939)</b>	
Tiểu-sử	165
Tác-phẩm	166
<b>Các bài trích:</b>	
<b>I.— TỰ THUẬT:</b>	
<b>A.— Quan-niệm nhân-sinh :</b>	
1.— Đời đáng chán	167
2.— Cảnh bèo	168
3.— Hồi gió	169

4.— Lại say	170
5.— Nhớ mộng	171
6.— Năm hết hữu cảm	171
7.— Muốn làm thẳng Cuội	172
<b>B.— Tự-Tường-quốc-gia</b>	
1.— Vịnh bức dư đồ rách	172
2.— Sơ thu hoài-cảm	173
3.— Hú-nho lo mùa đông	173
4.— Mắng con cuốc tiếc xuân	174
<b>C.— Tình-thân-lãng-mạn:</b>	
1.— Gió thu	174
2.— Thè non nước	174
3.— Thiên-tai tổng-biệt	175
4.— Cảm thu tiên thu	176
5.— Hầu Trời	178
6.— Trời mắng	183
<b>II.— TRÀO PHỦNG :</b>	
1.— Thuật bút	184
2.— Tự trào	184
3.— Sự nghèo	184
4.— Đề « Khôi tình con » thứ nhất	185
5.— Sự đời	185
6.— Thăm thằng bồ nhín	185
7.— Cái đòn cẳng cùng người phu xe	186
8.— Cảm đề cuốn « Tờ chúc thư »	186
<b>III.— THƠ VĨNH:</b>	
1.— Chiêu-Hoàng lấy chồng	186
2.— Thúy-Kiều hầu rượu Hồ-Tôn-Hiến	187
<b>IV.— PHONG THI:</b>	
<b>V.— THƠ DỊCH:</b>	
1.— Hoàng-hạc lâu	188
<b>NHÓM ĐÔNG-DƯƠNG TẠP-CHÍ</b>	
Bối-cảnh lịch-sử	191
Sự thành-lập và mục-dịch	192
Thành-tich	193

## NGUYỄN-VĂN-VĨNH (1882-1936)

Tiêu-sử	195
Tác-phẩm	196
Các bài trích	198

### I.— LOẠI TRƯỚC-TÁC:

A — Văn-ký-sự :	
I.— Động Hương-Tích	199
B — Văn-luận-thuyết	
1.— Nghề hát bội của ta và nghề diễn kịch của người Âu-châu	201
2.— Tại sao cần xét tật mình	203
3 — Tật huyền-hồ lý-tưởng	205

### II.— LOẠI DỊCH-THUẬT

A.— Dịch thơ ngụ.ngôn của La Fontaine :	
1.— Con gà đẻ trứng vàng	208
2 — Con ve và con kiến	209
B.— Dịch tiêu-thuyết	
1.— Một chuyến bị lừa	210
C.— Dịch hài-kịch :	
1.— Người biền-lận (hồi 1 cảnh 3)	214

## PHAN-KẾ-BÌNH (1875-1921)

Tiêu-sử	217
Tác-phẩm	217
Các bài-trích :	218

### A.— Loại biền-khảo :

1.— Âm chúng sinh	218
2.— Tết Nguyên-Đán	220
3.— Chùa chiền	223
4 — Đăng khoa	226
5 — Luận về nguyên-lý văn-chương	228
6.— Luận về lý-thú văn-chương	231

**B.— Loại dịch-thuật**

- |                                       |     |
|---------------------------------------|-----|
| 1.— Một đoạn trong Tiết Xích Bích Phú | 234 |
|---------------------------------------|-----|

**NHÓM NAM-PHONG TẠP-CHÍ**

Bối cảnh lịch-sử	237
Sự thành lập và mục-dịch	239
Thành tích	240

**PHẠM QUÝNH (1890-1945)**

Tiểu-sử	243
Tác-phẩm	244
Các bài trích	248

**I.— LOẠI TRƯỚC-TÁC**

**A.— Văn-nghị-luận**

1.— Nghĩa-vụ là gì ?	249
2.— Cái thiên-chức của người đàn-bà	251
3.— Thái-độ các nho-sĩ Việt-Nam đối với người Pháp	253
4.— Văn Quốc-ngữ	255
5.— Tại sao từ xưa đến nay nước ta không có một nền quốc-học ?	258

**B.— Văn du-ký**

1.— Vườn Luxembourg ở Paris	262
2.— Phong cảnh Huế	263

**C.— Phê-bình : «Một tấm lòng» của Đ.N.K.**

264

**II.— LOẠI KHÁO-CỨU**

**A.— Văn-học Việt-Nam :**

1.— Kết-luận về tâm-lý cô Kiều	267
2.— Cách biên-tập tục-ngữ	269

### B. — Học-thuật Á-Đông :

1.— Bài về triết-lý đạo Phật	270
2.— Đạo trung-dung	274
3.— Quan-niệm người quân-tử trong đạo Không và quan-niệm người « chính-nhân » trong cõ-văn Pháp	275

### C. — Học-thuật Âu-Tây :

1.— Tinh-cách chung của văn-chương Pháp	278
2.— Descartes với sách « Phương-pháp luận »	279
3.— Quan-niệm đánh-dập của người Thái-Tây	282
4.— Cái đẽ nhất động-co của văn-minh	285
5.— Quan-niệm văn.chương của người Đông-phương và người Tây-phương	287

### III.— LOẠI DỊCH-THUẬT :

1.— Một đoạn trong tuồng Hòa-Lạc (Hồi II, kịch 3)	289
---	-----

### NGUYỄN-TRỌNG-THUẬT (1883-1940)

Tiểu-sử	293
Tác-phẩm :	293
Các bài trích :	293

#### A.— Tiểu-thuyết : Quả dưa đỏ

— Lược truyện	
— Các đoạn trích :	
1.— Cảnh bể khơi	297
2.— Tìm được mạch nước ngọt	295

#### B.— Luận-thuyết :

1.— Điều-định cái ăn quốc-học	298
-------------------------------	-----

### TỰ-LỤC-VĂN-ĐOÀN

Bối-cảnh lịch-sử	
Chủ-trương của Tự-Lục văn-doàn	
Thành-tích của Tự-Lục văn-doàn	

**NHẤT-LINH (1905-1963)**

Tiêu-sử và tác-phẩm

307

**ĐOẠN-TUYẾT**

- Lược-truyện 309
- Các đoạn trích :
  - 1. — Việc hôn-nhân theo hai quan-niệm cũ và mới 312
  - 2. — Can-dàm nhận lấy cuộc đời hiện-tại 314
  - 3. — Nàng dâu 315
  - 4. — Mẹ chồng 316
  - 5. — Quyền làm người 320
  - 6. — Phải cải-tạo đời sống dân quê 321
  - 7. — Lời buộc tội của Chưởng-lý 323
  - 8. — Lời biện-hộ của Luật Sư 325

**KHÁI-HƯNG (1896-1947)**

Tiêu-sử

331

Tác-phẩm

331

**NỬA CHỪNG XUÂN**

- Lược-truyện 332
- Các đoạn trích :
  - 1 — Lời dối-dăng 333
  - 2. — Người cũ với sự tự-do kết-hôn 335
  - 3. — Cô hàng quà trường Bưởi 338
  - 4. — Yêu đời và tin Trời 339
  - 5. — Trí tưởng-tượng của trẻ con 341
  - 6. — Lý-tưởng 342

**HOÀNG-BẠO (1906-1948)**

Tiêu-sử

345

Tác-phẩm

345

**MƯỜI ĐIỀU TÂM-NIỆM**

- Nguồn gốc 347
- Nội-dung 347
- Các bài trích :
  - I. — Điều tâm-niệm thứ nhất :  
Theo mới, hoàn toàn theo mới không  
chút do dự 348
  - 1.— Điều tâm-niệm thứ ba :  
Sống theo lý-tưởng 350
  - 2.— Điều tâm-niệm thứ bảy  
Luyện lấy bộ óc khoa-học 351
  - 3.— Điều tâm-niệm thứ tám  
Luyện lấy bộ óc khoa-học 355

## ĐÍNH CHÍNH

RANG	DÒNG	IN LÀM LÀ	XIN SỬA LÀ
18	9	nghèo nàn, tật xấu xa 有其懷	nghèo nàn, lo, tật xấu xa. 有其德
"	34	出母藏使有	出母懷便是
21	3	Sự mãi kĩ .. sự	Sự nãi kĩ... sự
23	7	mãi vú trụ...	nãi vú trụ...
	9	輪經	經輪
	30	cũng có khi	cũng có lúc
24	8	Quá Linh-đinh dương	Quá Linh-đinh dương.
	27	眉祭	髮眉
26	20	Tài chính khí ca	Bài chính khí ca
	29	cày ruộng đất Sắn	cày ruộng ở đất Sắn
	37	chú thích 17	Cản làn sóng mạnh và ngăn tröm giòng sông. Do hai câu trong bài Tiến học giải của Hàn Dũ đòi Đường : « chương bách xuyên nhi đồng chí. hối cuồng lan vu ký đảo » : ngăn tröm giòng sông cho chảy xuôi về đồng; cản làn sóng mạnh khi dà dò xuồng. Tröm giòng sông ví với lòng người trong thiên-hạ; làn sóng mạnh ví với những dị đoan.
27	8	宇宙之間	宇宙之間
	30	Trong trắng qui thần...	... trong trắng có qui thần
	35	kháng khít	khăng khít
29	20	cuộc nhẫn	cuộc nhẫn
	23	態惡	態惡
31	3	trù-trưởng	trù-trưởng
"	30	Tnich	Thích
32	15	Trời đất hơi	Trời đất hơi
	16	y chi chi	y chi chi

TRANG	DÒNG	IN LÂM LÀ	XIN SỬA LÀ
"	27	bíết đó là với tình	bíết đó chỉ là với tình
37	4		
38	16	là loại ngựa...	là loài ngựa...
39	5	Bạn y	BẠng y
40	1	rộng rãi	rộng rãi). Có thuyết bát khang trang túc là chính đạo (xem chú ti số 2 trang 274).
"	6	hết kiếp khác	hết kiếp này sang kiếp l
"	9	Ruộng tác	vuông tác
43	35	năm 1845	năm 1854
45	12	cựu đuôi kinh	cưa đuôi kinh
"	20	tay tao	tay tao
46	3	giải xuân ..	giải xuân
"	10	thức khắp	thức nhấp
47	3	chẳng tha	chẳng thà
"	22	nỗi khốn...	nỗi khốn ..
"	25	Chương phủ	chương-phủ
"	26	mù nhà nhỏ	mù nhà nhỏ
48	29	名 程	經 程
50	28	Thường tâm	Thường tâm
54	28	quán bên	quán bên
56	16	đặng Quế	đặng - Quế.
56	3 và 4	của Đường cự nguyên nói về Trương quân Thụy và Thôi Oanh Oanh	của Đường cự-ngh bỏ đoạn dưới)
57	9	Thì mục dã	Thì ở Mục dã
58	4	thuy gia	thùy gia.
61	18	giải bày	giải bày
68	34	掩 空	掩 空
71	26	Lô sa	Lô sao
73	1	là	là
"	2	tái lập	tài lập
74	22	đẹp nước	đẹp nước
75	14	làng ai	làng tai
78	5	Đường-ung	... Đường cung
"	6	Tiêu lạc	Tiêu-lạc
79	19	Trang vương-vương	Tương vương
"	27	khiến động	khích động
82	22	giúp người	giúp đời
"	31	mây cái	mây cái
88	9	oan khuất	oan khuất
"	17	chim	chìm

TRANG	DÒNG	IN LÀM LÀ	XIN SỬA LÀ
204	30	tiếng hể ... nghĩ chính	tiếng thế, ... nghĩ chín
205	2	Thể mà	Thể là
207	4	thì nhà...	thì là nhà ...
209	26	không còn một con	không một con
211	10	làm hòn nó	làm bộ hòn hở
213	12	hát nỗi	hát nốt
214	4		(Theo Vũ ngọc Phan, Nhà văn hiện đại cuốn 1)
222	18	còn đem biếu	còn thi đem biếu
234	7	nhi vị	nhi vị
«	12	解	解
«	19	sở hữu	sở hữu-
		tan hư	ta như
235	24		9 - 3 - 1945
244	1	19 - 3 - 1945	9 - 3 - 1945
«	33	từ ngữ	từ ngữ
245	30	tự phủ nhận	sự phủ nhận
259	35	các khuôn	cái khuôn
261	13	tong nước	trong nước
264	20	mà lại	mà là
272	8	ở đâu mà làm ...	ở đâu mà lại, thuốc kia làm
272	10	kè khác cho ...	kè cho
273	31	Thượng Chi	Thượng-Chi
275	8	khỏi giải quyết...	khỏi phải giải quyết
«	25	及 ... 謂	chữ in ngược
286	1	xét ra những	xét những
«	6	khắc kỷ	khắc kỷ
298	12	華	物 華
301	25	ta có những ...	ta vẫn có những
«	31	劣	in nằm
313	12	xa xả văn	xa xả. Văn
322	31	phiêu diạt	phiêu bạt
333	23	qua bức ...	qua khe cửa bức
338	33	là không	lạ không
341	27	chân giâm	chân giâm
347	13	19 - 5 - 1946	19-5-1945
368	13	Thiêntai	Thiên-Thái

XIN LUU Ý : Vì ấn-công sơ-xuất trong cuốn Việt-văn độc. bản này còn nhiều lỗi chấm câu, không thể ghi trong bảng định chính trên đây xin quý-vị độc-giá rộng lòng tha thứ cho.



In tại :  
**Nhà in RẠNG-ĐÔNG**  
484, Lý-thái-Tô — Saigon

Giá bán bắt buộc 32\$00